HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

# GÓP PHẦN GIỮ VỮNG MẶT TRẬN TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Lan tỏa các bài viết thể loại Tạp chí tại "Cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch" lần thứ hai, năm 2022

LLCT
NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

# GÓP PHẦN GIỮ VỮNG
# MẶT TRẬN TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN
# TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

**Lan tỏa các bài viết thể loại Tạp chí tại**
**"Cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng,**
**đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch"**
**lần thứ hai, năm 2022**

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

# GÓP PHẦN GIỮ VỮNG MẶT TRẬN TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

## Lan tỏa các bài viết thể loại Tạp chí tại "Cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch" lần thứ hai, năm 2022

*(Tái bản lần thứ nhất)*

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

**CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN**

GS, TS Nguyễn Xuân Thắng

**TỔ CHỨC BIÊN SOẠN**

GS, TS Lê Văn Lợi - *Tổ trưởng*

PGS, TS Đinh Ngọc Giang

PGS, TS Phạm Đức Kiên

TS Lê Thị Chiên

TS Trần Minh Văn

ThS Nguyễn Thị Dung

CN Đào Đình Thạo

# LỜI GIỚI THIỆU

"Cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch" lần thứ hai, năm 2022 do Ban Chỉ đạo 35 Trung ương tổ chức, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì chính là sự tiếp nối thành công từ Cuộc thi được tổ chức lần thứ nhất, năm 2021. Mục đích của Cuộc thi không chỉ tiếp tục tuyên truyền, lan tỏa công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đến đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân mà còn phát hiện, bồi dưỡng lực lượng tham gia và tạo nguồn bài phong phú, có chất lượng phục vụ trực tiếp công tác tuyên truyền về nhiệm vụ chính trị quan trọng này.

Với những chủ đề rất phong phú, cách tiếp cận từ nhiều phương diện khác nhau, nhiều tác phẩm thể loại Tạp chí đã tập trung khai thác những vấn đề xoay quanh cả mảng "bảo vệ" và "đấu tranh", "xây" và "chống". Đặc biệt, trong năm 2022, nhiều tác phẩm tập trung khai thác những vấn đề mới, cập nhật, có tính thời sự như các nội dung của Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và các Hội nghị Trung ương; những vấn đề về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phòng, chống dịch Covid-19… và các cuốn sách mới được công bố của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Nhờ đó, các tuyến bài thể loại Tạp chí năm nay đã thể hiện rõ lập trường tư tưởng vững vàng, tư duy lý luận sắc bén và tinh thần trách nhiệm cao của các tác giả tham dự Cuộc thi. Vì thế, *"Góp phần giữ vững mặt trận tư tưởng, lý luận trong giai đoạn hiện nay"* là chủ đề xuyên suốt của các tác phẩm dự thi thể loại Tạp chí năm 2022.

Cuốn sách ***Góp phần giữ vững mặt trận tư tưởng, lý luận trong giai đoạn hiện nay (Lan tỏa các bài viết thể loại Tạp chí tại "Cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch" lần thứ hai, năm 2022)*** được xuất bản với mục đích để tiếp tục tôn vinh, lan tỏa các tác phẩm đạt giải trong "Cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch" lần thứ hai, năm 2022 đồng thời cung cấp nguồn dữ liệu phong phú, có chất lượng về những vấn đề liên quan đến bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và là tài liệu tham khảo hữu ích cho cán bộ, đảng viên, nhân dân mong muốn tham gia Cuộc thi trong những năm tiếp theo.

Trân trọng giới thiệu!

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

*Phần thứ nhất*

# BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

# NHẬN DIỆN VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG ÂM MƯU TÁCH RỜI, ĐỐI LẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN*

***Lý Việt Quang*****

***Tóm tắt:*** Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá rất cao vai trò, tầm vóc của chủ nghĩa Mác-Lênin và luôn khẳng định là một người mácxít-lêninnít. Trong âm mưu, thủ đoạn tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, các thế lực thù địch, phản động đã rất tinh vi, xảo quyệt khi âm mưu tách rời, đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác-Lênin. Đấu tranh phản bác âm mưu này là một việc làm thiết thực để góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

***Từ khóa:*** *Chủ nghĩa Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; nền tảng tư tưởng*

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991) thông qua đã khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"[1]. Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đã minh chứng rằng, nhờ có chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh dẫn đường,

---

* Tác phẩm đạt Giải A

** Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb.Sự thật, H.1991, tr.21.

cách mạng Việt Nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, giành lại độc lập dân tộc và đạt được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn cách mạng cũng cho thấy, chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là hai cấu phần hợp thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và hai yếu tố này có quan hệ hữu cơ với nhau, không thể thiếu một yếu tố nào.

Tuy nhiên, thời gian qua đã xuất hiện một số ý kiến muốn tách rời chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thậm chí còn tìm cách luận giải cho rằng chỉ có tư tưởng Hồ Chí Minh mới phù hợp với cách mạng Việt Nam, còn chủ nghĩa Mác-Lênin là "tư tưởng ngoại lai, xa lạ với truyền thống dân tộc", không phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam và đã bị chối bỏ ở nơi quê hương của nó, "du nhập chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam là một sai lầm lịch sử"[1]; do đó chỉ cần nói đến tư tưởng Hồ Chí Minh và đi đến kết luận võ đoán rằng: "Tư tưởng Hồ Chí Minh đối lập với chủ nghĩa Mác-Lênin"(?). Đây thực chất là một quan điểm sai trái, xuyên tạc về mối quan hệ gắn bó mật thiết, hữu cơ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác-Lênin. Quan điểm này tưởng như là sự đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh, tưởng như là sự khẳng định những công lao, cống hiến của Hồ Chí Minh với đất nước và dân tộc Việt Nam, nhưng thực chất là nhằm tách rời và đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác-Lênin; âm mưu phủ định cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác-Lênin; phủ định thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác-Lênin. Đây là bước đi nhằm tiến tới phủ định bản chất khoa học, cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh.

---

[1] GS, TS Vũ Văn Hiền (Chủ biên): *Một số luận cứ phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2020, t.1, tr.18.

Trên thực tế, các thế lực thù địch, phản động chưa bao giờ từ bỏ âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng thế giới, trong đó nổi lên hiện nay là sự chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Rõ ràng, tư tưởng, văn hóa là mặt trận hết sức gay gắt, quyết liệt của cuộc đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, làm thất bại các âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, phản động. Thực tế cho thấy, đang xuất hiện nhiều hơn những mưu toan kích động, xuyên tạc nhằm "hạ bệ thần tượng", làm nghi ngờ, gây hoang mang, dao động, thậm chí gây chia rẽ, hỗn loạn nhận thức về nền tảng tư tưởng của Đảng trong hàng ngũ những người cộng sản, từ đó dẫn tới mất phương hướng, mâu thuẫn, rối loạn trong tổ chức và chỉ đạo hoạt động thực tiễn, đưa đến những sai lầm, làm mất uy tín, ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng nhân dân và do đó đánh mất vai trò lãnh đạo đối với hệ thống chính trị. Những mưu toan này có lúc công khai, trắng trợn, có lúc tinh vi, xảo quyệt. Việc tuyên truyền, xuyên tạc về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tách rời chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thậm chí cho rằng "tư tưởng Hồ Chí Minh đối lập với chủ nghĩa Mác-Lênin" là một âm mưu rất tinh vi, xảo quyệt, nằm trong những mưu toan đó của các thế lực thù địch, phản động và thực chất không có gì mới. Nhưng vào dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc, đất nước, kỷ niệm thành lập Đảng, hoặc những sự kiện chính trị đặc biệt, thì các quan điểm này lại xuất hiện theo kiểu "bổn cũ soạn lại". Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhận diện và đấu tranh phản bác, làm thất bại những âm mưu, thủ đoạn chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, trong đó có âm mưu tách rời, đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác-Lênin, là công việc mang ý nghĩa hết sức quan trọng và thường xuyên hiện nay.

*Trước hết*, cần phải nhận rõ mưu toan cắt xén và đánh tráo khái niệm của các ý kiến xuyên tạc, tách rời và đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác-Lênin.

Những ý kiến xuyên tạc, âm mưu tách rời và đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, Hồ Chí Minh là một người yêu nước, là một người theo chủ nghĩa dân tộc, chỉ mong muốn làm thế nào để giải phóng đất nước, giành lại độc lập cho dân tộc Việt Nam. Trong khi đó, chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết về đấu tranh giai cấp, là hệ tư tưởng chỉ của riêng giai cấp công nhân, nên đối lập với cả chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa dân tộc mà Hồ Chí Minh theo đuổi. Những ý kiến kiểu này đã cố ý không thấy một thực tế là Hồ Chí Minh không chỉ muốn giải phóng đất nước, giành lại độc lập cho dân tộc, mà quan trọng hơn nữa là phải làm thế nào để toàn thể người dân được hưởng một cuộc sống hạnh phúc, ấm no thực sự sau khi giành được độc lập, như Người đã từng tâm sự: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[1]. Bởi trong quan niệm của Người, "nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"[2]. Người chỉ rõ: "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"[3].

Đó chính là lý do để lý giải vì sao mặc dù đánh giá cao cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp và đúc kết được những kinh nghiệm quý báu từ hai cuộc cách mạng tiêu biểu này trong thời cận đại, nhưng Hồ Chí Minh đã thẳng thắn nêu lên nhận xét về những cuộc cách mạng đó xét về bản chất đều là những cuộc cách mạng "không đến nơi", chỉ mang lại quyền lợi cho một thiểu số người trong xã hội, trong khi đại đa số những người dân lao động vẫn phải chịu cảnh bị áp bức, bóc lột, bất công và

---

[1, 2, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.187; 64; 175.

vẫn phải mưu tính làm cách mạng lần nữa. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã quyết định không lựa chọn con đường cứu nước và phát triển của dân tộc Việt Nam theo hình mẫu của các cuộc cách mạng Mỹ và cách mạng Pháp. Thực tế, như chúng ta đều biết, qua quá trình nghiên cứu, khảo sát nhiều trào lưu tư tưởng chính trị trong hành trình bôn ba nước ngoài, Người đã lựa chọn con đường cách mạng do chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ ra: con đường cách mạng vô sản. Đó là con đường thực hiện độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện ba sự nghiệp giải phóng là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người trong một chỉnh thể thống nhất để thực sự mang lại độc lập, tự do, hạnh phúc triệt để cho tất cả người dân, không phân biệt giàu nghèo, vùng miền, không phân biệt dân tộc đa số hay dân tộc thiểu số, có tôn giáo hay không theo tôn giáo, nam hay nữ,... Nói cách khác, con đường cách mạng vô sản theo ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin đã đáp ứng được yêu cầu giải phóng dân tộc một cách triệt để mà Hồ Chí Minh luôn phấn đấu thực hiện.

Các ý kiến cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh đối lập với chủ nghĩa Mác-Lênin cũng đã đánh tráo khái niệm khi luận giải Hồ Chí Minh đặt vấn đề dân tộc lên trên hết và trước hết, trong khi chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ coi trọng vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp, coi trọng bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân. Như vậy, rõ ràng là tư tưởng Hồ Chí Minh đối lập với chủ nghĩa Mác-Lênin (?).

Đúng là trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, khi giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, Hồ Chí Minh luôn đặt vấn đề dân tộc lên trên hết, trước hết và xác định vấn đề giai cấp phải xếp sau vấn đề dân tộc, phục vụ cho vấn đề dân tộc. Nhưng đây là sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh đối với lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đó là sự quán triệt, vận dụng đúng đắn linh hồn của chủ nghĩa Mác-Lênin - phương pháp luận duy vật biện chứng vào hoàn

cảnh cụ thể của một nước thuộc địa phong kiến như Việt Nam; là sự vận dụng quy luật chung vào hoàn cảnh cụ thể, đặc thù, hết sức sinh động, muôn màu, muôn vẻ của những hiện tượng, quá trình lịch sử riêng biệt. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo đó là cần thiết, đã thể hiện theo đúng lời dặn của V.I.Lênin: "Chúng ta không hề coi lý luận Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống"[1]. Vì vậy, không thể đánh đồng sự vận dụng và phát triển sáng tạo với sự mâu thuẫn, đối lập.

*Thứ hai*, Hồ Chí Minh luôn đánh giá rất cao vai trò, tầm vóc của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh không chỉ trăn trở tìm kiếm lời giải bài toán làm thế nào, bằng cách nào để giành lại nền độc lập của nước nhà, giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách thống trị ngoại bang, mà còn mong muốn tìm ra một hệ tư tưởng làm nền tảng soi sáng cho con đường đi của dân tộc trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng xã hội mới, một triết lý phát triển của dân tộc. Qua những trải nghiệm phong phú trong thực tiễn, khảo sát, phân tích sâu sắc về những trào lưu tư tưởng, những con đường cứu nước của các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh nhận thức rõ rằng đường lối cứu nước, giải phóng và phát triển dân tộc phải được xây dựng trên một nền tảng tư tưởng nhất định thì mới đảm bảo tính nhất quán và sự thông suốt trong cả tư tưởng và hành động của lực lượng cách mạng, trước hết là lực lượng lãnh đạo, từ đó đảm bảo cho sự thành công của sự nghiệp cách mạng. Lực lượng lãnh đạo phải có chủ nghĩa làm cốt và ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy, tức là phải thống nhất quán triệt, vận dụng chủ nghĩa ấy trong quá

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.4, tr.232.

trình vận động và tổ chức sự nghiệp cách mạng thì sự nghiệp đó mới thành công được.

Hồ Chí Minh còn chỉ ra rằng, lực lượng lãnh đạo mà không có chủ nghĩa làm nòng cốt thì cũng giống như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam (la bàn)[1]. Người không có trí khôn thì đương nhiên sẽ không thể có chủ trương, đường lối đúng đắn được; và tàu không có la bàn dẫn đường thì cũng sẽ không thể xác định được hướng đi đúng giữa đại dương mênh mông, bao la.

Nhưng vấn đề còn quan trọng hơn nữa trong thời đại của Hồ Chí Minh là Người xác định, phải lựa chọn đi theo chủ nghĩa nào, học thuyết nào. Bởi lẽ, như Người từng thấy rõ: "bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều". Đó là hệ tư tưởng tư sản, hay hệ tư tưởng vô sản, hoặc nhân danh là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, nhưng thực chất đã bị tha hóa, biến tướng, như chủ nghĩa công liên, nghiệp đoàn vàng, chủ nghĩa xét lại...? Đi theo chủ nghĩa nào, tư tưởng nào là vấn đề hết sức quan trọng đặt ra, buộc phải có sự lựa chọn, cân nhắc cẩn thận, chính xác. Trong bối cảnh phức tạp, tiềm ẩn nhiều "ngõ cụt" đó, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra và tìm đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng tiên tiến nhất, cách mạng nhất và nhân văn nhất của thời đại, trong khi những người Việt Nam khác, dù cũng giàu lòng yêu nước và từng sống nhiều năm ở nước ngoài như các chí sĩ Phan Châu Trinh, luật sư Phan Văn Trường,... nhưng vẫn không nhìn ra được. Người chỉ rõ: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[2]. Đó là sự tổng kết, đúc rút của Hồ Chí Minh từ thực tiễn nghiên cứu, khảo sát phong phú các trào lưu tư tưởng, các phong trào đấu tranh yêu nước, các cuộc cách mạng của các dân tộc khác nhau trên thế giới. Có thể nói chặng đường mà Hồ Chí Minh đã đi để đến với chủ nghĩa

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.2, tr.289; 289.

Mác-Lênin là "chặng đường chiến thắng biết bao khó khăn với sự lựa chọn vững chắc, tránh được những sai lầm dẫn tới ngõ cụt"[1].

Sau này, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhiều lần Hồ Chí Minh khẳng định vai trò hết sức quan trọng của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam. Với nhiều cách thức diễn đạt khác nhau, Người đã chỉ ra vai trò nền tảng tư tưởng, dẫn đường của chủ nghĩa Mác-Lênin: "chủ nghĩa Mác-Lênin làm gốc"[2]; "chủ nghĩa Mác-Lênin là kim chỉ nam cho hành động"[3]; "chủ nghĩa Mác-Lênin là chủ nghĩa cách mạng và khoa học nhất"[4]; chủ nghĩa Mác-Lênin "không những là cái "cẩm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"[5]...

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, việc hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là yêu cầu, điều kiện không thể thiếu để Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên hoàn thành vai trò, nhiệm vụ được giao. Với tổ chức đảng, Người chỉ ra rằng: "Đảng ta là Đảng lãnh đạo. Muốn lãnh đạo được phải hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin"[6]. Với mỗi cán bộ, đảng viên, Người nêu rõ: "Có học tập lý luận Mác-Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình"[7]. Người nhắc nhở: "hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin tức là cách mạng phân công cho việc gì, làm Chủ tịch nước hay nấu ăn, đều phải làm tròn nhiệm vụ"[8].

---

[1] *Ho Chi Minh - Notrue camrade, Introduction historique de Charles Fourniau, editon sociales*, Paris, 1970, dẫn theo Phan Ngọc Liên: *Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2008, tr.178.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.6, tr.359.

[3, 4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.7, tr.120; 414.

[5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.563.

[6] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.76.

[7] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.611.

[8] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.668.

Đặc biệt, với trái tim nhân văn sâu sắc, Hồ Chí Minh đã nêu lên quan niệm hết sức độc đáo về vai trò quan trọng của chủ nghĩa Mác-Lênin, đó là giúp nhân lên những giá trị tích cực trong mỗi người, cộng đồng và xã hội: "Hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin được"[1].

Đánh giá rất cao vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng nhắc nhở các cán bộ, đảng viên phải biết vận dụng đúng đắn và phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể, tránh căn bệnh máy móc, giáo điều. Người chỉ rõ: "Học tập chủ nghĩa Mác-Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn"[2].

*Thứ ba,* Hồ Chí Minh luôn nhất quán khẳng định bản thân là một người mácxít-lêninnít.

Tháng 7-1920, khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin, Hồ Chí Minh đã hết sức xúc động. Sau này, Người có tâm sự về thời điểm đặc biệt đó: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!". Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"[3].

Trên nền tảng lý luận khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã từ một người yêu nước nhiệt thành trở

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.668.
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.611.
[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.562.

thành người cộng sản chân chính, đã tìm ra con đường đi đúng đắn cho bản thân và con đường giải phóng, phát triển chính xác, phù hợp với lịch sử và thời đại của dân tộc. Đó là con đường dựa chủ yếu vào sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết của toàn thể quốc dân đồng bào, đồng thời tích cực tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để đánh đuổi giặc ngoại xâm, đi tới xây dựng một xã hội mới mang lại độc lập, tự do, hạnh phúc, ấm no thực sự cho tất cả mọi người dân, một xã hội không còn áp bức, bất công, thực hiện giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng con người, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó chính là con đường phát triển khoa học, cách mạng triệt để và nhân văn sâu sắc. Thực tế lịch sử dân tộc cho thấy con đường này đã được dân tộc lựa chọn, ủng hộ và tin theo. Đúng như Đảng đã khẳng định: "Với tấm lòng yêu nước nồng nàn, HỒ CHỦ TỊCH đã sớm đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin ánh sáng soi đường cứu dân, cứu nước"[1].

Cũng chính trên nền tảng lý luận khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, đặc biệt là phương pháp luận duy vật biện chứng, với trí tuệ lỗi lạc và tư duy lý luận sắc sảo, thấm đẫm thực tiễn phong phú, Hồ Chí Minh đã xây dựng nên hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó hạt nhân cốt lõi, sợi chỉ đỏ xuyên suốt là tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh đã hoàn thành xuất sắc không chỉ vai trò là người tìm đường, mà còn cả vai trò người mở đường và dẫn đường, trở thành vị lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của dân tộc Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất. Đồng thời, với những hoạt động, cống hiến hết sức phong phú trên nền tảng phương

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2004, t.30, tr.275.

pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh cũng trở thành người chiến sĩ quốc tế lỗi lạc trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân tiến bộ trên thế giới, đã "góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. ... những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hóa của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc"[1].

Tháng 7-1946, ngay tại thủ đô Pari (Pháp), trên cương vị nguyên thủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang thăm nước Cộng hòa Pháp, Hồ Chí Minh đã thẳng thắn trả lời các nhà báo quốc tế: "Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác"[2].

Chỉ một thời gian ngắn trước khi qua đời, trong bài trả lời phỏng vấn của nhà báo Pháp Sáclơ Phuốcniô (15-7-1969), Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: "Lúc đầu, chính là do chủ nghĩa yêu nước mà tôi tin theo Lênin. Rồi, từng bước một, tôi đi đến kết luận là chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"[3]. Nêu lên những thắng lợi của nhân dân Việt Nam từ khi Đảng ra đời và lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không phải chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh Lênin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác-Lênin"[4].

---

[1] Nghị quyết số 24C/18.6.5 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1987), dẫn theo GS, TS Mạch Quang Thắng - PGS, TS Bùi Đình Phong - TS Chu Đức Tính (Đồng chủ biên): *UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2013, tr.71-72.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.315.

[3, 4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.588; 590.

Trọn cuộc đời, Hồ Chí Minh đã phấn đấu theo lý tưởng cách mạng, khoa học, nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và là tấm gương mẫu mực về sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, đã mang lại những thành công cho cách mạng Việt Nam và đưa dân tộc Việt Nam đến những thành tựu như hiện nay. Chính trên tinh thần đó, từ những bài học của cách mạng Việt Nam, đặc biệt là qua hơn 35 năm đổi mới và hơn 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021) đã nhấn mạnh một trong những tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là "phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh"[1]. Đây là một vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động.

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.33.

# PHẢN BÁC LUẬN ĐIỆU XUYÊN TẠC, VU KHỐNG CHỦ NGHĨA MÁC "BỎ RƠI" CON NGƯỜI*

*Trần Văn Phòng***

***Tóm tắt:*** Bài viết phân tích, chứng minh luận điểm cho rằng chủ nghĩa Mác "bỏ rơi" con người là sự xuyên tạc, vu khống trắng trợn, không có căn cứ. Bởi lẽ, chủ nghĩa Mác ra đời là nhằm mục tiêu giải phóng con người khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức, bóc lột. Để giải phóng con người, chủ nghĩa Mác xuất phát từ con người hiện thực, đang sống, lao động, hoạt động thực tiễn; C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề ra giải pháp hiện thực để thực hiện mục tiêu giải phóng con người. Chủ nghĩa Mác không tuyệt đối hóa con người xã hội, luôn xem con người trong sự thống nhất giữa sinh học - xã hội.

***Từ khóa:*** *Chủ nghĩa Mác; giải phóng con người; luận điệu xuyên tạc, vu khống*

Kể từ khi chủ nghĩa Mác ra đời năm 1848 đến nay, đã xuất hiện nhiều luận điệu xuyên tạc, vu khống chủ nghĩa Mác, trong đó có luận điệu cho rằng chủ nghĩa Mác đã "bỏ rơi" con người, cố tình quên con người, chỉ quan tâm đến con người giai cấp, con người chính trị mà thôi. Thậm chí J.P.Sartre còn cho rằng, cần phải bổ sung chủ nghĩa Mác bằng chủ nghĩa hiện sinh, dùng chủ nghĩa hiện sinh để bổ sung những thiếu hụt trong chủ nghĩa Mác về con người. Nhưng thực tế đã chứng tỏ, cả về phương diện lý luận, cả về phương diện thực tiễn thì

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa nhân văn vì con người nhất, cho con người nhất. Có thể khẳng định chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa nhân đạo triệt để nhất. Điều này thể hiện ở những điểm cơ bản sau:

*Một là, chủ nghĩa Mác ra đời là nhằm mục tiêu giải phóng con người khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức, bóc lột.*

Ngay từ năm 1844, C.Mác đã phê phán các nhà kinh tế học đương thời vì họ "coi người công nhân chỉ là một súc vật lao động, chỉ là một con vật mà nhu cầu được quy thành những nhu cầu thể xác thiết yếu nhất mà thôi"[1]. Đồng thời C.Mác cho rằng: "Chủ nghĩa cộng sản với tính cách là sự xóa bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu - sự tự tha hóa ấy của con người - và do đó với tính cách là sự chiếm hữu một cách thực sự bản chất con người bởi con người và vì con người"[2]. Theo C.Mác, đây mới là chủ nghĩa cộng sản đích thực. Ở đây, C.Mác gọi chủ nghĩa cộng sản là "chủ nghĩa tự nhiên hoàn bị"[3]. Như vậy là chủ nghĩa cộng sản - "chủ nghĩa tự nhiên hoàn bị" - có nhiệm vụ giải phóng con người bằng cách đưa lại cho con người bản chất đích thực của con người. Cũng trong Lời nói đầu tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, C.Mác đã kêu gọi phải đập tan, xóa bỏ mọi quan hệ nô dịch con người. Ông viết: "*Người là sinh vật tối cao đối với con người, do đó*, dẫn đến cái mệnh lệnh tuyệt đối đòi phải lật đổ tất cả những quan hệ trong đó con người là một sinh vật bị làm nhục, bị nô dịch, bất lực, bị khinh rẻ"[4]. Ở một đoạn khác trong tác phẩm này, ông khẳng định lại "bản thân con người là bản chất tối cao của con người"[5]. Điều này được thể hiện rõ hơn trong một đoạn khác của tác phẩm: "Sự giải phóng duy nhất *thực tiễn* có thể có của nước Đức là sự giải phóng theo quan điểm của *cái* lý luận tuyên bố bản thân

---

[1, 2, 3] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2000, t.42, tr.83; 167; 167.

[4, 5] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.1, tr.581; 589.

con người là bản chất tối cao của con người"[1]. Nghĩa là con người là bản chất tối cao của chính mình. Vì vậy, phải giải phóng con người khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức con người.

Từ rất sớm, C.Mác đã đề cao việc giải phóng con người. Tư tưởng giải phóng con người được thể hiện rõ nhất trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, khi C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định: "Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác"[2]. Trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, "Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xóa bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay...", "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"[3]. Sở dĩ, C.Mác và Ph.Ăngghen có tư tưởng nhân đạo giải phóng con người là bởi các ông vốn có tình yêu thương con người, trước hết là người lao động và tìm cách để giải phóng họ. Với C.Mác, khi mới hơn 17 tuổi, trong bài luận văn thi tốt nghiệp trường trung học ông đã viết: "Nếu con người làm việc chỉ vì bản thân mình thì may ra có thể trở thành một nhà bác học nổi tiếng, một nhà thông thái vĩ đại, một nhà thơ ưu tú, nhưng không bao giờ có thể trở thành con người thực sự hoàn thiện và vĩ đại. Nếu ta chọn một nghề trong đó ta có thể làm việc được nhiều hơn cho nhân loại, thì ta sẽ không còng lưng dưới gánh nặng của nó, bởi vì đó là sự hy sinh vì mọi người"[4].

Với Ph.Ăngghen cũng vậy, mặc dù sinh ra trong một gia đình chủ xưởng dệt, thuộc tầng lớp trên, nhưng ông đã hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.1, tr.589.

[2, 3] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.4, tr.618; 628.

[4] Elêna Ilina: *Tuổi trẻ Các Mác*, Nxb.Thanh niên, H.1978, tr.110.

nhân dân lao động khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức, bóc lột. Chỉ với sự hiểu và cảm thông sâu sắc với những người lao động thì mới viết được những dòng như sau: "Nhưng cái đói thì như thế nào, nó đắng hay ngọt, điều đó đâu có liên quan tới nhà nước; nhà nước ném những kẻ bị đói này vào các nhà tù của mình hoặc đẩy họ đến những trại giam phạm nhân, còn khi nhà nước thả họ ra khỏi nhà tù và trại giam, thì nhà nước có thể hài lòng nhìn thấy thành quả đã đạt được: nhà nước đã biến những con người bị tước mất bánh mỳ thành những con người bị tước mất cả đạo đức nữa"[1].

Rõ ràng, cả C.Mác và Ph.Ăngghen ngay từ rất sớm cho đến lúc lìa xa cuộc đời luôn phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng con người, trước hết là giải phóng người lao động khỏi bất công, áp bức, bóc lột. Cũng vì vậy mà chủ nghĩa Mác không có mục tiêu nào khác ngoài mục tiêu giải phóng con người. Thực tiễn 175 năm qua của chủ nghĩa Mác đã chứng tỏ rất rõ mục tiêu này.

*Hai là, để giải phóng con người, chủ nghĩa Mác xuất phát từ con người hiện thực, đang sống, đang lao động, hoạt động thực tiễn.*

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, để giải phóng được con người thì phải xuất phát từ con người hiện thực, con người với tư cách là tiền đề của lịch sử, "Những tiền đề xuất phát của chúng tôi không phải là những tiền đề tùy tiện, không phải là giáo điều; đó là những tiền đề hiện thực mà người ta chỉ có thể bỏ qua trong trí tưởng tượng thôi. Đó là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, những điều kiện mà họ thấy có sẵn cũng như những điều kiện do hoạt động của chính họ tạo ra..."[2]; "Tiền đề đầu tiên của toàn bộ lịch sử nhân loại thì dĩ nhiên là sự tồn tại của

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.1, tr.698.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.3, tr.28-29.

những cá nhân con người sống"[1]. Cách xem xét này bắt đầu từ những tiền đề hiện thực, là những cá nhân hiện thực với những hoạt động hiện thực của họ. C.Mác, Ph.Ăngghen bắt đầu từ con người chứ không phải "bỏ rơi" con người như những luận điệu xuyên tạc, vu khống.

Nhưng quan niệm về con người của C.Mác, Ph.Ăngghen khác với quan điểm của phái Hêghen trẻ cũng như quan điểm của Phoiơbắc ở chỗ, con người với tư cách là tiền đề của lịch sử nhưng lại là con người hiện thực. Còn phái Hêghen trẻ lại xem xét con người về mặt ý thức - con người là một thực thể tự ý thức. Vì thế, họ xem quá trình lịch sử xã hội như là quá trình tự ý thức của con người và được biểu hiện ra ở mặt ý thức, tinh thần của xã hội. Phoiơbắc xem xét con người theo quan điểm duy vật, con người bằng xương, bằng thịt, muốn tìm bản chất con người trong đời sống vật chất, trong sự tồn tại trong môi trường của nó. Nhưng vì chưa thoát khỏi tính trừu tượng về con người, chỉ dừng lại ở mặt tự nhiên của con người (những tình cảm mang tính tộc loại, cố hữu, vốn có để phân biệt với con vật) chứ không coi đó là sản phẩm của lịch sử, xã hội nên Phoiơbắc không thấy sự biến đổi của con người trong lịch sử xã hội.

Từ đó, C.Mác, Ph.Ăngghen cũng chỉ ra sự khác nhau giữa triết học của các ông với triết học Đức đương thời. C.Mác, Ph.Ăngghen viết: "Hoàn toàn trái với triết học Đức là triết học từ trên trời đi xuống đất, ở đây chúng ta từ dưới đất đi lên trời, tức là chúng ta không xuất phát từ những điều mà con người nói, tưởng tượng, hình dung, chúng ta cũng không xuất phát từ những con người chỉ tồn tại trong lời nói, trong ý nghĩ, trong tưởng tượng, trong biểu tượng của người khác, để từ đó mà đi tới những con người bằng xương bằng thịt; không, chúng ta xuất phát từ những con người đang hành động, hiện thực và chính là cũng xuất phát từ quá trình đời sống hiện thực của họ mà chúng ta mô

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.3, tr.29.

tả sự phát triển của những phản ánh tư tưởng và tiếng vang tư tưởng của quá trình đời sống ấy"[1].

Khác với triết học Đức "hoàn toàn không có tiền đề gì cả", triết học Mác xuất phát từ tiền đề hiện thực: "Cách xem xét này không phải không có tiền đề. Nó xuất phát từ những tiền đề hiện thực và không phút nào xa rời những tiền đề ấy. Những tiền đề ấy là những con người, không phải những con người ở trong một tình trạng biệt lập và cố định tưởng tượng mà là những con người trong quá trình phát triển - quá trình phát triển hiện thực và có thể thấy được bằng kinh nghiệm - của họ dưới những điều kiện nhất định"[2]. Điều này càng chứng tỏ rằng chủ nghĩa Mác đã xuất phát từ con người hiện thực nhằm giải quyết những vấn đề của chính con người mà trọng tâm là giải phóng con người. Do vậy, chủ nghĩa Mác không hề xa lạ với con người, không hề "bỏ rơi" con người như vẫn bị xuyên tạc.

*Ba là, để giải phóng con người, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề ra giải pháp hiện thực để thực hiện mục tiêu này.*

Chúng ta đều rõ, C.Mác và Ph.Ăngghen không phải là những người đầu tiên sáng lập ra chủ nghĩa nhân văn, giải phóng con người. Nhưng khác với các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng và trào lưu tư tưởng nhân văn khác, C.Mác và Ph.Ăngghen không chỉ mong muốn giải phóng con người khỏi nô dịch, áp bức, bóc lột mà còn chỉ ra con đường, biện pháp, cách thức hiện thực để giải phóng họ trên thực tế.

Xanhximông đã có một tầm mắt thiên tài, quan điểm của ông chứa đựng mầm mống của hầu hết những tư tưởng của những nhà xã hội chủ nghĩa sau này, còn Phuriê lại phê phán đối với chế độ xã hội đương thời với một sự hóm hỉnh, thông minh, sâu sắc. Phuriê tóm lấy lời nói của giai cấp tư sản, của bọn tiên tri cổ vũ cho giai cấp đó trước cách mạng và của bọn xu nịnh bị mua chuộc sau cách mạng. Ông

---

[1, 2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.3, tr.37-38; 38.

thẳng tay vạch trần sự nghèo nàn về vật chất và tinh thần của thế giới tư sản và đem nó đối chiếu với những hứa hẹn hấp dẫn của các nhà khai sáng về một xã hội trong đó chỉ có lý tính thống trị và con người được giải phóng[1].

Với Ôoen, từ năm 1800 đến năm 1829, ông đã điều khiển một xưởng kéo sợi từ 500 công nhân lên đến 2.500 công nhân và làm cho những công nhân này thành những cư dân kiểu mẫu. Ông đã làm cho công nhân đúng phẩm cách con người; lập trường mẫu giáo cho trẻ em là con công nhân từ 2 tuổi trở lên; lao động không quá 10 giờ rưỡi /ngày, trong khi đó những nơi cạnh tranh với ông bắt công nhân làm việc từ 13-14h/ngày[2]... Những điều đó vẫn chưa làm cho Ôoen hài lòng, sau nhiều năm cố gắng, vào năm 1819, ông đã thông qua được đạo luật đầu tiên hạn chế lao động của phụ nữ và trẻ em trong các công xưởng, ông còn tổ chức ra các hợp tác xã tiêu dùng, chủ tọa đại hội đầu tiên thành lập tổng công hội[3].

Tuy nhiên, cả Xanhximông, Phuriê và Ôoen đều không đưa ra được những giải pháp hiện thực, triệt để giải phóng người lao động. Khác và hơn hẳn với các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng này, C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận chứng một cách khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và tuyên bố đây là lực lượng đào huyệt chôn giai cấp tư sản, xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng một xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản thể hiện:

*Thứ nhất*, lật đổ giai cấp tư sản, tổ chức thành giai cấp thống trị: "Giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản"[4]; "Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức

---

[1, 2, 3, 4] Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.20, tr.360-361; 363; 366; 366.

thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất"[1].

*Thứ hai*, xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới: "Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả, họ phải phá hủy hết thảy những cái gì, từ trước đến nay, vẫn bảo đảm và bảo vệ chế độ tư hữu" và "làm nổ tung toàn bộ cái thượng tầng kiến trúc bao gồm những tầng lớp cấu thành xã hội quan phương"[2].

*Thứ ba*, giải phóng toàn xã hội khỏi ách áp bức, bóc lột. "Giai cấp vô sản không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức khỏi tình trạng phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp"[3]. Con đường để thực hiện sứ mệnh lịch sử đó là bạo lực cách mạng.

Như vậy là chủ nghĩa Mác không chỉ đề ra mục tiêu giải phóng con người mà còn đề ra con đường, biện pháp để giải phóng triệt để con người trên thực tế. Với chủ nghĩa Mác, con người được giải phóng, được tự do phát triển toàn diện - đây là một trong những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa và cũng là mục tiêu nhân văn cao cả triệt để của chủ nghĩa Mác. Do đó, nói chủ nghĩa Mác "bỏ rơi" con người là một sự vu khống, xuyên tạc trắng trợn.

*Bốn là, chủ nghĩa Mác không tuyệt đối hóa con người xã hội, luôn xem con người trong sự thống nhất giữa sinh học - xã hội.*

Ngay từ trong *Bản thảo kinh tế triết học* năm 1844, C.Mác đã chỉ rõ: "Giới tự nhiên... là thân thể vô cơ của con người"[4]; "Con người

---

[1, 2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.4, tr.626; 611.

[3] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.21, tr.523.

[4] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2000, t.42, tr.135.

trực tiếp là thực thể tự nhiên"[1]; "Bản chất con người của tự nhiên chỉ tồn tại đối với con người xã hội"[2]. Nghĩa là con người không thể tồn tại thiếu mặt tự nhiên, sinh học. Mặt tự nhiên, sinh học như là tiền đề hiển nhiên trong con người. Trong *Luận cương về Phoiơbắc*, khi khẳng định: "Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội"[3], C.Mác muốn nói tới bản chất xã hội của con người vì bản thân Phoiơbắc là người đã xem xét con người sinh học khá hoàn chỉnh nhưng chưa thấy con người xã hội - con người xã hội chỉ được Phoiơbắc xem dưới bản chất tôn giáo. Đúng như C.Mác đã chỉ ra "Phoiơbắc hòa tan bản chất tôn giáo vào bản chất con người"[4]. Tuy nhiên, "Phoiơbắc không thấy rằng bản thân "tình cảm tôn giáo" cũng là *một sản phẩm xã hội* và cá nhân trừu tượng mà ông phân tích, trên thực tế, là thuộc một hình thức xã hội nhất định"[5]. Điều này cho thấy, khi kế thừa Phoiơbắc, C.Mác đã tiếp thu có phê phán Phoiơbắc không xem xét mặt xã hội của con người mà chỉ xem xét mặt sinh học đơn thuần. Điều này chứng tỏ C.Mác không xem con người chỉ có mặt xã hội đơn thuần và càng không thể khẳng định C.Mác tách mặt xã hội khỏi mặt sinh học, tự nhiên. Những ai khẳng định như vậy rõ ràng là không hiểu C.Mác hoặc cố tình vu khống C.Mác. Không phải ngẫu nhiên mà trong *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "Người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể "làm ra lịch sử". Nhưng muốn sống được thì trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo, và một vài thứ khác nữa"[6]. Sau này trong Điếu văn đọc trước mộ C.Mác thì Ph.Ăngghen có nhắc lại điều này: "cái sự thật giản đơn đã bị những tầng tầng lớp lớp tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay là: con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật,

---

[1, 2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2000, t.42, tr.232; 170.

[3, 4, 5, 6] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.3, tr.11; 11; 11; 40.

tôn giáo và v.v.. được; vì vậy, việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp và chính, mỗi một giai đoạn phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại tạo ra một cơ sở, từ đó mà người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan điểm pháp quyền, nghệ thuật và thậm chí cả những quan niệm tôn giáo của con người ta, cho nên phải xuất phát từ cơ sở đó mà giải thích những cái này, chứ không phải ngược lại, như từ trước đến nay người ta đã làm"[1].

Rõ ràng, con người cần phải có thức ăn, đồ uống, nhà ở, quần áo, v.v.. rồi mới làm nên lịch sử của mình. Thức ăn, đồ uống, nhà ở, quần áo, v.v.. là những nhu cầu hiển nhiên của con người không cần phải nhắc, chứ không phải C.Mác và Ph.Ăngghen không quan tâm tới khía cạnh sinh học của con người. Mặt sinh học của con người, theo C.Mác còn thể hiện ở chỗ: "Về mặt thể xác, con người chỉ sống bằng những sản phẩm tự nhiên ấy, dù là dưới hình thức thực phẩm, nhiên liệu, áo quần, nhà ở, v.v.. Về mặt thực tiễn, tính phổ biến của con người biểu hiện ra chính ở cái tính phổ biến toàn bộ giới tự nhiên thành thân thể vô cơ của con người, vì thứ nhất, giới tự nhiên là tư liệu sinh sống trực tiếp đối với con người, và thứ hai, giới tự nhiên là vật liệu, đối tượng và công cụ của hoạt động sinh sống của con người. Giới tự nhiên - cụ thể là cái giới tự nhiên trong chừng mực nó không phải là thân thể của con người - là thân thể vô cơ của con người. Con người sống bằng giới tự nhiên..., vì con người là một bộ phận của giới tự nhiên"[2]. Vì vậy, giống như các loài động vật khác, con người chịu sự quy định của các quy luật tự nhiên. Nhưng con người khác con vật, "Con vật đồng nhất trực tiếp với hoạt động sinh sống của nó. Nó không tự phân biệt nó với hoạt động sinh sống của nó. Nó là hoạt động sinh sống ấy. Còn

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.19, tr.500.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2000, t.42, tr.135.

con người thì làm cho bản thân hoạt động sinh sống của mình trở thành đối tượng của ý chí và ý thức của mình. Hoạt động sinh sống của con người là hoạt động sinh sống có ý thức"[1]. Đúng như trong *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen đã viết: "Thú vật cũng có một lịch sử, chính là lịch sử nguồn gốc của chúng và lịch sử phát triển dần dần của chúng cho tới trạng thái hiện nay của chúng. Nhưng lịch sử ấy không phải do chúng làm ra và trong chừng mực mà chúng có tham dự vào việc làm ra lịch sử ấy thì điều đó diễn ra mà chúng không hề biết và không phải do ý muốn của chúng. Ngược lại, con người càng cách xa con vật, hiểu theo nghĩa hẹp của từ này bao nhiêu thì con người lại càng tự mình làm ra lịch sử của mình một cách có ý thức bấy nhiêu"[2]. Ph.Ăngghen cũng đã từng khẳng định: "Con người làm ra lịch sử của mình - vô luận là lịch sử này diễn ra như thế nào"[3]. Do vậy, ngoài việc chịu sự quy định của các quy luật tự nhiên, con người còn chịu sự tác động của các quy luật xã hội và quy luật của tâm lý, ý thức. Hơn nữa, con người không chỉ là chủ thể sáng tạo ra lịch sử của mình mà còn là sản phẩm của sự phát triển xã hội nữa "... con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy"[4].

Tất nhiên, các quy luật tự nhiên, xã hội, tâm lý và ý thức tác động tới con người một cách đan xen chứ không riêng rẽ. Giữa mặt sinh học và mặt xã hội trong con người cũng thống nhất hữu cơ không tách rời nhau. Sự thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội của con người

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2000, t.42. tr.136.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.20, tr.476.

[3] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1994, t.21, tr.436.

[4] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.3, tr.55.

không phải là sự thống nhất trong sự tồn tại cô lập của các cá thể người, mà là sự thống nhất được biểu hiện ra trong đời sống hiện thực, trong hoạt động sinh sống con người. Do vậy, cái sinh học trong con người không còn đơn thuần là sinh học thuần túy nữa mà đã mang tính xã hội và cái xã hội trong con người phải dựa trên tiền đề, cơ sở sinh học, phù hợp với nền tảng sinh học thì mới phát triển. Cơ sở của sự thống nhất giữa mặt sinh vật và mặt xã hội là lao động. Chính vì vậy, Ph.Ăngghen đã khẳng định: "Các nhà kinh tế chính trị khẳng định rằng lao động là nguồn gốc của mọi của cải... Nhưng lao động còn là một cái gì vô cùng lớn lao hơn thế nữa. Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức và trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: lao động đã sáng tạo ra bản thân con người"[1]. Do vậy, cách tiếp cận của chủ nghĩa Mác về con người không bao giờ tách biệt mặt sinh học với mặt xã hội. Những ai cho rằng chủ nghĩa Mác chỉ thấy con người xã hội, con người giai cấp, không quan tâm đến con người sinh học là không có căn cứ và là một sự xuyên tạc, vu khống trắng trợn hoặc cố tình không chịu hiểu chủ nghĩa Mác.

Quán triệt nguyên tắc kiên định và vận dụng, bổ sung phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam sau 35 năm đổi mới đã đạt nhiều thành tựu trong giải phóng con người Việt Nam. Cùng với phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, môi trường thì ''Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần ba lần. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 73,7 tuổi năm 2020. Cũng nhờ kinh tế có bước phát triển nên chúng ta đã có điều kiện để chăm sóc tốt hơn những người có công, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.20, tr.641.

phần mộ của các liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc"[1]; "Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển"[2]. Đó cũng là một minh chứng sống cho thấy đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, con người luôn là trung tâm quan tâm, chăm sóc của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.32.

[2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.32-33.

# ĐẬP TAN LUẬN ĐIỆU XUYÊN TẠC "CHỦ NGHĨA MÁC BỎ RƠI VẤN ĐỀ CON NGƯỜI NÊN THIẾU TÍNH NHÂN VĂN, NHÂN BẢN"*

***Đinh Văn Thụy*****

***Tóm tắt:*** Trên cơ sở chứng minh tinh thần nhân văn, nhân bản của Học thuyết Mác, tác giả bài viết bác bỏ luận điệu của những thế lực thù địch, phản động cho rằng: "Học thuyết của C.Mác, Ph.Ăngghen bỏ rơi vấn đề con người nên thiếu tính nhân văn, nhân bản".

***Từ khóa:*** *Chủ nghĩa Mác; nhân văn; nhân bản*

## 1. Luận điệu chống phá của các thế lực thù địch, phản động

Trong mấy chục năm qua, lực lượng thù địch chống phá Đảng ta, nhân dân ta trên nhiều phương diện, nhiều mặt trận, trong đó chúng đặc biệt chú trọng vào việc phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, đó là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt là sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã, việc phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin càng được các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh. Một trong những thủ đoạn chúng dùng để phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin là xuyên tạc một vài quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, từ đó phủ nhận toàn bộ giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin. Tiếp đó chúng rêu rao rằng, việc Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng là sai lầm, nhằm hạ uy tín của Đảng và sâu xa hơn nữa là đòi phế truất vai trò lãnh đạo của Đảng, gây bất ổn về chính trị - xã hội ở Việt Nam.

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động đang tuyên truyền rằng, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ bàn về kinh tế, chính trị, chuyên chính, bạo lực..., bỏ rơi vấn đề con người, nên học thuyết Mác thiếu tính nhân văn, nhân bản của một học thuyết xã hội. Để minh chứng cho luận điệu trên, các thế lực thù địch viện dẫn ra một số tác phẩm có tựa đề về kinh tế, chính trị, chuyên chính, đấu tranh, bạo lực như: *Tư bản, Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848-1850, Nội chiến ở Pháp*... của C.Mác hay *Lược khảo phê phán khoa kinh tế chính trị; Bàn về quyền uy; Lý luận về bạo lực*... của Ph.Ăngghen. Ngoài ra, chúng còn trích dẫn một cách xuyên tạc các luận điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen bàn về chuyên chính, đấu tranh, bạo lực... trong các tác phẩm để minh chứng cho luận điệu trên của mình.

Có thể thấy các thế lực thù địch, phản động đã dùng thủ đoạn phủ nhận cái bộ phận để phủ nhận cái toàn bộ. Cụ thể ở đây là phủ nhận Học thuyết của C.Mác và Ph.Ăngghen (còn gọi là học thuyết Mác, hay chủ nghĩa Mác) để phủ nhận toàn bộ chủ nghĩa Mác-Lênin, tiến tới phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng. Với thủ đoạn như vậy, các thế lực thù địch, phản động đã làm cho một bộ phận quần chúng nhân dân trên thế giới, đặc biệt là những người chưa hiểu bản chất của chủ nghĩa Mác nghi ngờ, phủ nhận tính đúng đắn và khoa học của chủ nghĩa Mác. Đồng thời, thủ đoạn xuyên tạc đó cũng làm cho một số người dân Việt Nam dao động, suy giảm niềm tin vào nền tảng tư tưởng của Đảng dẫn tới suy giảm niềm tin vào Đảng. Do đó, việc đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận học thuyết Mác, chủ nghĩa Mác của các thế lực thù địch để bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ chân lý khách quan là hết sức cấp bách.

**2. Đấu tranh phản bác luận điệu của các thế lực thù địch, phản động**

Để xem xét một học thuyết có mang tính nhân văn, nhân bản hay không cần xem xét hai vấn đề: nhân sinh quan của những người sáng lập

ra học thuyết có mang tính nhân văn, nhân bản hay không và các quan điểm trong học thuyết đó có hàm chứa giá trị nhân văn, nhân bản hay không. Đối với C.Mác và Ph.Ăngghen, cả hai vấn đề trên là rõ ràng.

*Một là, nhân sinh quan, lý tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen thể hiện tính nhân văn, nhân bản sâu sắc.*

Là những người sáng lập chủ nghĩa Mác, C.Mác và Ph.Ăngghen đều có chung một đặc điểm là hình thành nhân sinh quan tích cực, tốt đẹp ngay từ khi còn trẻ.

Với C.Mác, nhân sinh quan, lý tưởng tốt đẹp đã hình thành từ rất sớm trong cuộc đời, ngay từ năm 1835 (lúc C.Mác mới 17 tuổi). Trong bài luận văn tốt nghiệp trường trung học với tựa đề *Những suy nghĩ của một chàng trai trong việc lựa chọn nghề nghiệp*, C.Mác đã viết: "*Nếu con người chỉ lao động cho bản thân mình thì... không bao giờ người đó có thể trở thành một người thật sự hoàn thiện và vĩ đại... Nếu chúng ta đã chọn một nghề mà trong đó chúng ta có thể lao động nhiều nhất cho loài người thì chúng ta sẽ không cúi đầu, vằn lưng dưới gánh nặng của nó, bởi gánh nặng ấy là sự hy sinh vì mọi người; khi ấy điều chúng ta cảm nhận được không phải là một niềm vui thảm hại, hạn hẹp, vị kỷ, mà niềm hạnh phúc của chúng ta sẽ thuộc về hàng triệu người*"[1]. Điều đó cho thấy, C.Mác đã sớm xác định mục tiêu, lý tưởng của đời mình là phục vụ nhân loại, là sẵn sàng hy sinh vì cộng đồng, xã hội. Khi hành động theo lý tưởng tốt đẹp thì hành động đó không còn là gánh nặng, mà ngược lại sẽ tìm thấy được niềm vui, hạnh phúc. Theo C.Mác, người hạnh phúc nhất là người đem lại hạnh phúc cho nhiều người nhất. Chỉ có người giàu tình yêu thương đồng loại, luôn quan tâm đến con người, đến cộng đồng xã hội một cách vô tư, trong sáng, không vị kỷ mới viết được những lời tâm huyết mang tính nhân văn, nhân bản sâu sắc như vậy.

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2000, t.40, tr.18.

Ph.Ăngghen vốn là con một nhà tư sản. Khi ở Anh, ở tuổi 22, ngoài giờ làm việc, Ph.Ăngghen thường đi thăm các khu nhà ở của người lao động, nên hiểu rõ về nhân dân lao động; trên cơ sở đó, ông đã viết các tác phẩm như *Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh; Tình cảnh nước Anh, Hiến pháp Anh*... Trong các tác phẩm này, ông đã đánh giá vai trò to lớn của người lao động đối với sự phát triển xã hội - "những người mà trí sáng tạo và bàn tay lao động đã làm nên sự vĩ đại của Anh"[1]. Đồng thời, Ph.Ăngghen cũng nhận thấy thực tế đang tồn tại các nghịch lý: người lao động là những người làm ra của cải vật chất cho xã hội, nhưng lại thiếu thốn về của cải vật chất (thiếu những nhu yếu phẩm phục vụ cho việc ăn, mặc, ở, đi lại...); người lao động là người làm nên sự giàu có cho nước Anh, nhưng bản thân họ lại rất nghèo khổ và đang bị bần cùng hóa; sự bần cùng hóa của đa số nhân dân lao động tạo nên sự giàu có của thiểu số giai cấp tư sản ở Anh, "giai cấp tư sản Anh, và nhất là bọn chủ xưởng là những kẻ trực tiếp làm giàu trên sự bần cùng của người lao động"[2]. Sự bần cùng về kinh tế kéo theo sự nghèo nàn về các quyền cơ bản của họ, "người nghèo không có quyền, người ta đàn áp và làm nhục họ; hiến pháp không thừa nhận họ, pháp luật áp chế họ"[3]. Một xã hội như vậy là hết sức bất công đối với những người lao động. Trên cơ sở nhận thức về thực trạng của xã hội Anh, Ph.Ăngghen đã chuyển biến từ lập trường giai cấp tư sản sang lập trường của người lao động và cùng với C.Mác dành cả cuộc đời đấu tranh nhằm giải phóng người lao động, đòi dân chủ, công bằng, tự do, bình đẳng cho quần chúng nhân dân.

Như vậy, ở C.Mác và Ph.Ăngghen đã hình thành nhân sinh quan tiến bộ, lý tưởng tốt đẹp giàu tính nhân văn, nhân bản ngay từ khi tuổi đời mới đôi mươi và kiên định nhân sinh quan ấy đến cuối đời. Đó là

---

[1, 2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.2, tr.350; 351.

[3] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.1, tr.887.

tiền đề quan trọng để hình thành quan điểm nhân văn, nhân bản của hai ông trong toàn bộ học thuyết của mình.

*Hai là, các quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen hàm chứa giá trị nhân văn, nhân bản sâu đậm và đặc sắc.*

Trong quá trình hoạt động cách mạng, C.Mác và Ph.Ăngghen đã viết rất nhiều tác phẩm. Nếu chiểu theo các ngành khoa học, thì nội dung trong các tác phẩm của hai ông liên quan đến nhiều ngành khoa học có quan hệ mật thiết với nhau như: triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa cộng sản khoa học, chính trị học, xã hội học, văn hóa học, tôn giáo học, dân tộc học..., trong đó ba bộ phận là triết học Mác, kinh tế chính trị học Mác, chủ nghĩa cộng sản khoa học có mối quan hệ hữu cơ và trở thành ba bộ phận cơ bản cấu thành của học thuyết Mác, chủ nghĩa Mác.

Trong triết học Mác, kinh tế chính trị học Mác, chủ nghĩa cộng sản khoa học đều bàn về con người, xã hội ở những giác độ khác nhau (như nguồn gốc, bản chất con người, quan hệ con người với tự nhiên, lao động sản xuất, quan hệ xã hội, giá trị hàng hóa...). Ngoài ra, quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về văn hóa, tôn giáo, dân tộc... đều bàn trực diện đến con người, cộng đồng, xã hội.

Nếu chiểu theo các lĩnh vực của đời sống xã hội, thì nội dung các tác phẩm của hai ông đề cập nhiều vấn đề thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế, chính trị, quân sự, pháp quyền, văn hóa, tôn giáo, giai cấp, dân tộc, nhà nước, gia đình,... Trong sâu xa, toàn bộ nội dung trong các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăngghen đều hướng tới mục tiêu: giải phóng con người, phát triển con người, hoàn thiện con người và xây dựng một xã hội tốt đẹp, trong đó con người có thể tự do phát triển, hoàn thiện mình một cách triệt để. Mục tiêu này thể hiện tính nhân văn, nhân bản sâu sắc.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, con người vốn có quyền tự do, bình đẳng và có quyền phát triển, hoàn thiện bản thân mình. Điều này đã

được Ph.Ăngghen khẳng định trong tác phẩm *Các bài phát biểu tại En-bơ-phen-đơ*: "không thể chối cãi được rằng mỗi người đều có quyền phát triển toàn diện tài năng của mình"[1]. Nhưng, trong những xã hội đối kháng giai cấp (xã hội mà quyền lực thuộc về thiểu số giai cấp bóc lột như các xã hội chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa) chỉ có thiểu số giai cấp bóc lột là có điều kiện thực hiện những quyền của mình, còn đa số quần chúng nhân dân bị bóc lột, bị áp bức, bị nô dịch không được thực hiện những quyền đó một cách thực chất, chính vì vậy, cần giải phóng con người: "*người là sinh vật tối cao đối với con người*, do đó, dẫn đến *cái mệnh lệnh tuyệt đối đòi phải lật đổ tất cả những quan hệ* trong đó con người là một sinh vật bị làm nhục, bị nô dịch, bất lực, bị khinh rẻ"[2].

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, chế độ tư bản chủ nghĩa dù tiến bộ hơn chế độ phong kiến nhưng vẫn còn áp bức. Điều này đã được hai ông khẳng định trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: "Xã hội tư sản hiện đại, sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến đã bị diệt vong, không xóa bỏ được những đối kháng giai cấp. Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới"[3]. Vì xã hội tư bản chủ nghĩa còn nô dịch, áp bức, bóc lột, bất công, nên không phải là xã hội tốt đẹp và phải giải phóng xã hội đó. Giải phóng xã hội là giải phóng triệt để, tức là phải giải phóng được tất cả các cá nhân, bởi vì "xã hội không thể nào giải phóng cho mình được, nếu không giải phóng cho mỗi một cá nhân riêng biệt"[4]. Luận điểm này cho thấy quan điểm của các ông về giải phóng con người, giải phóng xã hội có sự tiến bộ vượt

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.2, tr.730.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.1, tr.581.

[3] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.4, tr.597.

[4] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.20, tr.406.

bậc so với các quan điểm trước đó, vì nó triệt để hơn: giải phóng tất cả cá nhân cụ thể trong xã hội. Quan điểm này cũng thể hiện tinh thần nhân văn, nhân bản sâu sắc.

Vì "bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội"[1], như C.Mác đã khẳng định trong *Luận cương về Phoi-ơ-bắc*, nên để giải phóng, phát triển, hoàn thiện con người phải xây dựng xã hội tốt đẹp với những quan hệ xã hội lành mạnh, tiến bộ, nhân văn, nhân bản. Đó là xã hội không còn nô dịch, áp bức, bóc lột, bất công, trong đó mỗi cá nhân con người có thể tự do phát triển, hoàn thiện bản thân mình một cách triệt để, xã hội tốt đẹp như vậy là xã hội cộng sản chủ nghĩa. Bởi vì: "Trong khuôn khổ của xã hội cộng sản chủ nghĩa, cái xã hội duy nhất mà trong đó sự phát triển độc đáo và tự do của các cá nhân không còn là lời nói suông"[2], như C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định trong *Hệ tư tưởng Đức*.

Trên cơ sở quan điểm duy vật, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, để xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa trước hết phải phát triển kinh tế để "trong đó tất cả mọi vật phẩm cần cho đời sống sẽ được sản xuất ra nhiều đến nỗi mỗi thành viên trong xã hội đều có thể hoàn toàn tự do phát triển và sử dụng mọi lực lượng và năng lực của mình"[3]. Phát triển sản xuất đến một trình độ mà có thể sản xuất ra nhiều "vật phẩm" đến mức đáp ứng được nhu cầu của tất cả các thành viên trong xã hội mới chỉ là điều kiện cần. Điều kiện đủ là xã hội không còn đối kháng giai cấp và quá trình phát triển sản xuất đó phải được làm chủ và tổ chức một cách hoàn toàn tự giác bởi chính toàn thể nhân dân lao động. Nhân dân lao động là những người làm nên nền sản xuất, làm chủ về kinh tế, trên cơ sở đó làm chủ về chính trị - xã hội.

---

[1, 2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.3, tr.11, tr.664; 664.

[3] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.4, tr.466.

Sở dĩ phải hội đủ hai điều kiện cần và đủ là bởi, nếu nền sản xuất phát triển và tạo ra nhiều "vật phẩm" mà "vật phẩm" lại rơi vào tay thiểu số giai cấp bóc lột thì chế độ xã hội cộng sản chủ nghĩa tốt đẹp vẫn chưa được thiết lập. Khi hội đủ hai điều kiện cần và đủ thì xã hội bước lên một nấc thang mới khác về chất, khi đó "xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu!"[1] như C.Mác đã khẳng định trong *Phê phán Cương lĩnh Gô-ta*.

Cũng cần nói thêm rằng, C.Mác và Ph.Ăngghen có bàn nhiều về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính, về bạo lực..., nhưng tất cả những điều đó chỉ là phương tiện, là công cụ cần thiết trong quá trình giải phóng con người, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa tốt đẹp cho con người.

Không chỉ hoạt động lý luận mà hai ông còn trực tiếp tham gia các phong trào thực tiễn. C.Mác và Ph.Ăngghen đã tham gia thành lập "Đồng minh của những người cộng sản" - tổ chức quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản cách mạng. Đầu năm 1847, C.Mác và Ph.Ăngghen gia nhập vào hội bí mật của người Đức "Đồng minh của những người chính nghĩa". Tháng 6-1847, "Đồng minh của những người chính nghĩa" họp ở Luân Đôn và đổi tên thành "Đồng minh của những người cộng sản" với khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại". "Đồng minh của những người cộng sản" tồn tại đến tháng 11-1852 và là tiền thân của "Hội liên hiệp lao động quốc tế" (Quốc tế I). "Đồng minh của những người cộng sản" và sau này là Quốc tế I có vai trò to lớn trong việc đấu tranh vì giải phóng nhân dân khỏi áp bức, bóc lột, bất công, nhằm đem lại cho mỗi cá nhân con người có cơ hội phát triển, hoàn thiện bản thân mình một cách thực chất.

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.19, tr.36.

### 3. Sự kế thừa, vận dụng, phát triển sáng tạo tinh thần nhân văn, nhân bản của chủ nghĩa Mác trong cách mạng Việt Nam

Tinh thần nhân văn, nhân bản của chủ nghĩa Mác phù hợp với quy luật phát triển của nhân loại và thống nhất với truyền thống nhân văn, nhân bản, nhân đạo của dân tộc Việt Nam, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa và phát huy trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, giải phóng con người, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân là mục đích cao nhất: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[1]. Trong tư tưởng cũng như hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt nhân dân ở vị trí cao quý nhất, Người khẳng định: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân"[2].

Việc Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong lịch sử và đổi mới theo định hướng chủ nghĩa xã hội hiện nay thể hiện tinh thần nhân văn, nhân bản sâu sắc. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt trong tiến trình cách mạng ở Việt Nam và nhằm mục đích nhân văn, nhân bản là giải phóng nhân dân Việt Nam khỏi chế độ thuộc địa, áp bức, bất công, xây dựng xã hội tốt đẹp cho nhân dân Việt Nam, góp phần xứng đáng vào sự phát triển, tiến bộ của nhân loại.

Tinh thần nhân văn, nhân bản của chủ nghĩa Mác được Đảng Cộng sản Việt Nam quán triệt sâu sắc trong tất cả các cương lĩnh, nghị quyết của Đảng. Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: "*Con người* là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.187.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.453.

chủ của nhân dân... chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính"[1]. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đề ra định hướng: "*Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện* phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển"[2] và: "coi trọng chăm lo hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước ta ký kết"[3]. Tiếp theo tinh thần đó, Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: "phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm *"dân là gốc"*... Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu"[4]; phát triển con người toàn diện, "thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam"[5].

Tinh thần nhân văn, nhân bản, nhân đạo của Đảng ta không chỉ thể hiện ở giải phóng dân tộc đem lại cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam mà còn thể hiện ở chỗ có trách nhiệm với nhân dân trên thế giới, bằng chứng hùng hồn là Đảng và nhân dân Việt Nam đã góp phần to lớn trong việc giải phóng nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn tuyệt chủng vào cuối những năm bảy mươi,

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.76-77.

[2, 3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2016, tr.126; 167.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.27-28.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.II, tr.336.

tám mươi của thế kỷ XX. Điều này đã được nhân dân Campuchia ghi lòng tạc dạ và các nước trên thế giới công nhận.

**4. Kết luận**

Từ sự phân tích một cách khái quát về nhân sinh quan, lập trường, lý tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen và quan điểm của hai ông về con người, về xã hội loài người như trên, có thể khẳng định luận điệu cho rằng: "C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ bàn về kinh tế, chính trị, chuyên chính, bạo lực,... mà ít quan tâm đến vấn đề con người, thậm chí là bỏ rơi vấn đề con người nên học thuyết của các ông thiếu tính nhân văn, nhân bản của một học thuyết xã hội" là hoàn toàn bịa đặt, vu khống nhằm mục đích phủ nhận tính nhân văn, nhân bản của học thuyết Mác, chủ nghĩa Mác. Ngược lại, học thuyết Mác, chủ nghĩa Mác coi giải phóng con người, phát triển con người, hoàn thiện con người là mục đích cao nhất của mình. Do đó, học thuyết Mác, chủ nghĩa Mác mang tính nhân văn, nhân bản sâu sắc rõ ràng và không thể phủ nhận.

Từ đó có thể khẳng định rằng, việc Đảng ta lựa chọn chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng là hoàn toàn đúng đắn. Sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động đối với chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm thực hiện âm mưu chống phá Đảng và nhân dân ta, chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam chắc chắn sẽ hoàn toàn thất bại.

# BÀN VỀ LUẬN ĐIỂM: "HÃY XÓA BỎ TÌNH TRẠNG NGƯỜI BÓC LỘT NGƯỜI THÌ TÌNH TRẠNG DÂN TỘC NÀY BÓC LỘT DÂN TỘC KHÁC CŨNG SẼ BỊ XÓA BỎ"*

***Nguyễn Thị Thu Huyền*****

***Tóm tắt:*** Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* xuất bản năm 1848, C.Mác và Ph.Ăngghen nêu rõ: "Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ"[1]. Luận điểm này nhằm khẳng định khi nào giai cấp tư sản còn thống trị thì khi đó không thể có sự bình đẳng giữa các dân tộc; chỉ đứng trên lập trường của giai cấp vô sản mới giải quyết được đúng đắn vấn đề dân tộc. Từ khi hệ thống thuộc địa đã tan rã, nhất là từ sau sự kiện chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa tư bản tạm thời thắng thế, nhiều người cho rằng luận điểm trên không còn giá trị, cần phải xem lại. Theo họ, dù lập trường tư sản hiện đang chi phối đời sống chính trị thế giới, nhưng tình trạng "dân tộc này bóc lột dân tộc khác" không còn nữa, bởi hầu hết các dân tộc hiện nay không còn phải tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc nữa. Tuy nhiên, cả lý luận và thực tiễn đều khẳng định sau gần 200 năm, luận điểm trên của C.Mác và Ph.Ăngghen vẫn còn nguyên giá trị.

***Từ khóa:*** *Chủ nghĩa tư bản; chủ nghĩa xã hội; dân tộc*

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.4, tr.624.

**1. Chủ nghĩa tư bản không thể đem lại sự bình đẳng giữa các dân tộc**

Mục đích cao nhất của giai cấp tư sản là lợi nhuận, là bóc lột giá trị thặng dư được nhiều nhất có thể. Trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản đã ra sức bóc lột giai cấp vô sản ở chính quốc. Nhưng sự bóc lột đó gặp giới hạn thể chất, tinh thần của người công nhân, mặt khác vấp phải sự đấu tranh quyết liệt của họ; bên cạnh đó là sự hạn chế trong thị trường nguyên vật liệu, thị trường tiêu thụ... Vì vậy, giai cấp tư sản tìm kiếm lợi nhuận, mở rộng thị trường bằng cách xâm chiếm các nước khác. Sự phát triển của công nghiệp đóng tàu, hàng hải và thương nghiệp, những phát kiến địa lý đã tạo cơ hội cho chủ nghĩa tư bản "khai hóa văn minh" cho các nước khác, nhưng thực chất là quá trình quốc tế hóa của giai cấp tư sản thông qua việc mở rộng tối đa xâm lược thuộc địa, bắt các nước khác ở trong vòng lệ thuộc. Kể từ đây, hệ thống thuộc địa của các nước đế quốc "phủ" khắp thế giới. Câu nói "Mặt trời không bao giờ lặn ở nước Anh" cho thấy sự bành trướng của nước này ở thời kỳ đỉnh cao như thế nào.

Nhưng từ những năm 60, 70 của thế kỷ XX, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ khắp các khu vực châu Á, châu Phi; hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ. Chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành "chủ nghĩa tư bản hiện đại", chính sách thực dân thay đổi toàn diện, sâu sắc. Các cường quốc thực dân lần lượt áp dụng chính sách thực dân mới, không trực tiếp cai trị các nước thuộc địa nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ thông qua bộ máy chính quyền bản xứ hoặc "chính quyền bảo hộ" - bộ máy cai trị hành chính, kinh tế và quân sự do chính quốc thiết lập và áp đặt, chi phối. Đồng thời, các nước thực dân thay thế phương pháp bóc lột trực tiếp - chủ yếu dựa vào các biện pháp hành chính và quyền lực chính trị, bằng phương thức bóc lột "gián tiếp" thông qua các hiệp định kinh tế bảo đảm các đặc quyền của các nước thực dân. Thi hành chính sách thực dân mới,

chủ nghĩa thực dân không từ bỏ lợi ích cũ mà còn tìm kiếm lợi ích mới đồng thời che đậy được mục đích thực dân của mình.

Những hậu quả mà chủ nghĩa thực dân để lại đối với các dân tộc bị áp bức, bóc lột là vô cùng nặng nề, sâu sắc trên tất cả các mặt về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...; nhiều quốc gia sau khi giành được độc lập muốn khắc phục phải mất hàng thế kỷ. Thực tế là cho đến đầu thế kỷ XXI, hàng trăm quốc gia vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Hơn 50 năm qua, chỉ có một số rất ít các nước và vùng lãnh thổ vốn là thuộc địa lợi dụng được hoàn cảnh đặc biệt để vươn lên thành "con rồng", "con hổ". Khoảng cách về GDP tính theo đầu người giữa các nước phát triển phương Tây với các nước có thu nhập thấp ngày càng tăng, năm 1980 là 32,82 lần; năm 1990 là 51,31 lần; năm 1995 là 59,1 lần[1].

Chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới đã làm cạn kiệt những nguồn lực để phát triển, trong đó có hai nguồn lực chính là con người và tài nguyên thiên nhiên. Nạn nghèo đói, thất học, mù chữ, bệnh tật, con người không có điều kiện phát triển; tài nguyên thiên nhiên bị khai thác đến mức cạn kiệt, nạn ô nhiễm môi trường ở các nước nghèo... chính là hệ lụy của chủ nghĩa thực dân. Chủ nghĩa thực dân cũng biến hàng trăm dân tộc trở thành nô lệ, hàng trăm triệu người bị tước đoạt những quyền cơ bản của con người, trước hết là quyền được sống trong một nước độc lập, tự do, khiến họ cũng không được hưởng những quyền dân chủ tối thiểu nhất.

Về văn hóa, khi tiến hành xâm lược, các nước tư bản đều tuyên bố mục tiêu là "khai hóa văn minh", giúp các nước thuộc địa thoát khỏi tình trạng lạc hậu, dã man. Tuy nhiên, trên thực tế, các nước thực dân phương Tây không đem đến những "giá trị" của nền văn minh phương

[1] Xem Trần Hữu Tiến: *Dân tộc trong lịch sử và trong thời đại ngày nay*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2012, tr.102.

Tây như bình đẳng, tự do, bác ái, dân chủ... mà chỉ truyền bá thứ văn hóa gây cho người dân các nước thuộc địa đầu óc nô lệ, phục tùng kẻ chinh phục, tinh thần tự ti dân tộc. Những phong tục tập quán lạc hậu dưới chế độ thực dân còn phát triển thêm bởi đó là thứ những kẻ thống trị cần duy trì để nô dịch các dân tộc chậm phát triển.

Thời gian qua, một số học giả tư sản cho rằng dù lập trường tư sản hiện đang chi phối đời sống chính trị thế giới nhưng tình trạng "dân tộc này bóc lột dân tộc khác" không còn nữa, bởi hầu hết các dân tộc hiện nay không còn phải tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc nữa. Tuy nhiên trên thực tế, cần khẳng định, chủ nghĩa tư bản không hề thay đổi bản chất của nó mà chỉ áp bức giai cấp, bóc lột dân tộc một cách tinh vi hơn trước mà thôi. Giai cấp tư sản vẫn tiếp tục bóc lột giá trị thặng dư của giai cấp công nhân bằng cách thay đổi cách thức tổ chức, quản lý; bằng việc lợi dụng những thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ... Đồng thời, giai cấp tư sản cũng tìm cách buộc các nước đang và kém phát triển vào vòng lệ thuộc để nô dịch, áp bức với những cách thức mới vừa trắng trợn hơn, vừa tinh vi hơn, khó nhận diện hơn, đôi khi dưới những hình thức rất đẹp đẽ như viện trợ, cho vay, thông qua các hình thức hợp tác, liên kết về kinh tế, giáo dục, văn hóa...

*Về chính trị*, các nước lớn đặt ra luật "can thiệp nhân đạo" và đưa khái niệm "trách nhiệm bảo vệ" vào luật pháp quốc tế. Năm 1999, Mỹ và NATO đã mở cuộc chiến tranh với quy mô lớn vào Nam Tư với lý lẽ "bảo vệ người Anbani bị người Serbia thanh lọc sắc tộc ở Kosovo". Sau cuộc chiến tranh này, "can thiệp nhân đạo" được chính thức đưa vào chiến lược mới của NATO và được thông qua tại dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập tổ chức này. Năm 2001, sau sự kiện ngày 11-9, Mỹ đã phát động cuộc chiến tranh "toàn cầu chống khủng bố" nhằm vào Afghanistan vì cho rằng quốc gia này chứa chấp khủng bố. Với lập luận "nhằm giải quyết mối nguy cơ diệt chủng", "lợi ích quốc gia

bị đe dọa", "bảo vệ vai trò lãnh đạo của Mỹ trong thế giới tự do"[1], các nước này đã can thiệp thô bạo vào các quốc gia có chủ quyền.

Từ những năm 2000, "can thiệp nhân đạo" dần được thay thế bằng khái niệm "trách nhiệm bảo vệ" (R2P). Năm 2005, R2P mới thực sự được ghi nhận một cách rộng rãi và chính thức trong "Kết quả của Hội nghị thượng đỉnh thế giới" - văn bản cuối cùng của Hội nghị thượng đỉnh thế giới của Liên hợp quốc. Dựa vào đó, Mỹ và đồng minh cho rằng, trong trường hợp một quốc gia bị rơi vào nội chiến hoặc khi chính quyền sở tại áp bức người dân của chính nước họ thì các quốc gia khác không thể coi các nguyên tắc cơ bản của pháp lý quốc tế về tôn trọng chủ quyền và không can thiệp là bất khả xâm phạm. Tuy nhiên, sau một loạt sự kiện ở Lybia, Syria, Iraq, thế giới đang phải xem xét lại R2P bởi mục tiêu chính của những cuộc chiến này không phải là bảo vệ dân thường mà lại là lật đổ chính quyền sở tại.

Cũng nhằm hợp pháp hóa các cuộc tấn công, Mỹ và phương Tây thường lấy danh nghĩa "cộng đồng quốc tế" hay đồng minh NATO để sử dụng lực lượng đa quốc gia. Chiến tranh Nam Tư do 15 nước NATO tiến hành. Chiến tranh Iraq lần hai: 42 nước tham gia. Chiến tranh Afghanistan: 142 nước tham gia trực tiếp hoặc góp mặt về hình thức. Đặc biệt, những thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ cho phép Mỹ và các nước có thể tiến hành "chiến tranh sạch" - tức là hầu như không có tổn thất về người cho Mỹ và đồng minh, góp phần hạn chế sự phản đối của người dân trong nước.

Với việc pháp điển hóa nhân quyền trong luật quốc tế, Mỹ và các nước phương Tây đã đẩy khái niệm chủ quyền quốc gia xuống hàng thứ yếu. Điều này là mối đe dọa to lớn cho độc lập chủ quyền và toàn

---

[1] Nguyễn Đức Quỳnh: *Can thiệp nhân đạo - Dạng thức can thiệp mới của Mỹ và phương Tây*, cập nhật ngày 28-01-2019, http://tapchiqptd.vn/vi/phong-chong-dbhb-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa/can-thiep-nhan-dao-%E2%80%93-dang-thuc-can-thiep-moi-cua-my-va-phuong-tay/13227.html

vẹn lãnh thổ của mỗi quốc gia. Đồng thời, ngoài hành động xâm lược trực tiếp, đe dọa quân sự, các nước đế quốc thường xuyên sử dụng các biện pháp không hòa bình khác để can thiệp, lật đổ như "bao vây cấm vận", "diễn biến hòa bình", "cách mạng sắc màu"...

*Về kinh tế*, các quốc gia tư bản phát triển muốn thông qua "nô dịch" về kinh tế để áp đặt về chính trị với các nước nhỏ lệ thuộc - một kiểu "chủ nghĩa thực dân mới". Trong cuốn sách *Lời thú tội của một sát thủ kinh tế*, John Perkin đã chỉ ra, Mỹ đang tìm cách xây dựng một đế chế, trong đó có thủ đoạn biến các nước đang phát triển và kém phát triển vào vòng xoáy nợ nần để đưa ra những yêu cầu về kinh tế, chính trị có lợi cho Mỹ. Mặt khác, các nước lớn cũng tự đặt ra những luật chơi kinh tế cho toàn cầu. Điển hình như khái niệm "quốc gia thao túng tiền tệ" - được Mỹ thể chế hóa thành một nội dung trong Luật Cạnh tranh và thương mại quốc tế Omnibus năm 1988. Trong luật này, Bộ Tài chính Mỹ phải báo cáo hai lần một năm về chính sách kinh tế và tỷ giá quốc tế. Trên cơ sở báo cáo tổng quan, Tổng thống Mỹ có thể gắn mác "thao túng tiền tệ" cho một quốc gia và có quyền đẩy nhanh các đàm phán, hoặc trực tiếp hoặc qua Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) để yêu cầu các quốc gia đó có những điều chỉnh chính sách hợp lý. Khi một nước được xác định là thao túng tiền tệ sẽ không được phép tham gia vào các hợp đồng kinh tế với Chính phủ Mỹ. Nhiều nước, đã bị Mỹ gắn mác "thao túng tiền tệ" từ đó áp dụng các biện pháp trừng phạt như thuế quan và các rào cản thương mại.

Với mục tiêu không thay đổi là áp bức, bóc lột các nước nhỏ, các nước đang và kém phát triển về nhân công, thị trường, tài nguyên nhưng nhờ phương cách thay đổi khiến cho không ít người ngộ nhận về sự "thay đổi" của chủ nghĩa tư bản hiện nay. Có thể thấy, tự do trao đổi buôn bán hiện nay đã thay thế cho hình thức chiếm đoạt trắng trợn nguồn tài nguyên thiên nhiên của các nước thuộc địa trước kia. Trong cuộc cạnh tranh không ngang sức này, các nước tư bản

phát triển luôn thu được lợi nhuận cao, vừa tiêu thụ được hàng công nghiệp, sản phẩm công nghệ cao, vừa kiểm soát được nguồn tài nguyên chiến lược của các nước đang phát triển. Hay trước đây, các nước đế quốc khai thác tối đa nguồn nhân công cực kỳ rẻ mạt để thu lợi nhuận cao thì ngày nay dần thay bằng bóc lột gián tiếp thông qua cơ chế thị trường, qua đầu tư trực tiếp, trao đổi hàng hóa, cạnh tranh qua xuất khẩu tư bản...

*Về văn hóa - xã hội,* nhiều nước tư bản áp đặt hệ giá trị, tư tưởng vào các nước đang và kém phát triển để tạo ra một "chuẩn mực chung" nào đó cho thế giới, thông qua áp đặt "giá trị Mỹ", đo văn minh theo kiểu "châu Âu trung tâm luận"... Văn hóa, lối sống của Mỹ và các nước phương Tây đang dần trở thành chuẩn mực và thu hút giới trẻ của nhiều nước, làm xuất hiện trào lưu "mặc quần áo Adidas, nghe iPod, xem phim Mỹ, ăn McDonalds, uống Stabucks hoặc Cocacola, nói tiếng Anh Mỹ"[1]. Đây là minh chứng cho sự thống trị của văn hóa phương Tây đối với phần còn lại của thế giới (qua đồng hóa tự nhiên).

Bên cạnh đó, còn có cả hình thức đồng hóa cưỡng bức thông qua việc coi những giá trị dân chủ, nhân quyền, tự do... của Mỹ và các nước phương Tây là những chuẩn mực chung cho cả thế giới. Hàng năm, Mỹ đưa ra các báo cáo về nhân quyền, tôn giáo... là theo cách nhìn này. Nhiều nước bị xếp vào danh sách vi phạm nhân quyền, tự do tôn giáo, tự do báo chí..., bị áp đặt các lệnh trừng phạt vô lý khi bị cho rằng không đáp ứng được "chuẩn mực quốc tế" do Mỹ và phương Tây xây dựng.

Như vậy, dù là chủ nghĩa tư bản thời kỳ dã man hay chủ nghĩa tư bản hiện đại, bản chất của giai cấp tư sản không thay đổi. V.I.Lênin

---

[1] Nguyễn Ngọc Bảo: *Tác động của toàn cầu hóa tới chủ nghĩa dân tộc*, cập nhật ngày 04-4-2014, https://baoquocte.vn/tac-dong-cua-toan-cau-hoa-toi-chu-nghia-dan-toc-317.html

cho rằng, giai cấp tư sản đã giải quyết một cách trừu tượng và hình thức vấn đề dân tộc và quyền bình đẳng giữa các dân tộc; đó là một sự dối trá, thủ tiêu đấu tranh giai cấp nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. Thực chất giai cấp tư sản đã tạo ra mối quan hệ "cá lớn nuốt cá bé" giữa các dân tộc, tạo ra những quốc gia độc lập về phương diện chính trị, nhưng hoàn toàn phụ thuộc về phương diện kinh tế, tài chính và quân sự. V.I.Lênin viết: "Chế độ dân chủ tư sản, do bản chất của nó, vốn có cái lối đặt vấn đề một cách trừu tượng hoặc hình thức về quyền bình đẳng nói chung, trong đó bao gồm cả quyền dân tộc bình đẳng"[1].

Chủ nghĩa Mác-Lênin đã khẳng định, muốn giải quyết vấn đề dân tộc thì trước hết phải giải quyết vấn đề giai cấp, bởi vì trong chủ nghĩa tư bản, áp bức bóc lột giai cấp là nguồn gốc nảy sinh áp bức, bóc lột dân tộc. Điều này đã được C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* với luận điểm nổi tiếng nêu trên. Sau này, V.I.Lênin cũng khẳng định, vấn đề dân tộc phải được giải quyết trên quan điểm của giai cấp vô sản. Bởi vì, chỉ có giai cấp vô sản mới bảo vệ quyền tự do thực sự của các dân tộc và sự thống nhất của công nhân thuộc mọi dân tộc.

Chủ nghĩa Mác-Lênin đã đặt ra một loạt các vấn đề có tính nguyên tắc và phương pháp luận trong giải quyết các vấn đề dân tộc của chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, nhằm phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính. Trong tác phẩm *Về quyền dân tộc tự quyết*, V.I.Lênin khẳng định: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết; liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại"[2]. Phát triển khẩu hiệu "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại" của C.Mác và Ph.Ăngghen trong điều kiện đế quốc chủ nghĩa, V.I.Lênin cũng nêu ra khẩu hiệu kêu gọi sự đoàn kết rộng lớn của giai cấp công nhân toàn

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.41, tr.198.
[2] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.25, tr.375.

thế giới với các dân tộc bị áp bức: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại"[1].

**2. Việt Nam đảm bảo độc lập, tự chủ trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội**

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản ở châu Âu, Bắc Mỹ mở rộng địa bàn thống trị thông qua các cuộc chiến tranh xâm lược. Việt Nam trở thành đối tượng xâm lược của chủ nghĩa thực dân Pháp. Sau những cuộc đàn áp đẫm máu phong trào yêu nước Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp đặt ách thống trị trên toàn cõi Đông Dương với cái tên mới "xứ Đông Dương thuộc Pháp" gồm năm kỳ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Ai Lao và Cao Miên, cái tên Việt Nam cũng không còn nữa.

Sau nhiều năm suy ngẫm và mười năm đầu bôn ba tìm đường cứu nước qua hơn 30 quốc gia dân tộc, đồng thời từ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, từ chủ nghĩa Mác-Lênin, từ Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận: Con đường để giải phóng thực sự các dân tộc bị áp bức chỉ có thể là con đường cách mạng vô sản, con đường đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Và thực tế, sự lựa chọn con đường đó là đúng đắn. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã chứng minh điều đó.

Nhưng các nước tư bản chưa bao giờ từ bỏ ý định xóa sổ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại trên thế giới. Lợi dụng Việt Nam tiến hành hội nhập quốc tế mà bắt đầu từ hội nhập kinh tế quốc tế, các thế lực thù địch thúc đẩy hình thành những yếu tố phi xã hội chủ nghĩa, gia tăng mặt trái của nền kinh tế thị trường, nhằm làm cho Nhà nước mất khả năng kiểm soát, điều hành nền kinh tế, từ khống chế về kinh tế để chuyển hóa và gây sức ép về chính trị. Có nước đưa ra các yêu cầu

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.41, tr.198-199.

mang tính áp đặt phi lý, như đặt điều kiện để có "thỏa thuận", "hợp tác" thì Việt Nam phải "cải cách", "đổi mới" về tư tưởng, chính trị, pháp luật; phải thay thế chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh bằng hệ tư tưởng dân chủ tư sản; đòi xóa bỏ Điều 4 của Hiến pháp và một số điều về an ninh quốc gia trong Bộ luật Hình sự hiện hành; đòi thực hiện tự do báo chí, tự do ngôn luận theo tiêu chí phương Tây... nhằm tạo nên những tiền đề gây mất ổn định chính trị, mất độc lập, tự chủ của đất nước, gây nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa. "Bằng cả hai biện pháp hết sức nguy hiểm: các thế lực chống cộng công khai đòi loại bỏ chủ nghĩa xã hội; mà trước hết là đòi phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, loại bỏ các đảng cộng sản và công nhân ra khỏi đời sống xã hội; tăng cường điều chỉnh chính sách đối ngoại, cũng như chiến lược toàn cầu, gia tăng chi phối các lực lượng thân Mỹ để thực hiện mưu đồ của Mỹ"[1].

Trên thực tế, nếu trong quá trình hội nhập, Việt Nam không thận trọng thì có thể sẽ rơi vào "bẫy nợ" của các nước lớn. Từ mất tự chủ về kinh tế đến mất tự chủ về chính trị là một khoảng cách rất gần. Nhìn vào hoạt động can thiệp lật đổ, "cách mạng sắc màu"... trong những thập niên gần đây để thấy thách thức đặt ra đối với độc lập, tự chủ của nước ta là không nhỏ.

Bên cạnh đó, với vị trí địa chính trị rất quan trọng, Việt Nam cũng luôn phải đối mặt với thách thức bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Chủ quyền bị xâm phạm không chỉ bị giới hạn về lãnh thổ trên bộ và trên biển hay trên không, mà còn có thể mở rộng ra chủ quyền không gian mạng, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ngày càng phát triển vượt bậc. Chính sách mở rộng ảnh hưởng, gia tăng sức mạnh mềm của các nước tư bản thông qua

---

[1] Đặng Công Minh: *Quá trình tập hợp lực lượng trong phong trào cộng sản quốc tế từ năm 1991 đến năm 2005*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2008, tr.120.

các công cụ tuyên truyền truyền thống, các công cụ mạng xã hội, cũng được đẩy mạnh. Những chính sách này có thể tác động mạnh mẽ tới tư tưởng của người dân từ bên trong, gây ra "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", tạo sự bất ổn nội bộ, đe dọa khối đại đoàn kết toàn dân. Xâm phạm chủ quyền không gian mạng trở thành một thách thức mới, thường trực, có thể đe dọa tới sự tồn tại của chế độ[1].

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng xuyên suốt và nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm đảm bảo giữ vững độc lập, tự chủ trong bối cảnh trên, đó là: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Bất chấp sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, Đảng ta luôn thể hiện sự kiên định với con đường đã lựa chọn và bài học đầu tiên được Đảng rút ra tại Đại hội lần thứ VII (1991) là: "Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc"[2]. Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định: "Kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới"[3]. Nhất quán với các Đại hội trước, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng trong các quan điểm chỉ đạo định hướng phát triển đất nước trong thời gian tới đã xác định: "Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-

---

[1] Xem Tô Lâm: *Bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới*, cập nhật ngày 12-10-2020, https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/bao-ve-an-ninh-quoc-gia-trong-tinh-hinh-moi-620034/

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2007, t.51, tr.129-130.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2016, tr.46.

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"[1].

Thực tiễn hơn 35 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Nền kinh tế của đất nước ngày càng phát triển, trở thành một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới. Văn hóa, xã hội và đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Thành tựu về xóa đói giảm nghèo của Việt Nam đã được Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Việt Nam được tín nhiệm bầu vào các cơ quan quan trọng của Liên hợp quốc, như: Hội đồng Nhân quyền nhiệm kỳ 2014-2016, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO nhiệm kỳ 2013-2017, Hội đồng Kinh tế - Xã hội của Liên hợp quốc (ECOSOC) nhiệm kỳ 2016-2018. Đặc biệt, năm 2020, Việt Nam cùng lúc đảm nhận 3 trọng trách: Ủy viên không Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch ASEAN và Chủ tịch AIPA...

Những thành tựu trên là minh chứng cho sự gắn kết giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đúng như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể giải quyết căn cơ vấn đề độc lập cho dân tộc và cuộc sống tự do, hạnh phúc cho số đông nhân dân[2]. Nhờ đó, mà Việt Nam đảm bảo được độc lập, tự chủ một cách thật sự.

Cũng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, trên lập trường của giai cấp công nhân, trong giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định: "Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.94.

[2] Xem Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022.

chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi"[1]. Điều này cho thấy, Việt Nam đảm bảo lợi ích quốc gia dân tộc mình nhưng đó không phải là lợi ích dân tộc vị kỷ, hẹp hòi. Chúng ta luôn tôn trọng và đảm bảo lợi ích chính đáng của các quốc gia khác trên cơ sở Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung.

Kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin, vững vàng trên lập trường của giai cấp vô sản, qua hơn 35 năm đổi mới, đất nước ta đã gặt hái nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực, vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Nhờ đó, Việt Nam đảm bảo được độc lập, tự chủ cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; có quyền, có năng lực quyết định việc lựa chọn con đường, mô hình phát triển, chế độ chính trị của mình. Đó là lý tưởng, mục tiêu phấn đấu của dân tộc ta trong suốt lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước cũng như hiện nay.

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.162-163.

# PHẢI CHĂNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CHỈ LÀ KHÔNG TƯỞNG VÀ "LỊCH SỬ ĐÃ CÁO CHUNG"?*

***Hồ Trọng Hoài*****

***Tóm tắt:*** Kể từ khi ra đời, chủ nghĩa Mác-Lênin trở thành đối tượng chống phá của giai cấp tư sản và các thế lực phản động bởi học thuyết ấy công khai tuyên bố sẽ xóa bỏ chế độ người bóc lột người, thiết lập một xã hội thật sự tốt đẹp vì con người, cho con người. Một trong những thủ đoạn hiểm ác nhất mà kẻ thù tư tưởng đã sử dụng là nhân danh khoa học, nhân danh lịch sử để chứng minh chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội là không tưởng và chủ nghĩa tư bản là chế độ xã hội cuối cùng trong lịch sử. Trên cơ sở khoa học và chứng cứ lịch sử xác thực, bài viết vạch rõ tính chất vô căn cứ của các luận điệu trên và khẳng định, lý luận Mác-Lênin là học thuyết khoa học, cách mạng và chủ nghĩa xã hội là tương lai của nhân loại.

***Từ khóa:*** *Chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa Mác-Lênin*

**1.** Tháng 02-1848, nhân loại được chứng kiến một sự kiện mang tầm vóc thời đại mà giá trị, tầm ảnh hưởng của nó vẫn còn nguyên vẹn cho đến ngày nay - *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được công bố. Nhờ "đã giải đáp được những vấn đề mà tư tưởng tiên tiến của nhân loại đã nêu ra"[1], Tuyên ngôn nhanh chóng được du nhập vào phong trào công nhân ở nhiều quốc gia trên thế giới, chủ nghĩa Mác từ một

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.23, tr.49.

"bóng ma" trở thành một thế lực thách thức tất cả các thế lực phản động lúc bấy giờ.

Kể từ ngày đó, chủ nghĩa Mác đã chịu sự phản kích điên cuồng của các nhà tư tưởng tư sản và các thế lực phản động đủ mọi màu sắc, với vô vàn mưu toan thâm độc, hèn hạ nhằm hạ bệ, phủ nhận học thuyết khoa học và cách mạng ấy. Lý do cơ bản bởi chủ nghĩa Mác công khai tuyên bố sẽ xóa bỏ triệt để nguồn gốc sản sinh nạn người áp bức, bóc lột người, thiết lập một chế độ xã hội thật sự tốt đẹp cho tất cả mọi người, để con người tồn tại xứng đáng như là đóa hoa vĩ đại nhất của vũ trụ. Lý do đó đã được V.I.Lênin khẳng định khi cho rằng: "*Toàn bộ* khoa học quan phương và của phái tự do, đều *bênh vực* bằng cách này hay cách khác chế độ nô lệ làm thuê, còn chủ nghĩa Mác thì tuyên chiến quyết liệt với chế độ nô lệ ấy"[1]. Mục tiêu cao cả và nhân đạo ấy đã được tuyên bố trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: "Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"[2].

Sự chống phá chủ nghĩa Mác càng quyết liệt, điên cuồng hơn, nhất là sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các quốc gia Đông Âu. Với bộ máy truyền thông khổng lồ cộng với lợi thế tạm thời của mình, các chính trị gia, tư tưởng gia tư sản mưu toan gắn thất bại tạm thời của chủ nghĩa xã hội hiện thực cho chủ nghĩa Mác-Lênin. Theo họ, chủ nghĩa Mác-Lênin phải chịu trách nhiệm trước khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội hiện thực và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các quốc gia Đông Âu là minh chứng cho sai lầm, ảo tưởng của học thuyết đó, bởi nó được xây dựng

---

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.23, tr.49.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.4, tr.628.

trên cơ sở những ảo tưởng không thể hiện thực hóa. Vậy, thực chất của vấn đề này là gì?

Như đã biết, trong lâu đài chủ nghĩa Mác có ba phát kiến vĩ đại là chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị thặng dư và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Trên thực tế, đó cũng là ba trọng điểm để các thế lực phản động chống phá, phủ nhận một cách quyết liệt nhất. Về phát kiến thứ nhất, các nhà tư tưởng tư sản cho rằng, lịch sử sẽ kết thúc ở chủ nghĩa tư bản mà đáng lưu ý nhất là, vào đêm trước của sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, một nhà nghiên cứu tư sản là Francis Fuykyama đã tuyên bố: "Lịch sử cáo chung". Ngoài ra, đủ loại luận điệu tư sản cũng đồng thanh lên án chủ nghĩa Mác-Lênin là cực đoan, toàn trị, "say sưa bạo lực", thậm chí đã xếp chủ nghĩa Mác-Lênin cùng loại với chủ nghĩa phát xít. Về phát kiến thứ hai, các nhà tư tưởng tư sản không chỉ phủ nhận nguồn gốc sự giàu có của giai cấp tư sản là do bóc lột giá trị thặng dư của người lao động, mà còn khẳng định, việc xóa bỏ chế độ tư hữu là ý tưởng điên rồ, không tưởng. Về phát kiến thứ ba, người ta phản đối chủ nghĩa Mác-Lênin bởi theo họ, công nhân là người thấp kém, học vấn thấp, không thể lãnh đạo xã hội, chỉ là cộng đồng người "nên an phận" đi theo người tài giỏi.

Vấn đề cần giải quyết ở đây là, liệu chủ nghĩa Mác-Lênin có phải là không tưởng và "lịch sử đã cáo chung"?

**2.** Để làm rõ ba vấn đề trên, không thể không trở về những luận điểm gốc của chủ nghĩa Mác-Lênin.

*Về vấn đề thứ nhất*, các nhà tư tưởng, chính khách tư sản và những người ủng hộ thường hay viện dẫn một số luận điểm trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, rằng "Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử của đấu tranh giai cấp"[1]; rằng với tư cách là giai cấp thống trị, giai cấp vô sản "dùng bạo lực tiêu

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.4, tr.596.

diệt những quan hệ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt những quan hệ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện của sự đối kháng giai cấp"[1] để quy kết cho chủ nghĩa Mác-Lênin "sùng bái bạo lực".

Bác bỏ các luận điệu đó, hãy xem C.Mác nói về bạo lực mà Ph.Ăngghen nhắc lại trong tác phẩm *Chống Đuyrinh* sẽ rõ. "theo Mác, bạo lực còn là bà đỡ cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới; bạo lực là công cụ mà sự vận động xã hội dùng để tự mở đường cho mình và đập tan những hình thức chính trị đã hóa đá và chết cứng"[2]. Luận điểm trên đây có hai ý rất rõ ràng. *Một là*, bạo lực có vai trò làm cho cuộc sinh nở an toàn và đỡ đau đớn hơn; *hai là*, nó là tất yếu khách quan cho mọi xã hội để mở đường cho sự phát triển. Tư tưởng trên đây được V.I.Lênin nhắc lại một cách rành mạch khi đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*. Để tránh hiểu nhầm và bị xuyên tạc, Người còn nhắc: "Cái chủ yếu trong học thuyết của Mác là đấu tranh giai cấp. Người ta vẫn hay nói và viết như thế. Nhưng điều đó không đúng. Sự không đúng ấy thường đưa đến những xuyên tạc chủ nghĩa Mác theo lối cơ hội chủ nghĩa... Đóng khung chủ nghĩa Mác trong thuyết đấu tranh giai cấp là cắt xén, là xuyên tạc chủ nghĩa Mác"[3].

Về phương diện lịch sử, điều phải khảo nghiệm là, lịch sử đã diễn ra như thế nào, có đấu tranh giai cấp không và đấu tranh giai cấp có sử dụng bạo lực không? Vấn đề này, thời C.Mác, không ai khác, các nhà sử học tư sản đã phát hiện. C.Mác đã nhắc lại vào năm 1852 rằng: "tôi không có công lao đã phát hiện ra sự tồn tại của các giai cấp trong xã hội hiện đại, cũng không phải có công lao là đã phát hiện ra cuộc đấu

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.4, tr.628.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.20, tr.259.

[3] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.33, tr.42.

tranh giữa các giai cấp với nhau. Các nhà sử học tư sản trước tôi rất lâu đã trình bày sự phát triển lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp đó"[1]. Kể từ khi C.Mác mất đến nay, lịch sử nhân loại cho ta thấy, ngoài hai cuộc chiến tranh thế giới tàn khốc do giai cấp tư sản phát động giết chết hàng chục triệu người đã diễn ra hàng trăm cuộc chiến tranh khác. Chỉ tính riêng trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI đã xảy ra hơn 20 cuộc xung đột lớn. Đó là chưa kể đến nạn khủng bố quốc tế hiện là một vấn nạn toàn cầu.

Có thể nói, không ai khác, giai cấp tư sản phải chịu trách nhiệm về thực trạng trên. Hiện đại, tinh vi và cũng thâm độc hơn, không chỉ sử dụng bạo lực quân sự, giai cấp tư sản còn sử dụng nhiều hình thức bạo lực khác để bảo vệ lợi ích của mình và quốc gia do họ đại diện. Một sự thật không thể bác bỏ, ngay trong lòng nước Mỹ - quốc gia hùng mạnh nhất thế giới, được mệnh danh là dân chủ, an toàn nhất - bạo lực vẫn xảy ra thường xuyên. Ở đó, bình quân có khoảng gần 1.000 vụ xả súng mỗi năm và Mỹ là quốc gia có ngân sách quốc phòng cao nhất thế giới, có lực lượng quân sự khổng lồ nhất thế giới. Đến đây câu hỏi ai sùng bái bạo lực đã được trả lời.

Khía cạnh thứ hai trong vấn đề thứ nhất cũng cần làm rõ là, liệu "lịch sử đã cáo chung"? Sự thật lịch sử nhân loại cho thấy, các chế độ xã hội lạc hậu lần lượt sụp đổ để cho ra đời chế độ xã hội tiến bộ hơn. Sự ra đời của chế độ xã hội mới là tất yếu mà không phụ thuộc vào khát vọng của giai cấp thống trị. Do đó, một khi giai cấp thống trị không còn đại diện cho tiến bộ xã hội, trở thành lực cản của phát triển thì sớm hay muộn, nhanh hay chậm sẽ sụp đổ và đương nhiên, chủ nghĩa tư bản cũng không thể là ngoại lệ.

Hãy xem chủ nghĩa tư bản hiện nay như thế nào? Rõ ràng, hiện chủ nghĩa tư bản đang tạm thời có lợi thế và khách quan phải thừa

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1996, t.28, tr.661.

nhận, trong khoảng 500 năm qua, bản thân nó đã có vai trò to lớn trong quá trình thúc đẩy lịch sử phát triển theo hướng tiến bộ. Về vấn đề này, C.Mác và Ph.Ăngghen đã có đánh giá đúng mức vào thời điểm gần 200 năm trước: "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại"[1].

Trong thế giới ngày nay, vấn đề này cũng đã được đề cập trong tác phẩm *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, trong đó đã nhận định: "Chúng ta thừa nhận rằng, chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học và công nghệ. Nhiều nước tư bản phát triển, trên cơ sở các điều kiện kinh tế phát triển cao và do kết quả đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đã có những biện pháp điều chỉnh, hình thành được không ít các chế độ phúc lợi xã hội tiến bộ hơn so với trước"[2].

Tuy nhiên, hiện tượng không thể che lấp bản chất, dù nó được tô vẽ, thổi phồng bằng nhiều cách. Bên cạnh hào quang, nhiều khoảng tối trong lòng chủ nghĩa tư bản vẫn được phát lộ. Bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại bộc lộ những sự thật sau đây:

*Một là*, xã hội tư bản ngày nay đã vượt qua trình độ lao động tất yếu, chứng tỏ năng lực của con người đã được nâng cao đáng kể và so với thời kỳ C.Mác, nhưng nghịch lý là, vẫn có hàng trăm triệu người nghèo cùng cực. Ngay trong lòng nước Mỹ hiện con số đó đã gần 40 triệu người. Sự phân hóa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản đã đến

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.202, t.4, tr.603.

[2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.18-19.

mức phân chia loài người thành hai nhóm: 1% và 99%. Thử hỏi đó có phải là một xã hội tốt đẹp và ai là nguyên nhân duy trì và làm gia tăng tình trạng đó?

*Hai là*, xã hội tiêu thụ mà kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã mang tới hệ lụy là tạo ra một sự lãng phí khủng khiếp chưa từng thấy ở quy mô toàn cầu. Thêm nữa, việc tạo ra của cải vật chất theo kiểu thị trường tư bản chủ nghĩa suy cho cùng làm gia tăng việc tước đoạt tự nhiên, làm cạn kiệt tài nguyên và tất nhiên thúc đẩy quá trình biến đổi tự nhiên theo hướng rất tiêu cực. Tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu hiện là một vấn nạn toàn cầu và điều này chưa xuất hiện trước cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. Vậy, sự giàu có của giai cấp tư sản hiện nay có quan hệ gì với thực trạng đó và ai phải chịu trách nhiệm?

*Ba là*, chiến tranh, xung đột xã hội, nạn khủng bố toàn cầu ngày càng nghiêm trọng cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, các nước Đông Âu đã sụp đổ. Thống kê cho thấy, trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, khi hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đang tồn tại chỉ có hai cuộc chiến tranh lớn mà Mỹ phát động là chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Việt Nam còn từ năm 1991 đến nay đã có hàng chục cuộc chiến tranh, xung đột. Vậy, chủ nghĩa tư bản có đại diện cho hòa bình không?

*Bốn là*, một số thế lực ở phương Tây thường xuyên kêu gọi thúc đẩy dân chủ, nhân quyền và vẫn thường sử dụng công cụ này để chống các quốc gia khác. Tuy nhiên, nhân loại thấy gì sau các cuộc cách mạng màu? Dân chủ, thịnh vượng không thấy mà chỉ thấy xung đột, đói nghèo...

Qua một số khía cạnh trên có thể khẳng định, chủ nghĩa tư bản không thể tự khắc phục những khuyết tật của mình và vì vậy, nó không phải và không thể là chế độ xã hội cuối cùng trong lịch sử.

*Về vấn đề thứ hai:* các thế lực chống đối cho rằng, chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ là học thuyết không tưởng, bởi C.Mác chủ trương xóa bỏ

chế độ tư hữu và thiết lập chế độ công hữu. Theo họ, con người sinh ra vốn tham lam, ích kỷ, vụ lợi và đó là động lực để cá nhân vươn lên trong cuộc sống, đồng thời cũng là cách để khắc phục bệnh lười biếng. Thêm nữa, trong bối cảnh mới, máy móc dần thay thế sức lao động của con người, nên nạn áp bức, bóc lột sẽ được giải quyết và nhiều lập luận tương tự.

Rõ ràng, đó là ngụy biện. Ngay trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề cập vấn đề này. Các ông cho rằng, cần phải phân biệt sở hữu cá nhân và chế độ tư hữu. Những người cộng sản không xóa bỏ sở hữu cá nhân, chỉ xóa bỏ chế độ tư hữu - chế độ là nguyên nhân tạo nên họa "cừu ăn thịt người", cá lớn nuốt cá bé. Hơn nữa, người cộng sản không xóa bỏ mọi chế độ tư hữu mà chỉ xóa bỏ chế độ tư hữu tư sản, bởi các chế độ tư hữu trước đây đã bị chính giai cấp tư sản xóa bỏ...

Những người nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin nghiêm túc sẽ thấy rằng, lập trường thế giới quan đó là duy vật biện chứng, thực tế, xuất phát từ nền tảng vật chất và trên cơ sở phân tích vai trò của sản xuất vật chất để đi đến một kết luận khoa học là: suy cho cùng, sản xuất vật chất là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội. Trong Lời tựa viết cho bản tiếng Anh của tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* năm 1888, Ph.Ăngghen nhắc lại rằng: trong mỗi thời đại lịch sử, phương thức chủ yếu của sản xuất kinh tế và trao đổi, cùng với cơ cấu xã hội do phương thức đó quyết định, đã cấu thành cơ sở chính trị của thời đại và lịch sử sự phát triển trí tuệ thời đại, cái cơ sở mà chỉ có xuất phát từ đó mới cắt nghĩa được lịch sử đó. Chính sản xuất vật chất sẽ là nhân tố quyết định mọi quan hệ xã hội, kể cả các quan hệ về pháp lý, chính trị, đạo đức, tôn giáo..., là nhân tố quyết định sự thắng lợi của các chế độ xã hội. Chủ nghĩa cộng sản mà chủ nghĩa xã hội là giai đoạn thấp là sản phẩm của sự phát triển ở trình độ cao của lực lượng sản xuất. Do đó, nó có thể xóa bỏ chế độ tư hữu tư

sản với những hệ lụy của nó và thiết lập một chế độ thật sự vì con người, cho con người.

Một trong những phát kiến vĩ đại của C.Mác là đã phát hiện ra bí mật của sự giàu có của giai cấp tư sản. Tước đoạt người lao động bằng mọi cách sẽ làm xuất hiện xã hội mà sự phân hóa hai đầu ngày càng khốc liệt, không thể kiểm soát và là nguyên nhân tích tụ xung đột giai cấp, xung đột xã hội, phá vỡ trật tự tư bản chủ nghĩa. Đành rằng máy móc giúp nâng cao năng suất lao động và thay thế một số hoạt động của con người, song suy cho cùng, máy móc dù hiện đại đến mấy vẫn là kết quả của hoạt động của con người, do con người tạo ra. Do vậy, việc lẩn trốn nguyên nhân thật sự của sự giàu có tư sản theo những lập luận nêu trên hoàn toàn là ngụy biện.

*Về vấn đề thứ ba*: các chính trị gia, nhà tư tưởng gia tư sản và những người ủng hộ họ phê phán việc chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử toàn thế giới, thông qua chính đảng cách mạng của mình để tập hợp, tổ chức người lao động tiến hành cách mạng xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản. Theo họ, công nhân là người ít học, thiếu hiểu biết, nên không thể là giai cấp lãnh đạo; nếu có, họ chỉ là những người tham gia phá hủy còn kiến tạo thì không thể.

Về vấn đề này, chính những người sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin đã có những luận chứng đầy sức thuyết phục. Trên cơ sở phân tích những điều kiện khách quan và vai trò của nhân tố chủ quan quy định địa vị lịch sử của giai cấp công nhân, các ông đã đi đến kết luận khoa học đó. Đó không chỉ là kết quả của việc nghiên cứu lý luận, mà còn là kết tinh những trải nghiệm trực tiếp khi thâm nhập vào cuộc sống của người lao động.

Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân trong bối cảnh xã hội hiện đại vẫn được thực tiễn chứng minh là đúng đắn. Trong các giai tầng xã hội, giai cấp công

nhân vẫn là giai cấp có địa vị về kinh tế - kỹ thuật, chính trị - xã hội và tư tưởng - văn hóa cao nhất. Với tư cách là sản phẩm đồng thời là chủ thể của nền đại công nghiệp hiện đại, họ không ngừng phát triển về số lượng, nâng cao về chất lượng và có cơ cấu ngày càng hiện đại.

Nếu như ở thời đại của C.Mác, công nhân mới chỉ có khoảng 10 triệu người, chủ yếu ở khu vực Tây Âu, Bắc Mỹ, thì nay đã có gần 2 tỷ người ở mọi quốc gia và vùng lãnh thổ. Đặc biệt, trình độ, cơ cấu giai cấp công nhân thay đổi rất nhanh chóng. Đơn cử, ở nhóm G7, công nhân ở khu vực xây dựng và chế tạo chỉ khoảng 30%, số còn lại làm việc trong lĩnh vực dịch vụ khoa học, công nghệ cao, trong khi nông dân chỉ còn khoảng 2-7%, thực chất đã thành công nhân nông nghiệp.

Điều này cho thấy, dự báo của C.Mác sẽ đến một ngày khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và dự báo của Ph.Ăngghen về sự xuất hiện của đội ngũ công nhân trí thức là đúng đắn. Ngay ở Việt Nam, từ ngày đổi mới đến nay, từ chỗ chỉ có hơn 2 triệu công nhân, nay đã có trên 15 triệu người. Không những thế, chất lượng và cơ cấu cũng thay đổi nhanh chóng theo hướng hiện đại.

Những phân tích trên cho thấy, các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin không phải là ảo tưởng, tư biện, mà có căn cứ thực tiễn xác đáng. Do vậy, việc quy chủ nghĩa ấy về phạm trù không tưởng là sự vu khống thô thiển nhằm hạ thấp sức hấp dẫn của nó để mê hoặc một bộ phận quần chúng lao động thiếu thông tin và suy cho cùng để bảo vệ trật tự tư bản chủ nghĩa cho dù trật tự ấy càng ngày càng mất tính tất yếu để tồn tại.

**3.** Vấn đề đặt ra là, tương lai của nhân loại như thế nào và tại sao nhiều quốc gia lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa?

Những người sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin đã khái quát, đường đi của lịch sử là dích dắc, thậm chí có những bước thụt lùi, song cái tất yếu sẽ tự vạch đường đi cho mình. Mặc dù là một nấc thang phát triển rất cao trong lịch sử nhân loại, song chủ nghĩa tư bản vẫn chứa đựng

những khuyết tật mà bản thân nó không thể tự giải quyết. Chế độ xã hội ấy không thể và không phải là chế độ xã hội cuối cùng trong lịch sử. Cho dù đang gặp khó khăn, khủng hoảng nghiêm trọng sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, song chủ nghĩa xã hội vẫn là tương lai của nhân loại. Ngoài các căn cứ khoa học, điều này còn xuất phát từ thực tiễn của thời đại.

Xã hội hiện đại cho thấy, không phải thể chế tư bản chủ nghĩa là ưu việt. Hiện hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ theo thể chế tư bản chủ nghĩa, nhưng chỉ có một số nước phát triển. Với đại bộ phận người dân trong đó, giấc mơ phồn vinh, hạnh phúc vẫn là điều xa xỉ. Không chỉ nghèo đói về vật chất, bị đè nén về tinh thần, mà họ còn phải gánh chịu nhiều hệ lụy đau buồn khác như chiến tranh, xung đột, khủng bố và nhiều vấn nạn khác.

Điều khiến chúng ta tin tưởng vào tương lai của chủ nghĩa xã hội còn bởi, trong môi trường tư bản chủ nghĩa xuất hiện càng ngày càng nhiều những nhân tố có tính chất xã hội chủ nghĩa và những giá trị cơ bản của chủ nghĩa xã hội trở thành mục tiêu của nhiều chính trị gia, của nhiều người tiến bộ. Có thể tìm thấy điều đó không chỉ ở khu vực Âu Mỹ mà ngay cả ở những quốc gia đang phát triển. Thí dụ, chỉ 8 năm sau ngày chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sụp đổ, ở khu vực Mỹ Latinh đã xuất hiện một trào lưu mà những người trong cuộc tự gọi là "chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI". Trào lưu ấy bản chất là gì và tương lai thế nào vẫn cần được thực tiễn thẩm định, song điều có thể rút ra là, người dân ở nhiều quốc gia không chấp nhận mô hình tư bản chủ nghĩa, bởi họ đã có thời gian đủ dài để kiểm nghiệm những mỹ từ mà các nhà tư tưởng tư sản tuyên truyền. Do đó, chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của nhân loại.

Các quốc gia xã hội chủ nghĩa còn lại, mặc dù chịu tổn thất to lớn sau khi chủ nghĩa xã hội ở hệ thống các quốc gia xã hội chủ nghĩa sụp đổ và nhất là bị sự phản công quyết liệt của chủ nghĩa đế quốc, song

đã nhanh chóng đứng dậy tiến hành cải cách, đổi mới. Công cuộc đó còn lâu dài, gian khổ, nhưng quả ngọt đã xuất hiện. Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới; Việt Nam đã thu được thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: "Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như hiện nay"[1]. Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào đi lên chủ nghĩa xã hội từ trình độ phát triển kinh tế thấp và Cuba - quốc đảo nhỏ bé bên cạnh "sen đầm quốc tế" - vẫn hiên ngang trụ vững và đang có những bước tiến vững chắc trên con đường phát triển. Thực tế này cho thấy, không thể dao động lập trường chính trị, chạy theo những ảo ảnh về chủ nghĩa tư bản mà vấn đề là, cần đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cơ sở kiên định mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn thì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội chắc chắn sẽ thành công.

Đến đây, chúng ta có thể lý giải tại sao Việt Nam lựa chọn chủ nghĩa xã hội, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội bởi chủ nghĩa xã hội là tương lai của nhân loại. Điều cần phải nhấn mạnh thêm là, trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nước Nga vừa mới ra đời, Việt Nam còn là một quốc gia thuộc địa nửa phong kiến lạc hậu song Hồ Chí Minh và những người cộng sản Việt Nam vẫn quyết tâm lựa chọn chủ nghĩa xã hội. Điều đó cho thấy tầm tri thức sâu rộng, nhãn quan chính trị nhạy cảm và một tình cảm sâu sắc với vận mệnh quốc gia - dân tộc của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Thiết nghĩ, đó là tài sản vô giá mà triệu triệu người Việt Nam có trách nhiệm gìn giữ và hiện thực hóa trong cuộc sống.

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.25.

# THỰC CHẤT NỘI DUNG LUẬN ĐIỂM "CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÀ ĐÍCH ĐẾN CUỐI CÙNG CỦA NHÂN LOẠI"*

*Hoàng Văn Tú***

***Tóm tắt:*** Chủ nghĩa tư bản hiện nay đang phát triển mạnh mẽ và có nhiều tiềm năng phát triển. Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội đang trải qua những bước vận động quanh co của lịch sử, các nước tư bản chủ nghĩa ra sức tuyên truyền luận điệu "chủ nghĩa tư bản là đích đến cuối cùng của nhân loại", chủ nghĩa tư bản là xã hội tốt đẹp, sẽ không có cái gọi là chủ nghĩa xã hội và chế độ xã hội chủ nghĩa chỉ là "viển vông", "không thực tế". Bài viết này tập trung phân tích làm rõ bản chất luận điểm "chủ nghĩa tư bản là đích đến cuối cùng của nhân loại", ý đồ chính trị ẩn sâu trong luận điểm đó, góp phần định hướng đúng đắn trong nhận thức chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

***Từ khóa:*** *Chủ nghĩa tư bản; chủ nghĩa xã hội; tính tất yếu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*

## 1. Nhận diện bản chất luận điểm "chủ nghĩa tư bản là đích đến cuối cùng của nhân loại"

Sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất thể hiện thông qua sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp, mà các cuộc cách mạng công nghiệp này đều khởi phát từ các nước tư bản chủ nghĩa. Kéo theo đó là sự điều chỉnh quan hệ sản xuất ở các nước tư bản chủ nghĩa nhằm xoa dịu mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

xuất. Sự điều chỉnh này của chủ nghĩa tư bản làm "mờ đi" bản chất vốn có của chế độ này, do đó có những quan điểm cho rằng: "Chủ nghĩa tư bản ngày nay là một chế độ tốt đẹp nhất trong lịch sử, đây sẽ là chế độ tồn tại vĩnh hằng và đây là đích đến của nhân loại"!. Đặc biệt, trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển nhanh như vũ bão, tư bản tài chính đang nắm vai trò chi phối thế giới, khiến một số học giả đưa ra luận điểm "tiền sinh lời, máy móc sinh lợi và lao động sinh tiền công". Họ cho rằng, hiện tượng người bóc lột người như C.Mác đã chỉ ra trong xã hội tư bản không còn đúng nữa; chủ nghĩa tư bản ngày nay đã đề cao sự công bằng, người lao động đã được nhận tiền công rất cao, lợi nhuận thu được là do máy móc mang lại, do đó, chủ nghĩa tư bản là xã hội tiến bộ nhất trong lịch sử nhân loại mà loài người cần hướng đến!

Thực tế đang cho thấy khuynh hướng "phát triển vô cùng nhanh" của chủ nghĩa tư bản. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ ở các nước chủ nghĩa tư bản đã đưa đến một cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại như: Trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain), Internet vạn vật (IoT) và các nền tảng, ứng dụng dựa trên điện toán đám mây - đã mang đến một nền kinh tế tràn đầy sức sống, mang lại những giá trị vật chất sung túc và giá trị tinh thần quý giá cho con người.

Do đó, lực lượng sản xuất trong chủ nghĩa tư bản ngày nay được thể hiện ra rất tích cực như sau: tư liệu sản xuất chính sẽ chuyển từ vật chất sang phi vật chất, đặc biệt nguồn dữ liệu, thông tin là nguyên liệu sản xuất có giá trị vô tận, vô hạn. Người lao động trí tuệ, đa kỹ năng ngày càng được đề cao và trở thành mặt chủ đạo của lao động xã hội. Xu hướng phát triển của nền kinh tế hiện nay là nền kinh tế tri thức, trong đó việc sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức đóng vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống. Thành công của doanh nghiệp,

của nền kinh tế phụ thuộc trước hết và chủ yếu vào khả năng sáng tạo và ứng dụng tri thức của người lao động. Không phải ngẫu nhiên, những doanh nghiệp thành công nhất, có sức phát triển nhanh nhất trong nền kinh tế thế giới hiện nay lại chính là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, như L.C.Thurow đã chỉ ra: Người giàu nhất thế giới, Bill Gates, không sở hữu một thứ của cải hữu hình nào - không đất đai, không vàng hay dầu mỏ, không có nhà máy, không có các quy trình công nghiệp, không có quân đội. Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, người giàu nhất thế giới chỉ sở hữu tri thức mà thôi.

Như vậy, có thể thấy lực lượng sản xuất trong chủ nghĩa tư bản đã phát triển hết sức mạnh mẽ ở cả hai khía cạnh: tư liệu sản xuất và người lao động. Kết quả đưa đến rất tích cực khi tăng trưởng kinh tế hiện nay chủ yếu dựa vào động lực không có trần giới hạn (công nghệ và đổi mới sáng tạo), thay cho tăng trưởng chủ yếu dựa vào các yếu tố đầu vào luôn có trần giới hạn (vốn, lao động, kỹ thuật, tài nguyên). Sự phát triển của năng lượng tái tạo sẽ có khả năng đưa thế giới đến kỷ nguyên tăng trưởng tuần hoàn vô cùng tận. Kết quả này đã cho thấy vai trò của chủ nghĩa tư bản trong phát triển lực lượng sản xuất, ngay từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời cho đến chủ nghĩa tư bản ngày nay, như C.Mác và Ph.Ăngghen từng viết: "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại"[1] .

Mặt khác, sự phát triển vô cùng nhanh của chủ nghĩa tư bản còn thể hiện ở quan hệ sản xuất, khi chủ nghĩa tư bản "kịp thời" điều chỉnh nhằm giảm bớt "tính lạc hậu" của nó so với "tính nhảy vọt" của lực lượng sản xuất. Và trong khuôn khổ đó sẽ tăng cường các yếu tố của

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.4, tr.603.

xã hội mới, bao gồm những yếu tố của nền văn minh hậu công nghiệp, kinh tế tri thức, tính chất xã hội của sở hữu ngày càng tăng, điều tiết của nhà nước ngày càng hoàn thiện, tính nhân dân và xã hội của nhà nước tăng lên, tăng cường dân chủ và việc đảm bảo các quyền và lợi ích cơ bản của con người, những vấn đề phúc lợi, hợp tác quốc tế... được giải quyết tốt hơn. Đặc biệt, sự điều chỉnh hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội, lợi ích (giá trị thặng dư) đã được nhà tư sản san sẻ cho giai cấp vô sản, cho nên không còn giai cấp vô sản "trần như nhộng" như thời C.Mác nghiên cứu. Những ý tưởng về sàn an sinh xã hội - mọi người đều được cấp một khoản tiền nhất định, đảm bảo đủ sống, không phụ thuộc vào việc có đi làm hay không - sự manh nha của phương thức phân phối cộng sản chủ nghĩa "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu" đang được xem xét ở một số nước tư bản phát triển, như Phần Lan, Hà Lan, Thụy Sĩ và gần đây nhất là Canada đã quyết định thử nghiệm việc "cho tiền" người dân hàng tháng bất kể họ có thất nghiệp hay không. Chưa dừng lại ở đó, Dani Rodrik kêu gọi chủ nghĩa tư bản phải thực hiện thay đổi căn bản lần thứ hai, với việc đưa vào mô hình "Nhà nước sáng tạo", sau lần thay đổi thứ nhất với sự ra đời của "Nhà nước phúc lợi" dưới tác động của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân.

Bên cạnh đó, sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu làm cho các học giả của chủ nghĩa tư bản có thêm căn cứ để cho rằng chủ nghĩa cộng sản là không phù hợp và chủ nghĩa tư bản là đúng đắn. Xuất hiện nhiều quan điểm phủ định học thuyết "Hình thái kinh tế - xã hội" do C.Mác xây dựng, cho rằng những lý thuyết do Mác-Lênin đưa ra không còn đúng trong bối cảnh hiện nay; chế độ tư bản chủ nghĩa là một chế độ tốt đẹp và sẽ tồn tại vĩnh hằng (!!!)

Như vậy, có thể thấy giai cấp tư sản đã có đóng góp không nhỏ trong việc nắm bắt cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, góp phần hiện thực hóa dự đoán "khoa học trở thành lực lượng sản xuất

trực tiếp" của C.Mác. Nhưng trong khuôn khổ chế độ tư bản chủ nghĩa, quá trình phát triển khoa học công nghệ có nhiều nghịch lý, chứa đựng những nguy cơ và bất trắc. Trong bản chất của nó, khoa học có tính xã hội vì nó là thành tựu trí tuệ của con người và phải được truyền bá rộng rãi để phục vụ con người. Vậy mà, trong thế giới tư bản hiện nay, việc chuyển giao công nghệ trở thành hoạt động mua bán rất tốn kém, thậm chí không thể mua được vì có độc quyền trí tuệ. Điều đó làm cho khoảng cách giàu nghèo ngày càng sâu sắc, làm cho mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa mặc dù đã được điều chỉnh nhưng vẫn đang âm ỉ, chỉ đợi cơ hội sẽ bị đổ vỡ và khiến cho chế độ tư bản chủ nghĩa bị thay thế bởi một chế độ mới phù hợp hơn. Đó là tất yếu của lịch sử!

**2. Tính tất yếu đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trong tiến trình phát triển của nhân loại**

C.Mác đã đưa ra quy luật phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, theo đó xã hội loài người nhất định sẽ phát triển đến giai đoạn cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là xã hội chủ nghĩa. Nhưng hiện nay chủ nghĩa tư bản qua các lần điều chỉnh đã thích nghi được để tiếp tục phát triển và tất nhiên cũng tiếp tục "chuẩn bị tiền đề vật chất cho chủ nghĩa xã hội". Hay nói cách khác, chủ nghĩa tư bản đã, đang và sẽ tiếp tục có sự phát triển nhờ khai thác những tiềm năng còn chưa khai thác hết trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Điều này cũng phù hợp với kết luận của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội "thoát thai" từ trong nền văn minh tư sản. Tuy nhiên, cho dù có điều chỉnh như thế nào đi nữa thì bản chất của chủ nghĩa tư bản vẫn không hề thay đổi, "về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công", đúng như nhận định của Đảng ta.

*Một là,* cuộc đấu tranh giai cấp vẫn tiềm ẩn trong chủ nghĩa tư bản đương đại; nguồn gốc của sự xung đột giai cấp trong xã hội tư bản vẫn là do lôgíc phát triển trong điều kiện bất bình đẳng, đa số phải phục

tùng lợi ích và quyền lực của thiểu số; vẫn là do xã hội vận hành trên cơ sở quan hệ bóc lột và bị bóc lột giữa giai cấp tư sản và người lao động. Ở các nước chủ nghĩa tư bản hiện nay, đi đôi với việc phát triển khoa học, kỹ thuật và tăng năng suất lao động, mức độ bóc lột của giai cấp tư sản (thể hiện ở tỷ suất giá trị thặng dư) vẫn tăng đáng kể. Chẳng hạn ở Mỹ, tỷ suất giá trị thặng dư của các ngành sản xuất công nghiệp trong mấy thập niên qua đã tăng như sau: năm 1950: 241%; năm 1960: 247,6%; năm 1970: 255%; năm 1980: 289%; những năm 1990: khoảng 300%; những năm đầu thế kỷ XXI: khoảng 307%. Ở các nước Tây Âu cũng có mức tăng tương tự.

Cùng với sự phát triển của cách mạng công nghiệp và của chủ nghĩa tư bản đương đại, cơ chế bóc lột đã trở nên phức tạp và tinh vi hơn; chủ nghĩa Taylo, chủ nghĩa Fayol, chủ nghĩa Ford, chủ nghĩa Ford mới... lần lượt xuất hiện để biện minh cho tính "công bằng, sòng phẳng" trong quan hệ giữa tư bản với lao động. Thực tế, chủ nghĩa tư bản đương đại ngày càng có nhiều thủ đoạn và hình thức bòn rút lợi nhuận tinh vi, khiến không ít người lầm tưởng đến một thứ chủ nghĩa tư bản mới "nhân văn" hơn trước đây, như "chủ nghĩa tư bản nhân dân", "xã hội tham dự"... Nhưng, điều không thể che giấu được đó là sự hình thành một tầng lớp tư sản ăn bám, quý tộc, thực lợi, tài phiệt; sự thao túng có tính chất toàn cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia; tình trạng bất bình đẳng trong các quan hệ thương mại quốc tế; sự xuất hiện của cái gọi là chủ nghĩa thực dân kinh tế; sự áp đặt chính sách giữa Đông và Tây, giữa các nước giàu với các nước nghèo... Dưới những hình thức như xuất khẩu tư bản, tài trợ kinh tế, quân sự cho các nước khác, các nước tư bản thao túng toàn cầu, chế độ bóc lột được mở rộng ra toàn thế giới dưới những hình thức tinh vi hơn.

*Hai là,* tích lũy tư bản ngày càng lớn dựa trên cơ sở nâng cao năng suất lao động nhờ máy móc trang thiết bị hiện đại đã làm cho sự phân hóa xã hội trong chủ nghĩa tư bản thành giai cấp không lao động nhưng giàu có, đầy quyền lực, thống trị, áp bức đa số người lao động

sản xuất ra của cải xã hội nhưng nghèo khổ, bị tước mọi quyền và bị áp bức. Đó cũng chính là sản phẩm tất yếu của mọi xã hội có chế độ người bóc lột người dựa trên tư hữu về tư liệu sản xuất cho dù chế độ đó có sự thay đổi về mặt hình thức. Sự phân cực xã hội với biểu hiện kinh tế là sự phân hóa giàu - nghèo đã có trong các xã hội nô lệ và phong kiến nhưng không giống như trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Nạn nghèo đói của "thế giới văn minh" còn đang rất nặng nề; đói nghèo vẫn là một nỗi bất hạnh, một phi lý lớn.

Đây là vấn đề có tính quy luật của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Bởi vì, thể chế pháp quyền tư bản chủ nghĩa có đặc điểm cơ bản nhất là đảm bảo ưu thế về quyền lực của chủ thể sở hữu tư liệu sản xuất (lao động quá khứ) trong quan hệ so sánh với người sở hữu sức lao động (lao động sống). Mọi đạo luật trong xã hội tư sản đều ưu tiên bảo vệ lợi ích của các chủ thể sở hữu tư bản bất biến. Chính vì vậy, trong lĩnh vực phân phối lợi ích, người lao động luôn ở vào thế bất lợi khi đối mặt với giới chủ tư bản. Đó là tất cả căn nguyên của phân hóa giàu - nghèo trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

Hiện nay, trên thế giới có hơn 3 tỷ người, chiếm khoảng 40% dân số thế giới vẫn trong cảnh nghèo đói, với mức sống dưới 2 USD/ngày. Mỗi ngày có 22.000 trẻ em chết do nghèo đói. Ngay cả những nước tư bản phát triển nhất vẫn còn hàng trăm triệu người đã và đang ở ngưỡng nghèo đói. Theo báo cáo của tổ chức Oxfam công bố năm 2017, khoảng cách giữa 1% giới siêu giàu và 99% phần còn lại của thế giới ngày càng có xu hướng tăng; 82% của cải trên thế giới được tạo ra đã rơi vào túi 1% số người giàu nhất thế giới; 8 người giàu nhất thế giới có khối tài sản tương đương 3,6 tỷ người nghèo nhất cộng lại; 42 người giàu nhất thế giới nắm giữ 80% số tài sản toàn cầu. Ngân hàng Thế giới phản ánh, hiện nay 60% tổng sản phẩm toàn cầu nằm trong tay 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Có nghĩa là, chúng ta sống trong thời đại mà tài sản được phân chia không khác gì thời các Pharaoh Ai Cập cổ đại hoặc thời Louis XIV trước Cách mạng Pháp.

Thực tiễn trên khẳng định: "Chủ nghĩa tư bản là một thế giới không thể chấp nhận được" (René Dumond). Tỷ phú G.Soros, từ đầu thế kỷ XXI đã cảm nhận "thế giới này nhất định sẽ rơi vào khủng hoảng toàn cầu". Rõ ràng sự phân hóa giàu nghèo là "căn bệnh cố hữu" của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa chứ không phải chỉ là "mặt trái" của kinh tế thị trường nói chung như giới học giả phương Tây quan niệm, bởi nền kinh tế thị trường ở các nước xã hội chủ nghĩa như Trung Quốc, Việt Nam đã đạt được những kết quả xóa đói, giảm nghèo ấn tượng.

*Ba là,* khủng hoảng kinh tế là bạn đồng hành của chủ nghĩa tư bản. Từ cuộc khủng hoảng kinh tế lần đầu tiên nổ ra vào năm 1825 cho đến các cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay, nền kinh tế tư bản đã phải hứng chịu hàng chục lần khủng hoảng từ cục bộ cho đến toàn diện. Xu hướng trì trệ, ''suy thoái kinh tế" của Nhật Bản những thập niên qua, cuộc khủng hoảng năm 1998 ở các nước Đông Nam Á, năm 2008 ở Mỹ, khủng hoảng nợ công ở các nước Eurozone nhiều năm qua đã nói lên điều này. C.Mác đã từng viết: "Sự nghèo khổ của quần chúng và tính chất hạn chế của sự tiêu dùng của họ, đối lập với cái xu hướng của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là muốn phát triển các lực lượng sản xuất tựa hồ như chúng chỉ bị hạn chế bởi sức tiêu dùng tuyệt đối của xã hội mà thôi"[1].

Nguyên nhân sâu xa của khủng hoảng là do những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản mà cốt lõi là mâu thuẫn giữa sự phát triển vô cùng mạnh mẽ của lực lượng sản xuất với tính chất chật hẹp của chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Dựa trên cơ sở lý luận giá trị và giá trị thặng dư, C.Mác cho rằng công nhân làm thuê luôn sản xuất ra một lượng giá trị mà họ không thể nào mua hết được, đó chính là giá trị thặng dư. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa chỉ tồn tại trong chừng

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.25, p.2, tr.44.

mực mà công nhân luôn phải sản xuất ra giá thặng dư cho nhà tư bản hay cơ sở của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự bóc lột ngày càng nhiều giá trị thặng dư. Do đó, sản xuất "thừa" là tình trạng hiển nhiên.

Các cuộc khủng hoảng kinh tế dẫn đến những bất ổn chính trị - xã hội rộng lớn tại các trung tâm kinh tế: Mỹ với phong trào "Chiếm phố Wall", hàng triệu người dân châu Âu (Italia, Hy Lạp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha...) đã xuống đường biểu tình chống lại những chính sách kinh tế của chính phủ...

Có thể thấy, hiện nay trong chủ nghĩa tư bản khuynh hướng "phát triển vô cùng nhanh" nổi trội hơn so với khuynh hướng ngừng trệ, thối nát vốn có của nó. Chủ nghĩa tư bản vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển, song đó là sự phát triển trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản và tiềm năng phát triển đó không phải là vô hạn. Càng phát triển, mâu thuẫn càng sâu sắc, phức tạp.

Trong thời đại cách mạng khoa học công nghệ và kinh tế tri thức, giai cấp công nhân có nhiều biến đổi, đặc biệt về cơ cấu giai cấp. Nhưng dù thế nào, họ vẫn là người bị bóc lột về kinh tế, bị áp bức về chính trị, bị nô dịch về văn hóa. Trong xã hội tư bản, văn minh càng cao, khoa học càng phát triển thì văn hóa, đạo đức, lối sống, bạo lực, bất ổn càng lớn. Các nhân tố chống chủ nghĩa tư bản không ngừng tích tụ bên trong lòng của nó. Federico Mayor, nguyên Tổng Thư ký UNESCO đã nhận xét rằng: "Chưa bao giờ như ngày nay, sự căng thẳng về khoa học và lương tâm, giữa kỹ thuật và đạo đức lên tới cực điểm đã trở thành mối đe dọa toàn thế giới".

Trong thời đại cách mạng khoa học công nghệ, giai cấp công nhân vẫn là lực lượng quyết định số phận của chủ nghĩa tư bản. Lực lượng ấy là mặt đối lập với giai cấp tư sản, vẫn từng bước tích tụ sức mạnh để quyết định số phận diệt vong của chủ nghĩa tư bản. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) ở Việt Nam chỉ rõ: "Hiện tại, chủ nghĩa tư bản

còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ tư hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động các nước sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản"[1].

Mặt khác, cách mạng khoa học công nghệ và kinh tế tri thức đã thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, đem lại những thay đổi to lớn quá trình cũng như phương thức sản xuất, chuẩn bị các yếu tố cơ bản cho tương lai của chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI. *Một là*, quyền lợi tư bản đã bị suy yếu đi tương đối, các yếu tố như thông tin và tri thức chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong sản xuất, khó có thể tách biệt khỏi người lao động, đặc biệt là người lao động trí óc; nền kinh tế mới được tạo ra từ cuộc cách mạng thông tin đã khiến cho tỷ lệ các yếu tố vật chất của sản phẩm ngày càng nhỏ. *Hai là*, sự phát triển của công nghệ thông tin đòi hỏi người lao động phải nắm bắt được kiến thức và kỹ năng tiên tiến, có nền tảng giáo dục và văn hóa cao, điều này sẽ góp phần giúp người lao động phát triển một cách toàn diện. Cùng với sự phát triển của cách mạng khoa học công nghệ và kinh tế tri thức, chủ nghĩa tư bản cũng sẽ đạt đến giới hạn cuối cùng. Chính vì vậy, kiên định với mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với quy luật của lịch sử, phù hợp với học thuyết hình thái kinh tế - xã hội do C.Mác xây dựng.

Do đó, việc phát hiện và định hướng đất nước ta phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là áp đặt chủ quan mà phản ánh đúng tiến

---

[1] *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2018, t.69, tr.501.

trình lịch sử - tự nhiên của các hình thái kinh tế - xã hội. Vấn đề hiện nay là phải làm rõ bước đi, cách thức cụ thể thực hiện mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Ở Việt Nam, tác động của cách mạng khoa học công nghệ và kinh tế tri thức liên quan trực tiếp đến định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, đạo đức, lối sống, chuyển dịch cơ cấu giai cấp, vấn đề bản chất giai cấp công nhân của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Tự động hóa xâm nhập và phát triển sẽ có hàng loạt người lao động ra khỏi dây chuyền sản xuất; đô thị hóa nhanh sẽ dẫn đến phân hóa giàu nghèo, giai tầng ngày càng lớn... Tình hình ấy kéo theo tệ nạn xã hội, sự xuống cấp về đạo đức, xu hướng mờ nhạt truyền thống, văn hóa dân tộc, lối sống ảo, tư tưởng "hiện sinh" có sức hấp dẫn làm cho giới trẻ tin vào những lời "tiên tri" tôn giáo về "ngày tận thế", tin vào sự "vĩnh hằng" của chế độ tư bản chủ nghĩa... Những vấn đề trên tồn tại như một thách thức đối với dân tộc ta. Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, không còn con đường nào khác ngoài việc nhận thức một cách đúng đắn tính tất yếu khách quan của việc lựa chọn con đường này, đồng thời tranh thủ những thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ và kinh tế tri thức để phát triển lực lượng sản xuất, tạo nền tảng cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

*Tóm lại*, xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản cho thấy đây là chế độ vẫn còn tồn tại những áp bức bất công, chưa phải là điểm đến cuối cùng của "mong muốn" của con người. Chủ nghĩa tư bản không phải là hình thái - xã hội vĩnh hằng, khi nó thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất và xã hội hóa thì sẽ bị hình thái xã hội thích ứng được với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất mới thay thế. Đây chính là những tiền đề vật chất, những yếu tố, mô hình của chủ nghĩa xã hội đang được tạo ra ngày một nhiều và rõ hơn, ngay chính trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Cho nên, phát triển theo

định hướng xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn phù hợp với quy luật phát triển khách quan và khát vọng của nhân loại. Hay nói cách khác, chủ nghĩa tư bản đương đại luôn tiến hành điều chỉnh để có thể thích nghi với thời đại, nhưng cũng chính vì thế mà tự làm nảy sinh những vấn đề mới, ngoài ý muốn của nó. Chủ nghĩa tư bản sẽ bị hút dần một cách không tự giác vào một trật tự xã hội mà những mầm mống và yếu tố của nó sẽ là những điều kiện dẫn tới việc thay thế chế độ tư hữu bằng chế độ công hữu trên cơ sở cuộc đấu tranh giai cấp được tiến hành theo một cách thức mới.

# PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỆU SAI TRÁI, XUYÊN TẠC BẢN CHẤT TỐT ĐẸP VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI*

*Ngô Thị Phương Liên***

***Tóm tắt:*** Kể từ khi ra đời, chủ nghĩa Mác luôn là đối tượng mà giai cấp tư sản và các thế lực chống tiến bộ xã hội tìm mọi cách để phủ nhận. Với nhiều thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, nhiều chính trị gia, tư tưởng gia tư sản đã ra sức bôi nhọ, cắt xén, xuyên tạc nhằm thủ tiêu học thuyết khoa học và cách mạng ấy. Luận điệu của họ là đề cao một chiều sự phồn vinh, sự tự do, dân chủ mà chủ nghĩa tư bản đem lại, đồng thời phủ nhận trắng trợn các giá trị tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội. Những luận điệu trên không còn xa lạ với nhân loại tiến bộ và những ai yêu mến chủ nghĩa xã hội, song người ta thấy tần suất xuất hiện cũng như sự trâng tráo của nó đã lên đến đỉnh điểm. Hầu như toàn bộ sức mạnh của bộ máy truyền thông khổng lồ của phương Tây nhằm tô vẽ cho chế độ tư bản chủ nghĩa và hạ bệ chủ nghĩa xã hội. Vậy, nguyên nhân nào của thực trạng trên và tại sao chủ nghĩa xã hội lại bị xuyên tạc như vậy?

***Từ khóa:*** *Chủ nghĩa xã hội; phản bác luận điệu sai trái; thủ đoạn xuyên tạc, phủ nhận học thuyết Mác*

## Nhận diện sự xuyên tạc nhằm phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin

Như chúng ta đã biết, sau hơn nghìn năm tồn tại, chế độ phong kiến đã bộc lộ toàn bộ bản chất lỗi thời về kinh tế và phản động về

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Vụ Quản lý khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

chính trị. Từ một thế lực kinh tế được nảy sinh trong lòng trật tự phong kiến, giai cấp tư sản đã tiến hành các cuộc cách mạng tư sản và trở thành giai cấp thống trị xã hội, mở ra thời đại tư bản chủ nghĩa. Sau một thời kỳ phát triển thịnh vượng, với nhiều thành tựu to lớn được tạo ra, đến lượt mình, cũng như các giai cấp bóc lột đã từng thống trị xã hội, giai cấp tư sản từng bước đánh mất vai trò cách mạng của mình và trở thành lực cản cho tiến bộ xã hội.

Trước nỗi thống khổ của người lao động bởi ách áp bức, bóc lột hà khắc của giai cấp tư sản, nhiều nhà tư tưởng tiến bộ đã cho ra đời nhiều học thuyết xã hội nhằm lên án trật tự tư bản chủ nghĩa và phác họa về một xã hội tương lai tốt đẹp hơn. Đáng tiếc là, do sự phát triển của lịch sử chưa chín muồi nên mặc dù mang tính nhân đạo rất sâu sắc song về cơ bản các lý thuyết đó thiếu cơ sở khoa học chắc chắn và trở thành không tưởng.

Bước sang nửa đầu thế kỷ XIX, nhân loại đã đạt được những bước tiến lớn, nhiều thành tựu khoa học được phát kiến. Đặc biệt, xã hội đã hình thành giai cấp công nhân - một giai cấp gắn liền với đại công nghiệp, là chủ thể của nền đại công nghiệp. Trong bối cảnh đó, chủ nghĩa Mác với tư cách là sự giải đáp những nhu cầu bức thiết của xã hội, trên cơ sở tiếp thu những tinh hoa tư tưởng của thời đại đã ra đời. Học thuyết đó đã vạch rõ con đường mà nhân loại tất yếu sẽ đi qua để kiến tạo một chế độ xã hội tốt đẹp hơn, công khai tuyên bố chủ nghĩa tư bản tất yếu phải diệt vong và chủ nghĩa cộng sản tất yếu sẽ ra đời.

Hơn 70 năm sau *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, nhà cách mạng, nhà tư tưởng vĩ đại V.I.Lênin đã hiện thực hóa chủ nghĩa Mác, biến chủ nghĩa Mác từ một học thuyết trở thành hiện thực sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga. Kể từ đó, chủ nghĩa xã hội hiện thực từng bước lớn mạnh, trở thành hệ thống thế giới, chi phối xu thế phát triển của thời đại.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, sau hơn 70 năm tồn tại và phát

triển, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ, phong trào cách mạng thế giới rơi vào giai đoạn khủng hoảng, thoái trào. Từ thực tế đó, các chính khách, tư tưởng gia tư sản đã nhận thấy cơ hội thuận lợi để tấn công chủ nghĩa xã hội nhằm phủ nhận tận gốc chủ nghĩa Mác-Lênin cả trên phương diện học thuyết lẫn phương diện thực tiễn. Họ trắng trợn cho rằng, sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là minh chứng hùng hồn cho sự sai lầm của chủ nghĩa Mác-Lênin. Rằng, đó là học thuyết có tính không tưởng bởi nó không thể chứng minh bản thân nó qua thực tiễn, chủ nghĩa xã hội là một chế độ chia đều sự nghèo đói cho mọi người. Họ trâng tráo đánh đồng sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, những khó khăn của Venezuela, của Cuba và một số quốc gia khác "không thân thiện" (vốn là nạn nhân của họ) làm minh chứng cho sự nghèo đói của chủ nghĩa xã hội... Gần đây, ngày 25-9-2018, trong bài phát biểu gây tranh cãi của mình tại Đại hội đồng Liên hợp quốc, Tổng thống Mỹ khi đó là Donald Trump đã cho rằng từ Liên Xô đến Cuba, đến Venezuela, bất cứ nơi nào chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa cộng sản thực sự được áp dụng, nó đều mang lại đau khổ, tàn phá và thất bại[1]. Ông ta còn thẳng thừng quy chụp những ai rao giảng nguyên lý của những hệ tư tưởng đầy tai tiếng này chỉ góp phần kéo dài đau khổ cho những người phải sống dưới những chế độ độc ác này[2].

Những thủ đoạn tấn công hạ bệ chủ nghĩa xã hội trên đây là vô cùng thâm độc và tác hại khôn lường bởi nó làm tăng sự sợ hãi chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng của người dân thiếu thông tin, nhất là giới trẻ. Trên thực tế, hiệu ứng của nó còn lớn hơn khi chúng ta thấy hiện

---

[1] Nguyên văn *"From the Soviet Union to Cuba, to Venezuela, wherever true socialism or communism has been adopted, it has delivered anguish and devastation and failure".*

[2] Nguyên văn *"Those who preach the tenets of these discredited ideologies only contribute to the continued suffering of the people who live under these cruel systems".*

chủ nghĩa tư bản đang tạm thời có những ưu thế nhất định và nhất là cục diện thế giới đang có những biến động không có lợi cho chủ nghĩa xã hội. Các biến động đó nảy sinh từ sự dao động niềm tin của một số chính đảng công nhân với sự xa rời những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và đặc biệt là từ sự khó khăn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công cuộc đó, như đã biết, vô cùng vĩ đại nhưng khó khăn to lớn và chưa có tiền lệ nên dễ phạm những sai lầm mà khó lường hết được.

Vấn đề đặt ra ở đây là, có phải chủ nghĩa tư bản đưa đến sự phồn vinh còn chủ nghĩa xã hội chỉ mang lại khổ đau cho con người?

**Bản chất tốt đẹp và giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội**

Trả lời câu hỏi trên, chúng ta phải quay trở lại lịch sử và đặc biệt phải quay lại để tìm hiểu bản chất của học thuyết Mác.

Điều đầu tiên dễ nhận thấy là, trong hành trình lâu dài của mình, nhân loại đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển từ thấp lên cao. Theo nhà dân tộc học nổi tiếng Mooc-găng, đã có 3 giai đoạn phát triển chính là mông muội, dã man và văn minh. Theo Alvin Tofler thì đó là 3 làn sóng gồm văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp. Trên cơ sở tổng kết lịch sử, kế thừa những thành tựu của nhân loại, C.Mác phân chia lịch sử nhân loại thành 5 hình thái kinh tế - xã hội bao gồm cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Mặc dù các quan điểm trên có những khác biệt song có điểm chung bởi họ đều xem lịch sử loài người là một quá trình phát triển từ thấp lên cao. Theo đó, sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, không nghi ngờ gì nữa, là một bước tiến lớn lao của nhân loại. Chính C.Mác cũng đã nhiều lần xác nhận điều này và được thể hiện một cách rất thuyết phục trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Với tư duy biện chứng sâu sắc, giàu chất liệu thực tiễn, C.Mác đã cho thấy quá trình ra đời của giai cấp tư sản, của chủ nghĩa tư bản và

cùng với nó là những thành tựu to lớn mà giai cấp ấy đã tạo nên. Theo C.Mác, Ph.Ăngghen: "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại"[1].

Mặc dù đánh giá cao những thành tựu của chủ nghĩa tư bản, C.Mác đã phê phán một cách sâu sắc chủ nghĩa tư bản và bản chất phản động của giai cấp tư sản, nhất là khi nó quay lưng với các lực lượng cách mạng đã từng theo nó làm cách mạng tư sản. Mặc dù đã tạo ra một lực lượng sản xuất khổng lồ, đủ để đè bẹp chế độ phong kiến và khuất phục toàn thế giới, biến nó theo khuôn mẫu của giai cấp tư sản song đến lượt mình, giai cấp tư sản đã trở thành phản động, thành lực cản cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. Theo đó, chính quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên việc chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất là xiềng xích ngăn cản sự tiến bộ không chỉ của lực lượng sản xuất mà còn của các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Chính vì vậy, vượt qua chủ nghĩa tư bản cũng có nghĩa giải phóng nhân loại khỏi tù ngục, mở đường cho tiến bộ xã hội.

Vấn đề đặt ra là, xã hội loài người sẽ đi về đâu một khi chủ nghĩa tư bản đã bị vượt qua. Bằng tổng kết lịch sử và kế thừa thành tựu của nhân loại, C.Mác đã phác thảo những nét cơ bản nhất của xã hội tương lai - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Xã hội ấy được luận chứng trên cơ sở kế thừa những thành tựu của nhân loại đã đạt được trước đó và tạo ra không gian phát triển mới vô cùng rộng lớn cho các lực lượng xã hội. Vì vậy, trên cơ sở lực lượng sản xuất phát triển cao độ, cao hơn lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhân loại sẽ đạt được một cách thực sự, thực chất các giá trị cơ bản như tự do, dân chủ, công bằng, bình đẳng... Xã hội sẽ không còn tình trạng "cừu ăn thịt người", "cá lớn

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.4, tr.603.

nuốt cá bé" mà là một xã hội đại đồng. C.Mác khẳng định: "Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"[1].

Có hai điểm mà chúng ta cần nhắc lại, đó là: *Một là,* ý tưởng về một xã hội tương lai tốt đẹp hơn chủ nghĩa tư bản không phải là ý tưởng duy nhất của những người sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin. *Hai là,* cho rằng chủ nghĩa xã hội mang lại sự đau khổ là một luận điệu xuyên tạc trắng trợn bản chất của học thuyết Mác.

*Về vấn đề thứ nhất*, trước C.Mác, kể từ khi bắt đầu trưởng thành, nhân loại đã từng khao khát về một tương lai tốt đẹp. Những ước vọng ấy đã được hóa thân trong các truyền thuyết, huyền thoại, lý thuyết tôn giáo mà rõ rệt nhất là trong tư tưởng của các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác. Điều này cho thấy, lý thuyết khoa học về chủ nghĩa xã hội không biệt lập mà thực chất là sự tiếp tục các tư tưởng đã có trong lịch sử, được nâng cấp lên một trình độ mới, khoa học và thực tiễn hơn, phản ánh chân xác hơn hành trình lịch sử.

*Về vấn đề thứ hai,* về bản chất, chủ nghĩa Mác-Lênin không phải là một tập hợp tư tưởng có tính tư biện, vô căn cứ hay chỉ là biểu hiện thuần túy của những khát vọng chủ quan. Đó là một học thuyết mà nền móng của nó là các luận cứ, luận điểm khoa học được rút tỉa, đúc kết qua tổng kết thực tiễn lịch sử nhân loại và do đó nó cũng mang bản chất cách mạng. Và vì học thuyết Mác-Lênin có tính khoa học và cách mạng nên những thế lực bảo thủ, cố tình ngăn cản tiến bộ xã hội tìm mọi cách tiêu diệt. Trong tác phẩm nổi tiếng *Nhà nước và cách mạng,* V.I.Lênin nhận định: "Khi các nhà cách mạng vĩ đại còn sống, thì những giai cấp áp bức thường đền ơn họ bằng những sự truy nã không ngớt; chúng đón tiếp học thuyết của họ bằng một thái độ cừu

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.4, tr.628.

hận dã man nhất, bằng một thái độ căm thù điên cuồng nhất, bằng những chiến dịch nói dối và vu cáo trắng trợn nhất. Sau khi họ chết, chúng tìm cách biến họ thành những thần tượng vô hại, có thể nói là liệt họ vào hàng các vị thánh, gắn lên tên tuổi họ một ít vinh quang, để "an ủi" và mê hoặc các giai cấp bị áp bức; đồng thời, chúng tước hết nội dung của học thuyết cách mạng của họ đi, tầm thường hóa học thuyết đó và làm cùn khía sắc bén cách mạng của nó"[1].

Vậy bản chất của học thuyết Mác là gì? Bất cứ ai nghiên cứu học thuyết đó một cách nghiêm túc đều nhận thấy, thế giới quan của C.Mác sau khi đã trưởng thành là thế giới quan duy vật triệt để hay duy vật biện chứng. Bằng thế giới quan do mình sáng tạo ra, C.Mác đã áp dụng vào nghiên cứu xã hội và C.Mác gần như đã dành trọn cuộc đời của mình để đi sâu nghiên cứu lĩnh vực kinh tế với một di sản đồ sộ mà đỉnh cao là bộ *Tư bản*.

Lý do của lựa chọn trên ở chỗ, C.Mác cho rằng, mặc dù xã hội là một hệ thống phức tạp song suy cho cùng, sản xuất vật chất là hoạt động cơ bản, nền tảng nhất. Trong vô vàn lĩnh vực của đời sống xã hội, nhân tố kinh tế suy cho cùng đóng vai trò quyết định nhất. Lập trường đó là nhất quán khi nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Theo đó, nhờ những tiến bộ trong sản xuất mà biểu hiện của nó là tạo ra được năng suất lao động cao hơn xã hội phong kiến, giai cấp tư sản từng bước trở thành một thế lực kinh tế hùng mạnh. Đến lượt nó, giai cấp ấy từng bước bước lên vũ đài chính trị và trở thành thế lực thống trị ở quy mô toàn thế giới.

Sau thời kỳ hoàng kim, với tư cách đại diện cho tiến bộ xã hội, giai cấp tư sản từng bước đánh mất bản thân mình, từng bước trở thành lực cản của phát triển. Nguyên nhân của tình trạng trên, mấu chốt là ở chỗ, quan hệ sản xuất dựa trên việc chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất càng ngày càng không tương thích với

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.33, tr.7.

yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất có tính xã hội hóa ngày càng cao độ. Kết quả là, chính quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với tư cách là hình thức phát triển phù hợp với lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa ở giai đoạn đầu nay trở thành lực cản cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất đó cần bị thay thế bởi một quan hệ sản mới phù hợp hơn. Quan hệ đó chính là quan hệ sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

Nhờ quan hệ sản xuất mới tiến bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất có tính xã hội hóa cao độ, nhân loại có khả năng tạo ra của cải vật chất ngày càng dồi dào và đến một lúc nào đó, có thể phân phối sản phẩm theo nguyên tắc, làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu. Tất nhiên, ở chủ nghĩa xã hội - giai đoạn phát triển thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, do trình độ có hạn của lực lượng sản xuất nên phân phối cơ bản theo nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động. Tư tưởng này được C.Mác trình bày trong tác phẩm nổi tiếng *Phê phán cương lĩnh Gô-ta*.

Như vậy, trong chủ nghĩa xã hội, chế độ bóc lột từng bước bị xóa bỏ và người lao động trở thành người làm chủ xã hội. Công bằng, bình đẳng và các giá trị tiến bộ khác từng bước được xác lập. Những giá trị đó chỉ có được, tất yếu, do sự phát triển mạnh mẽ và đạt được trình độ cao của lực lượng sản xuất.

Đến đây, chúng ta có thể nói, một học thuyết khoa học và cách mạng luận chứng cho sự ra đời một chế độ xã hội mới tốt đẹp hơn chủ nghĩa tư bản không thể không phát triển và hơn nữa không phải là chế độ xã hội mang lại sự đau khổ cho mọi người. Lý do bởi, đó là xã hội mà lực lượng sản xuất phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản, đặc biệt đặc quyền áp bức, bóc lột của thiểu số tư sản với tính cách là một chế độ xã hội đối với người lao động bị xóa bỏ.

**Những thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội**

Những luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, xuyên tạc chủ

nghĩa xã hội còn bị bóc trần bởi thực tiễn của nhân loại và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Điều dễ nhận thấy là, sau cơn địa chấn của thế kỷ XX, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các quốc gia khu vực Đông Âu sụp đổ, trào lưu phê phán, phủ nhận chủ nghĩa xã hội được truyền thông phương Tây cổ xúy lên đến đỉnh điểm. Chủ nghĩa Mác-Lênin được mô tả như là một lý thuyết không tưởng và Cách mạng Tháng Mười được xem là một sự ăn may hay là một sản phẩm đẻ non. Điều đó đồng nghĩa với việc xuyên tạc chủ nghĩa xã hội, phủ nhận những thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội.

Người ta cố tình không đếm xỉa đến một thực tế rằng, từ một quốc gia chuyên chế, phát triển ở trình độ trung bình của thế giới, nước Nga và sau đó là Liên bang Xôviết đã làm nên một kỳ tích vĩ đại. Chỉ trong vòng chưa đầy 20 năm sau Cách mạng Tháng Mười Nga, Liên Xô đã hoàn thành công cuộc công nghiệp hóa (trong khi các nước tư bản phải mất hàng trăm năm), trở thành một cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (chỉ sau nước Mỹ). Nhờ đó đã tạo nền tảng cho việc nâng cao đời sống người dân về mọi mặt, tích lũy đủ tiềm lực để ngăn chặn, đẩy lùi, chiến thắng chủ nghĩa phát xít.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, từ đống tro tàn, nhân dân Liên Xô đã nhanh chóng đứng dậy, khôi phục hậu quả rất nặng nề của chiến tranh và phát triển đất nước với những thành tựu kỳ diệu. Liên Xô đã đuổi kịp và vượt Mỹ trên một số lĩnh vực, trở thành thành trì của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Liên Xô đã có những thành tích đáng khâm phục trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhờ đó trình độ khoa học công nghệ đã tiến bộ vượt bậc, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt là trong ngành hàng không vũ trụ. Cho đến nay, những thành tựu của Liên Xô về chinh phục vũ trụ mãi mãi là niềm tự hào không chỉ của nhân dân Liên Xô mà còn là của toàn nhân loại.

Được sự hỗ trợ của Liên Xô, chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ

thống thế giới, góp phần ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hòa bình và chi phối xu thế vận động của thời đại. Bằng ảnh hưởng của mình, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã cổ vũ, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Cùng với đó, nó cổ vũ phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong các quốc gia tư bản chủ nghĩa, tấn công vào dinh lũy của chủ nghĩa đế quốc.

Trước sức mạnh và tầm ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản bắt buộc phải điều chỉnh để tồn tại và mặt khác nhằm xoa dịu sự phẫn nộ của người dân, một sự phẫn nộ có nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chủ nghĩa tư bản. Những điều chỉnh đó, trên thực tế đã đưa lại những hệ quả phần nào có lợi cho người lao động. Cũng vì những áp lực đến từ hệ thống xã hội chủ nghĩa, trên lĩnh vực tư tưởng, các tư tưởng gia tư sản buộc phải sáng tạo ra nhiều lý thuyết, học thuyết mới để biện minh cho sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản như lý thuyết hội tụ hay các lý thuyết về nhà nước phúc lợi chung...

Đáng tiếc là, do những sai lầm chủ quan và cả sự phản bội của người đứng đầu cùng sự chống phá quyết liệt của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các quốc gia khu vực Đông Âu đã sụp đổ. Tổn thất ấy là vô cùng to lớn song đó chỉ là thất bại của một mô hình, một chế độ cụ thể mà không phải và không thể là sự thất bại của học thuyết Mác-Lênin.

Bằng chứng của nhận định trên là, các quốc gia xã hội chủ nghĩa còn lại đã tự cảnh tỉnh, nhận thức lại chủ nghĩa xã hội, kiên quyết đổi mới theo con đường của học thuyết Mác-Lênin. Công cuộc đó còn lâu dài, gian khổ nhưng bước đầu đã đạt được những thành tựu to lớn. Sau 40 năm tiến hành cải cách, mở cửa, Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về mọi mặt, đã vượt Nhật Bản trở thành nền kinh tế có tổng lượng GDP lớn thứ hai trên thế giới sau Mỹ vào năm 2010[1].

---

[1] https://tcnn.vn/news/detail/41652/Trung-Quoc-Nhin-lai-qua-trinh40-nam-cai-cach-mo-cua.html

Đất nước Cuba, một quốc đảo nhỏ bé bên cạnh một "sen đầm quốc tế" vẫn hiên ngang trụ vững trước mọi mưu toan thâm độc của kẻ thù... Mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ và phương Tây nhưng Cuba là một trong số rất ít đất nước trên thế giới có hệ thống giáo dục và y tế miễn phí cho tất cả người dân. Tổ chức Y tế thế giới đã đánh giá Cuba là một trong những quốc gia dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực y tế. Cuba cũng là đất nước có ngành công nghệ sinh học phát triển, điều chế thành công nhiều loại thuốc, vacine đặc chủng, đặc biệt đã chế tạo thành công vacine chống Covid-19 Abdala có hiệu quả lên tới trên 90%. Cuba trở thành nhà cung cấp dược phẩm hàng đầu cho khu vực Mỹ Latinh và nhiều quốc gia châu Á. Những thành tựu thần kỳ của nền y tế Cuba cho thấy giả thuyết về mối tương quan giữa "năng lực tài chính" với "khả năng chăm sóc sức khỏe" không phải trường hợp nào cũng đúng, và điều đó cho thấy một khía cạnh về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội[1].

Sau hơn gần nửa thế kỷ bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Việt Nam đã vươn mình đứng dậy, đổi mới và phát triển vượt bậc, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện, như lời Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: "Với tất cả sự khiêm tốn của người cách mạng, có thể nói rằng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, uy tín và vị thế như ngày nay"[2]. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2016-2020 đạt khoảng 6%/năm và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới[3]. Trong giai đoạn 2016-2019, Việt Nam đã vươn lên trở thành một

---

[1] http://hvctcand.edu.vn/nghien-cuu-quoc-te/suc-song-cua-cach-mang-cuba-tu-cap-nhat-mo-hinh-moi-ve-chu-nghia-xa-hoi-3621

[2] Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng phát biểu nhân dịp đầu Xuân Canh Tý 2020 và kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

[3] Chính phủ: *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025*

trong những nước dẫn đầu thế giới về sản xuất công nghiệp phần cứng, điện tử - viễn thông; đứng thứ 2 về sản xuất điện thoại và linh kiện, thứ 10 thế giới về sản xuất điện tử và linh kiện, vượt qua nhiều cường quốc như Hoa Kỳ, Đức, Ấn Độ, Brazil, Singapore[1]. Việt Nam đã hoàn thành, về đích trước 10 năm so với Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG) về giảm nghèo, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Điều đáng lưu ý nữa, trong bối cảnh rất khó khăn, những giá trị, những nhân tố của chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục nảy sinh trong lòng xã hội hiện đại. Vì lý do đó, 8 năm sau ngày Liên Xô sụp đổ, ở nơi gọi là sân sau của Mỹ đã bùng phát một phong trào cách mạng mới, đó là "chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI" được các lực lượng cánh tả Mỹ Latinh theo đuổi bất chấp sự thao túng, áp chế của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là Mỹ.

Thực tế trên đây cho thấy, chủ nghĩa xã hội vẫn là mục tiêu mà nhân loại hướng đến. Sự lựa chọn chủ nghĩa xã hội đã chứng minh rằng, lý tưởng của nó là tốt đẹp. Đó không thể và không phải là một chế độ nghèo đói hay đau khổ. Chủ nghĩa xã hội là tất yếu bởi nhân loại quyết không chấp nhận một thế giới tư bản chủ nghĩa chỉ do 1% người giàu có đại diện, quyết không chấp nhận một trật tự duy trì tình trạng "cừu ăn thịt người" cho dù nó được tô vẽ là một xã hội thịnh vượng và dân chủ.

---

[1] https://consosukien.vn/nganh-cong-nghe-thong-tin-va-vien-thong-diem-sang-trong-mua-dich.htm

# PHÊ PHÁN LUẬN ĐIỆU SAI TRÁI VỀ QUAN HỆ GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG*

*Nguyễn Anh Tuấn***

***Tóm tắt:*** Bài viết nhận diện, nêu tác hại của các luận điệu sai trái về quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc đối với nền tảng tư tưởng của Đảng và trình bày, phân tích luận cứ phản bác các luận điệu sai trái về quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc nhằm góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng.

***Từ khóa:*** *Phê phán; luận điệu sai trái; giai cấp và dân tộc; nền tảng tư tưởng*

## 1. Nhận diện quan điểm sai trái về quan hệ biện chứng giữa giai cấp - dân tộc và tác hại của nó đối với nền tảng tư tưởng của Đảng

Lý luận về quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc là một trong những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng lý luận khoa học, cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ lâu, đây luôn là một trong những trọng điểm nóng bỏng của cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận. Trong thời gian gần đây, các thế lực thù địch, phản động vẫn tiếp tục sử dụng các luận điệu xuyên tạc, đả phá, phủ nhận quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc cả về phương diện lý luận và thực tiễn

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

hòng phủ nhận nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng, vai trò lãnh đạo của Đảng cũng như sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc mà các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị sử dụng là rất đa dạng cả về nội dung và hình thức. Có nội dung, hình thức quen thuộc, cũ rích, trực diện được chúng "nhai đi nhai lại" nhưng cũng không thiếu những nội dung, luận điệu mới uốn lượn, lắt léo, tinh vi không dễ nhận diện... Chủ thể của những quan điểm, luận điệu đó là các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước với danh nghĩa là các "công dân", "nhà báo", "nhà văn", "nhà dân chủ", "trí thức", "học giả", "nhà nghiên cứu", "người yêu nước", "nhà hoạt động xã hội", "chuyên gia độc lập"... Chúng cho rằng chủ nghĩa Mác-Lênin xem nhẹ vấn đề dân tộc, đề cao vấn đề giai cấp, lấy đấu tranh giai cấp làm nền tảng; còn ngược lại, Hồ Chí Minh là người dân tộc chủ nghĩa chứ không phải là người cộng sản (!). Theo chúng, vài ba chục năm qua, nhờ "từ bỏ chuyên chính vô sản" mà Việt Nam có đổi mới, phát triển, hội nhập; do đó, hiện nay nếu tiếp tục nói đến đấu tranh giai cấp là "không thức thời và sẽ gây sự phân hóa, chia rẽ nội bộ dân tộc" (!). Đảng nên và cần "đổi mới" "mạnh mẽ" và "triệt để" hơn, thậm chí Đảng "nên" từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, chỉ cần giữ lại tư tưởng Hồ Chí Minh là đủ (!)... Đây là những quan điểm phiến diện, lệch lạc, sai trái, phản khoa học, phản động về chính trị. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ, truyền thông, mạng xã hội phát triển như hiện nay chúng có thể gây ra những tác hại khôn lường cho cá nhân và xã hội; gây ra những tác động tiêu cực rất phức tạp có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh tư tưởng, an ninh văn hóa, an ninh chính trị, an ninh quốc phòng và nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

Những quan điểm, luận điệu như trên được ngụy trang, đăng tải, phát tán bằng nhiều hình thức, thủ đoạn tinh vi, nhất là thông qua mạng xã hội, qua đó, tiếp cận, tác động đến nhiều đối tượng trong xã

hội. Trên thực tế, không ít người, trong đó có thanh niên, trí thức, kể cả một số cán bộ, đảng viên từng ít nhiều có thành tích, cống hiến cũng đã bị lung lạc, dao động, suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sa vào "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", "trở cờ" và phản bội lại sự nghiệp của Đảng, nhân dân và dân tộc. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ, giải pháp để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta cần phải nâng cao cảnh giác, tỉnh táo, sáng suốt nhận diện và kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm, hành vi sai trái của các thế lực phản động, thù địch và cơ hội chính trị bằng những cơ sở, căn cứ khoa học vững chắc, thuyết phục cả về lý luận và thực tiễn.

**2. Một số luận cứ phê phán luận điệu sai trái về quan hệ giai cấp và dân tộc, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng**

*Thứ nhất,* phát hiện giai cấp, đấu tranh giai cấp không phải là công lao của những người sáng lập chủ nghĩa Mác. Một trong những điểm mới cơ bản của chủ nghĩa Mác là chứng minh rằng: đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và xác lập nền chuyên chính vô sản. Và chuyên chính vô sản "không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yếu là bạo lực"...

Nhiều lý luận gia tư sản trước Mác đã luận giải về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Trong *Thư gửi G.Vâyđơmâye* đề ngày 05-3-1852, C.Mác đã giải thích rõ điều này: "... tôi không có công lao là đã phát hiện ra sự tồn tại của các giai cấp trong xã hội hiện đại, cũng không phải có công lao là đã phát hiện ra cuộc đấu tranh giữa các giai cấp với nhau. Các nhà sử học tư sản trước tôi rất lâu đã trình bày sự phát triển lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp đó, còn các nhà kinh tế học tư sản thì đã trình bày sự giải phẫu kinh tế của các giai cấp. Cái mới mà tôi đã làm là chứng minh rằng: 1) sự tồn tại của các giai cấp chỉ gắn với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất, 2) đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản, 3) bản thân nền

chuyên chính này chỉ là bước quá độ tiến tới thủ tiêu mọi giai cấp và tiến tới xã hội không có giai cấp..."[1]. Như vậy, giai cấp và đấu tranh giai cấp là hiện thực lịch sử khách quan; sự tồn tại của hiện thực ấy không lệ thuộc vào ý muốn chủ quan của bất kỳ ai. Các học giả tư sản và những người sáng lập chủ nghĩa Mác đều nhận thấy và phản ánh hiện thực ấy. Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác tiến xa hơn nhiều so với các nhà lý luận tư sản ở chỗ không chỉ phản ánh, giải thích đúng hiện thực về giai cấp và đấu tranh giai cấp mà còn vạch rõ nguồn gốc, bản chất, xu hướng, quy luật vận động, phát triển tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội hiện đại. Theo đó, đấu tranh giai cấp là động lực, nhưng không phải là động lực vĩnh viễn và cũng không phải là động lực duy nhất của sự phát triển xã hội.

Theo chủ nghĩa Mác-Lênin, đấu tranh giai cấp trong lịch sử cũng như trong xã hội hiện đại giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản diễn ra phức tạp với nhiều nội dung và hình thức, trong đó tất yếu có sử dụng biện pháp bạo lực. Dĩ nhiên, quy mô, mức độ bạo lực không lệ thuộc vào ý muốn chủ quan mà phụ thuộc vào nội dung cuộc đấu tranh giai cấp và tương quan so sánh lực lượng giữa các giai cấp. Vả lại, "đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản...", nhưng nếu hiểu chuyên chính vô sản chỉ là bạo lực và đổ máu thì đó là xuyên tạc trắng trợn chủ nghĩa Mác. V.I.Lênin giải thích về chuyên chính vô sản như sau: "Chuyên chính vô sản... không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yếu là bạo lực. Cơ sở kinh tế của bạo lực cách mạng đó, cái bảo đảm sức sống và thắng lợi của nó chính là việc giai cấp vô sản đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn so với chủ nghĩa tư bản. Đấy là thực chất của vấn đề. Đấy là nguồn sức mạnh, là điều bảo đảm cho thắng lợi hoàn toàn

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1996, t.28, tr.661-662.

và tất nhiên của chủ nghĩa cộng sản"[1].

Với nội dung cốt lõi như vậy, chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp và đấu tranh giai cấp là lý luận mang bản chất khoa học và cách mạng, không chỉ giải thích đúng hiện thực mà còn là công cụ, vũ khí sắc bén để nhận thức và cải tạo hiện thực một cách khoa học, đúng đắn theo hướng tiến bộ, văn minh.

*Thứ hai*, trong lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen, so với vấn đề giai cấp thì vấn đề dân tộc là thứ yếu, song điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa rằng chủ nghĩa Mác-Lênin xem nhẹ, xem thường vấn đề dân tộc như có người đã hiểu sai hoặc cố tình xuyên tạc.

C.Mác và Ph.Ăngghen ít bàn trực tiếp về vấn đề dân tộc vì ở châu Âu lúc bấy giờ, dân tộc không phải là vấn đề chính trị thực tiễn cấp bách. Giai cấp tư sản tiến bộ ở nhiều nước đã hoàn thành cách mạng dân chủ tư sản, giải phóng giai cấp và dân tộc mình ra khỏi "đêm trường trung cổ". Mâu thuẫn trực tiếp, nổi trội lúc này là mâu thuẫn giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Tuy nhiên, trong khi giải quyết các nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề giai cấp được đặt ra và giải quyết luôn trong mối liên hệ biện chứng gắn liền với vấn đề dân tộc. Có thể nêu một vài luận điểm (trong số rất nhiều luận điểm) của C.Mác và Ph.Ăngghen bàn về vấn đề dân tộc như sau: "Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã"[2]; "Không khôi phục được độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hòa bình

[1] V.I.Lênin *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.39, tr.15-16.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.4, tr.611.

và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung"[1]... Vì vậy, V.I.Lênin cũng khẳng định: "Đối với Mác, thật không còn nghi ngờ gì cả là so với vấn đề công nhân thì vấn đề dân tộc chỉ có một ý nghĩa thứ yếu thôi. Nhưng lý luận của Mác thì xa việc coi thường các phong trào dân tộc như trời xa đất vậy"[2].

Bảo vệ, bổ sung, phát triển lý luận của Mác trong điều kiện chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa; trung tâm cách mạng thế giới chuyển từ Anh, Pháp, Đức sang Nga; vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa trở thành vấn đề chính trị thực tiễn của thời đại, V.I.Lênin luận chứng rằng, cách mạng vô sản ở chính quốc không thể giành thắng lợi nếu không liên minh với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Phát triển lý luận dân tộc của C.Mác, V.I.Lênin cùng với Đảng Bônsêvích của Người đã xây dựng thành *Cương lĩnh dân tộc* với nội dung cốt lõi là: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết, liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại" và phát triển khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại" thành "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại"[3].

Rõ ràng, chỉ với một số điểm như vậy cũng đủ cho thấy, nếu ai đó cho rằng chủ nghĩa Mác-Lênin xem nhẹ, xem thường vấn đề dân tộc là chưa hiểu đúng hoặc đã cố tình cắt xén, xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin.

*Thứ ba*, trong lý luận Mác-Lênin, giai cấp và dân tộc luôn có quan hệ biện chứng.

Mối quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc được thể hiện ở mấy nội dung cơ bản sau: (1) Thực chất vấn đề dân tộc là vấn đề giai cấp, giai cấp chi phối dân tộc. Trong những giai đoạn lịch sử nhất định

---

1 C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.22, tr.544.

[2] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.25, tr.353.

[3] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2006, t.42, tr.86.

của xã hội có giai cấp, mỗi dân tộc có một giai cấp đại diện dẫn dắt, thống trị. Theo đó, trong lịch sử đã có dân tộc tiền tư sản, dân tộc tư sản và dân tộc vô sản, nghĩa là vấn đề dân tộc được nhận thức và giải quyết theo lập trường của giai cấp tương ứng; (2) Sự áp bức và thù địch dân tộc xuất phát từ sự áp bức giai cấp; muốn xóa áp bức dân tộc phải xóa bỏ áp bức giai cấp. C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo"[1]; (3) Điều kiện cơ bản để giai cấp công nhân giải phóng bản thân mình là phải đồng thời giải phóng dân tộc và nhân loại ra khỏi mọi sự bóc lột, áp bức, bất công; và theo đó, muốn giải quyết đúng đắn triệt để vấn đề dân tộc phải trên cơ sở lập trường của giai cấp công nhân hiện đại thông qua tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu, yêu cầu giải quyết hài hòa giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, giữa giải phóng giai cấp với giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng và phát triển toàn diện con người; (4) Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là toàn thế giới, phải bằng sức mạnh đoàn kết giai cấp, đoàn kết các dân tộc trên thế giới, nhưng giai cấp công nhân mỗi nước trước hết phải chiến thắng giai cấp tư sản nước mình để trở thành người cầm quyền, lãnh đạo, dẫn dắt dân tộc. Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ rõ: "Điều quan trọng nhất trong chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa phải làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản..."[2]; "Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc..."[3].

---

[1, 3] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.4, tr.624; 623-624.

[2] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.41, tr.199.

Trong nhận thức và thực tiễn, nếu nhấn mạnh một chiều hay đối lập, tách rời giai cấp và dân tộc đều là không đúng với nội dung bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

*Thứ tư*, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như cuộc đời hoạt động cách mạng của Người là hiện thân sống động của sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong nhận thức và giải quyết quan hệ giai cấp và dân tộc.

Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và bằng việc tán thành Quốc tế III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920, Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên tình nguyện chiến đấu dưới ngọn cờ Quốc tế Cộng sản. Theo Quyết định của Quốc tế Cộng sản, từ ngày 14-4-1924, Nguyễn Ái Quốc chính thức là cán bộ của Ban Phương Đông. Tiếp đó, bằng nỗ lực không mệt mỏi của bản thân cũng như sự giúp đỡ rất có hiệu quả của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trở thành một chiến sĩ, một cán bộ lãnh đạo ưu tú của Quốc tế Cộng sản và lãnh tụ kiệt xuất của Đảng, của dân tộc Việt Nam. Do đó, luận điệu cho rằng, "Hồ Chí Minh không phải là người cộng sản" là sự xuyên tạc, xúc phạm trắng trợn cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

Còn quan điểm cho rằng "Hồ Chí Minh là người dân tộc chủ nghĩa" có liên quan đến đánh giá, phê phán của Quốc tế Cộng sản đối với Hồ Chí Minh khi Người có một số khác biệt về quan điểm và hành vi cách mạng so với chủ trương và chỉ đạo chung của Quốc tế Cộng sản[1]. Trong khi Quốc tế Cộng sản có biểu hiện tả khuynh khi nhấn mạnh quá mức vấn đề giai cấp, quốc tế, xem nhẹ vấn đề dân tộc, nhấn mạnh tính phụ thuộc của cách mạng thuộc địa đối với cách mạng ở chính quốc thì Hồ

[1] Xem Hồ Thị Tố Lương: *Ảnh hưởng của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam* (Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ), Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, H.2007, tr.128.

Chí Minh xem chủ nghĩa dân tộc là động lực[1], xác định cách mạng thuộc địa và cách mạng ở chính quốc "như hai cánh của con chim", nhưng cách mạng thuộc địa có tính độc lập, chủ động nhất định, có thể nổ ra giành thắng lợi trước và tác động trở lại cách mạng ở chính quốc... Hồ Chí Minh chủ trì thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (02-1930) và chủ trương giải quyết quan hệ giữa ba dân tộc Đông Dương trong khuôn khổ mỗi nước riêng biệt... Trên thực tế, trước những đánh giá, phê phán của Quốc tế Cộng sản và của Đảng Cộng sản Đông Dương, trong những năm từ 1930-1938, Hồ Chí Minh lâm vào "tình cảnh đau buồn" và gần như "không hoạt động". Tuy nhiên, qua thử thách của thời gian và thực tiễn cách mạng Việt Nam cũng như cách mạng thế giới, những quan điểm, ý kiến, cách làm của Hồ Chí Minh được xác nhận là đúng đắn. Thực chất chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc xã hội chủ nghĩa (chủ nghĩa dân tộc được phát huy theo lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin[2]), có sự thống nhất chặt chẽ, hài hòa giữa dân tộc và giai cấp, giữa dân tộc và quốc tế, giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, trí tuệ. Nhờ vậy, các đồng chí có trách nhiệm của Quốc tế Cộng sản đã dần hiểu đúng và đánh giá cao vai trò của Hồ Chí Minh. Trong thư gửi Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản, V.Vaxilieva (Trưởng phòng Đông Dương, Bộ Phương Đông Quốc tế Cộng sản) viết: "Đồng chí Lin là ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, là người có uy tín lớn trong Đảng Cộng sản Đông Dương, nay từ đây về sau thì Đảng sẽ chăm chú lắng nghe những ý kiến của đồng chí ấy"[3].

Vì vậy, trong điều kiện hiện nay, nếu ai đó tiếp tục "nhai đi nhai lại", cố tình "làm sống lại" những nhận định, đánh giá sai lầm về Hồ

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.1, tr.511.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.1, tr.513.

[3] Dẫn theo Hồ Thị Tố Lương: *Ảnh hưởng của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam* (Báo cáo tổng kết đề tài cấp bộ), Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, H.2007, tr.133.

Chí Minh (đã bị thực tiễn bác bỏ và Quốc tế Cộng sản điều chỉnh) thì đó là hành vi, thủ đoạn nham hiểm, thâm độc cần phải cảnh giác và phê phán. Dĩ nhiên, hành vi, thủ đoạn đó có thể đánh lừa những ai nông cạn về lý luận, hời hợt về thực tiễn chứ không thể đánh lừa những người am hiểu, tôn trọng sự thật lịch sử khách quan và sâu sắc về lý luận.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, sự gắn bó mật thiết, biện chứng, hài hòa giữa giai cấp và dân tộc được thể hiện ở các nội dung cơ bản như: (1) Đối với dân tộc thuộc địa, vấn đề trước hết là đấu tranh giành độc lập dân tộc; và trong thời đại mới, cứu nước, giải phóng dân tộc phải bằng con đường cách mạng vô sản, thực chất là thực hiện độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh nói: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"[1]; "Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới"[2]; "Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"[3]; "nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"[4]...; (2) Cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa gắn liền với cách mạng vô sản ở chính quốc, trong đó, cách mạng giải phóng thuộc địa có tính chủ động, có thể nổ ra và giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc, thậm chí còn có thể giúp đỡ cách mạng vô sản ở chính quốc[5]; (3) Tự lực, tự cường, đem sức ta

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr 30.

[2, 5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.1, tr.441; 48.

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.64.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2000, t.7, tr.113.

mà giải phóng cho ta; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh viết: "Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa... Thắng lợi của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của các dân tộc gắn liền với sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của phe xã hội chủ nghĩa và của phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa"[1]; "sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập"[2]...; (4) Quan hệ giữa các dân tộc trong nước giải quyết theo nguyên tắc nhất quán: "thực hiện sự đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc"[3]...

Có thể nói, vấn đề trung tâm, bao trùm và sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đây là sự kết tinh, thể hiện đặc sắc, sáng tạo trong giải quyết quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, giữa dân tộc và quốc tế, giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại theo tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin phù hợp thực tiễn Việt Nam và xu thế khách quan của thời đại. Vì vậy, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trở thành mục tiêu, nhiệm vụ, ngọn cờ vinh quang dẫn dắt, soi sáng đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Và theo đó, Hồ Chí Minh trở thành lãnh tụ vĩ đại của Đảng và của dân tộc Việt Nam, đồng thời là chiến sĩ lỗi lạc của Quốc tế Cộng sản, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế[4]. Với những cống hiến như vậy, Hồ

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.392.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.7, tr.445.

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.231.

[4] Xem thêm Nguyễn Viết Thảo: *Hồ Chí Minh, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế*, tại trang: http://dangcongsan.vn/preview/newid/71148.html.

Chí Minh được UNESCO khẳng định, tôn vinh là: "Anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa kiệt xuất".

*Thứ năm*, một trong những bí quyết thành công và nguyên tắc định hướng công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo từ năm 1986 là kiên định, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng, lý luận về quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc, độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội.

Cũng giống như nhiều nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới, trong quá trình cách mạng, vì nhiều lý do, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng không tránh khỏi có thời điểm đã chủ quan, duy ý chí, phạm phải những sai lầm, khuyết điểm, trong đó có sai lầm, khuyết điểm liên quan đến nhận thức và giải quyết quan hệ giai cấp và dân tộc, nhất là trong 10 năm đầu cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khiến đất nước lâm vào trì trệ và khủng hoảng về kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, nhờ nắm vững "cẩm nang thần kỳ" là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với bản lĩnh và ý thức trách nhiệm rất cao đối với nhân dân và đất nước, Đảng đã dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, "nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên"[1]. Vì vậy, từ năm 1986, Đảng đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, từ đổi mới tư duy, nhận thức đến cơ chế, chính sách, phong cách, phương pháp lãnh đạo, quản lý và công tác tổ chức cán bộ với nguyên tắc, định hướng rất rõ: "Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho các mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp"[2].

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.1, tr.64.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2006, t.49, tr.540.

Theo đó, Đảng đổi mới tư duy về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản, về cơ chế, chính sách, biện pháp thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện mới... Đảng khẳng định: trên thế giới, tuy hòa bình, hợp tác, phát triển là xu thế lớn, song đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn diễn ra gay go, phức tạp[1]. Ở Việt Nam, trong thời kỳ đổi mới, quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội - giai cấp cũng như quan hệ giai cấp và nội dung, hình thức đấu tranh giai cấp đã có nhiều thay đổi: "Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"[2].

Phù hợp với điều kiện quan hệ giai cấp, nội dung, hình thức đấu

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2007, t.51, tr.133.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2016, t.60, tr.180.

tranh giai cấp đã có nhiều thay đổi, từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (1989), Đảng sử dụng khái niệm hệ thống chính trị thay cho khái niệm hệ thống chuyên chính vô sản vốn đã từng bị hiểu sai và xuyên tạc với không ít hệ lụy. Tuy nhiên, đây không phải là phủ nhận chuyên chính vô sản mà là đổi mới nhận thức và xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước. Đảng chỉ rõ: "Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là hạ thấp hoặc thay đổi bản chất của nó, mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chuyên chính vô sản; là làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn"[1].

Chúng tôi trích dẫn nguyên văn một số luận điểm như trên để khẳng định rằng, trong thời kỳ đổi mới, không có chuyện Đảng lãng quên đấu tranh giai cấp, từ bỏ chuyên chính vô sản. Ngược lại, trên cơ sở kiên định, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đã đổi mới mạnh mẽ tư duy, nhận thức về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản, về cơ chế, chính sách, biện pháp kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhờ đó, hơn 35 năm qua, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã giành được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước và dân tộc không ngừng nâng cao. Thực tiễn đổi mới, thành quả đổi mới của đất nước hoàn toàn bác bỏ các luận điệu sai trái, thù địch đối lập, tách rời chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đối lập, tách rời giữa giai cấp và dân tộc, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy, trong bối cảnh hiện nay, để tiếp tục đổi mới thành công và

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2006, t.49, tr.540-541.

xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi, "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", cùng với việc nâng cao cảnh giác, kịp thời nhận diện, phê phán, phản bác quan điểm sai trái, thù địch, nhất thiết phải "kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"[1]. Đây là nguyên tắc căn cốt có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, không ai được phép ngả nghiêng, dao động.

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.33.

# PHẢN BÁC NHỮNG LUẬN ĐIỆU XUYÊN TẠC, SAI TRÁI, PHỦ NHẬN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN*

***Lê Trung Kiên*****

***Tóm tắt:*** Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tấn công vào tư tưởng Hồ Chí Minh (chiếm tỷ lệ 6,7% các nội dung chống phá)[1]; sử dụng nhiều thủ đoạn nhằm xuyên tạc, phủ định, bài bác, vu khống, bịa đặt trắng trợn, kêu gọi phong trào "No Ho" hoặc khéo ngụy trang để đưa ra những thông tin sai lệch với tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới, hội nhập và phát triển. Do vậy, cần tiếp tục hoàn thiện luận cứ đấu tranh nhằm bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo những giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

***Từ khóa:*** *Tư tưởng Hồ Chí Minh; phản bác; đổi mới*

## 1. Phản bác luận điệu cho rằng "không có tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới, hoặc là "hiện đại hóa" tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới"

Những thành phần "xạo ngôn", tỏ ý phân rã tư tưởng, ly khai lý luận đã lập luận theo lối ngụy biện nhằm phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới, hoặc cho rằng đó là "làm mới tư tưởng", hoặc cho rằng tư tưởng

---

* Tác phẩm đạt Giải B

** Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

[1] Đỗ Thị Thu Hằng, Lương Khắc Hiếu (Đồng chủ biên): *Xử lý thông tin sai lệch, xuyên tạc trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận và văn học, nghệ thuật*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.158.

của Người là "di sản nhập ngoại", bởi Hồ Chí Minh chỉ nói "vài ba luận điệu cách mạng", không thể có tư duy đổi mới.

Sự thật là, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy ít nói đến thuật ngữ "đổi mới" trong sự nghiệp của mình, nhưng chính ý thức trách nhiệm trước vận mệnh đất nước và dân tộc là động lực thôi thúc Người nung nấu tinh thần đổi mới từ rất sớm, nghiên cứu cái mới để đổi mới không ngừng, mà toát lên là tư duy đổi mới, đạo đức đổi mới, phong cách đổi mới và hành động đổi mới. Tư tưởng đổi mới của Người là hệ thống các quan điểm mang tính định hướng sâu sắc về sự thay thế cái cũ bằng cái mới tiến bộ, từ nhận thức mới để đổi mới đường lối, chính sách, phương thức hoạt động và tổ chức lực lượng thực hiện nhằm hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tự cường, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Di sản đổi mới của Người là sản phẩm của thời đại, chứ không chỉ giới hạn trong hoạt động tư duy và thực tiễn của Người.

Sự nghiệp của Hồ Chí Minh là sự nghiệp cách mạng, bản chất của cách mạng là đổi mới; đổi mới theo tôn chỉ có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Người khẳng định: "Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt"[1]. Thành công của Hồ Chí Minh trong tư duy đổi mới là sự kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn giữa cái phổ biến của thế giới với cái đặc thù của Việt Nam để thực hiện con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở một nước nghèo nàn, kém phát triển. Người thấu triệt sâu sắc và vận dụng linh hoạt những giá trị kinh điển phương Đông (bài học về cải cách, canh tân), tư tưởng đổi mới phương Tây (đặc biệt là tư tưởng khai sáng) và kế thừa, tiếp thu trực tiếp chủ nghĩa Mác-Lênin về tư tưởng đổi mới. Tư duy đổi mới của Người luôn bắt mạch từ thực tiễn và làm theo quy luật khách quan, giải quyết hiệu quả những đòi hỏi đặt ra theo nguyên tắc "chân lý là cụ thể nên cách

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.2, tr.284.

mạng phải sáng tạo", để kế thừa và phát triển, chứ không phủ nhận sạch trơn, không lý luận tư biện hay thực tiễn mù quáng. Người nói: "*Tình hình mới* đã đặt ra những *nhiệm vụ mới*, phương châm mới, sách lược mới... nhiệm vụ của ta do đó cũng có thay đổi, chính sách và khẩu hiệu cũng phải thay đổi, cho hợp với tình hình mới... không thể giữ cương lĩnh cũ"[1]. Đó là bài học thực tiễn quý báu cho đảng cầm quyền trong nhận thức mới để đổi mới đường lối cho phù hợp.

Với những ai còn sử dụng luận điệu "bôi nhọ" Hồ Chí Minh thì hãy nhìn nhận một cách thấu đáo rằng: Người đã chỉ ra mục tiêu của cách mạng là: bắt đầu từ nhân dân, vì nhân dân, do nhân dân và trở về với nhân dân. Người đã khẳng định nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực, vừa là trung tâm, vừa là nhân tố quyết định của đổi mới; có lực lượng dân chúng thì việc to tát mấy, khó khăn đến đâu cũng giải quyết được. "Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân"[2], phải dựa chắc vào nhân dân vì "dân là gốc", để học - hỏi - hiểu dân chúng, phát huy tinh thần tự chủ - tự lập - tự quyết của dân tộc. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải đem tài dân, sức dân, kinh nghiệm và sáng kiến của dân để làm lợi cho dân. Đúng như Serafin D.Quiason (Philippines) đánh giá: "Hiếm người châu Á nào lại đóng một vai trò quan trọng như vậy trong việc tạo dựng một dân tộc mới như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong toàn bộ sự nghiệp của mình, Người luôn xuất phát từ tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, vừa bằng những kiến thức uyên bác, kinh nghiệm và tài nghệ của mình, vừa bằng sự tận tâm và liêm khiết, để giành được sự kính trọng và biết ơn của nhân dân... Người thực sự là một người châu Á của tất cả các thời đại với ý nghĩa đầy đủ nhất của nó"[3].

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.550-551.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.6, tr.232.

[3] *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb.Khoa học xã hội, H.1990, tr.106-107.

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến tổ chức và thiết chế của đổi mới, khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là linh hồn và tiên phong trong công cuộc đổi mới. Trách nhiệm chính trị của Đảng là phải có chỉ thị, nghị quyết đúng, kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo để "tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm"[1]. Tổ chức Đảng phải thật sự "thanh khiết" và "đoàn kết"; công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng phải được thực hiện một cách thường xuyên, nghiêm túc trên các mặt tư tưởng, chính trị, tổ chức và đạo đức trong mọi giai đoạn cách mạng. Tập trung bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên, vì đây là "công việc gốc của Đảng", đi đôi với việc phòng, chống "chủ nghĩa cá nhân", vì Đảng "không phải là một tổ chức để làm quan phát tài", mà phải vì lợi ích của toàn dân tộc. Trên cơ sở vận dụng những giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã tổng kết bài học "đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa"[2].

Tư duy mới của Người về xây dựng Nhà nước phải thực sự của dân, do dân và vì dân, có hệ thống pháp luật dân chủ và điều hành, quản lý xã hội một cách nghiêm minh, công bằng, kỷ cương. Cho nên, những thành kiến về dân chủ ở Việt Nam cần phải nhìn nhận cho đúng rằng: Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (1945), Người đã quyết tâm "diệt" 3 thứ giặc ("đói", "dốt", "ngoại xâm"), làm cho dân biết đọc, biết viết, có kiến thức về chính trị và xã hội để phát huy dân chủ; lên án thói "cả vú lấp miệng em" trong việc ngăn cản nhân dân phê bình cán bộ; Người kêu gọi phong trào xây dựng "đời sống mới", xóa bỏ các tệ nạn xã hội như: mê tín dị đoan, thói ăn bám xã hội.

Quan điểm và thực hành dân chủ của Người cho thấy mục tiêu là đem lại nhu cầu cơ bản cho nhân dân, "có sự cân bằng giữa quyền cá

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.616.

[2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.29.

nhân và quyền tập thể, giữa quyền lợi và trách nhiệm... tiến bộ xã hội đòi hỏi sự tham gia tích cực của nhân dân, sự hiểu biết của nhân dân về các lợi ích của việc thực hành dân chủ cho mỗi cá nhân và tập thể, và sự đóng góp vào xã hội để đem lại các sự thay đổi tích cực này"[1].

Trong chế độ mới, Người đặc biệt quan tâm xây dựng chiến lược đại đoàn kết dân tộc thành một khối thống nhất và bền vững. Do vậy, Người đề cao phương pháp đoàn kết "hết thảy" trong Mặt trận dân tộc thống nhất; tăng cường tuyên truyền, vận động, thuyết phục với tinh thần "cầu đồng, tồn dị" và "tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết", cảm hóa, "khoan hồng đại độ", bảo đảm hài hòa quyền lợi các giai tầng, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Đây là chủ trương sáng tạo, thể hiện tư duy mới, nhạy bén và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Sự nghiệp đổi mới hiện nay là quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, theo tấm gương và cách làm của Người để dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Những thành tựu to lớn của đất nước hơn 35 năm qua là minh chứng việc kiên định tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới và con đường đổi mới ở Việt Nam là đúng đắn, là tất yếu khách quan và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. "Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động"[2]. Tiếp tục thấm nhuần sâu sắc di sản đổi mới của Hồ Chí Minh, Đảng và dân tộc nâng tầm đổi mới ở một trình độ mới, nắm vững phương pháp luận và nguyên tắc đổi mới để không ngừng "tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh

---

[1] Nguyễn Đài Trang: *Hồ Chí Minh - Nhân văn và phát triển*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2013, tr.163-164.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.33.

lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống"[1] như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ ra.

**2. Phản bác luận điệu cho rằng không có hoặc có chăng chỉ là "gán ghép" tư tưởng hội nhập cho Hồ Chí Minh**

Có một số phần tử có quan điểm phiến diện, cố tình quy chụp, cắt xén không đúng theo nguyên văn, nguyên bản về một số công trình đã công bố của học giả trên thế giới, nhằm xuyên tạc rằng Hồ Chí Minh không có quan điểm hội nhập, chỉ "nỗ lực xin xỏ" quốc tế ủng hộ Việt Nam, đó là "di họa khủng khiếp" về một chế độ độc tài toàn trị, không có "tự do" trong quan hệ quốc tế, không có "liêm", "chính" trong hợp tác quốc tế.

Khái niệm "hội nhập quốc tế" được sử dụng nhiều trên thế giới từ giữa thập niên 1990 trở lại đây. Trong các bài nói, viết của Hồ Chí Minh thường sử dụng khái niệm "đoàn kết" và "hợp tác quốc tế". Thực chất đó chính là hội nhập quốc tế. Trong hoàn cảnh kháng chiến, để tạo sức mạnh tổng hợp cho giải phóng dân tộc và xây dựng chế độ mới, chủ trương của Người kêu gọi hỗ trợ, giúp đỡ của nước ngoài là đúng đắn, hợp lý, hợp tình. Người đã sớm đặt vấn đề mở rộng quan hệ quốc tế theo hướng đa phương và đa dạng nhằm phát huy hết tiềm năng nội lực chấn hưng đất nước. Điểm mới trong tư tưởng của Người về hội nhập là: Tầm nhìn mở rộng ra toàn thế giới; quan điểm hội nhập rộng rãi tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam hợp tác quốc tế[2]. Ngay từ năm 1946, Người gửi thư cho Đại hội đồng Liên hợp quốc và các nước lớn thể hiện nguyện vọng Việt Nam gia nhập vào tổ chức

---

[1] Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Dư luận trong nước và quốc tế về bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.28.

[2] Xem Phạm Ngọc Anh, Bùi Đình Phong: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới, hội nhập và phát triển*, Nxb.Lao động, H.2018, tr.231.

Liên hợp quốc với trách nhiệm cao là giữ gìn hòa bình, chống áp bức, bất công. Cho đến *Di chúc* cuối đời, Người vẫn mong muốn các quốc gia và các đảng anh em đoàn kết lại, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Các thế lực thù địch đã tỏ ra không hiểu và cố tình suy diễn tư tưởng và cống hiến vĩ đại của Hồ Chí Minh về hội nhập quốc tế cần nghiên cứu, tìm hiểu cho thấu đáo quá trình hoạt động cách mạng của Người. Đặc biệt, trong thời gian 30 năm hoạt động ở nước ngoài, Người đã sớm phát hiện và đấu tranh với những thủ đoạn thâm độc của chủ nghĩa thực dân là chia cắt, ngăn cách, tạo mâu thuẫn khiến các dân tộc không liên kết, hợp tác lẫn nhau. Người đã "thấy rõ âm mưu đen tối phía sau quan điểm của thuyết hiện đại (modernization theory) đầy sự "vị tha", giúp đỡ mà phương Tây đưa ra... Nhưng sự hiểu biết này, như quan điểm của thuyết phụ thuộc (dependency theory) đưa ra, chỉ là "những điều cần biết". Điều quan trọng tiếp theo là "những việc cần làm"[1]. Và Người đã "nói đi đôi với làm" giúp cho Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập hoàn toàn, có điều kiện thuận lợi để hội nhập quốc tế. Đó là hội nhập chân thành, không phân biệt màu da, dân tộc, đề cao lương tri và phẩm giá con người.

Quan điểm của Người được xem như bản thông điệp sống động nhắc nhở các đảng chính trị, quốc gia trong chiến lược và mục tiêu gìn giữ cái cao quý nhất là thành quả độc lập, tự do và hạnh phúc của dân tộc trước xu thế phát triển của thời đại. Vì thế, bà Katherine Muller-Marin (Costa Rica) đã khẳng định: "Hồ Chí Minh là một vĩ nhân có nhãn quan siêu việt, người đã tiên đoán được sự phát triển vĩ đại của dân tộc này và do đó, đã góp phần xây dựng một phong cách mới của ngoại giao Việt Nam, một phong cách đã giúp Việt Nam xác lập thành công vị trí của mình ở khu vực và trên thế giới, hết sức phù hợp với

[1] Nguyễn Đài Trang: *Hồ Chí Minh - Nhân văn và phát triển*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2013, tr.236.

những khái niệm về hợp tác hòa bình và hiểu biết lẫn nhau trên thế giới được UNESCO quảng bá"[1]. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giá trị dân tộc - nhân loại - thời đại, là hệ giá trị (lý tưởng và hiện thực) mang tầm vóc toàn cầu. Vì vậy, tư tưởng về hội nhập của Người luôn có sức sống lâu bền, sức sáng tạo và "mang tính chất thời đại chứ không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với riêng Việt Nam"[2] - như đánh giá của Giáo sư Furuta Moto (Nhật Bản).

Người đã mở ra cho nhân loại một đường lối hội nhập tự chủ, bình đẳng, đối thoại thay cho đối đầu và hợp tác hài hòa về lợi ích dân tộc và quốc tế, không gây thù oán với một ai. "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" là phương pháp luận hội nhập cốt lõi của Người để nhận thức và hành động trong thế giới đầy biến động hiện nay. Tư tưởng hội nhập của Người càng có ý nghĩa và trở thành bài học quốc tế khi chủ nghĩa quốc tế còn tồn tại, chủ nghĩa bành trướng bá quyền vẫn hiện hữu; thế giới có nước lớn, nước nhỏ, nước giàu, nước nghèo, nước phát triển và nước kém phát triển, giao lưu và hợp tác, với những tồn tại, mâu thuẫn luôn tiềm ẩn nguy cơ xung đột, tranh chấp, chiến tranh. Như đánh giá của Thủ tướng Indira Gandhi (Ấn Độ), Người "là một nhà lãnh đạo mềm dẻo mà vĩ đại và kiên định"[3].

Những kẻ "có mắt không tròng" cần phải tường minh rằng, đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh về hội nhập quốc tế là tạo nên nền tảng lý luận cho đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Thế

---

[1] Mạch Quang Thắng, Bùi Đình Phong, Chu Đức Tính (Đồng chủ biên): *UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2013, tr.202.

[2] Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam: Hội thảo quốc tế *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*, Nxb.Khoa học xã hội, H.1995, tr.29.

[3] Evgeny Kobelev: *Hồ Chí Minh - Nhà yêu nước, nhà cách mạng và một con người*, trong sách của Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*, Nxb.Khoa học xã hội, H.1995, tr.175.

giới biết đến Người với đường lối "ngoại giao tâm công" (đánh vào lòng người, thể hiện tính nhân văn, chính nghĩa). Người nêu rõ chính sách đối ngoại đối với tất cả các nước trên thế giới là Việt Nam thiết tha mong muốn duy trì tình hữu nghị, thành thật hợp tác "trên cơ sở bình đẳng và tương trợ để xây dựng hòa bình thế giới lâu dài"[1] và "sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới"[2]. Trong suốt sự nghiệp cách mạng, Người đã liên tục gửi thông điệp hòa bình đến toàn thế giới qua con đường thuyết phục, thương lượng và hợp tác.

Trong "một thế giới phẳng" ngày nay, bất cứ quốc gia nào, dù lớn mạnh đến đâu, cũng không thể đứng ngoài hành tinh, mà phải có sự hợp tác để phát triển. Hội nhập quốc tế phải thật sự chân thành, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi là hoàn toàn đúng đắn và trở thành thông điệp cho một thế giới tin tưởng, bình đẳng, hợp tác lẫn nhau, chứ không được lợi dụng danh nghĩa "lợi ích quốc gia, dân tộc" để làm điều kiện "đổi chác" với nước ngoài hoặc "đóng cửa" tự chủ, tự thủ. Trong những tình huống sách lược, chỉ có thể hy sinh "quyền lợi bộ phận" (lợi ích nhóm), chứ không được ngộ nhận và hy sinh quyền lợi quốc gia, dân tộc. Vì vậy, hội nhập quốc tế là vì sự nghiệp của quốc gia - dân tộc.

Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về hội nhập mà thế giới không thể lãng quên là hợp tác chủ động, toàn diện, tôn trọng lẫn nhau trên nguyên tắc có đi có lại, "giúp bạn tức là tự giúp mình". Người đã nêu rõ hội nhập của Việt Nam, theo các nguyên tắc quốc tế đã được Hiến chương Liên hợp quốc ghi nhận, phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới sau chiến tranh; phù hợp với nguyện vọng của nhân dân các nước. Người tuyên bố: "nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.269.
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.6, tr.311.

sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực"[1]. Người đặc biệt coi trọng 5 nguyên tắc chung sống hòa bình do Hội nghị đại biểu 29 nước Á - Phi họp ở Băngđung (Indonesia) thông qua tháng 4-1955. "Chúng tôi tin tưởng rằng báo chí có lương tri trên thế giới sẽ cho công luận thấy rõ sự thật ở Việt Nam..."[2]. Người khẳng định thiện chí của Việt Nam là: "Chúng ta sẽ mời những nhà chuyên môn Pháp, cũng như Mỹ, Nga hay Tàu, đến đây giúp việc cho chúng ta trong cuộc kiến thiết quốc gia"[3]. Qua đây, Người chỉ ra một chân lý rằng, hội nhập không chỉ ở những quốc gia có cùng chế độ chính trị, mà còn có thể và cần phải được thực hiện giữa các quốc gia có chế độ chính trị không giống nhau, nhằm mang lại lợi ích cho các bên, góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị, giữ vững hòa bình, ổn định trên thế giới.

Đúng như nhà báo Đêvít Hanbextam đã nhận xét: "Bằng sự lãnh đạo và sáng suốt của mình, Cụ Hồ Chí Minh đã giúp biến đổi cả một thời đại"[4]. Những cống hiến to lớn có ý nghĩa bền vững về hội nhập quốc tế của Hồ Chí Minh đã thể hiện bản lĩnh, trí tuệ, tư tưởng của "một người quốc tế vĩ đại với nhãn quan thế giới"[5], làm cho các dân tộc hiểu biết nhau hơn, tin cậy nhau và hợp tác cùng có lợi.

### 3. Phản bác luận điệu phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển

Những quan điểm sai trái, thù địch đã lấy hiện tượng làm bản chất, gây nghi kỵ, dùng lời lẽ dung tục để nói về những thành tựu phát triển kinh tế của Việt Nam và xuyên tạc nhiều sự thật về Hồ Chí Minh.

---

[1, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.523; 86.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.255.

[4] Viện Quan hệ quốc tế: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao*, Nxb.Sự thật, H.1990, tr.242.

[5] Đánh giá của W.E.Gollan, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Australia, trong sách của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh sống mãi với dân tộc Việt Nam và bầu bạn quốc tế*, Nxb.Quân đội nhân dân, H.2001, tr.156.

Tuy nhiên, họ không thể xóa nhòa những di sản của Người có tính đột phá về lý luận và kiến giải thực tiễn cho Việt Nam độc lập, tự cường và khát vọng phát triển.

Trong toàn bộ di sản của mình, Người sử dụng cụm từ "phát triển" tới hơn 1.500 lần, cho thấy lý tưởng sâu xa của Người là một hệ thống tư tưởng để hướng tới độc lập, phát triển và triết lý phát triển này là một quá trình liên tục nhằm hoàn thiện hạnh phúc con người. Người đã ý thức rằng: Độc lập, tự do là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển và hạnh phúc con người, nhưng việc "thắng bần cùng và lạc hậu" còn rất nhiều khó khăn. Người nói: "Xã hội bây giờ ngày một phát triển. Tư tưởng hành động cũng phát triển. Nếu cứ giữ lấy cái kẹp giấy cũ không thay đổi là không đi đến đâu cả"[1]. Tuy nhiên, trong một số bình luận thiếu thực tế đã khẳng định quan điểm này của Người không phù hợp trong điều kiện hiện nay. Đó là một thiếu sót lớn nếu cho rằng Hồ Chí Minh không nghĩ đến sự biến đổi không ngừng của tình hình thế giới và Việt Nam.

Di sản Hồ Chí Minh thể hiện quan điểm phát triển hài hòa, toàn diện các mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Trong lãnh đạo, quản lý, Người luôn đặt ra mối quan hệ giữa các yếu tố trong sự phát triển: dân tộc và giai cấp; truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế, con người và thiên nhiên. Người có tầm nhìn "vượt gộp" về phát triển bền vững gắn với "hòa bình thế giới", bảo vệ môi trường sinh thái, "trồng cây" và "bảo vệ rừng"[2]. Theo Người, đất nước muốn phát triển cường thịnh, tất yếu phải hội tụ yếu tố bên trong (nội lực) và bên ngoài (ngoại lực) nhằm phát huy tối đa những động lực, tự cường của dân tộc và sức mạnh của thời đại để phục vụ sự nghiệp cách mạng. Người có quan điểm rất sâu sắc về

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.55.

[2] Phan Ngọc Liên (Chủ biên): *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh với thời đại*, Nxb.Lao động, H.1993, tr.118-119.

động lực của sự phát triển là động lực con người, là trí tuệ con người, là "mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình". Người nói: "Hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ"[1]. Cho nên, trách nhiệm của Đảng vừa phải lo việc đổi mới kinh tế và văn hóa tiên tiến, vừa quan tâm đến an sinh, phúc lợi và sự phát triển công bằng cho nhân dân.

Trên thế giới hiện nay, chủ nghĩa tư bản đang chiếm đại đa số các quốc gia và có nhiều thành tựu to lớn, tác động thay đổi kinh tế - xã hội của nhân loại, không thể phủ nhận những giá trị của tư bản mang lại cho thế giới, nhưng cũng không thể coi tư bản là "mãi mãi tốt đẹp", bởi vì chủ nghĩa tư bản vẫn tồn tại những mâu thuẫn không thể điều hòa được. Mặc dù, chủ nghĩa tư bản đã có sự điều chỉnh để thích nghi với điều kiện ngày nay, nhưng với những hạn chế, khuyết tật về sự xung đột, khủng bố, bạo lực và bất ổn xã hội, khủng hoảng kinh tế, bất bình đẳng xã hội... vẫn không thay đổi, mà diễn ra hết sức gay gắt và phức tạp. Nhà khoa học Terry Eagleton (người Anh) đã đánh giá rằng: "Những nước tư bản hiện đại là kết quả của một lịch sử nô dịch, diệt chủng, bạo lực và bóc lột một cách ghê tởm"[2]. "Chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra"[3]. Học giả Allen W.Wood cho rằng: "Phần lớn mọi người đều cho rằng Mỹ là quốc gia giàu có nhất trên thế giới, nhưng đó cũng là quốc gia bất bình đẳng nhất trên thế giới: 400 người giàu nhất nước Mỹ sở hữu khối lượng tài

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.402.

[2, 3] Terry Eagleton: *Tại sao Mác đúng?*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2020, tr.40; 40.

sản cao hơn tổng số tài sản của 150 triệu người nghèo nhất"[1]; hay như John F.Weeks đã chứng minh nền kinh tế tư bản: "99% trở thành nô lệ cho 1%"[2].

Với những mâu thuẫn mang tính bản chất như trên, cùng sự vận động của quy luật xã hội, xu hướng diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản vẫn là vấn đề thời sự từ thời Mác tới nay. Trong khi, mục tiêu phát triển của chủ nghĩa xã hội như Hồ Chí Minh khẳng định là "không có người bóc lột người, mọi người sung sướng, vẻ vang, tự do, bình đẳng, xứng đáng là thế giới của loài người"[3]. Chính vì vậy, tiến sĩ Nguyễn Đài Trang (Canada) viện dẫn quan điểm của học giả Nimi Wariboko (Mỹ) để đánh giá về cống hiến có giá trị vĩnh hằng của Người: "Các tiến bộ xã hội đem lại từ chủ nghĩa hoạt động chính trị của các lãnh tụ như Hồ Chí Minh xứng đáng được công nhận vì tầm nhìn cho tương lai, trong đó lòng quyết tâm đạt đến sự kiệt xuất sẽ đem đến "sự nâng cao khả năng con người, sự hoàn thiện về chất lượng cuộc sống, sự liên hệ ngày càng chặt chẽ giữa các cá nhân và các dân tộc"[4].

Thế lực thù địch phản động đã liên tục phê phán quan điểm phát triển kinh tế của Hồ Chí Minh, chúng xuyên tạc rằng: Kinh tế thị trường và xã hội chủ nghĩa như "nước với lửa", khác với kinh tế tư bản; rằng Hồ Chí Minh đã "bóp chẹt" kinh tế tư nhân. Nhưng thực tế thì thế nào?!

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế chứa đựng những tư

---

[1] Allyn Fives và Keith Breen (Chủ biên): *Triết học và sự tham gia chính trị: Nhìn từ lĩnh vực công*, Nxb.Palgrave Macmillan (nguồn theo tài liệu dịch của Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), H.2016.

[2] John F.Weeks: *Kinh tế học của 1% bằng cách nào kinh tế học chính thống đã phục vụ người giàu, làm mơ hồ thực tế và bóp méo chính sách*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.307.

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.70.

[4] Nguyễn Đài Trang: *Hồ Chí Minh - Nhân văn và phát triển*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2013, tr.171.

tưởng mới, khoa học, hiện đại, có ý nghĩa thời sự và giá trị định hướng sâu sắc trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Đánh giá cao vai trò của kinh tế tư nhân, Người khẳng định: "Công tư đều lợi... Tư là những nhà tư bản dân tộc và kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ. Đó cũng là lực lượng cần thiết cho cuộc xây dựng kinh tế nước nhà. Cho nên Chính phủ cần giúp họ phát triển"[1]. Kế thừa và vận dụng quan điểm đó, Đảng, Nhà nước ta ban hành nhiều văn bản, như: Nghị quyết số 14-NQ/TW (khóa IX); Nghị quyết số 10-NQ/TW (khóa XII), Quyết định số 1362/QĐ-TTg (ngày 11-10-2019) coi kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, lớn mạnh về quy mô, nâng cao về chất lượng, xóa bỏ mọi rào cản, định kiến cho kinh tế tư nhân phát triển. Những chủ trương, chính sách, pháp luật được ban hành; kinh tế phát triển; đời sống nhân dân được nâng cao, thu nhập tăng lên là minh chứng thuyết phục nhất để đập tan mọi hoài nghi hay phủ nhận của thế lực thù địch. Kinh tế thị trường là thành tựu chung của loài người, chúng ta phát triển kinh tế nhưng gắn với công bằng xã hội, bảo đảm phúc lợi xã hội. Định hướng phát triển kinh tế ở Việt Nam cho phép vừa hợp tác, vừa cạnh tranh bình đẳng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ dạy, không có chuyện hạn chế cạnh tranh trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực.

Qua 35 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, to lớn và toàn diện. Kinh tế phát triển đi liền với ổn định chính trị - xã hội, từng bước nâng cao đời sống cho nhân dân; uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Những thành tựu đạt được đã tiếp tục khẳng định con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.267.

của thời đại, là minh chứng không thể chối cãi của việc kiên định vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Với tầm nhìn chiến lược và khát vọng của Hồ Chí Minh về đổi mới, hội nhập và phát triển, đã và đang định hướng cho khát vọng Việt Nam hùng cường. Do đó, cần phải tiếp tục nghiên cứu một cách sâu sắc và bảo vệ giá trị bền vững của di sản Hồ Chí Minh, đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, sai trái. Như học giả Rơnêđibet (Mỹ) đánh giá rằng: "Những ai muốn biết thế nào là con người chân chính, đâu là vẻ đẹp của thế giới, đâu là sự thắng lợi của lý tưởng trên trái đất này, đâu là mùa Xuân, thì phải tìm hiểu về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tìm hiểu cuộc sống mẫu mực của người anh hùng này của thời đại chúng ta"[1].

[1] Chương trình KX.02 - Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đề tài KX.02.09: *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (qua sách, báo nước ngoài)*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I - Viện Thông tin khoa học xã hội thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam, H.1993, tr.102.

# TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẤU TRANH CHỐNG CÁC LUẬN ĐIỆU XUYÊN TẠC GÂY CHIA RẼ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC Ở VIỆT NAM*

*Hà Thị Thùy Dương***

***Tóm tắt:*** Đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là động lực, là nguồn sức mạnh to lớn để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của cách mạng. Các thế lực thù địch luôn tìm cách gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, từ đó phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Do đó, chúng ta cần nghiên cứu và quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh bởi Người đã có những chỉ dẫn hết sức quý báu và sâu sắc về đấu tranh chống luận điệu của các thế lực thù địch xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

***Từ khóa:*** *Hồ Chí Minh; đoàn kết; dân tộc*

## 1. Tại sao các thế lực thù địch muốn chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam?

Đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh vô địch để giành và giữ vững độc lập dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đoàn kết sẽ phát huy được mọi nguồn lực, sức sáng tạo của nhân dân vào thực hiện nhiệm vụ chung. Các thế lực thù địch muốn cản trở quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nên tìm cách phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tìm cách gây chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, làm

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

phân tán các nguồn lực của nhân dân, gây ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị - xã hội cản trở sự phát triển của đất nước.

Trong quá trình lãnh đạo đất nước đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định rõ những động lực và trở lực của cách mạng. Người khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh to lớn để dân tộc Việt Nam vượt qua mọi trở ngại, chiến thắng mọi kẻ thù; "Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn. Vậy nay ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm mãi"[1].

Người cũng đã chỉ rõ đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam là gì. Trước hết đoàn kết toàn dân tộc là đoàn kết tất cả những người Việt Nam trong nước, đoàn kết giữa lương và giáo, giữa các tôn giáo với nhau, đoàn kết giữa 54 dân tộc ở Việt Nam, đoàn kết giữa các giai cấp, tầng lớp, đảng phái; "đồng bào trong nước hầu hết đã đoàn kết rồi; các đảng, các phái, các đoàn thể, các từng lớp, các tôn giáo, các dân tộc đều đã đoàn kết rồi. Nhờ có cái lực lượng ấy, đã có thể diệt được chế độ quân chủ phong kiến và sự trói buộc của đế quốc thực dân, đã có thể dựng nên quốc gia dân chủ cộng hòa, gây nền tự do độc lập"[2]. Đoàn kết toàn dân tộc còn là đoàn kết giữa những người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài "cho nên chúng ta đoàn kết rộng rãi tất cả những người Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu hòa bình, yêu thống nhất trong cả nước và ở nước ngoài. Với lực lượng đoàn kết ấy, chúng ta hoạt động không ngừng cho Nam Bắc gần gũi nhau, chúng ta kiên quyết đấu tranh củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước"[3]. Một nội dung rất quan trọng trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc là đoàn kết giữa toàn thể nhân dân với

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.3, tr.256.
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.132.
[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.359.

Đảng và Chính phủ "Toàn cả nhân dân và Chính phủ nhất trí, chúng ta thế nào cũng đạt được độc lập, thống nhất, nước mạnh, dân giàu"[1]. Kế thừa tư tưởng của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định "Đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài"[2].

Từ những phân tích ở trên, Hồ Chí Minh lý giải lý do tại sao các thế lực thù địch muốn phá vỡ khối đại đoàn kết của dân tộc, bởi vì chúng muốn "chia để trị", gây chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân: "Trong hơn tám mươi năm thống trị nước chúng tôi, bọn thực dân dùng mọi thủ đoạn để chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, chúng áp dụng chính sách cổ điển là chia để trị"[3]; "Về chính trị, nó chia rẽ giữa lương và giáo, giữa Nam và Bắc, giữa Chính phủ và nhân dân. Thế là âm mưu của địch rất nham hiểm"[4]. Đặc biệt, trong mưu đồ gây chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, chúng tìm cách tạo ra sự đối lập giữa Đảng, Nhà nước với đồng bào các dân tộc thiểu số, với đồng bào có đạo, với trí thức và với người dân nói chung. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Hồi còn Tây, còn vua quan, đồng bào Kinh ăn hiếp đồng bào Thái, đồng báo Thái ăn hiếp đồng bào Puộc, đồng bào Xá, có phải thế không? Hồi trước như thế là vì sao? Vì Tây và vua quan muốn chia rẽ đồng bào, muốn làm cho đồng bào yếu đi"[5].

Không chỉ vạch rõ mục đích của các thế lực thù địch phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn bóc trần những thủ đoạn mà chúng sử dụng.

*Thứ nhất*, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, bịa đặt, vu khống, vu cáo để kích động gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Người

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.492.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2007, t.53, tr.74.

[3, 5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.93; 211.

[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.440.

chỉ rõ: "Những kẻ mưu sự phá hoại đất nước chúng ta, có thể tuyên truyền, đồn phao để chia rẽ sự đoàn kết"[1]; "Tây, Mỹ, Diệm và bọn phản động khác chúng có muốn đồng bào đoàn kết không? Chúng có muốn đồng bào sung sướng không? Không, chúng không muốn như thế? Chúng sẽ làm thế nào? Chúng tuyên truyền nhảm nhí"[2]. Hồ Chí Minh nhiều lần sử dụng từ "bịa đặt", "vu khống" khi nói về phản tuyên truyền của các thế lực thù địch "Giặc Pháp và bù nhìn không mua chuộc được những người trí thức Việt Nam chân chính. Chúng bèn bịa đặt rằng: Chính phủ kháng chiến khinh rẻ những người trí thức. Mục đích của chúng là chia rẽ tầng lớp trí thức Việt Nam, và tách trí thức với kháng chiến"[3]; "Bọn Diệm bịa đặt nói: Chính phủ ta sẽ tịch thu những nhà công thương nghiệp, trừng trị những người đã làm việc cho đối phương, khủng bố đồng bào Công giáo... Đó là âm mưu đê hèn, thâm độc, nhằm chia rẽ những đồng bào ấy với Chính phủ ta, hòng phá hoại tình đoàn kết giữa nhân dân ta"[4].

Người vạch rõ những kẻ tung tin đồn bậy bạ, xuyên tạc không có bất cứ một hành động nào để giúp nhân dân mà còn cố ý làm mất uy tín của Đảng, Nhà nước với nhân dân: "Gần đây, có một bọn người vì tư lợi nhỏ nhen, chủ ý chia rẽ, cố ý làm mất tín nhiệm Chính phủ, gây ra những dư luận bất chính nói rằng Chính phủ không chú ý cứu dân, Chính phủ bất lực trong việc cứu đói, mà nói ngay chính họ, họ chưa hề nhịn ăn bữa nào, bỏ ra một đồng trinh để cứu ai bao giờ. Mà họ cũng chả biết làm thế nào để cứu vớt đồng bào ra khỏi đói khát... Chính hạng người trơ tráo này chỉ làm cho dân chúng đã khổ cực lại thêm lo lắng hoang mang, nhụt chí chiến đấu quân thù"[5].

Những thủ đoạn trên hiện nay vẫn đang được các đối tượng triệt

---

[1, 5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.170; 126.
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.210.
[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.7, tr.465.
[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.20.

để lợi dụng trong bối cảnh internet, mạng xã hội phát triển làm cho những thông tin sai sự thật này được lan truyền nhanh chóng và rộng rãi. Bất cứ một sự kiện nào, một hoạt động nào của Nhà nước chúng đều có thể đưa ra những luận điệu vu khống, vu cáo trắng trợn. Thậm chí ngay cả những hiện tượng thiên tai như lũ lụt chúng cũng lợi dụng để chống phá, đưa thông tin sai lệch là do Nhà nước mới dẫn tới lũ lụt làm cuộc sống của người dân lầm than (!!!). Chúng thực hiện phương châm của Joseph Goebblels, Bộ trưởng tuyên truyền của Đức Quốc xã, rằng dù nói sai sự thật, nói một lần không tin thì nói mười lần, một trăm lần sẽ tin.

*Thứ hai*, chúng lợi dụng những bất cập trong chính sách và quá trình tổ chức thực hiện chính sách để làm mất uy tín của Đảng, Nhà nước, gây chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Thủ đoạn thâm độc này được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, nhất là trong xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo "Vì cán bộ địa phương trong các chính sách thuế má, chính sách tôn giáo, chính sách dân công... làm không đúng cho nên địch lợi dụng được những chỗ sai ấy để tuyên truyền chống và phá hoại ta, lừa bịp và ép buộc một số rất đông đồng bào đi vào Nam"[1]; "Nói chung, đồng bào thiểu số rất hăng hái tham gia kháng chiến, nhờ đó chúng ta đã phá được chính sách chia rẽ dân tộc của địch. Nhưng có nơi thì một phần vừa chưa có chính sách rõ rệt, một phần do cán bộ địa phương kém, cho nên ở đó có một số đồng bào thiểu số bị địch lợi dụng, chống lại chúng ta"[2]. Âm mưu của chúng cũng quá rõ ràng, từ những trường hợp cá biệt, cụ thể để "thổi phồng" thành những vấn đề mang tính bản chất, cố vẽ ra trong nhân dân hình ảnh một Đảng và Chính phủ chỉ biết lo lợi ích của bản thân, tham nhũng, bất tài, không đảm bảo đời sống của nhân dân, để nhân dân đói khổ, bị mất tự do, đàn áp đồng

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.440.
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.7, tr.394.

bào có đạo, đàn áp dân tộc thiểu số, tạo ra sự hoài nghi và cao hơn nữa sẽ là chống đối Đảng, Nhà nước và chế độ. "Một số đồng bào Công giáo tuy bản chất thì tốt, nhưng bị bọn cầm đầu phản động lung lạc, nên họ hoài nghi chính sách của Đảng và Chính phủ"[1].

Thủ đoạn tuyên truyền này vẫn đang được các thế lực thù địch triển khai ngày càng tinh vi và quyết liệt hơn. Đặc biệt, chúng tìm cách bôi nhọ chính sách đối với dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta nhằm chia cắt Đảng, Nhà nước với đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào có đạo, dần dần từng bước dễ bề nắm dân, khống chế dân, gây dựng lực lượng chống đối Đảng, Nhà nước và chế độ.

## 2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong đấu tranh chống lại luận điệu của các thế lực thù địch xuyên tạc gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Như trên đã đề cập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn hết sức quý báu và sâu sắc về đấu tranh chống luận điệu của các thế lực thù địch xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Để tiếp tục vận dụng hiệu quả những chỉ dẫn của Người, cần tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong nhân dân để đập lại "phản tuyên truyền" của các thế lực thù địch.

Các thế lực thù địch, phản động tuyên truyền xuyên tạc nhằm lung lạc tinh thần của nhân dân thì chúng ta cũng phải chú ý đến công tác tuyên truyền để đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái của chúng. "Đồng bào Công giáo cũng yêu nước. Nếu ta biết kiên nhẫn thuyết phục giác ngộ, thì nhất định tranh thủ được. Làm được như vậy thì phá được một phần âm mưu của địch, và rất có lợi cho việc đoàn kết nhân dân để kháng chiến"[2]. Công tác tuyên truyền của chúng ta cũng phải

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.7, tr.394.
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.321.

kiên trì, bền bỉ, thường xuyên - mà Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là "kiên nhẫn thuyết phục", trong đó phải chú ý vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, trực tiếp, trực diện đấu tranh, phản bác từng luận điệu sai trái của chúng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý tuyên truyền phải phù hợp với trình độ nhận thức của nhân dân, phải dễ hiểu, dễ nắm bắt, tránh lý luận cao siêu, dẫn cụ C.Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia. Đặc biệt phải chân thành, gần gũi, tôn trọng văn hóa và niềm tin của nhân dân "Dạo này, bọn Ngô Đình Diệm ra sức dụ dỗ, lừa bịp, ép buộc một số đồng bào (ở vùng tạm bị chiếm) bỏ nhà bỏ cửa mà vào Nam. Đối với nông dân công giáo, có đội đã đưa chủ nghĩa Mác-Lênin ra giải thích. Nhiều cán bộ hễ nói đến cha cố, không phân biệt tốt xấu, cứ gọi là thằng, làm cho nông dân công giáo khó chịu"[1]. Đồng thời, tuyên truyền cho nhân dân hiểu đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, về những thành tựu trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, những thành tựu trong nâng cao đời sống của nhân dân, của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo để bồi đắp tình cảm cách mạng, niềm tin của toàn thể nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng đất nước, với sự lãnh đạo của Đảng; giúp nhân dân có cái nhìn khách quan về cả những thành tựu và hạn chế "Có người hoài nghi sự lãnh đạo của Đảng, có đúng không? Nếu Đảng lãnh đạo không đúng thì Cách mạng Tháng Tám có thành công không? Kháng chiến có thắng lợi không? Hơn tám triệu nông dân miền Bắc có ruộng cày không? 3 năm khôi phục kinh tế có hoàn thành được không? Và ngày nay, đang vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội có được không? Đảng là người, Đảng là cán bộ, là đảng viên, tất nhiên có sai lầm. Nhưng trong cải cách ruộng đất, thắng lợi vẫn là chủ yếu"[2]. Chỉ có người trong bụng mẹ và trong quan tài là không mắc sai lầm, lãnh đạo nhân dân

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.26.
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.268.

xây dựng chủ nghĩa xã hội - một sự nghiệp mới mẻ chưa có tiền lệ thì việc mắc sai lầm cũng là khó tránh khỏi. Bác nhấn mạnh: "Có hoạt động thì khó mà hoàn toàn tránh khỏi sai lầm. Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa"[1].

*Thứ hai*, hoàn thiện chính sách, nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Trong đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch nhằm phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta không chỉ sử dụng tuyên truyền, lý luận mà hình thức đấu tranh có hiệu quả nhất chính là thuyết phục bằng thực tiễn. Bởi, thực tiễn là bằng chứng thuyết phục nhất để chứng minh tính đúng đắn, nhân văn trong đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, vạch trần những luận điệu sai trái của chúng: "Ở miền núi, ở biên giới, nếu nói cao xa thì không ăn thua. Phải có lý luận, đồng thời phải có vật chất, phải có thực tế. Ví dụ: nhân dân thiếu muối, ta không có muối cho dân thì không tốt; nhân cơ hội đó, bọn địch ở Lào có thể đưa muối ra và nói: Chớ nghe bọn cộng sản, mặc cho họ nói tích cực, tiêu cực, muối đây"[2]. Người đã chỉ rất rõ, kẻ địch lợi dụng đồng bào khó khăn, giúp họ về vật chất đôi khi không phải là nhiều nhưng đồng bào dễ nghe theo những tuyên truyền xuyên tạc của chúng mà xa rời Đảng và nhà nước: "Các ngành cần phải nhận rõ vấn đề miền núi quan trọng. Ta không thể để cho đồng bào sống cực khổ mãi như thế được. Địch vẫn tìm cách len lỏi vào đó để phá ta. Về xã hội, kinh tế, chính trị, quân sự, miền núi rất quan trọng. Các ngành phải chú trọng tiến hành công tác ở miền núi"[3]. Người lấy ví dụ về việc kẻ địch lôi kéo, dụ dỗ đồng bào Công giáo di cư vào Nam "Diệm được thực dân Pháp dung túng, đã lợi dụng đạo Chúa để dụ dỗ và ép buộc một số đồng bào Công giáo nhẹ dạ bỏ

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.248-249.

[2, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.180; 181.

quê hương đi vào Nam. Diệm hứa hẹn với họ: Vào Nam mỗi người sẽ được 3 mẫu ruộng, 2 con trâu, mỗi ngày được 35 đồng bạc và được... lên thiên đường"[1]. Do vậy, theo Người, cách tốt nhất để chúng ta chống lại luận điệu phản động của chúng là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào chứ không phải là ép buộc, ra mệnh lệnh: "Đồng bào Công giáo đói kém, ta phải hướng dẫn họ tăng gia sản xuất, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của họ. Có như thế chúng ta mới thành công trong việc chống di cư, chớ không phải kẻ khẩu hiệu tầm bậy, không phải ngăn ngừa, mệnh lệnh mà chống được di cư"[2]. Người khẳng định, khi đời sống đồng bào dân tộc thiểu số được nâng lên thì tình đoàn kết giữa các dân tộc càng được thắt chặt, khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng thêm bền vững: "Từ khi Tây Bắc ta được giải phóng. Khu tự trị Tây Bắc được thành lập, đồng bào thuộc các dân tộc ở Tây Bắc đã ra sức tăng gia sản xuất, thực hiện kế hoạch của Nhà nước, nhờ đó mà đời sống vật chất và văn hóa đã được cải thiện hơn trước, tình đoàn kết anh em giữa các dân tộc cũng tăng thêm"[3].

Do đó, chúng ta phải chú ý nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho tất cả mọi người dân, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của nhân dân, đặc biệt là những bộ phận dân cư đang có đời sống vật chất khó khăn như đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... Có như vậy thì mới gắn kết họ với Đảng, Nhà nước và chế độ, với Tổ quốc, với những bộ phận dân cư có đời sống khá giả hơn. Để nâng cao được đời sống của nhân dân thì phải tiếp tục hoàn thiện các chính sách hiện có, khắc phục những bất cập, đồng thời nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các chính sách đó trên thực tế.

*Thứ ba,* xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

---

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.64; 441.
[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.369.

Đây là giải pháp quan trọng để chống lại âm mưu của địch phá hoại là đoàn kết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Đối với dân, Chính phủ phải thi hành một nền chính trị liêm khiết như cải thiện đời sống của nhân dân, cứu tế thất nghiệp, sửa đổi chế độ xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa... Có như thế, dân chúng mới đoàn kết chung quanh Chính phủ, mới vì quyền lợi thiết thân của mình mà hy sinh sống chết giết giặc"[1]. "Một nền chính trị liêm khiết" có nghĩa là hệ thống chính trị - đặc biệt là Đảng và Nhà nước - không được tư lợi cá nhân, tham nhũng, lợi ích nhóm, đặc quyền mà phải có tinh thần phục vụ nhân dân. "Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải phục vụ lợi ích của nhân dân"[2], lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

Xây dựng một nền chính trị liêm khiết là cơ sở đảm bảo vững chắc cho việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho mọi tầng lớp nhân dân, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Đồng thời, trực tiếp tăng cường niềm tin, sự gắn kết của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước để nhân dân ủng hộ, chấp hành, thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

*Thứ tư*, nâng cao tinh thần cảnh giác trong nhân dân.

Khi những giải pháp nêu trên được thực hiện tốt, nhân dân hiểu rõ những thủ đoạn, luận điệu sai trái, xuyên tạc của địch, tin tưởng vào Đảng và Nhà nước, lòng yêu nước được phát huy, nhân dân sẽ nâng cao tinh thần cảnh giác, không bị mắc mưu và bị lung lạc bởi những luận điệu sai trái đó: "Vì vậy, đồng bào phải cảnh giác, chớ nghe tuyên truyền bậy bạ. Thấy kẻ nào nói bậy bạ phải giúp công an, Ủy ban hành chính xã, châu giáo dục, nếu cố tình và ngoan cố thì trừng trị"[3]. Sự

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.258-259.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.165.

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.210.

"tỉnh táo" của nhân dân mà Người nói ở đây còn là nâng cao trình độ nhận thức, trình độ dân trí, khả năng phân tích, xem xét, đánh giá phân biệt đúng - sai, thật - giả của nhân dân.

Trong bài trả lời phỏng vấn báo *Tuổi trẻ* năm 2007, ông Tomichi Murayama, nguyên Thủ tướng Nhật Bản khẳng định: "Nếu các bạn phát huy được thế mạnh như những năm chiến tranh, đó là tinh thần đoàn kết, chung sức đồng lòng thì kinh tế Việt Nam sẽ tiến rất nhanh"[1]. Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống tốt đẹp, là nguồn sức mạnh vô địch mà chúng ta đã phát huy rất tốt trong quá trình thực hiện khát vọng độc lập, tự do, cần tiếp tục giữ gìn và phát huy nó trong quá trình thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Để phát huy được truyền thống đó, trước hết chúng ta phải đấu tranh có hiệu quả chống lại luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam. Trở về nắm vững và sâu sắc những lời dặn dò, chỉ dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là yêu cầu cấp thiết định hướng hành động của chúng ta.

[1] Báo *Tuổi trẻ*, số ra ngày 10-9-2007.

# NHẬN DIỆN VÀ PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM XUYÊN TẠC VIỆC "HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH"*

*Nguyễn Tuấn Tùng, Nguyễn Thanh Đạt***

***Tóm tắt:*** Từ khi Bộ Chính trị khóa XII ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW "về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", các thế lực thù địch, phản động càng trắng trợn xuyên tạc, bóp méo, bịa đặt về thân thế, cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ra sức chống phá việc toàn Đảng, toàn dân ta học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. Trên cơ sở nhận diện, phân tích và phản bác những quan điểm sai trái, chống phá của các thế lực thù địch về việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, bài viết đề xuất những giải pháp nhằm phòng, chống âm mưu thâm độc trên, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

***Từ khóa:*** *Bảo vệ nền tảng tư tưởng; Chủ tịch Hồ Chí Minh; tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phản bác các quan điểm sai trái*

## 1. Nhận diện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái về việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Để phủ nhận việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các thế lực thù địch thường đưa ra những quan

---

* Tác phẩm đạt Giải A

** Công an tỉnh Hà Tĩnh

điểm sai trái để ngụy tuyên truyền, đánh tráo học thuật, xảo biện những vấn đề cốt lõi của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nhìn chung, luận điệu của các thế lực thù địch tập trung vào hai hướng tấn công chính:

*Hướng thứ nhất*, tấn công vào bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Chúng cho rằng không có tư tưởng Hồ Chí Minh, đó chỉ là sự nhắc lại, sao chép; tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là một hệ thống, chỉ là những câu nói hết sức đời thường, tản mát, không xứng đáng là một học thuyết; Hồ Chí Minh là người theo chủ nghĩa dân tộc chứ không phải người cộng sản, sử dụng chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ để đạt được mục đích là giải phóng dân tộc. Chúng bịa đặt ra những câu chuyện "thâm cung bí sử" để xuyên tạc về đạo đức, phong cách của Người; chúng bôi nhọ hình ảnh của Hồ Chí Minh bằng những câu văn, hình ảnh cắt ghép. Chúng phủ nhận, vu khống những đóng góp của Người đối với cách mạng giải phóng dân tộc và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; bôi nhọ, xuyên tạc vai trò, công lao của Người đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

Đây là những luận điệu hết sức phi lý và không có căn cứ khoa học. Việc khẳng định Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng không phải là ý chí chủ quan của Đảng ta hay những nhà khoa học trong nước, mà có rất nhiều công trình nghiên cứu của các học giả, nhà khoa học nước ngoài khẳng định vấn đề này. Muốn đánh giá Hồ Chí Minh có phải nhà tư tưởng và có hay không có tư tưởng Hồ Chí Minh, cần phải nhìn nhận và đánh giá toàn bộ những di sản mà Người để lại cũng như ảnh hưởng và tác động của những di sản đó đối với cách mạng Việt Nam và thế giới. Như V.I.Lênin đã nhận định, một người xứng đáng là nhà tư tưởng khi nào biết giải quyết trước người khác tất cả những vấn đề chính trị - sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát. Rõ ràng, Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng thiên tài, nhà lý luận kiệt xuất.

Muốn hiểu tư tưởng của Người cần phải nhìn vào nội dung và ý nghĩa cao cả của nó. Bởi đối tượng mà Người muốn truyền tải là quần chúng nhân dân nên phong cách diễn đạt của Người hướng đến sự đơn giản, ngắn gọn, rõ ràng. Ở Hồ Chí Minh thể hiện sự thống nhất giữa tư tưởng, đạo đức và phong cách; giữa lý luận và thực tiễn; giữa tri và hành; giữa lời nói và việc làm. Bởi vậy, có thể hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh với ý nghĩa là "học thuyết", là một hệ thống những luận điểm, quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam được xây dựng trên nền tảng là chủ nghĩa Mác-Lênin, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, được hình thành theo đúng quy luật phát triển và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực.

Với những luận điệu xuyên tạc cho rằng, Hồ Chí Minh là nhà dân tộc chủ nghĩa hoặc cho rằng Người sử dụng chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ để đạt được mục đích giải phóng dân tộc, những kẻ tung ra luận điệu này muốn nhắm tới việc phủ nhận tính cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh, muốn tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh ra khỏi chủ nghĩa Mác-Lênin. Quá trình ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin sau khi trải qua nghiên cứu, "sàng lọc" rất nhiều các quan điểm chính trị, tư tưởng đương thời. Sống trong lòng các nước tư bản phát triển nhất thời đó như Anh, Pháp, Mỹ, tiếp xúc với các học thuyết tư sản, nghiên cứu các cuộc cách mạng tư sản nhưng Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra đằng sau những khẩu hiệu hào nhoáng là những bất công, đau khổ của nhân dân lao động. Chỉ đến khi gặp được chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh mới tin và đi theo con đường của Lênin, bởi đó là cách duy nhất đạt được hai mục tiêu: giải phóng dân tộc và đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Do đó, mọi quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về sau này đều được xây dựng trên nền tảng là chủ nghĩa Mác-Lênin, vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam. Những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa thế giới được Người tiếp thu trên mảnh đất màu mỡ của chủ nghĩa Mác-Lênin đã được phát

triển lên một tầm cao mới như chủ nghĩa dân tộc chân chính được xây dựng trên lòng yêu nước; tinh thần đoàn kết của dân tộc trở thành chiến lược đại đoàn kết... Tuy nhiên, nên hiểu rõ, việc tiếp thu không phải là sự sao chép, bắt chước, góp nhặt như các thế lực thù địch thường tuyên truyền. Hồ Chí Minh tiếp thu có sự chọn lọc và phát triển. Người cho rằng, để kế thừa những cái hay trong tư tưởng các bậc tiền bối cần theo phương pháp Lênin: "Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu thái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại". Lênin dạy chúng ta như vậy"[1].

*Hướng thứ hai*, các thế lực thù địch phủ nhận sức sống, giá trị và tính bất diệt của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chúng cho rằng tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh đã lỗi thời, phong cách Hồ Chí Minh không còn phù hợp. Từ đó, chúng cho rằng việc Bộ Chính trị đề ra Chỉ thị số 05-CT/TW là sai lầm, sẽ không có kết quả, việc thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của Đảng ta là sai lầm.

Các thế lực thù địch ngụy biện bằng cách đánh đồng hai khái niệm "học tập" và "bắt chước". Chúng cho rằng, học tập Hồ Chí Minh thì phải "bắt chước" giống Người, từ hình thức ăn mặc đến lời nói, việc làm, lối sống. Phản bác lại những luận điệu này, cần hiểu rõ giá trị bền vững và trường tồn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đối với xây dựng Đảng, xây dựng văn hóa - xã hội và phát triển đất nước ta hiện nay. Tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, đó là một hệ thống mở, như Ph.Ăngghen đã viết vào năm 1887: "Lý luận của chúng tôi là lý luận của sự phát triển, chứ không phải là một giáo điều mà người ta phải học thuộc lòng và lặp lại một cách máy móc"[2]. Do vậy, cần nhận thức rõ chúng ta học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.6, tr.357.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.36, tr.796.

của Người không phải là rập khuôn, máy móc mà phải biết vận dụng, kế thừa và sáng tạo.

Để phủ nhận giá trị đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các thế lực thù địch cho rằng với cuộc sống hiện đại ngày này, những quan niệm đạo đức đó đã lạc hậu, lỗi thời, hủ cựu... Sự thật là, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên sức sống và giá trị thời đại, bởi bản chất cách mạng, khoa học và nhân văn của chính những quan niệm đạo đức đó. Phong cách Hồ Chí Minh phản ánh những giá trị cốt lõi trong tư tưởng, đạo đức của Người và được thể hiện vô cùng sinh động, tự nhiên, độc đáo, có sức thu hút, cảm hóa kỳ diệu trong hoạt động, ứng xử hằng ngày. Giá trị thời đại trong đạo đức và phong cách của Người còn được đánh giá cao bởi sự kết hợp hài hòa giữa bản sắc dân tộc với tính cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, phù hợp với xu thế vận động, phát triển của thời đại. Đạo đức và tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung, trước sau như một của Hồ Chí Minh là tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam và nhân loại.

Bên cạnh đó, thực tiễn học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã tạo nên những chuyển biến và đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Báo cáo số 03-BC/TW, ngày 20-8-2021 về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị "về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", trong đó, nhấn mạnh việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW đã đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, toàn diện, đóng góp quan trọng vào xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao giá trị đạo đức của toàn xã hội, lan tỏa những điều tốt đẹp. Thời gian tới, toàn Đảng, toàn dân tiếp tục triển khai việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18-5-2021 của Bộ Chính trị khóa XIII. Đây là những căn cứ rõ rệt nhất để bác bỏ luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về hiệu quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh hiện nay.

**2. Nhận diện thủ đoạn chống phá việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

Nhận diện những đối tượng thường xuyên chống phá, xuyên tạc giúp chúng ta nhận rõ bản chất và mưu đồ của họ. Qua đó trả lời được câu hỏi, tại sao họ không tiếc tiền của, công sức, thời gian để chống phá chúng ta hàng ngày, hàng giờ? Có thể tổng hợp và phân loại những đối tượng đó vào các nhóm sau đây:

*Nhóm thứ nhất, những cơ quan đặc biệt được các nhà nước tư bản lập ra để chống phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.* Những đối tượng thuộc nhóm này có thể coi là "kẻ thù truyền kiếp" của chủ nghĩa xã hội. Với mưu đồ chống phá từ bên trong, chúng tung ra những luận điệu xuyên tạc về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm tác động đến cán bộ, đảng viên dẫn tới suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, nặng hơn là "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", thậm chí là làm trái đường lối, Cương lĩnh, chủ trương của Đảng.

*Nhóm thứ hai, những kẻ phản bội Tổ quốc, thành phần của chế độ cũ, những kẻ thoái hóa, biến chất về tư tưởng, chính trị, bộc lộ rõ bộ mặt chống đối Đảng, Nhà nước.* Nhóm này thường tập hợp thành những tổ chức phản động lưu vong, hoạt động chống phá từ nước ngoài và chỉ đạo thành viên thực hiện các hoạt động chống phá trong nước. Các tổ chức này hoạt động có bài bản, đầu tư nhiều tiền bạc, với âm mưu xóa bỏ nền tảng tư tưởng, xây dựng hệ thống lý luận khác với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể kể đến các tổ chức như "Việt Tân", "Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời"... Họ tạo lập, duy trì các trang web, blog để tuyên truyền chống phá, xuyên tạc tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

*Nhóm thứ ba, những đối tượng núp bóng dưới các chiêu bài đòi "tự do", "dân chủ", "nhân quyền", "xã hội dân sự", hoặc núp bóng tôn giáo, dân tộc thiểu số.* Nếu nhóm thứ hai kể trên là những đối

tượng chống phá ở nước ngoài thì nhóm này là những kẻ hoạt động chống phá ở trong nước. Chịu sự chỉ đạo và tài trợ của nhóm thứ nhất hoặc thứ hai kể trên, nhóm này thường sử dụng công nghệ để rêu rao, tuyên truyền những luận điệu xuyên tạc về Hồ Chí Minh, những tin xấu, độc, không rõ nguồn được sử dụng để tạo sự thu hút của đông đảo người hiếu kỳ, tham gia bình luận, chia sẻ, gây ra tâm lý hoang mang, hoài nghi, làm lung lay tư tưởng của các tầng lớp nhân dân và cán bộ, đảng viên. Chúng thường đội lốt, tạo vỏ bọc là các nhà "dân chủ", "nhà bình luận", "facebooker", "bloger", "youtuber", "nhà báo", "người bảo vệ công lý"... lợi dụng tự do ngôn luận, tự do thông tin báo chí để ngụy tạo thông tin, tuyên truyền, xuyên tạc về Hồ Chí Minh, từ đó thành lập các diễn đàn để tuyên truyền, đả kích, bình luận, gửi "thư ngỏ", "tâm thư". Điển hình có thể kể đến một số đối tượng như: Nguyễn Lân Thắng sử dụng facebook cá nhân xúc phạm hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh; Nguyễn Quang A sử dụng mạng lưới Internet đưa những thông tin xấu độc về Hồ Chí Minh; Phan Văn Lợi (Huế) trả lời các bài phỏng vấn của RFA, BBC để xúc phạm, bôi nhọ Chủ tịch Hồ Chí Minh và chế độ; Hà Sỹ Phu (sống tại Đà Lạt) tán phát nhiều bài viết, trả lời phỏng vấn các đài nước ngoài đả phá chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh...

*Nhóm thứ tư, những đối tượng có nhận thức kém về chính trị, tư tưởng, dễ bị lợi dụng lôi kéo.* Nhóm này thường có nhận thức kém về tư tưởng, chính trị và cả trình độ văn hóa, dễ bị lợi dụng, kích động và bị mua chuộc bởi các thế lực thù địch. Điển hình có thể kể đến trường hợp một số đối tượng như Thạch Rine (61 tuổi, trú tại Trà Cú, Trà Vinh), thông qua tài khoản facebook cá nhân, đăng tải hình ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bị chỉnh sửa có tính chất xúc phạm lãnh tụ; đối tượng Phan Công Hải (28 tuổi, trú tại Nghi Lộc, Nghệ An) đăng tải những hình ảnh xúc phạm tượng Bác Hồ tại Trường trung học cơ sở Đô Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An; đối tượng Bùi Mạnh Đồng (40 tuổi, trú tại quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ) đã đăng tải

lên facebook cá nhân những bức ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh tụ sau khi chỉnh sửa với nội dung xúc phạm...

Thủ đoạn mà các đối tượng thường sử dụng để tuyên truyền chống phá tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bao gồm:

*Một là,* tấn công, phủ nhận trực diện tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Mục đích của họ là hạ thấp hình tượng lãnh tụ dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để các thế hệ người Việt Nam sau này không còn coi Hồ Chí Minh là linh hồn của dân tộc, là hình tượng đoàn kết, thống nhất toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua đó, họ suy diễn rằng việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là vô nghĩa, không có giá trị.

*Hai là,* đề cao, thậm chí "thần thánh hóa" tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó khẳng định Đảng và Nhà nước ta không bao giờ có thể tổ chức tốt học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Bản chất thủ đoạn này là thổi phồng nhưng thực ra đang hạ thấp tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặt khác, họ còn dùng thủ đoạn tạo sự đối lập giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác-Lênin; dùng chính tấm gương, đạo đức, những câu chuyện của Người để so sánh, đối chiếu, làm cớ phê phán đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay.

*Ba là,* sử dụng các diễn đàn, blog cá nhân và mạng xã hội như Facebook, Youtube, Tiktok... đưa tin thất thiệt, không chính xác, đặc biệt vào những dịp lễ lớn, ngày kỷ niệm liên quan đến Chủ tịch Hồ Chí Minh như ngày Quốc khánh (2-9), ngày thành lập Đảng (3-2), ngày đất nước thống nhất (30-4)... hoặc khi các sự kiện liên quan đến việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh như Lễ kỷ niệm 130 năm ngày sinh của Người (19-5-1890), kỷ niệm 110 năm ngày Người ra đi tìm đường cứu nước (05-6-1911), 80 năm ngày Bác Hồ về nước (28-01-1941)... Vào các dịp đặc biệt này, chúng nhân danh những nhà nghiên cứu, bình luận "khách quan, trung lập" về các sự kiện và cung cấp những thông tin "giật gân" nhằm thu hút

sự quan tâm, theo dõi của nhiều người tò mò, thiếu hiểu biết. Những thông tin này được dẫn lại và cắt ghép tinh vi, xảo quyệt, hướng lái góc nhìn của người tiếp nhận theo ý đồ của chúng. Ví dụ, chúng cắt ghép các đoạn clip từ phim tài liệu do kênh Biography của Mỹ để đưa ra phỏng đoán về việc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước vào năm 1911, về mục đích Người viết đơn xin học tại trường Thuộc địa... với mục đích xuyên tạc, bôi nhọ hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*Bốn là,* lợi dụng các nghiên cứu của một số tổ chức, các cá nhân ở nước ngoài để trích chép và thêu dệt hòng xuyên tạc đời tư của Hồ Chí Minh trong các giai đoạn hoạt động cách mạng ở Anh, Pháp, Trung Quốc.

*Năm là,* chúng "gài" những thông tin sai lệch vào những nội dung thông tin chính xác làm cho người nhận khó phân biệt đúng sai, từ đó tin vào những thông tin bịa đặt mà chúng cung cấp. Thâm độc hơn, chúng tích cực xây dựng, chỉnh sửa, tạo ra những minh chứng, chứng cứ giả mang tính xuyên tạc về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chúng sử dụng chiến thuật "mưa dầm thấm lâu", nhắc đi nhắc lại những thông tin không chính xác và ngụy tạo trên nhiều diễn đàn, dưới nhiều góc độ để người đọc dần tin vào thông tin mà chúng cung cấp.

### 3. Một số giải pháp phòng, chống những quan điểm chống phá việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Để đấu tranh, phản bác có hiệu quả các luận điệu sai trái xuyên tạc, phủ nhận tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cũng như các luận điệu chống phá việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

*Một là*, đẩy mạnh nghiên cứu, tìm hiểu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn nghiên cứu với vận dụng trong thực tiễn hiện nay của từng ngành, từng lĩnh vực. Để đấu tranh đập tan các

luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, việc tiếp tục nghiên cứu và làm rõ về thân thế, cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh là vô cùng cần thiết. Kết quả nghiên cứu với căn cứ khoa học đầy đủ sẽ là vũ khí sắc bén nhất để phản bác các quan điểm sai trái trên. Muốn vậy, cần quan tâm đầu tư cả về con người lẫn vật chất cho công tác nghiên cứu; quan tâm, sưu tầm những thông tin, tư liệu về Hồ Chí Minh; phát huy vai trò của những nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành về tư tưởng Hồ Chí Minh; chú trọng công tác đào tạo và nghiên cứu ở những cơ sở đào tạo đại học và sau đại học.

*Hai là*, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao hiệu quả học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên, quần chúng. Nên xác định mục tiêu trước nhất của đấu tranh, phản bác các quan điểm thù địch, sai trái là bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ niềm tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vào con đường độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Nếu nhận thức đầy đủ thì mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng sẽ có "kháng thể" đối với các luận điệu xuyên tạc, nhờ vậy sẽ không bị kích động, lôi kéo, gây hoang mang từ các quan điểm thù địch.

*Ba là*, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng và mối quan hệ giữa việc nghiên cứu, học tập, vận dụng, thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Việc này cần có sự lãnh đạo sát sao của các tổ chức Đảng, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chung tay phát huy cao độ vai trò trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị. Thời gian tới cần đổi mới phương thức thực hiện, tổ chức học tập dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú gắn với việc đấu tranh phản bác, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

*Bốn là*, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên với năng lực và phẩm

chất đầy đủ, hiểu biết sâu sắc về tư tưởng Hồ Chí Minh, để tham gia đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái. Quán triệt nguyên tắc đấu tranh là lấy thực tiễn chân lý khách quan làm cơ sở chủ yếu để phản bác, đấu tranh bác bỏ các luận điệu xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ Hồ Chí Minh. Trên mặt trận văn hóa - tư tưởng, cần quán triệt cao độ việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thực hiện tốt Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị "về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới" và Kết luận số 01-KL/TW ngày 18-5-2021 của Bộ Chính trị "về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị khóa XII "về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"". Các cơ quan báo chí, truyền thông cần xung kích đi đầu đăng tải, viết các bài tuyên truyền, phản bác các quan điểm thù địch, sai trái, cần chú ý đến chất lượng và tính thuyết phục. Thêm vào đó, trước tình hình các hoạt động tuyên truyền, phá hoại tư tưởng càng tinh vi, bài bản, xảo quyệt, cần quan tâm đầu tư xây dựng và phát triển lực lượng chuyên trách đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái đảm bảo về trình độ và năng lực.

*Năm là,* làm tốt công tác đối ngoại, định hướng tư tưởng, hỗ trợ cho bạn bè quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có nguồn thông tin chính thống và đúng đắn về thân thế, cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của Đảng ta. Thêm vào đó, cần làm tốt công tác tuyên truyền về thành tựu, hiệu quả của đường lối đổi mới đất nước, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của kiều bào và bạn bè thế giới.

*Sáu là*, tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm khắc những cá nhân, tổ chức có hành vi tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt, nói xấu về thân thế, cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đi kèm với xử lý cần làm tốt công tác tuyên

truyền, giáo dục để mang tính răn đe, cảnh tỉnh. Lực lượng Công an nhân dân cần xung kích, đi đầu, chủ động nắm tình hình các tổ chức phản động, các âm mưu xuyên tạc, bôi nhọ hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh cả trong và ngoài nước để có biện pháp đấu tranh, xử lý đúng đắn. Các đơn vị làm công tác tuyên giáo cần chủ động phòng ngừa kết hợp với giữ vững bên trong, tích cực tuyên truyền, giáo dục cho quần chúng nhân dân hiểu âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc đấu tranh, xử lý các đối tượng xuyên tạc về Hồ Chí Minh.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới đất nước khẳng định sự đúng đắn và tính chân lý của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Hơn bao giờ hết, để bảo vệ những thành quả cách mạng đã đạt được và tiếp tục vững bước phát triển, chúng ta cần quán triệt tốt việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, trong đó có kiên quyết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là một yêu cầu cấp bách, quan trọng, góp phần giữ vững nền tảng tư tưởng, củng cố địa vị chủ đạo hệ tư tưởng của Đảng ta trong đời sống xã hội.

*Phần thứ hai*

# BẢO VỆ CƯƠNG LĨNH, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC, ĐẤU TRANH KHÔNG KHOAN NHƯỢNG VỚI LUẬN ĐIỆU SAI TRÁI, XUYÊN TẠC CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH, PHẢN ĐỘNG, PHẦN TỬ CƠ HỘI CHÍNH TRỊ

# PHẢN BÁC LUẬN ĐIỆU SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ BÀI VIẾT CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ*

*Hoàng Thị Nguyệt Nga***

***Tóm tắt:*** Sau khi bài viết *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ra đời, trên mạng xã hội đã xuất hiện nhiều luận điệu chống phá của các thế lực thù địch, với ngôn ngữ vừa kích động, vừa mị dân, dẫn dắt có chủ ý nhằm xuyên tạc, phủ nhận nội dung bài viết. Chính vì vậy, nhận diện, đấu tranh với những luận điệu đó nhằm khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của bài viết đối với sự nghiệp cách mạng của Việt Nam trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài là vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

***Từ khóa:*** *Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; chủ nghĩa xã hội; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; luận điệu sai trái, thù địch*

**Những luận điểm cơ bản của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Một trong những nội dung quan trọng trong bài viết của đồng chí Tổng Bí thư xoay quanh những vấn đề lý luận và thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Bài viết dựa trên nền tảng thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn phong phú, sinh động của Việt Nam trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong đó nổi bật lên các nội dung cơ bản sau:

---

* Tác phẩm đạt Giải A

** Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ

*Thứ nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam.*

Bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có sự khái quát cao về nhận thức chủ nghĩa xã hội Việt Nam từ thực tiễn đổi mới của nước ta và từ những thành công cũng như thất bại của một số nước trên thế giới. Trên cơ sở đó, Tổng Bí thư đã khái quát thành đặc điểm riêng có của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng. Đó phải là vì con người, vì cuộc sống của nhân dân chứ không phải vì lợi nhuận của một nhóm người nào; nội hàm của chủ nghĩa xã hội Việt Nam là xử lý đúng đắn các mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo an sinh xã hội, đó là lợi ích của nhân dân; hay như nhận định chủ nghĩa xã hội Việt Nam là sự hoàn thiện hệ thống chính trị, đặc biệt là xây dựng nhà nước pháp quyền và phân biệt rõ giữa Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với nhà nước pháp quyền tư sản cũng là một điểm mới được làm rõ trong bài viết.

Từ đó, Tổng Bí thư khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một chặng đường rất dài; mỗi chặng đường trải qua những bước đi cụ thể, với những hình thức, biện pháp cụ thể; cùng với đó, phải tiếp tục tổng kết những vấn đề thực tiễn đặt ra. Kết nối với thời điểm hiện nay, khi nước ta đang nỗ lực triển khai đưa Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII vào cuộc sống, bài viết của Tổng Bí thư có tính định hướng quan trọng để Đảng và Nhà nước, nhất là bộ máy nhà nước pháp quyền không ngừng hoàn thiện để có trách nhiệm lịch sử, từ đó thể chế và hiện thực hóa *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* mà Đại hội XI đã bổ sung, phát triển.

*Thứ hai, đi lên chủ nghĩa xã hội phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa là giải pháp để đạt*

*mục tiêu, vừa là nhiệm vụ cần thực hiện trong suốt chặng đường phát triển đất nước.*

Xây dựng chủ nghĩa xã hội, theo Tổng Bí thư, đó là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, đó là không giống với bất kỳ một mô hình nào trên thế giới. Những điều đó mang tính chất đặc trưng riêng của Việt Nam, chỉ của Việt Nam. Từ đó, Tổng Bí thư khẳng định: "Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa *là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta*, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới"[1]. Cả lý luận và thực tiễn chứng minh nhận định trên của Tổng Bí thư là hoàn toàn đúng đắn. Vì vậy, Tổng Bí thư đã cụ thể hóa nhận thức của Đảng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Chính là "nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"[2].

*Thứ ba, trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải coi văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.*

Luận bàn về văn hóa trong chủ nghĩa xã hội, Tổng Bí thư nhấn mạnh: "Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các

---

[1, 2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.25; 25-26.

dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại"[1]. Theo Tổng Bí thư, nền văn hóa Việt Nam có nội dung là đậm đà bản sắc dân tộc, tâm hồn dân tộc, lối sống, truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc được bảo tồn, lưu truyền, kết nối với những giá trị, những xu hướng tiến bộ chung của nhân loại hiện nay. Tổng Bí thư đã quán triệt quan điểm của Đảng về trọng tâm của xây dựng văn hóa là xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp. Trong đó, coi phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

*Thứ tư, chế độ chính trị và cơ chế vận hành tổng quát trong mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ.*

Mối quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" là vấn đề lớn, cơ bản, có ý nghĩa bao trùm, xuyên suốt cho quá trình vận hành của hệ thống chính trị; giải quyết tốt mối quan hệ này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Chính vì lẽ đó, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: "Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều *vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu*. Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ*"[2].

*Thứ năm, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.*

---

[1, 2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.27; 28.

Khi bàn về vai trò lãnh đạo của Đảng, Tổng Bí thư đã đưa ra nội dung đánh giá có tính định hướng chiến lược về công tác xây dựng Đảng nói chung, về vai trò lãnh đạo của Đảng với tiến trình cách mạng, đặc biệt trong công cuộc đổi mới, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng. Theo Tổng Bí thư: "Nhận thức sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, *chúng ta đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa*"[1]. Phân tích ý nghĩa những thành quả sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, cả những mặt hạn chế về kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, người lãnh đạo cao nhất của Đảng khẳng định: "Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. *Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội*. Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân"[2].

Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng sau hơn 35 năm qua là minh chứng hùng hồn chứng tỏ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới, bảo đảm đất nước phát triển bền vững, theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là cơ sở, nền tảng để tiếp tục xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

---

[1, 2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.29; 36-37.

**Đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận giá trị lý luận và thực tiễn to lớn trong bài viết của Tổng Bí thư**

Thời gian qua, sau khi bài viết *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng được đăng tải, các thế lực thù địch đã phát tán nhiều bài viết, bình luận trên nền tảng mạng xã hội và một số website, tờ báo nước ngoài có tư tưởng phản động chống phá Việt Nam như: Danlambao, kênh VOA tiếng Việt, Đài Châu Á tự do... với nội dung xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nội dung bài viết trên. Chúng cho rằng Tổng Bí thư đã đưa ra "hệ thống lý luận cũ kỹ, không còn phù hợp với thời đại", "lạc nhịp", "lỗi thời" và Việt Nam "lợi dụng tự do, dân chủ, tuyên truyền chống phá các nhà nước tư bản"; phản đối chế độ một đảng lãnh đạo ở Việt Nam; bôi nhọ, nói xấu chế độ ta. Thực chất đây là những luận điệu sai trái, thông tin sai sự thật, "lập lờ đánh lận con đen", cố tình xuyên tạc, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mà Tổng Bí thư đã trình bày trong bài viết quan trọng của mình!

Trước những lập luận chặt chẽ trong bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, các thế lực thù địch cố gắng dùng mọi thủ đoạn để cố tình xuyên tạc, bôi nhọ bài viết, đánh vào nền tảng tư tưởng của Đảng ta, hòng gây hoang mang dao động về hệ tư tưởng, về lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Xuyên tạc những vấn đề lý luận trong bài viết của Tổng Bí thư, các thế lực thù địch, cơ hội cho rằng: "Chủ nghĩa xã hội chỉ là phương tiện cứu nước, giành độc lập dân tộc, và khi giành độc lập rồi thì cần phải thay đổi phương tiện"(VOA tiếng Việt)[1]. Thực chất đây là thủ đoạn đánh tráo khái niệm, hòng phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

---

[1] https://vtv.vn/chinh-tri/doi-dien-thang-6-phan-bac-thong-tin-xuyen-tac-ve-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-20210630141248408.htm.

Bài viết của Tổng Bí thư đã khẳng định chế độ xã hội chủ nghĩa là một chế độ xã hội mang bản chất tốt đẹp, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, lấy con người làm trung tâm, dựa trên lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội tư bản "lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm đoạt của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội". Vậy mà, luận điệu của các thế lực thù địch lại cho rằng "chế độ xã hội chủ nghĩa của Việt Nam hoàn toàn không có bình đẳng xã hội, không có an sinh, phúc lợi xã hội gì cả, mọi thứ đều phải trả bằng tiền". Có lẽ nào chúng muốn dân tộc ta phải đi tìm cái bình đẳng của phương Tây khi mà một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số, nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới 3/4 nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng và do đó chi phối toàn xã hội. Trong nhiều bài viết chống phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, các thế lực thù địch thường xuyên so sánh vấn đề dân chủ ở Việt Nam và vấn đề dân chủ phương Tây nhưng họ không hiểu rằng trong đời sống chính trị, một khi quyền lực của đồng tiền chi phối thì quyền lực của nhân dân sẽ bị lấn át và người dân mất đi chính quyền làm chủ của chính mình. Vì vậy mà tại các nước tư bản phát triển, các cuộc bầu cử được gọi là "tự do", "dân chủ", dù có thể thay đổi chính phủ, nhưng không thể thay đổi được các thế lực thống trị; núp đằng sau hệ thống đa đảng trên thực tế vẫn là sự thống trị của các tập đoàn tư bản.

Bài viết của đồng chí Tổng Bí thư đã làm rõ những vấn đề cốt lõi của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta kiên định trong quá trình đổi mới đất nước; đồng thời đã khẳng định chế độ xã hội chủ nghĩa là một chế độ xã hội mang bản chất tốt đẹp, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, lấy con người làm trung tâm, dựa trên lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa cá nhân và phe nhóm. Để đạt được mục tiêu đó, sự lãnh đạo của Đảng là

nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Không chấp nhận thực tế đó, những kẻ thù địch với chế độ xã hội chủ nghĩa ở trong và ngoài nước lại cố tình bịa đặt, lèo lái, dẫn dắt đánh lừa dư luận nhằm thực hiện mưu đồ phản động của mình bằng ngôn ngữ xấu, độc, võ đoán khi cho rằng: "Đảng cộng sản dốc tâm lo xây dựng chủ nghĩa xã hội để nắm giữ lợi quyền. Để độc quyền cai trị. Để có cơ những lạm, cướp bóc, làm giàu cho cá nhân, phe nhóm, vinh sang cho một đảng trị vì khiến đất nước cứ mãi lạc hậu đói nghèo". Tiếp cận dưới góc độ một bài viết có tính lý luận cao, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam bằng lập luận khoa học, thuyết phục qua những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện tập trung ở giải trình bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đó là cơ sở phản bác một cách thuyết phục, kể cả phản bác đanh thép, sắc bén trước những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị.

Trong bài viết của mình, Tổng Bí thư khẳng định rằng: Đảng ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Những thành tựu to lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng là không thể phủ nhận; những hạn chế, khuyết điểm của chúng ta là có thực, đặc biệt là tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống vẫn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong khi đó, các thế lực xấu, thù địch lại luôn tìm mọi thủ đoạn để can thiệp, chống phá, gây mất ổn định, thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đó là những khó khăn, trở lực cả khách quan lẫn chủ quan đang từng ngày, từng giờ đe dọa đến sự tồn vong của chế độ, mà thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Cũng từ đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan

liêu, lãng phí, thoái hóa... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị. Thực tế công tác xây dựng Đảng và những quyết tâm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài viết là sự tiếp nối của tư tưởng Hồ Chí Minh: "Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác"[1].

Từ khi bài viết được công bố (16-5-2021) đến nay, trên các phương tiện thông tin đại chúng, các báo, tạp chí... đã có hàng nghìn bài viết, bài bình luận, tâm tư tình cảm của độc giả, từ cán bộ hưu trí, đảng viên ở cơ sở, nhân dân ở mọi vùng, miền của Tổ quốc; từ đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo cho đến các nhà nghiên cứu, các chính trị gia, học giả quốc tế, văn nghệ sĩ, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài... đón nhận bài viết của Tổng Bí thư với lòng yêu mến, niềm tin tưởng và sự hưởng ứng tích cực.

Đối với các đảng cộng sản, đảng lao động trên thế giới như: Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Cuba, Đảng Cộng sản Hoa Kỳ,... đều bày tỏ sự đồng tình, đánh giá cao bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Những nhận định của bạn bè quốc tế năm châu về bài viết của đồng chí Tổng Bí thư không chỉ tiếp thêm niềm tin vững chắc cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đi trên con đường chủ nghĩa xã hội, mà còn trang bị vũ khí lý luận sắc bén để chúng ta tiếp tục đấu tranh, phản bác với những suy diễn vô căn cứ, chống phá, xuyên tạc những thành tựu mà Việt Nam đạt được trong hơn 35 năm đổi mới đất nước. Từ tổng kết thực tiễn của Việt Nam, Tổng Bí thư đã đóng góp thêm tiếng nói của Việt Nam vào kho tàng lý luận thế giới về chủ nghĩa xã hội. Điều đó càng khẳng định rằng, sự lựa chọn và kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là "sai lầm" mà là sự lựa chọn, kiên định đúng đắn của lịch sử dân tộc, của nhân dân ta, của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.31.

Ra đời cách đây hơn một năm, bài viết của đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã khơi dậy và lan tỏa niềm tin, niềm tự hào, tình cảm thiêng liêng đến các tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; góp phần quan trọng củng cố niềm tin của nhân dân đối với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, các thế lực thù địch, cơ hội chính trị sẽ tiếp tục đưa ra các luận điệu phản động, tìm cách phủ nhận, bôi đen thành tựu xây dựng, phát triển đất nước, xuyên tạc, bóp méo chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hạ thấp uy tín đồng chí Tổng Bí thư. Do đó, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cần hiểu rõ giá trị bài viết, coi đây là cơ sở khoa học, luận điểm để phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch.

Bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tầm tư tưởng, giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc, là kim chỉ nam tiếp tục chỉ đạo nhiệm vụ quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cho công cuộc đổi mới của đất nước trong thời gian tới. "Hiện nay, gần 1,5 tỷ người trên hành tinh vẫn đang đi theo con đường xã hội chủ nghĩa với những thành tựu đáng trân trọng và tự hào. Dù còn nhiều khó khăn, thách thức, phức tạp, nhưng sự phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay (Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cuba...) đã chứng minh rằng chủ nghĩa xã hội vẫn là hiện thực, là thực tế, là một chế độ xã hội tốt đẹp nhất trong lịch sử nhân loại đến ngày nay"[1]. Nhân dân tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta sẽ tiếp tục giành những thắng lợi to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

---

[1] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Sổ tay công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2022, tr.90, 91.

# CUỐN SÁCH CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN QUAN TRỌNG ĐỂ ĐẤU TRANH, PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM PHỦ NHẬN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM*

***Lê Văn Phục*****

***Tóm tắt:*** Cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ra đời có ý nghĩa hết sức to lớn đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, cách diễn đạt dung dị, gần gũi, dễ hiểu đối với mọi tầng lớp nhân dân, được chắt lọc từ đời sống thực tiễn sinh động của đất nước, cuốn sách đã thể hiện rõ và làm sâu sắc thêm bản chất, giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội, đề cập nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về đường lối đổi mới, về phát triển đất nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh. Từ đó xác lập những luận cứ quan trọng để đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phủ định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

***Từ khóa:*** *Đấu tranh, phản bác; luận cứ; Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*

## 1. Nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch phủ định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Một trong những quan điểm vô cùng thâm hiểm của các thế lực thù địch nhằm xuyên tạc, phủ định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ở nước ta, đó là: "Việt Nam lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là một sai lầm lịch sử"[1], là sự lựa chọn chủ quan của Hồ Chí Minh, của những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó, họ cho rằng chúng ta "kiên định đi theo chủ nghĩa xã hội là sai lầm, đi theo vết xe đổ của Liên Xô"![2]. Họ đi đến kết luận xuyên tạc: "Chủ nghĩa xã hội mà Mác nêu ra chỉ là một lý tưởng, một chủ nghĩa xã hội "không tưởng", không bao giờ hiện thực được"![3]; "Việt Nam với xuất phát điểm thấp, không còn sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa mà lựa chọn con đường quá độ "bỏ qua chế độ tư bản" là kỳ quặc, trái với quy luật, không thể đi lên chủ nghĩa xã hội được"; "cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là "vẽ rắn thêm chân, đã là kinh tế thị trường thì "phải tự do tuyệt đối"".

Thời gian gần đây, các thế lực thù địch đã tung ra nhiều luận điệu xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng. Đầu tiên, chúng tập trung phê phán Đảng ta không chịu đổi mới về chính trị, "không chịu thực hiện đa nguyên chính trị, giữ độc quyền lãnh đạo, hạn chế dân chủ"![4]; "Độc tài, Đảng trị là cái gốc sai chính của nhà cầm quyền Việt Nam hiện đại"! và "Đảng chỉ nên giữ vai trò lãnh đạo chính trị, không nên giữ vai trò lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối"![5]. Họ thống kê, tổng hợp những sai lầm, thiếu sót về quan điểm, đường lối lẫn hoạt động thực tiễn của Đảng ta trong quá khứ để đưa ra yêu sách "chấm dứt vai trò lịch sử của Đảng"! mà trực tiếp là xóa bỏ Điều 4 trong Hiến pháp năm 2013. Tiếp theo, chúng lợi dụng đại dịch Covid-19, lợi dụng tình hình mưa lũ miền Trung năm 2020 để xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh

---

[1, 2, 5] Học viện Chính trị Công an nhân dân: *Đấu tranh chống các quan điểm, luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.245; 269; 182.

[3] Ban Tuyên giáo Trung ương: *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2017, tr.76.

[4] Xem Học viện Chính trị Công an nhân dân: *Đấu tranh chống các quan điểm, luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.182.

đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam[1]. Nhân lúc Đảng triển khai việc đóng góp ý kiến vào Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII, chúng xuyên tạc để làm lu mờ những thành quả cách mạng, thổi phồng những tồn tại, hạn chế trong quá trình phát triển đất nước, rồi quy kết đổ lỗi nguyên nhân của những hạn chế ấy là do thể chế chính trị, sự yếu kém trong thực hiện vai trò lãnh đạo... Khi Đảng xác định mục tiêu phát triển đất nước trong Văn kiện Đại hội XIII: "Phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta *trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*"[2], chúng phủ nhận sạch trơn rằng những mục tiêu đó "không có tính khả thi" vì hiện tại Việt Nam vẫn là một nước nghèo, kém phát triển, do đó sẽ không thể đạt được những mục tiêu như đã đề ra.

Thực chất những luận điệu trên là xuyên tạc, phi lịch sử, phản động, phản khoa học, nhằm làm suy giảm niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang xây dựng.

## 2. Luận cứ đúc rút từ cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng để đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phủ định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Để đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đòi hỏi chúng ta phải có luận cứ khoa học rõ ràng. Cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ra đời góp phần đáp ứng điều đó. Qua nghiên cứu, chúng tôi đúc rút ra một số luận cứ để đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phủ định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

*Thứ nhất, khẳng định việc lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là đúng đắn, phù hợp.*

---

[1] Trần Hải Nam: *Phòng, chống "diễn biến hòa bình" về mặt tư tưởng trong thời điểm đại dịch Covid-19 bùng phát*, Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 26-4-2020.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.112.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng luận giải Việt Nam lựa chọn con đường "đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử"[1], bởi lẽ: Chủ nghĩa xã hội có mục tiêu cao cả là giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện; là một chế độ xã hội mà con người được tự do, sống hòa bình và hữu ái giữa các cộng đồng, không còn áp bức, bóc lột, bất công, một xã hội thực sự vì con người. Tổng Bí thư đã viết: "Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội..., nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn..., phát triển bền vững, hài hòa để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai..."[2]. Rõ ràng, đây là những khát vọng, mong ước tốt đẹp không chỉ của nhân dân Việt Nam mà của cả nhân loại.

Tổng Bí thư khẳng định: "Nhân dân Việt Nam đã trải qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, khó khăn, đầy gian khổ, hy sinh để chống lại ách đô hộ và sự xâm lược của thực dân, đế quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ quyền thiêng liêng của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân với tinh thần "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*". Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm

---

[1] *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2010, t.69, tr.282.

[2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, t.1, tr.21.

thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng, *chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc*"[1].

Tổng Bí thư nhấn mạnh: "Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, *dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm*, do đó cần và có điều kiện để xây dựng sự đồng thuận xã hội thay vì đối lập, đối kháng xã hội"[2]. So với nhiều quốc gia có cùng trình độ phát triển kinh tế, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam cao hơn khá nhiều. Trong đại dịch Covid-19, những thành công đạt được trong việc hỗ trợ người dân chăm lo sức khỏe, phát triển kinh tế, ổn định đời sống đã minh chứng ở Việt Nam "không ai bị bỏ lại phía sau". Mặc dù, vẫn còn những hạn chế, thách thức trong giải quyết mục tiêu công bằng, bình đẳng xã hội, nhưng với những kết quả đạt được trên thực tế trong những năm qua ở Việt Nam, chúng ta hoàn toàn tin tưởng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng là một xã hội hướng tới các giá trị đích thực vì con người, sẽ không "có sự cạnh tranh chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm", không có "vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người", không có kiểu cạnh tranh bất công, "cá lớn nuốt cá bé" vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm..."""[3].

*Thứ hai, khẳng định bản chất tốt đẹp của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

---

[1, 2, 3] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.22; 28; 21.

Thông qua cuốn sách, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ rõ: "Dân chủ là *bản chất* của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Chúng ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội"[1]. Điều này khẳng định bản chất ưu việt của nền dân chủ nước ta mà các nền dân chủ trước đó không có được.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng còn khẳng định bản chất ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chúng ta đang xây dựng: "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bản chất khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, chúng ta xác định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.28-29.

mạng ở Việt Nam; không ngừng thúc đẩy sự bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo"[1]. Như thế, bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động.

*Thứ ba, khẳng định tính đúng đắn và sáng tạo trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.*

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: "Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa *là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta*, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Đó là *một kiểu kinh tế thị trường mới* trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt*: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối.* Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ)"[2].

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng còn làm rõ nội hàm, bản chất của sở hữu và thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng

---

[1, 2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.29; 25-26.

xã hội chủ nghĩa. Theo đó, mô hình này còn nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, chúng đan xen, cùng vận động trong một thể thống nhất, cùng hợp tác và phát triển. Các thành phần kinh tế là những bộ phận hữu cơ của nền kinh tế và hoạt động bình đẳng trước pháp luật. Tổng Bí thư khẳng định: "Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

*Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng* của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải *gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển.* Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không "hy sinh" tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực

thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"[1].

Những luận điểm về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đề cập một cách toàn diện và sâu sắc các mặt, các khía cạnh, đã khẳng định một cách thuyết phục việc lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một tất yếu khách quan, là sự đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn phát triển Việt Nam, là sự sáng tạo mang tính đột phá về lý luận trên cơ sở những kinh nghiệm thế giới và thực tiễn phát triển Việt Nam.

*Thứ tư, khẳng định bản chất bóc lột cố hữu của chủ nghĩa tư bản không thay đổi.*

Bên cạnh đánh giá những thành tựu to lớn mà chủ nghĩa tư bản đạt được trên các lĩnh vực về kinh tế, khoa học và công nghệ; có sự điều chỉnh nhất định về sở hữu, an sinh xã hội... làm cho diện mạo của chủ nghĩa tư bản khác nhiều so với trước đây, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng chỉ rõ bản chất bóc lột cố hữu của chủ nghĩa tư bản không thay đổi, không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Do vậy các cuộc khủng hoảng về nhiều mặt tiếp tục diễn ra, làm phơi bày sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa: "Đời sống của đa số dân cư lao động bị giảm sút nghiêm trọng, thất nghiệp gia tăng; khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, xung đột giữa các sắc tộc. Những tình huống "phát triển xấu", những nghịch lý "phản

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.26-27.

phát triển", từ địa hạt kinh tế - tài chính đã tràn sang lĩnh vực xã hội, làm bùng nổ các xung đột xã hội, và ở không ít nơi từ tình huống kinh tế đã trở thành tình huống chính trị với các làn sóng biểu tình, bãi công, làm rung chuyển cả thể chế. Sự thật cho thấy, bản thân thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản không thể giúp giải quyết được những khó khăn, và trong nhiều trường hợp còn gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho các nước nghèo; làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa *lao động* và *tư bản* toàn cầu. Sự thật đó cũng làm phá sản những lý thuyết kinh tế hay mô hình phát triển vốn xưa nay được coi là thời thượng, được không ít các chính khách tư sản ca ngợi, được các chuyên gia của họ coi là tối ưu, hợp lý"[1].

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng còn nhấn mạnh: "Các phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển trong thời gian qua càng làm bộc lộ rõ sự thật về bản chất của các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa. Thực tế là các thiết chế dân chủ theo công thức "dân chủ tự do" mà phương Tây ra sức quảng bá, áp đặt lên toàn thế giới không hề bảo đảm để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - yếu tố bản chất nhất của dân chủ. Hệ thống quyền lực đó vẫn chủ yếu thuộc về thiểu số giàu có và phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lớn. Một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số, nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới 3/4 nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn xã hội. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào "99 chống lại 1" diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước tư bản. Sự rêu rao *bình đẳng về quyền* nhưng không kèm theo *sự bình đẳng về điều kiện để thực hiện* các quyền đó đã dẫn đến dân chủ vẫn chỉ là

[1] Dẫn theo Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.19-20.

hình thức, trống rỗng mà không thực chất. Trong đời sống chính trị, một khi quyền lực của đồng tiền chi phối thì quyền lực của nhân dân sẽ bị lấn át"[1].

Bản chất bóc lột cố hữu của chủ nghĩa tư bản không thay đổi. Theo đuổi lợi nhuận đã, đang và sẽ là mục tiêu cao nhất và cuối cùng của các nhà tư bản; sự giàu có của các nhà tư bản là từ nguồn lợi nhuận này. Nguồn gốc của lợi nhuận là giá trị thặng dư do công nhân tạo ra trong quá trình sản xuất. Chắc chắn đây không phải là chế độ xã hội mà nhân dân Việt Nam mong đợi, càng không phải là tương lai của nhân loại. Nhân dân Việt Nam cần một xã hội "mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người...".

*Thứ năm, khẳng định những thành tựu to lớn trong quá trình đổi mới đất nước.*

Sau 35 năm đổi mới đất nước, 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thế và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: "xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.20-21.

trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện. Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, *phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế.* Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta… *với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*"[1].

*Thứ sáu, khẳng định vai trò to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.*

Bằng nhiều cách diễn đạt khác nhau, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng luôn khẳng định: "**Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta**"[2]. Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo toàn dân tộc vượt qua mọi thử thách của lịch sử, chiến đấu và giành chiến thắng trước những kẻ thù xâm lược hùng mạnh. Trong thời kỳ đổi mới, quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bên cạnh những thành công, cũng đứng trước nhiều khó khăn, thử thách, đặc biệt là sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch. Thế nhưng, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn kiên định, vững vàng chèo lái con thuyền cách mạng, đưa đất nước tiến lên. Thực hiện sứ mệnh là lực lượng duy nhất giữ vai trò lãnh đạo, Đảng luôn giữ vững được khối

[1, 2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.33-34; 368.

đại đoàn kết toàn dân tộc, đã đem lại những quyền cơ bản nhất cho quốc gia, dân tộc và toàn thể nhân dân. Như Tổng Bí thư đánh giá: "Suốt hơn 90 năm qua, Đảng ta đã xác lập, củng cố và ngày càng nâng cao vai trò lãnh đạo, sức mạnh và uy tín của Đảng bằng chính bản lĩnh, nghị lực, trí tuệ, lý luận tiên phong; bằng đường lối đúng đắn mang lại lợi ích thiết thân cho nhân dân, cho đất nước; bằng sự nêu gương, hy sinh quên mình, phấn đấu không mệt mỏi của đội ngũ cán bộ, đảng viên; bằng một tổ chức đoàn kết, thống nhất chặt chẽ, vững chắc; bằng mối liên hệ máu thịt với nhân dân, được nhân dân hết lòng tin yêu, ủng hộ và bảo vệ. Thực tế từ ngày có Đảng, nhân dân ta đã có người lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và nhờ thế chúng ta đã giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên những kỳ tích trong kỷ XX. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức và đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực và uy tín quốc tế như ngày nay. Chúng ta hoàn toàn có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập và rèn luyện, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng"[1].

*Tóm lại,* cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thể hiện tư tưởng xuyên suốt, nhất quán, kiên định và sự phát triển sáng tạo, hoàn thiện tư duy lý luận, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cuốn sách ra đời có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nhằm phục vụ công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đặc biệt là tổng kết lý luận về đường lối đổi mới và những bài học kinh nghiệm, những vấn đề có tính quy luật từ thực tiễn công cuộc xây dựng, phát

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.370.

triển đất nước trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Đồng thời, trong cuốn sách đã xác lập những luận cứ quan trọng giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, góp phần đẩy lùi những luận điệu sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng của Đảng.

# XUYÊN TẠC CUỐN SÁCH CỦA TỔNG BÍ THƯ - HỌ MUỐN GÌ?*

*Văn Thị Thanh Mai***

***Tóm tắt:*** Cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là một công trình lý luận khoa học, không chỉ tổng kết thực tiễn sâu sắc về chủ nghĩa xã hội (tương lai của loài người) và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mà còn khẳng định sự lựa chọn đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta từ thập niên 1930 (dù phải vượt qua nhiều khó khăn, thử thách), song nhất định sẽ đưa đất nước Việt Nam đi đến tương lai tươi sáng. Do đó, mọi sự bẻ cong, xuyên tạc nội dung cuốn sách về quyết định lựa chọn, hành trình kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đều cần phải nhận diện đúng và bác bỏ!

***Từ khóa****: Chủ nghĩa xã hội; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; cuốn sách; bảo vệ nền tảng tư tưởng*

**Chủ nghĩa xã hội là đích đến của loài người!**

Chủ nghĩa xã hội không phải là sự ảo tưởng, không phải "giấc mơ lãng mạn không có thật", không phải là mục tiêu hoang tưởng, viển vông trong tiến trình phát triển của xã hội loài người. Đồng thời, chủ nghĩa xã hội cũng không phải là "địa ngục toàn trị" và càng không phải "là giấc mơ của vài người nhưng là ác mộng của nhân

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Đảng viên, thành phố Hà Nội

loại" như sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, mà đó chính là đích đến của loài người!

Thực tế cho thấy là, trong khi những tổ chức phản động như Việt Tân, Hội anh em dân chủ..., những phần tử phản động, cơ hội, những kẻ suy thoái thông qua các trang mạng như Danlambao, Tiếng Dân News, VOA tiếng Việt, Việt Tân, Chantroimoi. Media... và các facebook cá nhân "ỉ ôi" cho rằng chủ nghĩa xã hội chỉ là "cái bánh vẽ của cộng sản", chỉ là một chế độ xã hội "không tưởng", không có trong thực tế; trong khi mạng xã hội xuất hiện không ít những tin, bài, comment không chỉ bịa đặt, suy diễn mà còn quy chụp và xuyên tạc về chủ nghĩa xã hội và phủ nhận những vấn đề về chủ nghĩa xã hội nêu trong cuốn sách của Tổng Bí thư, thì chế độ xã hội đầy ưu việt đó là ước mơ, hy vọng của nhân dân các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc được thoát khỏi sự nô dịch cả vật chất và tinh thần; không còn giai cấp thống trị và cũng không bị nhóm quyền lực ích kỷ chi phối...

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn được UNESCO vinh danh khẳng định tiến lên chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, là bước phát triển tất yếu, khách quan phù hợp điều kiện của Việt Nam sau khi đã giành được độc lập dân tộc. Vì, "chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no"[1] và "chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân được ấm no, hạnh phúc và học hành tiến bộ"[2]. Đồng thời, chủ nghĩa xã hội xa lạ với chủ nghĩa cá nhân, song không phủ nhận cá nhân mà luôn tôn trọng và phát triển mọi năng lực cá nhân, vì hạnh phúc của con người và sự phát triển của xã hội.

Trên hành trình tìm đường cứu nước hơn 100 năm về trước, Nguyễn Ái Quốc - Người yêu nước đã không chỉ lựa chọn chủ nghĩa Mác-Lênin, lựa chọn con đường cách mạng vô sản mà còn vận dụng

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.480; 521.

sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về tính tất yếu của cách mạng vô sản, về sứ mệnh của giai cấp vô sản và thắng lợi có giá trị lý luận và thực tiễn của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga để sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán, xây dựng lực lượng cách mạng, thành lập Mặt trận để quy tụ, tập hợp quần chúng vì mục tiêu chung của sự nghiệp cách mạng...; đặc biệt là lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã được khẳng định trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* (02-1930). Đó chính là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[1] và đó cũng là chiến lược, bước đi gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Dù thế giới có đổi thay, dù chủ nghĩa xã hội tạm thời thoái trào trong những năm cuối của thế kỷ XX khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ thì ở Việt Nam - Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam vẫn kiên định sự lựa chọn đúng đắn từ mùa Xuân năm 1930; vẫn vững tin và vững bước trên hành trình đổi mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Càng khó khăn, thử thách thì trong mỗi cấp ủy và mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội lại càng không chỉ dừng lại ở khát vọng mà trở thành bản lĩnh, trở thành hành động cách mạng thiết thực để đạt đến mục tiêu đó. Hơn bao giờ hết, càng thấm nhuần sâu sắc quan điểm độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội và ngược lại, chủ nghĩa xã hội là cơ sở, là điều kiện để đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc, thì càng phải thấu triệt bài học quý giá của cách mạng Việt Nam - đó là luôn phải nắm vững/giữ vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Không chỉ có vậy, đi lên chủ nghĩa xã hội tiếp tục được Đảng ta khẳng định trong các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã*

[1]Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.3, tr.1.

*hội* năm 1991 và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011). Trong đó, "việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa"[1] và được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam hơn. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định sự kiên định của Đảng: "Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"[2].

Thực tế cho thấy là, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc năm 1945 thắng lợi, đưa Việt Nam trở lại bản đồ chính trị thế giới; đã giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Hơn cả mong đợi, với quyết định đổi mới và sáng tạo, luôn tìm tòi đổi mới phù hợp với vị thế địa chính trị, kinh tế, văn hóa của đất nước, sau hơn 35 năm vượt mọi khó khăn, thách thức, những thành tựu Việt Nam đạt được về mọi mặt so với trước khi đổi mới đã được ghi nhận, đánh giá và khẳng định trong thực tiễn.

Trong hành trình ấy, việc Việt Nam phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ đem lại những hiệu quả tích cực về kinh tế, mà còn "*giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh*

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1996, tr.68.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.180.

*tế*"[1] chính là sự thật. Đồng thời, sự thật đó đã chứng minh rằng, lý luận luôn gắn liền với thực tiễn, được thực tiễn soi sáng và bổ sung đầy đủ hơn, như Tổng Bí thư đã phân tích và luận giải trong cuốn sách. Cho nên, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không chỉ là "sự lựa chọn đúng đắn" và "phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử", mà còn góp phần để đưa Việt Nam ngày càng phát triển, khẳng định được vị trí và vai trò của mình trên trường quốc tế. Đây chính là sự thật không thể bẻ cong, càng không thể phủ nhận! Sự hoàn thiện từ trong tư duy, lý luận đến thực tiễn cách mạng; sự quán triệt, vận dụng của Đảng, của hệ thống chính trị và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng các tầng lớp nhân dân về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã kết tinh thành nguồn sức mạnh to lớn, trở thành động lực của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hơn 92 năm qua.

Sự lựa chọn và kiên định hành trình đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam không chỉ khẳng định được vị thế của đất nước trong khu vực và trên trường quốc tế, mà còn mang lại cho đất nước ta một sự biến đổi sâu sắc, mang lại cho nhân dân ta một đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao. Vì thế, những luận điệu cho rằng: chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ/sụp đổ ngay tại chính "quê hương" của nó và cái lý luận về chủ nghĩa xã hội đã sụp đổ, đã bị lịch sử vứt vào sọt rác từ thập niên 1990, mà Việt Nam vẫn lựa chọn đi lên chủ nghĩa xã hội là lạc đường, là đi ngược lại sự phát triển của nhân loại; và cái "thiên đàng" mà Việt Nam "cố tình theo đuổi" ấy xa mờ tít tắp đến ngay cả người lãnh đạo cao nhất của Đảng cũng phải thừa nhận "là rất lâu" của các thế lực thù địch chỉ là sự suy diễn thiển cận, không có cơ sở lý luận và thực tiễn.

---

[1] Xem Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.33.

**Con đường duy nhất đúng!**

Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội[1]. Cho nên, Việt Nam lựa chọn, kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp xu thế phát triển tất yếu khách quan của lịch sử, chứ không phải là "ảo tưởng", là "hoang đường", là "đã lạc hậu, lỗi thời" như các thế lực thù địch bôi đen và xuyên tạc sự thật. Và vì thế, những kiến giải của đồng chí Nguyễn Phú Trọng về đích đến của nhân loại và hành trình đầy chông gai của nhân dân ta trên con đường đi đến tương lai - đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong cuốn sách là những tổng kết thực tiễn, không chỉ có giá trị lý luận và hiện thực mà còn mang tính định hướng cao.

Khi nghiên cứu quan điểm của C.Mác "coi sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên"[2], các nhà mácxít đã chỉ ra rằng, lịch sử xã hội loài người sẽ vận động phát triển tuần tự qua các hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp nhau từ thấp đến cao. Đó là các chế độ cộng sản nguyên thủy; chiếm hữu nô lệ; phong kiến; tư bản chủ nghĩa; cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội). Sự phát triển của nhân loại hơn một thế kỷ qua cũng cho thấy, dù "Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử*"[3].

Lịch sử thế giới hiện đại cũng khẳng định rằng, chủ nghĩa xã hội đã từ lý luận trở thành hiện thực với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện

---

[1] Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.69.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.23, tr.21.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2007, t.51, tr.133.

thực ở Liên Xô và Đông Âu thập niên 1990 không chỉ là một bước lùi lịch sử, mà còn để lại một bài học kinh nghiệm sâu sắc đối với các quốc gia đang xây dựng chủ nghĩa xã hội như Việt Nam. Từ bài học kinh nghiệm xương máu đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xuất phát từ điều kiện cụ thể của đất nước để không chỉ điều chỉnh, bổ sung lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn, mà còn chú trọng, thực hiện công tác xây dựng và chỉnh đốn để Đảng xứng đáng, ngang tầm nhiệm vụ mà lịch sử yêu cầu, Tổ quốc và nhân dân tin tưởng giao phó. Cho nên, luận điệu phản động cho rằng "thất bại của chủ nghĩa cộng sản đã đưa đến cái chết không thể hồi sinh được của Khối Cộng sản từ năm 1989 đến 1991 ở các nước theo xã hội cộng sản Đông Âu và Liên Xô cũ" mà Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn "đi theo", chỉ là sự suy diễn thiển cận, là chỉ "nhìn thấy một cây mà không thấy một rừng".

Khác với những gì mà các thế lực thù địch, các phần tử phản động, cơ hội bôi đen về một chế độ xã hội tốt đẹp, thì những vấn đề mang tính lý luận, định hướng cũng như sự phân tích, tổng kết từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong cuốn sách của Tổng Bí thư đã cho thấy: Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua thời kỳ quá độ được xác định từ trong *Luận cương chính trị* của Đảng Cộng sản Đông Dương (10-1930) là đúng đắn chứ không phải như sự bịa đặt và xuyên tạc rằng Việt Nam đang đi vào ngõ cụt, Việt Nam "quá độ lên chủ nghĩa xã hội" là đi vào con đường mịt mù, không thấy đích đến... V.I.Lênin đã từng khẳng định: "Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định"[1].

Hơn nữa, vì có điểm xuất phát thấp cho nên hành trình Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ dài và khó khăn hơn các quốc gia khác. Vấn đề này đã được Đảng khẳng định từ Đại hội II (1951): "Con

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.39, tr.309-310.

đường từ nay đến chủ nghĩa xã hội là một con đường khó khăn và dài. Không thể giang chân ra mà bước một bước khổng lồ để đến ngay chủ nghĩa xã hội. Phải bước nhiều bước, chia thành nhiều độ mà đi"[1]. Vì kiên định đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, nên trên hành trình quá độ đó, những vấn đề lý luận không chỉ ngày càng được điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Việc lợi dụng sự sụp đổ mô hình của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu; việc các thế lực thù địch, cơ hội, phản động nhân danh "yêu nước", đòi "dân chủ", đấu tranh cho "dân chủ" thừa cơ tăng cường chống phá Đảng và chế độ; việc một bộ phận cán bộ, đảng viên bản lĩnh không vững vàng đã "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" cũng là có thật. Từ bỏ lý tưởng từng theo đuổi, họ quy kết Đảng Cộng sản Việt Nam đã chọn sai đường và "đồng thanh" kêu gào cần phải đưa đất nước phát triển theo con đường "dân chủ", để "mọi người dân đều được tự do" cũng là có thật. Cùng với đó, việc có những người "trở cờ", rời xa lý tưởng cách mạng đã "múa phụ họa" cho những luận điệu phản động, để một mặt bôi đen sự thật; mặt khác ca ngợi nền dân chủ tư sản; việc "có người còn sám hối về một thời đã tin theo chủ nghĩa Mác-Lênin và con đường xã hội chủ nghĩa!" như Tổng Bí thư chỉ ra trong cuốn sách cũng cần phải được nhận diện đúng, để nâng cao cảnh giác.

Tuy nhiên, có một sự thật là, trong khi điên cuồng tấn công, xuyên tạc, phủ nhận lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thì các thế lực thù địch lại quên mất rằng: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại", vì thế, cần "xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử, củng cố nó bằng dân tộc học phương

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2001, t.12, tr.91.

Đông"[1] như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định. Thực tế cũng cho thấy, xuất phát từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong cuốn sách này người đứng đầu Đảng đã "trình bày một cách hệ thống, toàn diện những tư duy sâu sắc và tổng kết kinh nghiệm, kết hợp với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với chủ đề quan trọng"[2], để trả lời rõ ràng các vấn đề liên quan đến sự lựa chọn duy nhất đúng của Việt Nam - Đó là giành độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội, dù phải trải qua một thời kỳ quá độ dài, với nhiều khúc ngoặt.

Sẽ không có gì ngạc nhiên khi mà không chỉ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tìm đọc cuốn sách này, tin tưởng vào sự lựa chọn đúng đắn, vào sự kiên định con đường phát triển đất nước, mà dư luận quốc tế cũng ghi nhận và đánh giá cao những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội qua sự phân tích, luận giải của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Bởi rằng, cuốn sách của Tổng Bí thư không chỉ khẳng định sự vững vàng về tư tưởng, sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã lựa chọn, mà còn cho thấy Đảng ta đã không ngừng tìm tòi, đổi mới, bổ sung để làm sáng rõ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Sự đánh giá và ghi nhận này đúng như sự khẳng định của Tổng Bí thư về một chế độ xã hội mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã, đang và sẽ lãnh đạo nhân dân xây dựng được trình bày trong cuốn sách. Đó là một xã hội tiến bộ, ưu việt hơn tất cả các xã hội trước đó về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...; khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm, nhằm

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.1, tr.509-510.

[2] Xem Ban Tuyên giáo Trung ương: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Dư luận trong nước và quốc tế về bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.617.

giải phóng con người khỏi mọi tình trạng áp bức, bóc lột về kinh tế và nô dịch về tinh thần, vì con người và để con người được phát triển toàn diện. Trong đó, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội bền vững phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội; luôn gắn với bảo đảm một môi trường sống xanh, sạch, đẹp cho hôm nay và muôn đời sau của đất nước.

Đó thực sự là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, luôn kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc (yêu nước, bao dung, vị tha, cố kết cộng đồng, chia ngọt sẻ bùi...), kết hợp với các giá trị cốt lõi, tiến bộ, bền vững mà nhân loại đang hướng tới. Và, đó cũng là con đường mà Việt Nam kiên định và kiên trì phấn đấu trên hành trình hướng tới tương lai. Đó chính là chế độ xã hội luôn vì con người, để con người được giải phóng hoàn toàn; trong đó, con người vừa là trung tâm của chiến lược phát triển, vừa là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Đó cũng chính là một xã hội, mà trong đó phát triển văn hóa được chú trọng, đồng bộ, tương xứng với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Văn hóa không chỉ "phải soi đường cho quốc dân đi" mà còn chính là nguồn sức mạnh nội sinh của sự phát triển. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không chỉ kế thừa, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp, giàu bản sắc của 54 dân tộc anh em, mà còn được bổ sung, làm phong phú bởi những thành tựu, tinh hoa văn hóa của nhân loại...

Đó còn là một chế độ xã hội mà mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ là mối quan hệ hai chiều chặt chẽ, vừa tương hỗ vừa giám sát và kiểm soát lẫn nhau, chứ không phải là mối quan hệ một chiều. Trong đó, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; dân chủ là bản chất của chế độ và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa để con người đạt tới tự do, giải phóng toàn diện những năng lực vốn có của mỗi cá nhân và quyền con người/quyền công dân ngày càng được hiến định, bảo đảm, thực hiện đầy đủ...

Cuối cùng, phải khẳng định rằng: Dù thế giới có nhiều đổi thay, song toàn Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam vẫn kiên định sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, thời điểm nào, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cũng là niềm tin nhất quán, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư duy và hành động của Đảng; trong trái tim và sự đồng lòng, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân. Sự lựa chọn và kiên định con đường gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội đó không chỉ phù hợp với lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn phù hợp với xu thế thời đại và mong mỏi của nhân dân Việt Nam. Đó chính là đường lối, là sức mạnh, là nguồn gốc thắng lợi của cách mạng Việt Nam, cũng là minh chứng đanh thép để bác bỏ luận điệu phản động cho rằng Việt Nam kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội chỉ dẫn đến đất nước ngày càng tụt hậu.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ là một sự nghiệp đầy khó khăn, không dễ dàng, cần phải luôn sáng tạo, liên tục, không thể nóng vội mà còn phải cần sự tin tưởng, tự giác phấn đấu để hướng đích. Cho nên, trước những khó khăn tạm thời, những khúc quanh co, càng phải bản lĩnh và kiên định. Vì thế, những thành tựu mà Việt Nam đạt được trên hành trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cùng sự phân tích thấu đáo, những kết luận sắc sảo mang tính định hướng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong cuốn sách về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã không chỉ cho thấy rõ "sự trưởng thành trong chiến lược đúng đắn" của Đảng, mà còn "thắp sáng niềm tin, làm phong phú thêm lý luận và thực tiễn của những người cộng sản và tiến bộ trên thế giới". "Những câu trả lời tuyệt vời"[1] từ thực tiễn Việt Nam là minh chứng để cộng đồng quốc tế thấy được sự phát triển của đất nước Việt Nam, dù không phải là một con đường

[1] Kenny Cole - Ủy viên Ban Đối ngoại Đảng Cộng sản Anh: *Sức sống mãnh liệt của một nước Việt Nam hiện đại*, Báo *Nhân Dân điện tử*, ngày 07-9-2021.

bằng phẳng, dễ dàng, song đó là tiền đề cho những thắng lợi mới của nhân dân Việt Nam trong tương lai.

Dù kẻ thù không ngừng bịa đặt, chống phá nhằm phủ nhận, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, song mỗi người dân Việt Nam yêu nước chân chính đều tìm thấy từ cuốn sách này niềm tin vững chắc, bản lĩnh chính trị và quyết tâm của Tổng Bí thư, của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường đi duy nhất đúng của dân tộc, phù hợp xu thế phát triển thời đại trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Sự kịp thời và thuyết phục của cuốn sách này rất có giá trị, bởi thay vì dao động hay ngả nghiêng khi "Liên Xô - thành trì của chủ nghĩa xã hội sụp đổ", thì sự "độc đáo", kiên trì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã góp phần làm phong phú chủ nghĩa xã hội và chứng minh sức sống mãnh liệt của một Việt Nam "rũ bùn đứng dậy" sáng lòa sau những năm dài chiến tranh.

Những luận điệu bịa đặt, xuyên tạc, suy diễn thô thiển của những người nhân danh dân chủ, "ngáo" dân chủ tư sản, mượn danh yêu nước để bẻ cong sự thật, quy chụp, phủ nhận tương lai của loài người và hành trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong cuốn sách của Tổng Bí thư đều không phản ánh đúng bản chất vấn đề. Đó đều là những chiêu trò lặp đi lặp lại, hoặc "bình cũ rượu mới" để bẻ cong sự thật; đều là dã tâm thâm độc của các thế lực thù địch không chỉ chống phá Đảng và bôi nhọ uy tín của người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam, mà còn hướng đến việc phủ nhận, xóa bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và chế độ xã hội chủ nghĩa đang xây dựng ở Việt Nam!

# GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA TỪ BÀI VIẾT "MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM" CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH HIỆN NAY*

*Lý Quý***

***Tóm tắt:*** Vừa qua, đồng chí Nguyễn Phú Trọng - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã có bài viết: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (sau đây gọi tắt là bài viết). Với dung lượng hơn tám nghìn từ, bài viết đã phân tích, làm rõ các vấn đề lớn, cốt lõi về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đồng thời, bài viết mang tính thuyết phục cao, tính chiến đấu mạnh mẽ, có ý nghĩa quan trọng và giá trị to lớn đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay.

***Từ khóa****: Chủ nghĩa xã hội; nền tảng tư tưởng; quan điểm sai trái, thù địch*

## 1. Ý nghĩa và giá trị của bài viết đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là vấn đề lớn, phức tạp, khó có thể luận bàn và lý giải một cách tường minh

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Hội Cựu chiến binh huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

thông qua một bài viết. Do vậy, trong bài viết, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng giới hạn phạm vi chỉ tập trung xoay quanh một số vấn đề chính yếu, qua đó nhằm trả lời bốn câu hỏi được đặt ra, đó là: Chủ nghĩa xã hội là gì? Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa? Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì?.

Trên cơ sở phân tích, nhận định và lập luận một cách chặt chẽ, bài viết cho người đọc thấy được những góc nhìn sắc sảo, sâu, rộng về một chủ đề chưa bao giờ được xem là cũ. Nhưng không chỉ dừng lại ở góc độ lý luận, khoa học, bài viết còn phác họa lên bức tranh đặc sắc về thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng những minh chứng khách quan, gắn với những giai đoạn lịch sử cụ thể ở Việt Nam và trên thế giới; định hướng mục tiêu và cách thức hành động của tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tư duy và tầm nhìn lãnh đạo rất nhạy bén, gắn liền với lý tưởng cao đẹp của những người cộng sản.

Thực tiễn cho thấy rằng, Đảng muốn tồn tại và phát triển thì trước tiên, Đảng phải bảo vệ được một cách chắc chắn nhất nền tảng tư tưởng của mình. Do vậy, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng luôn là nhân tố quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng. Suy cho cùng, bảo vệ nền tảng tư tưởng cũng chính là bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở bảo vệ nền tảng tư tưởng ấy, mới có thể tiếp tục bảo vệ Cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng. Và từ đó, các chính sách của Nhà nước mới có đủ điều kiện thực thi trên thực tế.

Tổng Bí thư khẳng định: “Phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin - học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao

động”[1]. Đồng thời, cảnh tỉnh, nhắc nhở những ai đang có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thẳng thắn chỉ ra thực trạng “trong hàng ngũ cách mạng cũng có người bi quan, dao động, nghi ngờ tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội, quy kết nguyên nhân tan rã của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác-Lênin...”[2].

Bài viết cũng đã minh chứng rằng, chủ nghĩa xã hội khoa học là học thuyết hoàn toàn mang tính cách mạng, tiến bộ và nhân văn, chỉ rõ quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người, đã được kiểm nghiệm trên thực tế, không phải là một học thuyết viển vông. Tuy nhiên, do đời sống kinh tế - xã hội luôn có những biến thiên, thay đổi nên mới đòi hỏi tri thức của xã hội, nhân loại cũng phải uyển chuyển theo cho phù hợp với thời đại. Vì thế, trong bài viết, Tổng Bí thư chỉ rõ: “Tính khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện. Nó sẽ còn tiếp tục phát triển và có sức sống trong thực tiễn cách mạng cũng như trong thực tiễn phát triển của khoa học. Chúng ta cần tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống”[3].

Có thể nói, bài viết giúp củng cố niềm tin mạnh mẽ vào giá trị trường tồn của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước. Niềm tin ấy là giá trị sâu thẳm, ẩn chứa bên trong mỗi cá nhân, nó đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Bởi dù cho có nguồn lực,

---

[1, 2, 3] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, ngày 16-5-2021.

có sức mạnh, có thời cơ, nhưng một khi thiếu niềm tin thì kết quả mang lại không thể nào như mong đợi. Khi có được niềm tin, thì mới có được sự đồng thuận của xã hội, của nhân dân đối với Đảng.

**2. Giá trị của bài viết đối với việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch**

Ngày nay, một số cá nhân vì nhận thức chưa đầy đủ, bị tác động, lôi kéo dẫn đến kết quả nhận thức mơ hồ, từ đó sinh ra những suy nghĩ lệch lạc, sai trái về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các thế lực chống phá đang ra sức ngụy tạo và tuyên truyền những quan điểm sai trái, thù địch, không có căn cứ, lý luận và thực tiễn, thậm chí miễn cưỡng, cố cãi gượng. Bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cung cấp cho chúng ta những luận cứ có nhiều giá trị trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

*Thứ nhất, phản bác quan điểm cho rằng "Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa là sai đường, lạc lối".*

Có một sự thật hiển nhiên, đó là: nếu như chúng ta chưa xác định được hướng di chuyển của một vật ứng với một góc nhìn và chiều tiếp cận, thì khó biết được đâu là bên phải đâu là bên trái, đâu là phía trước, phía sau, cũng như thực tế vật ấy đang tiến tới hay thụt lùi. Suy rộng ra, đối với một quốc gia, cũng cần phải xác định thật rõ đâu là định hướng phát triển của mình. Đồng thời, về mặt nguyên tắc, mỗi quốc gia đều có quyền lựa chọn cho mình một "lối đi riêng". Không ai có thể áp đặt ý chí chủ quan của quốc gia này lên quốc gia khác khi điều kiện, bối cảnh xã hội... của mỗi quốc gia là khác nhau.

Xã hội chủ nghĩa là định hướng thực tiễn mang tầm chiến lược, chủ đạo của tiến trình phát triển đất nước. Bởi, định hướng đó sẽ giúp xây dựng được nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững, làm cơ sở kiến tạo các quan hệ xã hội ngày càng trở nên tốt đẹp hơn, đặc sắc hơn. Và suy cho cùng, một trong những mục tiêu cao cả nhất vẫn là vì con

người, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, hiện thực hóa và tối ưu hóa các nhu cầu phát triển của cá nhân, của xã hội. Nói cách khác, lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa chính là sự phản ảnh chuẩn xác nhu cầu, lợi ích chính đáng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, thể hiện sự thấu hiểu quần chúng của một Đảng cầm quyền đã khởi tạo trong quá khứ và luôn kiến tạo con đường phát triển trong tương lai, vượt qua sự lạc hậu, lỗi thời của chế độ phong kiến và sự bất công của chế độ tư bản. Đó là một sự lựa chọn hoàn toàn đúng đắn và có tính đồng thuận, không hề có sự áp đặt hay chia rẽ nào. Do đó, bất luận hiện tại hay tương lai, việc lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa vẫn là một quyết định sáng suốt của Đảng và nhân dân ta. Chỉ có con đường ấy mới có thể đáp ứng một cách đầy đủ nhất những mong ước tốt đẹp, những giá trị đích thực cần hướng đến, một xã hội cần phải có.

Bài viết nêu: "Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội... Và chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi"[1].

*Thứ hai, phản bác các quan điểm cho rằng "xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là rất mơ hồ, mông lung và tù mù".*

Ngày nay, chúng ta không thể phủ nhận sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản. Những thành tựu mà chủ nghĩa tư bản mang lại cho

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* Tạp chí *Cộng sản điện tử,* ngày 16-5-2021.

nhân loại không hề nhỏ. Nhưng bản chất của chủ nghĩa tư bản vẫn không thể nào thay đổi, vẫn chứa đựng bên trong đó sự bất công, bất bình đẳng, nhất là về mặt kinh tế, các quyền tự do, dân chủ... Do đó, sự ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản là ở ngay từ bản chất, đó cũng chính là những nấc thang, mảnh ghép tương phản của sự phát triển xã hội.

Bài viết đã cho chúng ta thấy rõ hơn về xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng là một xã hội như thế nào. Đó hoàn toàn là một xã hội mang tính thực tế, được định hình ngày càng rõ nét, có cơ sở xác đáng, không phải là một xã hội ảo vọng, hay một xã hội được lý tưởng hóa. Theo đó, "xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;... có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới"[1]. Và thực tiễn cũng cho thấy, Việt Nam đã và đang hiện thực hóa được những mục tiêu, giá trị cốt lõi này.

*Thứ ba, phản bác quan điểm cho rằng "Việt Nam đang chuyển hướng theo tư bản chủ nghĩa, trá hình chủ nghĩa xã hội".*

Thời gian qua, có một số ý kiến cho rằng: "nói bỏ qua chế độ tư bản ở Việt Nam chỉ là giả hiệu"; "Việt Nam đã xác định phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Đồng thời, thúc đẩy nền kinh tế thị trường không ngừng lớn mạnh..., thì đó là những dấu hiệu cho thấy Việt Nam đã chuyển hướng sang

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, ngày 16-5-2021.

con đường tư bản chủ nghĩa, còn chủ nghĩa xã hội chỉ là trá hình mà thôi!?".

Đây là những quan điểm hoàn toàn không thể chấp nhận được. Rõ ràng, Việt Nam đã xác định và nhất quán việc bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa và vẫn luôn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa. Bài viết đã luận giải về vấn đề này rất xác đáng: "Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển". Nói cách khác, trong thời kỳ quá độ, không thể xóa bỏ được hoàn toàn và ngay lập tức những nhân tố tư bản chủ nghĩa, thay vào đó, cần phải nâng tính áp đảo của các nhân tố xã hội chủ nghĩa. "Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực... Đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình không ngừng củng cố, tăng cường, phát huy các nhân tố xã hội chủ nghĩa để các nhân tố đó ngày càng chi phối, áp đảo và chiến thắng"[1].

Tương tự là về vấn đề xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bài viết luận giải: "Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới,... Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường;... Đây không phải

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, ngày 16-5-2021.

là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ"[1].

Đây là luận cứ quan trọng để bác bỏ quan điểm cho rằng "đã phát triển kinh tế thị trường thì không thể đi lên chủ nghĩa xã hội". Việt Nam không hề có bất kỳ ý định chuyển hướng nào sang chủ nghĩa tư bản. Việc phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế hay phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề cần phải thực hiện trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*Thứ tư, phản bác các quan điểm sai lầm về thành quả phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.*

Mấy mươi năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đóng vai trò là "kiến trúc sư" để "thiết kế", lãnh đạo "khởi công", "xây dựng" con đường phát triển quốc gia, dân tộc mang tầm chiến lược và dài hạn xuyên thế kỷ, với nhiều kết quả và thành tựu quan trọng.

Thông qua nhiều số liệu, dẫn chứng phong phú, sinh động trên nhiều lĩnh vực về kinh tế, văn hóa, giáo dục...; bài viết đã phác họa nên những gam màu đa sắc, nổi bật lên những thành tựu to lớn của quốc gia, dân tộc, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Bài viết đã đưa ra nhận định tổng quát: "Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế. Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta"[2].

---

[1, 2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, ngày 16-5-2021.

Bài viết chỉ ra rõ sự tương phản rõ nét giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội để thấy được kết quả quý báu từ công cuộc xây dựng, đi lên chủ nghĩa xã hội vẫn mang tính chắc chắn và toàn diện hơn. Bài viết còn đưa ra nhận định đối với phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa như sau: "Các cuộc khủng hoảng đang diễn ra một lần nữa chứng minh tính không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái của nó"[1]. Điều đó một lần nữa giúp chúng ta có đầy đủ cơ sở hơn cả về lý luận và thực tiễn, để phản bác các quan điểm sai trái, ca tụng, "cuồng" chủ nghĩa tư bản mà hạ thấp thành tựu xây dựng, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Như vậy, bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có nhiều giá trị và ý nghĩa đối với tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thiết nghĩ, bài viết là một "cẩm nang" quý báu mà mỗi cán bộ, đảng viên cần phải quán triệt trên tinh thần nghiêm túc và sâu sắc nhất, đặc biệt là trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, giúp cho công tác này ngày càng thiết thực và hiệu quả hơn.

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* Tạp chí *Cộng sản điện tử,* ngày 16-5-2021.

# KHI CHÚNG TA CÀNG THÀNH CÔNG, CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH CÀNG TĂNG CƯỜNG CHỐNG PHÁ*

***Hoàng Văn Sơn*****

***Tóm tắt:*** Trước đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ngày càng được hiện thực hóa ở Việt Nam, các thế lực thù địch càng tăng cường hoạt động chống phá. Bởi chúng biết rằng, tính hiện thực của chủ nghĩa xã hội là bằng chứng xác thực cho tính tất yếu bị thay thế của kiến trúc thượng tầng dựa trên chế độ sở hữu tư nhân. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nhất nguyên chính trị; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực... đang là mảnh đất mà chúng tập trung tăng cường chống phá.

***Từ khóa:*** *Sức chống đối; thù địch; kinh tế thị trường; tham nhũng...*

"*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*"[1]. Đó là những thành tựu không thể phủ nhận được qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thế nhưng, trước đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ngày càng được hiện thực hóa ở nước ta, các thế lực thù địch, phản động càng tăng cường các hoạt động chống phá quyết liệt hơn. Bởi họ biết rõ rằng: tính hiện thực của chủ nghĩa xã hội là bằng chứng xác thực cho tính tất yếu bị thay thế của

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Trường Chính trị tỉnh Sơn La

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Nxb.Chính trị quốc gia sự thật, H.2021, t.I, tr.25.

chế độ xã hội dựa trên nền tảng của quan hệ sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất (chế độ tư bản chủ nghĩa). Như Mikhain Vaxiliêvích Pêtrasepxki - một học giả Nga đầu thế kỷ XIX đã từng nhận định: Sự đổi mới trong sinh hoạt xã hội càng quan trọng, thì sự phản ứng mà nó gặp phải càng lớn, thành thử sức chống đối sự đổi mới sẽ tỷ lệ thuận với sự có ích của sự đổi mới[1].

Sự chống phá của các thế lực thù địch được thực hiện thông qua các hoạt động như: thành lập tổ chức phản động lưu vong ở hải ngoại, đòi xóa bỏ vị thế lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; chống phá tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nói xấu Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; xuyên tạc bản chất chính nghĩa của cuộc đấu tranh thống nhất đất nước; phủ nhận thành tựu công cuộc đổi mới và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng ta... Trong phạm vi bài viết này, tác giả xin tập trung nhận diện và làm rõ một số vấn đề chủ yếu sau:

**1. Nói xấu, xuyên tạc tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

Khoảng 7 năm trước, một tổ chức phản động thành lập tại Mỹ với tên gọi "Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời" do Đào Minh Quân cầm đầu đã khẳng định: đánh sập thần tượng Hồ Chí Minh, đó chính là một trong những mục tiêu, biện pháp đầu tiên và cần thiết để xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở Việt Nam. Vì vậy, chúng đã tìm mọi cách, ngụy tạo đủ các loại lý do để nói xấu Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại của chúng ta. Cách đây khoảng 7 tháng trước, trên kênh Youtube "PhoBolsaTV" có một người phụ nữ tên Diệu Chi đưa ra luận điệu xúc phạm Chủ tịch Hồ Chí Minh; một nhân vật nữa là Ngô Kỷ ở quận Cam, bang California (Mỹ) cũng thường xuyên dùng những lời tương tự khi nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng

[1] Xem Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb.Công an nhân dân, H.2003, tr.46-47.

sản Việt Nam. Không biết họ được trả bao nhiêu tiền để bán rẻ lương tâm, hay họ vốn dĩ không có lương tâm vì sống quá lâu trong môi trường toàn âm mưu chia rẽ, âm mưu chống phá (mưu hèn, kế bẩn) của những kẻ bất hảo muốn kéo lùi lịch sử, hoặc cũng có thể những kẻ như họ chính là những vết sạn lịch sử còn xót lại.

Nhưng dù cho chúng cùng đồng bọn có nói gì, làm gì thì sự thật vẫn không thay đổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn là một hình mẫu sáng ngời về lòng nhân đạo, của tình hữu ái, lẽ phải, lương tri và xu thế của loài người tiến bộ. Chẳng phải Tạp chí *Time,* tờ báo nổi tiếng vào bậc nhất của thế giới đã 03 lần bình chọn Hồ Chí Minh là gương mặt tiêu biểu của năm (các năm 1954, 1965, 1975) và nhận định Người là một trong 20 gương mặt những chính khách tiêu biểu, đã làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới trong thế kỷ XX và thúc đẩy bánh xe lịch sử theo hướng tiến bộ đó sao. Tiến sĩ M.Amet - Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng đã từng phát biểu: "Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng ra khỏi trái đất này"[1].

**2. Về cái gọi là: kinh tế thị trường đối lập với chủ nghĩa xã hội**

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là "mảnh đất" mà các thế lực thù địch tập trung chống phá, xuyên tạc. Chúng đội lốt những người đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội để tuyên truyền rằng việc Đảng ta thực hiện phát triển kinh tế thị trường là xa rời, từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin; rằng kinh tế thị trường là sản phẩm

[1] *123 Câu hỏi đáp về thân thế, sự nghiệp - tư tưởng, quan điểm và tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb.Thời đại, H.2013, tr.11.

riêng có của chủ nghĩa tư bản; rằng phát triển kinh tế thị trường là xây dựng đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa...

Vậy, sự thật có phải như họ nói không? Có phải chủ trương phát triển kinh tế thị trường là xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng chủ nghĩa xã hội? Có phải kinh tế thị trường là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản? Có phải phát triển kinh tế thị trường là đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa hay không?

*Chủ trương phát triển kinh tế thị trường trong tư tưởng của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin*

V.I.Lênin, lãnh tụ thiên tài của chủ nghĩa cộng sản và phong trào công nhân thế giới - Người trực tiếp chỉ đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thực tiễn, đã đưa ra chỉ dẫn: Tính quy luật chung về kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự tồn tại khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó đã chủ trương phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế hàng hóa: "Nếu nông dân cần được tự do buôn bán trong những điều kiện hiện tại và trong những phạm vi nhất định, thì chúng ta phải để cho họ được tự do buôn bán"[1]. Như vậy, rõ ràng việc Đảng ta đổi mới mô hình kinh tế từ dựa trên hai hình thức sở hữu quốc doanh và tập thể, sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, là sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, chứ không phải xa rời chủ nghĩa Mác-Lênin như lời của những kẻ ngụy tuyên truyền.

*Kinh tế thị trường không phải là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản, mà là thành tựu chung của nền sản xuất xã hội nhân loại*

Lịch sử phát triển nền sản xuất xã hội đã chứng minh tính tất yếu ra đời của nền sản xuất hàng hóa, mà giai đoạn phát triển cao gọi là kinh tế thị trường. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.45, tr.143.

VIII, Đảng ta đã khẳng định: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng"[1].

Nhưng giả sử, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường có là của chủ nghĩa tư bản, thì đã sao? Bởi chủ nghĩa xã hội là một nấc thang phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản, nên việc kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã giành được trong các xã hội trước đó là một điều có thể và cần thiết. Chẳng phải V.I.Lênin từng nhấn mạnh: "Phải tiếp thu toàn bộ nền văn hóa do chủ nghĩa tư bản để lại và dùng văn hóa đó để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải tiếp thu toàn bộ khoa học kĩ thuật, tất cả những kiến thức, tất cả nghệ thuật. Không có những cái đó, chúng ta không thể xây dựng cuộc sống của xã hội cộng sản được"[2].

Mặt khác, Việt Nam thực hiện xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chủ nghĩa tư bản trên di sản phương thức sản xuất phong kiến lạc hậu và hậu quả nặng nề của chiến tranh. Có thể nói, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không có một chút tài sản kế thừa nào trên mặt trận kinh tế. Chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ thống trị giai cấp của mình, nhờ việc khai thác và vận dụng tốt các quy luật của kinh tế thị trường, đã tạo ra những năng lực to lớn về khả năng sản xuất xã hội. Vì vậy, việc kế thừa có phê phán phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hoàn toàn là một đòi hỏi khách quan, cần thiết và phù hợp với yêu cầu kiến thiết cơ sở vật chất của xã hội mới ở nước ta. Việc đưa ra nhận thức mới về sự phát triển bỏ qua chủ nghĩa tư bản của Đảng ta là một bước đột phá quan trọng trong tư duy về phát triển kinh tế: "Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2015, t.55, tr.380.

[2] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.36, tr.217.

trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học, công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất"[1].

*Bằng chứng thực tiễn cho tính tất yếu tồn tại của thị trường ở Việt Nam*

Một trong những hạn chế chung của chủ nghĩa xã hội hiện thực giai đoạn 1917-1991 là đều nóng vội, muốn nhanh chóng có được chế độ sở hữu xã hội đối với tư liệu sản xuất, nên đã sử dụng các công cụ hành chính, mệnh lệnh để triệt tiêu sự tồn tại của kinh tế hàng hóa, của thị trường. Ở Việt Nam trước đổi mới cũng vậy, về mặt pháp lý và thể chế thì ở nước ta khi đó không có sự tồn tại của kinh tế hàng hóa và thị trường.

Nhưng trên thực tế, thị trường hay đúng hơn là "chợ đen" (nơi các hoạt động trao đổi, mua bán ngầm các hàng hóa thiết yếu) ở Việt Nam vẫn tồn tại trong suốt thời kỳ bao cấp, và có thể nói chính "chợ đen" đã đóng một vai trò quan trọng trong góp phần bù đắp những nhu cầu tối cần thiết của đời sống. Bởi theo cơ chế phân phối trước đổi mới, xuất hiện tình trạng "cái được cấp phát thì không cần, cái cần thì không được cấp", nên để các nhu cầu sinh hoạt cần thiết được đáp ứng, người ta đã tiến hành trao đổi các món đồ được nhà nước cấp phát cho nhau, hoặc mua, bán theo nhu cầu của mình. Nếu không có những hoạt động trao đổi "ngầm" (cái "ngầm" mà các gia đình sống dưới thời bao cấp đều biết, khác với nghĩa của ngầm thông thường) thì rất có thể cuộc khủng hoảng chính trị đã nổ ra ở nước ta khi những nhu cầu bức bách nhất của cuộc sống không được giải quyết.

Như vậy, rõ ràng ở Việt Nam trước đổi mới, dù về mặt thể chế, pháp lý nhà nước không cho phép thị trường tồn tại nhưng các hoạt động trao đổi vẫn diễn ra bằng nhiều hình thức, tại sao? Đơn giản bởi

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2016, t. 60, tr.130-131.

vì đó là một tất yếu khách quan - cái gì tồn tại thì hợp lý, cái gì hợp lý ắt tồn tại. Đưa ra khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta sau 35 năm tiến hành đổi mới, kết quả của sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng, tổng kết kinh nghiệm của thế giới và thừa nhận thực tiễn xã hội Việt Nam, chứ không phải là đổi mới là đi theo chủ nghĩa tư bản, là chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

### 3. Về cái gọi là: "Nhất nguyên chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo là độc tài, không dân chủ"; "Kinh tế nhiều thành phần thì phải đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập"

Dân chủ về mặt khái niệm được định nghĩa là quyền lực thuộc về nhân dân, tuy nhiên do quan niệm về nhân dân là một phạm trù lịch sử, nên thuật ngữ dân chủ đúng nghĩa theo V.I.Lênin đó là "sự thống trị thuộc về đa số"[1]. Đa nguyên, đa đảng, thật ra về bản chất đó là sự phân tách các lực lượng trong xã hội thành nhiều nhóm khác nhau, mỗi đảng sẽ đại diện cho lợi ích của nhóm xuất thân, và xét đến cùng, dù cho đảng nào nắm quyền lãnh đạo xã hội thì cũng không vượt lên được lợi ích cục bộ của bản thân. Nếu đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập mang lại dân chủ thực sự (tức quyền lực thuộc về đa số) thì làm sao có việc thay đổi đảng cầm quyền sau các lần bầu cử ở nước Mỹ và các nước tư bản khác trên thế giới, chưa kể những bất ổn chính trị và hệ lụy của những hoạt động tranh cử giữa các tổ chức đối lập gây ra cho dân chúng và xã hội. Một hệ thống chính trị dân chủ hay chuyên quyền, độc đoán, không nằm ở việc có một hay nhiều đảng đối lập, mà điều cốt yếu là đảng đó đại diện cho ai (thiểu số hay đa số).

*- Nhất nguyên chính trị dưới vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở Việt Nam là sự lựa chọn tất yếu khách quan của lịch sử, và là sự thể hiện đầy đủ nhất của nền dân chủ: "sự thống trị thuộc về đa số"*

---

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.32, tr.515.

Tính tất yếu khách quan của nhất nguyên chính trị dưới vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở Việt Nam đã được lịch sử cách mạng chứng minh: Dưới ách cai trị tàn độc của thực dân Pháp, các phong trào yêu nước theo nhiều khuynh hướng, dưới ngọn cờ lãnh đạo của nhiều tổ chức, đảng phái khác nhau đã liên tục nổ ra. Không biết bao nhiêu máu xương của những người Việt Nam yêu nước đã đổ, nhưng tất cả đều thất bại, tất cả đều bị dìm trong bể máu. Con đường đấu tranh giải phóng dân tộc rơi vào khủng hoảng, bế tắc. Nhưng kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đem lại độc lập dân tộc và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Rõ ràng đòi hỏi của nhiệm vụ: dân tộc giải phóng và thống nhất tổ quốc của Việt Nam, đã chứng minh năng lực, trí tuệ, vai trò của Đảng ta trong việc giải đáp những câu hỏi của lịch sử.

Đảng Cộng sản cầm quyền duy nhất ở nước ta hiện nay, không chỉ bởi công lao của Đảng trước những nhiệm vụ lớn nhất của quốc gia dân tộc, mà còn là kết quả vận động tất yếu theo quy luật "cái gì tồn tại thì hợp lý, cái gì hợp lý thì tồn tại". Bởi đã có thời kỳ ở nước ta, bên cạnh Đảng Cộng sản, có Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội cùng hoạt động, nhưng sau hơn 40 năm tồn tại, đến năm 1988, cả hai đảng trên đã tuyên bố tự giải tán vì nhận thấy sứ mệnh không còn.

Nhất nguyên chính trị dưới vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở nước ta là sự thể hiện đầy đủ nhất của "sự thống trị thuộc về đa số" (quyền lực thực sự thuộc về nhân dân). Chế độ chính trị ở nước ta đã được khẳng định trong Hiến pháp năm 2013: "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân... Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác-

Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội"[1].

Sự dân chủ của hệ thống chính trị ở Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc được Hiến định, mà được thể hiện rõ nét trên nhiều khía cạnh. Ở đây chỉ xin nêu một minh chứng: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc là văn bản có giá trị lãnh đạo cao nhất của Đảng giữa các kỳ đại hội. Nhưng, trước khi đưa ra Đại hội để biểu quyết, Đảng đều gửi các bản Dự thảo văn kiện đến từng cấp ủy, chi bộ, các đảng viên và các đoàn thể tham gia đóng góp ý kiến. Vậy hãy thử hỏi những kẻ luôn tung hô cho sự dân chủ của chủ nghĩa tư bản, của chế độ đa nguyên chính trị, liệu đã có bao giờ, họ được các đảng cầm quyền, các giới chức tư sản cho một lần thể hiện quyền dân chủ tương tự đó không?

*Việt Nam phát triển kinh tế nhiều thành phần nhưng không thực hiện đa nguyên về kinh tế*

Các thế lực thù địch cho rằng, Việt Nam phát triển kinh tế nhiều thành phần nên phải thực hiện đa nguyên chính trị. Theo quy luật khách quan thì lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, các quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, mà trên đó hình thành nên kiến trúc thượng tầng với đặc trưng về thể chế chính trị. Ở nước ta, việc xây dựng kiến trúc thượng tầng cũng không nằm ngoài quy luật đó. Những kẻ chống phá đang cố tình lờ đi những đột phá lý luận quan trọng đã được Đảng ta khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa VI (8-1989): "*Chế độ chính trị* của chúng ta là chế độ làm chủ của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng... không coi việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành

[1] *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.9-10.

phần là thực hiện chủ trương đa nguyên về kinh tế"[1]. Mặt khác, trong nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Như vậy, rõ ràng Việt Nam phát triển kinh tế nhiều thành phần nhưng không thực hiện đa nguyên về kinh tế, nên không thực hiện đa nguyên về chính trị là hoàn toàn tuân theo quy luật khách quan, thể hiện đầy đủ bản chất quyết định của yếu tố kinh tế đối với chính trị.

*Một cuộc cách mạng chân chính cần phải biết cách tự bảo vệ*

Một trong những bài học lịch sử đắt giá, được rút ra từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô chính là việc cải tổ chính trị mắc sai lầm. Trong đó, tử huyệt lớn nhất là thay đổi Điều 6 Hiến pháp Liên Xô: Từ "Đảng Cộng sản Liên Xô là lực lượng lãnh đạo và là hạt nhân của chế độ chính trị, nhà nước và xã hội Liên Xô" bị sửa thành "Đảng Cộng sản Liên Xô, các chính đảng khác và công đoàn, đoàn thanh niên, đoàn thể xã hội và phong trào quần chúng khác, thông qua đại biểu của mình bầu vào Xôviết đại biểu nhân dân và các hình thức khác tham gia vạch ra chính sách của Nhà nước Xôviết, công việc quản lý nhà nước và xã hội"[2]. Việc xóa bỏ vai trò lãnh đạo tối cao và duy nhất của Đảng Cộng sản đối với xã hội, đã tạo điều kiện cho các thế lực đối lập có cơ hội phát triển, phá hoại xã hội chủ nghĩa giai đoạn (1917-1991) ở Liên Xô và Đông Âu.

Những kẻ chống phá chế độ cộng sản ở Việt Nam, luôn mong muốn dựng nên ở nước ta một viễn cảnh tương tự, nên chúng càng cuồng vọng trong việc đòi đa nguyên, đa đảng. Đảng ta với quyết tâm xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, càng không cho phép bản thân đi vào vết xe đổ của lịch sử. Muốn vậy, cần nhất quán và

---

[1] *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VI,* Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2006, t.49, tr.745.

[2] https://media.qdnd.vn/long-form/30-nam-lien-xo-sup-do-va-bai-hoc-cho-viet-nam-bai-1-khi-dang-cong-san-tu-xoa-bo-chinh-minh-53205

kiên định nguyên tắc: "Chúng ta không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên chính trị, không để cho các tổ chức chống đối chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động"[1] để ngăn chặn sự ra đời của những lực lượng hòng ngăn cản bước tiến của loài người tiến bộ.

**4. Xuyên tạc, quy chụp công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng ta**

V.I.Lênin từng khẳng định: Không có kẻ thù nào, dù là hung bạo nhất, có thể chiến thắng được những người cộng sản, ngoại trừ chính họ tự tan rã, chính những lỗi lầm của họ và họ không kịp sửa chữa. Nhận thức rõ sự nguy hiểm của thứ giặc nội xâm, từ Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (01-1994), Đảng đã xác định bốn nguy cơ làm thất bại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, một trong số đó là "nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội".

Để tăng cường năng lực, sức chiến đấu, xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ, trong suốt sự nghiệp lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là một trong những phương hướng cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có thể kể đến: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI "về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII "về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ"... Chủ đề Đại hội XIII tiếp tục nhấn mạnh: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tiêu biểu cho quyết tâm xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị của Đảng ta, chính là việc thành lập và kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong những năm gần đây.

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2006, t.49, tr.745.

Thế nhưng, như đã tác giả đã nhận định: sức chống đối luôn tỷ lệ thuận với sự có ích của cái bị chống đối, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực do Đảng lãnh đạo càng được đẩy mạnh đến đâu, thì sự chống phá từ phía các thế lực thù địch càng cao bấy nhiêu, bởi chúng biết tham nhũng, tiêu cực, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Đảng là "đồng minh" của chúng. Chúng ra sức tuyên truyền rằng: Công tác chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng thời gian qua chỉ là những cuộc thanh trừng giữa các phe nhóm chính trị; hoặc cho rằng tham nhũng đã trở thành một căn bệnh nan y không thể chữa trị của chế độ cộng sản.

Gần đây một tài khoản mạng xã hội mang tên Việt Tân (đăng ngày 07-5-2022) đã đăng tải bài viết với nhan đề *Loay hoay như con kiến cành đa*, quy chụp: "Việc Đảng cầm quyền ở xứ này phải quyết định thành lập ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng xuống tới cấp tỉnh, có nghĩa là tham nhũng đã phổ cập tràn lan, điều này nói lên cái gì? Đó là: công cuộc phòng, chống tham nhũng của các ông bà ấy đã thất bại, càng chống càng nhiều, tham nhũng càng bất trị...". Vậy sự thực có phải tham nhũng ở Việt Nam đã trở nên tràn lan, càng chống càng nhiều, có phải công cuộc phòng, chống tham nhũng đã thất bại như họ nói không? Trước tiên, cần phải khẳng định, tham nhũng là nguy cơ có thể nảy sinh ở bất kỳ thể chế chính quyền nào. Ở Việt Nam trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Đảng đã thi hành kỷ luật đối với 2.209 cán bộ, đảng viên liên quan đến tham nhũng, trong đó có 113 cán bộ diện Trung ương quản lý, cả đương chức và nghỉ hưu; 26 tướng trong quân đội và công an...[1], nhiều nhất so với các nhiệm kỳ trước. Từ sau Đại hội lần thứ XIII đến nay, Đảng tiếp tục đưa ra ánh sáng và xử lý thêm nhiều cán bộ sai phạm liên quan đến tham nhũng, tiêu cực. Những số liệu thống kê này không phải diễn tả cho sự tràn lan của tham nhũng,

[1] Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia sự thật, H.2021, t.II, tr.208-209.

cũng không phải càng chống càng tăng, mà nó là sự thể hiện quyết tâm tiêu diệt, xóa bỏ tận gốc rễ tệ tham nhũng, tiêu cực trong Đảng và chính quyền, đó là kết quả của phương châm đấu tranh "không có vùng cấm, không có ngoại lệ".

Việc chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực xuống đến cấp tỉnh của Đảng, là nhằm tiến công đồng loạt, tránh tình trạng trên nóng, dưới lạnh; để kịp thời phát hiện những dấu hiệu và xử lý sai phạm. Bởi tham nhũng, tiêu cực có thể nảy sinh ở bất cứ ai nếu không còn liêm chính, nên việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh là chủ trương đúng đắn để tăng thêm sức mạnh, lực lượng của đội ngũ trên mặt trận chống tham nhũng, tiêu cực theo lời hiệu triệu: "nhất hô bá ứng, tiền hô hậu ủng, trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt" của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội do Đảng lãnh đạo càng thu được thành tựu bao nhiêu, thì kẻ thù càng lo sợ và tăng cường chống phá bấy nhiêu. Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: Kẻ địch càng chống chúng ta càng thực hiện, chúng chống chứng tỏ con đường chúng ta đi là đúng. Đúng vậy, những kẻ muốn kéo lùi lịch sử, muốn cáo chung chủ nghĩa xã hội hiện thực, luôn ra sức ngụy tuyên truyền, chống phá chủ nghĩa xã hội ở nước ta trên mọi phương diện. Nhưng trước vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản và sự hiện thực hóa ngày càng nhiều đặc trưng của chủ nghĩa xã hội trên Tổ quốc mình, niềm tin của nhân dân đối với Đảng càng vững, đất nước Việt Nam sẽ ngày càng xứng đáng trở thành mô hình kiểu mẫu của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XXI.

# TẤT YẾU LỊCH SỬ TRONG XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM*

*Nguyễn Dương Hùng***

***Tóm tắt:*** Cùng với đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là mục tiêu cơ bản, xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Đây cũng là một trong những nội dung mà các thế lực thù địch, phản động tìm mọi cách để phê phán và phủ nhận. Bài viết làm rõ những hình thức, nội dung mà các thế lực thù địch phản động phê phán và phủ nhận quá trình xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam; đồng thời, luận giải những căn cứ xác thực khẳng định việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một tất yếu khách quan, hợp quy luật.

***Từ khóa:*** *Dân chủ; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; phê phán; phủ nhận*

Phủ nhận, phê phán, xuyên tạc và bôi đen chủ nghĩa Mác-Lênin luôn là mục tiêu của các thế lực thù địch chống chủ nghĩa xã hội, chống các nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tế lịch sử cũng cho thấy, không phải cho đến hiện nay, mà từ khi chủ nghĩa Mác vừa ra đời (và sau này là chủ nghĩa Mác-Lênin) đã ngay lập tức trở thành đối tượng phê phán, phủ nhận, xuyên tạc và bác bỏ của các thế lực thù địch. Chủ nghĩa Mác-Lênin được ví như "một bóng ma", bị "coi ngang bằng chủ nghĩa phát xít", "chủ nghĩa độc tài"!!!

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Là một trong những quốc gia định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ trước sự tấn công, xuyên tạc và phủ nhận của các thế lực thù địch. Điều này thể hiện trên tất cả các mặt. Tuy nhiên trong khuôn khổ bài này, chúng tôi muốn làm rõ những quan điểm sai trái, xuyên tạc việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đồng thời, luận giải khẳng định việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan, là một tất yếu lịch sử.

## 1. Một số quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Xuyên tạc, bôi nhọ, phê phán và phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một trong những mục tiêu của các thế lực thù địch nhằm kích động, lôi kéo, chia rẽ và phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mục tiêu duy nhất của họ là làm suy yếu và sụp đổ chế độ chính trị và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng. Việc xuyên tạc, bôi nhọ, phê phán và phủ nhận nền dân chủ ở Việt Nam thông qua nhiều hình thức, phương pháp và thủ đoạn khác nhau, song nhìn chung thường thể hiện ở một số điểm chủ yếu sau:

*Thứ nhất,* tập trung vu cáo và xuyên tạc về nền dân chủ ở Việt Nam, với luận điệu, Việt Nam không có dân chủ vì thực hiện chế độ độc Đảng lãnh đạo; một đảng lãnh đạo nên không có sự kiềm chế, đối lập, phản biện sẽ dẫn đến chế độ "đảng trị", gây tai họa cho xã hội, cản trở dân chủ. Chúng cho rằng, chế độ một đảng sẽ dẫn đến một "bộ máy cai trị phản dân chủ", "một bộ máy độc đoán, chuyên quyền, độc tài, toàn trị"! Chúng xuyên tạc rằng mọi quyền tự do, dân chủ ở bất cứ một chế độ độc đảng toàn trị nào cũng đều bị chà đạp không thương tiếc, chỉ khác nhau ở mức độ mà thôi, và, Việt Nam vẫn thuộc về một trong các số ít các quốc gia trên thế giới bị cai trị bởi chế độ độc đảng toàn trị, nên các quyền tự do, dân chủ của nhân dân đã hoàn toàn bị

triệt tiêu, may ra chỉ còn vài mẩu vụn...![1]. Thậm chí, một số kẻ được sinh ra và hưởng các thành quả của hòa bình, song không thấy được sự trả giá to lớn của cả dân tộc đối với những giá trị đó, cũng lớn tiếng, ra điều đóng góp cho nền dân chủ, song thực tế là bôi nhọ nền dân chủ, chế độ một đảng lãnh đạo ở nước ta.

Các thế lực thù địch còn cho rằng, Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế, thì cần thay đổi kiến trúc thượng tầng cho phù hợp, và việc thực hiện chế độ đa đảng là cần thiết; chế độ độc đảng toàn trị là không còn phù hợp!!! Do vậy, chúng đòi bỏ Điều 4, Hiến pháp Việt Nam, đòi "thực hiện chế độ đa đảng", đòi "thành lập đảng dân chủ đối lập" vì dân chủ phương Tây với chế độ đa đảng là một mô hình lý tưởng trong thời đại hiện nay, nó cho phép mở rộng và thực thi dân chủ một cách tối ưu nhất!

*Thứ hai*, phê phán quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở nước ta hiện nay. Theo họ, nhà nước pháp quyền là một thể chế vận hành trên nền tảng tam quyền phân lập, nó đòi hỏi các ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp phải hoàn toàn độc lập, chuyên nghiệp và hành xử công việc không kiêm nhiệm. Do vậy, không thể chấp nhận một công chức thuộc bộ máy hành pháp (Chính phủ) hoặc thẩm phán thuộc ngạch tòa án lại kiêm nhiệm đại biểu Quốc hội; hoặc các công chức này lại là đảng viên, chịu sự lãnh đạo, định hướng của Đảng. Hơn nữa, với cơ chế một đảng lãnh đạo, thì việc can thiệp của Đảng (qua định hướng, lãnh đạo,...) vào các bộ phận của Nhà nước sẽ làm sai lệch các hoạt động theo chức năng của những bộ phận này. Họ chủ trương đối lập giữa Đảng và Nhà nước; đối lập giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Trong thời gian vừa qua, lợi dụng công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, lãng

[1]http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2006/04/060410_democracypetition.shtl

phí trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, các phần tử cơ hội đã tìm cách thổi phồng, nói xấu chế độ, nói xấu Đảng và Nhà nước. Chúng cho rằng, chế độ một đảng và việc thực hiện không tốt tam quyền phân lập trong bộ máy nhà nước là nguyên nhân chính gây nên các hiện tượng trên và chính những điểm này đang cản trở tiến trình dân chủ và thực hiện dân chủ hóa ở Việt Nam.

*Thứ ba,* chúng phê phán các chế định dân bầu như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, cho đây là những công cụ hình thức để thực hiện quyền lực cho Đảng, cho Đảng độc quyền lãnh đạo. Chúng cho rằng, ngay bản thân những người đại diện cho dân trong các cơ quan quyền lực, đại diện cho quyền lực của dân không được bầu một cách dân chủ, không thực chất theo hướng đại diện cho dân; dân chủ trong bầu cử thực chất là dân chủ theo ý Đảng!!!

*Thứ tư,* từ việc cắt xén, trích dẫn tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nền dân chủ, một bộ phận những nhân sĩ, trí thức giả hiệu đã rêu rao rằng: nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với chế độ một đảng lãnh đạo là làm trái và đi ngược nguyện vọng của Hồ Chí Minh. Những phần tử này cho rằng, Hồ Chí Minh không bàn đến nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, chỉ là dân chủ cho nhân dân Việt Nam; Người cũng ủng hộ chế độ đa đảng...!

*Thứ năm,* lợi dụng một số khuyết điểm trong bộ máy nhà nước như tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ... và việc giải quyết các thực tế này còn những bất cập nhất định, cùng một số hạn chế trong quá trình phát triển như: Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm cao; sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng; mức sống nhân dân thấp; tình trạng khiếu kiện phức tạp, kéo dài của dân..., một số phần tử phản động trong và ngoài nước rêu rao rằng Việt Nam không thể xóa bỏ được tình trạng này vì không có dân chủ, không có sự kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội; Đảng độc quyền nên phải bao che cho tình trạng này.

*Thứ sáu*, qua việc viện dẫn không đầy đủ và thiếu hệ thống một số điều luật của Việt Nam, một số kẻ cho rằng, tuy Việt Nam nêu khẩu hiệu thực hiện dân chủ và được thể chế bằng luật pháp, song đây chỉ là hình thức vì không thực hiện hoặc tìm cách không thực hiện, thực hiện không đầy đủ.

Như vậy, bằng cách này hay cách khác, qua các hình thức khác nhau, song việc phê phán, xuyên tạc nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cuối cùng đều nhằm vào xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tạo cơ hội cho những mưu toan thay đổi định hướng mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

## 2. Luận cứ phê phán quan điểm sai trái về xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

*Thứ nhất, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam là một đòi hỏi khách quan, một tất yếu lịch sử.*

Cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XX, Việt Nam là một quốc gia thuộc địa, nửa phong kiến nên nhu cầu giải phóng dân tộc, thực thi dân chủ là một vấn đề to lớn, bức xúc nhất của nhân dân ta. Xã hội Việt Nam giai đoạn này nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản, đó là: mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với ách thống trị của chủ nghĩa thực dân xâm lược và mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với địa chủ, phong kiến. Hai mâu thuẫn này xoắn xuýt với nhau và đều đặt yêu cầu phải giải quyết.

Nhiều phong trào yêu nước trong thời gian này đều cố tìm một con đường riêng để giành độc lập cho dân tộc. Từ phong trào Cần Vương do các phần tử ưu tú trong giai cấp phong kiến (lấy hệ tư tưởng phong kiến - Nho giáo làm nền tảng)[1], đến các phong trào giành độc

[1] Phong trào Cần Vương, với mục tiêu là phục hồi độc lập dân tộc qua vũ trang đánh đổ thực dân, nhằm duy trì chế độ quân chủ phong kiến. Song do vấn đề độc lập dân tộc không gắn với dân chủ nên đã không có sức sống và đã thất bại, đánh dấu một sự bất lực vì chưa thoát khỏi ý thức hệ lỗi thời, chưa đặt trên nền tảng của giai cấp cách mạng.

lập theo ý thức hệ tư sản[1] hay xu hướng yêu nước hệ tư sản thông qua Việt Nam Quốc dân Đảng[2], dù rất cố gắng, song cuối cùng, đều thất bại, với kết quả chỉ góp phần khơi dậy được tinh thần yêu nước, dân chủ, canh tân, mở đường cho văn minh châu Âu đi vào đời sống dân tộc, chống tư tưởng hủ nho, bảo thủ cản trở sự tiến bộ xã hội; nâng cao dân trí, thức tỉnh dân khí cho một bộ phân nhân dân. Đây là một thất bại lịch sử đã được định trước, mang tính khách quan do các phong trào này chưa xác định rõ, chính xác kẻ thù của dân tộc; đặc biệt không chú ý đến vấn đề dân chủ trong mối quan hệ với độc lập dân tộc hoặc đặt vấn đề dân chủ lên trên vấn đề độc lập dân tộc. Nhưng, dù thất bại, song những phong trào này cũng nói lên sức sống bền bỉ, dẻo dai về tinh thần yêu nước của nhân dân, một sự tiếp nối từ lịch sử dựng nước và giữ nước.

Các phong trào cứu nước tư sản ở nước ta một mặt không đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của dân tộc, nhu cầu về dân chủ bức thiết của nhân dân; mặt khác nó bất cập so với thời đại, khi mà Cách

---

[1] Phong trào giành độc lập theo ý thức hệ tư sản ở thập niên đầu thế kỷ XX do các lãnh tụ yêu nước, giàu đức hy sinh như Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ thực hiện đã đem lại nhiều gợi ý mới về cách thức giành độc lập cho dân tộc, nâng cao dân chủ,... qua việc kiến nghị những bản điều trần với tư tưởng mở rộng cửa đất nước, đón văn minh phương Tây, kết hợp với văn hóa dân tộc, xây dựng kinh tế, văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật theo hướng tư bản chủ nghĩa, nhằm tạo nền quốc phòng vững mạnh, khẳng định nền độc lập. Hay như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh bắt chước đường lối cứu nước theo hệ tư tưởng tư sản của Lương Khải Siêu ở Trung Quốc song thực hiện theo hai hướng: cải lương, thực hiện Tây du của Phan Chu Trinh và bạo động thực hiện Đông Du của Phan Bội Châu.

[2] Xu hướng yêu nước hệ tư sản thông qua Việt Nam Quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học sáng lập (12-1927), với hạt nhân đầu tiên là Nam Đồng Thư xã, một nhà xuất bản tiến bộ, do Phạm Tuấn Tài làm chủ bút. Tuy nhiên, luận cương, cương lĩnh của tổ chức này không nhất quán, và trên thực tế, Việt Nam Quốc dân Đảng không có khả năng hiểu được nhu cầu và lợi ích chi phối, động cơ hành động của mỗi giai cấp trong xã hội; không hiểu được nguyện vọng, nhu cầu dân chủ bức thiết của nhân dân. Cuối cùng, trước xu thế của lịch sử, tổ chức này buộc phải chấm dứt sự tồn tại, một số thành viên gia nhập đảng cộng sản, một số khác không bỏ đảng nhưng lại học tập lý luận của đảng cộng sản.

mạng Tháng Mười đã thức tỉnh các dân tộc ở thuộc địa, mở đường cho họ trong công cuộc giải phóng, thực hiện quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Các yêu cầu của dân tộc, dân chủ của nhân dân, xét cả bề rộng và bề sâu đã vượt ra ngoài khỏi sự hạn hẹp của các cương lĩnh trên, đòi hỏi cần phải giải phóng triệt để bởi một cương lĩnh tiến bộ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sự xuất hiện với vai trò cá nhân quan trọng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong việc tìm ra con đường cứu nước mới khác hẳn về chất trong lịch sử dân tộc đã đáp ứng được mục tiêu của dân tộc, nhu cầu và nguyện vọng dân chủ của nhân dân. Đó là con đường theo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, thực hiện độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Với sự lãnh đạo và tổ chức của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam - sự là kết tinh giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước - đã ra đời, đánh dấu một bước phát triển mới trong lịch sử cách mạng của dân tộc. Chính nhờ sự lãnh đạo của Đảng mà nhân dân và dân tộc ta đã giành được nhiều tháng lợi to lớn theo suốt chiều dài lịch sử cách mạng, đó là: Cách mạng Tháng Tám thành công (1945); thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vĩ đại của dân tộc; thành công trong công cuộc đổi mới trong hơn 35 năm qua,... Với những giá trị này, Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng là người lãnh đạo cách mạng, dân tộc và nhân dân Việt Nam. Việc Hiến định vai trò lãnh đạo của Đảng là tất yếu lịch sử, phản ánh ý chí, nguyện vọng của nhân dân và của cả dân tộc. Mọi mưu toan xóa bỏ thực tế này là đi ngược lại sự thật lịch sử, đi ngược lại lợi ích của nhân dân và của toàn dân tộc.

*Thứ hai, đa đảng hay một đảng không phải là cơ sở duy nhất cho việc thực hiện dân chủ, mà vấn đề quan trọng là, bản chất của đảng đó là gì, thực chất thuộc về số đông hay số ít.*

Thực tế lịch sử trước đây cũng như hiện tại đều chứng minh, các giá trị của dân chủ, các quyền dân chủ thực sự của nhân dân không phụ thuộc vào việc quốc gia nào đó thực hiện đa đảng hay một đảng. Những bất ổn, xung đột, khủng hoảng về chính trị, đảo chính ở nhiều quốc gia đang thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập (mô hình mà các quốc gia tư bản đang rêu rao là tiến bộ, văn minh, cơ sở cho thực hiện dân chủ cao nhất) đang làm cho xã hội bất ổn, tính mạng, sức khỏe và đời sống người dân bị vi phạm, không được đảm bảo. Những xung đột này không chỉ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cả quốc gia, trên mọi mặt của đời sống xã hội, mà còn ảnh hưởng tới dân chủ, nhân quyền, những quyền cơ bản của con người, như quyền sống, quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được học hành... đều bị ảnh hưởng, thậm chí là ảnh hưởng nghiêm trọng. Ngược lại, ở một số quốc gia nhất nguyên chính trị, một đảng lãnh đạo, luôn ổn định, kinh tế phát triển, pháp luật được bảo đảm, an sinh xã hội luôn được mở rộng, quyền con người, quyền dân chủ vẫn luôn được bảo đảm theo từng giai đoạn và chất lượng phát triển hiện tại của quốc gia đó.

Hơn nữa, tại các nước tư bản chủ nghĩa, tuy hình thức là đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, nhưng đằng sau các đảng đó vẫn là các tập đoàn tư bản khác nhau, mà rộng ra là đại diện cho giai cấp tư sản. Sự cạnh tranh giữa các đảng trong chính trường, trong các cuộc bầu cử, về thực chất là sự cạnh tranh giữa các nhóm, tập đoàn tư bản nhằm giành ưu thế kiểm soát chính quyền sao cho có lợi cho nhóm, tập đoàn tư bản đó. Còn đối với các nước nhất nguyên chính trị như Việt Nam, Lào..., không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, bản chất của Đảng là đại diện, bảo vệ cho lợi ích của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức cùng toàn thể dân tộc, nên trong hoạt động của Đảng, tính xã hội, tính cộng đồng luôn được chú ý thực hiện và bảo đảm thực hiện, mục tiêu là mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo... đều ngày càng bình đẳng, ấm no, hạnh phúc, không để ai bị bỏ lại phía sau; quyền dân chủ, làm chủ của mọi tầng

lớp nhân dân trong xã hội luôn được quy định rõ và ngày một nâng cao, đồng thời được bảo đảm thực hiện trong thực tiễn.

Những minh chứng này cho phép khẳng định, nhất nguyên hay đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập không phải là tiêu chí quy định sự mở rộng các giá trị của dân chủ, quyền làm chủ, mà bản chất của Đảng như thế nào, đại diện cho ai, đa số hay thiểu số, sẽ quy định bản chất của một nền dân chủ đích thực. Việc lựa chọn chế độ chính trị như thế nào, mô hình ra sao là tùy thuộc vào đặc điểm quốc gia, dân tộc, vào tình hình thực tiễn cụ thể và đáp ứng nhu cầu của nhân dân của quốc gia đó. Và, ở Việt Nam, việc thực hiện chế độ chính trị nhất nguyên, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội là sự lựa chọn của lịch sử, của toàn thể nhân dân Việt Nam, nên mọi mưu đồ đen tối nhằm bôi nhọ, phản đối, đòi thay đổi là không thể chấp nhận.

*Thứ ba, mô hình kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền là một sản phẩm tiến bộ của xã hội loài người, được định hình và phát triển trong chế độ tư bản chủ nghĩa chứ không phải chỉ cho riêng chế độ này.*

Cùng với sự nghiệp đổi mới, Việt Nam đang xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân. Đây chính là sự kiên định, vận dụng sáng tạo và bổ sung những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong tình hình cụ thể và đặc thù của dân tộc. Hơn nữa, xét theo tiến trình phát triển của lịch sử xã hội loài người, trên lĩnh vực phát triển kinh tế và thể chế nhà nước, chính trị, cả kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền đều là các giá trị của quá trình phát triển trong xã hội loài người, được hoàn thiện và tỏa sáng trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Các giá trị này, do vậy, không chỉ là sản phẩm của chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng xét trên vai trò lịch sử thì, chính giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa đã có công lớn trong việc định hình các giá trị đó cho nhân loại. Ngay chính C.Mác và Ph.Ăngghen cũng khẳng định: "Chính giai cấp tư sản là giai cấp

đầu tiên đã cho chúng ta thấy hoạt động của loài người có khả năng làm được những gì"[1]; trong quá trình thống trị của mình, giai cấp tư sản đã khơi dậy những nhân tố tiến bộ, tiềm tàng trong lòng xã hội, và qua đó đã tạo ra nhiều giá trị cho nhân loại[2].

Với tư cách là một chế độ xã hội, một hình thái kinh tế - xã hội tiến bộ hơn sau chế độ tư sản và hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, chế độ xã hội chủ nghĩa cần tận dụng các giá trị mà xã hội loài người đã tạo lập trong chế độ tư bản chủ nghĩa để phát triển nhanh hơn, dần định hình bản chất của chế độ xã hội mới. Điều này đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định. Tuy nhiên, việc kế thừa này không phải là rập khuôn, bê nguyên xi, mà cần được "cải biến, phát triển" và định hình phù hợp với bản chất của chế độ xã hội mới. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân, vì dân là những kế thừa, vận dụng, cải biến và phát triển phù hợp với bản chất của chế độ xã hội, của mục tiêu mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, phù hợp với quy luật và xu thế khách quan của lịch sử. Điều này là minh chứng đập tan những luận điệu xuyên tạc, bôi xấu của các thế lực chống đối, phủ nhận việc vận dụng mô hình kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền ở nước ta.

*Thứ tư, các nấc thang của sự tiến bộ xã hội đều mang tính lịch sử cụ thể, là kết quả của sự đấu tranh không ngừng của nhân loại, chứ không phải dựa vào ý chí chủ quan của cá nhân hay nhóm cá nhân nào.*

Là một phạm trù chính trị, gắn với giai cấp và nhà nước, trên cơ sở của sự phát triển kinh tế, văn hóa, chính trị và xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa - để đạt được những giá trị đích thực của nó, phải trải qua một quá trình phát triển, dần định hình và hoàn thiện lâu dài, chứ

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.4, tr.600.

[2] Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.4, tr.603.

không thể một sớm, một chiều hay hoàn thiện ngay. Hơn nữa, hầu hết các nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa đều có điểm xuất phát thấp (chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, hoặc mới ở dạng phát triển tiền tư bản) nên trong quá trình xây dựng chế độ xã hội và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, có thể trong một giai đoạn nhất định, một số giá trị chưa thể bằng hay vượt chủ nghĩa tư bản. Điều này là một tất yếu lịch sử. Tuy nhiên, xét trên xu hướng phát triển và mục tiêu phấn đấu, các giá trị đó trong chủ nghĩa xã hội phải dần tiệm tiến và vượt, tiến bộ hơn chủ nghĩa tư bản.

Ngoài ra, có một thực tế là, một số giá trị về dân chủ, nhân quyền trong chủ nghĩa tư bản, nhất là tại các nước phát triển, được thể chế trong Hiến pháp và pháp luật nhiều hơn so với các nước đang định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, từ việc thể chế hóa các quyền này trong Hiến pháp và pháp luật đến việc hiện thực hóa các quy định này trên thực tiễn thì không phải quy định nào, giá trị nào cũng có thể thực hiện được vì cần rất nhiều điều kiện khác mà không phải cá nhân nào cũng đáp ứng được. Hãy nhìn vào việc bầu cử các chức danh của chính quyền Mỹ thì thấy. Hiến pháp Mỹ quy định mọi người đều có quyền ứng cử vào các vị trí trong các cơ quan công quyền Mỹ, thậm chí cả chức vụ cao nhất là Tổng thống. Song, để có thể tham chính, nếu không có tiền, thậm chí là rất nhiều tiền thì đây chỉ là quy định trên giấy, là hình thức dân chủ trống rỗng, hình thức mà thôi[1].

[1] Tại cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2000, George W.Bush đã chi tới 200 triệu USD để đua vào Nhà Trắng, năm 2004, ông tiếp tục bỏ ra 345 triệu USD để tiếp tục ở Nhà Trắng; năm 2008, ông Barrack Obama đã mạnh tay bỏ ra số tiền 730 triệu USD để giành vị trí ông chủ Nhà Trắng và năm 2012 tiếp tục bỏ ra khoản tiền tương đương 722,4 triệu USD để tái đắc cử; và, mới đây, tại cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2020, theo Trung tâm Phản ứng chính trị Mỹ (CRP), tổng chi phí tranh cử của 2 ứng viên Tổng thống Đảng Dân chủ (Joe Biden) và Đảng Cộng hòa (Donald Trump) ước đoán khoảng 6,6 tỷ USD, còn chi phí tranh cử các ghế tại Quốc hội Mỹ là khoảng 7,2 tỷ USD - Một cuộc bầu cử với chi phí tốn kém nhất trong lịch sử Mỹ. Nguồn: https://vov.vn/the-gioi/ho-so/bau-cu-my-tien-co-the-giup-cac-ung-cu-vien-gianh-phieu-788433.vov và https://www.vietnamplus.vn/bau-cu-tong-thong-2020-cuoc-dua-ton-kem-nhat-lich-su-nuoc-my/674706.vnp

Ở nước ta, đi lên chủ nghĩa xã hội là lựa chọn khách quan, tất yếu lịch sử, vì "Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ước mơ lâu đời của nhân dân lao động là vĩnh viễn thoát khỏi cảnh bị áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, để sống một cuộc đời no cơm, ấm áo, ngày mai được bảo đảm, một cuộc đời văn minh, hạnh phúc. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho nhân dân lao động quyền làm chủ đầy đủ, mới trả lại giá trị chân chính cho con người, khiến con người thật sự làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân"[1]. Và, chủ nghĩa cộng sản được coi là đích cuối cùng của dân tộc Việt Nam trong hành trình vươn tới hạnh phúc, tự do của mỗi cá nhân, của mọi người và dân tộc. Tuy nhiên, để làm được những điều trên thì không phải một sớm, một chiều mà phải trải qua nhiều giai đoạn với thời gian lâu dài. Mỗi giá trị của tiến bộ xã hội, của dân chủ, tự do cũng phải tiệm tiến dần theo hướng đi lên trên cơ sở thực tiễn cụ thể của quốc gia dân tộc, chứ không chỉ muốn có là có ngay được.

*Tóm lại*, cùng với độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là yêu cầu khách quan, đúng quy luật trong quá trình đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Mọi mưu toan, luận điệu nhằm bôi nhọ, nói xấu, hay phủ nhận quá trình này đều cần được phê phán triệt để. Đồng thời, cần tăng cường khẳng định những chân giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin, của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng trong hành trình đưa Việt Nam đến tương lai!

---

[1] *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2004, t.37, tr.501.

# VẤN ĐỀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO DUY NHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM*

***Nguyễn Thái Bình*****

***Tóm tắt:*** Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng, Nhà nước ta đã, đang ra sức xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Thế nhưng, với mục tiêu đen tối, các thế lực thù địch, phản động liên tục đưa ra nhiều luận điệu sai trái nhằm xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, làm sai lệch vấn đề dân chủ ở Việt Nam. Trên cơ sở các luận chứng khoa học, lịch sử và hiện thực, bài viết khẳng định: Ở Việt Nam, chỉ có duy nhất Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là đúng đắn và phù hợp thực tiễn, đảm bảo một nền dân chủ ưu việt.

***Từ khóa:*** *Dân chủ xã hội chủ nghĩa; Đảng Cộng sản; Việt Nam*

## 1. Nhận diện các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch về vấn đề dân chủ ở Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Kế thừa và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: bản chất của dân chủ tức là dân là chủ và dân làm chủ; "chế độ ta là chế độ dân chủ, nghĩa là nhân dân làm chủ"[1].

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.83.

Trong hơn 92 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Đảng luôn vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng khẳng định chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam xây dựng là xã hội "do nhân dân làm chủ"[1]. Đại hội lần thứ XIII của Đảng rút ra bài học: "Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm "dân là gốc"; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; kiên trì thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân"[2].

Hiện nay, toàn Đảng đang tập trung đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XIII nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", với quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, các thế lực thù địch, phản động, các phần tử cơ hội chính trị lại gia tăng chống phá Đảng, Nhà nước và nhân dân ta bằng các luận điệu xuyên tạc, bịp bợm. Một trong những trọng tâm của sự chống phá là phủ nhận vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam; đòi từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, cho

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.70.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.89.

rằng đây là sự sai lầm về ý thức hệ; chúng rêu rao học thuyết Mác-Lênin là một "lý thuyết suông" về chủ nghĩa xã hội, không bao giờ thực hiện được. Chúng cho rằng, ở Việt Nam chỉ có một đảng nên Đảng đã và đang tham nhũng quyền cai trị đất nước, chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ; một đảng là không dân chủ; là nguồn cơn sinh ra nạn tham nhũng, do đó, chỉ có đa nguyên chính trị, đa đảng mới đem lại dân chủ, tự do và phát triển. Chúng đòi "đổi mới chính trị" bằng cách thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, xóa bỏ Điều 4 của Hiến pháp. Chúng lợi dụng những vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội như: thiếu sót, bất cập trong cơ chế, chính sách, tình trạng tham nhũng của một bộ phận cán bộ, đảng viên... để hướng lái, xuyên tạc bản chất của chế độ.

Chủ thể của những luận điệu đó rất đa dạng, núp bóng dưới nhiều hình thức khác nhau, có thể là các tổ chức, cá nhân ở trong, ngoài nước lấy danh nghĩa các "học giả", "nhà nghiên cứu", "nhà báo", "nhà văn", "trí thức", "các hội", "các tổ chức phi chính phủ"... Mục đích của chúng là làm mất niềm tin, tình cảm, phai nhạt lý tưởng xã hội chủ nghĩa chia rẽ khối đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân; làm cho nhân dân ngày càng xa rời Đảng. Những luận điệu đó được ngụy trang che đậy bởi những vỏ bọc rất tinh vi như: Thông qua mạng xã hội đăng tải các sự kiện diễn ra trong đời sống xã hội một cách phiến diện sau khi chúng cắt xén, chỉnh sửa, bình luận các thông tin theo hướng quy chụp, lấy danh nghĩa để kiến nghị, tư vấn...

Thực chất đó là những luận điệu quy chụp phiến diện, lệch lạc, xuyên tạc, lừa bịp nhằm thực hiện âm mưu đen tối của chúng là xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, dẫn đến xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta; lái nền dân chủ của Việt Nam theo quỹ đạo dân chủ tư sản. Những luận điệu đó đã làm cho không ít cá nhân, trong đó có cả cán bộ, đảng viên, trí thức ngộ nhận, mất phương hướng, không phân biệt đúng - sai, phải - trái, làm cho một số cá nhân

dao động, ngả nghiêng, thậm chí quay đầu phản bội lại sự nghiệp của Đảng và nhân dân, phản bội lại lợi ích quốc gia, dân tộc.

**2. Phê phán quan điểm sai trái, thù địch về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng**

*Thứ nhất, bối cảnh ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa đế quốc. Các nước tư bản đế quốc vừa tăng cường bóc lột nhân dân lao động trong nước vừa xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa. Sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc làm cho đời sống nhân dân lao động các nước trở nên cùng cực. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa. Tại Việt Nam, năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công xâm lược và từng bước thiết lập bộ máy cai trị ở Việt Nam, biến một quốc gia phong kiến thành thuộc địa nửa phong kiến, đẩy cuộc sống nhân dân cực khổ chịu cảnh "một cổ hai tròng". Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, các phong trào yêu nước của nhân dân ta chống thực dân Pháp diễn ra liên tục và sôi nổi nhưng đều thất bại. Cách mạng Việt Nam chìm trong cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước.

Tháng 7-1920, sau khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Từ hoạt động không mệt mỏi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và nhiều đồng chí cách mạng tiền bối mà đến tháng 02-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba tổ chức cộng sản (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn). Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất - Đảng Cộng sản Việt

Nam đã đề ra một đường lối chính trị đúng đắn, tập hợp và phát huy sức mạnh toàn dân, tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng, đánh đổ đế quốc, phong kiến, giành độc lập dân tộc, tiến lên xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trở thành Đảng duy nhất có khả năng đáp ứng đòi hỏi của dân tộc và thời đại.

*Thứ hai, ở Việt Nam chế độ một đảng do điều kiện khách quan quyết định và không ảnh hưởng đến xây dựng một chế độ dân chủ.*

Vấn đề một đảng hay nhiều đảng lãnh đạo, cầm quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Về khách quan là điều kiện và hoàn cảnh lịch sử của mỗi nước, mỗi đảng khi cầm quyền. Về chủ quan là phụ thuộc vào tương quan so sánh lực lượng giữa các giai cấp, các bộ phận trong một xã hội, mà mỗi nước có thể có một đảng hoặc nhiều đảng.

Đảng là tổ chức chính trị của giai cấp, mang tính chất giai cấp; bản chất của đảng chính là bản chất giai cấp mà đảng ấy đại diện. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Điều 4, Hiến pháp năm 2013 xác định rõ: "Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật"[1]. Chính điều này

[1] *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.10.

mà nhân dân Việt Nam chỉ cần một đảng duy nhất, không cần thêm bất cứ đảng nào khác.

Thực tiễn trên thế giới đã chứng minh, dân chủ vừa có tính nhân loại, có giá trị phổ biến nhưng cũng có tính lịch sử, đặc thù. Dân chủ là xu thế tất yếu của nhân loại, nhưng mỗi nước tùy điều kiện, hoàn cảnh, mà lựa chọn con đường tiến tới dân chủ và phương thức tổ chức, vận hành nền dân chủ khác nhau. Trình độ dân chủ và sự phát triển của đất nước không tỷ lệ thuận với sự gia tăng của số lượng đảng phái chính trị. Nhiều quốc gia trên thế giới, đa đảng nhưng vẫn mất dân chủ, vẫn là những nước nghèo, kém phát triển. Trong khi nhiều quốc gia chỉ có một đảng lãnh đạo nhưng dân chủ được bảo đảm, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống nhân dân được bảo đảm, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đất nước có vị thế trên thế giới. Như vậy, cơ chế đa đảng hoặc một đảng phụ thuộc hoàn cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế, văn hóa, truyền thống, tương quan lực lượng chính trị ở mỗi nước. Ví dụ: Cuối những năm 1980, Hàn Quốc vẫn theo chế độ một đảng duy nhất cầm quyền nhưng đất nước vẫn phát triển mạnh mẽ; Singapore có nhiều đảng, nhưng nhiều năm qua Đảng Hành động nhân dân là Đảng duy nhất cầm quyền; nước Mỹ có nhiều đảng nhưng gần 200 năm qua chỉ có hai đảng Dân chủ và Cộng hòa thay nhau nắm quyền; Trung Quốc có tám đảng nhưng chỉ có duy nhất Đảng Cộng sản Trung Quốc cầm quyền.

Điều đó khẳng định: chế độ một Đảng ở Việt Nam do điều kiện khách quan quyết định hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của lịch sử thế giới. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước Việt Nam ngày càng hoàn thiện các quan điểm về dân chủ, nhân quyền. Từ năm 1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, khẳng định yêu cầu phải phát huy quyền làm chủ của dân, thu hút nhân dân tham gia quản lý nhà nước, khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, mất dân chủ và nạn tham nhũng.

*Thứ ba, trong xã hội có giai cấp, đảng của giai cấp nào thì phục vụ lợi ích của giai cấp đó.*

Tùy điều kiện lịch sử, mỗi giai cấp có thể tổ chức thành một số đảng chính trị với tên gọi, hình thức tổ chức, hoạt động khác nhau để tham gia vào cuộc đấu tranh giành và giữ quyền lực chính trị. Mỗi giai đoạn lịch sử nhất định, có thể có một đảng cầm quyền hoặc liên minh đảng cầm quyền, nhưng thực chất đều bị chi phối, quyết định bởi đảng có thực lực nhất, đại diện cho giai cấp nắm địa vị thống trị về kinh tế, bởi xét về bản chất, đảng mang bản chất giai cấp, đấu tranh để giành, giữ chính quyền nhằm thực thi quyền lực chính trị và bảo vệ lợi ích giai cấp. Do vậy, việc thực hiện dân chủ trong xã hội bị chi phối sâu sắc bởi lợi ích, lập trường giai cấp thống trị. Ví dụ: Ở Mỹ, tuy Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa cạnh tranh với nhau quyết liệt để cầm quyền nhưng cho dù đảng nào giành thắng lợi thì về thực chất vẫn là Đảng của giai cấp tư sản Mỹ; nền dân chủ Mỹ dù là hình thức đa đảng song thực chất vẫn là chế độ độc đảng phục vụ giai cấp tư sản (trước hết là phục vụ những nhà thuộc nhóm giàu nhất nước Mỹ). Ở Trung Quốc về hình thức là đa đảng, nhưng thực chất vẫn là nhất nguyên chính trị, sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc là tuyệt đối. Như vậy, trong thế giới đương đại, đa nguyên, đa đảng chỉ là hình thức, là cách thức tổ chức quyền lực chính trị, còn thực chất vẫn là nhất nguyên chính trị.

*Thứ tư, đất nước dân chủ hay không, có ổn định và phát triển hay không, không phụ thuộc vào đa đảng hay một đảng.*

Trên thế giới, nhiều quốc gia có chế độ đa đảng, nhưng số quốc gia giàu có, ổn định và phát triển không nhiều, còn nhiều quốc gia lạc hậu, kém phát triển, nợ nần và khủng khoảng, xung đột triền miên. Ngay dân chủ đa đảng ở Mỹ, Anh... cũng đầy những hạn chế, tật bệnh[1]. Thực

[1] Xem *Cuộc khủng khoảng dân chủ Anh - Mỹ*. Nguồn: https://baotintuc.vn/phan-tichnhan-dinh/cuoc-khung-hoang-dan-chu-anhmy-20160829214211986.htm

chất, tự do cạnh tranh trong cơ chế đa đảng chỉ là sự đọ sức giữa các thế lực, tập đoàn tư bản. Các đảng tranh giành, hạ bệ đối thủ bằng các biện pháp và thủ đoạn không lành mạnh như: Vu cáo, bới móc khuyết điểm, đời tư, gây áp lực buộc từ chức, luận tội, đảo chính, ám sát... Các nước đa đảng, về mặt hình thức, mọi người đều có quyền tự do, dân chủ, song, việc thực thi các quyền đó lại phụ thuộc rất lớn vào điều kiện kinh tế của mỗi đảng, chỉ có đảng mạnh mới có đủ quyền uy để đòi dân chủ về mình, còn những đảng nhỏ vẫn bị chèn ép, không có tiếng nói. Chỉ tầng lớp giàu có mới thật sự có đầy đủ các quyền tự do, dân chủ[1]. Nước Mỹ có GDP cao nhất thế giới (khoảng 21,5 nghìn tỷ USD), tuy nhiên chênh lệch giàu nghèo cũng diễn ra rất khủng khiếp; 3 người Mỹ (Bill Gates, Jeff Bezos và Warren Buffett) sở hữu tài sản bằng 50% dân số dưới cùng của đất nước[2]. Còn theo FBI, ở Mỹ mỗi năm có tới khoảng 30.000 người chết do các vụ bạo lực liên quan đến súng đạn[3]. Làn sóng biểu tình chống phân biệt chủng tộc ở Mỹ và một số quốc gia ở châu Âu hiện nay đang tiếp tục phơi bày những khuyết tật trong nền dân chủ đa đảng của chủ nghĩa tư bản.

Như vậy, cả lịch sử và lôgíc đều cho thấy, không phải đa đảng sẽ dân chủ hơn, phát triển nhanh hơn; không phải một đảng thì ít dân chủ và chậm phát triển.

*Thứ năm, mức độ, trình độ dân chủ của một chế độ xã hội không phụ thuộc vào số lượng đảng chính trị.*

Dân chủ là thành quả đấu tranh lâu dài của nhân loại. Về nguyên tắc, trong một thể chế dân chủ, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. V.I.Lênin khẳng định: "Dân chủ là tự do, là bình đẳng, là quyết định

---

[1] Xem Trần Văn Linh: *Dân chủ và mô hình tổ chức, quản lý xã hội*, *Báo Nhân Dân điện tử*, ngày 11-4-2013.

[2] Xem Hà Linh: *Làm ra 21 nghìn tỷ USD, Mỹ nhiều tiền nhất nhưng không phải giàu nhất*, *Báo Vietnamnet online*, ngày 20-6-2019.

[3] Xem Trần Mai: *Từ hải ngoại nghĩ về các "nhà dân chủ"*, *Báo Nhân Dân điện tử*, ngày 29-10-2012.

của đa số; còn có gì cao hơn tự do, bình đẳng, quyết định của đa số nữa"[1]. Chính nhân dân là người lập ra Nhà nước - cơ quan quyền lực quan trọng nhất của bất cứ quốc gia nào, và cũng chính nhân dân có thể thay thế, phế bỏ nó. Các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực dân chủ được ghi nhận và thực thi như vậy thì rõ ràng mức độ, trình độ dân chủ của một chế độ chính trị không phụ thuộc vào vấn đề đa đảng hay một đảng.

Bản chất của một nền dân chủ không lệ thuộc số lượng đảng chính trị mà thể hiện ở việc đảng cầm quyền đại diện cho lợi ích của ai, sử dụng quyền lực nhà nước vào những mục đích gì trên thực tế. Nhà nước do Đảng ấy lãnh đạo, ghi nhận, bảo vệ thực thi dân chủ như thế nào, đem lại quyền lực và lợi ích, sự phát triển tiến bộ cho ai, vì ai và thực hiện chuyên chính với ai. "Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc..."[2].

*Thứ sáu, Đảng Cộng sản Việt Nam duy nhất cầm quyền ở Việt Nam là khách quan, lựa chọn của lịch sử, của dân tộc.*

Đảng Cộng sản Việt Nam, ngay từ ngày thành lập đã tập hợp, lãnh đạo nhân dân giành độc lập cho dân tộc, mở ra một trang sử vàng chói lọi cho cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đã khơi dậy mạnh mẽ khát vọng, trí tuệ, ý chí và sức mạnh Việt Nam, lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã lãnh đạo đất nước đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, trong đó có những thành tựu nổi bật về xây dựng và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa.

---

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.38, tr.414.

[2] *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.10.

Đảng đã lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng bằng Hiến pháp, pháp luật bảo đảm thực hiện dân chủ, quyền công dân, quyền con người. Trong thời kỳ đổi mới, nước ta đã hai lần lập hiến (ban hành Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013), ba lần sửa đổi Hiến pháp (năm 1988, 1989 sửa đổi Hiến pháp 1980; năm 2001 sửa đổi Hiến pháp 1992); số luật, pháp lệnh được ban hành tăng gấp gần 9,5 lần so với số luật, pháp lệnh được ban hành trong 41 năm trước đổi mới[1]. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ không ngừng đổi mới, hoàn thiện; dân chủ hóa cả về tổ chức và phương thức hoạt động. Vai trò của Quốc hội, với tư cách là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân ngày càng được khẳng định; phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động của Quốc hội đã chuyển mạnh từ tham luận là chủ yếu sang coi trọng tranh luận, giải trình để phát huy dân chủ; vai trò giám sát của nhân dân đối với Quốc hội ngày càng được thực thi rõ nét, các kỳ họp Quốc hội đều được phát trực tiếp để nhân dân theo dõi, giám sát và thực hiện quyền dân chủ của mình; các đại biểu của dân đã thể hiện rõ vai trò của mình, phản ánh được ý chí, nguyện vọng của dân trong các kỳ họp Quốc hội. Hoạt động của Chính phủ luôn được đổi mới theo hướng liêm chính, phục vụ, kiến tạo, phát triển. Các cơ quan tư pháp đổi mới theo hướng dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng thể hiện rõ vai trò của mình trong thực thi dân chủ.

Quyền tự do kinh doanh được bảo đảm bằng pháp luật theo hướng cá nhân, tổ chức được sản xuất kinh doanh tất cả những gì

---

[1] Trong 683 luật, pháp lệnh được ban hành kể từ năm 1945 đến năm 2020, có 65 luật, pháp lệnh được ban hành trong thời gian từ 1945-1985; 618 luật, pháp lệnh được ban hành trong thời gian từ 1986 đến 2020. Nguồn: http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=view&org_group_id=0&type_group_id=3&category_id=0

pháp luật không cấm. Khuyến khích làm giàu chính đáng, hợp pháp, tích cực xóa đói, giảm nghèo; quyền tự do thông tin, tự do sáng tạo, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tôn giáo được bảo đảm; Internet, mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, văn học nghệ thuật, báo chí, phát thanh truyền hình phát triển đa dạng, hoạt động có hiệu quả theo hướng cổ vũ cái hay, cái mới, cái tiến bộ; nhân rộng điển hình tiên tiến và phê phán, lên án cái hư hỏng, sai trái. Quy chế dân chủ cơ sở được thực thi rộng khắp trên các địa phương trên cả nước, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Việc tiếp công dân được thực hiện đúng quy định và phong phú, sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của người dân. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực, suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong Đảng và hệ thống chính trị từng bước được kiềm chế, ngăn chặn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng kinh tế được tăng trưởng; các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực, quốc phòng an ninh được đảm bảo. "*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta"[1].

Tất cả những điều nói trên chứng tỏ rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam có đầy đủ năng lực, trí tuệ, bản lĩnh lãnh đạo dân tộc đổi mới, hội nhập và phát triển, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam hiện nay không cần có thêm bất cứ một đảng chính trị nào khác và trên thực tế không có cơ sở, tiền đề cho đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ở Việt Nam. Vì vậy, những ai mưu đồ khởi xướng, cổ xúy

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.34.

cho tư tưởng đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập là đi ngược lại thực tiễn Việt Nam, đi ngược lại nhu cầu và lợi ích chính đáng của nhân dân Việt Nam, tiếp tay cho các thế lực thù địch, phản động trong nỗ lực tuyệt vọng nhằm ngăn cản con đường phát triển tiến bộ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

# CÓ HAY KHÔNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY?*

***Đặng Ánh Tuyết*****

***Tóm tắt:*** Hiện nay, các thế lực thù địch thường rêu rao rằng: không thể có một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Bằng lý luận của chủ nghĩa Mác về hình thái kinh tế - xã hội, tác giả chỉ ra căn cứ lý luận và thực tiễn để chứng minh việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu khách quan, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử, là thành quả của tư duy sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tạo thế và lực để thực hiện thành công xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

***Từ khóa***: *Hình thái kinh tế - xã hội; kinh tế thị trường; định hướng xã hội chủ nghĩa*

## 1. Những luận điệu xuyên tạc, chống phá Việt Nam về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã hình thành và phát triển trong gần 40 năm nay. Khoảng thời gian đó đủ lớn để có thể có những nhận định, đánh giá tổng kết về con đường mà Việt Nam đã lựa chọn. Trong suốt thời gian này, Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã luôn kiên trì, bền bỉ tìm tòi đường lối đổi mới, vượt qua nhiều sóng gió, thử thách để đạt được mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Tuy nhiên, không đồng hành cùng dân tộc, một bộ phận

---

* Tác phẩm đạt Giải B

** Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

người Việt Nam ở nước ngoài và trong nước luôn có thái độ thù địch, chống phá đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Họ cho rằng: Không có cái gọi là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội là hai ý tưởng hoàn toàn mâu thuẫn nhau, đưa thêm đuôi "định hướng xã hội chủ nghĩa" vào là một sự gán ghép khiên cưỡng. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường là bóp nghẹt, là loại bỏ kinh tế tư nhân. Những năm gần đây, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã bị "chuyển hướng", "xoay trục"[1].

Trước tiên, cần khẳng định rằng những luận điệu trên đây hoàn toàn là cảm tính, dựa trên sự thù ghét, thiếu lý trí và hoàn toàn không dựa trên các căn cứ khoa học. Mặc cho những luận điệu đó ra rả diễn ra trên các phương tiện truyền thông, Việt Nam vẫn vững bước đi trên con đường đã chọn. Lịch sử một lần nữa đã chứng minh, sự kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin là chìa khóa dẫn tới sự thành công của Việt Nam ngày hôm nay. Vậy, có hay không một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa? Câu trả lời chỉ có thể đến từ chính thực tiễn quá trình tổ chức thực hiện đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam: xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từ sau năm 1986 đến nay của Đảng Cộng sản Việt Nam.

## 2. Quá trình bổ sung và hoàn thiện nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới

Trong quá trình thực hiện chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội, thời kỳ trước đổi mới, do nhận thức sai lầm, chủ quan, nóng vội đồng nhất chủ nghĩa xã hội với hình thức sở hữu công, với thể chế kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp; thực hiện quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội trên tinh thần muốn tiến nhanh, tiến mạnh, tiến

[1] Dẫn theo: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/dau-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich/chi-tiet/-/asset_publisher/YqSB2JpnYto9/content/nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-mo-hinh-sang-tao-cua-viet-nam.

vững chắc; không nhận thức đúng vai trò của những bước quá độ trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; xác định đường lối phát triển kinh tế rơi vào chủ quan, duy ý chí, không nhận thức đúng quy luật khách quan mà thực chất là chưa hiểu đúng lý luận của chủ nghĩa Mác đã làm cho Việt Nam rơi vào khủng hoảng kinh tế, xã hội trầm trọng. Bối cảnh đó, buộc Đảng Cộng sản Việt Nam phải thay đổi nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Vấn đề đặt ra là sự lựa chọn giữa hai con đường tiếp tục đi lên chủ nghĩa xã hội theo cơ chế quản lý hiện hành hay cần xác lập một cơ chế quản lý kinh tế mới? Nếu đổi mới có ảnh hưởng đến quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hay không? Có làm thay đổi bản chất chế độ xã hội hay không?

Những vấn đề đó khiến cho Đảng Cộng sản Việt Nam cần có những bước đi thận trọng, mỗi một quyết sách đều gắn liền với sự an, nguy của dân tộc. Vì vậy, việc hoạch định đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam sau năm 1986 là một quá trình gay go, phức tạp. Để có thể đi đến việc khẳng định nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thì trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các nhà lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước và đội ngũ các nhà khoa học đã lao động miệt mài, tập trung trí tuệ, phát huy sức mạnh tập thể để tìm ra con đường này. Từ thực tiễn của những bước đi ban đầu trong quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: "Cơ chế thị trường đã phát huy tác dụng tích cực to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Nó chẳng những không đối lập mà còn là một nhân tố khách quan cần thiết của việc xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa"[1]. Khẳng định này đã tạo niềm tin và những quyết định đột phá chiến lược trong xây dựng đường lối kinh tế của Việt Nam.

Mặc dù những tư duy về đổi mới thể chế kinh tế của Việt Nam

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2015, t.55, tr.322.

được bắt đầu từ năm 1986 với việc thay đổi cơ chế quản lý nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường. Nhưng khái niệm nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ được chính thức sử dụng trong các văn kiện Đại hội lần thứ IX. Tại Đại hội này, Đảng khẳng định: "Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"[1]. Đến Đại hội lần thứ XII, tư tưởng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được bổ sung, phát triển: "Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa"[2]. Bước chuyển từ phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường sang nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa là bước đột phá dũng cảm nhưng hết sức khoa học trong tư duy lý luận của Đảng. Tại Đại hội XIII, Đảng tiếp tục khẳng định: "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2001, tr.23.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2016, tr.25.

minh"[1]. Tư tưởng này là sản phẩm của quá trình không ngừng tìm tòi, sáng tạo từ việc học hỏi, kế thừa những thành quả của nhân loại trên phương diện thực tiễn lẫn lý luận. Đồng thời, là quá trình phân tích, đánh giá sâu sắc từ những điều kiện thực tiễn của Việt Nam và hơn hết là sự kiên trì vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin trong hoạch định đường lối chiến lược cho sự phát triển của Việt Nam.

Hiện nay, đường lối phát triển của Việt Nam đã xác định chuẩn xác về mô hình phát triển. Việc dứt khoát từ bỏ chế độ kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp để chính thức đi vào nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn khách quan, sáng tạo, độc lập và phù hợp với xu thế vận động chung của nền kinh tế thế giới hiện đại. Đạt được những nhận thức này, có nguyên nhân cơ bản từ sự sáng tạo trong tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam, khi từng bước chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hành động này được ghi nhận là bước đột phá tạo nền tảng trong sự phát triển của Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình chuyển biến đó không diễn ra một cách đơn giản mà là những bước đi đầy khó khăn, thử thách do sự tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Vượt qua tất cả khó khăn đó, trong từng giai đoạn lịch sử, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước hoạch định ra những đường lối phát triển kinh tế trên cơ sở khẳng định rằng, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là điều kiện cơ bản, tiên quyết cho sự phát triển của Việt Nam.

### 3. Lý luận hình thái kinh tế - xã hội cơ sở xác lập nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đổi mới không thể thành công nếu không được dựa trên một nền tảng lý luận dẫn đường. Với phương châm đó, học thuyết Mác về hình

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.128.

thái kinh tế - xã hội đã trở thành căn cứ lý luận của quá trình đổi mới, tìm tòi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Điểm mấu chốt quan trọng trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác về quy luật vận động của lịch sử, C.Mác đã viết: "Tôi coi sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên"[1]. Sự vận động của xã hội tuân theo các quy luật khách quan, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Nhưng ở mỗi quốc gia, dân tộc trong những điều kiện lịch sử cụ thể, do tính đặc thù có thể rút ngắn, bỏ qua những giai đoạn lịch sử nhất định. Luận điểm trên đã trở thành ngọn đèn soi đường cho thực tiễn cách mạng Việt Nam. Từ căn cứ lý luận này, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hoàn toàn tuân theo quy luật về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của thực tiễn cách mạng Việt Nam.

*Một là,* kinh tế thị trường Việt Nam phản ánh thực chất trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất hiện có trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với yêu cầu xác lập một chế độ kinh tế phải dựa trên sự phát triển của trình độ của lực lượng sản xuất và một quan hệ sản xuất tương ứng phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đó. Tuân theo quy luật này, Đảng Cộng sản việt Nam đã xác định trình độ của lực lượng sản xuất của Việt Nam rất phong phú, đa dạng ở nhiều cấp độ khác nhau cả về trình độ của tư liệu sản xuất và trình độ của người lao động, do vậy, phải có các quan hệ sản xuất phong phú, đa dạng tương ứng để phù hợp với sự đa dạng về trình độ của lực lượng sản xuất. Đây là xuất phát điểm từ cả phương diện lý luận và thực tiễn để Việt Nam xác lập nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.23, tr.21.

thức phân phối, vận hành theo cơ chế kinh tế thị trường. Qua đó, Việt Nam đã đạt được trạng thái về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Các yếu tố cấu thành của quan hệ sản xuất đã tạo địa bàn đầy đủ cho sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Mặt khác, với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất mới, kinh tế hàng hóa ngày càng phát triển, tất yếu nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, tạo tiền đề cho sự hình thành kinh tế thị trường, vận hành theo các quy luật của kinh tế thị trường. Do đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện quản lý nền kinh tế theo cơ chế thị trường. Từ khi đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã có bước thay đổi đột phá, huy động được mọi nguồn lực trong xã hội tham gia vào phát triển kinh tế, khoảng cách giàu nghèo được khắc phục, công bằng xã hội từng bước được thực hiện. Do đó, từ nền kinh tế khủng hoảng trầm trọng, Việt Nam đã bước qua khủng hoảng, ổn định và được xếp vào hàng các nước đang phát triển. Năng lực quản lý, điều hành nền kinh tế của Nhà nước ngày càng được nâng cao. Kinh tế tăng trưởng nhanh, lạm phát được đẩy lùi. Kết cấu hạ tầng được hoàn thiện, các nguồn lực kinh tế được huy động và sử dụng tương đối hiệu quả. Nền sản xuất có những bước chuyển căn bản về hiệu quả với việc ứng dụng các thành tựu của khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Thực tế đó đã chứng minh rằng, sự đổi mới của Việt Nam là phù hợp với quy luật khách quan. Các thế lực thù địch, dù muốn hay không cũng không thể phủ nhận thành quả của sự thay đổi ngoạn mục đó. Những lập luận bài trừ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam ngày càng trở nên yếu ớt, bẽ bàng và gượng gạo.

Bên cạnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng xác định, nền kinh tế thị trường của Việt Nam là nền kinh tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn phát triển của chủ nghĩa tư bản đã chứng minh rằng, không thể có một nền kinh tế thị trường

hoàn toàn tự do. Nền kinh tế hoàn toàn tự do, không có sự quản lý nhà nước tất yếu dẫn đến độc quyền tư nhân, tích tụ tư bản, đây là những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng kinh tế, lũng đoạn thị trường, các quy luật thị trường bị bóp méo. Vì vậy, ngày nay ở tất cả các quốc gia, các nhà nước tư bản đều tham gia quản lý nền kinh tế, sử dụng kinh tế làm công cụ để ở các mức độ khác nhau nhằm thực hiện các mục tiêu quản lý xã hội, xử lý khủng hoảng, điều tiết nền kinh tế vĩ mô, khắc phục các khuyết tật của nền kinh tế thị trường. Bởi vậy, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam cũng theo thông lệ chung, sự tham gia của Nhà nước nhằm điều tiết nền kinh tế, quản lý xã hội, đảm bảo mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan. Chính vì vậy, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được hình thành hoàn toàn tuân thủ theo những quy luật khách quan của lịch sử xã hội.

*Hai là*, từ sự vận động mang tính quy luật trên, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở việt Nam gắn bó chặt chẽ với điểm đặc thù của thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam là xác lập chế độ sở hữu công về tư liệu sản xuất.

Tại sao Việt Nam xác lập chế độ kinh tế dựa trên sở hữu công hữu về tư liệu sản xuất?

Sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam bắt đầu từ trong giai đoạn đất nước đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc. Giai đoạn này, Đảng đã xác định sau khi giành độc lập dân tộc, lật đổ chế độ phong kiến sẽ tiến hành cuộc cách mạng vô sản để đi lên chủ nghĩa xã hội. Việc lựa chọn đó hoàn toàn không phải do những quyết định mang tính chủ quan, duy ý chí mà xuất phát từ điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Thời kỳ này, về mặt tư tưởng, Việt Nam đã có sự du nhập và lan tỏa vào trong xã hội hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ nghĩa Mác đã tham gia vào quá trình hoạch định các đường lối chiến lược trong cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ.

Về mặt thực tiễn, đã xuất hiện lực lượng cách mạng là giai cấp công nhân - đội quân tiên phong đi đầu trong các cuộc đấu tranh chống lại sự áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến. Về mặt tổ chức, đã hình thành được một tổ chức đảng đại diện cho lực lượng cách mạng đứng lên dẫn dắt phong trào cách mạng Việt Nam. Kết quả, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm từng bước giành được thắng lợi, chế độ áp bức bóc lột của giai cấp phong kiến từng bước bị lật đổ, người lao động được giải phóng.

Như vậy, ở thời điểm có tính chất quyết định nhất, lịch sử đã chuẩn bị toàn bộ những điều kiện về tư tưởng, lực lượng và tổ chức, đặt ra những tiền đề cho việc nhận thức và lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Điểm có ý nghĩa quan trọng nhất của công cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc là xác lập một chế độ xã hội mới không có áp bức, bóc lột, không còn chế độ sở hữu tư nhân vốn là nguồn gốc gây ra những bất công trong xã hội - chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Với chế độ kinh tế đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã giúp cho mọi người dân thoát khỏi cảnh lao động làm thuê, tự mình làm chủ tư liệu sản xuất, tạo lập sự công bằng, bình đẳng đối với mọi người dân trong xã hội, hoàn toàn bác bỏ những đối kháng về lợi ích kinh tế. Mọi người dân, mọi tổ chức trong xã hội đều có chung một lợi ích, xác lập vị thế ngang nhau trong quyền sở hữu đối với tư liệu sản xuất. Trong một nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu nhưng luôn được đảm bảo bởi nguyên tắc về quyền ngang nhau, hài hòa về lợi ích. Bởi vậy, chế độ kinh tế này hoàn toàn thống nhất với mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.

Trong điều kiện hiện nay, khi nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã hoàn toàn được khẳng định ở Việt Nam thì song hành với nó, các thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng được xác lập. Các nguyên tắc quản lý, điều hành nền kinh

tế đều dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất làm nền tảng: mọi chủ thể kinh tế đều có quyền bình đẳng về sở hữu đối với tư liệu sản xuất nên đều được tạo lập công bằng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực để phát triển kinh tế; mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, không còn sự phân biệt giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân. Thực hiện vai trò quản lý kinh tế, quá trình xây dựng và hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô đã được chú trọng. Từng bước tạo ra sự đồng bộ trong hệ thống quản lý. Thành công đầu tiên của quá trình này là việc ban hành Luật Doanh nghiệp năm 2000, đã tạo ra một thể chế phù hợp với nền kinh tế thị trường, tạo môi trường bình đẳng để mọi thành phần kinh tế được hoạt động theo các quy luật của kinh tế thị trường, giải phóng sức lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực vào phát triển kinh tế.

Thực tiễn trên đây giúp chúng ta khẳng định, việc kết hợp giữa kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn mang tính tất yếu khách quan, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử xã hội. Luận điệu cho rằng không có cái gọi là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội là hai ý tưởng hoàn toàn mâu thuẫn nhau, đưa thêm đuôi "định hướng xã hội chủ nghĩa" vào là một sự gán ghép khiên cưỡng đã bị bác bỏ hoàn toàn trong thực tiễn của Việt Nam. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mô hình biện chứng mang tính quy luật dựa trên cơ sở thực tiễn của Việt Nam khi kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa tương tác, bổ sung cho nhau, tạo tiền đề cho nhau tạo ra sự vận hành để thúc đẩy sự phát triển của xã hội đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế song hành với thực hiện công bằng, bình đẳng, dân chủ và văn minh. Cần khẳng định một lần nữa rằng, kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa không phải là hai mảnh ghép rời rạc, khiên cưỡng mà định hướng xã hội chủ nghĩa chính là hình thức biểu hiện nội dung mang tính bản chất của

kinh tế thị trường được xây dựng trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Hiện nay, với mô hình kinh tế tổng quát này, Việt Nam đang đi đúng quỹ đạo của tiến trình phát triển.

*Ba là, Đảng Cộng sản Việt Nam xác lập vai trò của kinh tế tư nhân trong cơ cấu kinh tế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Trước đổi mới, các thành phần kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản tư nhân buộc phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa dưới hình thức quốc hữu hóa, hợp tác hóa. Tuy nhiên, ngay từ thời điểm năm 1986, thành phần kinh tế tư nhân đã được thừa nhận và tạo điều kiện phát triển trong cơ cấu các thành phần kinh tế của Việt Nam. Mặc dù, thừa nhận kinh tế nhiều thành phần, nhưng thời kỳ đầu đổi mới vẫn quan niệm thời kỳ quá độ là thời kỳ tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế tư nhân vẫn bị coi là đối tượng cần phải cải tạo. Trải qua gần 40 năm, các thành phần kinh tế đó được phép tồn tại và trở thành một bộ phận độc lập với bộ phận kinh tế nhà nước. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đã bao gồm: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Trước sự phát triển của các thành phần kinh tế tư nhân, có biểu hiện lo ngại cho rằng sự phát triển của khu vực kinh tế này dễ dẫn đến chệch hướng xã hội chủ nghĩa; việc tư nhân hóa các hợp tác xã sản xuất tiểu thủ công nghiệp và tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước là việc làm xa rời bản chất xã hội chủ nghĩa, là làm giảm quy mô, cơ cấu các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế. Tâm lý lo ngại đó cũng là một tất yếu đối với quá trình chuyển đổi. Tuy nhiên, điều lo ngại đó đã không xảy ra. Trước sự lãnh đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước Việt Nam, kinh tế tư nhân đã phát triển và vận hành trong khuôn khổ của một chế độ chính trị, pháp lý phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cho đến nay, kinh tế tư nhân được Đảng ta xác định là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Đảng đã chỉ đạo: "Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân liên kết, hợp tác với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, kinh tế hộ; phát triển các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể xã hội, nhất là người lao động"[1].

Những quan điểm chỉ đạo của Đảng đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân không chỉ dừng lại ở chủ trương mà đã được chuyển hóa thành hành động cụ thể. Các cơ quan chức năng hiện nay tập trung hoàn thiện thể chế ở các nội dung: hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển đầy đủ và đồng bộ thị trường các yếu tố sản xuất; việc huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc thị trường; dỡ bỏ những ưu ái đối với các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể; thay đổi chức năng của Nhà nước về kinh tế cho phù hợp với môi trường của nền kinh tế thị trường; đặc biệt chú trọng đến bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh của người dân, thực thi hợp đồng của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; xây dựng hệ thống pháp luật của nền kinh tế thị trường trên cơ sở đảm bảo mục tiêu chủ nghĩa xã hội; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên cơ sở đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân trong tham gia các hoạt động kinh tế.

Thực tế trên đây đã chứng minh rằng, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hoàn toàn không loại bỏ kinh tế tư nhân ra khỏi nền kinh tế. Hơn thế nữa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hoàn toàn không bị "chuyển hướng", "xoay trục" như

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.130.

các thế lực thù địch đã rêu rao. Thực chất, nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đã tạo thế và lực cho các thành phần kinh tế đều có cơ hội phát triển, cùng chung tay phát triển đất nước giàu mạnh và thực hiện công bằng xã hội, thực hiện đúng bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WorldBank), trong thập niên qua, tỷ lệ nghèo của Việt Nam đã giảm đầy ấn tượng; tỷ lệ nghèo theo chuẩn quốc gia thu nhập trung bình thấp của Ngân hàng Thế giới (3,20USD/ngày ngang giá sức mua năm 2011) giảm từ 16,8% xuống còn 5%, với trên 10 triệu người được thoát nghèo. Đại dịch Covid-19 xuất hiện đột ngột vào cuối thập niên đã làm ngưng trệ tiến độ tăng lương và cải thiện về chất lượng việc làm, những tiến triển về giảm nghèo bị lùi lại nhưng không bị đảo ngược trong năm 2020[1]. Báo cáo trên cho thấy, cho đến nay nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam hoàn toàn không xa rời bản chất, mục tiêu mà Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân đã lựa chọn.

Hơn thế nữa, giai đoạn hiện nay, những hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong xã hội đã và đang được Đảng nỗ lực khắc phục. Đảng kiên quyết, kiên trì phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", tham ô, tham nhũng. Nhiều cán bộ lãnh đạo cấp cao trong hệ thống chính trị đều bị xử lý nghiêm khi có vi phạm, đảm bảo không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Quyết tâm chính trị đó một lần nữa khẳng định niềm tin của nhân dân đối với Đảng, là đòn tấn công vào những âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

*Tóm lại,* gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã từng bước khắc phục những sai lầm trong nhận thức trước thời kỳ đổi

[1] https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/publication/2022-vietnam-poverty-and-equity-assessment-report

mới, tiến hành đổi mới tư duy, vượt qua khủng hoảng để đạt được những thành tựu to lớn trên mọi mặt của đời sống xã hội. Nhận thức rõ và kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nắm bắt rõ tính quy luật của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện của thực tiễn Việt Nam là nhân tố cơ bản quyết định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Việc xác lập mô hình tổng quát về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác về hình thái kinh tế - xã hội và từ thực tiễn lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam là căn cứ bác bỏ hoàn toàn những luận điệu chống phá của các thế lực thù địch xuyên tạc về cách mạng Việt Nam.

# ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH XUYÊN TẠC, PHỦ NHẬN BẢN CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM*

***Nguyễn Thế Tư*****

***Tóm tắt:*** Trong những năm gần đây, các thế lực thù địch, phản động tăng cường xuyên tạc phủ nhận bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây được coi là một trong những tâm điểm chống phá của chúng. Bởi mưu toan của các thế lực thù địch, phản động tập trung đánh vào điểm căn cốt nhất, nhằm làm phai mờ bản chất giai cấp công nhân của Đảng, để từ đó đi tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; hướng lái nước ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, vận hành theo thể chế đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Vì vậy, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, phủ nhận bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam là điều cấp thiết!

***Từ khóa****: Bản chất giai cấp công nhân; quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh, phản bác*

## 1. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng - tâm điểm xuyên tạc chống phá của các thế lực thù địch

Trong những năm gần đây, các thế lực thù địch, phản động tăng cường chống phá trên mặt trận tư tưởng, lý luận, trong đó có sự xuyên tạc, phủ nhận bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt

---

* Tác phẩm đạt Giải B

** Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nam. Chúng tung ra rất nhiều luận điệu, trong đó tập trung chủ yếu vào những vấn đề sau đây:

*Một là,* chúng cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam không còn là Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, mà là Đảng của nông dân và trí thức. Bởi vì, nhìn vào đội ngũ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam chủ yếu là nông dân và trí thức, còn giai cấp công nhân chiếm số lượng rất nhỏ bé. Cho nên, Đảng có rất ít tính công nhân, mà mang đậm dấu ấn của tiểu tư sản. Hơn nữa, lại chịu ảnh hưởng nặng nề của xã hội phong kiến, nên giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Việt Nam không thể lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

*Hai là,* với cách diễn đạt về bản chất giai cấp công nhân của Đảng như trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) là hạ thấp bản chất giai cấp công nhân của Đảng, là trượt sang quan điểm "đảng toàn dân", "đảng phi giai cấp".

*Ba là*, trong điều kiện đổi mới và phát triển kinh tế thị trường, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã làm cho Đảng biến chất, không còn mang bản chất giai cấp công nhân.

Sự xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực này trước đây chỉ về mặt lý thuyết, nên tác hại của nó chỉ diễn ra trên lĩnh vực tư tưởng. Sau khi giai cấp công nhân đã giành được chính quyền, sự xuyên tạc, chống phá này đã được tiến hành một cách toàn diện và tác hại của nó diễn ra trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn vong của chế độ. Vậy, sự thật có đúng như các quan điểm trên không?

*Trước hết*, phải khẳng định rằng, trong điều kiện khoa học đang ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, trí thức đóng vai trò càng quan trọng là điều đương nhiên không cần bàn cãi. Ngay khi

khoa học còn chậm phát triển, thì trí thức cũng đã đóng vai trò quan trọng trong mọi chế độ. Tuy nhiên, để từ đó tuyệt đối hóa vai trò của trí thức, hạ thấp sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là hoàn toàn sai lầm cả lý luận lẫn thực tiễn. Thực tiễn cho thấy, giai cấp công nhân Việt Nam vừa có đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, vừa có đặc điểm đặc thù của dân tộc, chủ yếu xuất thân từ nông dân, chịu áp bức bóc lột của chế độ thực dân và phong kiến. Sinh thời, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Có người nói: Giai cấp công nhân Việt Nam số người còn ít, không lãnh đạo được cách mạng. Nói vậy không đúng. Lãnh đạo được hay là không, là do đặc tính cách mạng, chứ không phải do số người nhiều ít của giai cấp"[1].

Ở Việt Nam hiện nay, mặc dù đa số những người lãnh đạo là trí thức, nhưng điều đó không có nghĩa là trí thức lãnh đạo và Đảng biến chất giai cấp. Xét về phương thức lao động cá nhân, thì có những người lãnh đạo và quản lý là trí thức. Nhưng họ không lãnh đạo với tư cách là đại diện cho trí thức, mà họ đang thực hiện công việc đó theo hệ tư tưởng và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản. Lãnh đạo ở đây với tư cách là ý thức hệ chứ không phải thông qua những con người thừa hành cụ thể. Hoạt động quản lý và hoạt động lãnh đạo là hai hoạt động khác nhau, mỗi hoạt động đều mang những đặc trưng riêng. Nếu lãnh đạo bao giờ cũng thuộc về một giai cấp nhất định và chính đảng của nó, thì hoạt động quản lý là lao động trí óc. Hay nói cách khác, hoạt động lãnh đạo bắt nguồn từ địa vị chính trị, kinh tế - xã hội của giai cấp quyết định, còn quản lý thì bắt nguồn từ sự phân công lao động xã hội: lao động quản lý hay lao động thừa hành. Do đó, có thể khẳng định rằng, hoạt động quản lý là vô cùng quan trọng, song trong quan hệ với hoạt động lãnh đạo, thì lãnh đạo quyết định quản lý; bởi vì, lãnh đạo quyết định phương hướng phát triển của các giai đoạn quản lý. Vì vậy, không có chuyện Đảng Cộng

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8. tr.257.

sản Việt Nam mang bản chất của trí thức và trí thức thay thế giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng.

*Thứ hai, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc"[1]. Cách diễn đạt này là hoàn toàn đúng đắn, chứ không hề hạ thấp hay từ bỏ bản chất giai cấp công nhân của Đảng, trượt sang "đảng toàn dân", "đảng phi giai cấp"... như quan điểm của một số người. Bởi vì, về lý luận, đây không phải là lần đầu tiên Đảng ta khẳng định điều này. Trước đó, trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ II của Đảng (1951) đã khẳng định: "Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"[2]. Trong bài nói chuyện ở Trường Cán bộ Công đoàn (01-1957), Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định: "Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc"[3]. Việc khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng được thể hiện ở chỗ: nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; mục tiêu, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nguyên tắc tổ chức sinh hoạt của Đảng là tập trung dân chủ, liên hệ mật thiết với nhân dân, đoàn kết thống nhất trong Đảng, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật phát triển.

Về thực tiễn, không có bất kỳ một đảng chính trị nào ra đời, tồn tại và phát triển đều không mang bản chất của một giai cấp nhất định.

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.88.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.7, tr.41.

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.477.

Chính bản chất giai cấp của đảng quy định đảng đó đại diện cho lợi ích của giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội. Còn giai cấp công nhân có sứ mệnh xóa bỏ chế độ áp bức, bóc lột, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, đại biểu cho lợi ích của giai cấp và đại đa số nhân dân lao động. Khác với sự ra đời của Đảng Cộng sản ở các nước tư bản - đó là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân. Điều kiện, đặc điểm ra đời, tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam có tính đặc thù - đó là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Điều đó đã khẳng định, ngay từ khi ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam đã mang bản chất của giai cấp công nhân, đồng thời đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

Với cách diễn đạt như trên vừa thể hiện bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa nói lên nét đặc thù của Đảng theo sự phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh, vừa phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đáp ứng nguyện vọng, tình cảm của nhân dân - với tên gọi trìu mến "Đảng ta"!.

Trong điều kiện hiện nay, Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chủ động hội nhập quốc tế; cùng với quá trình đó là nêu cao tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thì càng cần quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng trong việc diễn đạt bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nhất là trong điều kiện Đảng ta là một Đảng duy nhất cầm quyền ở nước ta. Cách diễn đạt bản chất giai cấp công nhân của Đảng như vậy, đòi hỏi Đảng chẳng những phải trung thành với giai cấp công nhân, nâng cao lập trường, tư tưởng của giai cấp công nhân, mà còn phải học tập, kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tăng cường đoàn kết, tập hợp nhân dân, phấn đấu vì lợi ích của cả giai cấp và dân tộc.

*Thứ ba*, hiện nay, có một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số đảng viên, cán bộ chủ chốt, cấp cao yếu kém về phẩm chất và năng lực; thiếu tính chiến đấu và tinh thần bảo vệ quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng; một số có biểu hiện bất mãn, mất lòng tin, nói và làm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, vi phạm pháp luật Nhà nước. Bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng gia tăng; vẫn còn tình trạng "chạy chức", "chạy quyền", "chạy tội", "chạy bằng cấp". Thoái hóa, biến chất về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu và xa dân... trong một bộ phận cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, nhất là trong các cơ quan công quyền, các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý doanh nghiệp nhà nước và quản lý tài chính... Đây là thực tế đau lòng, đã làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Đảng cũng thừa nhận rằng, đó là một nguy cơ lớn, liên quan đến sự sống còn của Đảng và chế độ. Điều này là trái với bản chất giai cấp công nhân của Đảng, đã từng được các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin cảnh tỉnh về nguy cơ của một đảng cầm quyền là dễ dẫn đến kiêu ngạo, quan liêu, xa rời quần chúng.

Nhìn lại giai đoạn 1989-1991 ở một số nước xã hội chủ nghĩa cho thấy rằng, giai cấp công nhân khi đã giành được chính quyền, nhưng do không quan tâm xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh, bảo đảm tính tiên phong của giai cấp công nhân nên đã làm cho đội ngũ phân hóa phức tạp; một bộ phận đảng viên mơ hồ về lập trường giai cấp công nhân; dễ dàng ngả theo phái cơ hội chủ nghĩa. Một số khác gần như là một đẳng cấp có đặc quyền, đặc lợi, xa rời quần chúng và bị quần chúng xa lánh. Vì vậy, nhiều đảng đã mất tín nhiệm với giai cấp công nhân, với nhân dân, và trước sự tấn công của kẻ thù, một số đảng đi đến chia rẽ và tan rã.

Việc một bộ phận cán bộ, đảng viên vi phạm, thì tự họ đã đánh mất bản chất giai cấp công nhân của đảng viên, có ảnh hưởng nhất định đối với Đảng, nhưng cũng không vì thế mà quy kết là Đảng đánh mất bản chất giai cấp công nhân, và theo quy luật họ sẽ bị đào thải nhằm làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh. Đó là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Chính vì vậy, trong hai nhiệm kỳ gần đây, Đảng ta ban hành liên tiếp các nghị quyết chuyên đề liên quan đến những vấn đề cấp bách xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới. Đây là những biện pháp mạnh mẽ, quyết liệt, kịp thời nhằm tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm trong những năm qua đã được các cơ quan của Đảng và Nhà nước tiến hành nghiêm túc, bài bản, hiệu quả, không có ngoại lệ, không có vùng cấm, được nhân dân và dư luận xã hội đánh giá cao.

Không che giấu khuyết điểm, nhưng cũng phải khẳng định rằng, trước những khó khăn, thách thức lớn ở trong nước, những biến động bất lợi của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trước sự chống phá của các thế lực thù địch, Đảng ta vẫn giữ vững bản chất khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân, kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên trì đổi mới, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đại đa số cán bộ, đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, năng động, sáng tạo trong công tác, lao động, rèn luyện phẩm chất, năng lực có bước trưởng thành đáng kể, đóng vai trò nòng cốt, đi đầu trong công cuộc đổi mới, góp phần thành quả xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## 2. Một số giải pháp đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong tình hình mới

Để đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch

xuyên tạc, phủ nhận bản chất giai cấp công nhân của Đảng, trong thời gian tới, các cấp ủy, tổ chức đảng cần quan tâm một số nội dung sau:

*Thứ nhất, tiếp tục tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đầy đủ, sâu sắc về bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân cần nhận thức sâu sắc vai trò to lớn của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình lịch sử, nhất là trong giai đoạn Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Giai cấp công nhân Việt Nam là lực lượng lãnh đạo xã hội đi đầu trong phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp ngân sách chủ yếu cho Nhà nước, làm chủ khoa học công nghệ. Mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta. Đây là nền tảng quyết định bản chất cách mạng và khoa học, sự trong sạch, vững mạnh của Đảng, quyết định đến vai trò lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng ta. Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng là yếu tố nội sinh để Đảng ta và mỗi cán bộ, đảng viên "miễn dịch", tự phòng, chống các quan điểm sai trái, thù địch có hiệu quả.

Hơn lúc nào hết, mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân cần nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn, chiêu trò gian xảo của các thế lực thù địch xuyên tạc sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, bản chất giai cấp công nhân của Đảng để làm lung lay niềm tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ đó, khơi dậy niềm tự hào, vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Phủ nhận bản chất giai cấp công nhân thực chất là phủ nhận Đảng từ bản chất, theo đó cũng đồng nghĩa phủ nhận vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Đây là mưu toan, kịch bản nham hiểm của các thế lực thù địch cần nhận diện và chủ động đấu tranh phản bác kịp thời, có hiệu quả.

*Thứ hai, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về giai cấp công nhân, bản chất giai cấp công nhân của Đảng.*

Cần đi sâu nghiên cứu tổng kết bổ sung phát triển lý luận về giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh mới hiện nay như xác định nội hàm, thành phần tham gia vào giai cấp công nhân Việt Nam, nhất là trong giai đoạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng gia tăng. Do đó, số lượng công nhân tham gia vào các doanh nghiệp này ngày càng nhiều. Hơn nữa, quan điểm của Đảng ta xác định rõ trong hợp tác đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc hai bên cùng có lợi. Trước sự vận động của thực tiễn, định nghĩa về giai cấp công nhân Việt Nam trong Hội nghị Trung ương 6 khóa X đã có những điểm không còn phù hợp, do đó cần bổ sung nội hàm để phù hợp với giai đoạn mới. Đồng thời, bổ sung làm sâu sắc nội dung bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta như mối quan hệ giữa số lượng giai cấp công nhân với nền tảng tư tưởng của Đảng; giữa thành phần xuất thân của đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ trí thức với lập trường quan điểm, tư tưởng của giai cấp công nhân. Có như vậy mới góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nêu cao trách nhiệm trong việc phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng; mặt khác, có luận cứ xác đáng để các chủ thể tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có hiệu quả, cũng như không tạo kẽ hở để các thế lực thù địch vin cớ lợi dụng xuyên tạc, phủ nhận bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta.

Khi tổng kết nghiên cứu về giai cấp công nhân Việt Nam, cần tham khảo chỉ dẫn của Ph.Ăngghen dự báo vô sản hóa trí thức, một bộ phận trí thức sẽ bổ sung vào lực lượng giai cấp công nhân. Trong thư *Gửi đại học quốc tế các sinh viên xã hội chủ nghĩa*, lần đầu tiên Ph.Ăngghen đã khẳng định khái niệm "giai cấp vô sản trí thức" là bộ phận hợp thành của giai cấp công nhân hiện đại và chỉ rõ chính giai cấp công nhân ấy là lực lượng duy nhất hoàn thành sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong tương lai. Do yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống

chính trị theo hướng tinh gọn cũng như xu hướng một bộ phận đội ngũ trí thức của nước ta được bổ sung cho giai cấp công nhân trong những năm tới là xu thế tất yếu.

*Thứ ba, xây dựng cơ chế phối hợp đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận bản chất giai cấp công nhân của Đảng.*

Cơ chế phối hợp đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam là các quy định, quy chế của Đảng, Nhà nước nhằm xác định mục tiêu, nội dung, phương thức tổ chức lực lượng và những chế tài cụ thể tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước ta nói chung, bản chất giai cấp công nhân của Đảng nói riêng. Tập trung lãnh đạo hệ thống chính trị, các cơ quan, lực lượng tham gia đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII, nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Trong đó, Ban Tuyên giáo Trung ương là lực lượng nòng cốt, cơ quan chủ trì phối hợp. Căn cứ vào tính chất, nội dung, phương thức, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động cũng như thế mạnh của từng cơ quan, ngành mà Ban Tuyên giáo Trung ương chủ động tham mưu phân công phối hợp để đấu tranh phản bác sát hợp với từng đối tượng. Chẳng hạn, lâu nay Đài Truyền hình Việt Nam có chương trình *Đối diện* tham gia đấu tranh phản bác tạo hiệu ứng xã hội mạnh mẽ. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ngoài những công trình khoa học, đã tổ chức thành công *Cuộc thi viết chính luận khoa học bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới* (lần thứ nhất). Mấu chốt của vấn đề là phải xác lập được cơ chế phối hợp đấu tranh phản bác, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể tích cực tham gia, phát huy sức mạnh tổng hợp trong tình hình mới.

*Thứ tư, đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, giữ vững vai trò lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng.*

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là yêu cầu nội tại của Đảng ta hiện nay. Đây là nhiệm vụ cực kỳ hệ trọng liên quan đến vận mệnh của Đảng, vận mệnh của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đại hội XIII nhận định: "Một bộ phận cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị không vững vàng,...; một số ít hoang mang, dao động, mất lòng tin; cá biệt còn phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng"[1]. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải coi trọng trên cả năm mặt nhưng trong đó tập trung chỉnh đốn về tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Bởi cán bộ, đảng viên là "tế bào" cấu thành tổ chức đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Trong bối cảnh mới hiện nay khi các thế lực thù địch đang gia tăng chống phá Đảng, Nhà nước ta đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải kiên định nền tảng tư tưởng, đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức của Đảng, gương mẫu nói đi đôi với làm, thanh liêm về nhân cách, hết lòng tận tụy phục vụ nhân dân; xác định rõ trách nhiệm, bổn phận của mình đối với sự phát triển của Đảng, của dân tộc.

Ngoài việc coi trọng tu dưỡng rèn luyện "tự soi", "tự sửa" của mỗi đảng viên, các tổ chức đảng cần tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình... Cần thấy rằng, ý nghĩa to lớn của xây dựng, chỉnh đốn Đảng sẽ làm cho Đảng luôn ở tầm cao của văn hóa, của "đạo đức, văn minh" thì Đảng càng cầm quyền có hiệu quả, càng trường tồn vai trò lãnh đạo đối với dân tộc. Mặt khác, là điều kiện để tăng "sức đề kháng" của

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.II, tr.168.

Đảng trước những hiện tượng phản văn hóa, xuyên tạc, kích động chống phá của các thế lực thù địch phản động.

*Thứ năm, tập trung xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam có phẩm chất, năng lực, trí tuệ, có khát vọng cống hiến.*

Cần nhận thức sâu sắc rằng, giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp lãnh đạo cách mạng, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, là chủ thể của công cuộc đổi mới, tiên phong đi đầu trong xây dựng hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hơn 92 năm từ khi Đảng ra đời cho đến nay, vai trò lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam đã được lịch sử kiểm chứng và khẳng định là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn mang bản chất giai cấp công nhân, chứ không thể mang bản chất của giai cấp nào khác. Do đó, đầu tư để xây dựng giai cấp công nhân là đầu tư cho sự phát triển bền vững, đúng hướng, xứng tầm với vị thế của giai cấp tiên phong. Xuất từ vai trò to lớn của giai cấp công nhân Việt Nam, Đại hội XIII xác định mục tiêu: "Xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư"[1]. Bởi vậy, đặt ra cho Đảng, Nhà nước phải tăng cường trí thức hóa giai cấp công nhân; coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân nhận rõ vai trò, sứ mệnh to lớn của mình. Tập trung chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, nhà ở, thu nhập và các vấn đề an sinh xã hội cho giai cấp công nhân để họ ổn định cuộc sống "an cư lạc nghiệp" tái sản xuất sức lao động, chuyên tâm với vai trò, sứ mệnh lịch sử cao cả của mình.

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.166.

# NHẬN DIỆN VÀ PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH PHỦ NHẬN NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI*

***Bùi Thanh Cao*****

***Tóm tắt:*** Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, bởi vậy nguyên tắc này luôn là mục tiêu công kích của các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị. Trước bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và những khó khăn trong nước hiện nay, kiên quyết bảo vệ và giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng là vấn đề có tính chất sống còn, ảnh hưởng đến sự tồn vong của Đảng và chế độ.

***Từ khóa:*** *Đảng Cộng sản; tập trung; dân chủ; sai trái, thù địch*

## 1. Nhận diện các quan điểm sai trái phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng

Trong suốt quá trình cách mạng ở nước ta, các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị luôn dùng mọi thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hòng phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, phá vỡ sự đoàn kết, thống nhất, chặt chẽ về mặt tổ chức và hoạt động của Đảng, làm cho Đảng tan rã cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ hòng thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng. Để thực hiện âm mưu này, các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị đã lợi dụng tự do ngôn luận, tự do báo chí, núp bóng dân chủ, đội lốt

---

* Tác phẩm đạt Giải B

** Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

nhân quyền rêu rao cho rằng: tập trung và dân chủ là hai mặt không thể thống nhất, đã tập trung thì không thể có dân chủ, đã dân chủ thì không thể tập trung, tập trung với dân chủ như lửa với nước, nên hoặc chỉ có tập trung, hoặc chỉ có dân chủ (!). Thực chất các luận điệu này là muốn tách rời, đối lập tập trung và dân chủ nhằm phủ nhận một mặt nào đó để Đảng dẫn tới dân chủ vô chính phủ, khi đó sự chặt chẽ, thống nhất trong tổ chức và hoạt động của Đảng bị phá vỡ, Đảng mất sức chiến đấu, uy tín của Đảng bị giảm sút, không còn đủ sức lãnh đạo cách mạng, Đảng sẽ mất vai trò lãnh đạo.

Trong bối cảnh đất nước ta thực hiện công cuộc đổi mới, các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị cho rằng: nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ phù hợp khi Đảng còn hoạt động bí mật hoặc trong điều kiện chiến tranh, nay thời bình, nguyên tắc đó là lỗi thời, không còn phù hợp, là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn tới trì trệ, tiêu cực (!). Điều nguy hiểm hơn, họ lợi dụng những khuyết điểm, sai phạm trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là những vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để đổ lỗi cho những khuyết điểm, hạn chế đó đều do nguyên tắc tập trung dân chủ không còn phù hợp. Lợi dụng những hạn chế, khuyết điểm, nhất là khi Đảng ta đẩy mạnh thực hiện xây dựng, chỉnh đốn Đảng, với quan điểm "không có vùng cấm", "không có trường hợp ngoại lệ" đã xử lý nghiêm nhiều cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng sai phạm, làm trong sạch Đảng, các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị đã xuyên tạc, bóp méo sự thật, quy chụp, đánh đồng hiện tượng thành bản chất. Họ cho rằng, tham nhũng là bản chất của Đảng, là hệ quả của thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, là lợi ích nhóm, lợi ích của cán bộ, đảng viên; chống tham nhũng là để thanh trừng phe cánh chứ không phải là để làm cho Đảng sạch hơn, mạnh hơn.

Sự thật hoàn toàn trái ngược: trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhiệm vụ chống tham nhũng được coi là phương thuốc

chữa bệnh đặc hiệu, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh. Với quan điểm "xử một người, cứu muôn người", "chặt cành để cứu cây", Đảng sẽ thật sự trong sạch, thật sự xứng đáng với sứ mệnh lịch sử và trọng trách mà nhân dân giao phó. "Cuộc đại phẫu" này tuy đau đớn, nhưng cần thiết và được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Chưa khi nào uy tín của Đảng được nâng cao như ngày nay. Vì vậy, những luận điểm đánh lận bản chất, bôi đen mục tiêu của Đảng cần phải được nhận diện và đấu tranh.

## 2. Không thể phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng; là tiêu chí để phân biệt chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, đảng cách mạng chân chính với các đảng khác. Đảng ta đã khẳng định: "Sự chặt chẽ về nguyên tắc là vấn đề sống còn của Đảng và bảo đảm quan trọng nhất cho sức sống, sự trong sạch và vững mạnh của Đảng"[1]. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề thuộc về bản chất của Đảng Cộng sản. Vì thế, không thể phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ.

Dù nghiên cứu ở góc độ nào, nhìn nhận ở bình diện nào, cả trên phương diện lý luận và thực tiễn đều cho thấy, tập trung dân chủ là một nguyên tắc thống nhất, không thể tách rời, càng không thể đối lập giữa tập trung và dân chủ. Tập trung trên cơ sở dân chủ, nhưng dân chủ phải hướng tới tập trung, thống nhất, có sự lãnh đạo để bảo đảm tập trung. Dân chủ là điều kiện, tiền đề của tập trung, tập trung là cơ sở bảo đảm cho dân chủ được thực hiện và phát huy. V.I.Lênin viết: "chế độ tập trung dân chủ, một mặt, thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa, và, mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2004, t.37, tr.830.

phủ"[1]. Vì vậy, nếu tuyệt đối hóa tập trung sẽ dẫn đến quan liêu, chuyên quyền, độc đoán; ngược lại, tuyệt đối hóa dân chủ sẽ dẫn đến tình trạng lạm dụng, vô tổ chức, vô kỷ luật. Cả hai biểu hiện trên đều không đúng bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ và làm giảm sức mạnh của Đảng.

Nguyên tắc tập trung dân chủ thuộc bản chất xuyên suốt của Đảng. Vì vậy, không thể phân biệt nguyên tắc này phù hợp hay không phù hợp trong giai đoạn chiến tranh hay hòa bình. Bất luận trong điều kiện, hoàn cảnh nào, tập trung dân chủ luôn là nguyên tắc rường cột của Đảng. Nguyên tắc này không ngừng được bổ sung, phát triển phù hợp với sự vận động, phát triển của tình hình cách mạng. Trong điều kiện hòa bình hiện nay cũng không thể lấy sai phạm cá biệt của một số tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là trong thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ để phủ nhận bản chất của Đảng, giá trị của nguyên tắc tập trung dân chủ. Ai đó, kẻ nào đó còn cho rằng tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên đều bắt nguồn từ việc tập trung dân chủ không còn phù hợp với thời bình thì người đó, kẻ đó đang cố tình xuyên tạc, bôi đen, suy diễn sai trái nguyên tắc tập trung dân chủ.

Ngay từ khi mới ra đời, trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: Đảng phải "tổ chức theo lối dân chủ tập trung"[2]. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: "Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản"[3]. Nhờ được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng ta đã có đủ sức mạnh và

---

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.36, tr.185.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1998, t.2, tr.119.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.5.

uy tín để lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đặc biệt, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đời sống nhân dân được nâng cao hơn; hệ thống chính trị được xây dựng, củng cố vững mạnh, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước; quốc phòng, an ninh được tăng cường, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc; đối ngoại, hội nhập quốc tế không ngừng mở rộng, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Đại hội XIII của Đảng đã đánh giá khái quát: "Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay"[1]. Việt Nam trở thành "điểm sáng", niềm tin của cộng đồng quốc tế. Như vậy, hà cớ gì Đảng phải từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ.

Lịch sử thế giới cũng đã chứng minh, nếu đảng cộng sản nào từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ thì vai trò lãnh đạo của Đảng sẽ bị thủ tiêu, thành quả cách mạng mà biết bao thế hệ đã đổ xương, đổ máu sẽ bị tiêu tan. Thực tiễn ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu cuối những năm 90 của thế kỷ trước cho thấy, dưới sự tác động của các thế lực thù địch bên ngoài, cơ hội chính trị trong nước và sai lầm của Đảng Cộng sản Liên Xô và các đảng cộng sản và công nhân khác, nguyên tắc tập trung dân chủ đã bị từ bỏ, bản chất của Đảng bị biến dạng và biến chất. Đặc biệt, ngày 15-3-1990 tại Đại hội bất thường của các đại biểu nhân dân, Điều 6 Hiến pháp của Liên Xô quy định về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã bị xóa bỏ. Đây là "dấu mốc" quan trọng "khởi nguồn" dẫn đến hình thành cơ chế "đa nguyên, đa đảng" và tất yếu "dọn đường" cho sự ra đời nhiều tổ chức, đảng phái chính trị đối lập cạnh tranh vai trò lãnh đạo. "Sau khi Điều 6 Hiến pháp Liên Xô bị xóa bỏ, ngay lập tức, các đảng phái xuất hiện "như nấm sau mưa",

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.25.

ngoài Đảng Cộng sản Liên Xô còn có tới 153 tổ chức đảng phái khác ra đời và cạnh tranh vai trò lãnh đạo với Đảng Cộng sản. Đến đầu năm 1991, sự tồn tại của Đảng Cộng sản Liên Xô chỉ còn trên danh nghĩa và sự sụp đổ của Liên bang Xôviết vào cuối năm 1991 là tất yếu, khi Đảng Cộng sản đã mất quyền lãnh đạo"[1]. "Thành trì vĩ đại" bị sụp đổ, kéo theo sự sụp đổ của cả một hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu mà hệ lụy của nó còn ảnh hưởng nhiều năm, ở nhiều quốc gia và qua nhiều thế hệ. "Tàn xương, đẫm máu" ở Ukraine, những nguy cơ gây bất ổn ở châu Âu và đe dọa sự ổn định, trật tự thế giới đang minh chứng rõ hệ quả của việc từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ, từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô. Thực tế này một lần nữa khẳng định: bất luận trong điều kiện, hoàn cảnh nào cũng không được từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ; phải kiên quyết bảo vệ nguyên tắc tập trung dân chủ; mọi mưu toan xa rời, phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng phải kịch liệt phê phán, kịp thời ngăn chặn.

### 3. Kiên quyết bảo vệ, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng

Bảo vệ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta và sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực hiện nay, trước sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, để bảo vệ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

*Một là, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên những vấn đề cốt lõi về nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cơ sở để đấu tranh phản*

[1] https://baodantoc.vn/nhung-luan-dieu-sai-lech-ve-vi-tri-vai-tro-lanh-dao-cua-dang-1645352409400.htm

*bác các luận điệu sai trái, thù địch về nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng.*

Nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ có thể được bảo vệ và giữ vững khi nhận thức của cán bộ, đảng viên về nguyên tắc tập trung dân chủ được nhận thức đúng đắn, quán triệt sâu sắc. Thực tiễn các vụ việc vi phạm bị xử lý vừa qua đã cho thấy, bất kỳ tập thể, cá nhân nào, dù là ai, ở cương vị nào, nếu cố tình nhận thức không đúng, hành động không chuẩn mực, chấp hành không nghiêm, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ thì đều phải "trả giá" đắt cho những sai phạm của tập thể hoặc của cá nhân đó. Hơn nữa, nguyên tắc tập trung dân chủ có nội dung và phạm vi rất rộng. Áp dụng nguyên tắc này trong thực tế nếu không nắm chắc, hiểu sâu sẽ rất dễ dẫn đến vi phạm, tạo cơ sở để các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị xuyên tạc, kích động mâu thuẫn, làm biến dạng nguyên tắc. Vì vậy, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nguyên tắc tập trung dân chủ: tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, nguyên tắc này chỉ đạo mọi hoạt động xây dựng tổ chức, sinh hoạt và lãnh đạo của Đảng, đồng thời cũng chi phối các nguyên tắc tổ chức và hoạt động khác của Đảng.

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị "về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới" nhằm bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong tình hình mới.

Tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập nắm vững các quy định,

hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; nghiên cứu làm rõ nội dung, yêu cầu của nguyên tắc tập trung dân chủ trong tình hình mới, làm cho mọi cán bộ, đảng viên hiểu đúng, nắm chắc bản chất tập trung dân chủ. Đồng thời, cũng cần tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên hiểu thấu rằng, tùy tình hình, nhiệm vụ của Đảng trong từng thời kỳ, cách thực hiện và phạm vi áp dụng nguyên tắc tập trung dân chủ có sự khác nhau, nội dung chi tiết của nguyên tắc tập trung dân chủ có sự điều chỉnh nhất định, nhưng bản chất và nội dung cơ bản của nguyên tắc không bao giờ thay đổi.

*Hai là, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, thực hành dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương, kỷ luật.*

Để thực hiện các định hướng phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: "Chúng ta cần tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn...; và đặc biệt, mối quan hệ mới được bổ sung lần này là mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Đó là những mối quan hệ lớn, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng ta, cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và phát triển phù hợp với thay đổi của thực tiễn; đòi hỏi chúng ta phải nhận thức đúng và đầy đủ, quán triệt sâu sắc và thực hiện thật tốt, có hiệu quả. Tuyệt đối không được cực đoan, phiến diện"[1]. Để nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần nhận thức đầy đủ về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội là quan điểm nhất quán của Đảng ta; thực hành dân chủ trong Đảng phải gắn với kỷ cương, kỷ luật. Giải quyết hài hòa mối quan hệ biện chứng giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.39.

kỷ cương xã hội. Dân chủ luôn gắn bó chặt chẽ với pháp luật; còn pháp luật như môi sinh và điều kiện không thể thiếu để bảo đảm, bảo vệ dân chủ được nảy sinh, nuôi dưỡng và phát triển. Thượng tôn pháp luật là điều kiện để dân chủ được thực hành rộng rãi và thực chất. Mặt khác, tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo tiêu chuẩn, nguyên tắc pháp quyền hiện đại; tôn trọng và bảo vệ quyền con người; củng cố, mở rộng và phát triển các điều kiện bảo đảm, nhất là bảo đảm chính trị và bảo đảm kinh tế đối với dân chủ và pháp chế xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu chính trị cao nhất của Đảng là vì lợi ích tối cao của nhân dân, của Tổ quốc và dân tộc. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố bảo đảm chính trị có ý nghĩa quyết định để xây dựng thành công nền dân chủ, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Dân chủ và kỷ cương trong Đảng là hạt nhân, có ý nghĩa quyết định thực hiện dân chủ và kỷ cương trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Mỗi cán bộ, đảng viên cần phát huy dân chủ, gương mẫu, tự giác chấp hành nghiêm minh kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật và các quy định của cơ quan, đơn vị để góp phần xây dựng Đảng ta thực sự là biểu tượng về dân chủ và kỷ cương, kỷ luật; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, cơ quan, đơn vị vững mạnh, toàn diện, mẫu mực, tiêu biểu.

Thực hiện nghiêm tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong cơ quan lãnh đạo của Đảng. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là một nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Tập thể lãnh đạo là dân chủ. Cá nhân phụ trách là tập trung. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tức là dân chủ tập trung. Làm việc mà không theo đúng cách đó, tức là làm trái dân chủ tập trung"[1]; "lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc. Phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.620; 620.

việc. Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau"[2]. Vì vậy, thực hiện tốt chế độ này có ý nghĩa rất quan trọng, là điều kiện để bảo đảm chất lượng, hiệu quả của công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của các cơ quan lãnh đạo đảng. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần quán triệt và thực hiện tốt các quy chế, quy định, nhất là quy chế làm việc của cấp ủy, cơ chế kiểm soát quyền lực, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tập thể lãnh đạo với người đứng đầu; chế độ bảo lưu ý kiến của thiểu số, từng bước xác định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể và cá nhân, bảo đảm sự lãnh đạo của tập thể và đề cao trách nhiệm cá nhân, hạn chế các sai phạm. Các cán bộ lãnh đạo đảng cần tự giác thực hiện tốt các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là đối với cán bộ chủ chốt và người đứng đầu các cấp; nghiêm túc tự phê bình và phê bình, giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ, chấp hành nghiêm kỷ luật của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, kỷ luật và quy định của cơ quan, đơn vị.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; xử lý nghiêm minh, kịp thời những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ. Đại hội XIII của Đảng đã xác định: nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực; đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Do đó, cấp ủy và ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng phải nắm vững quan điểm, quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, như: Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28-7-2021 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25-10-2021 về những điều đảng viên không được làm; Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 09-12-2021 về thực hiện Quy định số 22-QĐ/TW về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng... Xây dựng và tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát trong nhiệm

kỳ và hằng năm; coi trọng khâu nắm tình hình, giám sát hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu; chủ động ngăn ngừa, phát hiện, kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Xử lý nghiêm minh tổ chức đảng và đảng viên vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ và những hành vi dung túng, bao che khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên. Nâng cao cảnh giác, kiên quyết đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ với nhiều hình thức, phương pháp sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, nhất là trên không gian mạng và internet.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc "rường cột" của Đảng. Từ bỏ nguyên tắc này đồng nghĩa với từ bỏ Đảng về bản chất, Đảng mất vai trò lãnh đạo, sự nghiệp cách mạng bị tiêu tan. Do đó, bảo vệ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ luôn là trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

# ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM CÓ KHẢ NĂNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG THÀNH CÔNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM*

*Vũ Hoàng Công***

***Tóm tắt:*** Khi nói tới xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, không ít ý kiến cho rằng, không thể xây dựng được Nhà nước pháp quyền trong điều kiện một Đảng Cộng sản cầm quyền và nếu có thì đó là nhà nước pháp quyền không hoàn toàn theo đúng chuẩn mực quốc tế? Bài viết này khẳng định, dù có những khó khăn của đất nước duy nhất chỉ có một Đảng Cộng sản cầm quyền, Việt Nam có thể xây dựng được Nhà nước pháp quyền theo những chuẩn mực chung. Hơn nữa, Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn có khả năng và cần phải lãnh đạo quá trình này.

***Từ khóa:*** *Nhà nước pháp quyền; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chủ nghĩa xã hội*

Lâu nay, quan điểm phủ nhận việc xây dựng nhà nước pháp quyền trong điều kiện một đảng cộng sản cầm quyền vẫn tồn tại ở không ít các nhà lý luận kể cả trong và ngoài nước. Gần đây, trong quá trình lấy ý kiến vào Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, vẫn có nhiều hoài nghi về khả năng thành công của Chiến lược. Người ta nêu, về mặt lý luận, nhà nước pháp quyền không thể không

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

"tam quyền phân lập" cũng như không thể không có cạnh tranh giữa các đảng chính trị trong bầu cử; đó là những yếu tố đi liền với nhau, trở thành các tiêu chí của nhà nước pháp quyền[1]. Các ý kiến này cho rằng, sự độc quyền lãnh đạo của một đảng ở Việt Nam hoàn toàn đối lập với bản chất của nhà nước pháp quyền. Họ dẫn ra bảng xếp hạng nhà nước pháp quyền năm 2021 do tổ chức World Justice Project khảo sát 139 quốc gia và vùng lãnh thổ để khẳng định tất cả các nước do một đảng cầm quyền đều nằm ở cuối bảng, trong đó Việt Nam chỉ xếp hạng 88/139 với điểm số xấp xỉ mức trung bình của thế giới[2].

Quả thật, để trả lời một cách thuyết phục về mặt lý luận rằng với hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay vẫn có thể có nhà nước pháp quyền là điều không dễ. Do vậy, điều quyết định là bằng thực tiễn chứng minh, một nhà nước và rộng hơn là cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có khả năng tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp, pháp luật, nghĩa là bảo đảm tính pháp quyền. Bài viết này thể hiện cách tiếp cận như vậy.

Trước hết, nói về nhà nước pháp quyền, chúng ta thừa nhận cốt lõi của nó là tính tối cao của pháp luật trong mối quan hệ với Nhà nước nói riêng và xã hội nói chung. Đó là sự chi phối mang tính quyết định của Hiến pháp, pháp luật đối với tổ chức và hoạt động của nhà nước để bảo đảm mục đích cao nhất của nhà nước là tôn trọng và bảo vệ quyền tự do của con người. Nhưng khác với phương Tây, chúng ta hiểu việc phân chia quyền lực và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước với nhau là một giải pháp trong số nhiều giải pháp với mục đích không để cơ quan và cá nhân nào có thể vượt qua quy định của pháp luật mà xâm phạm quyền tự do hiến định và pháp định của con người.

---

[1] Xem Konrad-Adenauer-Sfiftung: *Nhà nước pháp quyền*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002.

[2] https://worldjusticeproject.org/sites/default/files/documents/WJP-INDEX-21.pdf

Sự cạnh tranh chính trị trong bầu cử cũng chỉ là một giải pháp nhằm bảo đảm quyền lực nhà nước được trao cho những cá nhân biết sử dụng một cách đúng đắn nhất, không lạm dụng hoặc lợi dụng để vi phạm quyền tự do và lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân.

Vì vậy, khi đánh giá mức độ pháp quyền của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay cũng như việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nó, phải trả lời các câu hỏi cốt lõi sau: *Thứ nhất*, Hiến pháp và pháp luật ở Việt Nam đã thực sự là ý chí chung của nhân dân nhằm bảo đảm các "quyền tự nhiên" của con người chưa, đã đủ bao trùm và điều chỉnh hoạt động của mọi tổ chức và công dân chưa? *Thứ hai*, thể chế và thực trạng sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan với nhau như thế nào, đã đủ để ngăn chặn các sai lầm của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, đặc biệt là ngăn chặn hiện tượng cấu kết, bao che các hành vi tham nhũng và vi phạm quyền con người của các cơ quan và cá nhân được trao quyền lực không? *Thứ ba*, hệ thống tư pháp đã đủ vô tư và khách quan trong việc xét xử mọi cá nhân có quyền lực, bất kể ở cương vị gì, kể cả có chức vụ Đảng cao nhất hay không? Cuối cùng, cũng cần trả lời câu hỏi: trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa gần 30 năm qua (tính từ khi Đảng ban hành Nghị quyết số 08-NQ/HNTW, ngày 23-01-1995 Hội nghị Trung ương 8 khóa VII "về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính"), vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam như thế nào? Đảng cần làm gì để không ngăn cản mà ngược lại là nhân tố dẫn dắt, thúc đẩy, hoàn thiện nhà nước pháp quyền?

Thực tiễn cho thấy như sau:

**1. Mức độ hoàn thiện pháp luật vì quyền con người**

Phải khẳng định từ sau khi ban hành Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2001), tiếp theo là Hiến pháp năm 2013, hệ thống pháp luật của Việt Nam đã có bước chuyển biến về

chất. Quốc hội Việt Nam đã ban hành và sửa đổi, bổ sung hàng loạt đạo luật trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới quyền con người, quyền công dân, phù hợp với các công ước và điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết. Quan trọng nhất là Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Lao động, Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Công ty, Luật Đất đai, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Tiếp cận thông tin, Luật An ninh mạng... Quốc hội đã ban hành và sửa đổi nhiều luật liên quan tới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, tới công chức, viên chức với những quy định về quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ, những điều không được làm. Trong đó, phải kể đến Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh đã rà soát, sửa đổi, loại bỏ nhiều thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và người dân. Các chương trình cải cách tổng thể nền hành chính (bao gồm các mặt thể chế, bộ máy, công chức, tài chính, công nghệ) trong mấy chục năm qua đã giúp cho mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân chuyển biến theo hướng Nhà nước phục vụ, kiến tạo phát triển nhiều hơn.

Những đổi mới về mặt thể chế như trên đã đem lại kết quả thực tế, được quốc tế ghi nhận, được doanh nghiệp và người dân trong nước hoan nghênh. Trong giai đoạn 2015-2020, Việt Nam đã được thăng hạng trong các bảng xếp hạng quốc tế về môi trường đầu tư, về đổi mới sáng tạo, Chính phủ điện tử. Thí dụ:

- Xếp thứ 70 về Môi trường kinh doanh, tăng 20 bậc so với năm 2015 (theo công bố của Ngân hàng Thế giới - WB, năm 2019);

- Xếp thứ 67 về Năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0, tăng 10 bậc so với năm 2018 (theo công bố của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), năm 2019);

- Xếp thứ 63 về Năng lực cạnh tranh du lịch, tăng 12 bậc so với năm 2015 (theo công bố của WEF, năm 2019);

- Xếp thứ 39 về Hiệu quả logistics, tăng 25 bậc so với năm 2016 (theo công bố của WB, năm 2018);

- Xếp thứ 42 về Đổi mới sáng tạo toàn cầu, tăng 17 bậc so với năm 2016 (theo công bố của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), năm 2020);

- Xếp thứ 86 về Chính phủ điện tử, tăng 3 bậc so với năm 2016 (theo công bố của Liên hợp quốc, năm 2020);

- Xếp hạng về phát triển bền vững tăng 34 bậc, từ thứ 88 năm 2016 lên thứ 49 năm 2020;

- Chỉ số phát triển con người (HDI) tiếp tục được cải thiện, đạt 0,704 điểm, xếp thứ 117/189 quốc gia, bước đầu vào hạng cao của thế giới.

Bảng xếp hạng địa phương theo chỉ số PAPI (chỉ số quản trị công cấp tỉnh), PAR Index (chỉ số cải cách hành chính), SIPAS (chỉ số hài lòng của người dân với hệ thống hành chính) cũng cho thấy sự tiến bộ của các tỉnh, thành phố trong 10 năm qua.

**2. Sự phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhằm ngăn ngừa các quyết định sai lầm, hành vi tham nhũng, vi phạm quyền, lợi ích chính đáng của người dân từ phía các cơ quan và người có quyền hạn, chức vụ trong bộ máy nhà nước**

Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật Kiểm toán, Luật Thanh tra, Luật Phòng, chống tham nhũng và các nghị định về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các bộ và cơ quan của Chính phủ đã quy định cụ thể và rõ hơn về thẩm quyền của bộ máy nhà nước nói chung, thẩm quyền và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong phòng, chống tham nhũng nói riêng. Sau Hiến pháp năm 1992, Luật Đầu tư công, Luật

Bảo vệ môi trường, Luật Quy hoạch, Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Kế toán, Luật Chứng khoán, Luật Giá... và rất nhiều luật khác đã được ban hành và sửa đổi, bổ sung. Một mặt, tạo điều kiện ngày càng thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phù hợp với cơ chế thị trường, mặt khác quy định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước, tạo khuôn khổ pháp lý để kiểm tra, giám sát, khởi tố, truy tố các vụ việc sai phạm của cá nhân và tổ chức, kể cả của công chức trong bộ máy nhà nước.

Quốc hội các khóa gần đây đã thể hiện rõ hơn vị trí, vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất như Hiến pháp quy định. Thông qua các hoạt động chất vấn tại kỳ họp, các đoàn giám sát, các kỳ họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có nhiều tiến bộ trong hoạt động giám sát tối cao đối với hoạt động của các cơ quan của Chính phủ trong việc thực hiện chính sách, pháp luật, các chương trình và nghị quyết của Quốc hội. Qua đó đã phát hiện nhiều hạn chế, khuyết điểm và đưa ra các yêu cầu để Chính phủ và các cơ quan của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện bộ máy, thể chế.

Hằng năm, các cơ quan kiểm toán, thanh tra nhà nước đã phát hiện nhiều sai sót trong quản lý tài chính, tài sản công và đưa ra các báo cáo, kiến nghị để các cơ quan, bộ ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước kịp thời khắc phục. Những trường hợp sai phạm pháp luật đến mức phải xử lý hình sự đã được chuyển cho cơ quan điều tra, truy tố, xét xử đúng pháp luật. Điển hình là các vụ việc sai phạm tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, Tổng Công ty Gang thép Thái Nguyên, Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công Thương... Trong đó có những cán bộ cấp cao bị điều tra, truy tố.

Trong lĩnh vực xây dựng pháp luật, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hằng năm, Bộ Tư pháp, sở tư pháp các tỉnh, thành phố đã

tham mưu cho Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố loại bỏ nhiều văn bản trái hoặc không đúng thẩm quyền, chồng chéo, mâu thuẫn nhau, giúp cho cải cách hành chính đạt được nhiều tiến bộ, giúp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

### 3. Hệ thống tư pháp trong bảo vệ công lý và đấu tranh với tội phạm

Việt Nam đã tiến hành cải cách tư pháp và đạt được tiến bộ đáng kể trong tổ chức hệ thống tòa án, trong quy trình tố tụng, tổ chức phiên tòa theo hướng công khai, dân chủ, độc lập hơn. Các phiên tòa xét xử các vụ vi phạm pháp luật, đặc biệt là các vụ án tham nhũng của cá nhân có chức vụ cao trong các cơ quan nhà nước, kể cả dân sự và lực lượng vũ trang trong 10 năm gần đây đã được xã hội đánh giá cao. Các phiên tòa được tổ chức đúng luật, công khai, dân chủ, đưa ra các bản án khách quan, chính xác, các bị cáo tâm phục, khẩu phục. Nhiều vụ việc người bị kết án oan, sai sau nhiều năm đã được các tòa án xem xét, minh oan, xin lỗi và bồi thường công khai. Thí dụ: ngày 13-01-2021, tại Ủy ban nhân dân xã Liên Trạch, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã tổ chức buổi công khai xin lỗi, cải chính đối với 5 người bị kết án oan sai trong vụ án xảy ra cách đây 34 năm[1]. Sáng 24-3-2021, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức xin lỗi anh Bùi Minh Lý, sinh năm 1989, nguyên Bí thư Chi đoàn ấp Trung, xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh - nơi gia đình anh Lý sinh sống, trước sự chứng kiến của chính quyền và người dân địa phương[2]...

Những sự việc đó cho thấy, hệ thống tư pháp đang ngày càng thực hiện đúng quyền hạn theo Hiến pháp, pháp luật trong bảo vệ công lý, đấu tranh với tội phạm theo phương châm kịp thời, nghiêm minh,

[1] Báo *Lao động điện tử*, ngày 13-11-2021.
[2] Báo *Pháp luật điện tử*, ngày 24-3-2021.

không để sót tội phạm, không để ai oan, sai và thực hiện nguyên tắc phổ biến của nền tư pháp tiến bộ là mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

**4. Vai trò quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Có được những kết quả tích cực nêu trên, phải khẳng định là nhờ có sự lãnh đạo của Đảng. Bằng đường lối, chủ trương, chính sách thể hiện trong các nghị quyết của Đại hội Đảng, của Trung ương, Bộ Chính trị; bằng sự lãnh đạo của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Cán sự đảng Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân, Ban Cán sự đảng các bộ, ban, ngành... và các đảng viên giữ cương vị lãnh đạo trong các cơ quan đó, công tác lập pháp, hành pháp, tư pháp có nhiều tiến bộ, thể hiện rõ hơn tính pháp quyền của Nhà nước.

Trái với những hoài nghi về sự bao che của Đảng, sự thiếu triệt để hoặc không dám xử lý các vi phạm pháp luật của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp cao trong Đảng, từ khi Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng chuyển sang trực thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trực tiếp Tổng Bí thư đứng đầu, công tác đấu tranh chống tham nhũng chuyển sang một giai đoạn mới, khoa học hơn, bài bản, kiên quyết hơn. Nhờ đó, một loạt các vụ án có cán bộ cấp cao dính líu tham nhũng được đưa vào diện trọng điểm, bị đưa ra xét xử. Bế mạc Hội nghị Trung ương 9 khóa XII (12-2018), sau khi điểm lại việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ cao cấp vi phạm pháp luật, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nói: "Thật đau lòng! Song vì sự nghiêm minh của kỷ luật đảng, sự thượng tôn pháp luật của Nhà nước, sự trong sạch, vững mạnh và uy tín của Đảng và ý nguyện của nhân dân, chúng ta phải làm và sẽ còn tiếp tục làm trong thời gian tới"[1].

Những tiến bộ đáng kể trong thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp

[1] Báo điện tử *Đảng Cộng sản Việt Nam*, ngày 27-12-2018.

quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta cho phép khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn có khả năng lãnh đạo xây dựng nhà nước pháp quyền theo các chuẩn mực quốc tế. Bài học kinh nghiệm quan trọng được rút ra là: Phải gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng nhà nước pháp quyền và xây dựng Đảng, giữa xây dựng và thi hành pháp luật với xây dựng và thi hành Điều lệ, quy định của Đảng. Thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, tuân thủ các quy định và kỷ luật của Đảng không hề ngăn cản mà ngược lại, giúp cho xây dựng nhà nước pháp quyền đạt kết quả.

Khác với nhiều nước đa đảng, ở Việt Nam, trong điều kiện một đảng lãnh đạo và cầm quyền thì phương thức phát triển của nhà nước pháp quyền ở Việt Nam không thể là tự phát mà là tự giác, nghĩa là có mục tiêu, kế hoạch, biện pháp... được Đảng cân nhắc, tính toán phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển của đất nước. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết về xây dựng Đề án Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045. Đề án đã được soạn thảo và đang trong quá trình lấy ý kiến các cơ quan, các ngành, các cấp, các địa phương để hoàn chỉnh. Để hoàn chỉnh và thực hiện thành công Chiến lược này, Đảng đã, đang và cần tiếp tục lãnh đạo trên các mặt sau:

*Một là, lãnh đạo công tác tư tưởng, lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.*

Trước hết phải làm cho toàn Đảng thông suốt nhận thức về nhà nước pháp quyền, thừa nhận vai trò tối cao của Hiến pháp, pháp luật trong mọi hoạt động của xã hội, đặc biệt đối với cơ quan nhà nước và tổ chức đảng. Vấn đề nhà nước pháp quyền liên quan chặt chẽ với vấn đề dân chủ, vấn đề quyền con người, phải được giải quyết trên quan điểm coi dân chủ, quyền con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực xây dựng nhà nước pháp quyền. Không thể nói tới nhà nước pháp

quyền mà không nói tới dân chủ và quyền con người. Ngược lại, không thể nói dân chủ, quyền con người mà không có nhà nước pháp quyền. Đó là một tổng thể, một phức hợp các vấn đề cần được giải quyết đồng bộ. Vì vậy, Đảng cần lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng để có nhận thức chung về tầm quan trọng, sự cần thiết của nhà nước pháp quyền trong xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa như Cương lĩnh của Đảng đã vạch ra.

Đảng lãnh đạo công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về nhà nước pháp quyền với tinh thần trọng thị, lắng nghe ý kiến từ nhiều góc độ khác nhau, kể cả những ý kiến "khó nghe", "khó chịu". Phải có nhiều diễn đàn thảo luận, nhiều cuộc tranh luận cởi mở, không thành kiến nhưng cũng không xuôi chiều. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cần chú trọng hơn nữa việc giáo dục và bồi dưỡng ý thức thượng tôn pháp luật, kỹ năng lãnh đạo, quản lý phù hợp với nguyên tắc của nhà nước pháp quyền cho đội ngũ cán bộ trung, cao cấp của hệ thống chính trị.

*Hai là, lãnh đạo công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật.*

Xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền là quá trình vừa có tính khoa học, vừa có tính chính trị; vừa tuân theo yêu cầu khách quan của phát triển xã hội loài người, vừa tuân theo ý chí chủ quan của lực lượng cầm quyền ở mỗi quốc gia. Song, tính khoa học, yêu cầu khách quan phải được coi là tính thứ nhất, vì có như vậy xã hội mới ngày càng tiến bộ. Có một số vấn đề cần được giải quyết là:

- Thể chế hóa về mặt pháp lý trách nhiệm chính trị của Đảng Cộng sản cầm quyền. Phải định rõ hình thức trách nhiệm chính trị là gì để có thể thực hiện được trong thực tế, chứ không dừng lại ở khẩu hiệu.

Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng vừa thông qua tập thể cấp ủy, vừa thông qua cá nhân. Việc cá thể hóa trong xử lý trách nhiệm hành chính hoặc hình sự như lâu nay là hướng đúng trong xây dựng nhà nước pháp quyền. Đối với tập thể, cần pháp lý hóa, cụ thể hóa hơn nữa trách

nhiệm chính trị của cấp ủy đảng trước nhân dân địa phương. Ví dụ, cân nhắc tới phương án quy định Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với tập thể ban chấp hành đảng bộ tỉnh, hoặc với ban thường vụ tỉnh ủy, thường trực tỉnh ủy về công tác lãnh đạo? Trong trường hợp uy tín thấp thì tập thể cấp ủy phải bị một hình thức trách nhiệm nhất định, thậm chí bị cấp ủy cấp trên giải tán để bầu cấp ủy mới.

- Cụ thể hóa hơn nữa mối quan hệ "phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp". Việc kiểm soát của Quốc hội với Chính phủ, Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân thì đã rõ về mặt lý luận và đã được quy định trong Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân. Song, sự kiểm soát của Chính phủ với Quốc hội và sự kiểm soát của Tòa án, Viện Kiểm sát đối với Chính phủ và Quốc hội như thế nào thì chưa rõ về lý luận, càng chưa rõ về pháp lý.

Từ thực tiễn đã đến lúc phải khẳng định rằng, dù không có quyền lực ngang bằng, song Chính phủ cũng phải có quyền hạn nhất định đối với Quốc hội. Quyền hạn đó phải đủ để ngăn ngừa những sai lầm có thể có trong các nghị quyết, quyết định của Quốc hội, trong các đạo luật mà Quốc hội thông qua. Chẳng hạn, có thể quy định nếu đa số các thành viên Chính phủ bỏ phiếu không đồng ý với toàn bộ hay một phần của luật hoặc nghị quyết được Quốc hội thông qua thì Quốc hội phải xem xét, sửa đổi và bỏ phiếu lại đối với luật hoặc nghị quyết đó. Điều này rất cần thiết vì Quốc hội Việt Nam là Quốc hội một viện, số đại biểu không chuyên trách chiếm tỷ trọng cao, trong đó, có nhiều người là cán bộ, công chức, viên chức ở các địa phương nên đã từng thông qua những đạo luật thiếu tính khả thi, không sát với thực tiễn, chưa đủ tầm nhìn thời gian nên sớm phải sửa đổi, thay thế.

*Ba là, lãnh đạo công tác tổ chức thi hành pháp luật, thực hiện quản lý xã hội theo pháp luật.*

Việc tổ chức thi hành pháp luật, thực hiện quản lý xã hội theo pháp luật trước hết và chủ yếu là chức năng của hệ thống hành pháp, bao gồm Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp. Thực tế những năm gần đây cho thấy, các vi phạm pháp luật ở một số bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cũng chính là sai phạm của các Ban Cán sự đảng, các cấp ủy viên Ban Cán sự đảng của Ủy ban nhân dân và cấp ủy các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân. Điều này đặt ra câu hỏi cần tăng cường lãnh đạo tổ chức thi hành pháp luật, quản lý xã hội theo pháp luật như thế nào? Kinh nghiệm cho thấy, về mặt Đảng, cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, uốn nắn của cấp ủy cấp trên với Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân cấp dưới và cấp ủy các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân. Về mặt chính quyền, đó là tăng cường sự kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn của người đứng đầu cơ quan hành pháp cấp trên với người đứng đầu cơ quan hành pháp cấp dưới (ví dụ của Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, triển khai thi hành pháp luật tại địa phương.

*Bốn là, lãnh đạo công tác thanh tra, kiểm tra, công tác truy tố, xét xử và cải cách tư pháp.*

Bên cạnh những thành tích đạt được, hệ thống các cơ quan thanh tra còn không ít những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm, thậm chí là vi phạm pháp luật trong việc thực hiện chức trách, quyền hạn của mình. Nhiều kết luận thanh tra chưa thực sự khách quan, khiến đối tượng chưa "tâm phục, khẩu phục". Không hiếm hiện tượng cán bộ thanh tra lợi dụng quyền hạn nhận hối lộ.

Để xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền, thì hoạt động kiểm tra, thanh tra từ Trung ương đến địa phương phải được chấn chỉnh và tăng cường theo tinh thần quyết liệt như Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã và đang

thực hiện. Cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với tòa án, bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử của tòa án, tránh sự can thiệp dưới danh nghĩa, hoặc lợi dụng danh nghĩa cấp ủy đảng vào hoạt động xét xử của tòa án nói chung, của các thẩm phán và hội thẩm nhân dân nói riêng. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định về những điều đảng viên không được làm, trong đó có những điều liên quan tới những hành vi can thiệp trong lĩnh vực tư pháp. Các cấp ủy đảng, Ban cán sự đảng tại các cơ quan tư pháp phải thực hiện nghiêm túc những quy định đó.

Như vậy, trái với những hoài nghi hoặc phủ nhận, việc xây dựng nhà nước pháp quyền theo các chuẩn mực quốc tế đã và đang được thực hiện ở Việt Nam với những kết quả rất đáng ghi nhận. Quá trình và những kết quả đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những kết quả từ thực tiễn cho phép tin tưởng rằng, trong điều kiện một Đảng Cộng sản lãnh đạo, Việt Nam có thể xây dựng được nhà nước pháp quyền vì Đảng Cộng sản Việt Nam, với bản chất giai cấp công nhân và dân tộc, với tư duy khoa học, cách mạng và nhân văn, với bản lĩnh hơn 90 năm lãnh đạo đất nước giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, vượt qua nhiều hoàn cảnh khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua, đã và sẽ tiếp tục chứng tỏ Đảng không có lợi ích riêng nào khác ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc Việt Nam, và dù khó khăn thế nào, vẫn có thể lãnh đạo xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

# HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐA ĐẢNG CẠNH TRANH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM*

***Trịnh Thị Xuyến*****

***Tóm tắt:*** Hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh ra đời cùng với sự hình thành và phát triển của xã hội tư bản. Sự phân quyền, cơ chế kiềm chế, đối trọng giữa các đảng đã tạo động lực, sự năng động trong hoạt động chính trị, nhưng cũng bộc lộ rõ những hạn chế và giới hạn không thể vượt qua do chính từ sự phân tán, chia rẽ, lãng phí nguồn lực và vấn đề chuyên chế của đa số. Từ góc độ tham chiếu với hệ thống chính trị một đảng cộng sản cầm quyền, hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay cần tập trung hoàn thiện: tính tiền phong, gương mẫu, tính đại diện lợi ích, tính khoa học, hợp lý trong thực thi và kiểm soát quyền lực, mở rộng dân chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

***Từ khóa:*** *Quyền lực nhà nước; hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh; hệ thống chính trị một đảng cộng sản cầm quyền; chuyên chế của đa số*

## 1. Cơ sở khách quan của quyền lực nhà nước và hệ thống chính trị

Con người sống với nhau thành xã hội dẫn tới hình thành và phát sinh các tranh chấp, xung đột giữa các cá nhân, các nhóm và lực lượng nhất định. Để có thể giải quyết được các tranh chấp và xung đột nhằm duy trì cuộc sống của cá nhân và môi trường xã hội, quyền lực chung

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(quyền lực công) được thiết lập, tổ chức thực hiện và dần hình thành nên nhà nước. Khi nhìn nhận quá trình này, C.Mác cho rằng, sự hình thành nhà nước không phải là một hành vi thỏa thuận mà thực chất là quá trình chiếm đoạt và tổ chức quyền lực công của bộ phận giàu có trong xã hội. Quyền lực công được hình thành để một cộng đồng có thể phối hợp hoạt động với nhau, duy trì trật tự chung, điều hành hoạt động chung và bảo vệ cộng đồng khỏi sự xâm hại từ bên ngoài. Trong thị tộc, quyền lực công được thiết lập dựa trên trách nhiệm, bổn phận phải giúp đỡ, bảo vệ lẫn nhau của các thành viên thị tộc. "Để bảo đảm an toàn cho bản thân mình, mỗi cá nhân đều dựa vào sự bảo hộ của thị tộc và đã có thể dựa như thế; ai làm hại đến một cá nhân trong thị tộc là làm hại đến toàn thể thị tộc"[1].

Khi xã hội phát triển dẫn tới phân công lao động và phân chia giai cấp, giai cấp những người giàu có nhất của xã hội có ưu thế trong việc nắm giữ và thực thi quyền lực công. Do đó, họ có thể sử dụng quyền lực công để phục vụ cho mục đích, quyền lợi của mình và của giai cấp mình. Nhà nước được thiết lập để điều hòa, giải quyết mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp có tính chất đối kháng trong xã hội nhằm tránh các giai cấp tiêu diệt lẫn nhau và đổ vỡ xã hội. Nhà nước được cho là trọng tài phân xử tranh chấp, xung đột giữa các cá nhân, lực lượng trong xã hội, đảm bảo công bằng, công lý và duy trì hòa bình, ổn định và phát triển xã hội.

Sự chuyển đổi từ quyền lực công thành quyền lực nhà nước chính là sự tha hóa của quyền lực công. Quyền lực công từ chỗ là quyền lực chung của cộng đồng xã hội, phục vụ cho lợi ích chung của xã hội đã trở thành quyền lực nhà nước, quyền lực chính trị, thực thi lợi ích cho giai cấp, lực lượng cầm quyền và thực hiện ở mức độ nhất định những lợi ích chung của cộng đồng, xã hội. Quyền lực nhà

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.21, tr.134.

nước từ chỗ thuộc về nhân dân đã được giai cấp, lực lượng cầm quyền sử dụng để thống trị nhân dân. Nói cách khác, nhà nước "nảy sinh ra từ xã hội, nhưng lại đứng trên xã hội và ngày càng tách rời khỏi xã hội"[1]. Từ giác độ tiếp cận này, quyền lực nhà nước mang bản chất giai cấp; các giai cấp, lực lượng cầm quyền luôn tạo dựng các giá trị, hệ tư tưởng nhằm biện minh cho tính chính đáng của nhà nước, cho sự cầm quyền của mình.

Các xã hội dân chủ hiện đại ngày nay đều khẳng định nguồn gốc của quyền lực nhà nước là từ nhân dân. Nhà nước là cơ quan đại diện thực thi quyền lực của nhân dân, do nhân dân ủy quyền và vì lợi ích của nhân dân. Việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước dựa trên nền tảng của hiến pháp và pháp luật với sự đồng thuận của nhân dân. Theo đó, các cá nhân trong xã hội đều có quyền tự do, bình đẳng trước pháp luật, quyền tự do bầu cử, ứng cử tham gia vào bộ máy nhà nước, quyền giám sát và ràng buộc một nhà nước có trách nhiệm. Để sự tham gia chính trị và sự tương tác của các cá nhân, tổ chức, lực lượng trong xã hội với nhau và với nhà nước đi vào ổn định, trật tự, duy trì các tương tác, quan hệ có lợi và loại bỏ, ngăn chặn những tương tác có hại, các thiết chế, cơ chế và mối quan hệ giữa các chủ thể quyền lực chính trị được thiết lập một cách hệ thống.

Trên thực tế, đã có nhiều kiểu hệ thống chính trị được tổ chức và hoạt động tùy thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể và mục tiêu chính trị của mỗi quốc gia. Hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh được tổ chức ở hầu hết các nước tư bản phát triển; tổ chức và hoạt động của hệ thống này dựa trên nguyên tắc tự do cạnh tranh cầm quyền của các đảng chính trị đại diện cho lợi ích của nhiều giai cấp, lực lượng khác nhau trong xã hội. Trong khi đó, hệ thống chính trị một đảng cộng sản cầm quyền được tổ chức dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.21, tr.253.

Lênin, thực hiện nhất nguyên chính trị, không cạnh tranh quyền lực.

**2. Những ưu điểm và hạn chế, giới hạn của hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh**

Trong hệ thống đa đảng cạnh tranh cầm quyền, khi nhìn vào cấu trúc tổ chức và hoạt động của nhà nước tư sản, C.Mác khẳng định sự tiến bộ của nó trên các mặt so với các nhà nước trước đó. "… Ở đây sự tự do cạnh tranh ngự trị không giới hạn trên mọi lĩnh vực cuộc sống và nói chung chỉ còn lại một quyền lực chính phủ tối thiểu, cần thiết cho toàn bộ giai cấp tư sản nhằm bảo đảm cho những lợi ích chung của nó trong chính sách đối nội cũng như đối ngoại và điều khiển được các công việc chung của nó; nhưng cái quyền lực chính phủ tối thiểu đó phải được tổ chức một cách hợp lý và tiết kiệm nhất"[1].

Hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh thể hiện những giá trị cốt lõi mà giai cấp tư sản định hình cho xã hội. Việc đảm bảo tự do cá nhân, tự do thành lập hiệp hội, tổ chức chính trị để tham gia cạnh tranh bầu cử vào các vị trí quyền lực và cầm quyền theo quy định của hiến pháp, pháp luật ở một giác độ nhất định đã tạo nên sự bình đẳng, quyền tự do của các cá nhân trong hoạt động chính trị. Từ đó tạo dựng tính chính đáng quyền lực cho giai cấp cầm quyền từ sự ủy quyền của dân thông qua các cuộc bầu cử cạnh tranh tự do. Từ góc độ này, hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh khiến các đảng chính trị phải tìm tòi đổi mới cương lĩnh, chính sách cũng như cách thức tổ chức, hoạt động và chất lượng đội ngũ lãnh đạo của Đảng, với mục tiêu quan trọng nhất là thu hút sự ủng hộ của cử tri để thắng cử và thực thi quyền lực nhà nước. Sự cạnh tranh giữa các đảng chính trị trong bầu cử, khi được quản trị tốt còn tạo diễn đàn cho sự cọ xát, tranh luận về các mục tiêu, định hướng chính sách, mang lại góc nhìn đa chiều,

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1993, t.8, tr.462.

nhiều khía cạnh về các vấn đề của quốc gia trong nhận thức của giới lãnh đạo chính trị và của cả cử tri. Sự cạnh tranh của các đảng chính trị, ở một giác độ nhất định, cũng đem lại cho cử tri có các lựa chọn khác nhau từ các đảng cạnh tranh và các định hướng chính sách.

Cùng với sự phát triển của phân công lao động xã hội theo hướng chuyên môn sâu, việc phân quyền trong tổ chức bộ máy nhà nước trong hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh theo tính chất hoạt động của các loại quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sự độc lập tương đối giữa các nhánh quyền lực một mặt giúp phân định rõ thẩm quyền, phạm vi tác động và trách nhiệm của các chủ thể quyền lực, mặt khác nhằm "kiềm chế - đối trọng" giữa các nhánh quyền lực với nhau, hạn chế sự lấn sân, lạm dụng quyền lực, đảm bảo tự do của công dân, đảm bảo quyền lực nhà nước là của nhân dân.

Mặc dù có nhiều điểm tiến bộ và hợp lý song hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh có những vấn đề và giới hạn không thể vượt qua. Hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh được thiết kế dựa trên nền tảng tư tưởng của giới tinh hoa tư sản, ưu tiên tự do cá nhân và trật tự đẳng cấp xã hội. Do đó, cấu trúc thể chế, phân bổ quyền lực và luật lệ của hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh được thiết kế và hoạt động để duy trì và bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, những người giàu có trong xã hội. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, nhưng đó là pháp luật của chủ nghĩa tư bản, vốn đã chuyển tải trật tự, công bằng và lợi ích theo trật tự giai cấp. Sự bình đẳng hình thức trước pháp luật này đã được J.J Rousseau phê phán là không đảm bảo được tự do của con người, một khi nghèo quá phải bán mình để sinh tồn và những kẻ giàu có thể mua đứt tự do của người khác[1]. Các quy định về điều kiện thực tế dẫn tới sự cạnh tranh chỉ là giữa các đảng chính trị lớn, những đảng đại diện cho các tổ chức và lực lượng có nguồn lực, ưu thế trong

[1] Xem Jean - Jacques Rousseau: *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2006, tr.19, 74.

xã hội. Kết quả là quyền lực nhà nước luôn nằm trong tay đảng chính trị đại diện cho tầng lớp, giai cấp có thế lực lớn trong xã hội. Hơn nữa, điều căn bản là đảng chính trị nào thắng cử thì việc cầm quyền, hoạt động của nhà nước và xã hội đều dựa trên nền tảng thể chế, cơ chế luật lệ của giai cấp tư sản, bảo vệ trật tự, quyền lực và lợi ích của giai cấp tư sản.

Hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh luôn được gán nhãn cùng với nguyên tắc phân quyền, phân lập quyền lực giữa các nhánh lập pháp, hành pháp, tư pháp và cơ chế "kiềm chế - đối trọng" để kiểm soát quyền lực. Tuy nhiên, đi sâu vào bản chất lợi ích thì sự phân quyền này cũng chỉ là hình thức. Tính hình thức bắt nguồn từ một điểm căn cốt là giữa các đảng có chung mục đích và lợi ích của cùng một giai cấp tư sản, khiến việc kiềm chế, kiểm soát quyền lực cũng chỉ là hình thức. Và khi cần thiết, thay vì kiềm chế, kiểm soát lẫn nhau, các đảng chính trị, các cơ quan nhà nước sẽ quay ra mặc cả, thỏa hiệp, cấu kết và thông đồng với nhau để cùng hưởng lợi trên lưng, trên mồ hôi, nước mắt và kể cả máu của người dân. Do vậy, cơ chế "kiềm chế - đối trọng" vẫn chỉ là sự ngụy biện, ảo tưởng trong những trường hợp nhất định. "Mỗi bộ phận đều đem quyền thống trị chung của giai cấp tư sản, cái hình thức mà trong đó tất cả mọi tham vọng riêng biệt của họ đều được trung hòa và duy trì lẫn nhau - tức là *nền cộng hòa*, để đối lập với những tham vọng tiếm đoạt và nổi loạn của các đối thủ của họ"[1].

Trước thực tế này, các nhà tư tưởng chính trị hiện nay vẫn đang tiếp tục đặt ra và tìm kiếm phương thức kiểm soát hữu hiệu đối với quyền lực nhà nước. Chẳng hạn, các nhà tư tưởng chính trị thuộc của Mỹ đã và đang tìm kiếm giải pháp nhằm kiểm soát sự "chuyên chế của đa số" ở chế độ dân chủ. Trong các quá trình dân chủ hoặc ra

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1993, t.7, tr.627.

quyết định theo nguyên tắc đa số, sự hình thành đa số chuyên chế sẽ dẫn tới khả năng nhà nước bị thao túng và trở thành chuyên chế. Tương tự như trường hợp thiểu số đúng bị áp chế bởi đa số sai[1]. Vì lý do này, việc kiểm soát quyền lực nhà nước trong xã hội hiện đại, nếu chỉ dựa vào hiến pháp, pháp luật hay "kiềm chế - đối trọng" trong bộ máy nhà nước là chưa đủ. Nhà nước trong hệ thống đa đảng cạnh tranh bầu cử vẫn có thể là nhà nước chuyên chế, đi ngược lại quyền tự do, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân.

Mặt khác, sự phân quyền và hiện diện của nhiều đảng chính trị trong bộ máy nhà nước cũng đồng nghĩa với việc thực thi quyền lực nhà nước bị phân tán và chia rẽ giữa các đảng, có thể dẫn tới bế tắc trong quá trình ra quyết định. Hệ quả của tình trạng này cũng khó khả quy trách nhiệm. Trên thực tế, sự bế tắc về mặt chính sách thời kỳ Tổng thống Obama của Mỹ do Đảng Cộng hòa chiếm đa số ghế ở Hạ viện không thông qua, đã dẫn tới tình trạng chính phủ liên bang phải đóng cửa một thời gian, gây tổn thất nhất định cho đất nước. Điều đáng nói là nước Mỹ không xác định được trách nhiệm thuộc về ai khi quả bóng trách nhiệm được "đá đi đá lại" giữa Đảng Dân chủ cầm quyền và Đảng Cộng hòa nắm đa số ghế ở Hạ viện. Có thể nói, việc phân quyền luôn đi cùng với tính chịu trách nhiệm không cao của các chủ thể trong thực thi quyền lực.

Mặt khác, do sự cạnh tranh, mục tiêu chính trị của đảng cầm quyền được thực hiện với sự thiếu vắng nguồn lực từ sự ủng hộ, hợp tác của các đảng đối lập và sự tham gia, ủng hộ của những bộ phận nhất định trong xã hội. Thay vì cạnh tranh có tính xây dựng, trên tinh thần hợp tác, các đảng chính trị và lực lượng ủng họ thường hành xử theo hướng ngược lại vì lợi ích riêng của tổ chức mình. Sự cạnh tranh, đối lập giữa các đảng chính trị, các tổ chức và lực lượng trong xã hội

[1] Xem Lưu Văn Sùng: *Các loại hình thể chế chính trị đương đại*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2016, tr.54.

đôi khi quá mức, dẫn tới sự trì trệ, bế tắc trong hoạt động của bộ máy nhà nước, hoặc gây xung đột, bất ổn, thậm chí dẫn tới khủng hoảng trong hoạt động của hệ thống chính trị và xã hội như ở một số nước thời gia qua.

Sự cạnh tranh và thay nhau cầm quyền giữa các đảng chính trị theo nhiệm kỳ còn dẫn tới tình trạng tư duy nhiệm kỳ của các đảng cầm quyền và sự lãng phí nguồn lực lớn. Để tìm kiếm phiếu bầu của cử tri, các đảng cầm quyền thường lựa chọn thực thi các chính sách ngắn hạn đáp ứng yêu cầu của dân chúng thay cho việc theo đuổi và thực hiện các chính sách dài hạn vì lợi ích của quốc gia. Tương tự, các chính sách của đảng cầm quyền đã và đang triển khai ở nhiệm kỳ trước cũng có thể không được tiếp tục thực hiện do đảng thắng cử không có cùng cách tiếp cận chính sách và lợi ích. Điều này gây lãng phí và tổn thất lớn đối với quốc gia và nhân dân ở cả khía cạnh chi phí cơ hội và nguồn lực. Ở một khía cạnh khác, chính việc chạy theo và thỏa mãn lợi ích ngắn hạn của cử tri trong một số trường hợp cũng góp phần tạo nên xu hướng dân túy của một số nhà lãnh đạo chính trị cũng như chính sách của một số đảng chính trị trên thế giới trong thời gian qua.

Sự phát triển của xã hội hiện đại ngày nay đang đặt ra nhiều giới hạn và thách thức cho hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh. Sự phát triển đa dạng và chuyên môn hóa sâu trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội đã hình thành nên nhiều tầng lớp, lực lượng khác nhau với các mối quan hệ nhiều chiều và lợi ích đan xen phức tạp. Sự phân tán lợi ích và chia rẽ các tầng lớp trong xã hội khiến cho các đảng chính trị khó hình thành cương lĩnh chính trị, khó tạo lập được cơ sở chính trị đủ lớn để thu hút được đông đảo cử tri. Sự không tương thích giữa cơ sở chính trị trong xã hội và quyền lực mà các đảng nắm giữ trong bộ máy nhà nước phần nào làm suy giảm tính chính đáng chính trị của các đảng, nhất là đảng cầm quyền.

### 3. Tính tất yếu về vai trò của Đảng Cộng sản và hệ thống chính trị một Đảng Cộng sản cầm quyền

Khi khái quát quy luật phát triển của đời sống chính trị - xã hội trong dài hạn, C.Mác đã dự báo ở một chế độ xã hội khi không còn phân chia giai cấp, thì nhà nước sẽ tự "tiêu vong", tức là tiêu vong tính chính trị, thống trị giai cấp của quyền lực nhà nước. Lúc này, quyền lực nhà nước sẽ trở về đúng bản chất ban đầu của nó là quyền lực công, thực hiện chức năng công quản. Tuy nhiên, để đến được xã hội không còn giai cấp là cả một quá trình đấu tranh, phát triển lâu dài, đòi hỏi một xã hội có tổ chức và thực hiện các mục tiêu nhất định nhằm xây dựng, phát triển xã hội, tiến tới xóa bỏ các tiền đề nảy sinh giai cấp, giải phóng con người. Để thực hiện được mục tiêu trên, phải có sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính - Đảng Cộng sản, một đảng cách mạng tiền phong khác về chất với các đảng chính trị lúc bấy giờ. Đảng chính trị trong xã hội tư bản chỉ đại diện cho lợi ích của một giai cấp, lực lượng nhất định trong xã hội và trong xã hội có nhiều giai cấp, lực lượng, đương nhiên sẽ hình thành nhiều đảng chính trị để cạnh tranh theo đuổi các lợi ích này. Trong khi đó, Đảng Cộng sản là Đảng vừa đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân (lực lượng sản xuất tiên tiến nhất của xã hội) còn đại diện cho lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động, đại diện cho lợi ích chung của toàn xã hội. Những người cộng sản, Đảng Cộng sản vì vậy không theo đuổi lợi ích riêng của cá nhân, của tổ chức, không vì lợi ích của giai cấp mình đi tước đoạt lợi ích của các tầng lớp, giai cấp khác. Nói cách khác, Đảng Cộng sản không chỉ thấu hiểu về sự nô dịch con người vì lợi ích giai cấp mà còn phải tự giác, chủ động trên thực tế để vượt qua, đứng lên trên sự chi phối, tác động của lợi ích này, nỗ lực trong hành động để thực hiện mục tiêu chính trị xóa bỏ sự thống trị của giai cấp, giải phóng con người và xã hội. Tính đại diện lợi ích này cùng với tính tiền phong, gương mẫu, tiêu biểu về trí tuệ đã tạo nên "chất cộng sản" của

một Đảng Cộng sản. Với "chất cộng sản" của mình, Đảng Cộng sản có sứ mệnh lãnh đạo, cầm quyền mà không cần phải cạnh tranh hay chia sẻ quyền lực với bất kỳ đảng chính trị nào khác. Trên cơ sở này, hệ thống chính trị của các nước đi theo con đường chủ nghĩa xã hội, theo nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống chính trị nhất nguyên, một Đảng Cộng sản cầm quyền.

Hệ thống chính trị một Đảng Cộng sản cầm quyền là hệ thống nhất nguyên về mặt chính trị. Do không có sự cạnh tranh của các đảng chính trị khác nên Đảng Cộng sản có sự tập trung quyền lực mạnh, cầm quyền liên tục và tạo được sự thống nhất trong tổ chức thực hiện. Từ đó, tập trung nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu ưu tiên, cho các chính sách dài hạn với quy mô lớn, từ đó có thể tạo nên những thay đổi căn bản, sâu, rộng trên các mặt, lĩnh vực của quốc gia, tạo sự lan tỏa, hiệu ứng của các kết quả đạt được trong đời sống và nhân dân. Mặt khác, nếu được thiết kế và tổ chức tốt, hoạt động của hệ thống chính trị sẽ thông suốt và không bị gây ách tắc hay cản trở bởi lực lượng đối lập nào, hạn chế được sự lãng phí và tổn thất về chi phí cơ hội, thời gian, nguồn lực thường xảy ra trong các hệ thống đa đảng cạnh tranh. Hơn nữa, tính nhất nguyên và thống nhất của hệ thống chính trị giúp cho đảng cầm quyền có thể dễ dàng huy động được sự đồng thuận, nguồn lực và sức mạnh của cả hệ thống và xã hội để thực hiện mục tiêu chính sách mang lại lợi ích cho nhân dân, cộng đồng và đất nước.

Việc ra quyết định nhanh, kịp thời, quyết đoán trong hoạt động của hệ thống chính trị một đảng cầm quyền là một thế mạnh vô cùng lớn so với hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh quyền lực. Đi cùng với quyền lực lớn thì tính chịu trách nhiệm của đảng cầm quyền cũng cao hơn. Vì suy đến cùng, việc thành công hay thất bại của các chính sách và từ đó sự trì trệ, khủng hoảng hay sự ổn định, phát triển của quốc gia đều là trách nhiệm của chỉ đảng cầm quyền, không có đảng

chính trị hay một chủ thể chính trị nào khác để đổ lỗi và trốn tránh trách nhiệm.

Tuy nhiên, cần nhận rõ một số vấn đề đặt ra. Đó là việc tập trung quyền lực mạnh cũng dễ dẫn tới độc tài, chuyên chế khi các đảng viên và tổ chức đảng không còn duy trì được "chất cộng sản", khi kỷ luật, kỷ cương và các nguyên tắc hoạt động của Đảng không được đảm bảo và có hiệu lực trên thực tế. Nếu trong tổ chức và hoạt động của hệ thống thiếu sự phản hồi, kiểm tra, giám sát, không thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, sẽ dẫn tới duy ý, sai lầm, không phản ánh đúng thực tế khách quan.

Vì vậy, với tư cách là một Đảng Cộng sản cầm quyền, Đảng phải duy trì và đảm bảo tính đại diện lợi ích, trong sạch, vững mạnh, duy trì được "chất cộng sản", thực thi quyền lực vì lợi ích chung, lợi ích của nhân dân mà Đảng đại diện. Đây là điều kiện tiên quyết của một đảng cách mạng, chân chính phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ, là cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc cho sự cầm quyền của Đảng Cộng sản mà không cần phải cạnh tranh với bất kỳ đảng chính trị nào khác. Hệ thống chính trị một Đảng Cộng sản cầm quyền cần được thiết kế tổ chức và hoạt động đảm bảo tính hợp lý, khoa học trong thực thi quyền lực nhà nước; quá trình ra quyết định vừa đảm bảo tính hợp lý, khoa học, vừa đảm bảo tính dân chủ - đại diện đúng lợi ích của các tầng lớp nhân dân; hoàn thiện cơ chế giám sát, phản biện, kiểm soát quyền lực để phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả các quyết định sai lầm, lạm dụng quyền lực, đi ngược lại mục tiêu chung của hệ thống.

**4. Một số vấn đề cần chú ý**

Hệ thống chính trị Việt Nam được xây dựng trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, do Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền và lãnh đạo, thực hiện nhất nguyên chính trị và không cạnh tranh quyền

lực. Những thành công của Việt Nam trong đổi mới và phát triển đất nước đã khẳng định và minh chứng cho sự đúng đắn về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, chúng tôi xin đề xuất một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, cần tiếp tục thực hiện xây dựng, chỉnh đốn Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh bằng thể chế và quy định. Trước tình trạng tham nhũng, suy thoái đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhất quán và xuyên suốt trong thực hiện xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Xây dựng Đảng được xác định là "then chốt" và ngày càng được tăng cường, đi sâu vào các vấn đề cốt lõi như phẩm chất đạo đức, tính tiền phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trách nhiệm nêu gương, "chức vụ càng cao, càng phải gương mẫu"[1]; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng không có vùng cấm, không có ngoại lệ, thực hiện kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ. Cần đẩy mạnh việc thể chế hóa, pháp luật hóa để thiết lập một cơ chế kiểm soát quyền lực ổn định, có hiệu quả của cả hệ thống chính trị. Đối với kiểm soát quyền lực trong Đảng, cần thiết lập cơ chế báo cáo, chất vấn và giải trình trách nhiệm của lãnh đạo Đảng, các ban, các tổ chức đảng, các quy định, quy trình, thủ tục bãi miễn các vị trí lãnh đạo Đảng khi cần thiết. Ngoài ra, cần cụ thể hóa và thực hiện chủ trương "Đảng dựa vào dân để kiểm soát Đảng", vừa có sự bổ sung, hỗ trợ cho sự kiểm soát của Đảng, vừa tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

*Thứ hai*, tăng cường tính khoa học, khách quan trong lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Cấu trúc, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã có sự phân định rõ hơn chức năng của Đảng và Nhà nước, từ phạm vi và nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng; cần tiếp tục làm rõ mối quan hệ giữa Đảng và nhà nước từ giác độ các cấp độ quyền lực

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.183.

của hệ thống. Khi đó các nội dung về lãnh đạo và cầm quyền trong hoạt động của Đảng, mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước cũng như phương thức lãnh đạo của Đảng sẽ dễ dàng được phân định từ các cấp độ này.

Trong thời gian qua, quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội cũng đã được xác định rõ ràng và hợp lý hơn, phát huy tính chủ động, thực chất hơn trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện có hiệu quả kênh phản hồi hệ thống, chức năng giám sát và phản biện xã hội thì cần phải tính toán để đảm bảo tính độc lập tương đối về mặt tổ chức và nguồn lực cho hoạt động của Mặt trận Tổ quốc.

*Thứ ba*, cần tiếp tục mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội. Để mở rộng dân chủ trong Đảng, cần hình thành các quy định về công khai, minh bạch thông tin, hoạt động của Đảng và đảng viên nắm giữ các vị trí quan trọng, cụ thể hóa quyền bảo lưu của thiểu số trên thực tế để hạn chế khả năng hình thành đa số chuyên chế. Mở rộng dân chủ trong xã hội phải thiết thực và phù hợp với điều kiện thực tiễn cụ thể. Tránh dân chủ hình thức, dễ dẫn tới khả năng bị thao túng, lợi dụng để hợp thức hóa lợi ích riêng, đồng thời làm giảm uy tín của Đảng, Nhà nước. Việc mở rộng dân chủ hướng tới mục tiêu tăng cường, huy động sự tham gia của các tầng lớp nhân dân vào các quá trình chính trị, phản ánh các góc nhìn, nhu cầu, lợi ích khác nhau trong xã hội, từ đó góp phần cải thiện chất lượng của các quyết định, chính sách của Đảng, Nhà nước.

# PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI CỦA MỘT SỐ NƯỚC PHƯƠNG TÂY VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM*

*Nguyễn Trọng Bình, Nguyễn Thị Ngọc Anh***

***Tóm tắt:*** Quyền con người thường được hiểu là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế[1]. Nội hàm của quyền con người rất rộng, không ngừng được bổ sung và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Trên thế giới không có quyền con người trừu tượng, chỉ có quyền con người cụ thể. Tuy nhiên, mỗi giai cấp và xã hội khác nhau có sự lý giải khác nhau đối với quyền con người. Nhìn đại thể, luận điệu sai trái của nhiều nước phương Tây về quyền con người ở Việt Nam thường biểu hiện ở các nội dung sau đây cần được nhận diện và đấu tranh phản bác.

***Từ khóa:*** *Quyền con người; quan điểm sai trái; phương Tây*

**Sai lầm của luận thuyết "nhân quyền cao hơn chủ quyền"**

Lâu nay, các nước phương Tây thường rêu rao cái gọi là "nhân quyền cao hơn chủ quyền", "quyền lực nhà nước ở một quốc gia không được đàn áp nhân quyền". Về thực chất, quan điểm này đã đối lập quyền con người với chủ quyền. Họ lập luận một cách phi lý rằng, vấn đề quyền con người không thuộc công việc nội bộ của một nước. Thậm chí, họ còn quy chụp rằng "việc Việt Nam nhấn mạnh chủ

---

* Tác phẩm đạt Giải A

** Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

[1] Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (Chủ biên): *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb.Đại học Quốc gia Hà Nội, H.2011, tr.37.

quyền quốc gia cao hơn tất cả, trên thực tế là lấy danh nghĩa duy trì chủ quyền quốc gia để duy trì quyền lực thống trị của Đảng Cộng sản Việt Nam" (!?). Họ còn rêu rao rằng, tuyệt đối hóa tầm quan trọng của chủ quyền quốc gia là sai lầm (!?) và ngụy biện rằng báo cáo về an ninh con người của một số tổ chức quốc tế, như Báo cáo phát triển con người của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) cũng nhấn mạnh bảo đảm an ninh cá nhân, mà coi nhẹ, không đề cập an ninh quốc gia[1].

Có thể nói, quan điểm "nhân quyền cao hơn chủ quyền" là hoàn toàn sai trái. Như chúng ta đã biết, quyền con người không bao giờ tách khỏi điều kiện, trình độ phát triển và chủ quyền của từng quốc gia - dân tộc. Quan điểm "nhân quyền cao hơn chủ quyền" thực chất chỉ là "bình phong" che đậy cho các âm mưu mà các nước phương Tây lợi dụng để can thiệp vào công việc nội bộ, chủ quyền của nước khác. Để nhận diện và bóc trần âm mưu, thủ đoạn này, cần nhận thức đúng đắn mấy vấn đề sau đây:

*Thứ nhất*, tôn trọng chủ quyền của các quốc gia là một tiêu chuẩn đã được cộng đồng quốc tế công nhận, cũng là cơ sở và tiền đề để thực hiện quyền con người. Nghị quyết 2625 (XXV) của Đại hội đồng Liên hợp quốc, ngày 24-10-1970, đã đưa ra Tuyên bố về những nguyên tắc của Luật Quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc, trong đó khẳng định các nguyên tắc, như nguyên tắc chủ quyền quốc gia, nguyên tắc bình đẳng chủ quyền của các quốc gia, nguyên tắc không can thiệp vào các vấn đề thuộc thẩm quyền của các quốc gia khác...[2].

---

[1] UNDP: *Human Development Report 1994* (tạm dịch: Báo cáo Phát triển con người 1994), Oxford University Press, New York, 1994.

[2] Thư viện pháp luật: *Tuyên bố về những nguyên tắc của Luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc*, ngày 24-10-1970, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Tuyen-bo-nguyen-tac-cua-Luat-Quoc-te-dieu-chinh-quan-he-huu-nghi-hop-tac-giua-cac-quoc-gia-phu-hop-voi-Hien-chuong-lien-hop-quoc-1970-65775.aspx.

Vì vậy, nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia được áp dụng trong tất cả các lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm lĩnh vực quyền con người. Không có chủ quyền quốc gia, cũng như không có luật pháp quốc tế, thì không thể nói đến bảo đảm quyền con người. Quan điểm cho rằng, "nhân quyền cao hơn chủ quyền" trực tiếp vi phạm tôn chỉ và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc.

*Thứ hai*, việc thực hiện quyền con người cần phải dựa vào chủ quyền, do các nước thông qua pháp luật, biện pháp và cơ chế của nhà nước ở từng quốc gia - dân tộc để thực hiện. Các điều ước quốc tế về quyền con người đã quy định quyền con người về dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Để thực hiện tốt các quyền này, cần phải thông qua pháp luật quốc gia và cơ chế bảo đảm của pháp luật quốc gia.

*Thứ ba*, quyền con người không thể tách rời chủ quyền quốc gia. Quyền con người của cá nhân và chủ quyền quốc gia có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không có chủ quyền thì không thể nói đến quyền con người, mất đi chủ quyền cũng có nghĩa là mất đi sự bảo đảm đối với quyền con người.

*Thứ tư*, quyền con người mang tính quốc tế, nhưng về bản chất là vấn đề thuộc công việc nội bộ của một quốc gia. Vì vậy, các nước có quyền căn cứ vào tình hình cụ thể của nước mình để bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

*Thứ năm*, so với chủ quyền quốc gia, quyền con người nằm ở vị trí phụ thuộc. Như chúng ta đã thấy, trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, chủ quyền quốc gia nằm ở vị trí ưu tiên. Bởi vì, quyền con người của cá nhân chịu sự quy định, chi phối và chế ước của pháp luật quốc gia. Đối với các điều ước quốc tế không phù hợp với chế độ chính trị, cũng như không phù hợp với trình độ phát triển về kinh tế - xã hội, chính phủ các nước có quyền từ chối tham gia hoặc bảo lưu nhằm tránh việc đảm nhận nghĩa vụ điều ước có thể gây tổn hại đến chủ quyền quốc gia. Hiện nay, có khoảng hơn 28 điều ước

quốc tế về quyền con người, nhưng Mỹ mới chỉ phê chuẩn 4 điều ước. Đặc biệt, nước này vẫn chưa phê chuẩn một số điều ước cốt lõi về quyền con người, trong đó có Công ước lao động cưỡng bức năm 1930. Lý do được Mỹ đưa ra là Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị xung đột với pháp luật của nước này, và bởi "chủ quyền quốc gia của nước Mỹ cao hơn tất cả". Điều này cho thấy, so với chủ quyền quốc gia, quyền con người chỉ ở vị trí phụ thuộc.

*Thứ sáu*, các quốc gia bất kể lớn hay nhỏ, giàu hay nghèo đều có quyền tự chủ trong việc lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của mình, các quốc gia khác không có quyền can thiệp. Hơn nữa, các quốc gia do sự khác nhau về điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và sự khác biệt về điều kiện lịch sử nên phương thức bảo đảm quyền con người có thể khác nhau.

*Thứ bảy*, việc các nước phương Tây rêu rao rằng "nhân quyền cao hơn chủ quyền" thực chất xuất phát từ nhu cầu can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác cũng như thúc đẩy chính trị cường quyền mà thôi. Trên thực tế, nhân danh "dân chủ nhân quyền", trong những thập niên qua, Mỹ và một số quốc gia đã sử dụng vũ lực can thiệp vào công việc nội bộ, thay đổi chế độ chính trị ở một số nước. Tuy nhiên, thực tế ở các nước sau khi Mỹ "can dự" cho thấy, cái mang lại cho những quốc gia này không hề là "dân chủ nhân quyền", mà là sự xung đột và hỗn loạn. Chính vì thế, quan điểm "nhân quyền cao hơn chủ quyền" không hề có giá trị đối với việc thúc đẩy quyền con người, mà trái lại, khiến khả năng xâm hại quyền con người một cách nghiêm trọng hơn.

**Cái gọi là "quyền con người không có biên giới quốc gia" - một cách che giấu mưu đồ quốc tế hóa các vấn đề nhân quyền, mở đường can thiệp vào công việc nội bộ, chủ quyền quốc gia**

Một số nước phương Tây tuyệt đối hóa tính phổ biến, phổ quát của quyền con người, phủ định hoặc cố tình "lờ đi" tính đặc thù của

quyền con người, ra sức cổ vũ cho cái gọi là "quyền con người không có biên giới quốc gia", "nhân quyền phổ biến chỉ có một, bất kỳ quốc gia nào cũng đều cần phải tuân thủ tiêu chuẩn thống nhất về quyền con người". Không chỉ dừng lại ở việc nêu lên quan điểm, một số nước phương Tây còn dựa trên "tiêu chuẩn" chủ quan của mình để kêu gọi việc thiết lập cơ chế cần thiết nhằm đánh giá việc thực hiện quyền con người của nước khác. Chẳng hạn, Quốc hội Mỹ đã ra nghị quyết yêu cầu Chính phủ Mỹ hằng năm phải đệ trình báo cáo tình hình nhân quyền của các nước trên thế giới. Trước tiên, cần khẳng định rằng, quyền con người là một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế hiện nay. Tuy nhiên, dù vấn đề quyền con người có tính phổ biến, có điểm chung ở mức độ nhất định, nhưng không thể coi nhẹ hoặc phủ nhận tính đặc thù của nó. Mặt khác, cơ chế hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quyền con người cũng không được vượt qua chủ quyền quốc gia. Quan điểm "quyền con người không có biên giới quốc gia" là phi lý, cần phải đấu tranh, bác bỏ, sở dĩ như vậy là vì:

*Một là*, các nước phương Tây đưa ra tiêu chuẩn phổ biến về quyền con người là không hiện thực, thậm chí là lừa bịp. Sự phát triển và cải thiện về quyền con người luôn tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể ở từng quốc gia - dân tộc. Do sự khác nhau về điều kiện của từng quốc gia nên không thể có tiêu chuẩn thống nhất về quyền con người mà các quốc gia cần phải tuân thủ. Cho đến nay vẫn chưa có tiêu chuẩn về quyền con người được quốc tế công nhận. Ngay kể cả đối với khái niệm hoặc định nghĩa về quyền con người, giới nghiên cứu pháp luật nói chung, pháp luật quốc tế nói riêng cũng chưa đưa ra được một định nghĩa thống nhất.

*Hai là*, nguyên tắc tính phổ biến của quyền con người cần được quy chiếu với điều kiện cụ thể và thực tiễn của từng nước nhằm bảo đảm kết hợp hài hòa giữa tính phổ biến và tính đặc thù. Những quan điểm và nội dung cốt lõi về quyền con người mà cộng đồng

quốc tế thừa nhận và có sự đồng thuận là điều chúng ta cần tôn trọng, nhất là khi điều này có ý nghĩa tích cực đối với việc phát triển con người. Chúng ta không phủ nhận giá trị phổ biến về quyền con người, nhưng điều kiện, tình hình của từng nước rất khác nhau, việc thực hiện quyền con người không thể tránh khỏi sự chế ước của điều kiện kinh tế - xã hội. Việc nhìn nhận thực trạng quyền con người của một quốc gia cần phải theo quan điểm lịch sử - cụ thể và quan điểm phát triển, không được coi nhẹ đặc điểm khác nhau giữa các quốc gia, không lấy tiêu chuẩn và giá trị của nước mình áp đặt cho nước khác. Trên thực tế, Việt Nam đã kết hợp tốt nguyên tắc tính phổ biến và tính đặc thù về vấn đề quyền con người. Điều này thể hiện rõ nét ở việc Việt Nam tham gia hầu hết các điều ước quốc tế về quyền con người.

*Ba là*, quyền con người bị giới hạn bởi chủ quyền quốc gia và pháp luật quốc gia. Một số hành vi ảnh hưởng đến hòa bình của thế giới và không có lợi cho việc bảo đảm quyền con người, như khủng bố quốc tế, xâm lược vũ trang, đe dọa môi trường sinh thái,... cần phải bị lên án và đấu tranh, cộng đồng quốc tế cần sử dụng biện pháp tích cực để ngăn chặn. Tuy nhiên về bản chất, quyền con người là một vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia, cần phải được bảo đảm bởi pháp luật quốc gia. Do vậy, chỉ khi thông qua pháp luật và nghĩa vụ quốc gia thì các điều ước quốc tế về quyền con người mới có thể thực hiện hiệu quả.

*Bốn là*, cơ chế bảo vệ của quốc tế về quyền con người được thực hiện với điều kiện và phạm vi nhất định. Một số nước phương Tây nỗ lực đưa vấn đề quyền con người vào các cơ chế của quan hệ quốc tế, hơn nữa đưa ra luận điệu "không can thiệp vào nội bộ là không thích hợp với vấn đề quyền con người",... chính là biểu hiện điển hình của chính trị cường quyền. Hiến chương Liên hợp quốc chỉ đưa ra những nguyên tắc thông thường nhằm thúc đẩy chính phủ các nước không ngừng cải thiện quyền con người, mà không đưa ra nghĩa vụ mang

tính chế ước đối với các nước thành viên; đồng thời, quy định rõ nếu chưa được sự trao quyền của Liên hợp quốc thì bất cứ quốc gia thành viên nào cũng không được nhân danh quyền con người để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác. Điều đó cho thấy, việc một số nước phương Tây tự ý đưa ra tiêu chuẩn nhân quyền, rồi mưu toan sử dụng sức ép quốc tế để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác là không thể chấp nhận được.

*Năm là*, hợp tác quốc tế về quyền con người chỉ được thực hiện dựa trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của các nước, không can thiệp vào công việc nội bộ cũng như thông qua cơ chế đối thoại. Phát triển và thúc đẩy quyền con người một cách đầy đủ là mong muốn của cộng đồng quốc tế hiện nay. Việc hợp tác và đối thoại giữa các quốc gia để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người là một yêu cầu cần thiết và khách quan. Việt Nam ủng hộ việc tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quyền con người trên cơ sở đối thoại bình đẳng, xây dựng, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, vì mục tiêu chung là thúc đẩy và bảo vệ ngày càng tốt hơn các quyền con người.

*Sáu là*, chỉ khi kết hợp đồng thời giữa thúc đẩy quyền con người với duy trì hòa bình trên thế giới gắn với phát triển kinh tế - xã hội mới có thể đạt được tiến bộ thực chất trên lĩnh vực quyền con người. Không có môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, không có một trật tự kinh tế quốc tế hợp lý, công bằng thì không thể thực hiện được quyền con người phổ biến.

*Bảy là*, sự khác nhau giữa lời nói và việc làm trên lĩnh vực quyền con người của Mỹ. Mỹ tự cho mình quyền đánh giá, chỉ trích mức độ bảo đảm quyền con người của các nước khác, song chính nội bộ nước Mỹ lại tồn tại những vấn đề nghiêm trọng về quyền con người. Đơn cử như, năm 2021, ở Mỹ đã xảy ra 693 vụ xả súng (tăng 10,1% so với năm 2020), khiến hơn 44.000 người thiệt mạng. Cũng trong năm

2021, 9 tiểu bang của Mỹ đã đề xuất hơn 420 dự luật nhằm hạn chế việc bỏ phiếu của cử tri; chỉ 7% thanh niên Mỹ tin rằng hệ thống dân chủ Mỹ vẫn "lành mạnh". Tại biên giới phía Nam, Mỹ đã giam giữ hơn 1,7 triệu người nhập cư, trong đó có 45.000 trẻ em[1]. Một mặt, Mỹ nhấn mạnh tính phổ biến của quyền con người; mặt khác, Mỹ lại từ chối ký kết và tham gia nhiều điều ước quốc tế về quyền con người, như Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật...

*Tám là,* việc các nước phương Tây nhấn mạnh cái gọi là "quyền con người không có biên giới quốc gia" thực chất là nhằm phục vụ lợi ích kinh tế, chính trị của các nước phương Tây. Quan điểm này không có giá trị gì cho việc thúc đẩy quyền con người ở trên thế giới, cần kiên quyết đấu tranh, bác bỏ.

**Tính phi lý của quan điểm "quyền chính trị là quyền con người quan trọng nhất, duy nhất", nhưng lại coi nhẹ quyền sống và quyền phát triển của con người**

Người dân trên thế giới hiện nay, nhất là người dân ở các nước đang phát triển đều có khát vọng, mong muốn về kinh tế phồn vinh, xã hội tiến bộ cũng như chất lượng sống không ngừng được nâng lên. Vì thế, có thể cho rằng, ở nhiều quốc gia, quyền sống và quyền phát triển trở nên bức thiết và quan trọng hơn bao giờ hết. Trong thời kỳ đấu tranh nhằm lật đổ chế độ phong kiến, quyền sống và quyền phát triển là một vũ khí được giai cấp tư sản nhấn mạnh. Tuy nhiên, khi giai cấp tư sản giành được quyền lực nhà nước thì họ lại "vứt bỏ" những quyền

---

[1] China Daily website: *The Report on Human Rights Violations in the United States in 2021*" (tạm dịch: *Báo cáo về vi phạm nhân quyền ở Mỹ năm 2021*), ngày 03-01-2022. https://global.chinadaily.com.cn/a/202203/01/WS621d8922a310cdd39bc8984b.html

này, đặt quyền sống và phát triển của nhân dân lao động sang một bên, thay vào đó nhấn mạnh một cách phiến diện các quyền chính trị. Thật là phi lý khi lập luận rằng, chỉ khi ưu tiên cho dân chủ và nhân quyền, kinh tế và xã hội mới có thể phát triển; sự phát triển về kinh tế và xã hội phải trên cơ sở thúc đẩy sự tiến bộ và phát triển của dân chủ và nhân quyền. Với nhận thức này, một số nước phương Tây nhấn mạnh việc thực hiện dân chủ, nhân quyền ở các nước trên thế giới, cũng như dưới chiêu bài "dân chủ, nhân quyền" để can thiệp vào công việc nội bộ của một số nước. Trên thực tế, việc nhấn mạnh quyền chính trị mà coi nhẹ các quyền khác của con người, nhất là quyền sống và quyền phát triển là không có cơ sở. Về vấn đề này, cần nhận thức đúng đắn và khẳng định các vấn đề sau:

Cần phải kiên trì tính không thể tách rời và tính lệ thuộc lẫn nhau của quyền con người. Các quyền dân sự, chính trị; quyền kinh tế, văn hóa và xã hội lệ thuộc lẫn nhau, bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau. Theo quan điểm của Liên hợp quốc, tất cả quyền con người và tự do cơ bản đều không thể tách rời, mà có sự lệ thuộc lẫn nhau. Việc thực thi, bảo vệ, tăng cường đối với quyền công dân và các quyền chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cần được coi là bức thiết như nhau và cần được chú ý như nhau. Vì vậy, việc các nước phương Tây tuyệt đối hóa quyền chính trị, nhưng lại coi nhẹ các quyền khác của con người là thiếu khách quan, không đúng bản chất quyền con người.

Quyền sống và quyền phát triển là quyền con người cơ bản nhất. Quyền độc lập của một quốc gia, quyền sống, quyền phát triển của công dân là các quyền con người cơ bản nhất. Không có quyền sống, các quyền khác của con người đều trở nên vô nghĩa; quốc gia không độc lập, quyền sống của người dân khó được bảo đảm; kinh tế, văn hóa, xã hội không phát triển, đời sống của người dân khó có thể được nâng cao. Vì thế, quyền độc lập, quyền sống và quyền phát triển là những quyền con người cần được ưu tiên. Đối với các nước đang phát triển, quyền sống và quyền phát triển có ý nghĩa rất quan trọng, cần

phải được ưu tiên hơn so với một số quyền khác. Nhiệm vụ bức thiết mà các nước đang phát triển cần quan tâm, giải quyết đó chính là những vấn đề cơ bản, thiết yếu, như ăn, ở, mặc, đi lại, việc làm, giáo dục, sức khỏe, cải thiện và nâng cao chất lượng sống của người dân. Quyền chính trị dù rất quan trọng, nhưng các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội được bảo đảm thì mới có điều kiện thực hiện quyền chính trị. Nếu quyền kinh tế, văn hóa, xã hội không được bảo đảm thì việc thực hiện quyền chính trị trở nên khó khăn.

Nhấn mạnh quyền sống và quyền phát triển không có nghĩa là coi nhẹ hay phủ nhận các quyền chính trị. Các nước phương Tây luôn rêu rao rằng, "quyền chính trị là quyền con người quan trọng nhất, thậm chí là quyền con người duy nhất". Đây là quan điểm phiến diện, không phù hợp với thực tế. Cho dù quyền tự do, dân chủ về chính trị là một trong những quyền con người quan trọng, có vai trò không thể thiếu đối với việc thực hiện quyền sống và quyền phát triển, nhưng không phải là quyền con người duy nhất.

Việc thực hiện quyền con người là một quá trình tiệm tiến, chịu sự chế ước bởi những điều kiện về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, vừa không thể yêu cầu quá cao, nằm ngoài các điều kiện hiện thực, vừa không được bằng lòng với hiện thực, lạc hậu so với nhu cầu hiện thực của sự phát triển xã hội. Các phương diện có thể làm được, Đảng và Nhà nước ta đã đáp ứng tốt nhu cầu chính đáng, hợp pháp của người dân. Không chỉ bảo đảm các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội, mà các quyền dân sự, chính trị rất được coi trọng thúc đẩy với tính đồng bộ, toàn diện, nhất là không ngừng bảo đảm tốt hơn quyền tự do, dân chủ của người dân.

**Nhận thức sai lầm khi tuyệt đối hóa quyền con người của cá nhân, đặt quyền con người của cá nhân lên trên quyền con người của tập thể**

Lấy "chủ nghĩa cá nhân" làm ý thức hệ cơ bản, giai cấp tư sản cho

rằng, quyền con người là quyền tự nhiên, tuyệt đối, vốn có của cá nhân; quyền của cá nhân là cái tự nhiên, bất khả nhượng. Họ chủ trương đặt lên hàng đầu việc bảo vệ quyền con người của cá nhân khi cho rằng "trong xã hội tự do của toàn thế giới, tất cả nhân dân đều có quyền thể hiện quan điểm chính trị cá nhân". Cả lý luận và thực tiễn đều bác bỏ việc tuyệt đối hóa quyền con người của cá nhân, chỉ ra việc đặt quyền cá nhân lên trên quyền của tập thể, của cộng đồng, của quốc gia - dân tộc là sai lầm, bởi vì:

*Thứ nhất*, nhấn mạnh quyền con người của cá nhân theo quan điểm của giai cấp tư sản là quyền con người của số ít người. Quyền con người "lấy cá nhân làm trung tâm" là sản phẩm của chế độ sở hữu tư bản tư nhân về tư liệu sản xuất, liên quan mật thiết với chế độ kinh tế, chính trị của chủ nghĩa tư bản. Nó nhấn mạnh giá trị cá nhân, quyền cá nhân và đặt lên hàng đầu lợi ích cá nhân. Quyền con người của giai cấp tư sản chính là đặc quyền của thiểu số. Trên thực tế, ở trong nước, quyền con người của giai cấp tư sản chính là sự tước đoạt đối với quyền con người của đại đa số; còn trong quan hệ quốc tế, đó là sự can thiệp một cách vô căn cứ vào chủ quyền, công việc nội bộ của nước khác.

*Thứ hai*, bảo vệ quyền con người của đại đa số người là ưu tiên số một của quyền con người trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Quyền con người ở Việt Nam bao gồm các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Bảo đảm để nhân dân Việt Nam thụ hưởng rộng rãi, đầy đủ và toàn diện các quyền này là mục tiêu cơ bản về vấn đề quyền con người. Ở Việt Nam, chủ thể thụ hưởng quyền con người không phải là thiểu số, cũng không phải là một bộ phận người thuộc giai cấp hay tầng lớp nào đó, mà là toàn thể nhân dân Việt Nam. Điều này thể hiện tính công bằng của quyền con người ở Việt Nam, cũng là điểm cơ bản thể hiện sự khác biệt quyền con người ở Việt Nam với quyền con người ở các nền dân chủ đa nguyên phương Tây.

*Thứ ba*, chúng ta nhấn mạnh phát triển quyền con người của tập thể, quyền cá nhân không được "đứng lên trên" quyền và lợi ích của tập thể, của cộng đồng xã hội. Quyền cá nhân và quyền tập thể có mối quan hệ với nhau, không thể tách rời, không có quyền con người của cá nhân thì không có quyền con người của tập thể, quyền tập thể hay quyền con người của tập thể lại là cơ sở của tất cả quyền con người của cá nhân, là điều kiện tiên quyết để cá nhân thụ hưởng tất cả các quyền và tự do. Đúng như quan niệm cho rằng "nước mất thì nhà tan". Chúng ta vừa cần phải bảo vệ, tôn trọng quyền và tự do cá nhân, vừa phải tôn trọng quyền của người khác, cũng như tôn trọng, bảo vệ lợi ích của quốc gia, xã hội và tập thể. Không thể lấy danh nghĩa bảo vệ quyền con người của thiểu số mà xâm hại đến quyền con người của đại đa số người, thậm chí gây tổn hại đến lợi ích quốc gia; nhấn mạnh quyền con người của tập thể chính là để bảo vệ nhiều hơn quyền con người của cá nhân.

*Thứ tư*, nhấn mạnh sự thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ là một nguyên tắc cơ bản của quyền con người ở Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ không thể tách rời. Điều 15, Hiến pháp Việt Nam năm 2013 chỉ rõ: "1. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. 2. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác. 3. Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội. 4. Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác"[1]. Bất kỳ quyền và tự do nào cũng là tương đối, trên thế giới không có quyền và tự do tuyệt đối mà không chịu sự hạn chế hay chỉ có quyền mà không có nghĩa vụ.

*Thứ năm*, việc Nhà nước Việt Nam truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với một số đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật không phải là

[1] *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2014, tr.15.

"vi phạm nhân quyền" như một số nước phương Tây quy chụp. Đây là sự thực thi quyền năng của Nhà nước nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời bảo đảm hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người dân.

**Che giấu bản chất, đánh tráo khái niệm khi cho rằng "quyền con người là phi giai cấp", "quyền con người không gắn liền với pháp luật và pháp quyền"**

Quyền con người là sản phẩm của giai cấp xã hội, có mối quan hệ chặt chẽ với chế độ nhà nước và pháp luật. Thế nhưng, nhiều nước phương Tây công khai can thiệp vào hoạt động tư pháp của một số nước, lập luận hàm hồ rằng "quyền con người là phi giai cấp, quyền con người không gắn liền với pháp luật và pháp chế". Cũng từ cách lập luận hàm hồ này, một số nước phương Tây chỉ trích vô căn cứ việc Việt Nam xử lý một số đối tượng vi phạm pháp luật, gây tổn hại đến lợi ích của Nhà nước và tập thể. Họ lập luận rằng, hành vi của họ không phải là can thiệp vào hoạt động tư pháp, mà là để duy trì quyền con người. Thế nhưng cần thấy rằng, trong chế độ xã hội và giai cấp khác nhau, việc thụ hưởng quyền con người cũng khác nhau. Bất luận nhà nước nào cũng đều có quy định pháp luật để xử lý những hành vi vi phạm pháp luật. Xét từ bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, pháp luật Việt Nam xử lý các hành vi vi phạm pháp luật là nhằm bảo vệ quyền tự do dân chủ và lợi ích của đa số, vì quyền con người chính đáng, hợp pháp, bảo đảm môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước (an ninh, trật tự an toàn xã hội, ổn định chính trị - xã hội...). Vì thế, quan điểm phủ nhận tính giai cấp của quyền con người cũng như việc "cổ xúy" cho nhân quyền nằm trên pháp luật là thiếu căn cứ vì những lý do sau:

Quyền con người có tính giai cấp. Trong xã hội có giai cấp, con người có tính giai cấp, nội dung của quyền con người, pháp luật về quyền con người, đạo đức về quyền con người, quyền và tự do cơ

bản của con người đều có tính giai cấp. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, về vấn đề quyền con người, thành viên thuộc các giai cấp khác nhau dù có điểm chung nhất định, nhưng do địa vị chính trị, kinh tế và xã hội khác nhau nên mức độ thụ hưởng quyền và yêu cầu đối với quyền con người cũng khác nhau. Trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, quyền con người cũng có tính giai cấp, nhưng tính giai cấp và tính nhân dân là thống nhất, bởi vì lợi ích cơ bản là thống nhất, đều vì làm cho toàn thể nhân dân có được quyền dân chủ và tự do được thực hiện đầy đủ.

Quyền con người do pháp luật quy định và bảo đảm. Không một tổ chức hay cá nhân nào được tùy tiện đưa ra quy định về việc thực hiện quyền con người mà phải thông qua cơ chế pháp luật của một nhà nước có chủ quyền. Tách rời nhà nước và pháp luật quốc gia thì quyền con người chỉ nằm trên các tuyên bố chính trị mà không có tính khả thi, thậm chí là không tưởng. Nếu không có thể chế pháp luật, mỗi cá nhân thực hiện hành vi tùy tiện theo ý muốn của mình thì xã hội sẽ trở nên hỗn loạn. Vì thế, việc thụ hưởng quyền và tự do của cá nhân phải trên cơ sở pháp luật.

Quyền con người chịu sự chế ước và hạn chế bởi pháp luật. Quyền con người do pháp luật quy định, đồng thời thông qua pháp luật để bảo đảm quyền con người. Vì thế, quyền con người cần phải chịu sự chế ước bởi pháp luật. Khoản 2, Điều 19 trong Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người chỉ rõ, khi thực hiện các quyền và tự do của mình, mọi người chỉ chịu những hạn chế do luật định, nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm sự công nhận và tôn trọng thích đáng đối với các quyền và tự do của người khác cũng như đáp ứng những yêu cầu chính đáng về đạo đức, trật tự xã hội và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ. Điều này cho thấy, quyền con người không phải là tuyệt đối, quyền con người không thể thoát ly khỏi quy định pháp luật và nguyên tắc pháp quyền. Trên thế giới, không có quốc gia nào cho phép

công dân của nước mình có quyền tự do vô hạn mà không chịu sự hạn chế và điều chỉnh của pháp luật.

*Tóm lại,* hiện nay một số nước phương Tây vẫn đưa ra những quan điểm về quyền con người thiếu căn cứ cả về phương diện lý luận và thực tiễn, không phù hợp với các quy định của pháp luật quốc gia và quốc tế về quyền con người, trong đó có Hiến chương của Liên hợp quốc. Việc đấu tranh với các quan điểm sai trái này phải được thực hiện một cách đồng bộ trên nhiều mặt trận thông qua các phương thức đa dạng, như chính trị, tư tưởng, pháp lý,... gắn chặt giữa bảo đảm quyền con người với bảo vệ quyền con người.

# PHÊ PHÁN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ TỰ DO TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM*

***Nguyễn Phú Lợi***[**]

***Tóm tắt:*** Một trong những chiêu bài thường được các thế lực thù địch, phản động sử dụng là đăng tải, công bố các thông tin phiến diện, lệch lạc, thù địch, xuyên tạc về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam. Đấu tranh trên lĩnh vực này là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng, góp phần giúp cộng đồng trong nước và quốc tế nắm rõ, nhận thức đúng đắn về tình hình tự do tôn giáo và pháp luật về tôn giáo ở Việt Nam.

***Từ khóa:*** *Quan điểm sai trái, thù địch; Ủy ban Tự do tôn giáo; tự do tôn giáo; Việt Nam*

## Lật tẩy những nội dung, cách thức xuyên tạc về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam

Các quan điểm sai trái, thù địch, điển hình là những báo cáo phiến diện, lệch lạc, thiếu căn cứ khoa học lẫn pháp lý của Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ (USCIRF[1]), thường lặp đi lặp lại điệp khúc rằng: tình

---

* Tác phẩm đạt Giải B

** Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

[1] Từ khi được thành lập năm 1998, hằng năm USCIRF đều có báo cáo với một cái nhìn sai trái, thù địch, phiến diện, thiếu khách quan về tự do tôn giáo ở Việt Nam. Trong Báo cáo về tự do tôn giáo năm 2021, Ủy ban này hàm hồ đánh giá: "Mặc dù đã có những cải tiến đáng chú ý so với Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo trước đây, nhưng Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (có hiệu lực từ ngày 01-01-2018) vẫn còn hạn chế về bản chất"; "đi ngược lại với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế và vi phạm một cách có hệ thống tự do tín ngưỡng"(?!). Từ đó, họ kiến nghị Chính phủ Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách "những quốc gia cần quan tâm đặc biệt" (CPC), vì sự "vi phạm quyền tự do tôn giáo có hệ thống, trầm trọng và đang tiếp tục".

trạng vi phạm tự do tôn giáo vẫn tiếp diễn ở Việt Nam; sự đàn áp của Chính phủ tiếp tục là một thực tế khắc nghiệt đối với các nhóm tôn giáo độc lập chưa đăng ký(?!). Có thể nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc đó trên các vấn đề sau đây:

*Thứ nhất,* các thế lực phản động, thù địch thường lập luận một cách vô căn cứ về quyền tự do tôn giáo được ghi nhận trong luật pháp về tôn giáo của Việt Nam, xuyên tạc rằng các quy định về quyền tự do tôn giáo trong pháp luật Việt Nam là "hạn chế về bản chất", "đi ngược lại với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế và vi phạm một cách có hệ thống tự do tín ngưỡng"(?!).

Cần phải khẳng định rằng, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong luật pháp ở Việt Nam được xây dựng dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin - một học thuyết khoa học, đúng đắn về tự do tôn giáo khi đặt nó trong quyền con người (nhân quyền) - như C.Mác đã khẳng định: "Tự do tín ngưỡng là quyền thực hành bất cứ tín ngưỡng nào,... *quyền được mộ đạo*, được mộ đạo theo bất luận kiểu nào, được hành đạo theo tôn giáo riêng của mình. *Đặc quyền tín ngưỡng* là *một quyền phổ biến của con người*"[1]. Kế thừa và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Tự do tín ngưỡng là một quyền lợi căn bản của nhân dân ta"[2].

Ở Việt Nam, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo luôn được Đảng, Nhà nước ta khẳng định, được pháp luật thừa nhận và thực thi trong thực tế. Hiến pháp Việt Nam năm 2013 đã mở rộng nội hàm khái niệm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, thay cụm từ "mọi công dân" (quyền công dân) trong Hiến pháp năm 1992, bằng cụm từ "mọi người" (nhân quyền, quyền con người). Điều 24, Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: "1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.1, tr.548-549.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.285.

giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật"[1]. Cụ thể hóa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong Hiến pháp năm 2013, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 khẳng định: 1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; 2. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo; 3. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý; 4. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được mở rộng cho cả những "người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc", và "người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam" (Điều 8).

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ được Đảng và Nhà nước Việt Nam khẳng định, được pháp luật thừa nhận và thực thi trong thực tế, mà còn có sự tương thích, phù hợp với quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo luật pháp và thông lệ quốc tế. Điều 18 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (Việt Nam tham gia năm 1982) quy định: "1. Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền tự do này bao gồm việc tự do có hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, tự do thể

[1] *Tuyên ngôn độc lập năm 1945 và các bản hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980, 1992, 2013)*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2015, tr.203-204.

hiện tín ngưỡng hoặc tôn giáo một mình hoặc trong tập thể với nhiều người khác, một cách công khai hoặc thầm kín dưới hình thức thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và giảng đạo; 2. Không một ai có thể bị ép buộc phải làm những điều tổn hại đến quyền tự do lựa chọn một tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ"[1]. Tương tự như vậy, Điều 9 Công ước châu Âu về bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản (ECHR) ghi: "1. Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo; quyền này bao gồm quyền tự do thay đổi tôn giáo, tín ngưỡng và quyền tự do thể hiện tôn giáo, tín ngưỡng của mình thông qua hành vi thờ phụng, thuyết giảng, thực hành và tuân thủ giáo luật một mình hoặc với một nhóm, ở nơi riêng tư hoặc nơi công cộng"[2].

*Thứ hai*, các thế lực phản động, thù địch, trong đó có USCIRF, xuyên tạc rằng, cả Hiến pháp và Luật Tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam đều có những quy định nhằm hạn chế quyền tự do tôn giáo: Hiến pháp cũng quy định sự tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo, nhưng nó cho phép các cơ quan chức năng hạn chế quyền con người, bao gồm cả quyền tự do tôn giáo; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo có các quy định tương tự cho phép hạn chế quyền tự do tôn giáo(?!). Những lập luận xấu, độc, nguy hiểm này là bất chấp an ninh quốc gia, trật tự công cộng, an toàn xã hội, đạo đức xã hội và hạnh phúc của cộng đồng. Chúng hoàn toàn không có cơ sở pháp lý, mang tính áp đặt của các thế lực phản động, thù địch và của USCIRF đối với tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Trong luật pháp quốc tế cũng như luật pháp của các quốc gia, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không phải là tự do tuyệt đối, tự do vô chính phủ. Tự do tín ngưỡng phải tôn trọng và không ảnh hưởng

---

[1] *Văn kiện quốc tế về quyền con người*, Trung tâm Nghiên cứu quyền con người và Viện Thông tin khoa học thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, H.2000, tr.212.

[2] W.Cole Durham, JR.-Brett G.Scharffs: *Luật pháp và tôn giáo tiếp cận so sánh quốc gia, quốc tế*, Nxb.Đại học Quốc gia Hà Nội, H.2014, tr.141.

đến các quyền công dân, đến quyền tự do của người khác và đặc biệt không được ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự công cộng, môi trường, đạo đức xã hội. Chính vì vậy, để bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và ổn định, phát triển xã hội, Điều 5 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam quy định rõ các hành vi bị nghiêm cấm: "1. Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; 2. Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo; 3. Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo; 4. Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; a) Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; b) Xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; c) Cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; d) Chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; 5. Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi".

Những quy định về hạn chế quyền tự do tôn giáo trong luật pháp về tôn giáo của Việt Nam nêu trên hoàn toàn phù hợp, tương thích với luật pháp quốc tế về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Khoản 3, Điều 18 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc (1966) ghi: "Quyền tự do thể hiện tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi những quy định pháp luật và khi những giới hạn này là cần thiết cho việc bảo vệ an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng hoặc những quyền và tự do cơ bản của người khác"[1]. Điều đó cũng được Công ước châu Âu về bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản thừa nhận tại Điều 9: "Quyền tự do thể hiện tôn giáo, tín ngưỡng của một người chỉ bị luật pháp giới hạn nếu điều đó là cần thiết trong một xã hội dân chủ, phục vụ an ninh

[1] *Văn kiện quốc tế về quyền con người*, Trung tâm Nghiên cứu quyền con người và Viện Thông tin khoa học thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, H.2000, tr.212.

công cộng, bảo vệ trật tự trị an, sức khỏe, chuẩn mực đạo đức chung hoặc các quyền và sự tự do của người khác"[1]. Luật pháp của nhiều nước trong khi khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng chế định quyền ấy sẽ bị hạn chế vì trật tự công cộng, an ninh quốc gia. Nước Pháp là một ví dụ, Luật Phân ly 1905 quy định: "Cộng hòa Pháp bảo đảm tự do tín ngưỡng. Nó bảo đảm quyền tự do hành đạo với những hạn chế vì quyền lợi duy trì trật tự công cộng"[2].

Như vậy, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là phải có giới hạn, quyền ấy sẽ bị hạn chế vì an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức xã hội, môi trường, chứ không như đòi hỏi vô lý của USCIRF và một số giới chức Mỹ.

*Thứ ba,* các luận điệu sai trái, thù địch nhìn nhận không đúng về mô hình quản lý tôn giáo theo chế độ "đăng ký" của Việt Nam. Họ lập luận hàm hồ rằng, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo bắt các tôn giáo phải đăng ký, bao gồm: các điều khoản mơ hồ cho phép tự do tôn giáo vì lợi ích an ninh quốc gia và đoàn kết xã hội; đặt ra gánh nặng và yêu cầu phức tạp đối với các nhóm tôn giáo để đăng ký với chính phủ; có những quy định sự kiểm soát đáng kể của chính phủ đối với các hoạt động tôn giáo bằng những điều khoản hạn chế quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, như duy trì một quy trình đăng ký và công nhận nhiều giai đoạn cho các nhóm tôn giáo (?!).

Những nhận định trên rõ ràng là mang tính áp đặt, không đúng với điều kiện thực tế công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở Việt Nam. Bởi lẽ, mỗi quốc gia đều có cách thức quản lý hoạt động tôn giáo phù hợp với truyền thống và thực tế của mình, trong đó quản lý hoạt động tôn giáo thông qua con đường đăng ký là một hình thức phổ biến, thích hợp và hiện thực ở nhiều quốc gia (như Pháp, Bungari, Ba Lan, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc...), trong đó có Việt Nam. Theo đó, mỗi

---

[1, 2] W.Cole Durham, JR. - Brett G.Scharffs: *Luật pháp và tôn giáo tiếp cận so sánh quốc gia, quốc tế*, Nxb.Đại học Quốc gia Hà Nội, H.2014, tr.141-142; 223.

quốc gia có những yêu cầu riêng về điều kiện và thể thức việc đăng ký xem xét tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo. Có quốc gia xem việc đăng ký pháp nhân của tổ chức tôn giáo thuộc vấn đề ở cấp quốc gia, như Ba Lan, Nga, Italia, Đức, Látvia; có quốc gia chỉ ở cấp hội đồng tỉnh, thành phố (Bungari). Về điều kiện, có sự khác biệt giữa các nước, trong đó yếu tố thời gian tồn tại, số lượng, cơ sở tài sản tôn giáo, nhân sự, khả năng tài chính..., là những tiêu chí cơ bản[1]. Việt Nam lựa chọn mô hình quản lý theo hình thức "đăng ký" và phân cấp chủ thể có thẩm quyền cấp đăng ký theo phạm vi hoạt động của tôn giáo là hợp lý và phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Luật pháp Việt Nam đưa ra những tiêu chí cụ thể để công nhận tổ chức tôn giáo chứ không phải để cản trở tự do tôn giáo. Theo đó, mọi tôn giáo nếu bảo đảm những điều kiện đó đều được công nhận, khác với một số quốc gia chỉ thừa nhận một số tôn giáo chủ yếu[2]. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam ngoài những điều kiện về thời gian (giảm từ 23 năm theo Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo xuống còn 5 năm), nhân sự, địa điểm hợp pháp, còn có yêu cầu về hiến chương, điều lệ, tôn chỉ, mục đích... Luật Tín ngưỡng, tôn giáo còn phân cấp quản lý (Trung ương và địa phương) theo phạm vi hoạt động của tổ chức tôn giáo. Bởi lẽ, tổ chức tôn giáo ở Việt Nam rất đa dạng, có tôn giáo phạm vi sinh hoạt trên khắp cả nước, như Phật giáo, Công giáo, Tin lành; có tôn giáo phạm vi hoạt động chỉ trong một khu vực, như Phật giáo Hòa Hảo, Bàlamôn giáo, có tôn giáo thuộc loại nhóm nhỏ, như Minh sư đạo, Minh lý đạo, Bửu sơn Kỳ hương, Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn, Mặc Môn, đạo Baha'i (ở Việt Nam); có tôn giáo có

[1] Có quốc gia yêu cầu thời gian hoạt động, như Bỉ (31 năm), Nga (15 năm); có quốc gia yêu cầu số lượng tín đồ, như Ba Lan (ít nhất 100 người); Látvia (15 người); Nga (10 người từ 18 tuổi trở lên)...

[2] Trung Quốc chỉ công nhận 05 tôn giáo (Đạo giáo, Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Islam giáo (Hồi giáo); Indonesia chỉ thừa nhận 06 tôn giáo (Islam giáo, Phật giáo, Ấn giáo, Tin lành, Công giáo, Khổng giáo); Nga chỉ thừa nhận 04 tôn giáo "truyền thống" (Chính Thống giáo, Islam giáo, Do Thái giáo, Phật giáo),...

nhiều tổ chức, hệ phái khác nhau, như Cao Đài, Tin lành,... Do đó, cơ chế công nhận và quản lý hoạt động của tổ chức tôn giáo theo hình thức đăng ký theo quy mô hoạt động của tôn giáo là phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam, cũng giống như nhiều quốc gia khác và được luật pháp quốc tế thừa nhận (tính đặc thù). Đó không phải là điều kiện đặt ra để hạn chế hay cản trở quyền tự do tôn giáo như USCIRF hay các thế lực phản động, thù địch xuyên tạc.

*Thứ tư,* các quan điểm sai trái, thù địch, luận điệu xuyên tạc về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam chủ yếu dựa vào một số hiện tượng, nhóm trái pháp luật mang danh nghĩa tôn giáo, chưa được công nhận, có hiện tượng hoạt động vi phạm pháp luật để quy kết Việt Nam "đàn áp tôn giáo". Ví như: Nhóm bất hợp pháp Dương Văn Mình (Tây Bắc), Hà Mòn (Tây Nguyên), Hội thánh Đức Chúa Trời Mẹ, Pháp luân công (không được thừa nhận là hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo). Các hiện tượng (nhóm) đó chưa đủ điều kiện để được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung hay công nhận tư cách pháp nhân tôn giáo theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tôn chỉ, mục đích, điều lệ, tổ chức, nhân sự). Thậm chí có một số nhóm lợi dụng hoạt động tôn giáo chống Nhà nước Việt Nam, như Văn phòng Công lý và hòa bình (do một số giáo sĩ, tu sĩ cực đoan của tỉnh dòng Chúa Cứu thế Việt Nam); nhóm Hội đồng Liên tôn (gồm một số giáo sĩ cực đoan thuộc 5 tôn giáo tham gia: Công giáo, Tin lành, Phật giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo); nhóm Liên đoàn dân chủ Công giáo Việt Nam; nhóm Phật giáo Việt Nam thống nhất; nhóm Phật giáo Hòa Hảo thuần túy và Phật giáo Hòa Hảo truyền thống; nhóm Khối Nhơn sanh (Cao Đài); nhóm Tin lành Đấng Christ, Tin lành Lutheran Việt Nam - Hoa Kỳ (trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên; nhóm Giêsùa, Bà Cô Dợ (Tin lành ở Tây Bắc)... đã được USCIRF nêu lên như những minh chứng cho việc Việt Nam "đàn áp tôn giáo"(?!).

Dựa vào các nhóm trái pháp luật mang danh nghĩa tôn giáo cực đoan, chưa được chính quyền công nhận, lấy đó làm cơ sở để phê phán "đàn áp tôn giáo" là cách thức mà USCIRF và một số cá nhân, tổ chức thường sử dụng để áp đặt một cách vô lý quan điểm của họ, không chỉ đối với Việt Nam, mà còn đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Trên thực tế, nhiều quốc gia có những biện pháp cứng rắn, kiên quyết dẹp bỏ các hiện tượng tôn giáo mới cực đoan để bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, như Trung Quốc đối với Pháp luân công; Nga đối với giáo phái Hội anh em trong trắng (The White Brotherhood), nhân chứng Giêhôva; Nhật Bản đối với phái Chân lý tối thượng (Aum Shirikyo); kể cả Pháp đối với các giáo phái cực đoan, cũng bị Mỹ xếp vào diện các nước hạn chế quyền tự do tôn giáo.

Các báo cáo của USCIRF và quan điểm sai trái, thù địch chủ yếu dựa vào một số phần tử cực đoan lợi dụng tôn giáo hoạt động chống Nhà nước Việt Nam, bị tòa án phạt tù, lấy đó là những "tù nhân lương tâm" (?!) để quy kết Việt Nam vi phạm nhân quyền, dân chủ, tự do tôn giáo. Trong đó có các đối tượng như: Nguyễn Bắc Truyển (nhóm Phật giáo Hòa Hảo truyền thống, bị tuyên phạt 11 năm); Y Yich (bị kết án 12 năm) - người dân tộc thiểu số theo nhóm Tin lành cực đoan ở Tây Nguyên; Phan Văn Thu (án tù chung thân) - người sáng lập nhóm Ân đàn Đại đạo (Phú Yên),... Đó đều là những phần tử lợi dụng tôn giáo chống Nhà nước Việt Nam nên bị phạt tù theo quy định của Bộ luật Hình sự, chứ không phải các "tù nhân lương tâm", như USCIRF gán cho.

**Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam được pháp luật bảo hộ và luôn được bảo đảm, thực thi trong thực tế**

*Thứ nhất,* Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với luật pháp, thông lệ quốc tế. Cho đến nay, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống pháp luật liên quan đến tự do tôn giáo tương đối hoàn chỉnh, từ

Hiến pháp năm 2013, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 đến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Với sự ra đời của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Việt Nam cơ bản đã xây dựng hoàn thiện hệ thống luật pháp về tôn giáo làm công cụ pháp lý cho việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; Việt Nam cũng là một trong số ít quốc gia trên thế giới ban hành luật riêng về tự do tôn giáo (hơn 20 quốc gia ban hành luật riêng về tôn giáo). Việc tổ chức, triển khai thực hiện chính sách và luật pháp về tôn giáo được quan tâm coi trọng, quyền tự do tôn giáo của mọi người được bảo đảm trong thực tế theo quy định của pháp luật.

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam luôn được thực hiện trong thực tiễn, được pháp luật bảo hộ và được chính quyền tạo điều kiện. Trước hết, số lượng tín đồ các tôn giáo không ngừng gia tăng, sinh hoạt đời sống tâm linh, tôn giáo diễn ra sôi động. Theo số liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ, số lượng tín đồ, chức sắc tôn giáo không ngừng tăng lên. Năm 1997, cả nước có trên 15 triệu tín đồ, chiếm hơn 20% dân số; đến năm 2021, số tín đồ của 41 tổ chức tôn giáo đã được công nhận tăng lên 26,59 triệu người, chiếm trên 27% dân số. Bên cạnh đó có hơn 200 nghìn người thuộc 70 nhóm Tin lành tư gia và trên 30 nghìn người thuộc hơn 60 hiện tượng tôn giáo mới ("đạo lạ"), chưa đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung[1]. Ngoài ra, đại đa số người Việt Nam có đời sống tâm linh, theo tín ngưỡng đa thần truyền thống.

Người Việt Nam ít theo tôn giáo (27% dân số theo tôn giáo, trong khi 84,5% dân số thế giới theo tôn giáo), nhưng đa số người Việt Nam (trên 75% người Việt Nam nói chung; trên 80% người dân tộc thiểu số nói riêng) theo tín ngưỡng đa thần truyền thống. Đó là điểm khác biệt

[1] Xem Ban Tôn giáo Chính phủ: *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo* (ban hành kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-TGCP, ngày 29-9-2021 của Ban Tôn giáo Chính phủ).

so với các quốc gia phương Tây hay quốc gia theo tôn giáo độc thần (Kitô giáo, Islam giáo). Vì thế, dù không theo tôn giáo, song người Việt Nam lại có đời sống tâm linh sâu đậm, tham gia sinh hoạt tín ngưỡng sôi nổi, nhiệt tình. Điều này thể hiện khá rõ trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống.

Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra sôi động ở khắp các vùng, miền, các cộng đồng dân cư, các tầng lớp xã hội, nhất là vào dịp đầu năm, lễ hội truyền thống. Tín đồ các tôn giáo đều thực hiện sinh hoạt tôn giáo thường xuyên trong gia đình và nơi thờ tự theo nghi lễ truyền thống của mỗi tôn giáo. Các tôn giáo đẩy mạnh hoạt động, nhiều sinh hoạt tôn giáo diễn ra với quy mô lớn, thời gian kéo dài, thu hút một số lượng rất lớn, không chỉ tín đồ, mà cả những người không theo tôn giáo tham dự. Nhiều hoạt động tôn giáo thu hút hàng trăm nghìn người tham gia, như các kỳ đại lễ Vesark của Phật giáo (các năm 2008, 2014, 2019); lễ hành hương thánh địa La Vang, lễ khai mạc Năm thánh (năm 2010), đại hội giới trẻ của Công giáo; lễ công nhận pháp nhân, kỷ niệm khai đạo của Cao Đài; Phật giáo Hòa Hảo; lễ kỷ niệm 100 năm Tin lành đến Việt Nam (năm 2011); lễ kỷ niệm 500 năm cải cách Tin lành (năm 2017)[1]. Các tôn giáo, như Phật giáo, Công giáo, Tin lành tổ chức nhiều cuộc lễ kết nạp tín đồ tập thể với quy mô lớn, số lượng lên tới hàng trăm, thậm chí hàng nghìn người, như lễ Quy y cho 3.755 người dân tộc thiểu số (Ba Na và Sơ Đăng) ở tỉnh Kon Tum (4-2009); cho 5.311 người (dân tộc Xtiêng) ở tỉnh Bình Phước (7-2011)[2]; lễ Báptem tập thể của Tin lành; lễ rửa tội, lễ thêm sức tập thể của Công giáo[3]. Đây là những điểm mới, ít nơi nào trên thế giới có được, thể hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

---

[1, 3] Nguyễn Phú Lợi: *Sự chuyển biến của tôn giáo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng 4.0*, Nxb.Thông tin và Truyền thông, H.2022, tr.423-426; 423.

[2] Hoàng Thị Lan (Chủ biên): *Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2021, tr.120.

luôn được Nhà nước Việt Nam và các cấp chính quyền tạo điều kiện, bảo đảm.

*Thứ hai*, các tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân ngày càng nhiều và tiếp tục gia tăng. Trước năm 1990, Nhà nước mới công nhận 03 tổ chức, gồm Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc, năm 1958), Hội đồng Giám mục Việt Nam (1980), Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981). Từ năm 1990 đến năm 2004 (trước khi có Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo) công nhận 06 tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Islam giáo (Hồi giáo), 12 tổ chức tôn giáo được công nhận; từ năm 2004 đến năm 2017 (thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo) có 15 tôn giáo, 37 tổ chức tôn giáo được công nhận; từ năm 2018 đến năm 2021 (thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo): 01 tổ chức tôn giáo được công nhận, 03 tổ chức tôn giáo được cấp đăng ký hoạt động. Đến năm 2021, cả nước có 16 tôn giáo với 41 tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân hay đăng ký hoạt động. Bên cạnh đó, còn có hàng nghìn tổ chức tôn giáo trực thuộc, 3.803 điểm, nhóm đã được cấp giấy đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.

Sau khi được công nhận tư cách pháp nhân hay cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo, các tổ chức tôn giáo đẩy mạnh hoạt động, tích cực củng cố tổ chức giáo hội, đào tạo chức sắc, xây dựng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của tín đồ. Công tác đào tạo chức sắc được các tổ chức tôn giáo đẩy mạnh. Trước năm 1990, cả nước có 06 cơ sở đào tạo tôn giáo (Phật giáo: 2, Công giáo: 4). Đến năm 2021, cả nước có 63 cơ sở đào tạo người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp (Phật giáo: 46; Công giáo: 11; Tin lành: 3; Cao Đài: 2; Phật giáo Hòa Hảo: 1), mỗi năm có hàng nghìn người tốt nghiệp. Năm 2021, cả nước có 8.884 người tốt nghiệp ra trường, 13.350 người đang theo học. Ngoài ra, còn có hàng trăm người đang du học tại nước ngoài. Nhờ vậy, số chức sắc, nhà tu hành tăng rất nhanh (từ 31.548 người năm

1995, lên 54.125 người năm 2021). Ngoài ra còn có đội ngũ nhà tu hành đông đảo (riêng Phật giáo hiện có 54.000 tăng, ni; Công giáo có 6.000 giáo sĩ, 31.000 tu sĩ). Cả nước hiện có trên 108.770 chức sắc, nhà tu hành[1], cơ bản đáp ứng được nhu cầu hướng dẫn việc đạo cho tín đồ.

Công tác xây dựng cơ sở thờ tự được các tôn giáo quan tâm, đẩy mạnh. Từ năm 1990 đến nay, cơ sở thờ tự được xây dựng, sửa chữa khá mạnh mẽ ở khắp nơi trong cả nước nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của giáo dân. Năm 2000, cả nước có 18.474 cơ sở thờ tự của các tôn giáo, đến năm 2021 tăng lên 30.047 cơ sở[2], tăng 11.573 cơ sở trong 20 năm, bình quân mỗi năm có thêm 579 cơ sở thờ tự. Hầu hết các cơ sở thờ tự được xây dựng, sửa chữa khang trang to lớn, có công trình lên hàng chục, thậm chí hàng trăm tỷ đồng. Chính quyền địa phương quan tâm giải quyết, cấp đất cho các tổ chức tôn giáo xây dựng cơ sở tôn giáo[3].

Các tôn giáo còn đẩy mạnh việc in ấn, xuất bản, dịch thuật một khối lượng lớn kinh sách, đồ dùng việc đạo. Trong 5 năm (2000 - 2004), Nhà xuất bản Tôn giáo đã in ấn, xuất bản được 719 ấn phẩm tôn giáo với số lượng 4,2 triệu bản, trong đó có nhiều kinh sách được dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, như Bana, Êđê, Giarai. Đó là chưa kể một số lượng rất lớn kinh sách in ấn thông qua xuất bản khác hoặc được in ấn ở các cơ sở khác[4]. Bên cạnh kinh, sách, báo chí in ấn, mảng kinh, sách, tài liệu, báo chí điện tử rất đa dạng, phong phú với số lượng không hạn chế cấp không cho tín đồ và những người quan tâm qua các phương tiện truyền thông xã hội. Nhằm đáp ứng nhu cầu

---

[1, 2] Xem Ban Tôn giáo Chính phủ: *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo* (ban hành kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-TGCP ngày 29-9-2021 của Ban Tôn giáo Chính phủ).

[3, 4] Xem Nguyễn Thanh Xuân: *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb.Tôn giáo, H.2020, tr.436-438; 439-440.

sinh hoạt, tìm hiểu về tôn giáo, năm 2022, Bộ Công an cung cấp 17 đầu sách (9 đầu kinh sách, 8 đầu sách tìm hiểu về tôn giáo) với 4.418 cuốn cho 54 trại giam, tạm giam trong cả nước.

Những số liệu nêu trên là minh chứng sinh động, rõ nét nhất cho tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam. Điều ấy càng khẳng định sự đúng đắn trong chính sách, pháp luật về tự do tôn giáo của Việt Nam và sự phù hợp với luật pháp, thông lệ quốc tế, chứ không phải dựa vào một số hiện tượng nhỏ lẻ để rêu rao rằng, luật pháp Việt Nam "đi ngược với tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế và vi phạm một cách có hệ thống tự do tín ngưỡng". Những nhận định ấy là không đúng, thiếu khách quan với thực tế luật pháp, tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam, làm tổn hại đến quan hệ giữa hai nước Việt Nam và Mỹ. Do đó, việc Bộ Ngoại giao Mỹ không đưa Việt Nam vào nhóm các nước cần quan tâm đặc biệt (CPC) theo đề nghị của Ủy ban này trong suốt 15 năm (từ năm 2007) đến nay là đúng đắn.

Đồng thời, để công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ta trên lĩnh vực tôn giáo, dân tộc có hiệu quả, góp phần làm cho xã hội và cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn luật pháp về tự do tôn giáo và tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam, chúng ta cần chú trọng đến các giải pháp sau: 1) Tăng cường công tác tuyền truyền, phổ biến luật pháp về tự do tôn giáo và tình hình tự do tôn giáo ở nước ta cho toàn dân và cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn; 2) Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho phù hợp với tình hình thực tế nước ta và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; 3) Quán triệt nâng cao nhận thức cho hệ thống chính trị về quan điểm, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tôn giáo; nghiêm túc chấp hành chính sách, pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo; 4) Đa dạng hóa công tác truyền thông, kịp thời và nâng cao chất lượng của công

tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trên phương diện tín ngưỡng, tôn giáo. Đi đôi với đấu tranh phản bác các luận điểm sai trái, thù địch cần phải tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận của Đảng về tôn giáo ngày càng sâu sắc hơn, đáp ứng với yêu cầu của cách mạng trong tình hình mới.

# PHẢN BÁC LUẬN ĐIỆU TUYÊN TRUYỀN ĐÒI THÀNH LẬP "NHÀ NƯỚC KHMER KAMPUCHEA KROM" TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NAM BỘ*

***Nguyễn Ngọc Hòa*****

***Tóm tắt:*** Bài viết tập trung phân tích, làm rõ một số luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên địa bàn Tây Nam Bộ. Qua đó, đưa ra những cơ sở thực tiễn, cơ sở pháp lý góp phần định hướng, xây dựng nội dung phản bác các luận điệu tuyên truyền này và một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phản bác thời gian tới.

***Từ khóa:*** *Dân tộc Khmer; "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom"; Tây Nam Bộ*

**1.** Tây Nam Bộ là địa bàn có tầm quan trọng chiến lược về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại gồm 13 tỉnh, thành phố, với diện tích 39.712km$^2$ với dân số hơn 17,5 triệu người (chiếm 18,89% dân số cả nước); tiếp giáp Vương quốc Campuchia với đường biên giới trên bộ dài 339,802km, 06 cửa khẩu quốc tế, 04 cửa khẩu quốc gia, 12 cửa khẩu phụ và nhiều đường tiểu ngạch qua lại biên giới; có hải phận rộng 360.000km$^2$, hơn 700km bờ biển. Đây là địa bàn có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống, trong đó dân tộc Khmer chiếm số lượng đông nhất với 1.385.615 người (chiếm tỷ lệ 7,6% dân số toàn vùng), sinh sống tập trung chủ yếu ở 488/691 xã,

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Đại học An ninh nhân dân, Bộ Công an

phường, thị trấn (trong đó có 207 xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135)[1]. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện nhiều chính sách phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng nên địa bàn Tây Nam Bộ đã có chuyển biến mạnh mẽ.

Tuy nhiên, ở Tây Nam Bộ hiện đang tồn tại những vấn đề phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ về an ninh chính trị, trong đó nguy hiểm nhất là hoạt động của các thế lực thù địch, các tổ chức "Khmer Kampuchea Krom" lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer để tiến hành các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia Việt Nam. Nổi bật nhất là hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer, Phật giáo Nam tông Khmer, lịch sử vùng đất Nam Bộ, biên giới Việt Nam - Campuchia để tuyên truyền, gây chia rẽ dân tộc Khmer với dân tộc Kinh, kích động tư tưởng ly khai, thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" ở Tây Nam Bộ. Chúng tổ chức tuyên truyền thông qua các trang web của các tổ chức "Khmer Kampuchea Krom" (hiện có 20 trang web); báo, tạp chí "Khmer Kampuchea Krom"; các đài phát thanh, như: VOKK, RFA, VOA, Preynokor, Mohanokor; mạng xã hội, như: facebook, twiter... và tán phát tài liệu có nội dung phản động vào vùng dân tộc Khmer, như: sách "Con đường tìm tự quyết cho người Khmer Krom", bản đồ "Đất nước Khmer Kampuchea Krom", cờ của tổ chức "Liên đoàn Khmer Kampuchea Krom", phim "Tiêu diệt giống nòi không đổ máu"...

Tình hình trên cho thấy, đấu tranh, phản bác các luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên địa bàn Tây Nam Bộ là nhiệm vụ then chốt, quan trọng. Để làm tốt công tác này đòi hỏi lực lượng chức năng trước hết phải nhận diện đúng, đầy đủ tính sai trái, thù địch trong luận điệu mà các thế lực thù địch,

---

[1] Xem Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc: *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb.Thống kê, H.2019.

các tổ chức "Khmer Kampuchea Krom" reo rắc và nhanh chóng tổ chức các biện pháp, công tác tuyên truyền, đấu tranh. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định, nhất là trong bối cảnh tình hình hiện nay, các đối tượng có sự thay đổi luận điệu tuyên truyền theo hướng ngày càng tinh vi, xảo quyệt, khó nhận diện hơn, vừa nhằm tác động nhanh chóng đến tư tưởng của đồng bào dân tộc Khmer vừa để đối phó với sự phát hiện, đấu tranh của lực lượng chức năng. Một số luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của các đối tượng nổi lên thời gian gần đây như sau:

*Một là, tuyên truyền, xuyên tạc lịch sử vùng đất Nam Bộ, kêu gọi "trả lại đất Nam Bộ cho người Khmer".*

Lịch sử vùng đất Nam Bộ đã tồn tại những "điểm mờ", "điểm nhạy cảm" làm cho một bộ phận người Khmer có nhận thức sai lệch về lịch sử vùng đất, về biên giới Việt Nam - Campuchia, về mối quan hệ dân tộc Khmer - Kinh. Lợi dụng vấn đề này, các đối tượng không ngừng khơi lại vấn đề đất đai vùng đất Nam Bộ, biên giới, dựa vào đó để kích động, tư tưởng ly khai với những luận điệu, như: "Nam Kỳ lục tỉnh là đất của Campuchia bị Việt Nam xâm chiếm", "Các tỉnh miền Tây Nam Bộ là của người Khmer Krom", "Nam Kỳ lục tỉnh là đất của người Khmer Krom bị người Việt chiếm", "Việt Nam xâm lược chiếm đoạt đất thủy Chân Lạp của người Khmer"... Qua đó, chúng yêu cầu chính quyền Việt Nam "trả lại đất Nam Bộ cho người Khmer Krom", thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom".

Tuy nhiên, lịch sử hình thành, phát triển vùng đất Nam Bộ thể hiện rõ những luận cứ khoa học, phù hợp thông lệ quốc tế chứng minh Nam Bộ là một phần lãnh thổ không thể tách rời của Việt Nam và những luận điệu tuyên truyền của các đối tượng là hoàn toàn phi lý. Lịch sử vùng đất Nam Bộ đã chỉ rõ do nhiều nguyên nhân khác nhau mà vai trò kiểm soát, quản lý vùng đất Nam Bộ của vương quốc Chân Lạp giảm sút dần qua thời gian nhưng ngược lại vai trò của chúa

Nguyễn, triều đại phong kiến nhà Nguyễn trong việc tổ chức, quản lý, bảo vệ các dân tộc Khmer, Hoa, Kinh trong quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ ngày càng được củng cố, mở rộng. Bên cạnh đó, có nhiều văn bản pháp lý quốc tế công nhận vùng đất Nam Bộ của Việt Nam, là bằng chứng về chủ quyền lãnh thổ không thể tranh cãi của Việt Nam đối với vùng đất Nam Bộ, nổi bật là Hiệp ước năm 1862 (nhà Nguyễn nhượng quyền cai quản 03 tỉnh miền Đông Nam Bộ cho Pháp) và Hiệp ước năm 1874 (nhà Nguyễn nhượng toàn bộ vùng đất Nam Bộ cho Pháp cai quản). Đến thời kỳ thuộc Pháp, Thống đốc Nam Kỳ thuộc Nhà nước bảo hộ Pháp đã ký Thỏa ước 1870 và Công ước 1873 với Vương quốc Campuchia về biên giới Việt Nam và Campuchia dài 960 km với 158 cột mốc. Đến ngày 04-6-1949, Pháp đã thông qua Luật 49 - 733 kết thúc tiến trình trao trả Nam Kỳ cho Việt Nam, vĩnh viễn chấm dứt quy chế "lãnh thổ hải ngoại của Pháp" đối với vùng lãnh thổ này[1]. Từ đó cho đến nay, Chính phủ hai nước Việt Nam - Campuchia đã nhiều lần ký các văn bản, hiệp ước về việc phân giới cắm mốc biên giới Việt Nam - Campuchia.

*Hai là, tuyên truyền về "quyền tự quyết của các dân tộc bản địa" nhằm đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" ở Tây Nam Bộ.*

Thời gian qua, để củng cố cái gọi là "cơ sở lịch sử, pháp lý" nhằm đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" ở Tây Nam Bộ, các tổ chức " Khmer Kampuchea Krom", nhất là "Liên đoàn Khmer Kampuchea Krom" đẩy mạnh tuyên truyền cái gọi là "quyền tự quyết của dân tộc bản địa". Chúng thông qua tạp chí *The Prey Nokor News*, Đài phát thanh VOKK... tích cực tuyên truyền, tán phát quyển sách có tựa đề *Ánh sáng quyền tự quyết*, *Tuyên ngôn về quyền các dân tộc bản địa* (2007)... Trong đó, chúng tập trung khai thác một số điểm không

[1] Xem Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2006.

rõ ràng trong *Tuyên ngôn về quyền các dân tộc bản địa* (không giải thích thế nào là người bản địa, nhầm lẫn giữa quyền của dân tộc - quốc gia với quyền của dân tộc thiểu số...) để tuyên truyền luận điệu: "Người Khmer là dân tộc bản địa, Chính phủ Việt Nam phải để người Khmer được tự quyết về thể chế chính trị, đường lối, cách thức phát triển kinh tế, lãnh thổ... của mình". Ngoài ra, lợi dụng chủ trương cấp thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử, trên thẻ không có ghi mục (tôn giáo, dân tộc), các đối tượng xuyên tạc cho rằng Nhà nước âm mưu xóa bỏ tôn giáo, dân tộc Khmer. "Liên đoàn Khmer Kampuchea Krom" lợi dụng là thành viên của tổ chức UNPO tích cực tham gia các diễn đàn UNPFII (Diễn đàn thường niên của Liên hợp quốc về dân tộc bản địa) để tuyên truyền cho cái gọi là "quyền dân tộc tự quyết"... nhằm kêu gọi cộng đồng quốc tế ủng hộ cho "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom".

Có thể thấy, những luận điệu tuyên truyền về cái gọi là "quyền tự quyết của dân tộc bản địa" của các tổ chức "Khmer Kampuchea Krom" là hoàn toàn sai trái, phi lý. Quyền dân tộc tự quyết được ghi nhận trong Hiến chương Liên hợp quốc và nhiều văn bản pháp lý quốc tế, như: Tuyên bố về trao trả độc lập cho các nước và dân tộc thuộc địa năm 1960; Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị năm 1966; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966; Tuyên bố năm 1970 về các nguyên tắc của Liên hợp quốc. Theo đó, tôn trọng quyền của các dân tộc được tự do lựa chọn con đường và hình thức phát triển là một trong những cơ sở quan trọng để thiết lập các quan hệ quốc tế. Quyền này được thể hiện một cách tập trung nhất trong nguyên tắc dân tộc tự quyết, dựa trên nền tảng chủ quyền dân tộc. Quyền dân tộc tự quyết theo quan niệm của Liên hợp quốc là một dân tộc bị áp bức, không có tự do, bị nô dịch bởi một quốc gia - dân tộc khác mới có quyền đứng lên đấu tranh giành độc lập. Quan hệ giữa các dân tộc được xác định trong Hiến chương Liên hợp quốc chính là quan hệ giữa các quốc gia độc lập, có chủ quyền; trong đó các

dân tộc đa số và thiểu số đều bình đẳng để cùng hợp thành một dân tộc - quốc gia và mang tên gọi của đất nước mình. Như vậy, chỉ những dân tộc - quốc gia mới có quyền tự quyết định vận mệnh của mình. Quyền dân tộc tự quyết chỉ thuộc về nhân dân; tức là tất cả dân cư thường xuyên sinh sống trên lãnh thổ của dân tộc - quốc gia mới là chủ thể của pháp luật quốc tế. Quyền dân tộc tự quyết không đồng nghĩa với việc một dân tộc thiểu số trong một quốc gia - dân tộc tự đứng lên đấu tranh, đòi tách ra thành lập một nhà nước độc lập trong một quốc gia có chủ quyền. Ở Việt Nam, chính sách của Đảng, Nhà nước luôn tôn trọng, bảo đảm quyền của dân tộc thiểu số trong khối đại đoàn kết 54 dân tộc, không có dân tộc nào bị nô dịch, lệ thuộc, nên không có khái niệm quyền dân tộc tự quyết đòi tách ra thành lập "Nhà nước riêng".

*Ba là, tuyên truyền các luận điệu về "sự thiệt thòi, bất bình đẳng, dân tộc Khmer, Phật giáo Nam tông Khmer bị đàn áp".*

Đồng bào dân tộc Khmer có quá trình hình thành, tồn tại và phát triển lâu đời ở Tây Nam Bộ. Song đây lại là bộ phận dân cư có trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế hơn so với dân tộc Kinh, dân tộc Hoa. Điều này làm nảy sinh tâm lý mặc cảm "thua thiệt", tự ti dân tộc trong một bộ phận đồng bào dân tộc Khmer. Thời gian qua, các thế lực thù địch, các tổ chức "KKK" đã khoét sâu vào đặc điểm tâm lý tiêu cực này thông qua tuyên truyền các luận điệu về cái gọi là "sự thiệt thòi, bất bình đẳng, đàn áp dân tộc Khmer, Phật giáo Nam tông Khmer", như: Về chính trị, các đối tượng xuyên tạc "Chính quyền là của người Kinh nên chỉ quan tâm chăm lo lợi ích cho người Kinh, người Khmer bị phân biệt đối xử, xem như nô lệ", "chỉ người Kinh mới được làm cán bộ Nhà nước, người Khmer không được trọng dụng", "Công an bắt giữ, đánh đập, tra tấn người Khmer đến chết, vi phạm dân chủ, nhân quyền"... Về kinh tế - xã hội, chúng tập trung xuyên tạc, vu cáo Đảng, Nhà nước "cướp đất đai của người dân tộc Khmer", "để người Khmer thất nghiệp, không

bố trí công việc cho sinh viên người Khmer khi tốt nghiệp", "không cho người Khmer dùng chữ của mình để đồng hóa". Về tín ngưỡng, tôn giáo, các đối tượng vu cáo chính quyền "đàn áp tăng sinh, sư sãi", "bắt bớ sư sãi trái pháp luật", "chính quyền đập phá chùa Khmer", "không cho sư sãi thành lập tổ chức tôn giáo riêng của người Khmer", "đòi tách Phật giáo Nam tông Khmer ra khỏi Giáo hội Phật giáo Việt Nam"... Về văn hóa, các đối tượng vu cáo chính quyền "xóa bỏ đi nền văn hóa của dân tộc Khmer" trong các vụ việc như: Vụ tháo dỡ Cổng chào tỉnh Trà Vinh, vụ Ao Bà Om bị cạn nước, vụ sử dụng con dấu ở các chùa Khmer, vụ tượng Phật cổ ở Bạc Liêu... Mục đích của đối tượng là nhằm chia rẽ, làm mất niềm tin của đồng bào dân tộc Khmer với Đảng, Nhà nước, gây ra nỗi lo sợ dân tộc sẽ bị diệt vong, từ đó kích động họ tham gia các hoạt động chống chính quyền, đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên địa bàn Tây Nam Bộ.

Những luận điệu tuyên truyền trên của đối tượng hoàn toàn sai trái, bịa đặt, xuyên tạc trắng trợn chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với dân tộc Khmer, phủ nhận hoàn toàn mọi thành quả, nỗ lực của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trên địa bàn Tây Nam Bộ trong chăm lo đời sống của đồng bào dân tộc Khmer. Thực tế, Đảng, Nhà nước luôn tôn trọng, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có dân tộc Khmer. Hiến pháp năm 2013 xác định rõ: "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam; các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước..." (Điều 5), "Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo..." (Điều 24).

Bên cạnh đó, việc chăm lo phát triển đời sống kinh tế - xã hội của dân tộc Khmer luôn được Đảng, Nhà nước xác định là nhiệm vụ chiến lược, đặc biệt quan trọng[1]. Kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước làm cho đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào Khmer từng bước được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân ở các tỉnh, thành phố có đông đồng bào Khmer sinh sống từ năm 2007-2020 đã tăng từ 9% đến 11,7%/năm. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị vùng đồng bào Khmer được quan tâm. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người Khmer được chú trọng, số lượng cán bộ, đảng viên chủ chốt là dân tộc Khmer tăng hơn. Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc Khmer ngày càng có sự phát triển rõ nét. Hiện nay, ở Tây Nam Bộ có 453 chùa Khmer (14 chùa được công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia; 29 chùa được công nhận di tích cấp tỉnh; 150 chùa có công với cách mạng); 7.502 sư sãi (trong đó: 78 Hòa thượng, 105 Thượng tọa và trên 1.500 Đại đức[2]. Công tác tu sửa, xây dựng, trùng tu chùa Khmer được các cấp, các ngành quan tâm đầu tư, hỗ trợ, đáp ứng yêu cầu sinh hoạt tôn giáo của đồng bào dân tộc Khmer (đã có trên

---

[1] Như: Chỉ thị số 68-CT/TW, ngày 18-4-1991 của Ban Bí thư khóa VI "về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer"; Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12-3-2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX "về công tác dân tộc"; Nghị quyết số 21/NQ-TW, ngày 20-01-2003 của Bộ Chính trị "về phương hướng, nhiệm vụ giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kì 2001-2010"; Kết luận số 128-KL/TW, ngày 14-8-2013 của Bộ Chính trị "về phương hướng, nhiệm vụ giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020"; Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư Trung ương khóa XII "về tăng cường công tác vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới"*;* Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02-4-2022 của Bộ Chính trị "về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"...

[2] Xem Nguyễn Mạnh Quang: *Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer, cơ sở đảm bảo an ninh vùng Tây Nam Bộ*, Tạp chí *Mặt trận*, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 2022.

200 ngôi chùa được sửa chữa khang trang). Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường, củng cố niềm tin của đồng bào dân tộc Khmer đối với Đảng, Nhà nước, tích cực góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Bốn là, tuyên truyền luận điệu xuyên tạc mối quan hệ giữa dân tộc Khmer - dân tộc Kinh, hình thành tư tưởng hận thù dân tộc.*

Các đối tượng tập trung khơi gợi lại những mâu thuẫn dân tộc, va chạm tôn giáo trong quá khứ cũng như ở hiện tại để xuyên tạc mối quan hệ giữa người Kinh và người Khmer, với các luận điệu, như: "Người Kinh gây ra nhiều tội ác với người Khmer và Phật giáo Nam tông Khmer", "người Kinh bóc lột tàn nhẫn người Khmer", "người Kinh coi thường, khinh rẻ người Khmer"... Những luận điệu này tác động tiêu cực đến suy nghĩ, tình cảm của một bộ phận đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn Tây Nam Bộ, nhằm phá vỡ truyền thống đoàn kết tốt đẹp giữa dân tộc Khmer với dân tộc Kinh, hình thành suy nghĩ tiêu cực "không thể chung sống với người Kinh" trên địa bàn Tây Nam Bộ. Bên cạnh đó, thông qua tuyên truyền luận điệu "Đảng, chính quyền là của người Kinh", các đối tượng đồng thời chia rẽ đồng bào dân tộc Khmer với Đảng, Nhà nước nhằm kích động ly khai, thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" ở Tây Nam Bộ.

Thời gian qua, mặc dù tồn tại một số mâu thuẫn, va chạm liên quan đến các nguồn lợi về kinh tế, nhất là về đất đai nhưng đoàn kết, hòa hợp dân tộc, tương trợ lẫn nhau vẫn là xu hướng chủ đạo trong mối quan hệ giữa dân tộc Khmer với dân tộc Kinh. Từ trước đến nay, dân tộc Khmer luôn sát cánh với dân tộc Kinh, dân tộc Hoa trong khai phá, cải tạo vùng đất Nam Bộ, đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, cùng chung sức, chung lòng bảo vệ và xây dựng đất nước. Với sự tương trợ của người Kinh, đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Khmer đã có sự phát triển mạnh mẽ. Đồng bào dân tộc Khmer đã học được nhiều kinh nghiệm quý báu trong lao động, sản xuất của

người Kinh, nhất là trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ. Đây là thực tế không thể phủ nhận.

Có thể nhận thấy, những luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên địa bàn Tây Nam Bộ mà các thế lực thù địch, đặc biệt là các tổ chức "Khmer Kampuchea Krom" gieo rắc thời gian qua là rất thâm độc, tinh vi, vừa công khai, trực diện, vừa ngấm ngầm chống phá, vừa có tính "truyền thống", vừa có tính "thích nghi thời đại" (sử dụng những luận điệu liên quan đến vấn đề dân chủ, nhân quyền). Những luận điệu này đã làm cho nhận thức chính trị của một bộ phận đồng bào dân tộc Khmer chuyển biến tiêu cực, lệch lạc, suy giảm niềm tin vào Đảng, Nhà nước, trông chờ vào sự thành công của "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom", vào sự giúp đỡ của các tổ chức "Khmer Kampuchea Krom" bên ngoài và các nước, các tổ chức quốc tế; gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Điều đó đã và đang đe dọa đến tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn Tây Nam Bộ.

**2.** Trước những tác hại từ các luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên địa bàn Tây Nam Bộ, cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành triển khai đồng bộ các biện pháp đấu tranh phản bác, xử lý nghiêm các đối tượng có hoạt động tuyên truyền luận điệu sai trái, thù địch. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đấu tranh, phản bác vẫn còn một số hạn chế, như: Nội dung tuyên truyền, phản bác còn chung chung, chưa chỉ rõ được tính sai trái, thù địch trong một số luận điệu, nhất là trong bối cảnh đối tượng triệt để lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với dân tộc Khmer, Phật giáo Nam tông Khmer, những khó khăn trong đời sống của đồng bào dân tộc Khmer để tuyên truyền; đội ngũ cán bộ tham gia đấu tranh phản bác, nhất là ở cấp cơ sở còn hạn chế về năng lực, chưa kiên trì bám dân, bám phum, sóc để tuyên truyền phản bác nên hiệu quả chưa cao.

Thời gian tới, để đấu tranh phản bác các luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên địa bàn Tây Nam Bộ, các cơ quan chức năng cần chú ý thực hiện tốt các vấn đề sau:

*Một là,* cần đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc. Chú ý khai thác những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những thành tựu mà các cấp chính quyền đã đạt được trong việc chăm lo đời sống mọi mặt đối với dân tộc Khmer ở Tây Nam Bộ, tiếp thu những thành tựu mới, tinh hoa của nhân loại để phân tích, đánh giá, chỉ rõ tính sai trái, thù địch trong từng luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên các phương diện lý luận, pháp lý, lịch sử, khoa học, thực tiễn để tổ chức đấu tranh, phản bác.

*Hai là,* tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI "về công tác dân vận"; Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 20-10-2015 của Ban Bí thư "về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số"; Chỉ thị số 04/CT-BCA-V28, ngày 21-4-2014 của Bộ trưởng Bộ Công an "về tăng cường xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới". Trong đó, cần đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với dân tộc Khmer và Phật giáo Nam tông Khmer; lịch sử vùng đất Nam Bộ; vấn đề chủ quyền, biên giới Việt Nam - Campuchia; mối quan hệ tốt đẹp giữa Chính phủ Việt Nam, Chính phủ Campuchia và đấu tranh phản bác các luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" của các đối tượng theo hướng chủ động, có tính thuyết phục cao. Nghiên cứu xây dựng nội dung tuyên truyền vạch trần bản chất chính trị phản động của các tổ chức "Khmer

Kampuchea Krom" đi liền với phản bác luận điệu kích động tư tưởng ly khai, đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom". Cần tăng cường tuyên truyền về truyền thống đoàn kết đoàn kết, gắn bó giữa ba dân tộc anh em: Kinh - Hoa - Khmer trên địa bàn Tây Nam Bộ. Qua đó, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, động viên đồng bào dân tộc Khmer tham gia đảm bảo an ninh, trật tự nói chung, phản bác các luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" nói riêng, góp phần thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

*Ba là*, phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan báo chí, xuất bản, truyền thông; vận dụng tổng hợp các hình thức tuyên truyền, kết hợp chặt chẽ với đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, trực tiếp tiếp xúc, đối thoại với đồng bào, đi liền với tuyên truyền đối ngoại, tuyên truyền trên internet, các mạng xã hội và các kênh truyền thông khác, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các luận điệu đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên địa bàn Tây Nam Bộ. Nâng cao chất lượng và tăng thời lượng chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer, như: Chương trình tiếng Khmer trên đài truyền hình VTV2, VTV4, Đài Tiếng nói Việt Nam tại Cần Thơ, Đài phát thanh, truyền hình các tỉnh ở Tây Nam Bộ...; tăng số lượng, số kỳ và phát hành miễn phí Báo Khmer ngữ, chuyên đề, tập san Khmer ngữ tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào Khmer tiếp cận với nội dung phản bác các luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông có kế hoạch phối hợp phản bác các luận điệu tuyên truyền chống Việt Nam của các thế lực thù địch, các tổ chức "Khmer Kampuchea Krom" ở nước ngoài; đấu tranh với các tổ chức "Khmer Kampuchea Krom" tại các diễn đàn, hội nghị quốc tế;

tăng cường tuyên truyền, vận động kiều bào ta ở nước ngoài hiểu rõ chính sách phát triển toàn diện vùng dân tộc Khmer; chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước; những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo của dân tộc Khmer.

*Bốn là,* cấp ủy đảng, chính quyền các cấp thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước với nguyên tắc cơ bản "bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc". Tập trung thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tăng cường công tác vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới", Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030 (ban hành kèm theo Tờ trình số 473/TTr-CP, ngày 11-10-2019 của Chính phủ) và Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02-4-2022 của Bộ Chính trị "về phương hướng phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045". Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển, thực hiện đề án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer sinh sống. Củng cố hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nam Bộ, nhất là ở vùng dân tộc Khmer ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện, trở thành hạt nhân của khối đại đoàn kết dân tộc. Chất lượng đời sống mọi mặt của đồng bào dân tộc Khmer được cải thiện, hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh là cơ sở thực tiễn vững chắc nhất, thuyết phục nhất để phản bác với các luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" của các đối tượng.

*Năm là*, đẩy mạnh đấu tranh, xử lý đối tượng với những hình thức phù hợp để chúng từ bỏ, không còn khả năng, điều kiện tiếp tục tuyên truyền các luận điệu đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên địa bàn Tây Nam Bộ. Trong quá trình đấu tranh cần phân

hóa đối tượng cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố với số do nhẹ dạ, cả tin bị dụ dỗ, lôi kéo kích động tham gia, cần kiên quyết về mục tiêu, linh hoạt, mềm dẻo về biện pháp xử lý với nguyên tắc "trấn áp kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, cải tạo, lấy khoan hồng, giáo dục, cải tạo làm chính, không bắt nhiều, xử nhiều". Với đối tượng trong các tổ chức "Khmer Kampuchea Krom", cần đẩy mạnh công tác tấn công chính trị làm suy giảm ý thức chống đối, phân hóa, gây mâu thuẫn nội bộ, làm suy yếu, tan rã tư tưởng và tổ chức của chúng.

# ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỆU XUYÊN TẠC, CHIA RẼ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY*

***Diệp Minh Quân*****

***Tóm tắt:*** Xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những cách thức mà các thế lực thù địch sử dụng để làm suy yếu nước ta từ bên trong, phá hoại thành quả cách mạng, ngăn cản sự phát triển của đất nước ta. Lợi dụng tiến bộ của công nghệ thông tin, các luận điệu phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc được đưa lên không gian mạng dưới dạng các bài báo, hình ảnh, video clip,... được "ngụy trang" dưới những phương thức lý luận khá tinh vi. Do đó, nắm rõ quan điểm của Đảng, lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận diện và đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

***Từ khóa:*** *Đại đoàn kết; xuyên tạc; đấu tranh*

## 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân và sự cần thiết phải tập hợp lực lượng quần chúng đông đảo, đoàn kết trong quá trình tiến hành cách mạng vô sản. C.Mác và Ph.Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848) đã chỉ

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

rõ: "... những người cộng sản ở mọi nơi đều phấn đấu cho sự đoàn kết và sự liên hiệp của các đảng dân chủ ở tất cả các nước"[1]. Còn V.I.Lênin cho rằng, chỉ một mình giai cấp vô sản tiến hành cuộc đấu tranh một cách đơn độc "thì đó không những là một điều dại dột, mà còn là một tội ác nữa"[2].

Quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chế độ xã hội mới ở nước ta, đại đoàn kết toàn dân tộc trở thành một nội dung quan trọng hàng đầu trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết là hệ thống các quan điểm, nguyên tắc, phương pháp về tuyên truyền, vận động, tập hợp, tổ chức xây dựng lực lượng cách mạng nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh quốc tế phục vụ sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, "là tư tưởng chiến lược nhằm củng cố, mở rộng, tăng cường lực lượng cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người"[3].

Sinh thời, Hồ Chí Minh xác định đại đoàn kết là vấn đề chiến lược trong việc tập hợp lực lượng cách mạng. Người khẳng định: "Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà"[4]. Người cũng chỉ rõ đoàn kết là lực lượng mạnh nhất, là sức mạnh vô địch và là then chốt của thành công. "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*"[5] là sự nhắc nhở, là lời hiệu triệu mà

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.4, tr.646.

[2] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.41, tr.97.

[3] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2021, tr.79.

[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.244.

[5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.120.

Người gửi gắm đến toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta và đã trở thành khẩu hiệu nằm lòng của bao thế hệ cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam. Trong từng thời kỳ cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, có thể cần có chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng khác nhau nhưng đoàn kết phải luôn được nhận thức là vấn đề sống còn của cách mạng, là chiến lược nhất quán và xuyên suốt. Hồ Chí Minh nhận định: "Nhờ đại đoàn kết mà trong bao nhiêu thế kỷ, nhân dân Việt Nam đã bảo vệ được độc lập tự do của mình. Nhờ đại đoàn kết mà nhân dân Việt Nam đã đánh thắng chủ nghĩa thực dân, làm Cách mạng Tháng Tám thành công và đã kháng chiến thắng lợi"[1].

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết cũng là mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của Đảng cách mạng. Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (1951), Người nêu rõ: "Về mục đích trước mắt, Đảng Lao động Việt Nam đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn...". Phát biểu tại lễ ra mắt của Đảng ngày 03-3-1951, Hồ Chí Minh tuyên bố trước toàn dân: Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam đại thể gồm 8 chữ là "Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc"[2].

## 2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đại đoàn kết toàn dân tộc

Ngay từ khi thành lập, *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng đã chỉ rõ rằng, giai cấp vô sản phải tranh thủ được nhiều bạn đồng minh, phải tập hợp các lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân tộc thống nhất. Ngày 18-11-1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị về việc thành lập Hội phản đế đồng minh, nhấn mạnh nếu "không tổ

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.272.

[2] Xem https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-ii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-ii-1447

chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật rộng, thật kín thì cuộc cách mạng cũng khó thành công"[1]. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất (1935), Đảng khẳng định "nguồn gốc sức mạnh của Đảng chính là mối quan hệ mật thiết với quần chúng"[2]. Trong những năm 1936-1939, trước nguy cơ chiến tranh thế giới tác động đến tình hình trong nước, Đảng đề ra chủ trương đoàn kết, tập hợp các tầng lớp nhân dân trong một mặt trận rộng rãi, hoạt động công khai trên báo chí, đấu tranh nghị trường, đòi dân sinh, dân chủ, cải thiện đời sống cho người lao động. Giai đoạn 1939-1945, thông qua việc thành lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941), Đảng đã thực hiện chủ trương xây dựng và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập trung mũi nhọn đấu tranh vào nhiệm vụ chống đế quốc, chớp thời cơ tiến hành Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, giành độc lập dân tộc, thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tháng 5-1946, với chủ trương mở rộng hơn nữa Mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng, Mặt trận Liên Việt ra đời, khối đại đoàn kết được củng cố, hậu thuẫn vững chắc cho chính quyền cách mạng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951) thông qua Chánh cương Đảng Lao động Việt Nam, trong đó khẳng định "củng cố và phát triển khối đại đoàn kết và động viên toàn dân đánh đuổi đế quốc xâm lược, hoàn toàn giải phóng dân tộc"[3]. Nhờ xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc rộng rãi trên phạm vi cả nước, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta thống nhất một lòng kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi.

Với việc ký Hiệp định Giơnevơ ngày 21-7-1954, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhưng đất nước bị chia cắt hai miền do đế quốc

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.2, tr.227.

[2] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2021, tr.159.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2001, t.12, tr.119.

Mỹ thay thế Pháp thành lập chính quyền tay sai ở miền Nam với âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. Trong hoàn cảnh mới, Đảng chủ trương thành lập ở mỗi miền một mặt trận dân tộc thống nhất, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc để hoàn thành sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Tháng 9-1955, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời ở miền Bắc. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960), Đảng xác định: "Muốn củng cố hơn nữa sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân ta, còn phải *tăng cường công tác mặt trận*"[1]. Quán triệt chủ trương đó, ngày 20-12-1960, sau phong trào Đồng Khởi ở miền Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời và đã đoàn kết, tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước để đi đến thắng lợi cuối cùng vào ngày 30-4-1975. Nói về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (1976) của Đảng khẳng định: Thắng lợi đó là kết quả tổng hợp của một loạt các nhân tố tạo nên, trong đó sự chiến đấu bền bỉ, thông minh của nhân dân, của hàng triệu đồng bào yêu nước khắp mọi miền Tổ quốc là nhân tố hết sức quan trọng[2].

Từ khi đất nước thống nhất, cả nước cùng đi lên xã hội chủ nghĩa, chủ trương phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được Đảng ta khẳng định và thực hiện xuyên suốt gần nửa thế kỷ qua. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) đánh dấu bước đầu của công cuộc đổi mới, Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là: "Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, t.21, tr.611.

[2] Xem https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iv/dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-iv-cua-dang-22

vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa..."[1]. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* với việc nêu ra 05 bài học kinh nghiệm lớn, trong đó bài học thứ ba là "không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết; đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế". *Cương lĩnh* cũng chỉ rõ quan điểm của Đảng về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, trong đó "các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ"[2].

Tổng kết chặng đường 10 năm đổi mới, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng rút ra 06 bài học kinh nghiệm, trong đó bài học "Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của cả dân tộc" tiếp tục được nhấn mạnh. Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng xác định: Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức, do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành, thu hút trí tuệ và sức lực của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc[3].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tổng kết nhiệm kỳ

---

[1] Xem https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-v-trinh-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vi-cua-1491

[2] Xem https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vii/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-1558

[3] Xem https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-ix/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-viii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-ix-cua-dang-1545

đầu tiên của thế kỷ XXI, Đảng ghi nhận: "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân"[1] là một trong 12 vấn đề quan trọng trong Báo cáo chính trị. Đến năm 2011, Đảng tiếp tục nhấn mạnh vấn đề đại đoàn kết ngay trong chủ đề đại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI: "Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"[2]. Sau 30 năm đổi mới và hội nhập sâu rộng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nêu rõ một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ là: Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc[3].

Hiện nay, nước ta đang đứng trước những vận hội và thách thức mới, Đảng chủ trương khơi dậy khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, ý chí quyết tâm giữ vững, củng cố và phát huy thành quả cách mạng, quan điểm đại đoàn kết dân tộc được Đảng ta vận dụng và phát triển lên một tầm cao mới. Với phương châm "Đoàn kết - Kỷ cương - Dân chủ - Sáng tạo - Phát triển", Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định tinh thần đại đoàn kết, xác định việc "khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời

---

[1] Xem https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-x/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-x-cua-dang-1537

[2] Xem https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/dien-van-be-mac-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xi-dang-cong-san-viet-nam-3422

[3] https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xii-cua-dang-cong-san-viet-nam-3

đại”[1] không chỉ là mục tiêu tổng quát mà còn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Như vậy có thể thấy, từ khi ra đời đến nay, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề sống còn của toàn Đảng, toàn dân ta, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong toàn bộ chủ trương, đường lối của Đảng. Quan điểm đại đoàn kết của Đảng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử khác nhau của cách mạng Việt Nam và ngày càng được nâng lên những tầm cao mới.

### 3. Nhận diện các luận điệu xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay

Xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những cách thức mà các thế lực thù địch sử dụng để làm suy yếu nước ta từ bên trong, phá hoại thành quả cách mạng, ngăn cản sự phát triển của đất nước ta, với các thủ đoạn phổ biến sau đây:

*Một là*, gây chia rẽ Đảng, Nhà nước với quần chúng nhân dân dưới nhiều hình thức như: Phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ nhận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhằm thay đổi nhận thức, đánh sụp niềm tin, gây hoang mang, hụt hẫng trong quần chúng nhân dân về con đường mà bấy lâu nay toàn Đảng, toàn dân ta đang lựa chọn và đi theo. Phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm phá vỡ sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, chia rẽ tổ chức đảng với mặt trận đoàn kết toàn dân tộc. Truyền bá quan điểm “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang nhân dân, với thủ đoạn nguy hiểm ngụy trang dưới chiêu bài dân túy, lấy tinh thần “chỉ chiến đấu vì quốc gia, nhân dân,

---

[1] https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang-cong-san-viet-nam-3660

dân tộc" làm bình phong để che giấu âm ưu chia rẽ Đảng với lực lượng vũ trang do Đảng thành lập, rèn luyện và giáo dục, chia rẽ Đảng với nhân dân. Xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, cố tình tạo ra sự hoài nghi, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Phủ nhận những thành tựu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã đạt được; cố tình tách bạch sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước với hành động của nhân dân trong quá trình đạt được thắng lợi của cách mạng; cho rằng sự phát triển không ngừng của nước ta qua công cuộc đổi mới là nhờ chuyển sang mô hình kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản, Đảng, Nhà nước đã "kìm hãm" sự phát triển của đất nước khi không xóa bỏ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Cố tình "bới sâu, đào kỹ" những vấn đề tiêu cực, bất cập của chính quyền, của xã hội rồi tìm cách bịa đặt, khuếch trương, cường điệu hóa từ những tiêu cực có tính cá biệt, cục bộ, xảy ra ở một vài nơi, vài địa phương thành sự sai lầm "nghiêm trọng" trong chính sách vĩ mô của Đảng, Nhà nước. Thậm chí, trơ trẽn hơn là chúng quy mọi hiện tượng tiêu cực trong xã hội vào một nguyên nhân duy nhất là do cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, trong khi bất kỳ một quốc gia, một chế độ xã hội nào cũng tồn tại những bất cập, hạn chế riêng của nó.

Bịa đặt, xuyên tạc, vu khống về đời tư cá nhân của các vị lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước. Đây là thủ đoạn cực kỳ nguy hiểm vì chúng trực tiếp công kích những cá nhân cụ thể, tạo cho quần chúng nhân dân tâm lý hoài nghi, xét lại về hình tượng, về uy tín của lãnh tụ, lãnh đạo nhằm làm dao động, mất niềm tin của nhân dân vào các cá nhân lãnh đạo, qua đó cũng suy giảm niềm tin vào Đảng, Nhà nước. Từ một vài vụ việc tiêu cực liên quan đến một số cán bộ, đặc biệt là vấn đề tham nhũng, chúng "vơ đũa cả nắm", quy kết, vu khống, biến các tiêu cực từ hiện tượng cá biệt thành bản chất của tất cả đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị.

*Hai là*, kích động, gây chia rẽ vùng miền, địa phương, tạo mâu thuẫn, xung đột về quyền, lợi ích và nghĩa vụ giữa người dân các địa phương, các vùng miền với nhau. Về kinh tế, chúng đưa ra sự so sánh về các nguồn thu tài chính, tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước và giữ lại địa phương của chính quyền các cấp; cho rằng chính quyền trung ương có sự thiên vị một số vùng miền, địa phương trong chính sách đầu tư công. Về chính trị, chúng so sánh số lượng cán bộ lãnh đạo cao cấp, các vị trí chủ chốt của Đảng, Nhà nước với nguồn gốc xuất thân từ các vùng miền, địa phương khác nhau; chúng gieo rắc tư tưởng hoài nghi trong nhân dân và cả một số cán bộ, đảng viên về tư tưởng "phe cánh, cục bộ vùng miền, địa phương" trong công tác cán bộ. Về lịch sử - văn hóa, chúng tách bạch văn hóa các vùng miền, địa phương khác nhau, cổ xúy lối suy nghĩ "chia rẽ, cục bộ, địa phương", đáng lên án hơn là chúng sẵn sàng xuyên tạc lịch sử, cho rằng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta là "nội chiến Bắc - Nam" và "miền Bắc xâm lược miền Nam" để chia rẽ tinh thần đoàn kết vốn có của cả dân tộc ta.

*Ba là*, kích động, gây chia rẽ các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Biết rõ nước ta là một nước đa sắc tộc, trong đó người Kinh chiếm đa số, các thế lực thù địch dùng chiêu bài phân hóa dân tộc, kích động thù hằn giữa các dân tộc thiểu số với người Kinh để gây bất ổn về xã hội. Chúng kích động các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên rằng "người Kinh chiếm đất người Thượng", Nhà nước không cho tự do tín ngưỡng, tôn giáo, "không tôn trọng văn hóa người Thượng" để họ thù ghét người Kinh, thù ghét chế độ và thực hiện hành vi bạo loạn nhằm đòi đất, thành lập nhà nước riêng. Trong những năm gần đây, các thế lực phản động tiếp tục luận điệu xuyên tạc lịch sử, cho rằng vùng đất Nam Bộ là của người Khmer đến từ Campuchia bị người Kinh chiếm lấy, kích động người Khmer trong và ngoài nước đấu tranh đòi lại đất, chống lại chính quyền.

*Bốn là*, gây chia rẽ trong vấn đề tôn giáo. Chúng trắng trợn nói trái sự thật, cho rằng Việt Nam không có tự do tín ngưỡng, tôn giáo mặc cho các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo đang hoạt động bình thường ở khắp nơi trên lãnh thổ Việt Nam. Bên cạnh đó, chúng cũng chia rẽ người theo tôn giáo này với tôn giáo khác, cho rằng Nhà nước thiên vị tôn giáo này, thiếu quan tâm tôn giáo kia, Nhà nước "cài người" vào các cơ sở tôn giáo phục vụ mục đích chính trị.

*Năm là*, chia rẽ các giai cấp, tầng lớp trong xã hội với luận điệu: những người giàu có, những doanh nghiệp tư nhân là giai cấp tư sản thì sớm muộn gì cũng bị Nhà nước quốc hữu hóa tài sản cá nhân; giai cấp công nhân hiện nay không phải là giai cấp lãnh đạo hệ thống chính trị như Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định; Đảng, Nhà nước không hề bảo vệ quyền lợi công nhân, nông dân... Những luận điệu trên nhằm gây sự phân hóa, xung đột giữa các giai cấp, tầng lớp với nhau và gây bất mãn với Đảng, Nhà nước.

*Sáu là*, chia rẽ người Việt Nam ở trong và ngoài nước. Đảng, Nhà nước ta đã khẳng định đồng bào ta ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, dù ở bất cứ nơi đâu đồng bào ta vẫn luôn hướng về Tổ quốc, gắn bó máu thịt với cội nguồn dân tộc, là nguồn lực quan trọng đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, một bộ phận người Việt Nam ở nước ngoài do những yếu tố của lịch sử - chính trị, do phải tiếp xúc với những nguồn thông tin sai lệch, do chưa có điều kiện tìm hiểu về tình hình đất nước hiện nay nên vẫn còn định kiến, mặc cảm, thậm chí thù hằn với Đảng, Nhà nước và chưa thể gắn bó, đoàn kết với người dân trong nước. Lợi dụng những yếu tố đó, các thế lực thù địch cố tình đưa ra những thông tin sai trái để nới rộng khoảng cách giữa người dân trong nước và một bộ phận người Việt Nam ở ngoài nước. Chúng xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước để kiều bào ta hiểu sai, không tin tưởng, không muốn quay về

với đất nước, dân tộc. Chúng cho rằng, chính sách hòa hợp dân tộc thực ra chỉ để "chiêu dụ" kiều bào đóng góp tiền của cho Nhà nước, phục vụ cho lợi ích nhóm của giới lãnh đạo Việt Nam.

Mục đích chung của các luận điệu xuyên tạc nêu trên là gây xáo trộn, bất ổn xã hội, kích động sự hiềm khích giữa các thành phần xã hội khác nhau, làm suy giảm sức mạnh đại đoàn kết của nhân dân ta, hòng làm mất niềm tin và xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

**4. Một số giải pháp đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay**

*Một là*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về tính đúng đắn, tính thời đại, giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chính là bảo vệ cái gốc của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bởi đại đoàn kết là sợi chỉ xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo của Đảng và chính nhờ đại đoàn kết mà Đảng đã đưa nhân dân ta liên tục giành những thắng lợi lịch sử, giúp cho đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực và vị thế như ngày hôm nay.

*Hai là*, khơi dậy, nâng cao tinh thần yêu nước trong mọi tầng lớp nhân dân. Lịch sử cho thấy yêu nước chính là nguồn gốc tạo nên sự đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Các luận điệu gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc thường kích động, tạo sự mâu thuẫn giữa nhóm người này với nhóm người kia bằng cách khơi dậy "lợi ích riêng, lợi ích nhóm" để họ quên đi lợi ích chung của quốc gia, dân tộc. Nguy hiểm hơn là chúng âm mưu cô lập các tổ chức đảng, chính quyền với phần còn lại của xã hội, chúng quy tất cả đội ngũ cán bộ, đảng viên vào một nhóm người có lợi ích đối lập, xung khắc với các lực lượng khác trong xã hội. Do đó, khơi dậy tinh thần yêu nước chung của toàn thể nhân dân là cách tạo ra sự liên kết giữa những người cùng chung một quốc gia, dân tộc để phục vụ lợi ích chung của đất nước.

*Ba là*, nâng cao trình độ nhận thức của quần chúng nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực tế cho thấy, một bộ phận người dân nước ta còn nhận thức chính sách, pháp luật hạn chế, đồng thời nhẹ dạ, cả tin; đó chính là mảnh đất màu mỡ để các thế lực thù địch gieo rắc mầm mống chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Việc nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân không phải dễ dàng thực hiện một sớm một chiều mà phải đòi hỏi sự nỗ lực, kiên trì trong một quá trình nhất định. Muốn vậy, trước hết công tác tuyên truyền cần thường xuyên, thiết thực, đúng trọng tâm, dễ tiếp thu, đi vào chiều sâu và mang tính định hướng. Mục đích cuối cùng là giúp người dân nhận thức đúng đắn về các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật. Khi trình độ nhận thức của người dân được nâng cao thì "sức đề kháng" của họ càng trở nên mạnh mẽ, không những tự bảo vệ được mình mà còn có thể bảo vệ những người khác trước nguy cơ mắc phải tư tưởng lệch lạc, sai trái.

*Bốn là*, tăng cường quản lý đối với các trang mạng xã hội. Chủ động sử dụng các biện pháp kỹ thuật về công nghệ thông tin để ngăn chặn việc truy cập vào các trang mạng độc hại lan truyền những nội dung gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Phát huy sức mạnh của mạng thông tin để truyền bá, lan tỏa những cái hay, cái đúng trong đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật. Tuyên truyền cho mọi tầng lớp nhân dân tiếp cận các kênh thông tin chính thống; hướng dẫn cách thức nhận diện thông tin xuyên tạc và khơi dậy tinh thần đấu tranh bảo vệ cái đúng, lên án, phản bác cái sai. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng công nghệ để đủ sức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên không gian mạng.

*Năm là*, mỗi cán bộ, đảng viên phải thật sự là một chiến sĩ trên mặt trận đoàn kết dân tộc. Muốn vậy, người cán bộ, đảng viên cần phải: 1) Có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, rèn luyện "sức đề kháng", không để bản thân dao động trước các luận điệu xuyên tạc,

gây chia rẽ của các thế lực thù địch; 2) Nhận thức đúng đắn và có khả năng lý luận để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; 3) Chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn, giữ bản thân trong sáng, tránh xa mọi tiêu cực, làm tấm gương mẫu mực cho quần chúng, không để bản thân vướng vào tiêu cực để các thế lực thù địch lợi dụng chia rẽ đội ngũ cán bộ, đảng viên với quần chúng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân; 4) Nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, mạnh dạn, không e dè, thờ ơ trong đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, gây chia rẽ; 5) Tuyên truyền, vận động, làm cho quần chúng nhân dân hiểu đúng, làm đúng chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và luôn đồng hành cùng Đảng, Nhà nước trong công tác đấu tranh phản bác các luận điệu, xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Sáu là*, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo; giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội; quan tâm, tạo điều kiện phát huy toàn diện sức mạnh của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội cũng như người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tạo nền tảng phát triển cân bằng có tính đến yếu tố đặc thù, phát huy thế mạnh riêng từng địa phương, vùng miền; xử lý hiệu quả, khéo léo các vấn đề nhạy cảm như: tranh chấp đất đai có liên quan đến cơ quan nhà nước, tham nhũng, vụ việc liên quan đến dân tộc, tôn giáo, an ninh quốc gia...

*Bảy là*, xử lý nghiêm minh, nhanh chóng, triệt để những hành vi xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc bằng pháp luật. Tăng cường, phát huy vai trò, trách nhiệm và công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan để kịp thời phát hiện, xử lý tội phạm liên quan đến các hành vi trên nhằm răn đe và giáo dục trong toàn Đảng, toàn dân.

# NHẬN DIỆN VÀ ĐẤU TRANH VỚI CHIÊU TRÒ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH NHÂN DANH NHÂN DÂN ĐỂ CHỐNG PHÁ ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC*

*Nguyễn Yến Nhi***

***Tóm tắt:*** Nhân dân đóng vai trò quyết định trong sự thành công của quá trình giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh đa số nhân dân Việt Nam chân chính, vẫn tồn tại những hiện tượng đội lốt nhân dân, dùng chiêu trò nhân danh nhân dân để chống phá sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Phát hiện những hành vi mạo danh nhân dân, xử lý trên nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp và pháp luật chính là bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, dân tộc.

***Từ khóa****: Nhân dân; nhân danh nhân dân; đội lốt nhân dân*

## 1. Chữ "Dân" trong chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng

Trong quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, nhân dân là cộng đồng xã hội nhất định mà các thành viên trong đó được gắn kết với nhau bởi lợi ích chung. Đó là quần chúng đông đảo những người bị trị so với thiểu số giai cấp thống trị. Quan điểm khởi phát tính chính trị trong việc nhận thức nội hàm phạm trù nhân dân, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, phạm trù nhân dân được dùng để thể hiện đặc điểm của cộng đồng bị trị, quan niệm này mang tính giai cấp sâu sắc.

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tiếp nối một cách thống nhất quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, theo V.I.Lênin, "Quần chúng là toàn bộ những người lao động và những người bị tư bản bóc lột"[1]; "...Quần chúng là đa số, và hơn nữa chẳng những chỉ là đa số công nhân, mà là đa số tất cả những người bị bóc lột"[2]. Ông cũng khẳng định: "Khi dùng danh từ "nhân dân", Mác không thông qua danh từ ấy xóa mờ mất sự khác biệt về giai cấp"[3]. Như vậy, trong quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, phạm trù "Dân" mang ý nghĩa chính trị sâu sắc. Nhân dân là người sáng tạo ra mọi của cải vật chất và những giá trị tinh thần, đồng thời là lực lượng cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Động lực cách mạng trong quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin chính là nhân dân, với nghĩa là cộng đồng người thuộc về giai cấp bị áp bức, bóc lột và cần phải được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột. Mẫu số chung để nhận diện được chữ Dân trong quan điểm này chính là sự mâu thuẫn về lợi ích giữa giai cấp bóc lột và bị bóc lột, mà ở đó, Dân thuộc về giai cấp bị bóc lột, không phân biệt có hay không thuộc giai cấp công nhân.

Kế thừa, phát triển quan điểm của Mác-Lênin, lịch sử văn hóa chính trị của dân tộc và sáng tạo trong tình hình mới của Việt Nam, Hồ Chí Minh đau đáu chữ DÂN trong suốt chiều dài tư tưởng và cuộc đời mình. Giải phóng nhân dân khỏi áp bức, bóc lột là trung tâm trong tư tưởng Hồ Chí Minh: "Nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[4]. Chữ Dân được Hồ Chí Minh trân trọng gọi bằng rất nhiều những danh từ khác nhau: dân tộc, nhân dân, quần chúng, quốc dân, đồng bào, con Lạc cháu Hồng, con Rồng cháu Tiên... Mặc dù gọi tên với nhiều cách khác nhau, nhưng có một điểm chung trong quan điểm

---

[1, 2] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.41, tr.235; 38.

[3] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.11, tr.159.

[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.187.

của Người về chữ Dân, đó là tập hợp gắn kết đa số người khác nhau về dân tộc, tôn giáo, giới tính, giai tầng, địa vị... trong xã hội nhưng thống nhất thành một cộng đồng chung, đó là toàn dân tộc Việt Nam. Người khẳng định: "Dân là mọi người dân Việt Nam, là mọi con dân nước Việt, là mỗi người con Rồng cháu Tiên, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo, quý, tiện, trong đó có công nông chiếm tuyệt đại đa số"[1].

Tuy nhiên, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, Nhân dân và quốc dân được phân biệt tường tận. Theo Người, "*Nhân dân và quốc dân* khác nhau. *Nhân dân* là bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những phần tử khác yêu nước. Đó là nền tảng của quốc dân. Những bọn phản động chưa đến nỗi bị xử tử, vẫn là *quốc dân*. Nhưng chúng không được ở trong địa vị nhân dân, không được hưởng quyền lợi như nhân dân. Chúng không có quyền tuyển cử, ứng cử; không có quyền tổ chức tuyên truyền, v.v.. Song chúng cần phải làm *tròn nghĩa vụ*, như phục tùng trật tự, tuân theo pháp luật của nhân dân"[2]. Từ đó, Người cho rằng, việc ứng xử với nhân dân và quốc dân là khác nhau, chuyên chính dân chủ là chế độ chính trị xác định rõ đối tượng chuyên chính, đối tượng dân chủ. Dưới chế độ dân chủ nhân dân, chuyên chính là đại đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ dân chủ của nhân dân. Nếu như nhân dân được hưởng mọi quyền lợi, được tôn sùng tương xứng với địa vị chính trị của họ, thì quốc dân, những kẻ phản động, tay sai bán nước... không được hưởng các đặc quyền của nhân dân, mà phải phục tùng pháp luật của nhân dân. Đây là tư tưởng thể hiện tư duy rõ ràng, xuyên suốt trong đường lối cách mạng, trong xác định lực lượng cách mạng của Hồ Chí Minh.

---

[1] Xem Nguyễn Phương An: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay*; Luận án Tiến sĩ, 2017, tr. 37.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.264.

Từ việc xác định rõ phạm trù nhân dân, Hồ Chí Minh xác lập địa vị chính trị của nhân dân trong tư duy và hành động của Người. "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ"[1]; "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ"[2]. Vậy nên, "Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*... Quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*"[3]. Theo Người, Nhân dân có vai trò đặc biệt quan trọng trong thực hiện sứ mệnh cách mạng, "Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên"[4]. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng khẳng định vai trò to lớn của Đảng với tư cách là tổ chức lãnh đạo nhân dân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình: "Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi"[5]; "Muốn khỏi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định *phương châm* cho đúng... Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo"[6].

Phát huy quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam, với tư cách là Đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, càng phải thấm nhuần hơn nữa giá trị của nhân dân, xác định rõ vai trò của nhân dân trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Từ đó, xác lập một cách vững chắc địa vị chính trị của nhân dân trong chế độ chính trị đương

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.7, tr.434.
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.382.
[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.6, tr.232.
[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.333.
[5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.609.
[6] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.274.

đại và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với dân trong sự nghiệp cách mạng của đất nước.

Thống nhất với tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng khẳng định nhân dân Việt Nam là một thể thống nhất của "Đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài"[1]. Hiến pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định rõ ràng vị thế pháp lý của nhân dân: "Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác. (3). Công dân Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ" (Điều 17); "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức" (Điều 2). Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định nghĩa vụ của công dân - nhân dân Việt Nam đối với Tổ quốc: "Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất" (Điều 44). Những quy định của Hiến pháp nêu trên cho thấy, việc thể chế hóa quan điểm của Đảng về nhân dân đã được Nhà nước thực hiện một cách đầy đủ. Tuy không có sự phân biệt các phạm trù dân, công dân, nhưng trong đường lối lãnh đạo của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước đã thể hiện đầy đủ đặc điểm của phạm trù nhân dân, theo đó, chúng ta có thể xác định được các đặc điểm để nhận diện nhân dân với những mẫu số chung như sau:

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2001, tr.45.

*Một là,* nhân dân Việt Nam là người Việt Nam. Đặc điểm này không chỉ thể hiện sự ghi nhận về mặt pháp lý (quốc tịch Việt Nam), mà còn là sự ghi nhận về mặt văn hóa, xã hội. "Người Việt Nam" là danh từ chỉ đặc điểm về dân tộc, tộc người, có những đặc thù về nhân chủng, đặc thù về giá trị nhân bản được di truyền qua hàng ngàn năm, đặc thù về văn hóa - linh hồn của dân tộc. Nói đến nhân dân Việt Nam, là nói đến thể thống nhất trong đa dạng của hơn 54 dân tộc anh em "con Lạc cháu Hồng", "con Rồng cháu Tiên", "dòng máu Lạc Hồng" chảy trong huyết quản của mỗi người Việt. Mẫu số chung cho Nhân dân Việt Nam đầu tiên, đó là điểm chung của giá trị văn hóa chảy trong tâm hồn của mỗi người Việt, nền tảng văn hóa dân tộc dung dưỡng tinh thần dân tộc Việt. Do vậy, phạm trù nhân dân Việt Nam không những chỉ những người đang sống trên đất nước Việt Nam, mà còn là người Việt Nam đang sinh sống bên ngoài biên giới đất nước.

*Hai là*, nhân dân Việt Nam là người tuyệt đối trung thành với Tổ quốc. Giá trị truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam đó là lòng yêu nước nồng nàn. Chính với tinh thần yêu nước, dân tộc Việt Nam đã anh dũng trải qua hàng ngàn năm lịch sử chống ngoại xâm, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Trong công cuộc bảo vệ nền độc lập và thống nhất đất nước, tinh thần yêu nước là ngọn đuốc soi đường, chiếu sáng và giúp nhân dân ta lựa chọn con đường cách mạng đúng đắn - con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lựa chọn của nhân dân đã được thể hiện trong suốt những trang sử vẻ vang của dân tộc trong công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Sự lựa chọn ấy còn thể hiện lòng tin và tuyệt đối trung thành của nhân dân Việt Nam với Đảng Cộng sản Việt Nam, như Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Điều 4: "Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của

nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội". Hiến pháp là thể chế đặc biệt được xây dựng bởi nhân dân, nên được nhân dân tự nguyện thực hiện. Vì vậy, trung thành với Tổ quốc, xét đến cùng chính là trung thành với Đảng, với lợi ích của giai cấp công nhân, dân dân lao động và toàn dân tộc.

Hai tiêu chí nhận diện nhân dân không mâu thuẫn nhau, mà bổ sung cho nhau, hoàn thiện lẫn nhau. Người Việt Nam yêu nước là nhân dân Việt Nam, nhưng yêu nước phải được thể hiện trong việc thực hiện ý chí chung của toàn dân tộc. Ý chí chung đó là sự lựa chọn về con đường cách mạng của dân tộc là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, lực lượng lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản Việt Nam, lợi ích căn bản, cốt lõi là lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, toàn dân tộc Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, Đảng cầm quyền cần xác lập rõ ràng mối quan hệ với dân để đảm bảo sự lựa chọn của nhân dân là đúng đắn. Trong quan điểm của mình, Đảng luôn coi dân là gốc của cách mạng, dân là chủ, cán bộ là đày tớ, là công bộc của dân. Cán bộ từ dân mà ra, vì dân mà phục vụ. Chính vì lẽ đó, quan hệ giữa Đảng và dân là mối quan hệ máu - thịt, "Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó máu thịt với nhân dân; phải thực sự dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ"[1], "Đó là truyền thống gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân, luôn luôn lấy việc phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu... Một đảng cách mạng chân chính có đường lối đúng, có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, gương mẫu, tận tụy,

[1] Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ"*, H.2019.

gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân ủng hộ, thì đảng đó có sức mạnh vô địch, không thế lực nào ngăn cản nổi trên con đường dẫn dắt dân tộc đi lên"[1]. Thể chế hóa quan điểm trên, Hiến pháp năm 2013 xác định rõ: Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình (Điều 4); "Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền" (Điều 8).

## 2. Nhận diện chiêu trò nhân danh nhân dân chống phá Đảng và Nhà nước

Tuy nhiên, trong xã hội hiện nay, có một số người Việt Nam nhân danh "nhân dân Việt Nam yêu nước" để thực hiện nhiều hành vi chống phá Đảng, Nhà nước, xâm phạm quyền, lợi ích của nhân dân chân chính, lợi dụng sự lan truyền mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông, đặc biệt là internet, mạng xã hội để khuếch tán thông tin. Thực chất, họ là những kẻ đội lốt nhân dân để chống phá, gây chia rẽ, mất đoàn kết dân tộc, không có cùng mẫu số chung là tinh thần yêu nước với Nhân dân Việt Nam chân chính, cần bị xử lý thích đáng. Hành vi "nhân danh nhân dân" của số này có nhiều biểu hiện với nhiều mục tiêu khác nhau:

*Một là*, "nhân danh nhân dân" để tấn công trực diện vào nền tảng tư tưởng của Đảng; chống phá sự lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc Cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xuyên tạc lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng; bôi nhọ cá nhân các lãnh tụ, lãnh đạo của Đảng; lợi dụng những

[1] Xem Nguyễn Phú Trọng: *Bài phát biểu tại Lễ kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam,* H.2020.

sai lầm, khuyết điểm của một số cán bộ, đảng viên của Đảng, đặc biệt là lợi dụng kết quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để thổi phồng, cho rằng tham nhũng là tình trạng phổ biến, hệ quả của chủ nghĩa xã hội, hệ quả của nhất nguyên chính trị và một đảng duy nhất cầm quyền. Họ rêu rao rằng, chế độ mà chúng ta đã lựa chọn là chế độ độc tài toàn trị, ở đó, sự tham gia một cách độc đoán, chuyên quyền của Đảng vào tất cả các ngóc ngách của cuộc sống khiến cho người dân mất tự do, dân chủ. Họ ca ngợi chủ nghĩa tư bản với những giá trị khác nhau của nó, gián tiếp so sánh với con đường chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đã lựa chọn, từ đó nhân danh "đại diện nhân dân" đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, ngụy biện rằng chỉ có đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập mới sửa chữa được các "chứng tật" vốn có của chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, các đối tượng lấy danh nghĩa là các chuyên gia phân tích chính trị hoặc các nhóm theo đuổi nhân quyền để xuyên tạc, bôi nhọ, lôi kéo, kích động... Từ một vài sự việc cụ thể, họ tìm cách tô vẽ, thổi phồng, sử dụng chiêu trò tâm lý, lôi kéo sự "đồng cảm" của một số người, tạo thành các hội, nhóm nhỏ, đòi "đại diện nhân dân" biểu tình, lên tiếng đấu tranh cho dân quyền và nhân quyền, lấy danh nghĩa "người dân" để chống phá các quyết sách của Đảng và Nhà nước. Thêm vào nữa, chúng còn lập ra các hội nhóm mang danh "nhân dân" để nêu "yêu sách", "kiến nghị" hiến kế cho Đảng, cho Nhà nước trong giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước với giọng lưỡi của kẻ khích bác, hằn học, nhằm hạ thấp vai trò của Đảng, Nhà nước, làm rối loạn xã hội và mất niềm tin của người dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản trị quốc gia của nhà nước.

*Ba là,* tìm mọi cách tuyên truyền, "tô hồng", "bôi son" cho các đối tượng bị bắt, xử lý do chống phá Nhà nước, cho rằng những người này là những người có lương tâm, có trách nhiệm với Tổ quốc, là những người dũng cảm, dám nói lên tiếng nói của "nhân dân". Từ đó, họ

nhân danh nhân dân đòi "công lý" để "kêu oan", kêu gọi "thả tự do cho tù nhân lương tâm".

*Bốn là*, có đối tượng nhận tài trợ, hậu thuẫn của bên ngoài để tổ chức xúi giục biểu tình, kiện tụng, kêu gào giải quyết những vụ việc không liên quan đến quyền lợi trực tiếp của họ hòng chống đối chính quyền. Từ những vấn đề chưa có kết luận chính thức từ phía chính quyền, các đối tượng tạo tin đồn cho rằng chính quyền giải quyết mập mờ, có dấu hiệu xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, từ đó lôi kéo, kích động người dân thiếu hiểu biết, lấy danh nghĩa nhân dân thực hiện những cuộc biểu tình, đòi cải tổ nhà nước, lật đổ chính quyền...

*Năm là*, các đối tượng đội lốt nhân dân tìm cách gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân bằng cách lợi dụng sự khó khăn của đồng bào miền núi, kích động đồng bào dân tộc thiểu số đòi ly khai dân tộc. Lợi dụng niềm tin, tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do tôn giáo, chúng mua chuộc một số chức sắc, tín đồ tôn giáo, tập hợp lực lượng, sử dụng chiêu bài đòi tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền cho người dân tộc thiểu số, vu cáo chính quyền đàn áp tôn giáo, dân tộc, nhân danh "đồng bào dân tộc thiểu số", "đồng bào tôn giáo" đòi li khai, tự trị, tiến tới thành lập tôn giáo riêng, nhà nước riêng.

### 3. Đấu tranh chống chiêu trò nhân danh nhân dân chống phá Đảng và Nhà nước

Tất cả những dấu hiệu hành vi trên đều cho thấy, đối tượng chống phá Đảng và Nhà nước dùng chiêu trò "nhân danh nhân dân" để thực hiện mưu đồ chống phá, lấy "nhân dân" làm tấm khiên chắn, lợi dụng nhân dân để thực hiện hành vi xuyên tạc, thù địch. Rõ ràng, họ không tôn trọng sự thật khách quan là chính nhân dân Việt Nam đã lựa chọn con đường đi cho dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam là người con do chính nhân dân sinh ra, do nhân dân mà lớn lên và vì nhân dân mà phục vụ. Nhân dân Việt Nam sẽ không chấp nhận bất cứ một kẻ nào

nhân danh mình, thay mình thực hiện sứ mệnh lịch sử của họ. Vì vậy, sẽ không một ai, hay một thế lực nào có thể "đại diện nhân dân" để đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Ngược lại, chính Đảng và Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ danh dự, uy tín và lợi ích của Nhân dân mình, cương quyết phát hiện và xử lý những đối tượng có mưu đồ lợi dụng danh nghĩa nhân dân để thực hiện âm mưu thâm độc của chúng.

Trong công cuộc bảo vệ nhân dân chân chính của mình, Đảng và Nhà nước luôn có những nguyên tắc thống nhất trong quan điểm và hành động phục vụ, bảo vệ nhân dân. Tuy nhiên, đối với những người hoặc nhóm người đi ngược lại ý chí chung của toàn dân, đi ngược lại lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, không xứng đáng với hai chữ Nhân dân cao quý, Đảng và Nhà nước cũng có những quan điểm và hành động rõ ràng, trên cơ sở thượng tôn hiến pháp và pháp luật để loại trừ, ngăn chặn, phòng, chống những âm mưu thâm độc của chúng. Hiến pháp năm 2013 khẳng định: "Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm; Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị". Việc giải quyết và xử lý hiện tượng mạo danh nhân dân cần dựa trên các nguyên tắc về nhân dân của Đảng, kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chữ Dân, từ đó xác định đúng đối tượng mạo danh, lấy danh nghĩa nhân dân để thực hiện hành vi, mưu đồ đen tối chống lại Đảng và Nhà nước.

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", giữ vững bản chất Đảng. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống, tham nhũng, thoái hóa, biến chất của một số cán bộ, đảng viên chính là những "lỗ hổng" cho các đối tượng xuyên tạc bản chất Đảng, làm suy giảm sức chiến đấu của Đảng và năng lực quản trị của Nhà nước, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự

quản lý của Nhà nước, cần được đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Để đảm bảo tính chính đáng chính trị của nhân dân, một lần nữa chúng ta cần khẳng định lại nhân dân là người dân Việt Nam yêu nước một cách chính đáng. Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền sẽ đảm bảo lợi ích chính đáng của nhân dân, dân tộc thông qua việc nắm bắt và thực hiện nguyện vọng chính đáng của nhân dân, thực hiện quan hệ gắn bó mật thiết với dân, nhưng cũng đấu tranh đến cùng với những kẻ mang danh nghĩa nhân dân nhưng có hệ giá trị đi ngược lại lợi ích của dân tộc.

# PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM CHO RẰNG THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 LÀ DO "ĂN MAY" VÌ CÓ "KHOẢNG TRỐNG QUYỀN LỰC"*

***Dương Hoài An*****

***Tóm tắt:*** Mùa Xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Mười lăm năm sau, năm 1945, Đảng lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám, đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuy nhiên, những năm gần đây, xuất hiện quan điểm cho rằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là do sự "ăn may", do có "khoảng trống quyền lực". Từ đó có những nhìn nhận chưa đúng về giá trị, ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám, về vai trò lãnh đạo của Đảng. Vậy thực chất về sự "ăn may", về "khoảng trống quyền lực" ở thời điểm đó là như thế nào? Đó là những nội dung mà bài viết này sẽ tập trung luận giải, đồng thời chỉ ra vai trò lãnh đạo của Đảng, phẩm chất người cán bộ, đảng viên trong sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hôm nay.

***Từ khóa:*** *Cách mạng Tháng Tám; khoảng trống quyền lực; vai trò lãnh đạo của Đảng*

## 1. Nhận diện các luận điệu xuyên tạc

Về bối cảnh Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Stein Tonnesson - nhà Việt Nam học người Na uy đã có nhiều công trình nghiên cứu, trong đó cuốn *Cách mạng Việt Nam năm 1945* -

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Trường Đại học Tây Nguyên

*Rudoven, Hồ Chí Minh và Đờ Gôn trong một thế giới chiến tranh* xuất bản năm 1991 là một công trình nghiên cứu khá công phu. Cuốn sách chỉ ra: "Cách mạng Việt Nam quan trọng không phải chỉ thuần túy trong bối cảnh của Việt Nam. Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Việt Nam nằm trong những nguồn cảm hứng chủ yếu của một đường lối đấu tranh lớn khác sau chiến tranh: đó là quá trình phi thực dân hóa. Trong các cuộc cách mạng cộng sản, cách mạng của những người Việt Nam nổi lên như là một trong những cuộc cách mạng có sức sống và làm đảo lộn nhiều nhất"[1]. Cùng với đó, Stein Tonesson cũng đề cập nhiều tới vấn đề "chân không quyền lực" (khoảng trống quyền lực) như là một nguyên nhân quan trọng, chủ yếu đưa Cách mạng Tháng Tám đến thắng lợi cuối cùng! Lời giới thiệu của cuốn sách viết: Mục đích của công trình nghiên cứu này là... một cuộc thăm dò có hệ thống các nguyên nhân của cách mạng, cuộc thăm dò sẽ đi theo hai hướng chính, mỗi hướng sẽ đi theo một trong hai đường dây chủ yếu: Một dẫn tới tình trạng chân không quyền lực; một dẫn tới việc giành quyền lực. Trong đó nhấn mạnh tình trạng chân không quyền lực có thể được mô tả cụ thể hơn là "... sự vắng mặt của người Pháp và quân Đồng minh, sự thiếu quyết đoán của người Nhật trong việc duy trì sự cai trị cho đến khi quân Đồng minh tới, và sự bất lực của giới quan lại cùng chính quyền của họ trong việc tự phục vụ quyền lợi của họ"[2], đồng thời khẳng định "khoảng trống quyền lực sau sự đầu hàng của Nhật ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn... là chủ yếu trong bất cứ sự giải thích nào về cách mạng Việt Nam"[3]. Vì thế, từ việc tạo ra khoảng trống quyền lực của các cường quốc đã làm đảo lộn toàn bộ tình hình và đã "mời" Việt Minh giành chính quyền"[4].

Một số nhà nghiên cứu như William.J.Duiker, Huỳnh Kim

---

[1, 2, 3, 4] Tonnesson, Stein: *The Vietnamese Revolurion of 1945-Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at War*, PRIO, Oslo, 1991, p.425-426; 6; 412; 415.

Khánh, Vũ Ngự Chiêu... ở những khía cạnh, mức độ nhất định đều cho rằng có một khoảng trống chính trị (khoảng trống quyền lực) và vai trò của nó đối với thắng lợi của Đảng Cộng sản, Việt Minh trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. William.J.Duiker nêu lên sự tồn tại, vai trò của "khoảng trống chính trị" đó là: "Cần phải nhớ rằng cuộc Cách mạng Tháng Tám đã đạt được thành tựu vĩ đại như vậy và thắng lợi của những người cộng sản là có sự đóng góp ở mức độ không nhỏ của những hoàn cảnh ngẫu nhiên. Sự tan rã nhanh chóng của chính phủ ở cả các khu vực thành thị và nông thôn đi đôi với sự trì hoãn đổ bộ của các lực lượng chiếm đóng của Đồng Minh sau khi Nhật Bản đầu hàng đã tạo ra một khoảng trống chính trị ở tất cả các đầu mối quyền lực"[1].

Gần đây, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan cùng những cách tiếp cận, nhìn nhận, đánh giá các sự kiện lịch sử khác nhau, đã xuất hiện những luận điệu dựa vào quan điểm của Stein Tonesson và một số nhà nghiên cứu khác về khoảng trống quyền lực để đánh giá thiếu toàn diện, thiếu khách quan về giá trị thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cho rằng thắng lợi năm 1945 chỉ là một sự "ăn may"...

**2. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thành quả của sự chuẩn bị công phu, lâu dài, của sự đấu tranh kiên cường gian khổ, hy sinh; của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo kiên định, sáng suốt của Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Mặt trận Việt Minh; không phải là một sự "ăn may" hay do có "khoảng trống quyền lực"**

*Một là,* trong các nghiên cứu đề cập tới vấn đề "khoảng trống quyền lực" trước Cách mạng Tháng Tám, chính các tác giả cũng

[1] Duiker, William J.: *The Communist Road to Power in Vietnam,* Boulder Co., Westview Press, 1981, p.100.

không hoàn toàn coi đó như là nhân tố trung tâm để luận giải về thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 hay là nguyên nhân quan trọng quyết định thắng lợi cuối cùng. William.J.Duiker cho rằng: *"*Nhưng chỉ riêng các điều kiện khách quan thì không làm nên một cuộc cách mạng, và ở đây công lao thuộc về những người cộng sản. Họ đã có thể chớp lấy thời cơ được mở ra vô cùng thuận lợi vào lúc kết thúc cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Ở các xứ thuộc địa khác, khoảng trống có thể được lấp đầy bởi lực lượng dân tộc chủ nghĩa không cộng sản. Nhưng ở Việt Nam, các phần tử dân tộc chủ nghĩa đã không thể đứng lên chấp nhận thách thức... Chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương sở hữu ý thức về sự kịp thời và thấu hiểu được sự tinh tế có tính chiến lược của hoàn cảnh để vùng lên đúng lúc. Điểm cuối cùng này mới là quan trọng"[1]. Trong nghiên cứu của mình, Huỳnh Kim Khánh cho rằng, có khoảng trống chính trị xuất hiện ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp (09-3-1945), nhưng cũng nêu rõ: "Xem xét lại, hoàn cảnh ngẫu nhiên và năng lực cách mạng đã đóng những vai trò quan trọng như nhau trong thắng lợi của những người cộng sản Việt Nam"[2]. Hay Vũ Ngự Chiêu, người công khai thể hiện quan điểm không mấy thiện chí với cộng sản, với Việt Minh cũng thừa nhận: "Thắng lợi của Việt Minh vào tháng Tám năm 1945 là một sự kiện phi thường, trong đó cả "điều kiện thuận lợi" và năng lực của những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương trong việc khai thác những yếu tố thuận lợi đều có tính quyết định"[3].

*Hai là*, khoảng trống quyền lực mà Stein Tonesson đề cập tới chính là sự thống trị của chính quyền thực dân tại Việt Nam. Song

---

[1] Duiker, William J.: *The Communist Road to Power in Vietnam,* Boulder Co., Westview Press, 1981, p.100-101.

[2] Huỳnh Kim Khánh: *Vietnamese Communism, 1925-1945,* Cornell University Press, Ithaca, New York, 1982, p.334.

[3] Vũ Ngự Chiêu: *Political and Social Change in Vietnam between1940-1946,* Ph.D dissertation, The University of Wisconsin, Madison, 1984, p.438.

thực tế lịch sử diễn ra cho thấy, không hề có sự thiếu cai trị của chính quyền thực dân. Vì ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp ngày 09-3-1945, Pháp hoàn toàn thất bại nhưng ngay lập tức, Nhật đã thay Pháp cai trị Việt Nam. Bên cạnh đó, còn chính quyền của Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim (gồm 10 bộ). Như đánh giá của nhà văn, nhà báo người Mỹ Lady Borton, khi trao đổi với các nhà nghiên cứu Việt Nam tại Hội thảo khoa học quốc tế *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay* diễn ra tại Hà Nội vào tháng 5-2010: "Khi nhân dân Việt Nam nổi dậy giành chính quyền, các lực lượng chính trị và quân sự tại đây vẫn còn nguyên và tiếp tục những cố gắng của mình"[1]. Bởi thực tế là cho tới khi Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh thì quân Nhật ở Việt Nam vẫn chưa nhận được lệnh đầu hàng và hộ vẫn duy trì quyền kiểm soát trật tự, an ninh. Ông Lê Trọng Nghĩa, nguyên Ủy viên Ủy ban nhân dân cách mạng Bắc Bộ, người trực tiếp đi gặp đại sứ Nhật Tsukamoto tối 19-8-1945 cho hay: "... phải đến ngày 21, tập đoàn quân 38 của Nhật với hơn một vạn quân đóng giữ vùng quanh Hà Nội, mới nhận được lệnh ngừng bắn. Vì vậy, trước đó, trong những ngày 17, 18, 19, quân đội Nhật vẫn có đủ lý do để nổ súng can thiệp, hoặc để tự vệ, hoặc để giữ an ninh... mà họ chịu trách nhiệm cho đến khi quân đội Đồng minh đến tiếp quản"[2]. Ngoài ra chưa kể tới việc phía Nhật cũng đã thực hiện một cuộc "dàn xếp thỏa hiệp" vẫn cho người vào gặp Bảo Đại và Trần Trọng Kim với ý định: "Quân đội Nhật còn trách nhiệm giữ trật tự cho đến khi quân Đồng minh đến thay" và nếu Chính phủ Việt Nam công nhiên có lời mời quân Nhật

---

[1] Ngô Vương Anh: *67 năm Cách mạng Tháng Tám: Về khoảng "chân không chính trị" tháng 8-1945*, Báo *Thanh niên điện tử*, ngày 20-8-2012. https://thanhnien.vn/van-hoa/67-nam-cach-mang-thang-8-ve-khoang-chan-khong-chinh-tri-thang-81945-58042.html.

[2] Xem Đoàn Thanh niên Cứu quốc Hoàng Diệu - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: *Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, Đoàn Thanh niên Cứu quốc Hoàng Diệu*, Nxb.Lao động, H.1999, tr.338, 334.

giúp, quân Nhật có thể giữ trật tự. Tuy nhiên, nhận thấy tình hình là không thể cứu vãn nên Bảo Đại và Trần Trọng Kim đã khước từ lời đề nghị của quân Nhật[1].

Mặt khác thực tế trên chiến trường, quân đội Nhật vẫn còn lực lượng rất mạnh, số lượng tới khoảng 90.000 quân chính quy. Đến ngày 16-8-1945, khi quân cách mạng tiến đánh Thái Nguyên, quân Nhật vẫn kháng cự quyết liệt, cho tới khi Hà Nội giành được chính quyền và quân Nhật ở Thái Nguyên nhận được lệnh ngừng bắn, lực lượng Nhật ở đây mới ngừng kháng cự. Tại Hà Nội, các ngày 17, 18-8-1945, vẫn có xe tăng, các đơn vị quân Nhật bố trí ở nhiều vị trí trung tâm thành phố sẵn sàng nổ súng, gây nên tình hình căng thẳng và khó khăn cho cách mạng.

*Ba là, Đảng đã trải qua 15 năm lãnh đạo quần chúng nhân dân xây dựng thực lực, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.*

Về chuẩn bị lực lượng, đây là một quá trình chuẩn bị lâu dài bắt đầu từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939) và được đẩy mạnh từ sau Hội nghị Trung ương 8 (5-1941). Ngay sau ngày 09-3-1945 khi xảy ra sự kiện Nhật đảo chính Pháp, ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta, trong đó xác định rõ: Sau cuộc đảo chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể, trước mắt, duy nhất của nhân dân Đông Dương; chỉ rõ điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi nhưng phải phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Cao trào ấy có thể bao gồm từ hình thức cao như biểu tình, thị uy võ trang, du kích. Sẵn sàng chuyển qua hình thức Tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện... Đồng thời, "ngay bây giờ phát động du kích, chiếm căn cứ địa, duy trì và mở rộng chiến tranh du kích, phải là phương pháp duy nhất của dân

[1] Xem Trần Trọng Kim: *Một cơn gió bụi*, Nxb.Vĩnh Sơn, Sài Gòn, 1969, tr.93-94.

tộc ta để *đóng vai chủ động trong việc đánh đuổi quân ăn cướp Nhật Bản ra khỏi nước,* chuẩn bị hưởng ứng quân Đồng minh một cách tích cực... Nếu giặc Nhật mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh của Nhật mất tinh thần thì khi ấy, dù quân Đồng minh chưa đổ bộ; cuộc tổng khởi nghĩa của ta vẫn có thể bùng nổ và thắng lợi[1]... Chỉ thị là một văn kiện lịch sử, phù hợp tình hình thực tiễn, trong đó Đảng đã chỉ đạo hành động chuẩn bị mọi mặt lực lượng, đón thời cơ khởi nghĩa một cách tích cực, chủ động. Nhờ đó, các căn cứ địa, chiến khu cách mạng được mở rộng, xuất hiện các xã, châu hoàn toàn Việt Minh. Trước khi Tổng khởi nghĩa diễn ra, chúng ta đã có khu giải phóng Việt Bắc rộng lớn với 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh. Hàng loạt các đơn vị, tổ chức vũ trang Cứu quốc quân, Việt Nam Giải phóng quân, tự vệ, du kích hỗ trợ và làm nòng cốt cho đấu tranh chính trị của quần chúng; chiến tranh du kích, Mặt trận Việt Minh phát triển mạnh mẽ với các đoàn thể cứu quốc... Đó là những điều kiện góp phần quan trọng tạo ra thời cơ cách mạng, tình thế cách mạng trực tiếp góp phần vào thắng lợi của Tổng khởi nghĩa, không phải chỉ có điều kiện khách quan đem đến. Ngoài ra, Đảng đã chủ trương và kịp thời triển khai, thực hiện hiệu quả được chủ trương tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, lực lượng Đồng minh chống phát xít Nhật. Như vậy, từ sau Hội nghị Trung ương 8, Đảng đã chủ động lãnh đạo nhân dân xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, căn cứ địa... chuẩn bị nội lực để đủ sức đón bắt, làm chủ được thời cơ khi nó xuất hiện để giành thắng lợi cuối cùng.

Bên cạnh đó, cần nói đến khả năng đánh giá, nhận định thời cơ của Đảng, lãnh tụ Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám. Trước những chuyển biến mau lẹ của Chiến tranh thế giới lần thứ hai, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ quyết tâm sắt đá: dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải quyết giành cho được độc lập dân tộc. Đó

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2000, t.7, tr.372-373.

cũng là quyết tâm, ý chí của cả dân tộc Việt Nam. Trong những ngày Thu đầu tháng Tám với hàng loạt các sự kiện liên tiếp diễn ra: Chính phủ Mỹ quyết định ném hai quả bom nguyên tử xuống Hirôshima (6-8) và Nagasaki (9-8) của Nhật Bản làm chết hơn 140.000 người dân nhằm răn đe cả thế giới và đánh sụp ý chí chiến tranh của Nhật. Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật (9-8), nhanh chóng đánh bại đạo quân chủ lực Quan Đông, dẫn tới việc Nhật Hoàng phải tuyên bố đầu hàng Đồng minh (15-8)... Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo: "Nên họp ngay, và cũng không nên kéo dài hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút, tình hình sẽ biến chuyển nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội"[1]. Vì thế, tối ngày 12-8-1945, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban hành. Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc[2]. 23h ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa ra Lệnh khởi nghĩa (Quân lệnh số I). Tiếp đó, ngày 14-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc tại Tân Trào, Sơn Dương, Tuyên Quang, thống nhất nhận định những điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi. Toàn dân đang sục sôi khí thế đợi giờ khởi nghĩa đề giành quyền độc lập... Ngay sau đó, ngày 16-8-1945, Đại hội quốc dân diễn ra tại Tân Trào, thống nhất: sau khi giành được độc lập dân tộc sẽ thi hành 10 chính sách của Việt Minh; bầu Ủy ban Dân tộc giải phóng và sau chuyển thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng (Hồ Chí Minh làm Chủ tịch; Trần Huy Liệu làm Phó Chủ tịch...); định Quốc kỳ, Quốc ca của nước Việt Nam mới... Đó là quyết tâm, tầm nhìn vượt trội của lãnh tụ Hồ Chí Minh, bản lĩnh, trí tuệ của Đảng.

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 diễn ra nhanh chóng, trong một thời gian ngắn (chỉ khoảng 2 tuần lễ) đã giành thắng lợi trong cả nước, là thành quả của sự hội tụ các yếu tố "thiên thời, địa

---

[1] *Hồi ký về Bác Hồ*, Nxb.Văn học, H.1975, tr.30.

[2] Gồm các đồng chí: Trường Chinh (trực tiếp phụ trách), Võ Nguyên Giáp, Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh, Chu Văn Tấn.

lợi, nhân hòa", nhưng điểm mấu chốt là Đảng ta đã chuẩn bị, tạo được một sức mạnh nội lực thực sự để đủ khả năng đón nhận, nắm bắt được thời cơ thuận lợi khi nó xuất hiện để giành chiến thắng. Bởi ở thời điểm Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, chủ nghĩa phát xít bị đánh bại, các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên thế giới, cụ thể là ở châu Á - Thái Bình Dương, khu vực Đông Nam Á đều có chung điều kiện khách quan thuận lợi, thời cơ rõ rệt để khởi nghĩa giành chính quyền, chứ không phải chỉ riêng Việt Nam. Song hiếm có quốc gia nào lại chớp được thời cơ như Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam. Thế nên đó là thành quả của một quá trình chuẩn bị kỹ lưỡng mọi mặt từ rất lâu với bao hy sinh, mất mát, đánh đổi cả bằng xương máu của lớp lớp các thế hệ người Việt Nam kiên cường, anh dũng chứ không phải là một thắng lợi ngẫu nhiên, một sự "ăn may" hay nhờ có một khoảng trống quyền lực nào đó mang lại.

### 3. Bài học về phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, phẩm chất người cán bộ, đảng viên hiện nay

Dưới sự lãnh đạo tài tình, khả năng nhận định, chớp thời cơ của Đảng, lãnh tụ Hồ Chí Minh, Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã giành được thắng lợi. Song, đúng như Người nói với đồng chí Hoàng Quốc Việt: "... thắng lợi của cách mạng phụ thuộc vào lực lượng của nhân dân. Cá nhân sẽ không làm nên chuyện gì nếu không có nhân dân"[1]. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cho chúng ta bài học thực tiễn sâu sắc về vai trò lãnh đạo của Đảng, của lãnh tụ, sức mạnh của quần chúng nhân dân. Phải biết lấy dân là gốc, phải coi trọng lợi ích của nhân dân, Tổ quốc. Người cán bộ lãnh đạo, đảng viên cần phải sống và làm việc để dân tin, dân yêu và dân làm theo. Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người thấu hiểu, người phục vụ nhân dân, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói là "công bộc của dân".

[1] Hoàng Quốc Việt: *Đường Bác Hồ chúng ta đi*, Nxb.Thanh niên, H.1990, tr.93.

Phẩm chất, đạo đức, năng lực của cán bộ, đảng viên là yếu tố quan trọng quyết định đến vận mệnh của quốc gia dân tộc trong mọi thời đại, hoàn cảnh. Hơn bao giờ hết, trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hôm nay, rất cần những cán bộ, đảng viên có tâm và có tầm.

Bài học từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Cũng như thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thành quả của dân tộc Việt Nam kiên cường chiến đấu hy sinh gian khổ, của bản lĩnh, trí tuệ, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Mặt trận Việt Minh, lãnh tụ Hồ Chí Minh mà có.

# NHẬN DIỆN VÀ PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYÊN TẠC VỀ VẤN ĐỀ QUÂN TÌNH NGUYỆN VIỆT NAM Ở CAMPUCHIA TỪ NĂM 1979 ĐẾN NĂM 1989*

***Trần Thị Nhẫn*****

***Tóm tắt:*** Từ tháng 01-1979 đến tháng 9-1989, quân tình nguyện Việt Nam đã sát cánh cùng nhân dân Campuchia chiến đấu lật đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt, giúp nước bạn hồi sinh và phát triển trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, sự có mặt của quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia đã bị các thế lực thù địch, phản động cố tình vu khống, xuyên tạc, làm sai lệch sự thật lịch sử. Bài viết tập trung nhận diện, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động; qua đó, khẳng định tính chính nghĩa, nhân văn và sự hy sinh cao cả của quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia, làm cơ sở để tiếp tục vun đắp tình hữu nghị, đoàn kết Việt Nam - Campuchia.

***Từ khóa:*** *Quân tình nguyện Việt Nam; Campuchia; xuyên tạc; sai trái*

## 1. Nhận diện quan điểm sai trái, xuyên tạc về vấn đề quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia trong giai đoạn 1979-1989

Ngày 17-4-1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Campuchia kết thúc thắng lợi. Sau khi đất nước được giải phóng, tập đoàn Pôn Pốt nắm quyền ở Campuchia đã phản bội lại sự nghiệp cách mạng và dân tộc mình, thi hành chính sách đối nội hết sức phản động,

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

đi ngược lại xu thế phát triển văn minh nhân loại. Tập đoàn Pôn Pốt chủ trương xây dựng một xã hội không có giáo dục, không trí thức, không tôn giáo, không đô thị, không chợ, không tiền...; tàn phá các công trình văn hóa công cộng như đền, chùa, trường học; cấm họp chợ, xua đuổi nhân dân ra khỏi các thành phố, bắt buộc họ phải sống và lao động khổ sai trong trại tập trung ở các vùng nông thôn; đồng thời, tiến hành thanh trừng nội bộ và thực hiện chế độ diệt chủng, tàn sát dã man hàng triệu người dân Campuchia vô tội[1]. Chỉ trong hơn 3 năm (4-1975 - 01-1979) tập đoàn Pôn Pốt nắm quyền lãnh đạo đất nước Campuchia bằng chính sách quân phiệt, hà khắc, hết sức vô nhân tính, đã gây đảo lộn toàn bộ xã hội và tàn phá tan nát đất nước Campuchia.

Cùng với chính sách đối nội hết sức phản động, tập đoàn Pôn Pốt thực thi chính sách đối ngoại dựa trên tư tưởng chủ nghĩa dân tộc cực đoan, gây thù hằn sâu sắc với dân tộc Việt Nam. Ngay đầu tháng 5-1975, khi Việt Nam vừa giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; quân Pôn Pốt đã tiến hành các hoạt động quân sự, gây xung đột và xâm phạm lãnh thổ Việt Nam dọc các tỉnh từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Từ tháng 5-1975 đến cuối năm 1977, quân Pôn Pốt tiếp tục gia tăng các vụ xung đột vi phạm chủ quyền quốc gia và gây nhiều tội ác dã man đối với nhân dân Việt Nam ở dọc tuyến biên giới phía Tây Nam.

Với chủ trương giải quyết mọi vấn đề trong quan hệ giữa hai nước bằng biện pháp hòa bình, Chính phủ Việt Nam đã thiện chí nhiều lần

---

[1] Trong thời gian từ 17-4-1975 đến ngày 07-01-1979: Theo báo cáo điều tra của Liên hợp quốc ước tính khoảng từ 2-3 triệu người bị giết chết; UNICEF ước tính 3 triệu người; Craig Etcheson ở Trung tâm tài liệu Campuchia (DC-Cam, Documentation Center of Cambodia) ước tính khoảng 2-2,5 triệu người. Từ năm 1979 đến năm 1980, có thêm khoảng 300.000 người chết do hậu quả của chính sách diệt chủng. Chính phủ Cộng hòa nhân dân Campuchia cho biết 3 triệu người trong tổng số 7 triệu dân Campuchia đã chết. Theo Lưu Văn Lợi: *Ngoại giao Việt Nam (1945-1995)*, Nxb.Công an nhân dân, H.2004, tr.454.

đề nghị đàm phán hai bên nhưng chính quyền Pôn Pốt đều khước từ. Ngày 31-12-1977, chính quyền Pôn Pốt đơn phương cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam; đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động chiến tranh xâm lược, gây nhiều thiệt hại lớn về tính mạng và tài sản của nhân dân Việt Nam. Cuối năm 1978, quân Pôn Pốt đồng loạt mở cuộc tiến công xâm lược với quy mô lớn vào lãnh thổ phía Tây Nam Việt Nam. Ngày 23-12-1978, 03 sư đoàn quân Pôn Pốt tiến đánh vào vùng Bến Sỏi, Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; với mục tiêu chiếm Tây Ninh làm bàn đạp để đánh chiếm Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước hành động ngoan cố của quân Pôn Pốt, quân và dân Việt Nam đã mở chiến dịch phản công, kiên quyết đánh đuổi quân xâm lược, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

Đồng thời với cuộc chiến tranh tự vệ chính đáng của nhân dân Việt Nam, một số nhà hoạt động cách mạng thuộc Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia đã tập hợp, xây dựng lực lượng nổi dậy chống lại tập đoàn tập đoàn Pôn Pốt, nhằm thoát khỏi chế độ diệt chủng đang đe dọa sự tồn vong của dân tộc mình. Ngày 02-12-1978, Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia được thành lập. Ngày 26-12-1978, Bộ Chỉ huy quân đội cách mạng thuộc Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia phát động chiến dịch nổi dậy của nhân dân Campuchia; đồng thời, kêu gọi quân đội Việt Nam giúp đỡ nhân dân Campuchia tiến công tiêu diệt tập đoàn Pôn Pốt phản động và chế độ diệt chủng.

Trước yêu cầu lịch sử cấp bách và nguyện vọng tha thiết của nhân dân Campuchia, từ ngày 28-12-1978, quân tình nguyện Việt Nam đã phối hợp với lực lượng cách mạng Campuchia thực hiện chiến dịch phản công và tiến công quân Pôn Pốt, cứu dân tộc Campuchia khỏi họa diệt chủng. Ngày 07-01-1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng. Ngày 08-01-1979, Hội đồng Nhân dân Cách mạng Campuchia được thành lập do đồng chí Hêng Somrin làm Chủ

tịch, tuyên bố xóa bỏ hoàn toàn chế độ diệt chủng Pôn Pốt, thành lập nước Cộng hòa nhân dân Campuchia. Tiếp đó, lực lượng cách mạng Campuchia phối hợp với quân tình nguyện Việt Nam truy quét tàn quân Pôn Pốt ở các địa phương. Đến ngày 17-01-1979, đất nước Campuchia được giải phóng hoàn toàn. Sau khi giúp nhân dân Campuchia giải phóng đất nước, thoát khỏi nạn diệt chủng, quân tình nguyện Việt Nam tiếp tục ở lại giúp nước bạn hồi sinh và phát triển đất nước, bảo vệ nền độc lập, hòa bình. Đến tháng 9-1989, khi nhiệm vụ đã hoàn thành, Việt Nam rút toàn bộ quân tình nguyện về nước và tiếp tục tích cực đóng góp vào việc tìm kiếm giải pháp chính trị hòa bình cho vấn đề Campuchia.

Tội ác của chế độ diệt chủng do tập đoàn Pôn Pốt gây ra cho chính dân tộc Campuchia và nhân dân Việt Nam đã được phơi bày trước dư luận trong nước và thế giới, được đưa ra xét xử bằng công lý: Ngày 15-8-1979, tại Phnôm Pênh, tòa án quốc tế đã họp để xét xử và tuyên án tử hình vắng mặt hai nhân vật đứng đầu chế độ diệt chủng là Pôn Pốt và Iêng Xari vì tội ác đối với nhân dân Campuchia; ngày 02-01-2001, Chính phủ Hoàng gia Campuchia thành lập Tòa án đặc biệt (ECCC) xét xử tội ác của chế độ Khmer Đỏ do Pôn Pốt - Iêng Xari lãnh đạo; ngày 16-11-2018, ECCC tuyên án Khmer Đỏ tội danh diệt chủng.

Vấn đề lịch sử đã được sáng tỏ! Tuy nhiên, việc Việt Nam đưa quân tình nguyện sang giúp nhân dân Campuchia đánh đổ tập đoàn Pôn Pốt, giành quyền sống và mang lại sự hồi sinh cho cả một dân tộc trước thảm họa diệt chủng đã bị các thế lực đế quốc, phản động - những thế lực ủng hộ lực lượng Pôn Pốt cố tình hiểu sai. Họ vu khống hành động nhân đạo của Việt Nam là "xâm lược Campuchia", "là đe dọa hòa bình ở khu vực", cho rằng Việt Nam đang "âm mưu lập Liên bang Đông Dương do Việt Nam đứng đầu", thực hiện chủ nghĩa "bá quyền"... Các thế lực đế quốc, phản động đã sử dụng những diễn đàn quốc tế như: Thông qua Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc để phản đối

và lôi kéo đồng minh lên án Việt Nam; vận động Đại hội đồng Liên hợp quốc, Phong trào Không liên kết giữ ghế cho Khơme đỏ; kêu gọi các nước ASEAN tỏ thái độ cứng rắn với Việt Nam; gia tăng áp lực đòi Việt Nam phải rút quân khỏi Campuchia... Sự vu khống đó đã đánh lạc hướng dư luận quốc tế, làm thay đổi bản chất sự thật lịch sử, khiến thế giới nhận thức không đúng về vấn đề quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia, gây bất lợi lớn cho Việt Nam!

Cho đến nay, hơn ba thập kỷ đã trôi qua, các thế lực thù địch và phản động vẫn chưa thôi luận điệu vu khống, cố tình xuyên tạc, phủ nhận sự thật lịch sử về vấn đề quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia trong giai đoạn 1979-1989. Nhất là hằng năm, vào các dịp kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Campuchia (24-7), kỷ niệm ngày nhân dân Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt (7-1), các thế lực thù địch, phản động vẫn tiếp tục sử dụng những hình thức theo dạng bình luận, kể chuyện lịch sử để vu khống, xuyên tạc sự thật nhằm phá hoại truyền thống láng giềng tốt đẹp lâu đời, tình đoàn kết, hữu nghị của hai nước, kích động gây hằn thù giữa hai dân tộc Việt Nam và Campuchia. Những luận điệu trên rất cần được phản bác mạnh mẽ, đấu tranh rõ ràng dựa trên những cứ liệu lịch sử xác đáng; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền để thế giới cũng như nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia hiểu rõ sự thật lịch sử, hiểu rõ tính chính nghĩa và sự hy sinh cao cả của quân tình nguyện Việt Nam; qua đó, tiếp tục vun đắp tình hữu nghị, đoàn kết Việt Nam - Campuchia.

## 2. Phản bác, đấu tranh chống lại quan điểm sai trái, xuyên tạc về vấn đề quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia trong giai đoạn 1979-1989

*Thứ nhất, quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia trong 10 năm (1979-1989) là tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ quốc tế gắn với nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc, thể hiện khát vọng hòa bình bền vững.*

Sau ngày 07-01-1979, tập đoàn Pôn Pốt bị đánh đổ, lực lượng phần lớn bị tiêu diệt và tan rã tại chỗ; tuy nhiên, tàn quân vẫn còn khoảng 4 vạn tên cùng đội ngũ chỉ huy đã rút chạy lẩn trốn vào rừng dọc theo tuyến biên giới phía Tây - Tây Bắc Campuchia. Lực lượng này dựa vào sự giúp đỡ, hậu thuẫn của nước ngoài (tiền, vũ khí) tiếp tục chống phá cách mạng Campuchia với ý đồ rất rõ: Khôi phục lại lực lượng; tăng cường sức ép về mọi mặt, buộc quân tình nguyện Việt Nam phải rút khỏi Campuchia; quay trở lại lật đổ lực lượng cách mạng Campuchia; tiếp tục chống phá Việt Nam. Từ những căn cứ bên kia biên giới Campuchia, quân Pôn Pốt đã tổ chức phản kích, khủng bố lực lượng cách mạng và nhân dân Campuchia với cường độ và quy mô ngày càng tăng. Tình hình đó đặt đất nước Campuchia vừa được giải phóng trước nguy cơ chế độ diệt chủng có thể quay trở lại, đe dọa sự bình yên quý giá vừa có được. Trong bối cảnh đó, thể theo nguyện vọng khẩn thiết của nhân dân Campuchia, Đảng Nhân dân cách mạng và Nhà nước Campuchia đã chính thức đề nghị Chính phủ Việt Nam chưa rút quân mà tiếp tục ở lại thêm một thời gian để giúp bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng lực lượng về mọi mặt.

Đảng, Nhà nước Việt Nam cũng nhận thức và xác định rõ sự thống nhất giữa nghĩa vụ quốc tế gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc; bởi lẽ, một khi tập đoàn Pôn Pốt trở lại nắm quyền, không những nhân dân Campuchia phải chịu cảnh đọa đày mà tình hình biên giới Tây Nam của Việt Nam cũng không được bình yên. Sự tồn tại của lực lượng Pôn Pốt chính là nguy cơ đe dọa nền hòa bình, độc lập đối với cả Campuchia và Việt Nam. Hơn nữa, với truyền thống láng giềng hữu nghị, với tinh thần nhân đạo cao cả, nhân dân Việt Nam không thể khoanh tay đứng nhìn khi nhân dân Campuchia gặp nạn. Vì vậy, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã quyết định đáp ứng yêu cầu của Bạn. Ngày 18-02-1979, tại Thủ đô Phnôm Pênh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Chủ tịch Hêng Xomrin thay mặt Chính phủ hai nước ký Hiệp ước hòa

bình, hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Campuchia. Bản Hiệp ước có giá trị 25 năm, trong đó nêu rõ: "Xuất phát từ nguyên tắc việc bảo vệ và xây dựng mỗi nước là trách nhiệm của nhân dân nước đó, hai bên cam kết hết lòng ủng hộ và giúp đỡ nhau trong mọi lĩnh vực và dưới mọi hình thức cần thiết, nhằm tăng cường khả năng của mỗi bên bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, hòa bình, xây dựng đất nước và đấu tranh chống mọi âm mưu và hành động phá hoại của các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế. Nếu một bên yêu cầu, hai bên sẽ thi hành những biện pháp có hiệu quả để thực hiện cam kết này"[1]. Mục tiêu chiến lược chung đề ra là: Tiêu diệt hoàn toàn chế độ diệt chủng Pôn Pốt; giúp cách mạng Campuchia mạnh lên, đủ khả năng tự lực, tự cường; đảm bảo hòa bình, ổn định ở biên giới Tây Nam của Việt Nam. Trên cơ sở đó, Việt Nam sẽ chủ động rút quân tình nguyện, giữ vững tình đoàn kết truyền thống Việt Nam - Campuchia. Với phương châm "giúp nhân dân nước bạn là mình tự giúp mình"[2] và tinh thần nghĩa vụ quốc tế cao cả, quân tình nguyện Việt Nam đã vượt mọi khó khăn, thiếu thốn, nguy nan, giúp Bạn trên tất cả các lĩnh vực quân sự, kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, xã hội, trong suốt thời gian từ tháng 01-1979 đến tháng 9-1989.

Như vậy, việc quân tình nguyện Việt Nam có mặt ở Campuchia trong giai đoạn 1979-1989 không phải là hành động "xâm lược" như các luận điệu thù địch, phản động rêu rao. Theo Điều 1 Nghị quyết 3314 của Đại hội đồng Liên hợp quốc năm 1974, định nghĩa về xâm lược: "Là việc sử dụng lực lượng vũ trang hoặc là bất kỳ hành động nào trái với Hiến chương Liên hợp quốc của một quốc gia hay liên minh các quốc gia nhằm chống lại chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hay sự độc lập về chính trị của một quốc gia khác hoặc của một liên minh các quốc

[1] Báo *Nhân Dân*, ngày 19-2-1979, tr.1.
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.105.

gia khác"[1]. Theo đó, xâm lược được hiểu là hành động sử dụng vũ lực quân sự bởi một quốc gia chống chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hay độc lập chính trị của một quốc gia khác, chống lại nền hòa bình quốc tế. Quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia rõ ràng là hành động đoàn kết quân sự để giải phóng dân tộc Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng và giúp đỡ dân tộc - đất nước Campuchia hồi sinh, ổn định và phát triển sau chế độ diệt chủng. Hơn nữa, việc quân tình nguyện Việt Nam vào Campuchia không phải là hành động chủ quan từ phía Việt Nam mà đó chính là nguyện vọng được giúp đỡ của nhân dân Campuchia, là đề nghị của Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Campuchia được thể hiện rõ trong Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Campuchia.

*Thứ hai, quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia đã thực hiện đúng những cam kết trong Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Campuchia.*

Nhận thức rõ tính chất đặc biệt của nhiệm vụ quốc tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo tổ chức nghiêm túc, chặt chẽ về việc cử quân tình nguyện sang làm nhiệm vụ tại Campuchia. Theo thỏa thuận giữa Chính phủ hai nước, ngày 26-02-1979, Hội đồng Chính phủ Việt Nam ra Quyết định số 72-CP về việc tổ chức Đoàn chuyên gia kinh tế, văn hóa giúp Hội đồng Nhân dân cách mạng Campuchia[2]. Nhiệm vụ của Đoàn là giúp Hội đồng Nhân

---

[1] United Nations General Assembly Resolution 3314 (XXIX).

*http://hrlibrary.umn.edu/instree/GAres3314.html*

[2] Theo Quyết định, thành phần Đoàn chuyên gia kinh tế, văn hóa gồm: Trưởng đoàn - đồng chí Nguyễn Côn, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế - Kế hoạch Trung ương Đảng; Phó Trưởng đoàn là đồng chí Hồ Viết Thắng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, thường trực tổng hợp của đoàn và đồng chí Nguyễn Tuân, Thứ trưởng Bộ Điện và Than, phụ trách khối công nghiệp. Thành viên Ban Lãnh đạo đoàn gồm các đồng chí: Trần Khải, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp; Nguyễn Hữu Bảo, Thứ trưởng Bộ Nội thương; Đặng Văn Thông, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Phạm Văn Sơn, Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp; Lê Thành Công, Thứ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin; Nguyễn Duy Cường, Thứ trưởng Bộ Y tế; Nguyễn Hữu Dụng, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và đồng chí Phan Minh Tuệ, chuyên viên bậc 7 Bộ Tài chính.

dân cách mạng Campuchia nghiên cứu chủ trương, chính sách, kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa ở Campuchia; giúp đỡ Chính phủ Bạn thực hiện những công việc kinh tế, văn hóa mà Bạn chưa có khả năng làm và do Bạn yêu cầu... Nguyên tắc hoạt động của Đoàn là tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, hai bên cùng có lợi.

Ngày 15-5-1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 75-CT/TW, nêu rõ: "Theo yêu cầu và sự thỏa thuận của Trung ương Bạn, Trung ương Đảng ta đã quy định các lực lượng Việt Nam lên hoạt động tại Campuchia gồm có: Các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam; các đoàn chuyên gia Việt Nam cấp trung ương, cấp tỉnh và tổ chuyên gia cấp huyện; các đội công tác hoạt động theo từng thời gian về kinh tế, kỹ thuật, y tế, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật"[1]. Đồng thời, Trung ương Đảng nhấn mạnh: "Các đảng viên chỉ sang giúp Bạn một thời gian, xong việc lại về... Tích cực đóng góp làm đúng tư cách người đảng viên, người tham mưu tốt của Trung ương Đảng ta, người chuyên gia tin cậy của Bạn"[2].

Với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, đến năm 1982, lực lượng cách mạng Campuchia dần trưởng thành, từng bước có thể tự đảm đương được nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ thành quả cách mạng. Trên cơ sở đó, tháng 10-1982, Việt Nam bắt đầu rút một lực lượng quân tình nguyện về nước và tuyên bố sẽ tiếp tục rút dần hàng năm và sẽ rút hết vào năm 1990.

Tuy nhiên, đến năm 1989, các mục tiêu chiến lược của cách mạng Campuchia và Việt Nam đề ra cơ bản hoàn thành. Đó là điều kiện quan trọng để Việt Nam có thể rút hoàn toàn quân tình nguyện về nước sớm hơn dự định. Ngày 06-01-1989, trong bài diễn văn

---

[1, 2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.40, tr.150; 147.

quan trọng đọc tại cuộc mít tinh trọng thể kỷ niệm lần thứ 10 Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa nhân dân Campuchia, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh tuyên bố rõ: "Việc quân tình nguyện Việt Nam vào Campuchia 10 năm trước đây là do thực hiện quyền tự vệ chính đáng của Việt Nam và đáp ứng lời kêu gọi của nhân dân Campuchia. Việt Nam rút toàn bộ số quân tình nguyện ở Campuchia về nước vào tháng 9-1989... Việt Nam sẽ đem hết sức mình để vun đắp và bảo vệ mối quan hệ đoàn kết hữu nghị và hợp tác về mọi mặt giữa hai nước Việt Nam - Campuchia"[1]. Ngay trong tháng 01-1989, Việt Nam hoàn thành rút hết lực lượng chuyên gia dân sự về nước.

Ngày 05-4-1989, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cùng Chính phủ Cộng hòa nhân dân Campuchia và Chính phủ Cộng hòa nhân dân Lào ra Tuyên bố chung về việc rút toàn bộ quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước. Bản Tuyên bố nhấn mạnh: "Năm 1979 quân tình nguyện Việt Nam sang Campuchia sát cánh cùng với lực lượng vũ trang của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước và nhân dân Campuchia chiến đấu đập tan chế độ Pôn Pốt, cứu nhân dân Campuchia khỏi bọn diệt chủng, dập tắt một lò lửa gây chiến ở Đông Nam Á, là hành động chính nghĩa và hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của phong trào các nước Không liên kết, phù hợp với hiến chương Liên hợp quốc... Tất cả những thỏa thuận và cam kết đã đạt được về việc rút hết quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia và việc chấm dứt sự can thiệp của nước ngoài cho tất cả các bên Campuchia phải hoàn thành vào cuối tháng 9-1989 có sự giám sát của quốc tế"[2].

Thực hiện cam kết trong bản Tuyên bố, ngày 29-6-1989, những đơn vị cuối cùng của quân tình nguyện Việt Nam đã rút về nước. Cùng

---

[1] Báo *Nhân Dân* ngày 07-01-1989.

[2] Báo *Nhân Dân* ngày 05-4-1989.

với rút quân, Việt Nam tích cực và chủ động đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao để có một giải pháp chính trị phù hợp, mang lại hòa bình, ổn định và phát triển cho đất nước Campuchia. Ngày 23-10-1991, Hiệp định hòa bình Pari được ký, mở ra một tương lai tươi sáng cho đất nước và dân tộc Campuchia.

Khi Việt Nam rút quân tình nguyện về nước, một số tổ chức quốc tế và các thế lực thù địch vẫn nghi ngờ cho rằng Việt Nam còn ém lực lượng ở lại. Sau khi Hiệp định hòa bình Pari được ký, Cơ quan chuyển tiếp Liên hợp quốc tại Campuchia (UNTAC) đã khẳng định hoàn toàn không còn quân tình nguyện Việt Nam trên đất nước Campuchia.

Cần nhấn mạnh rằng, việc rút quân tình nguyện về nước là chủ ý của Đảng và Nhà nước Việt Nam được thực hiện theo lộ trình từ năm 1982 đến năm 1989. Đó là minh chứng rõ ràng cho việc thực hiện đúng cam kết trong Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Campuchia, chứ không phải là ý đồ "xâm lược" lâu dài như các thế lực thù địch, phản động rêu rao.

*Thứ ba, quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia trong 10 năm (1979-1989) đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ quốc tế đối với đất nước và nhân dân Campuchia; chấp nhận nhiều hy sinh, mất mát to lớn.*

Thực hiện những cam kết trong Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Campuchia, đồng thời chấp hành sự phân công của Đảng và Nhà nước Việt Nam, hàng ngàn cán bộ, chuyên gia, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam được cử sang tiếp tục sát cánh cùng Chính phủ và nhân dân Campuchia thực hiện các nhiệm vụ chiến lược và mục tiêu cách mạng đề ra trong giai đoạn 1979-1989. Quân tình nguyện Việt Nam vừa phối hợp chiến đấu truy quét tàn quân Pôn Pốt ở các vùng biên giới phía Tây - Tây Bắc và nội địa đất nước Campuchia, vừa giúp Bạn xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. vừa Từ 21 tiểu đoàn được xây dựng ban đầu, Campuchia đã nhanh

chóng xây dựng được lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh và hệ thống cơ quan chỉ huy từ trung ương đến cơ sở, từng bước đảm đương được nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ công cuộc xây dựng, hồi sinh đất nước. Đến ngày 15-02-1985, quân đội Campuchia phối hợp với quân tình nguyện Việt Nam tiến công chiếm được đại bản doanh của Pôn Pốt tại Phnôm Malai (Tây Campuchia).

Cùng với việc truy quét và chặn đứng nguy cơ trở lại của chế độ diệt chủng Pôn Pốt, quân tình nguyện Việt Nam còn tích cực giúp Chính phủ và nhân dân Campuchia xây dựng, củng cố chính quyền nhân dân từ Trung ương đến địa phương; khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Trên lĩnh vực kinh tế, đội ngũ chuyên gia Việt Nam đã giúp nhân dân Campuchia dần khắc phục những hậu quả thiệt hại nặng nề mà tập đoàn Pôn Pốt để lại. Trước nạn đói đe dọa nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân Campuchia, mặc dù trong nước cũng đang gặp rất nhiều khó khăn về lương thực nhưng ngay trong năm 1979, Chính phủ Việt Nam đã huy động và gửi khẩn cấp cho Campuchia 120.000 tấn lương thực. Việt Nam còn giúp thóc giống, con giống, nông cụ, để khôi phục sản xuất nông nghiệp; giúp khôi phục lại các nông trường, nhà máy... Nhờ đó, ngay cuối năm 1979, Campuchia đã thu hoạch được 300.000 tấn lương thực; năm 1980 được hơn 700.000 tấn; năm 1982 tăng lên được 1,480 triệu tấn[1]; cơ bản đẩy lùi được nạn đói.

Nhằm giúp nhân dân Campuchia nhanh chóng ổn định cuộc sống, quân tình nguyện Việt Nam đã sử dụng mọi phương tiện vận chuyển, đưa hàng triệu người dân Campuchia đang chịu cảnh tha hương, ly tán được trở về quê cũ; đồng thời, giúp họ dựng lại nhà cửa, phân phát dụng cụ gia đình, công cụ sản xuất, một số hàng tiêu dùng thiết yếu để tổ chức lại cuộc sống; mở lại hệ thống chợ, khôi

[1] Grant Evans - Kelvin Rowley: *Red Brotherhood at war*, bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Tấn Cưu, Nxb.Quân đội nhân dân, H.1986, tr.238.

phục và xây dựng hệ thống bệnh viện, trạm xá, trường học, ở thủ đô Phnôm Pênh và ở khắp các địa phương. Đội ngũ quân y và chuyên gia y tế Việt Nam cùng lực lượng y tế nước Bạn tổ chức khám, chữa bệnh cho nhân dân, đẩy nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh. Các chuyên gia giáo dục tham gia xây dựng chương trình, tập hợp đội ngũ giáo viên, trí thức, mở lại trường, lớp để đón trẻ em trong độ tuổi đi học trở lại trường. Đến tháng 6-1979, Campuchia đã có trên 32 vạn học sinh và trên 7.000 giáo viên tiểu học. Bắt đầu từ năm 1980, ngày 19-6 được Chính phủ Campuchia chọn là Ngày toàn quốc chống nạn mù chữ[1].

Với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, Campuchia cũng nhanh chóng xây dựng thể chế nhà nước và củng cố hệ thống chính quyền cách mạng, phát triển các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến địa phương; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp. Ngày 01-5-1981, Nhà nước Cộng hòa nhân dân Campuchia tổ chức tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội lập hiến. Ngày 24-6-1981, Quốc hội Campuchia họp thông qua Hiến pháp của nước Cộng hòa nhân dân Campuchia, cử ra lãnh đạo Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng. Ngày 05-02-1982, kỳ họp thứ hai của Quốc hội Campuchia thông qua Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, Luật Tổ chức Hội đồng bộ trưởng, Luật Tổ chức Tòa án và Viện Công tố. Ngày 27-8-1987, Chính phủ Cộng hòa nhân dân Campuchia tuyên bố chính sách hòa hợp dân tộc.

Trong 10 năm (1979-1989), quân tình nguyện Việt Nam đã có mặt trên khắp mọi miền đất nước Campuchia, từ đô thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi để giúp đỡ nhân dân Campuchia tái thiết lại đất nước từ đống hoang tàn và đau thương do chế độ diệt chủng Pôn Pốt để lại. Họ đã hòa mình, gắn bó giúp nhân dân Campuchia thực hiện một

[1] Lưu Văn Lợi: *Ngoại giao Việt Nam (1945-1995)*, Nxb.Công an nhân dân, H.2004, tr.468.

cuộc hồi sinh dân tộc vĩ đại chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Cũng trong 10 năm ấy, hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, chuyên gia Việt Nam đã anh dũng hy sinh trên đất bạn mà cho đến nay, nhiều người vẫn chưa được về với đất mẹ[1]. Biết bao mồ hôi, xương máu của quân tình nguyện Việt Nam đã đổ để mang lại sự hồi sinh cho dân tộc Campuchia. Đây là sự giúp đỡ tự nguyện dựa trên tình đoàn kết, hữu nghị sâu sắc và tinh thần quốc tế cao cả, trong sáng của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam; được nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới hoan nghênh, đặc biệt là sự ghi nhận của nhân dân Campuchia: "Trong những năm cực kỳ bi thảm dưới chế độ diệt chủng Pôn Pốt, trên thế giới này không biết bao nhiêu kẻ mạnh, kẻ giàu, nhưng duy nhất chỉ có người bạn láng giềng nghèo Việt Nam đến cứu sống dân tộc ta mà thôi"[2].

Trong bức điện cảm ơn Đảng và Chính phủ Việt Nam ngày 11-01-1979, ông Hêng Xomrin - Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cách mạng Campuchia, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Đoàn kết Dân tộc cứu nước Campuchia đã khẳng định: "Mặc dù bọn Pôn Pốt-Iêng Xari ra sức kích động hận thù dân tộc, gây chiến tranh và biết bao tội ác đối với Việt Nam, nhân dân Việt Nam vẫn một mực thủy chung, giữ gìn tình hữu nghị Campuchia - Việt Nam hết sức quý báu, thông cảm với những khó khăn, thử thách của nhân dân Campuchia chúng tôi, hết lòng ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng tôi nhằm giải phóng đất nước khỏi nạn diệt chủng của bè lũ Pôn Pốt - Iêng Xari phản động... chúng tôi xin bày tỏ với nhân dân Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

---

[1] Theo số liệu của riêng Đội K93, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang (thành lập ngày 23-11-2000) có nhiệm vụ tìm kiếm, cất bốc, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện, chuyên gia Việt Nam hy sinh ở Campuchia và trong nước; qua 22 năm thực hiện nhiệm vụ, đã tìm kiếm, quy tập và tiếp nhận trên 3.200 hài cốt liệt sĩ. *Nguồn:* Báo *An Giang*, ngày 11-3-2022.

[2] Xã luận Báo *Prochiachuôn* của Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia, ngày 29-6-1989.

Nam lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất về tình thủy chung và sự ủng hộ vô cùng quý báu đó"[1]. Trích Bài phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí Chia Xim - Trưởng đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Campuchia khẳng định: "Nhân dân Campuchia vô cùng biết ơn và mãi mãi ghi nhớ trong tâm tưởng của mình về sự đóng góp của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ, Quân đội và nhân dân Việt Nam anh em trong việc lật đổ chế độ diệt chủng, giải phóng nhân dân Campuchia vào ngày 07-01-1979... Sau ngày 07-01-1979, mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết và hợp tác giữa hai Đảng, hai nước và nhân dân hai nước càng có ý nghĩa hơn. Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã dành sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn đối với sự hồi sinh của nhân dân Campuchia". Phát biểu trong buổi gặp mặt chiều ngày 21-6-2017 tại tỉnh Bình Dương nhân kỷ niệm 40 năm ngày Thủ tướng Hun Sen và đồng đội bắt đầu con đường cách mạng cứu đất nước Campuchia khỏi chế độ diệt chủng Pôn Pốt, Thủ tướng Campuchia Hun Sen xúc động chia sẻ: Không có sự giúp đỡ của Việt Nam thì Campuchia không có ngày nay, dứt khoát là thế!

**3. Kết luận**

Việt Nam là một quốc gia từng phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh để bảo vệ độc lập, tự do, hòa bình và phát triển cho dân tộc. Hơn ai hết, nhân dân Việt Nam luôn hiểu sâu sắc và khắc ghi cái giá phải trả cho chiến tranh, đó là sự tàn phá, mất mát, đau thương to lớn. Chính vì vậy, Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam luôn cháy bỏng khát vọng hòa bình và quý trọng, gìn giữ nền độc lập, hòa bình của dân tộc mình; đồng thời, tích cực tham gia đấu tranh cho độc lập, hòa bình, dân chủ của nhân dân thế giới.

[1] Báo *Nhân Dân*, số 8984, ngày 12-01-197.

Với tinh thần đó, Việt Nam đã cử đoàn quân tình nguyện sát cánh cùng nhân dân Campuchia để đấu tranh giành độc lập, hòa bình cho dân tộc Bạn trong suốt 10 năm (1979-1989). Lịch sử không cho phép ai được hoài nghi tính chính nghĩa và sự hy sinh của quân tình nguyện Việt Nam! Sự hết lòng, hy sinh đó chính vì mục tiêu hiện thực hóa khát vọng hòa bình, phát triển bền vững cho cả hai dân tộc Việt Nam và Campuchia; cũng để nhằm gìn giữ và mong muốn tiếp tục phát triển vững chắc mối quan hệ Việt Nam - Campuchia trên tinh thần: "láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài".

# ĐẤU TRANH, LÀM THẤT BẠI ÂM MƯU CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH, PHẢN ĐỘNG, CƠ HỘI CHÍNH TRỊ NHẰM "PHI CHÍNH TRỊ HÓA" LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN*

***Trần Xuân Quỳnh*****

***Tóm tắt:*** Bài viết làm rõ những âm mưu, thủ đoạn, bản chất, sự nguy hiểm, tác hại của âm mưu của các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị nhằm "phi chính trị hóa" lực lượng Công an nhân dân. Làm rõ tính giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân sâu sắc của lực lượng Công an nhân dân; những chiến công, thành tích của lực lượng Công an nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; qua đó khẳng định lực lượng Công an nhân dân là "lá chắn" và "thanh bảo kiếm" bảo vệ vững chắc của Đảng, Nhà nước và nhân dân; các định hướng lớn của Đảng, Nhà nước trong xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong thời gian tới.

***Từ khóa:*** *Công an nhân dân; "phi chính trị hóa" lực lượng Công an nhân dân; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch*

## 1. Những luận điệu nham hiểm, phản động và chiêu trò tinh vi, bài bản

Thực hiện "diễn biến hòa bình" để xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, gây rối an ninh chính trị, trật tự an

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Công an tỉnh Quảng Ninh

toàn xã hội, thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, tạo ra các tổ chức chính trị đối lập từ bên trong, âm mưu "phi chính trị hóa" lực lượng Công an nhân dân luôn được các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị xác định là vấn đề chiến lược, trọng yếu, lâu dài, được tổ chức tinh vi, bài bản, có sự liên kết rộng giữa các đối tượng bên ngoài và bên trong. Bởi vì từ khi ra đời đến nay, trong sự nghiệp cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc trước kia cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, lực lượng Công an nhân dân luôn được xác định là công cụ bạo lực chính trị sắc bén của Đảng, là "lá chắn" và "thanh bảo kiếm" vững chắc bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ nhân dân, giữ vững môi trường hòa bình, an ninh, an toàn để kinh tế, xã hội phát triển nhanh, bền vững.

Để thực hiện âm mưu đen tối nhằm "phi chính trị hóa" lực lượng Công an nhân dân, một mặt chúng lợi dụng một số báo chí, truyền thông nước ngoài có tư tưởng chống phá, thù địch với Việt Nam, như: BBC, RFI, VOA, RFA, các trang mạng của các tổ chức phản động hải ngoại, mạng xã hội Youtube, Facebook, blog cá nhân của các phần tử cơ hội chính trị, bất mãn để đẩy mạnh, đẩy nhanh các hoạt động tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu, bôi đen hình ảnh lực lượng Công an nhân dân. Mặt khác, thông qua các hội thảo, thư ngỏ, tham gia góp ý vào văn kiện Đảng, Hiến pháp, các dự thảo luật (nhất là văn bản pháp luật liên quan đến ngành Công an và lĩnh vực đảm bảo an ninh, trật tự) để công khai hóa các luận điệu thâm độc, phản động. Nội dung tuyên truyền của các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị được thể hiện trên các vấn đề sau:

*Một là, xuyên tạc bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc, tính nhân dân sâu sắc của lực lượng Công an nhân dân.*

Các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị cho rằng: lực lượng Công an chỉ cần bảo vệ nhân dân, bảo vệ Nhà nước, không cần phải đặt dưới sự lãnh đạo và không cần phải bảo vệ Đảng Cộng

sản Việt Nam; Công an phải đứng ngoài chính trị; yêu cầu bỏ nội dung lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam (được ghi trong Điều 65 Hiến pháp năm 2013); xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng ta về xây dựng lực lượng Công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Những luận điệu trên là vô cùng phản động về chính trị và khoa học, mục đích sâu xa của những luận điệu trên là xóa bỏ vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng Công an nhân dân, khiến lực lượng Công an nhân dân mất mục tiêu, lý tưởng, bản chất giai cấp; phá vỡ bức tường thép, lá chắn trong bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, làm cho Đảng ta không còn khả năng ngăn chặn các cuộc tiến công cả từ bên trong và bên ngoài của các thế lực thù địch.

*Hai là, chia rẽ mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa lực lượng Công an với nhân dân.*

Chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc, bôi đen mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa lực lượng Công an và nhân dân. Chúng cho rằng: Công an chỉ là công cụ đàn áp Nhân dân của chính quyền. Đối với một số vụ khiếu kiện đông người, gây rối trật tự công cộng liên quan đến xây dựng các dự án lớn, đền bù giải phóng mặt bằng phức tạp tại một số địa phương, chính quyền phải sử dụng đến lực lượng Công an để đảm bảo an ninh, trật tự, chúng rêu rao: "Công an chỉ biết bảo vệ nhóm lợi ích trong bộ máy chính quyền, bảo vệ doanh nghiệp, không bảo vệ Nhân dân", nguy hiểm hơn chúng trà trộn người vào trong đám đông, kích động quần chúng chống đối lực lượng Công an. Nhiều vụ việc, người dân quá khích đã ném bom xăng, gạch đá, dùng gậy gộc tấn công vào lực lượng Công an, làm nhiều cán bộ Công an bị hy sinh và bị thương[1]. Tất cả những luận điệu thâm độc nêu trên đều nhằm mục đích làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào lực lượng Công an, triệt

[1] Điển hình các vụ việc gây rối an ninh trật tự: Đồng Tâm (Hà Nội), năm 2020; Phan Rí (Bình Thuận) năm 2018; Dự án WHA, tại huyện Nghi Lộc (Nghệ An), năm 2022.

tiêu nguồn cội sức mạnh "từ Nhân dân mà ra" của lực lượng Công an, đưa lực lượng Công an vào thế đối lập với nhân dân, làm giảm sức chiến đấu, bản lĩnh chính trị trong cán bộ, chiến sĩ.

*Ba là, lợi dụng một số cá nhân, vụ việc tiêu cực trong nội bộ ngành Công an để khai thác, nhào nặn, đánh đồng, bôi đen hình ảnh của lực lượng Công an*

Lợi dụng một số cá nhân đã từng công tác trong lực lượng, hoặc một số cán bộ chiến sĩ thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thoái hóa, biến chất, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật, một số vụ việc có liên quan đến tiêu cực của cán bộ, chiến sĩ công an một số đơn vị, địa phương (được báo chí và dư luận phản ánh)[1], chúng nhào nặn, cắt ghép, ngụy tạo thành những bức ảnh, video clip... xuyên tạc, bôi đen, nói xấu hình ảnh lực lượng Công an, hạ thấp uy tín của lực lượng Công an. Chúng rêu rao lực lượng Công an ngày càng mất đi bản chất cộng sản; Công an là người đại diện pháp luật nhưng lại luôn cậy thế, cậy quyền, vi phạm pháp luật... Thậm chí có đối tượng phản động, cơ hội chính trị đã kích động cộng đồng mạng "tạo áp lực, yêu sách", hướng lái dư luận, gây sức ép lên các hoạt động của lực lượng Công an.

*Bốn là, chia rẽ mối quan hệ đoàn kết, hiệp đồng chiến đấu giữa Công an nhân dân và Quân đội nhân dân.*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định: "Công an và quân đội là hai cánh tay của nhân dân, của Đảng, của Chính phủ, của vô sản chuyên chính"[2]. Và thực tiễn lịch sử cách mạng đã chứng minh, Công an nhân dân và Quân đội nhân dân cùng chung một ngọn cờ, đoàn kết,

---

[1] Điển hình: Lê Chí Thành; Phùng Anh Lê - Nguyên Trưởng Công an quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; Trần Tiến Quang - Nguyên Trưởng Công an Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; Lê Thị Hiền (Công an quận Đống Đa, Hà Nội) - người gây náo loạn ở sây bay Tân Sơn Nhất hồi tháng 8-2019...

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.153.

thống nhất, chiến đấu anh dũng bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân, giữ môi trường hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn của đất nước. Do vậy, muốn phá vỡ sự ổn định chính trị, làm suy yếu sức mạnh của Đảng thì chia rẽ quan hệ đoàn kết, hiệp đồng chiến đấu giữa lực lượng Công an và lực lượng Quân đội luôn là âm mưu xuyên suốt, thâm độc của các thế lực thù địch. Chúng xuyên tạc: sau khi tổ chức theo mô hình mới, Công an nhân dân đánh mất vị thế so với lực lượng Quân đội; Công an xảy ra nhiều tiêu cực hơn Quân đội nên "Quân đội vẫn được nhân dân yêu mến" còn "Công an bị nhân dân xa lánh"; Công an có sự "ưu đãi" cao hơn Quân đội; Công an ít tướng hơn Quân đội... Mục đích của những luận điệu này là để gây nghi kỵ, hiềm khích, chia rẽ mối quan hệ khăng khít giữa hai lực lượng Công an và Quân đội, tạo tâm lý hoài nghi trong nội bộ và trong nhân dân.

**2. Công an nhân dân Việt Nam - "lá chắn" và "thanh bảo kiếm" vững chắc của Đảng, Nhà nước và nhân dân**

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, về xây dựng lực lượng vũ trang thì không có cái gọi là lực lượng vũ trang "trung lập về chính trị", "đứng ngoài chính trị", "phi giai cấp" và "siêu giai cấp". Lực lượng vũ trang luôn là công cụ bạo lực của Nhà nước, mang bản chất và gắn chặt, bảo vệ lợi ích cho giai cấp cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Công tác công an phải gắn chặt với đường lối chính trị của Đảng. Nếu thoát ly đường lối chính trị của Đảng, thì dù khéo mấy cũng không kết quả"[1].

Từ khi thành lập cho đến nay, lực lượng Công an nhân dân Việt Nam luôn mang bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc, tính nhân

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.140.

dân sâu sắc, bởi vì: 1) Điều lệ Đảng ghi rõ: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của Nhân dân lao động và của dân tộc". Điều đó cho thấy, Đảng mang bản chất của giai cấp công nhân, do vậy, lẽ đương nhiên lực lượng Công an nhân dân Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân. 2) Hiến pháp và Văn kiện Đảng đã khẳng định rõ: Công an nhân dân là thành phần trọng yếu của lực lượng vũ trang nhân dân có vai trò, nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Nhân dân, giữ môi trường hòa bình, ổn định của đất nước. Do vậy, Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng Công an không chia sẻ cho bất kỳ một tổ chức, một đảng phái hay cá nhân nào, đây là là tính quy luật, tính tất yếu và là cội nguồn sức mạnh của lực lượng Công an nhân dân; 3) Mọi hoạt động, mặt công tác của lực lượng Công an nhân dân luôn thể hiện tinh thần "Vì nước quên thân, vì dân phục vụ", "chỉ biết còn Đảng thì còn mình", trung thành vô hạn với lý tưởng, sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh tiền thân của lực lượng Công an nhân dân là các Đội tự vệ Đỏ ra đời từ trong bão táp cách mạng mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh (1930-1931) do Đảng ta lãnh đạo. Đó là công cụ bạo lực đầu tiên của Đảng làm nhiệm vụ bảo vệ cách mạng, chống địch khủng bố, chống bọn mật thám và phản động, bảo vệ nhân dân, giữ gìn an ninh, trật tự ở những nơi có chính quyền cách mạng. Từ khi được thành lập ngày 19-8-1945 đến nay, trải qua 77 năm, lực lượng Công an nhân dân trong mọi tình huống, trước mọi nhiệm vụ hay khó khăn, thử thách tột cùng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự chở che, đùm bọc của nhân dân, luôn trung thành vô hạn với Đảng, Tổ quốc và nhân dân, không ngừng lớn lên trong lòng dân tộc, trưởng thành cùng đất nước, luôn ra sức cống hiến trí tuệ, sức

lực, đoàn kết, chung sức, đồng lòng vượt qua khó khăn, gian khổ, trở thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh chống gián điệp, phản động, phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa và nhân dân, tiêu biểu, như: Phá vụ án số 7 phố Ôn Như Hầu, kịp thời trấn áp, khám phá thành công và đưa ra ánh sáng âm mưu nham hiểm của bọn phản động Quốc dân đảng câu kết với thực dân Pháp nhằm lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ dự định vào ngày 14-7-1946. Trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, từ năm 1959 đến tháng 4-1975, Bộ Công an đã huy động đến mức cao nhất về lực lượng, hậu cần - kỹ thuật, chi viện hơn 10.000 cán bộ, chiến sĩ; hàng ngàn tấn vũ khí, đạn dược, phương tiện liên lạc, kỹ thuật nghiệp vụ, thuốc men... vào chiến trường; đặc biệt từ năm 1961-1973, với chiến thuật "dùng địch để đánh địch", lực lượng Công an nhân dân đã bắt diệt 166 toán gián điệp, biệt kích với hơn 1.000 tên, thu hơn 100 tấn vũ khí và phương tiện hoạt động, đập tan các kế hoạch chiến tranh tình báo, gián điệp biệt kích của Mỹ - ngụy, giữ ổn định an ninh, trật tự, chính trị - xã hội ở các tỉnh phía Bắc. Trong giai đoạn đổi mới và hội nhập, trên lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm, trung bình mỗi năm gần đây, lực lượng Công an nhân dân điều tra, khám phá 50.000 vụ phạm tội về trật tự xã hội; 20.000 vụ phạm tội về ma túy; 34.000 vụ phạm tội, vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng, buôn lậu, môi trường, sử dụng công nghệ cao[1]. Đặc biệt, đã chủ động phát hiện, điều tra, xử lý nhiều vụ án kinh tế, tham nhũng lớn, củng cố

[1] Tiêu biểu: phá chuyên án, bóc gỡ toàn bộ băng nhóm tội phạm nguy hiểm do Lê Văn Thọ, tức Thọ "Sứt" cầm đầu, điều hành đàn em gây ra hàng loạt các vụ án đặc biệt nguy hiểm như giết người, mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép ma túy, vũ khí, vật liệu nổ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; triệt phá thành công chuyên án ma túy lớn, xuyên quốc gia mang bí số 422-S, bắt 4 đối tượng, thu giữ 115 bánh (40,2kg) heroin tại tỉnh Điện Biên; triệt phá đường dây đánh bạc trên do Đào Minh Sáng (sinh năm 1984, trú tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội) cầm đầu với số tiền giao dịch lên đến 90 triệu USD (tương đương 2.160 tỷ đồng).

niềm tin người dân đối với công tác phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước; giữ vững trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân[1].

Thời gian vừa qua, trước diễn biến của dịch bệnh Covid-19, Bộ Công an đã phát động phong trào thi đua đặc biệt "Lực lượng Công an nhân dân - lá chắn phòng, chống dịch Covid-19 - thanh bảo kiếm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội" với phương châm "Kiên định bản lĩnh chính trị người chiến sĩ Công an nhân dân, triệu trái tim, một ý chí, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19", lực lượng Công an nhân dân luôn "đi trước một bước", thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 gắn với đảm bảo an ninh trật tự. Trong cuộc chiến cam go, khốc liệt với dịch bệnh Covid-19, đã có gần 10.000 cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân bị lây nhiễm Covid-19, 17 đồng chí hi sinh; hàng trăm đồng chí bị thương trong khi thi hành nhiệm vụ. Hình ảnh những người chiến sĩ Công an nhân dân không quản khó khăn, nguy hiểm lao mình vào tâm dịch, chia ngọt, sẻ bùi với nhân dân đã tiếp tục tô thắm truyền thống anh dũng, kiên cường, vì nhân dân phục vụ của lực lượng Công an nhân dân.

Những chiến công, thành tích vẻ vang của lực lượng Công an nhân dân trên mặt trận đảm bảo an ninh quốc gia, đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội đã giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để đất nước phát triển nhanh, bền vững, góp phần xây dựng nên những thành tựu, cơ đồ, tiềm lực, uy tín, vị thế của đất nước như ngày hôm nay. Với những thành tích vẻ vang và chiến công to lớn, 77 năm qua lực lượng Công an nhân dân đã được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: 16 Huân chương Sao vàng; 100 Huân chương Hồ Chí Minh; 268 Huân chương Độc lập;

---

[1] Xem *Tài liệu tuyên truyền 75 năm ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam (19-8-1945 - 19-8-2020) và 15 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (19-8-2005 - 19-8-2020).*

1.072 danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; hàng vạn Huân chương Quân công, Huân chương Chiến công, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc các hạng và nhiều phần thưởng cao quý khác của Nhà nước và Chính phủ.

Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M.Gorbachev tuyên bố xóa Điều 6 (Điều 6 khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô đối với lực lượng vũ trang). Điều này đã khiến lực lượng vũ trang Liên Xô vốn anh dũng, kiên trung trong chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít nhưng nhanh chóng bị mất sức chiến đấu, rơi vào khủng hoảng, không thể bảo vệ được Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa trong cuộc chính biến năm 1991. Từ thực tế đó, chúng ta nhận thấy một tính tất yếu và mang tính quy luật: muốn xóa bỏ Đảng và chế độ thì trước hết, nhanh nhất phải phủ nhận, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Nhận thức sâu sắc được điều trên, trong giai đoạn đổi mới và hội nhập quốc tế, Đảng ta luôn đổi mới tư duy đề ra các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng lực lượng Công an nhân dân trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức thật sự trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ, trung thành vô hạn với Đảng, gắn bó máu thịt với nhân dân. Văn kiện Đại hội XIII đã xác định rõ: "Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng quân đội, công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ"[1].

Để thực hiện được yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.157 -158.

gìn trật tự an toàn xã hội, lực lượng Công an nhân dân đã và đang chủ động nắm chắc tình hình từ sớm, từ xa, từ cơ sở trong mọi tình huống để kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, giải pháp, cơ chế, chính sách, pháp luật phù hợp để bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, chủ quyền và an ninh của đất nước; giữ vững thế chủ động chiến lược, không để bị động, bất ngờ, chủ động ngăn ngừa, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động và các thách thức tác động từ mối đe dọa an ninh phi truyền thống, giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững, chủ động hội nhập.

Lực lượng Công an nhân dân đã và đang nỗ lực triển khai nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16-3-2022 của Bộ Chính trị khóa XIII "về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới", trong đó nội dung trọng tâm là: (1) bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với công tác Công an và xây dựng lực lượng Công an nhân dân; (2) tiếp tục quyết tâm đổi mới trong mọi hoạt động công tác; bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo hướng tăng cường cơ sở, mạnh từ cơ sở; (3) tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, giữ vững và tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết nội bộ; (4) xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, sẵn sàng vượt qua gian khổ, chấp nhận hy sinh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; (5) ngày càng gần dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân, xây dựng phong cách "trọng dân, gần dân, sát dân và có trách nhiệm với Nhân dân", tập trung xây dựng thế trận lòng dân vững chắc về an ninh trật tự; (6) tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong Công an nhân dân, trước hết là cán bộ lãnh

đạo, chỉ huy và cán bộ công an cơ sở; (7) đẩy mạnh ứng dụng, phát triển thành tựu khoa học - kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại trong các mặt công tác công an.

Có thể khẳng định âm mưu "phi chính trị hóa" lực lượng Công an nhân dân là rất rõ ràng, nguy hiểm, tác động, ảnh hưởng ngày càng rộng lớn và mạnh mẽ không chỉ trong nội bộ mà còn cả ngoài xã hội. Xét đến mục đích, bản chất cuối cùng là âm mưu thâm độc muốn xóa bỏ, tước bỏ "lá chắn" và "thanh bảo kiếm" trong bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, từ đó suy yếu, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội. Đây là nguy cơ, thách thức lớn đối với lực lượng Công an nhân dân nói riêng và đất nước nói chung. Do đó, việc đấu tranh làm thất bại âm mưu "phi chính trị hóa" lực lượng Công an nhân dân hiện nay là một nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi cán bộ chiến sĩ công an và nhân dân, góp phần bảo vệ và xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ. Đồng thời, đóng góp to lớn vào công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ an ninh quốc gia trong thời đại công nghệ số.

Nhiệm vụ đấu tranh, làm thất bại âm mưu "phi chính trị hóa" lực lượng Công an nhân dân sẽ còn diễn ra lâu dài, khó khăn, phức tạp. Do đó trong tổ chức thực hiện phải hết sức kiên trì, kiên định, thường xuyên, sáng tạo, mang tính trí tuệ, tính chiến đấu cao và phối hợp nhịp nhàng giữa các lực lượng, kết hợp các giải pháp về chính trị, tư tưởng với các giải pháp kỹ thuật và các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng công an. Với truyền thống, bản lĩnh, trí tuệ, sự nhạy bén, chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng những âm mưu, luận điệu xuyên tạc "phi chính trị hóa" lực lượng Công an nhân dân của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị sẽ sớm bị lực lượng công an, cả hệ thống chính trị và nhân dân vạch trần, đấu tranh làm thất bại.

# VIỆT NAM KHÔNG CHỌN BÊN, VIỆT NAM CHỌN CHÍNH NGHĨA, CÔNG BẰNG, CÔNG LÝ VÀ LẼ PHẢI*

***Trần Thị Thanh Tâm*****

***Tóm tắt:*** Trong chuyến thăm Hoa Kỳ tháng 5-2022 vừa qua, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã nhấn mạnh: "Việt Nam không chọn bên mà chọn chính nghĩa, sự công bằng, công lý và lẽ phải trên cơ sở các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc". Điều đó nhất quán với đường lối đối ngoại "độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, đa phương hóa, đa dạng hóa" của Việt Nam hiện nay. Đó cũng là lời đáp trả sắc bén, đanh thép, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch về lá phiếu trắng của Việt Nam với nghị quyết về vấn đề Ucraina, đồng thời thể hiện quan điểm rõ ràng, kiên định trước sự kích động, chia rẽ, hối thúc Việt Nam chọn bên trong quan hệ với các nước lớn hiện nay.

***Từ khóa:*** *Phản bác; luận điệu sai trái; phiếu trắng; đối ngoại; ngoại giao; chọn bên*

**1.** Tình hình thế giới và khu vực hiện nay đang có nhiều diễn biến phức tạp, nhanh chóng, khó lường. Xu hướng cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn, đặc biệt là Mỹ, Trung Quốc, Nga đang diễn ra ngày càng quyết liệt, dẫn tới xu hướng liên minh, liên kết, tập hợp lực lượng và chạy đua vũ trang mang tính đối đầu có chiều hướng gia tăng, làm nảy sinh nhiều điểm nóng tại nhiều khu vực trên thế

---

* Tác phẩm đạt Giải B

** Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

giới. Đặc biệt là cuộc xung đột đang diễn ra giữa Nga - Ucraina khiến mức độ phức tạp của tình hình an ninh thế giới ngày càng gia tăng. Các nước lớn đều có chiến lược quan tâm đến khu vực châu Á - Thái Bình Dương, coi khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt Nam là địa bàn cạnh tranh chiến lược chính. Sự lôi kéo, tập hợp lực lượng, tranh giành ảnh hưởng của các nước lớn khiến cho đối ngoại nước ta đứng trước nhiều thử thách. Các hoạt động của Liên hợp quốc gần đây liên quan đến sự kiện xung đột Nga - Ucraina cũng khiến nhiều quốc gia nói chung trong đó có Việt Nam phải đưa ra những lựa chọn khó khăn trong hoạt động ngoại giao. Điều đó càng tạo cơ hội cho các thế lực thù địch nêu các quan điểm sai trái, xuyên tạc chủ trương, đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và điều hành của Nhà nước. Vì vậy, việc nhìn nhận rõ các âm mưu, luận điểm xuyên tạc, suy diễn của các thế lực thù địch để đấu tranh hiệu quả nhằm củng cố niềm tin, sự đoàn kết để thực hiện nhất quán chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là việc làm cần thiết và cấp bách.

Trước tiên cần nhận diện rõ các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch đang hàng ngày lợi dụng sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin làm ảnh hưởng sai lệch đến sự nhìn nhận, đánh giá của nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân dân trên toàn thế giới nói chung về sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta trong lĩnh vực đối ngoại. Đặc biệt là về lá phiếu trắng của Việt Nam: Trước vấn đề xung đột giữa Nga và Ucraina, Liên hợp quốc đã tổ chức các phiên họp đặc biệt của Đại hội đồng ngày 01-3-2022 và ngày 24-3-2022, trong đó đã diễn ra các cuộc bỏ phiếu cho nghị quyết của Đại hội đồng yêu cầu Nga dừng chiến sự và rút quân khỏi Ucraina. Nghị quyết được thông qua với 141 phiếu thuận, 05 phiếu chống và 35 phiếu trắng ở lần bỏ phiếu đầu tiên

và 140 phiếu thuận, 05 phiếu chống và 35 phiếu trắng ở lần thứ hai. Trong số các phiếu trắng có lá phiếu của Việt Nam.

Lợi dụng sự việc trên, rất nhiều diễn đàn, mạng xã hội, trang tin nước ngoài có nhiều bài viết, bình luận, suy diễn rằng thái độ trung lập của Việt Nam là mơ hồ, thậm chí không đứng về phía hòa bình. Một số bài viết còn đưa ra những luận điệu theo kiểu lập lờ, đánh lận con đen, những câu hỏi nghi vấn mang tính quy chụp, bôi nhọ quan điểm, uy tín của Việt Nam trong quan hệ đối ngoại. Họ xuyên tạc cho rằng, phiếu trắng của Việt Nam là gián tiếp cổ vũ cho chiến tranh, xung đột, là có ý đổ lỗi cho phương Tây trong việc kích động các điều kiện dẫn đến cuộc xung đột này, rằng Đảng và Nhà nước Việt Nam đã bỏ qua lợi ích của cả dân tộc khi bỏ phiếu trắng, rằng Việt Nam "tự bắn vào chân mình"; rằng Việt Nam với lá phiếu trắng đã phạm phải những sai lầm chiến lược; rằng lá phiếu trắng của Việt Nam không đại diện cho mong muốn của người dân, rằng nếu Việt Nam không chọn phe thì tình huống tương tự xảy ra thì sẽ không ai đứng ra bảo vệ...

**2.** Về vấn đề này, chúng ta cần hiểu như thế nào cho đúng?

Trước hết, cần nói rõ rằng, hơn bất cứ quốc gia nào, Việt Nam ý thức sâu sắc về những tổn thất do chiến tranh, xung đột gây ra cho các bên. Vì thế, Việt Nam có thể nào lại ủng hộ cho bên gây chiến hay gián tiếp cổ vũ cho chiến tranh!?

Như phát biểu của Đại sứ Đặng Hoàng Giang tại Liên hợp quốc: "Với trải nghiệm của chính mình, Việt Nam thấu hiểu rằng chiến tranh và xung đột khi nổ ra chỉ gây ra đau khổ sâu sắc cho người dân và hậu quả nghiêm trọng đối với nhiều khía cạnh trong đời sống của các quốc gia có liên quan trực tiếp cũng như của các quốc gia khác"; "Các cuộc chiến tranh và xung đột đến tận ngày nay thường bắt nguồn từ các học thuyết lỗi thời đề cao chính trị cường quyền, tham vọng thống trị, áp đặt và sử dụng vũ lực để giải quyết các tranh chấp quốc tế. Một số xung đột

vẫn còn gắn liền với những yếu tố lịch sử, ngộ nhận và hiểu lầm"[1]. Như vậy, Việt Nam dù bỏ phiếu trắng nhưng đã nêu rất rõ quan điểm: phản đối chiến tranh, phản đối chính trị cường quyền.

Từ khi cuộc xung đột Nga - Ucraina nổ ra cho đến thời điểm hiện tại, quan điểm nhất quán của Việt Nam là kêu gọi chấm dứt hành động sử dụng vũ lực, nối lại đối thoại và tìm kiếm giải pháp lâu dài cho các bất đồng. Việt Nam luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc và giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng các biện pháp hòa bình, dựa trên các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Việt Nam cho rằng, "ưu tiên hiện nay là cần kiềm chế tối đa, chấm dứt các hành động sử dụng vũ lực để tránh gây thương vong và tổn thất đối với dân thường, nối lại đàm phán và đàm phán trên tất cả các kênh để đạt được giải pháp lâu dài"[2].

Vậy vì sao Việt Nam lại bỏ phiếu trắng cho nghị quyết của Đại hội đồng yêu cầu Nga dừng chiến sự và rút quân khỏi Ucraina? Theo ý kiến của nguyên Đại sứ Phạm Quang Vinh, căng thẳng Nga - Ucraina hiện tại, sâu xa là bắt nguồn từ việc Mỹ, NATO sau Chiến tranh lạnh đã luôn mở rộng ảnh hưởng sang phía Đông, làm thu hẹp không gian an ninh của Nga, khiến Nga cảm thấy bị đe dọa. Nga đã nhiều lần cảnh báo Mỹ và châu Âu về lằn ranh đỏ và đã có tập hợp lực lượng quân đội tại biên giới Ucraina cả tháng trước khi bắt đầu "chiến dịch đặc biệt", có nghĩa là các bên đều đã thấy mối đe dọa đến mình lớn hơn nhưng đã không có giải pháp hiệu quả cho vấn đề này. Điều đó cho thấy cuộc xung đột này có nhiều nguyên nhân và cũng có nhiều cách đánh giá khác nhau. Vì vậy, lá phiếu trắng mà Việt Nam đưa ra trong trường hợp này là rất phù hợp với nguyên tắc

[1, 2] https://vov.vn/chinh-tri/toan-van-tuyen-bo-cua-viet-nam-tai-dai-hoi-dong-lhq-ve-tinh-hinh-ukraine-post927707.vov

"không can thiệp vào công việc nội bộ" đã nêu trong Hiến chương của Liên hợp quốc.

Vậy lá phiếu trắng này liệu có phải là không vì lợi ích quốc gia, dân tộc? Liệu có phải nó không đại diện cho ý chí chung của người dân Việt Nam? Theo quan điểm của Đại sứ Nguyễn Quốc Cường, ông ủng hộ lá phiếu của Việt Nam. Liên Xô từng giúp đỡ rất nhiều cho Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến. Những lúc Việt Nam bị Mỹ và phương Tây bao vây cấm vận, Nga cũng là Ủy ban viên thường trực Hội đồng Bảo an duy nhất không tham gia. Bên cạnh đó, Việt Nam và Nga còn có nhiều hoạt động hợp tác về kinh tế và nhất là hợp tác chặt chẽ về quân sự. Với Ucraina, Việt Nam cũng có quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp. Sau 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, Việt Nam và Ucraina đã ký kết nhiều văn bản hợp tác song phương, với hơn 50 thỏa thuận trên nhiều lĩnh vực như giáo dục, việc làm, bảo hộ đầu tư và hợp tác hải quan. Đặc biệt, đến năm 2011, hai nước đã ký Tuyên bố chung về thiết lập quan hệ đối tác toàn diện, đưa quan hệ Việt Nam - Ucraina lên tầm cao mới. Từ đó Việt Nam và Ucraina đã trao đổi nhiều đoàn cấp cao và trên các diễn đàn khu vực và đa phương, hai nước luôn có sự hợp tác chặt chẽ và ủng hộ lẫn nhau. "Người Việt Nam ân nghĩa rõ ràng" "Vì thế việc bỏ phiếu này là xuất phát từ lợi ích của Việt Nam"[1] và cũng là đại diện cho nguyện vọng của mỗi người dân Việt Nam.

Tại cuộc họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 07-4-2022, nghị quyết đình chỉ tư cách thành viên của Nga tại Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc đã được thông qua sau khi nhiều quốc gia lên án "cuộc thảm sát thường dân" ở thị trấn Bucha, trong khi Nga bác bỏ mọi cáo buộc và trách nhiệm liên quan và cho rằng đây là vụ việc

---

[1] https://danviet.vn/cac-cuu-dai-su-viet-nam-tai-my-ly-giai-la-phieu-trang-ve-ukraine-20220326144430901.htm

được dàn dựng. Phát biểu của Đại sứ Đặng Hoàng Giang cũng đã nêu rất rõ quan điểm của Việt Nam về vấn đề này, đó là: Việt Nam quan ngại trước ảnh hưởng của chiến sự đối với người dân Ucraina và thông tin về việc nhiều dân thường bị thiệt mạng; Việt Nam phản đối mọi hành vi tấn công dân thường, vi phạm luật nhân đạo và nhân quyền quốc tế; cần xác minh, kiểm chứng các thông tin một cách công khai, minh bạch, khách quan và mọi trao đổi, quyết định của Đại hội đồng Liên hợp quốc cần dựa trên thông tin được kiểm chứng với sự hợp tác của các bên liên quan và có sự tham vấn rộng rãi với các nước[1].

Về quan điểm cho rằng, Việt Nam bỏ những lá phiếu trắng còn bởi những lý do nhạy cảm trong lịch sử, và đem so sánh giữa việc Nga tấn công Ucraina với câu chuyện Việt Nam đưa quân tình nguyện sang Campuchia tiêu diệt chế độ diệt chủng Pôn Pốt, đây thực sự là một sự so sánh rất khập khiễng, vô nguyên tắc. Thế giới hiện nay so với thế giới cách đây 30 năm đã rất khác và nhất là nguyên nhân của mỗi cuộc chiến là rất khác nhau. Vấn đề Campuchia trước tiên bắt nguồn từ việc bọn diệt chủng Pôn Pốt đã tấn công xâm lược Việt Nam, giết hại người dân Việt Nam nên quân đội Việt Nam phải đánh đuổi và truy quét đến cùng vì đây là lực lượng chống lại loài người. Việt Nam đưa quân sang là theo lời kêu gọi của Mặt trận giải phóng dân tộc Campuchia, để giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng. Thế giới cũng đã thấy nếu Việt Nam không đưa quân vào thì đã không loại bỏ được chế độ "diệt chủng". Lãnh đạo và người dân Campuchia đã nhiều lần cảm ơn Việt Nam về điều này. Ngay trong khuôn khổ chương trình Lễ kỷ niệm 45 năm "Con đường tiến tới đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt" dịp tháng 6 vừa qua, Thủ tướng Campuchia Hun Sen đã đến thăm khu

[1] https://vov.vn/chinh-tri/toan-van-tuyen-bo-cua-viet-nam-tai-dai-hoi-dong-lhq-ve-tinh-hinh-ukraine-post927707.vov

vực lối mở Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, nơi 45 năm trước ông đặt những bước chân đầu tiên sang Việt Nam tìm đường cứu nước. Ông đã có bài phát biểu chí tình cảm ơn Việt Nam đã giúp đỡ Campuchia đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Thủ tướng Campuchia đã khẳng định: "Bước chân sang Lộc Ninh, Bình Phước, bữa cơm đầu tiên tôi được ăn sau hàng năm trời đói khổ có ý nghĩa hơn hàng vạn tấn gạo lúc bình thường; tính mạng của tôi được bảo toàn. Nếu không có sự giúp đỡ của nhân dân Việt Nam thì có thể không có một Hun Sen cũng như Campuchia như hiện nay". Thủ tướng Campuchia cũng gửi lời cảm ơn, tri ân tới người dân Việt Nam, nhất là những người đã hy sinh vì cá nhân Thủ tướng Hun Sen và vì đất nước Campuchia, trên con đường tiến tới đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt và nhấn mạnh: "Sự giúp đỡ của nhân dân Việt Nam thể hiện tinh thần hữu nghị trong sáng, tốt đẹp giữa hai nước; nhân dân hai nước; tôi tin tưởng mối quan hệ này sẽ mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững"[1].

Ngày 16-11-2018, Tòa án đặc biệt tại Tòa án Campuchia (ECCC) với sự hỗ trợ của quốc tế thông qua Liên hợp quốc cũng đã tuyên án tội "diệt chủng" với các cựu thủ lĩnh chế độ Khmer Đỏ, bốn thập kỷ sau khi đã có ít nhất 1,7 triệu người, tương đương 1-5 dân số Campuchia khi đó chết do bị hành quyết, lao động khổ sai, bệnh tật và chết đói. Theo ông Netth Pheaktra: "Phán quyết ngày 16-11 sẽ là một sự kiện lịch sử đối với ECCC, cho thế giới và cho cả công lý quốc tế"[2]. Điều đó cũng đã gián tiếp khẳng định sự chính nghĩa của việc Việt Nam đem quân sang giúp đỡ nhân dân Capuchia. Vì vậy, sự so sánh như quan điểm của các thế lực thù địch đã nêu ở trên là khập

[1] https://www.vietnamplus.vn/thu-tuong-hun-sen-cam-on-viet-nam-giup-campuchia-danh-do-pol-pot/799678.vnp

[2] https://tuoitre.vn/phien-toa-lich-su-tuyen-khmer-do-toi-diet-chung-20181117084405817.htm

khiễng, vô nguyên tắc và thật vô lý. Việt Nam hoàn toàn có thể tự hào về lịch sử và chẳng có rào cản lịch sử nào khiến Việt Nam không dám nêu lên tiếng nói, quan điểm của mình trong các sự kiện quan hệ quốc tế nói chung cũng như cuộc chiến ở Ucraina nói riêng.

Về quan điểm cho rằng, cuộc tấn công của Nga đối với Ucraina sẽ có thể tạo ra những tiền lệ xấu, thậm chí dự báo Việt Nam là quốc gia "đứng trước nguy cơ bị tấn công cao nhất ở khu vực Biển Đông". Cùng với dự báo đó, các thế lực phản động càng phê phán lá phiếu trắng của Việt Nam với ý cho đó là lựa chọn không khôn ngoan, không biết chọn phe và sẽ đẩy Việt Nam vào tình thế khó trong tương lai... Xin thưa: "Việt Nam bỏ phiếu trong từng vấn đề, từng lá phiếu là xuất phát từ lợi ích của Việt Nam, không phải do nước nào vận động, không phải theo dư luận trong nước cũng như quốc tế"[1].

Vậy, trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng gay gắt, tình hình thế giới bất ổn như hiện nay, nhất là từ khi có cuộc xung đột tại Ucraina thì liệu Việt Nam có nên chọn phe, có nên liên minh với nước khác, chấp nhận cho họ đặt căn cứ quân sự để giúp bảo vệ đất nước? Thật đáng buồn đây không chỉ là quan điểm được đưa lên ở các trang báo lề trái của các lực lượng thù địch mà thậm chí đã trở thành câu hỏi của một số các bạn trẻ Việt Nam hiện nay. Đối diện với câu hỏi này, PGS, TS Nguyễn Hồng Quân đã trả lời dứt khoát "Không thể!". Nếu làm vậy, chúng ta sẽ bị đẩy lên tuyến đầu và trở thành nạn nhân của cuộc cạnh tranh địa - chiến lược giữa các nước lớn"[2].

Như chúng ta đã biết, một trong những đặc điểm nổi bật của cục diện thế giới hiện nay đó là xu thế đa cực, đa trung tâm với sự cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa các nước lớn. Tâm điểm

---

[1] https://danviet.vn/cac-cuu-dai-su-viet-nam-tai-my-ly-giai-la-phieu-trang-ve-ukraine-20220326144430901.htm

[2] https://dantri.com.vn/blog/chinh-sach-quoc-phong-bon-khong-cua-viet-nam-20220322234432331.htm

cạnh tranh nước lớn lại chính là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á. Rất nhiều sự quan tâm của các nước lớn, rất nhiều những chiến lược lớn của các nước lớn đều lấy tâm điểm là khu vực này, ví dụ như Sáng kiến "Vành đai và con đường" của Trung Quốc hay "Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ. Các nước lớn cạnh tranh chiến lược tất nhiên sẽ dẫn đến các hoạt động lôi kéo, tập hợp lực lượng. Các nước lớn rất muốn các nước vừa và nhỏ chọn phe hoặc có thái độ rõ ràng trong việc ủng hộ hay không ủng hộ hành động, dự án hoặc chiến lược của họ. Nhưng Việt Nam với những bài học từ lịch sử để lại, chúng ta đã có thể nhận thức sâu sắc về bản chất sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn và quan hệ giữa các nước lớn với nhau. Sự điều chỉnh chiến lược của nước lớn, dù điều chỉnh như thế nào, dù có chiến lược gì cũng trước hết là để phục vụ cho mục tiêu, tham vọng của từng nước. Về bản chất quan hệ giữa các nước lớn với nhau: họ có thể "hợp tác khi có thể, cạnh tranh khi cần thiết và sẵn sàng đối đầu khi bắt buộc"[1] (theo phát biểu của Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken về quan hệ cạnh tranh với Trung Quốc) nhưng trên hết: họ sẵn sàng thỏa hiệp, mặc cả với nhau trên quyền lợi của các nước vừa và nhỏ.

Vì vậy, Việt Nam chủ trương: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi"[2]. Việt Nam kiên trì thực hiện chính sách quốc phòng bốn không: Không

---

[1] https://www.qdnd.vn/bao-quan-doi-nhan-dan-xuan-nham-dan/bao-quan-doi-nhan-dan-xuan-nham-dan/chieu-sau-canh-tranh-chien-luoc-my-trung-quoc-684193

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.161-162.

tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Và như lời khẳng định đanh thép của Thủ tướng Phạm Minh Chính trong chuyến công du Hoa Kỳ vừa qua: "Trong một thế giới đầy biến động, cạnh tranh chiến lược và nhiều sự lựa chọn, Việt Nam không chọn bên mà chọn chính nghĩa, sự công bằng, công lý và lẽ phải trên cơ sở các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc; bình đẳng, tất cả cùng có lợi, tất cả cùng chiến thắng"[1].

Về quan hệ với các nước, đặc biệt là các nước lớn: Việt Nam luôn coi trọng quan hệ với tất cả các nước và luôn nhấn mạnh việc đẩy mạnh và làm sâu sắc quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt với Việt Nam - hay chính là các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Ấn Độ... Tuy nhiên, Việt Nam luôn cố gắng duy trì quan hệ cân bằng với các nước lớn, khéo léo, linh hoạt trong quan hệ với các nước này trên cơ sở đảm bảo lợi ích quốc gia, dân tộc. Chúng ta thống nhất thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị đối ngoại toàn quốc năm 2021: xây dựng nên một trường phái đối ngoại và ngoại giao rất đặc sắc và độc đáo của Thời đại Hồ Chí Minh, mang đậm bản sắc "cây tre Việt Nam," "gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển", thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc Việt Nam. Đó là: Mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt; linh hoạt, sáng tạo nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đoàn kết, nhân ái, nhưng kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Biết nhu, biết cương; biết thời, biết thế; biết

[1] https://dantri.com.vn/xa-hoi/thu-tuong-viet-nam-khong-chon-ben-ma-chon-chinh-nghia-20220512071906530.htm

mình, biết người; biết tiến, biết thoái, "tùy cơ ứng biến," "lạt mềm buộc chặt"!"[1].

Với những định hướng đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trong công tác đối ngoại cùng sự tích cực thực hiện, phối hợp của toàn Đảng, toàn dân, Việt Nam đã khẳng định mạnh mẽ với bạn vè quốc tế: "Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế"[2]. Việt Nam đã có nhiều đóng góp thể hiện trách nhiệm trong các vấn đề chung của quốc tế và khu vực, chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, nhất là ASEAN, Liên hợp quốc, các cơ chế hợp tác khu vực, liên khu vực và Tiểu vùng Mê Kông. Là đất nước yêu chuộng hòa bình, Việt Nam đã tích cực đóng góp vào quá trình hòa giải giữa các quốc gia như việc Việt Nam là địa điểm để tổ chức Hội nghị thượng đỉnh Hoa Kỳ - Triều Tiên lần thứ 2. Hay trong vấn đề Ucraina, Việt Nam ủng hộ và sẵn sàng tham gia vào các nỗ lực, sáng kiến của cộng đồng quốc tế trong việc tạo điều kiện để các bên đối thoại, tìm kiếm giải pháp lâu dài, bền vững và đã hỗ trợ nhân đạo 500.000USD cho Ucraina. Việt Nam đã trực tiếp tham gia, đóng góp quân nhân cho lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc từ tháng 6-2014 đến nay, với sự tham gia của 3 bệnh viện quân y dã chiến cấp 2 và mới đây nhất là sự tham gia của lực lượng công binh.

Với những hoạt động đối ngoại tích cực, hiệu quả như đã nêu, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định. Việt Nam liên tiếp được tín nhiệm bầu vào những vị trí quan trọng trong các cơ chế đa phương quốc tế với số phiếu cao, như: Việt Nam lần thứ hai được tín nhiệm (192/193 phiếu) bầu làm Ủy viên

---

[1] https://www.vietnamplus.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-tai-hoi-nghi-doi-ngoai-toan-quoc/760842.vnp

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.162.

không thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc - cơ quan trọng nhất của tổ chức này; Việt Nam được bầu làm thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc; hay Đại sứ Nguyễn Hồng Thao của Việt Nam tái đắc cử Ủy ban Luật pháp quốc tế của Liên hợp quốc... Trên cơ sở đó, Việt Nam đã chủ động, tích cực và trách nhiệm trong phát huy vai trò là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong cả hai nhiệm kỳ 2008-2009, nhiệm kỳ 2020-2021, đồng thời tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn và hoàn thành nhiều trọng trách quốc tế quan trọng khác như Chủ tịch luân phiên ASEAN, chủ nhà Hội nghị cấp cao ASEM, Hội nghị thượng đỉnh APEC, Diễn đàn kinh tế thế giới về ASEAN... Những trọng trách này đều được Việt Nam hoàn thành với nhiều đóng góp tích cực, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

Những thành tựu nêu trên của đối ngoại Việt Nam càng khẳng định vững chắc sự đúng đắn của đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta, đập tan những luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ, phủ nhận của các thế lực thù địch đối với chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và sự lãnh đạo hoạt động đối ngoại của Nhà nước ta hiện nay.

Và không thể nói lá phiếu trắng của Việt Nam về vấn đề Ucraina sẽ làm giảm sút vị thế, uy tín của Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế. Bằng chứng là sau sự kiện này, Việt Nam vẫn được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 77, đại diện cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Tôi rất tâm đắc với ý kiến của một thầy giáo của tôi nói rằng : Đừng thắc mắc vì sao Việt Nam bỏ phiếu trắng như vậy mà lại được bầu vào vị trí này, đó là vì Việt Nam đã thể hiện được thái độ khách quan, bản lĩnh và không bị lôi kéo, tác động trong những vấn đề nhạy cảm, phức tạp của đời sống quan hệ quốc tế. Đại sứ Nguyễn Quốc Cường cũng có nhận định tương tự: “Hiện tại nước này nước kia có thể không hài lòng, nhưng biết đâu sẽ đến lúc có nước muốn Việt Nam đứng ra làm trung gian hòa giải chính vì những lá

phiếu như vậy. Ví dụ để giải quyết vấn đề Triều Tiên, cả hai bên Mỹ và Triều Tiên đều muốn Việt Nam đăng cai Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều. Đó là vì chính thái độ của Việt Nam trong cả một quá trình, Việt Nam có quan hệ tốt với cả hai bên. Về lâu về dài, rất có thể các bên đều mong muốn Việt Nam có vai trò nào đó"[1]. Vì thế, mỗi người dân Việt Nam hoàn toàn có thể vững tin về những quyết sách đối ngoại đã được cân nhắc kỹ càng, vì lợi ích quốc gia, dân tộc nhưng trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc của Đảng và Nhà nước ta.

**Kết luận**

Như vậy, có thể khẳng định: Việt Nam không chọn bên mà chọn chính nghĩa, sự công bằng, công lý và lẽ phải trên cơ sở các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thống nhất rất cao về nhận thức và quyết tâm thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Chúng ta kiên quyết, kiên trì thực hiện chính sách quốc phòng "bốn không": Không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Chúng ta cùng quyết tâm xây dựng một nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, mang đậm bản sắc dân tộc - trường phái ngoại giao "cây tre Việt Nam".

Và trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có những biến động phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược nước lớn gia tăng, hòa bình ổn định ở nhiều nơi bị đe dọa thì chúng ta càng cần tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, cần luôn tỉnh táo

---

[1] https://danviet.vn/cac-cuu-dai-su-viet-nam-tai-my-ly-giai-la-phieu-trang-ve-ukraine-20220326144430901.htm

trước mọi âm mưu của các thế lực thù địch bôi nhọ, xuyên tạc, làm mất lòng tin và sự đoàn kết của nhân dân ta. Thật tự hào khi chúng ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày hôm nay. Có thể nói rằng, chúng đa đã phần nào hoàn thành ước nguyện "sánh vai với các cường quốc năm châu" của Bác Hồ. Nhưng để xây dựng và phát triển một nước Việt Nam hùng cường, có vị thế và uy tín cao trên trường quốc tế, đòi hỏi mỗi người dân Việt Nam phải kết sức tỉnh táo, đoàn kết để nhất quán thực hiện chủ trương, đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, như lời căn dặn của Bác "Sự nghiệp làm nên bởi chữ Đồng".

# PHẢN BÁC NHỮNG LUẬN ĐIỆU XUYÊN TẠC CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN ĐỐI VỚI HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA*

*Ngô Văn Minh***

***Tóm tắt:*** Lợi dụng tính nhạy cảm của vấn đề chủ quyền lãnh thổ, nhất là chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa để tung ra những luận điệu sai trái, xuyên tạc chủ trương của Đảng, Nhà nước ta trong vấn đề chủ quyền biển, đảo luôn là thủ đoạn mà các phần tử phản động, thù địch đã và đang thực hiện, hòng làm cho người dân nghi ngờ, mất niềm tin vào Đảng, Nhà nước. Bài viết này nhằm nhận diện và phản bác các luận điệu xuyên tạc, vu khống đó.

***Từ khóa:*** *Hoàng Sa; Trường Sa; chủ quyền biển đảo; luận điệu xuyên tạc*

## 1. Những luận điệu xuyên tạc chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Chủ quyền lãnh thổ luôn là vấn đề thiêng liêng đối với quốc gia, dân tộc, với mỗi người dân yêu nước. Sứ mệnh cao cả của một Đảng lãnh đạo, một Nhà nước là phải đại diện cho toàn dân thể hiện ý chí bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và tổ chức lực lượng, huy động sức mạnh toàn dân tộc bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ; nếu không làm được điều đó nhân dân sẽ không còn sự tín nhiệm. Lợi dụng tính nhạy cảm này, các phần tử phản động xem thủ đoạn có thể đem lại hiệu quả nhất là tìm

---

* Tác phẩm đạt Giải B

** Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

cách xuyên tạc, vu khống Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề chủ quyền lãnh thổ, nhất là đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đã và đang có sự xâm phạm của nước ngoài để qua đó lừa bịp những người vì tình cảm dân tộc nhưng do thiếu hiểu biết thông tin, lại bị tác động bởi những luận điệu của chúng sẽ mất niềm tin vào Đảng, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thời gian gần đây, chúng triệt để lợi dụng internet, mạng xã hội như facebook, youtube phát tán các bài viết, các video với những luận điệu xuyên tạc, vu khống thái độ, quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về chủ quyền biển, đảo nói chung, với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nói riêng. Tựu trung lại, chúng tung ra một số luận điệu sau đây:

- Nhà nước cộng sản Việt Nam đã để mất chính nghĩa chủ quyền quốc gia ở Biển Đông ngay từ tháng 01-1974. Rằng khi quần đảo Hoàng Sa bị quân Trung Quốc đánh chiếm từ tay Hải quân Việt Nam Cộng hòa, Đảng Cộng sản và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giữ lập trường im lặng, không bình luận hay phản ứng gì, nhưng trong nội bộ thì ngầm ủng hộ Trung Quốc đánh Hoàng Sa.

- Rằng Công hàm năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng là "công hàm bán nước" và bản công hàm này vẫn tiếp tục ảnh hưởng, đặt Việt Nam vào thế yếu trong cuộc tranh chấp chủ quyền trên biển Đông với Trung Quốc.

- Rằng Đảng Cộng sản Việt Nam xem "tình đồng chí vĩ đại" với Trung Quốc lớn hơn vấn đề chủ quyền biển, đảo.

- Rằng Việt Nam muốn giành lại quần đảo Hoàng Sa và bảo vệ quần đảo Trường Sa cũng như toàn bộ biển đảo của đất nước thì không thể thực hiện chính sách quốc phòng "4 không" mà cần phải liên minh quân sự với một nước lớn có thực lực quân sự, quốc phòng mạnh để nhận được hỗ trợ tối đa về mọi mặt.

Từ những luận điệu vu khống, xuyên tạc, kích động đó, các phần tử

phản động cho rằng: "Đảng Cộng sản Việt Nam là một tai họa lớn nhất của dân tộc Việt Nam" và chỉ có xóa bỏ chế độ cộng sản mới "thoát khỏi nguy cơ vong quốc", "đưa đất nước nhập dòng tiến bộ của nhân loại".

## 2. Những luận cứ phản bác luận điệu xuyên tạc, vu khống thái độ, quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước Việt Nam về chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

*Một là,* Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa/Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn đặt vấn đề chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nói chung, chủ quyền biển đảo nói riêng là vấn đề tối quan trọng. Ngay từ Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Quốc hội khóa I thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 09-11-1946 đã ghi rõ ở Lời nói đầu: "Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ"[1]. Hiến pháp năm 2013 được thông qua ngày 28-11-2013 tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII cũng khẳng định ngay tại Điều 1: "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời"[2]. Trước đó, ngày 21-6-2012, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Biển Việt Nam, ngay tại Điều 1 đã nêu rõ phạm vi điều chỉnh của Luật bao gồm: đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng

---

[1] Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Dẫn theo https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1946-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36134.aspx.

[2] *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2014, tr.8.

biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển; quản lý và bảo vệ biển, đảo[1]. Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 09-02-2007 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX "về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020" xác định: "Nhiệm vụ cơ bản, lâu dài và xuyên suốt là xác lập chủ quyền đầy đủ, quản lý và bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán vùng biển, thềm lục địa, hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các quần đảo, đảo khác thuộc chủ quyền của nước ta. Nhiệm vụ trước mắt là phải bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và lợi ích quốc gia trên vùng biển, đảo, duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển"[2].

Chính sự quan tâm đặc biệt đối với chủ quyền biển, đảo nên trong phương án chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam, Bộ Chính trị đã có chỉ thị phải thực hiện kịp thời đánh chiếm các đảo trên biển Đông, đặc biệt là các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, xem đây là nhiệm vụ rất quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, nhằm đề phòng nước ngoài đánh chiếm khi quân đội Sài Gòn đang rệu rã, bỏ đảo. Nhờ sự nhạy bén, sáng suốt đó của Bộ Chính trị, các đảo thuộc quần đảo Trường Sa do quân đội Sài Gòn đóng giữ đã được giải phóng kịp thời, khiến cho quân nước ngoài không kịp thực hiện ý đồ chiếm đóng. Những năm sau ngày giải phóng, mặc dù tình hình đất nước còn rất nhiều khó khăn, phải tiếp tục hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, nhưng với tầm nhìn chiến lược, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã có những quyết sách sáng suốt trong việc bảo vệ các đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 30-01-1987 xác định: "Bảo vệ chủ

---

[1] *Luật Biển Việt Nam năm 2012 và văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2013, tr.7.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2007, tr.78-79.

quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, trước mắt là quần đảo Trường Sa là nhiệm vụ của cả nước, không phải riêng của lực lượng vũ trang mà các bộ, các ngành, các địa phương có liên quan phải góp phần tích cực...". Ngày 09-01-1988, Đảng ủy Quân chủng Hải quân có chỉ đạo: "Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền vùng biển và quần đảo Trường Sa là nhiệm vụ quan trọng nhất, khẩn trương nhất và cũng là vinh dự của Quân chủng"[1]. Trong Diễn văn tại buổi mít tinh kỷ niệm ngày thành lập Hải quân nhân dân Việt Nam ngay tại đảo Trường Sa, Đại tướng Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nhấn mạnh ý chí, quyết tâm: "Chúng ta xin thề trước hương hồn của tổ tiên ta, trước hương hồn cán bộ, chiến sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc, xin hứa với đồng bào cả nước, xin nhắn nhủ với các thế hệ mai sau: Quyết tâm bảo vệ bằng được Tổ quốc thân yêu của chúng ta, bảo vệ bằng được quần đảo Trường Sa - một phần lãnh thổ và lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu của chúng ta"[2].

*Hai là,* khi Trung Quốc đưa quân đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa đang do quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ (01-1974), do lúc bấy giờ ở vào thời điểm nhạy cảm đang phải tập trung toàn lực cho giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước và cũng do theo điều khoản của Hội nghị Geneva năm 1954 các quần đảo phía Nam vĩ tuyến 17 tạm thời thuộc quyền tài phán của chính quyền Việt Nam Cộng hòa nên Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không ra tuyên bố công khai. Bấy giờ, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra tuyên bố khẳng định: "Chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng của mọi dân tộc. Giữa các nước láng giềng có nhiều vụ tranh chấp vấn đề biên giới và lãnh thổ do lịch sử để lại.

---

[1, 2] Dẫn theo nội dung trích ghi tại Nhà trưng bày của Khu tưởng niệm chiến sĩ Gạc Ma ở xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Các tranh chấp đó có khi rất phức tạp, đòi hỏi được xem xét kỹ càng. Các nước liên quan phải cùng nhau xem xét vấn đề trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt và giải quyết vấn đề bằng thương lượng"[1]. Như vậy, lời tuyên bố đã khẳng định vấn đề chủ quyền lãnh thổ là thiêng liêng bất khả xâm phạm và vấn đề lãnh thổ nếu có tranh chấp (do lịch sử để lại) phải được giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt và giải quyết bằng thương lượng. Lời tuyên bố như thế là đúng với tinh thần của Hiến chương Liên hợp quốc: "Tất cả các thành viên của Liên hợp quốc giải quyết các tranh chấp quốc tế của họ bằng biện pháp hòa bình, sao cho không tổn hại đến hòa bình, an ninh quốc tế và công lý" (khoản 3, Điều 2) và cũng có nghĩa là đã phản đối cách hành xử của Trung Quốc, bởi Trung Quốc đã dùng vũ lực đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa, đi ngược lại tinh thần của Hiến chương Liên hợp quốc: "Tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc từ bỏ đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế nhằm chống lại sự bất khả xâm phạm về lãnh thổ hay nền độc lập chính trị của bất kỳ quốc gia nào cũng như bằng cách khác trái với những mục đích của Liên hợp quốc" (Điều 2, khoản 4)[2]. Cũng vào lúc bấy giờ, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua một kênh khác, nhằm không chỉ thể hiện ở

---

[1] Dẫn theo Trần Đức Cường: *Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và vấn đề chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa (1954-1975)*. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam in trong sách *Nghiên cứu và tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo Việt Nam*, Nxb.Thông tin và truyền thông, H.2019, tr.316. Bà Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh), nguyên là một thành viên Phái đoàn đại diện của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Pháp kể cho tác giả bài viết này rằng: Bấy giờ phái đoàn đại diện của Chính phủ này tại Pháp được sự chỉ đạo sát sao từ trong nước đối với phát ngôn về vấn đề Hoàng Sa. Theo đó, phải ngầm ủng hộ sự phản đối Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, còn công khai thì theo tuyên bố của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

[2] *Hiến chương Liên hợp quốc*, dẫn theo https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx.

hiện thời mà còn là một sự chủ động chuẩn bị bằng chứng để trưng dẫn về sau nhằm tỏ thái độ, lập trường của mình, đó là các cán bộ ngoại giao đã nói với các nhà ngoại giao Hunggari rằng Việt Nam có nhiều văn bản chứng minh chủ quyền của mình đối với quần đảo Hoàng Sa; xung đột giữa Trung Quốc với chính quyền Sài Gòn chỉ là tạm thời, còn sau đó sẽ là vấn đề cho cả quốc gia Việt Nam. Những trao đổi ngoại giao này đã được cán bộ ngoại giao Hunggari ghi lại và hiện lưu tại Kho Lưu trữ quốc gia Hunggari. Qua nghiên cứu những tài liệu này, Tiến sĩ Balazs Szalontai, một nhà nghiên cứu độc lập ở Hunggari trong một bài viết cho BBC vào tháng 3-2009 đã nhận xét rằng: "Chúng ta không thể dùng nguyên tắc "im lặng là đồng ý" để giải thích hành vi của Hà Nội trong trận hải chiến Trung Quốc - Nam Việt Nam. Sự thụ động tạm thời của Bắc Việt phản ánh tính toán chiến thuật chứ không mang tính chiến lược hay pháp lý. Trong khi đang còn đánh nhau với miền Nam và nghi ngờ Kremlin, Hà Nội ắt hẳn cảm thấy họ không thể cùng đối đầu với Bắc Kinh. Nhưng ngay sau khi chính quyền Thiệu sụp đổ, Bắc Việt không ngần ngại kêu đòi Hoàng Sa"[1].

*Ba là,* Đảng, Nhà nước Việt Nam rất coi trọng vấn đề biên giới lãnh thổ quốc gia trong quan hệ quốc tế. Liền ngay sau giải phóng miền Nam, ngày 24-9-1975 Bí thư thứ nhất Lê Duẩn dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sang thăm nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã đặt vấn đề về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa. Bấy giờ Phó Thủ tướng Trung Quốc Đặng Tiểu Bình đã thừa nhận có sự tranh chấp giữa hai bên về hai quần đảo mà Trung Quốc gọi là "Tây Sa" và "Nam Sa" (tức hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam) và cũng cho rằng hai bên sau đó sẽ bàn thảo với nhau để giải quyết.

---

[1] Balazs Szalontai: *Im lặng nhưng không đồng tình*. http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/2009/03/090324_paracels_hanoi_reassessment.shtml, 2009.

Khẳng định bảo vệ chủ quyền lãnh thổ trong quan hệ quốc tế là quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước ta. Trong chuyến thăm và làm việc tại Philippines, ngày 22-5-2014, trả lời phỏng vấn của báo giới, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhấn mạnh: "Việt Nam kiên quyết bảo vệ chủ quyền và lợi ích chính đáng của mình bởi vì chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo là thiêng liêng. Việt Nam luôn mong muốn có hòa bình, hữu nghị nhưng phải trên cơ sở bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, vùng biển, và nhất định không chấp nhận đánh đổi điều thiêng liêng này để nhận lấy một thứ hòa bình, hữu nghị viển vông, lệ thuộc nào đó"[1].

*Bốn là,* phía Trung Quốc đã cố tình diễn giải sai lệch nội dung công thư ngày 14-9-1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi cho Chu Ân Lai, Thủ tướng nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, rằng Việt Nam đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo mà nước này gọi tên là "Tây Sa" và "Nam Sa". Những phần tử phản động nhân đó hùa vào để công kích Đảng, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự thật đã rõ ràng trong từng câu chữ là: "Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 14-9-1958 của Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa trên mặt bể". Công thư này không chứa đựng bất kỳ sự từ bỏ chủ quyền nào đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam cho Trung Quốc. Đích thân Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhân chuyến thăm Liên Xô vào tháng 4-1977, khi dừng chân tại Bắc Kinh cũng đã trực tiếp gặp các nhà lãnh đạo Trung Quốc nói rõ văn bản ngày 14-9-

[1] Thanh Bình: *Thủ tướng: Không đánh đổi chủ quyền lấy hữu nghị viễn vông*, 2014, dẫn theo https://vnexpress.net/thu-tuong-khong-danh-doi-chu-quyen-lay-huu-nghi-vien-vong-2994075.html.

1958 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ biểu thị thái độ ghi nhận và tán thành tuyên bố ngày 04-9-1958 của Trung Quốc về hải phận 12 hải lý, hoàn toàn không nói gì đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nên Trung Quốc không thể coi đó là văn bản xác nhận chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo này[1].

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng đã nhiều lần phản bác sự diễn giải xuyên tạc của phía Trung Quốc. Nội dung Tài liệu lập trường Việt Nam gửi Liên hợp quốc ngày 22-8-2014 về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa cũng nói rõ: "Trong những năm Việt Nam bị chia cắt, theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm ở phía Nam đường giới tuyến, thuộc thẩm quyền duy nhất của Việt Nam Cộng hòa... Nội dung phát biểu của đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được đề cập trong công hàm của Trung Quốc - cho dù có được diễn giải như thế nào đi chăng nữa - cũng không có hệ quả pháp lý, vì hai quần đảo này không thuộc thẩm quyền lãnh thổ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa"[2]. Phân tích công thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, bà Monique Cheminlie - Gendreau, giáo sư công pháp và khoa học chính trị ở trường Đại học Paris VII - Denis Diderot, Chủ tịch Hội luật gia châu Âu cũng cho rằng: "Tuyên bố của ông Phạm Văn Đồng chỉ có một nghĩa hẹp, đúng vậy, là công nhận bề rộng lãnh hải của Trung Quốc. Do vậy, thật không đúng khi lập luận rằng Việt Nam có lẽ đã "khẳng định lại sự công nhận của họ đối với yêu sách của

---

[1] Dẫn theo Bùi Phan Kỳ: *Góp phần làm rõ thêm về một văn bản lịch sử*, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 4-2013, trong sách *Quá trình khai phá, xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb.Quân đội nhân dân, H.2015, tr.395.

[2] Bộ Ngoại giao - Ủy ban Biên giới quốc gia: *Tài liệu định hướng công tác tuyên huấn về biển đảo*, Nxb.Tri thức, H.2015, tr.107.

Trung Quốc" đối với các đảo"[1]. Bà cũng chỉ ra rằng bấy giờ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ thực hiện thẩm quyền của mình ở phía Bắc vĩ tuyến $17^0$, trong khi đó, cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều ở phía Nam vĩ tuyến này, thuộc sự quản lý của Việt Nam Cộng hòa. Do vậy, "Trong bối cảnh đó, các tuyên bố hay các lần biểu thị lập trường có thể có của nhà chức trách Bắc Việt Nam không có hậu quả đối với danh nghĩa chủ quyền. Đó không phải là chính phủ về mặt lãnh thổ có thẩm quyền với các quần đảo. Người ta không thể từ bỏ cái mà người ta không có quyền lực"[2].

*Năm là,* chủ quyền lãnh thổ là vấn đề thiêng liêng đối với quốc gia dân tộc. Nó phải được khẳng định, bảo vệ bằng chính sức mạnh nội lực của dân tộc chứ không thể trông chờ, dựa dẫm vào một nước nào khác hay một liên minh quân sự nào. Đường lối đối ngoại của Việt Nam là độc lập tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa, là bạn tốt, là đối tác tin cậy với các nước trên thế giới, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Việt Nam không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống lại nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Không phải cứ liên minh quân sự mới đảm bảo cho sự toàn vẹn lãnh thổ. Lịch sử vấn đề Hoàng Sa cho thấy, dù Mỹ là "đồng minh" của Việt Nam Cộng hòa, nhưng khi Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm phần còn lại của quần đảo Hoàng Sa đang do quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ (01-1974), Ngoại trưởng Vương Văn Bắc liền thông báo tình hình chiến sự cho Đại sứ Mỹ Martin với mong

---

[1] Monique Cheminlie - Gendreau: *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1998, tr.148.

[2] Monique Cheminlie - Gendreau: *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1998, tr.147.

muốn Mỹ cho biết có dành cho Việt Nam Cộng hòa sự ủng hộ nào về vật chất, chính trị với tư cách là nước đồng minh, cũng như với tư cách là quốc gia đã ký kết và bảo đảm cho Hiệp định Paris năm 1973 hay không, nhưng đã không nhận được câu trả lời của Martin. Ngay cả hạm đội Mỹ ở gần khu vực xảy ra chiến sự, nhưng cũng không cứu vớt nhân đạo những binh sĩ Việt Nam Cộng hòa lâm nạn. Chính Đại tá Đỗ Kiểm, Tham mưu phó hành quân tại Bộ Tư lệnh Hải quân của Việt Nam Cộng hòa đã phải chua xót kể lại: "Thực tế cho thấy trong suốt cuộc tìm kiếm những nhân viên từ hộ tống hạm HQ-10 và các toán đã đổ bộ lên trấn giữ đảo đã đào thoát để trở về đất liền, chúng ta không nhận thấy một hành động nhân đạo nào từ phía đồng minh, kể cả của phi cơ không tuần"[1]. Với sự kiện Hoàng Sa, Nhà Trắng ra Thông cáo báo chí tuyên bố: "Chính phủ Hoa Kỳ không đứng về phe nào trong các cuộc tranh chấp xung đột về quần đảo Hoàng Sa... Lực lượng quân sự Mỹ không dính líu vào vụ này"[2]. Việt Nam Cộng hòa đã thiếu trách nhiệm khi không kịp thời đưa quân trấn giữ nhóm đảo phía Đông của quần đảo Hoàng Sa ngay sau Hiệp định Giơnevơ, để cho Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thừa cơ đưa quân ra chiếm đóng bất hợp pháp các đảo thuộc nhóm đảo này và Trung Hoa Dân quốc đưa quân chiếm đóng đảo Ba Bình là đảo lớn nhất trong quần đảo Trường Sa trong năm 1956. Việt Nam Cộng hòa cũng đã không bảo vệ được nhóm đảo phía Tây của quần đảo Hoàng Sa, để cho Cộng hòa nhân dân Trung Hoa dùng vũ lực chiếm nốt trong tháng 01-1974. Với quần đảo Trường Sa, cho đến trước khi bị sụp đổ, Việt Nam Cộng hòa cũng chỉ quản lý được 5 đảo.

Ngay sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Nhà nước

---

[1] Lê Văn Thự: *Hải chiến Hoàng Sa - Hạm trưởng HQ-16 trả lời dứt điểm các lời chỉ trích*, https://sachhiem.net/LICHSU/L/LevanThu01.php.

[2] *Ai tiếp tay cho Trung Quốc độc chiếm Biển Đông?*, https://baoxaydung.com.vn/ai-tiep-tay-cho-trung-quoc-doc-chiem-bien-dong-97919.html

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã liên tục khẳng định chủ quyền, tăng cường quản lý hành chính cũng như không ngừng đấu tranh pháp lý nhằm khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Riêng với quần đảo Trường Sa đã tiếp tục mở rộng thêm lên 21 đảo với 33 điểm đóng quân. Ngoài ra còn xây dựng thêm 15 nhà giàn để khẳng định chủ quyền của Việt Nam ở vùng biển đảo này. Việt Nam là quốc gia có số đảo đang đóng giữ nhiều nhất so với các quốc gia và các bên có đòi hỏi chủ quyền ở quần đảo Trường Sa, cũng là quốc gia duy nhất có cư dân đang làm ăn sinh sống trên một số đảo mà chúng ta đang đóng giữ. Quân và dân ta đang ngày đêm bám trụ khẳng định và bảo vệ chủ quyền tại vùng biển, đảo Trường Sa. Chính phủ đang có chủ trương "quy hoạch xây dựng huyện đảo Trường Sa thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước; là thành trì vững chắc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc"[1].

Như vậy, quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là "kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển, đồng thời chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển"[2]. Giải quyết vấn đề chủ quyền biển đảo, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và

[1] Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa, ngày 13-3-2022, Phạm Tiếp: *Thủ tướng: Xây dựng Trường Sa thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội*. https://www.vietnamplus.vn/thu-tuong-xay-dung-truong-sa-thanh-trung-tam-kinh-te-van-hoa-xa-hoi/777867.vnp.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2018, tr.104 - 105.

Trường Sa đòi hỏi một hệ giải pháp đồng bộ, có những giải pháp trước mắt, tạm thời, có những giải pháp căn cơ về lâu dài. Trong đó, với giải pháp nhận thức cần làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn dân về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo, hiểu được quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước để tăng cường niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng về bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay, và phải kiên quyết đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch của các phần tử phản động đối với quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

# NHẬN DIỆN HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN, XUYÊN TẠC SAI SỰ THẬT VỀ CÔNG TÁC ĐẤU TRANH CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý*

*Nguyễn Xuân Trường***

***Tóm tắt*:** Thời gian qua, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tìm mọi cách tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt sai sự thật về công tác đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta để chống Đảng, Nhà nước. Bài viết tập trung phân tích, làm rõ hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc sai sự thật về công tác đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta hiện nay và đưa ra vấn đề cần chú ý góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch của các đối tượng.

***Từ khóa:*** *Tuyên truyền, xuyên tạc sai sự thật; đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực*

**1**. Với bất kỳ quốc gia, dân tộc nào trên thế giới, vấn nạn tham nhũng, tiêu cực luôn là nguy cơ tiềm tàng với sự ổn định, phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Tham nhũng, tiêu cực gây ra hậu quả, tác hại hết sức to lớn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh, quốc phòng, gây thiệt hại rất lớn về tài sản của Nhà nước, tập thể, nhân dân, làm cản trở các nỗ lực giảm nghèo, gây ra trở lực lớn với sự phát triển của quốc gia, dân tộc. Tham nhũng, tiêu cực làm thay đổi, đảo lộn chuẩn mực đạo đức xã hội, tha hóa đội ngũ

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Ban Nội chính Trung ương

cán bộ, công chức nhà nước; làm xói mòn lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, xâm hại đến hoạt động đúng đắn của bộ máy nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền pháp chế, dẫn đến hiện tượng chống đối các cơ quan và công chức thực thi nhiệm vụ. Hành vi tham nhũng, tiêu cực tiếp tay cho các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị lợi dụng chống phá ta, đe dọa sự tồn vong của chế độ. "Tham nhũng nói riêng và tiêu cực nói chung đều làm mất đi sự trong sạch của bộ máy Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín, phẩm chất đạo đức, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức"[1], "làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ"[2].

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã được thực hiện quyết liệt, nghiêm minh, toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, "không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai"; không làm oan, không bỏ lọt tội phạm; xử lý nhân văn, có lý, có tình. Đã xử lý dứt điểm nhiều vụ án lớn, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, cả những vụ tồn đọng, kéo dài từ nhiều năm trước, với nhiều cán bộ cấp cao cả đương chức và về hưu bị xử lý hình sự. Trong giai đoạn từ ngày 01-7-2012 đến ngày 31-3-2022, qua công tác kiểm tra, giám sát, Ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 2.741 tổ chức đảng, 167.748 đảng viên (tăng 16.096 đảng viên so với giai đoạn 10 năm 2001-2011); trong đó có 7.393 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng, cố

---

[1] Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam: *Phòng chống tham nhũng đồng bộ với phòng, chống tiêu cực*, đăng tải ngày 12-9-2021, nguồn https://dangcongsan.vn/tieu-diem/phong-chong-tham-nhung-dong-bo-voi-phong-chong-tieu-cuc-590764.html, truy cập ngày 08-6-2022.

[2] Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30-10-2016 "về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến, "tự chuyển hóa" trong nội bộ"*.

ý làm trái (tăng 1.260 đảng viên so với giai đoạn 10 năm 2001-2011). Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cấp ủy có thẩm quyền đã thi hành kỷ luật hơn 170 cán bộ diện Trung ương quản lý, trong đó có 33 đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (gồm 04 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị; 10 đồng chí Ủy viên Trung ương đương nhiệm; 19 đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương), hơn 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang. Riêng từ sau Đại hội XIII của Đảng đến nay, đã thi hành kỷ luật 50 cán bộ diện Trung ương quản lý, trong đó có 08 Ủy viên, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 20 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang[1]. Hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã có tính răn đe, cảnh tỉnh, giáo dục, phòng ngừa cao; đội ngũ cán bộ, đảng viên biết rèn luyện, giữ gìn hơn; bộ máy Đảng, Nhà nước trong sạch hơn; người dân đồng tình, ủng hộ và nâng niềm tin vào Đảng và Nhà nước trong việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực[2]. Quốc tế ghi nhận, đánh giá cao kết quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam, xã hội ngày càng minh bạch[3]. Đại hội XIII đã đánh giá: "Công tác phòng, chống tham nhũng được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không

---

[1] Bộ Chính trị: *Báo cáo tổng kết 10 năm công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới* (tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, ngày 30-6-2022).

[2] Theo Báo cáo số 27-BCĐT/DLXH, ngày 26-10-2020 của Viện Dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương về kết quả điều tra dư luận xã hội về công tác phòng, chống tham nhũng trong thời gian qua thì có 93% cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, trong đó, rất tin tưởng chiếm 54% và tin tưởng có mức độ là 39%.

[3] Theo Tổ chức Minh bạch quốc tế (TI): Chỉ số cảm nhận tham nhũng của Việt Nam liên tục cải thiện: Năm 2012, đứng thứ 123/176 quốc gia; năm 2019, đứng thứ 96/180 quốc gia; năm 2020, đứng thứ 104/180 quốc gia; năm 2021, đứng thứ 87/180 quốc gia. Từ năm 2012 đến năm 2022 tăng 36 bậc.

có ngoại lệ, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ. Tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn và có chiều hướng giảm"[1]; "Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí chuyển biến mạnh mẽ, có bước đột phá, được tiến hành quyết liệt, có hiệu quả, ngày càng đi vào chiều sâu, gắn kết chặt chẽ giữa "xây" và "chống""[2].

**2**. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần khơi dậy trong mỗi người dân Việt Nam khí thế, khát vọng cống hiến, xây dựng đất nước phát triển, phồn vinh, thịnh vượng. Tuy nhiên, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị luôn tìm mọi cách tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta, phủ nhận thành quả mà toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã nỗ lực, cố gắng có được trong cuộc chiến chống "giặc nội xâm" vô cùng cam go, quyết liệt, phức tạp. Phương thức, thủ đoạn mà các đối tượng thực hiện hết sức tinh vi, xảo quyệt theo kiểu "mưa dầm thấm lâu", "nội công, ngoại kích", "trong nói ra", "ngoài nói vào". Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn, có thể nhận diện hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc sai sự thật về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta thể hiện ở một số điểm sau:

*Thứ nhất, đối tượng thực hiện hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*.

Số đối tượng này bao gồm: Các thế lực thù địch, phản động lưu vong ở bên ngoài nước ta; đối tượng phản động, bất mãn và cơ hội chính trị ở trong nước; các trang mạng xã hội của tổ chức phản động

---

[1, 2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.76; 77.

lưu vong, như "Việt Tân", "Đảng vì dân", "Chính phủ Quốc gia Việt Nam lâm thời", "Phong trào trấn hưng Việt Nam", "Hội Anh em dân chủ"...; các trung tâm truyền thông hải ngoại do các thế lực thù địch, phản động lập, sử dụng chống phá Việt Nam như RFA, VOA, RFI...; các hãng truyền thông nước ngoài có chương trình phát sóng bằng tiếng Việt, như RFA tiếng Việt, VOA tiếng Việt, BBC tiếng Việt...; các trang web của "Việt Tân", "Chân trời mới"...; các blogger cá nhân của các đối tượng phản động, bất mãn, cơ hội chính trị... lập ra, đăng tải bài viết, hình ảnh có nội dung tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta.

*Thứ hai, về nội dung tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.*

Các thế lực thù địch, phản động phủ nhận thành quả của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta, phủ nhận cố gắng, nỗ lực của cả hệ thống chính trị, nhân dân trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Những luận điệu do các đối tượng xấu đưa ra thường đi đến kết luận vô căn cứ, quy kết công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực "chỉ trên khẩu hiệu", không đạt kết quả nhằm hạ thấp vai trò của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các cơ quan tiến hành tố tụng. Các đối tượng lợi dụng khi dư luận xã hội bức xúc về tệ nạn tham nhũng, tiêu cực và một số hạn chế, khuyết điểm trong công tác quản lý kinh tế, công tác xây dựng Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực để thêm thắt, bịa đặt, tuyên truyền, xuyên tạc rằng, "tham nhũng là sản phẩm của chế độ, thể chế chính trị ở Việt Nam", "tham nhũng hay tình trạng tham nhũng trong Đảng Cộng sản Việt Nam là căn bệnh nan y không có thuốc chữa", "nguyên nhân tất yếu và nguồn cơn của tham nhũng là do Đảng ta là chế độ một Đảng duy nhất cầm quyền và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ",

"tham nhũng là căn bệnh kinh niên của chế độ độc đảng cầm quyền; do xã hội thiếu dân chủ nên không thể chống tham nhũng thành công; đã nhiều lần phát động chống tham nhũng, tiêu cực nhưng đều không thành công, tệ nạn lại càng gia tăng"... Từ đó, xuyên tạc rằng, "cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng Cộng sản Việt Nam không thể thành công"[1]. Qua đó, dẫn dắt dư luận hiểu theo hướng muốn chống tham nhũng, tiêu cực thành công thì phải mở rộng dân chủ, thực hiện chế độ "đa nguyên chính trị", "đa đảng đối lập". Thể chế chính trị - xã hội đa nguyên đa đảng là điều kiện, tiền đề để đi đến cuộc "cách mạng màu" theo âm mưu, ý đồ của các thế lực thù địch, phản động chống Việt Nam.

Trên thực tế, khi cơ quan chức năng xử lý cán bộ, đảng viên có hành vi tham nhũng, tiêu cực, gồm cả một số cán bộ, đảng viên từng giữ cương vị rất cao, đương chức hay đã nghỉ hưu là minh chứng cho quyết tâm đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần "không có vùng cấm", "không có ngoại lệ", mang lại niềm tin rất lớn của nhân dân với Đảng, Nhà nước trong cuộc chiến chống "giặc nội xâm". Thế nhưng, các đối tượng xấu lại cố tình quy chụp, ngụy biện đó là "sự thất bại nặng nề của công tác nhân sự mà Đảng lãnh đạo"[2], đổ lỗi việc để xảy ra vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực là do chế độ hòng bôi nhọ, hạ thấp uy tín, danh dự của Đảng, Nhà nước. Khi các cấp ủy xử lý kỷ luật đảng số cán bộ, đảng viên tham nhũng, tiêu cực, chưa xử lý hình sự thì một số đối tượng xấu xuyên tạc đây là "kỷ luật mềm", "Đảng vẫn bao che, dung túng". Cho đến khi cơ quan chức năng xử lý hình sự số cán bộ, đảng viên tham nhũng, tiêu cực, thể hiện quyết tâm chính trị, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham

---

[1, 2] Hoàng Hà: *Đấu tranh phản bác thế lực thù địch phủ nhận kết quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí*, https://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/202012/dau-tranh-phan-bac-the-luc-thu-dich-phu-nhan-ket-qua-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-lang-phi-308888/.

những, tiêu cực, kiên quyết xử lý cán bộ, đảng viên tham nhũng, tiêu cực thì các thế lực thù địch, phản động lại đưa ra luận điệu xuyên tạc, lập lờ "đánh lận con đen", xuyên tạc hòng biến cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý số cán bộ, đảng viên vi phạm thành cuộc "đấu đá nội bộ" hay "thanh trừng phe cánh"[1].

Việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là chủ trương, quyết sách đúng đắn của Đảng. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được ví như "cánh tay nối dài" của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, giúp công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện đồng bộ, thống nhất trên cả nước, khắc phục tình trạng "trên nóng, dưới lạnh". Tuy nhiên, các thế lực thù địch, phản động lại tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt vô căn cứ, trắng trợn rằng, "tham nhũng tại Việt Nam như một con virus ăn sâu vào tế bào của Đảng Cộng sản, từ trên xuống dưới"; việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chứng tỏ công tác chống tham nhũng ở Việt Nam "không hiệu quả", "không có chuyển biến"; "Việt Nam chống tham nhũng loay hoay như con kiến đa cành"[2]. Một số đối tượng thì đặt ra những câu hỏi theo kiểu "lập lờ đánh lận con đen", như: "Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh/thành có giúp xóa được tham nhũng?", "Việc trao quyền cho Bí thư tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh phải chăng là sai lầm khi tập trung quyền lực quá nhiều cho Bí thư tỉnh?". Thậm chí đã có đối tượng còn đưa ra luận điệu xuyên tạc, suy diễn vô căn cứ rằng, "chính quyền sinh ra

---

[1] Trang Thông tin điện tử Công an tỉnh Sơn La: *Luận điệu suy diễn, xuyên tạc về công tác phòng, chống tham nhũng của Đảng,* http://congan.sonla.gov.vn/luan-dieu-suy-dien-xuyen-tac-ve-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-cua-dang/.

[2, 3] Nguyễn Văn Sơn: *Phản bác luận điệu xuyên tạc chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*, https://dangcongsan.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/phan-bac-luan-dieu-xuyen-tac-chu-truong-thanh-lap-ban-chi-dao-cap-tinh-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-610515.html

tham nhũng rồi lại thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng thực sự chỉ để làm khổ người dân"[3]. "Các thế lực thù địch, phản động tự đánh giá kết quả giả tạo bằng những câu từ mang tính suy diễn, bịa đặt, xuyên tạc, như thành lập càng nhiều ban bệ càng nhiều tham nhũng hơn, thêm một cấp để tham nhũng"[1].

*Thứ ba, thời điểm mà các đối tượng tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.*

Hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta được các đối tượng tiến hành mọi lúc, mọi nơi. Tuy nhiên, chúng thường đẩy mạnh hoạt động này vào thời điểm nước ta tổ chức các sự kiện lớn, đặc biệt là chuẩn bị Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Ví dụ như, thời điểm Đại hội XIII của Đảng chuẩn bị diễn ra, theo thống kê của cơ quan chức năng, số lượng thông tin xấu, độc, luận điệu xuyên tạc, sai trái trên mạng tăng 50%[2]. Trong đó, đã có không ít thông tin mà các đối tượng tuyên truyền, xuyên tạc về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta. Để hạ thấp uy tín của Đảng, gây chia rẽ nội bộ, phá hoại công tác bầu cử Đại hội, một số đối tượng đã trắng trợn, tuyên truyền, bịa đặt cho rằng công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là "thanh trừng, đấu đá nội bộ, phe cánh chính trị".

Thời điểm Đảng, Nhà nước ban hành quyết sách, chủ trương có tác dụng tích cực với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

---

[1] Truyền hình ANTV: Chuyên mục góc nhìn sự thật, Phóng sự *Xuyên tạc chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*, nguồn: antv.gov.vn/video/goc-nhin-su-that/xuyen-tac-chu-truong-thanh-lap-ban-chi-dao-cap-tinh-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-299209.html.

[2] Báo điện tử Dân trí: *Gần Đại hội Đảng, lượng thông tin sai sự thật, xấu độc trên mạng tăng lên*, nguồn: dantri.com.vn/xa-hoi/gan-dai-hoi-dang-luong-thong-tin-sai-su-that-xau-doc-tren-mang-tang-len-20210122201733527.htm.

trong xã hội, các thế lực thù địch, phản động cũng gia tăng hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc sai sự thật. Điển hình như, Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII đã thảo luận và thống nhất chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đến ngày 02-6-2022, thay mặt Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Võ Văn Thưởng đã ký Quyết định số 67-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngay sau Hội nghị Trung ương 5, các đối tượng xấu đã đăng tải, chia sẻ trên mạng xã hội nhiều thông tin, luận điệu xuyên tạc, sai trái nhằm mục đích chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ, gây phân tâm trong dư luận. Bên cạnh đó, tại thời điểm cơ quan chức năng xử lý vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực, đặc biệt là vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực lớn, được dư luận xã hội quan tâm cũng bị số đối tượng xấu lợi dụng để tuyên truyền, xuyên tạc sai sự thật. Ví dụ như, ngày 08-6-2022, trên trang thông tin của Đài Á Châu Tự do (RFA) đăng bài: "Phản hồi của dân chúng về vụ bắt giữ ba lãnh đạo cấp cao liên quan đến Việt Á" đưa ra những luận điệu "việc bắt giữ ba quan chức mới nhất chỉ là sự đấu đá trong hàng ngũ cấp cao nhất của Đảng Cộng sản và số phận của các lãnh đạo này được định đoạt sau khi cuộc đấu đá này ngã ngũ" để tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt, nói xấu Đảng, Nhà nước trong cuộc chiến chống tham nhũng, tiêu cực[1].

*Thứ tư, phương thức thực hiện tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.*

Các đối tượng xấu thực hiện hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu

[1] Nông Hoàng: *Nhận diện các luận điệu xuyên tạc chống Đảng, Nhà nước liên quan vụ án nâng giá kit xét nghiệm tại Công ty Việt Á*, nguồn: https://trangdinh.langson.gov.vn/nhan-dien-cac-luan-dieu-xuyen-tac-chong-dang-nha-nuoc-lien-quan-vu-nang-gia-kit-xet-nghiem-tai-cong

cực bằng việc lập ra các tạp chí, trang web, tài khoản mạng xã hội để đăng tải, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung tuyên truyền, xuyên tạc; xuất bản trái phép ấn phẩm, sách, bộ phim có nội dung xuyên tạc, bóp méo sự thật. Đặc biệt, các đối tượng đã thiết lập, sử dụng các trang thông tin điện tử (website, blog...), mạng xã hội nước ngoài phổ biến (Facebook, Twitter, Youtube, TikTok...), sử dụng các diễn đàn nước ngoài (Paltalk, Skype, Zalo, Viber, Gotomeetting...) hoạt động trên nền tảng internet để đăng tải, tán phát các bài viết, hình ảnh có nội dung tuyên truyền, xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ.

*Thứ năm, hậu quả, tác hại của hoạt động hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực.*

Hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực có hậu quả, tác hại vô cùng nguy hiểm. Các đối tượng tuyên truyền, xuyên tạc, tung ra thông tin sai lệch nhằm tạo ra cảm giác tham nhũng có ở khắp mọi nơi, vẽ lên một bức tranh màu xám về thực trạng xã hội Việt Nam. Từ đó, gây nhiễu loạn thông tin, hoang mang, hoài nghi, phân tâm trong dư luận xã hội; chia rẽ nội bộ trong Đảng, suy giảm niềm tin của một bộ phận quần chúng, cán bộ, đảng viên với công tác phòng, chống tham nhũng, cao hơn là gây suy giảm niềm tin của nhân dân, cán bộ, đảng viên với Đảng, Nhà nước và chế độ; giảm ý nghĩa to lớn của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực mà cả hệ thống chính trị, toàn dân đang nỗ lực thực hiện. Một bộ phận người dân do chưa hiểu đúng, hiểu rõ về cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước nên có thể xuất hiện tâm lý hoài nghi, thậm chí đưa ra phát ngôn lệch lạc, làm ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Luận điệu sai trái của các đối tượng xấu gieo rắc tâm lý bất an, từ đó gây ra sự hoài nghi, bất mãn, bất bình, mất niềm tin về các chủ trương, quyết sách của Đảng, làm

xói mòn niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, thậm chí có thể làm xuất hiện tâm lý chán ghét và muốn thay đổi chế độ, tạo cớ kích động gây rối an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, tạo ra sự đối lập, bất ổn từ bên trong hòng hiện thực hóa âm mưu "cách mạng màu". Từ luận điệu của các thế lực thù địch, phản động, do thiếu thông tin, cộng đồng quốc tế có thể hiểu sai về tình hình nội bộ, hiểu sai về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta. Điều này sẽ là làm cho nhà đầu tư nước ngoài có tâm lý e ngại, thậm chí không muốn vào Việt Nam đầu tư kinh tế vì lo sợ tham nhũng, tiêu cực, dẫn đến sụt giảm nguồn lực đầu tư trong xây dựng, phát triển đất nước, ảnh hưởng đến uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

**3**. Trước tình hình nêu trên, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, các cơ quan, ban, ngành đã chủ động, tích cực tham gia công tác đấu tranh, phản bác luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt của các đối tượng xấu về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tiễn nhận thấy, đấu tranh với hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Một số cơ quan, ban, ngành, địa phương chưa nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm của hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc sai sự thật về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc định hướng dư luận xã hội để đấu tranh, phản bác lại luận điệu của các đối tượng xấu chưa được duy trì thường xuyên, còn tình trạng làm theo đợt, theo sự vụ, thậm chí có lúc còn xuất hiện "khoảng trống, độ trễ" của thông tin chính thống, dẫn tới quần chúng bị ảnh hưởng bởi luận điệu xuyên tạc, bịa đặt mà các đối tượng đưa ra; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định là điều kiện để đối tượng xấu tuyên truyền, xuyên tạc chống Đảng, Nhà nước;

chưa phát huy hết vai trò, sức mạnh của các cơ quan, ban, ngành và quần chúng nhân dân trong đấu tranh với hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động... Hạn chế nêu trên là do một số nguyên nhân sau đây: Hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được các đối tượng thực hiện tinh vi, xảo quyệt, triệt để lợi dụng khoa học, công nghệ để thực hiện; quy định pháp luật hiện hành xử lý đối tượng lợi dụng không gian mạng tuyên truyền phá hoại tư tưởng chưa đủ sức răn đe; các điều kiện để các đối tượng lợi dụng tuyên truyền, xuyên tạc về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực vẫn tồn tại, chưa được xử lý, thậm chí có dấu hiệu diễn biến phức tạp hơn, bị số đối tượng xấu lợi dụng để tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt nhằm chống Đảng, Nhà nước...

Để nâng cao hiệu quả đấu tranh, phản bác luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta trong thời gian tới, cần chú trọng thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

*Thứ nhất, phải thống nhất và nâng cao nhận thức về tính đúng đắn, khách quan của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hệ thống chính trị và toàn dân*. Đây là chủ trương, chính sách hoàn toàn đúng đắn của Đảng, Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là yêu cầu, nhu cầu tất yếu, khách quan nhằm loại bỏ những phần tử xấu, những "ung nhọt". Từ đó, mang lại niềm tin cho nhân dân về một chế độ luôn lấy sự phồn vinh của dân tộc, đặt lợi ích, hạnh phúc của nhân dân là mục tiêu phấn đấu, hướng đến xây dựng đất nước Việt Nam văn minh, giàu đẹp. Đặc biệt, chúng ta phải thống nhất rất cao nhận thức theo quan điểm xuyên suốt "nhìn thẳng sự thật, nói đúng sự thật" về vấn đề tham nhũng, tiêu cực, từ đó kiên quyết đấu tranh, làm trong sạch bộ máy. Đây là con đường duy nhất, không còn cách nào khác để xây dựng, củng cố

hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh vì nhân dân phục vụ. Khi cả hệ thống chính trị và toàn dân thống nhất và nâng cao nhận thức được điều này sẽ tạo ra khả năng "miễn dịch", "đề kháng" tốt với luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

*Thứ hai, tiếp tục thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực có hiệu quả với phương châm "không có vùng cấm, không có ngoại lệ", với quyết tâm chính trị cao nhất để loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất làm tổn hại lợi ích của quốc gia, dân tộc, nhân dân, phải làm sao để cho mỗi người dân nhận thấy cuộc chiến chống tham nhũng, tiêu cực (chống "giặc nội xâm") thực sự là vì dân, vì nước, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người dân.* Đồng thời, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan chức năng trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nhất là Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Trung ương và cấp tỉnh. Cần xác định rằng, phải lấy hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực làm bằng chứng, luận điệu, mũi tiến công sắc bén nhất để đấu tranh, phản bác luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc sai sự thật của các thế lực thù địch, phản động.

*Thứ ba, chủ động nắm tình hình, phát hiện kịp thời các quan điểm, luận điệu tuyên truyền sai trái về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để phục vụ hiệu quả việc triển khai công tác đấu tranh phản bác.* Trong đó, cần tập trung nắm tình hình về các đối tượng hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; nội dung mà các đối tượng tuyên truyền, xuyên tạc; phương thức, thủ đoạn được các đối tượng sử dụng để tuyên truyền, xuyên tạc; sự liên kết, mối quan hệ giữa các đối tượng trong nước với các đối tượng bên ngoài trong việc lập, duy trì hoạt động của các trang web, blog, mạng xã hội... sử dụng để đăng tải nội dung tuyên truyền, xuyên tạc về công tác đấu tranh

phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Nắm chắc những vấn đề nêu trên là cơ sở, định hướng để tổ chức đấu tranh, phản bác có hiệu quả với luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đồng thời, thông qua nắm tình hình để thu thập, củng cố chứng cứ nhằm xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm pháp luật để cảnh báo, răn đe.

*Thứ tư, chủ động, kịp thời lan tỏa thông tin tích cực, chính thống, định hướng dư luận xã hội trong đấu tranh, phản bác luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, sai trái, bịa đặt về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*. Nội dung thông tin cần lan tỏa, định hướng dư luận để quần chúng nhân dân hiểu rõ: Sự đúng đắn trong chủ trương, quyết tâm chính trị về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng, Nhà nước và nhân dân; ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; vạch trần, làm rõ bản chất phi nghĩa, sai trái trong các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động; những sai phạm của các đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực; kết quả xử lý của cơ quan chức năng... Việc lan tỏa thông tin tích cực, định hướng dư luận cần phải được tiến hành chủ động, "đi trước một bước", thường xuyên, liên tục và tăng cường vào thời điểm phát hiện các thế lực thù địch, phản động gia tăng hoạt động tuyên tuyền, xuyên tạc công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đặc biệt là thời điểm cơ quan chức năng xử lý vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm. Sự kịp thời, chính xác, chủ động lan tỏa thông tin tích cực, định hướng dư luận xã hội giúp tránh xảy ra tình trạng "tranh tối, tranh sáng", "khoảng trống, độ trễ" của thông tin chính thống, không cho các đối tượng xấu có cơ hội lợi dụng để tuyên truyền, xuyên tạc, nói xấu, bịa đặt.

Cần phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cơ quan, ban, ngành để tuyên truyền, lan tỏa thông tin tích cực, chính

thống, định hướng thông tin dư luận xã hội. Phát huy sức mạnh của các bộ, ban, ngành ở Trung ương và địa phương, như: Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Thông tin và Truyền thông; Ban Tuyên giáo Trung ương; Bộ Ngoại giao... Ban Tuyên giáo tỉnh ủy/thành ủy, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh..., Ban Chỉ đạo 35 của các cơ quan, ban, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan lý luận, thông tin, truyền thông, báo chí để tuyên truyền, đấu tranh phản bác luận điệu xuyên tạc, bịa đặt của các thế lực thù địch về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Phát huy tối đa sức mạnh của phương tiện thông tin và truyền thông để tuyên truyền, đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc, bịa đặt về công tác đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Các cơ quan chức năng phối hợp, định hướng Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, cơ quan thông tấn của Việt Nam... định hướng dư luận qua thực hiện các chương trình, chuyên mục: "Đấu tranh với thông tin xấu, độc trên mạng xã hội", "Đối diện", "Nhận diện sự thật", "Chống diễn biến hòa bình", "Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng"... Chính quyền, nhân dân là của ta, chúng ta được trang bị đầy đủ phương tiện. Do vậy, trong đấu tranh, phản bác luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt chống Đảng, Nhà nước thì nhất định chúng ta sẽ giành thắng lợi.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan chức năng, có thẩm quyền trong xử lý vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực để định hướng dư luận xã hội, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về bản chất vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nhằm phản bác lại luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động. Quan tâm xây dựng đội ngũ cộng tác viên để lan tỏa thông tin tích cực, chính thống, định hướng dư luận trong đấu tranh, phản bác quan điểm, luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt về công tác đấu phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đội ngũ cộng tác viên cần được

xây dựng từ Trung ương đến cơ sở, tập trung xây dựng vào những người có uy tín, ảnh hưởng với đông đảo quần chúng (nhà khoa học, nghiên cứu đầu ngành, nhân sĩ, trí thức, cán bộ hoạt động trên các lĩnh vực báo chí, xuất bản, văn học, nghệ thuật, các cựu chiến binh, lão thành cách mạng...).

*Thứ năm, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh thông tin mạng*. Các thế lực thù địch, phản động triệt để lợi dụng không gian mạng hoạt động phá hoại tư tưởng chống phá cách mạng, gồm cả vấn đề tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt sai sự thật về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Do vậy, phải làm tốt hơn nữa công tác quản lý nhà nước về an ninh thông tin mạng để chủ động phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, phản bác luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động; tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hàng lang pháp lý đủ mạnh để thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh thông tin mạng.

*Thứ sáu, nâng cao hiệu quả sử dụng biện pháp khoa học - kỹ thuật trong đấu tranh phản bác quan điểm, luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, bịa đặt về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên không gian mạng*. Sử dụng biện pháp khoa học - kỹ thuật rà quét, giám sát các trang web, blog, mạng xã hội, diễn đàn... thường xuyên tuyên truyền quan điểm sai trái về công tác đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; truy tìm, xác định đối tượng là chủ sở hữu các blog, website, tài khoản mạng xã hội, đối tượng viết bài hoặc các bút danh được đối tượng sử dụng để viết tin, bài có nội dung xuyên tạc, bịa đặt về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để ngăn chặn, xử lý; hạn chế, ngăn chặn sự truy cập vào các trang trang web do đối tượng xấu lập ra để tuyên truyền, xuyên tạc về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; vô hiệu hóa, ngăn chặn các đối tượng xấu đăng tải, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung xấu, độc.

Âm mưu, phương thức và thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, phản động luôn có sự thay đổi nhằm đối phó với hoạt động điều tra của các cơ quan chức năng. Thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu, nhận diện, làm rõ hơn về hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để chủ động đấu tranh, ngăn chặn.

*Phần thứ ba*

# ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

# TÁC PHẨM "MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM" CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG VỚI CUỘC ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH HIỆN NAY*

***Nguyễn Văn Đạo*****

***Tóm tắt:*** Nhân kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2021) và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, ngày 16-5-2021, Tổng Bí thư, GS, TS Nguyễn Phú Trọng đã có bài viết *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (sau đây gọi tắt là tác phẩm). Tác phẩm thể hiện tầm khái quát cao, toàn diện, sâu sắc, có sức thuyết phục lớn, bàn tới một vấn đề rộng lớn, phức tạp, có tầm quan trọng đặc biệt cả về lý luận và thực tiễn, đó là chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ý nghĩa của tác phẩm không chỉ như một Cương lĩnh của dân tộc trong tình hình mới, mà nó còn là vũ khí lý luận sắc bén, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, thù địch trong hiện nay.

***Từ khóa:*** *Chủ nghĩa xã hội; Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; phản bác quan điểm sai trái, thù địch*

---

* Tác phẩm đạt Giải A

** Đại học Văn Lang, Thành phố Hồ Chí Minh

**1. Nhận diện quan điểm sai trái, thù địch - nội dung, nguyên nhân và chủ thể**

*Về nội dung của quan điểm sai trái, thù địch,* tác phẩm đã trực tiếp hoặc gián tiếp vạch ra nhiều quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực phản động, đó là: xuyên tạc "tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội"; "quy kết nguyên nhân tan rã của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác-Lênin và sự lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội"; "bài bác chủ nghĩa xã hội, ca ngợi một chiều chủ nghĩa tư bản"; cho rằng Việt Nam "đã chọn đường sai, cần phải đi con đường khác"; xuyên tạc về đặc trưng, bản chất chủ nghĩa xã hội và mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, v.v..

*Về nguyên nhân của các quan điểm sai trái, thù địch,* tác phẩm chỉ rõ trước hết do "mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu sụp đổ, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào", từ đó vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội "trở thành tâm điểm thu hút mọi sự bàn thảo, thậm chí tranh luận gay gắt"[1]. *Thứ hai,* do nhận thức phiến diện về chủ nghĩa tư bản: Chỉ thấy lý thuyết kinh tế hay mô hình phát triển tư bản chủ nghĩa là "thời thượng", "đạt được nhiều thành tựu", nhưng không thấy những tình huống "phát triển xấu", nghịch lý "phản phát triển"[2] của nó, vì thế, mà ca ngợi một chiều chủ nghĩa tư bản, xuyên tạc, bài bác chủ nghĩa xã hội. *Thứ ba,* do lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là "*sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp"*[3] nên một số người đã hoài nghi, mất niềm tin và có các quan điểm sai trái, thù địch về chủ nghĩa xã hội.

*Về chủ thể của các quan điểm sai trái, thù địch,* đi liền với nội

---

[1, 2, 3] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.18; 19; 25.

dung, nguyên nhân là chủ thể của các quan điểm sai trái, thù địch về tư tưởng, lý luận, từ "các thế lực chống cộng", "các thế lực thù địch", cho đến những kẻ "cơ hội chính trị" và người trong "hàng ngũ cách mạng" đã tự diễn biến, tự chuyển hóa mà "bi quan, dao động, nghi ngờ"[1].

**2. Hệ thống lý luận, luận cứ phản bác các quan điểm sai trái, thù địch**

*Về tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội,* trong tác phẩm, GS, TS Nguyễn Phú Trọng đã luận giải dựa trên 03 cơ sở sau:

*Thứ nhất, phản bác trực diện về tính không bền vững, triệt để của chủ nghĩa tư bản, đồng thời khẳng định xu thế phát triển tất yếu, cùng những giá trị đích thực, tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội.* GS, TS Nguyễn Phú Trọng một mặt đánh giá cao những giá trị văn minh, thành tựu to lớn mà nhân loại đạt được trong thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, bằng một loạt các dẫn chứng về sự khủng hoảng trên lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, y tế ở các nước tư bản phương Tây từ 2008 đến nay, ông chỉ rõ: "Chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó"[2]. Sâu xa hơn, ông đã phân tích bản chất mô hình kinh tế - chính trị của chủ nghĩa tư bản cùng những tác động của nó trên toàn cầu và cho thấy: *Một là,* lý thuyết kinh kế hay mô hình phát triển về thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản đã bị "phá sản"[3]; *hai là,* dân chủ trong thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa "vẫn chỉ là hình thức", không thực chất, "vẫn là sự chuyên chế của các tập đoàn tư bản"[4].

Từ những nhận thức trên, GS, TS Nguyễn Phú Trọng kết luận: Chủ nghĩa tư bản *"*không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái", và các cuộc khủng hoảng hiện nay sẽ "không thể

---

[1, 2, 3, 4] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.18; 19; 20; 21.

giải quyết được một cách triệt để trong khuôn khổ của chế độ tư bản chủ nghĩa"[1]. Ông khẳng định, quy luật, xu thế phát triển tất yếu cũng như mong muốn của nhân dân Việt Nam và nhân loại là cần một xã hội, trong đó: sự phát triển thực sự vì con người, phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội; một xã hội nhân ái, đoàn kết, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn; một hệ thống chính trị với quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Ông cho đây chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội.

*Thứ hai, lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội*. Trong tác phẩm, GS, TS Nguyễn Phú Trọng đã trình bày có hệ thống đặc trưng, bản chất của chủ nghĩa xã hội cùng các cách thức để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Với đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, bài viết đã phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc cho rằng: chủ nghĩa xã hội chỉ phù hợp ở thế kỷ XX hoặc ở phương Tây; quy sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội.

*Thứ ba, bản chất khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin.* Chủ nghĩa xã hội được GS, TS Nguyễn Phú Trọng đề cập trong tác phẩm là "chủ nghĩa xã hội khoa học dựa trên học thuyết Mác-Lênin trong thời đại ngày nay"[2]. Theo ông, để chủ nghĩa Mác-Lênin - nền tảng tư tưởng, lý luận trong xây dựng chủ nghĩa xã hội - luôn tươi mới, mang hơi thở của thời đại, thì nó cần được "tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học"[3]. Đây chính là đặc trưng về "tính mở", tính sáng tạo, thể hiện bản chất khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin.

---

[1, 2, 3] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.20; 18; 37-38.

*Về sự lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* đây là một vấn đề được GS, TS Nguyễn Phú Trọng đặt ra ngay đầu tác phẩm. Ông đã đưa ra 03 cơ sở để luận giải:

*Thứ nhất, từ sự lựa chọn của Hồ Chí Minh*. GS, TS Nguyễn Phú Trọng khẳng định, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là "điểm cốt yếu" trong tư tưởng Hồ Chí Minh[1]. Tác phẩm khái quát sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh là bằng "kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin"[2]. Thật vậy, Hồ Chí Minh đã có khoảng thời gian gần 30 năm trực tiếp đến "tận gốc" lý luận và "tận nơi" thực tiễn để tìm hiểu, khảo sát và kiểm nghiệm nhiều con đường khác nhau: ở trong nước là các phong trào yêu nước theo ý thức hệ phong kiến, khuynh hướng dân chủ tư sản, đến ở ngoài nước là các cuộc cách mạng tư sản ở Pháp, Mỹ, Anh. Song, theo Hồ Chí Minh, đây đều là con đường không triệt để. Chỉ đến khi được ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin soi rọi, thấy đó là chủ nghĩa "chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất"[3], đồng thời qua kiểm nghiệm thực tế chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Hồ Chí Minh đã có kết luận sâu sắc, đúng như GS, TS Nguyễn Phú Trọng viết: "Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc"[4].

*Thứ hai, từ sự kiên định, kiên trì của Đảng Cộng sản Việt Nam.* Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện; tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin là nền

---

[1, 2, 4] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.22; 22; 22.

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.2, tr.289.

tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Ngay trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên khi thành lập Đảng tháng 02-1930, Đảng đã khẳng định đường lối chiến lược: Độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Điểm trùng hợp là cùng thời gian này, cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại, đánh dấu sự bất lực hoàn toàn trước các nhiệm vụ lịch sử của khuynh hướng cách mạng dân tộc theo hệ tư tưởng tư sản. Và từ đó đến nay, trên dải đất Việt Nam, ngọn cờ cách mạng đã chuyển hẳn sang tay giai cấp vô sản và chỉ có duy nhất Đảng của giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng. Vì vậy, như GS, TS Nguyễn Phú Trọng nhiều lần viết trong tác phẩm: Đi lên chủ nghĩa xã hội *"*là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu", "là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng", và nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam [1].

*Thứ ba, từ thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam.* Thực tiễn là tiêu chuẩn cao nhất của chân lý. Tính đúng đắn của sự lựa chọn và kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam chỉ được chứng minh khi con đường đó đáp ứng, giải quyết được các yêu cầu thực tiễn cách mạng. Tác phẩm của GS, TS Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định rất rõ những thắng lợi này, đó là giành độc lập dân tộc, kháng chiến chống thực dân, đế quốc, bảo vệ Tổ quốc và đặc biệt là thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 35 năm đổi mới, "đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay"[2]. Vì thế, ông kết luận*:* Những thành tựu đó "tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực

[1, 2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.34; 34.

tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại"[1].

*Đặc trưng, bản chất của chủ nghĩa xã hội và con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.*

*Về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, đó là "một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới"[2]. Để thống nhất nhận thức, tránh hiểu sai, xuyên tạc về chủ nghĩa xã hội, GS, TS Nguyễn Phú Trọng đã có mấy lưu ý quan trọng*: Thứ nhất,* đây là đặc trưng tổng quát và nó vừa theo đúng quy luật chung, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. *Thứ hai,* nhận thức về đặc trưng chủ nghĩa xã hội của Đảng là chưa hoàn thiện, "vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu". *Thứ ba,* xã hội xã hội chủ nghĩa nêu trên chưa phải hiện hữu đầy đủ ở Việt Nam, mà đó là mục tiêu mà "nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng"[3]. Do vậy, quan điểm vin vào mặt còn tồn tại, hạn chế ở xã hội Việt Nam hiện thời để so sánh với mặt tích cực của xã hội tư bản chủ nghĩa, rồi chế giễu, phủ nhận chủ nghĩa xã hội, công kích Đảng Cộng sản Việt Nam đều là sai trái, xuyên tạc.

*Về bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* GS, TS Nguyễn Phú Trọng khẳng định là "một kiểu xã hội mới về chất", "khác hẳn về chất" so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng:

---

[1, 2, 3] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.34; 24; 24.

Một xã hội trong đó, sự phát triển thực sự vì con người, không phải vì lợi nhuận mà bóc lột, chà đạp lên phẩm giá con người; sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội; một xã hội nhân ái, đoàn kết, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, "cá lớn nuốt cá bé" vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm; sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên, bảo đảm môi trường sống trong lành, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên và hủy hoại môi trường; một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có[1]. Theo ông, đây là những giá trị đích thực, bản chất tốt đẹp, ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam đang xây dựng, kiên định và kiên trì theo đuổi.

*Về hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và xuất phát từ đặc điểm thực tế của Việt Nam, theo GS, TS Nguyễn Phú Trọng, Việt Nam đã chọn hình thức quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội: Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Ông phân tích rất thấu đáo việc bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa: Không phải bỏ qua thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản, mà chỉ "bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa"[2].

*Về tính chất, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, GS, TS Nguyễn Phú Trọng chỉ rất rõ, đó là "một sự nghiệp

---

[1, 2] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.21-22; 25.

lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp", "với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới"[1]. Ông nêu hai nguyên do quy định tính chất, nhiệm vụ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: do xuất phát điểm rất thấp của Việt Nam và do mục tiêu "không hề đơn giản, dễ dàng" cả về lý luận và thực tiễn của nhiệm vụ quá độ. Vì vậy, phải coi đây là "một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội"[2]. Việc làm rõ, nhấn mạnh điều này của GS, TS Nguyễn Phú Trọng có ý nghĩa rất quan trọng, giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân khắc phục tư tưởng, thái độ bi quan, thiếu tin tưởng, hoặc ngược lại là chủ quan, nóng vội khi nhìn nhận, đánh giá Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.

*Về biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* là một trong 4 vấn đề trong tác phẩm được GS, TS Nguyễn Phú Trọng đặt ra và trả lời trên các phương diện về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, con người:

*Một là, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.* Tác phẩm khẳng định, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là "một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới"[3]. Điều đó có nghĩa, đây là mô hình kinh tế mới, có thực ở Việt Nam từ khi đổi mới, chứ không phải như các quan điểm sai trái, xuyên tạc: cho đó là sự ảo tưởng lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam; chỉ có một loại kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa; kinh tế thị trường không thể dung hợp với chủ nghĩa xã hội v.v.. Để rõ hơn, GS, TS Nguyễn Phú Trọng đi sâu vào khái niệm, bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo ông: Kinh tế thị trường định hướng xã

[1, 2, 3] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.25; 36; 25.

hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh[1]. Ông phân tích, đây là một kiểu kinh tế thị trường mới, vừa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở, được dẫn dắt, chi phối bởi nguyên tắc, bản chất của chủ nghĩa xã hội trên ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối[2].

*Hai là, xây dựng mô hình chính trị và cơ chế vận hành là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ, tất cả vì nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu.* Trong tác phẩm, GS, TS Nguyễn Phú Trọng đã phân tích, làm rõ từng chủ thể và mối quan hệ giữa các chủ thể này: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược và các định hướng, chủ trương lớn, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng sự gương mẫu của đảng viên. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, lấy liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị. Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh, là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam[3].

*Ba là, xây dựng, phát triển văn hóa, xã hội, con người.* Theo GS, TS Nguyễn Phú Trọng*:* Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ

---

[1, 2, 3] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.25-26, 26; 25-30.

quốc; phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội. Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Xã hội được xây dựng nhằm hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người[1].

### 3. Ý nghĩa phương pháp luận trong cuộc đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, thù địch

*Một là, giữ vững niềm tin, kiên định mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.*

Một điểm nổi bật và xuyên suốt trong tác phẩm là niềm tin và sự kiên định tuyệt đối của GS, TS Nguyễn Phú Trọng về mục tiêu, lý tưởng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đáng lưu ý, đây là tác phẩm được viết bởi người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam, do đó, niềm tin, sự kiên định về chủ nghĩa xã hội không dừng lại ở cá nhân tác giả mà có sức lan tỏa lớn trong toàn Đảng và xã hội. Minh chứng là có rất nhiều dư luận, các cuộc tọa đàm, cuộc thi, thu hút hàng nghìn ý kiến, bình luận, bài viết với sự tán thành, đánh giá rất cao về tác phẩm. Qua đây cho thấy, trong cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận, nhất là về chủ nghĩa xã hội - một lý tưởng cao đẹp, song rất khó khăn, lâu dài để đến đích - thì yếu tố niềm tin, sự kiên định có vai trò trước tiên, đặc biệt quan trọng, đúng như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhiều lần nói: Mất niềm tin là mất tất cả.

*Hai là, hiện thực hóa và tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiến tới hoàn chỉnh hệ thống lý luận của Đảng.*

---

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.27-28.

Trước hết phải có niềm tin, song, qua tác phẩm của GS, TS Nguyễn Phú Trọng, chúng ta thấy, niềm tin, sự kiên định của ông không phải trên cơ sở cảm tính, mơ hồ, mà nó được xây dựng trên cơ sở khoa học, với nền tảng lý luận là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước, vì lợi ích, hạnh phúc thực sự cho nhân dân Việt Nam. Vì lẽ đó, ý nghĩa, bài học rút ra từ tác phẩm của ông trong công tác tư tưởng, lý luận và đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, thù địch là phải luôn song hành, đồng thời: vừa hiện thực hóa, vừa tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp lãnh đạo công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Do đó, việc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được hiện thực hóa không những giúp bản thân học thuyết này có sức sống trong thực tiễn, mà đó còn là sự thể hiện, xác lập, thắng lợi của những nhân tố xã hội chủ nghĩa trong quá trình đan xen, đấu tranh giữa "cái cũ và cái mới" của thời kỳ quá độ. Ngoài ra, để bảo vệ, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thì giải pháp hữu hiệu, bền vững nhất là bổ sung có chọn lọc cho nó những chất liệu mới về tư tưởng, khoa học và thực tiễn của thời đại. Đây là yêu cầu, nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa thường xuyên, lâu dài của công tác nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống lý luận của Đảng. Chừng nào hệ thống lý luận của Đảng về đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn chưa sáng tỏ hoàn toàn, thì không những trên thực tiễn công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam còn khó khăn, mà lý luận, niềm tin về chủ nghĩa xã hội sẽ gặp vướng mắc, thậm chí khủng hoảng. Đó cũng là nguyên cớ, mảnh đất cho sự nảy sinh, tồn tại của các quan điểm sai trái và thế lực thù địch, chống phá cách mạng Việt Nam.

*Ba là, đấu tranh phòng, chống quan điểm sai trái, thù địch phải khách quan, toàn diện, gắn lý luận với thực tiễn và có thái độ đấu tranh đúng đắn.*

*Phải khách quan, khoa học:* GS, TS Nguyễn Phú Trọng đã thể hiện rất rõ phẩm chất của nhà khoa học trong tác phẩm. Các vấn đề được trình bày mạch lạc, số liệu minh chứng rõ ràng, luận cứ đầy đủ, lập luận chặt chẽ, lôgíc. Có thể nói, sự thật luôn có sức mạnh, lợi thế to lớn so với sự giả dối, ngụy biện. Để đấu tranh thuyết phục, kể cả với chủ thể của các quan điểm sai trái, thù địch, chúng ta cần hết sức tránh nêu lý thuyết chung chung, không có dẫn chứng minh họa; tránh sự áp đặt, không có phân tích, chứng minh và càng không "đi vào vết xe đổ" của họ là sử dụng các số liệu, tư liệu sai trái, ngụy tạo.

*Tính toàn diện, toàn cục* là điều cần chú ý trong đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, thù địch. Bởi thực chất cuộc đấu tranh này vừa là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp rộng lớn, vừa là vấn đề khoa học, nhất là với khoa học chính trị, khoa học xã hội luôn có sự liên ngành trong nghiên cứu. Do đó, khi đấu tranh với từng luận điểm, quan điểm sai trái, thù địch, một mặt phải đấu tranh trực diện, cụ thể, song mặt khác phải chú ý đến tính toàn diện, tổng thể của cả cuộc đấu tranh rộng lớn, bảo vệ lợi ích của giai cấp, của Đảng và dân tộc. Không vì mục đích trước mắt, bộ phận mà làm phương hại đến lợi ích lâu dài, toàn cục.

*Gắn lý luận với thực tiễn* là yêu cầu rất quan trọng trong đấu tranh tư tưởng, lý luận. "Mọi lý thuyết đều là màu xám, chỉ cây đời là mãi mãi xanh tươi" (Goethe). Chủ nghĩa xã hội là gì, vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa, đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào, là những vấn đề lý luận và thực tiễn được GS, TS Nguyễn Phú Trọng đặt ra trong bài viết. Và bằng chính phương pháp kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, ông đã giải đáp đầy đủ, sâu sắc và thuyết phục các câu hỏi này. Đó là kinh nghiệm rất giá trị cho các

công trình, bài viết khi tham gia đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, thù địch.

*Thái độ đấu tranh đúng đắn* là một bài học quý rút ra từ bài viết của GS, TS Nguyễn Phú Trọng. Bởi hiện nay, "đất sống" và phương thức chủ yếu của các quan điểm sai trái, xuyên tạc là trên mạng xã hội. Và một thực tế rất rõ nhận ra là không chỉ với những người có tâm không lành, cực đoan mà ngay cả trên các bài viết và bình luận của những người ủng hộ, đứng về phía chúng ta thì vẫn có lời lẽ thô thiển, không đúng mực, thiếu văn hóa. Con người, văn hóa Việt Nam là duy tình, là văn hóa cộng đồng, trọng liêm sỉ. Do vậy, sự phản bác, phê bình nào cũng cần phải có trí tuệ, có chất, nền văn hóa chuẩn mực, phù hợp. Có như thế thì sự phê bình, phê phán mới có tác dụng, ý nghĩa lâu dài và rộng lớn, góp phần làm cho đối tượng được phê bình, phê phán tâm phục, khẩu phục.

*Bốn là, chủ động cung cấp thông tin chính thống; đẩy mạnh tuyên truyền, lan tỏa cái tích cực, đẩy lùi cái tiêu cực.*

Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn địch từ xa, từ sớm bao giờ cũng tốt hơn phải đấu tranh trực diện. Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhiều kỳ đại hội gần đây luôn xác định quan điểm: "Chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch"[1]. Tuy nhiên, Đảng cũng thẳng thắn nhìn nhận mặt tồn tại, hạn chế trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc là "còn bị động"[2]. Để khắc phục điều này, một trong nhiều giải pháp là chủ động công bố

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2016, tr.201.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết số 04/NQ-TW, ngày 30-10-2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*, https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/nghi-quyet-so-04nq-tw-ngay-30102016-hoi-nghi-lan-thu-tu-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-tang-cuong-xay-dung-chinh-550

thông tin chính thống, nhất là trước và trong dịp kỷ niệm, ngày lễ, sự kiện lớn của Đảng, dân tộc. Bởi kẻ thù thường chọn thời điểm này để chống phá. Vì lẽ đó, tác phẩm của GS, TS Nguyễn Phú Trọng được công bố ngày 16-5-2021, trước thềm kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2021) và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (23-5-2021). Rõ ràng, đây là hành động có chủ đích và mang nhiều ý nghĩa. Đây là kinh nghiệm bổ ích, cần triệt để học tập, vận dụng trong thời gian tới nhằm phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm các quan điểm sai trái, thù địch.

Một khía cạnh khác biệt dễ nhận thấy về tác phẩm của GS, TS Nguyễn Phú Trọng là ngay từ khi ra đời đến nay, nó đã được thông tin, tuyên truyền, quảng bá lớn: Từ đưa tin trên các báo, truyền hình, mạng xã hội; xuất bản nhiều tác phẩm[1]; đến các cấp bộ, ngành, địa phương tiến hành tổ chức tọa đàm, nói chuyện, báo cáo; Ban Chỉ đạo 35 Trung ương phát động cuộc thi viết chính luận[2] v.v.. Điều này tạo nên một dấu ấn, sự kiện quan trọng trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng ta hiện nay. Nhờ sự quan tâm, tìm hiểu, nghiên cứu lớn về tác phẩm mà những quan điểm, chủ trương của Đảng, của đồng chí Tổng Bí thư hay nói rộng hơn là các quan điểm chính thống, thông tin tích cực đã có sự lan tỏa sâu rộng, góp phần ngăn chặn, hạn chế các quan điểm sai trái, thù địch và thông tin tiêu cực.

*Năm là, phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt hạn chế, xây dựng Đảng và Nhà nước ta thực sự trong sạch, vững mạnh.*

---

[1] Xem Ban Tuyên giáo Trung ương (tuyển chọn): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Dư luận trong nước và quốc tế về bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021.

[2] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Kế hoạch số 762-KH/HVCTQG, ngày 25-02-2022 về tổ chức Cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch lần thứ hai, năm 2022*, Hà Nội.

GS, TS Nguyễn Phú Trọng khẳng định ở bài viết: Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các nhân tố xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa đan xen, cạnh tranh nhau quyết liệt[1]. Do đó, bên cạnh những thành tựu, mặt tích cực là cơ bản, ông còn chỉ ra không ít khuyết điểm, hạn chế. Cách tiếp cận toàn diện, cả phòng ngừa và đấu tranh, xây và chống của ông rất có ý nghĩa trong nhận thức, đấu tranh phòng, chống quan điểm sai trái, thù địch. Theo đó, để cuộc đấu tranh này hiệu quả, thực chất và bền vững hơn nữa thì cùng với phát huy những mặt tích cực, cần kiên quyết, mạnh mẽ khắc phục mặt hạn chế, đặc biệt trên các mặt trận có mối quan hệ trực tiếp, chặt chẽ với quan điểm sai trái, thù địch, đó là: đấu tranh phòng, chống tham nhũng và tiêu cực; đấu tranh phòng, chống tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Thực hiện tốt các nhiệm vụ này sẽ giúp Đảng, Nhà nước ta thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện; công cuộc đổi mới đạt nhiều thắng lợi, thực chất hơn; sự nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng bền vững, hướng đích đúng đắn, nhanh hơn và cuộc đấu tranh phòng, chống quan điểm sai trái, thù địch sẽ thắng lợi triệt để.

[1] Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, tr.35.

# ĐẤU TRANH, PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH THEO TINH THẦN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG*

*Nguyễn Thị Cẩm Liên***

***Tóm tắt:*** Quán triệt tinh thần Đại hội XIII của Đảng, công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phải nâng cao nhận thức lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; không ngừng tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới; xác lập luận cứ phản bác những quan điểm phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội hiện nay ở Việt Nam của các thế lực thù địch.

***Từ khóa:*** *Đại hội XIII; chủ nghĩa xã hội; đấu tranh, phản bác; sai trái, thù địch*

Trong thời gian qua, bằng các hoạt động tinh vi, xảo quyệt, các thế lực thù địch đã đưa ra những quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ định bản chất, giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xuyên tạc, phủ định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta; xuyên tạc, phủ định quan điểm, đường lối, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; xuyên tạc, phủ định bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Những chiêu trò đó của các thế lực thù địch là hết sức nguy hiểm. Mục đích cuối cùng mà chúng hướng đến là phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Việt Nam, tiến tới lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta dày công xây đắp. Trước tình hình đó, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: "Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"[1] và xác định: "tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị"[2].

Trên tinh thần Đại hội XIII của Đảng, để đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới hiện nay, cần chú ý tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau đây:

**1. Nâng cao nhận thức lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội**

Hiện nay, các thế lực thù địch tập trung chống phá trực tiếp về hệ tư tưởng, ý thức hệ chính trị của Đảng, đưa ra quan điểm: Đảng Cộng sản Việt Nam cần phải bỏ cụm từ "nền tảng tư tưởng" mà cứ lấy "lý thuyết nào đúng thì theo". Chúng cho rằng, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã lỗi thời, lạc hậu, "vừa phi lịch sử, vừa phi lôgíc", hoặc chỉ đúng trong quá khứ và không phù hợp trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt kể từ khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, đề cao những lý thuyết chính trị hiện đại trên thế giới. Thậm chí, có những luận điệu khẳng định không cần kiên trì lý luận mácxít, mà còn phủ nhận tất cả mọi thứ có liên quan đến cộng sản. Do đó, việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là vấn đề phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, có chất lượng và hiệu quả thiết thực, đồng thời cần phải luận giải thấu đáo, khoa học và phù hợp theo lý luận kinh điển đối với thực tiễn ở Việt Nam.

---

[1, 2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.109; 183.

Việc nhận thức đúng quan niệm về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước hết là bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là việc nghiên cứu, học tập toàn diện, tuyên truyền, phổ biến những giá trị có sức sống bền vững và cốt lõi về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cấp thiết. Do đó, Đảng và hệ thống chính trị cần phải vận dụng sáng tạo những di sản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị trường tồn để tiếp tục truyền bá sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng, về học thuyết giá trị thặng dư và các quy luật kinh tế, về hình thái kinh tế - xã hội và bản chất của nó, về xây dựng đảng cộng sản cầm quyền và những điều kiện phát triển, về nhà nước xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về đạo đức cách mạng, về đổi mới và đối ngoại... Thực tiễn đã chứng minh chủ nghĩa Mác-Lênin không lỗi thời, bởi vì những giá trị có ý nghĩa bền vững không thể phủ nhận về: Phương pháp biện chứng duy vật trong lý luận kinh điển là sự kết tinh toàn bộ những giá trị tinh hoa của lịch sử phát triển quan điểm duy vật của nhân loại. Phương pháp này phản ánh đúng bản chất, quy luật và những mối liên hệ cơ bản trong tự nhiên, xã hội và tư duy của con người. Chủ nghĩa Mác-Lênin đã kiến giải sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên, trong đó, chủ nghĩa xã hội không chỉ là sự phát triển tất yếu theo quy luật mà còn là ước vọng ngàn đời của nhân dân các dân tộc trên thế giới về một xã hội phồn vinh, hạnh phúc. Như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa VI nhấn mạnh: "Giáo dục trong Đảng và trong nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở quán triệt 5 nguyên tắc và những chính sách đổi mới của Đảng"[1].

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VI*, Nxb.Sự thật, H.1989, tr.15.

Đồng thời, mỗi chủ thể lãnh đạo, quản lý các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân cần phải thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là tính kế thừa, tính đúng đắn và phản ánh đúng quy luật phát triển của lịch sử xã hội loài người được thể hiện trong lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin. Mỗi tư tưởng, luận thuyết ra đời đều là tri thức, kết tinh giá trị, trí tuệ của dân tộc và thời đại trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Thực tiễn, các đảng phái chính trị đều phải lựa chọn những tư tưởng, lý luận cụ thể để tổ chức, lãnh đạo và cầm quyền một xã hội phát triển. Việc chọn lựa một hệ tư tưởng là một tất yếu, nó đại diện cho tầng lớp hay một giai cấp nhất định và phản ánh sự kế thừa đi lên tiến bộ trên nền tảng đặc trưng của mỗi quốc gia, dân tộc. "Mọi triết học chân chính đều là tinh hoa về mặt tinh thần của thời đại mình... Triết học hiện đại chỉ tiếp tục cái công việc mà He-ra-clít, A-ri-xtốt đã mở đầu mà thôi"[1]. Đó là giá trị phổ quát của việc lựa chọn tư tưởng, lý luận để phát triển đất nước. Vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam - đại diện cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đã chọn lựa và kiên định "chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng" là một tất yếu khách quan theo đúng quy luật tiến hóa của lịch sử.

Qua đó, mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân cần phải thấm nhuần sâu sắc nền tảng tư tưởng của Đảng và có biện pháp đấu tranh ngăn chặn những quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Theo Hồ Chí Minh, cần phải quán triệt làm cho "ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy" để họ vận dụng trong thực tiễn công tác và đời sống. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm"[2], vì thế mà

---

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.1, tr.157.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.401.

lý luận này có giá trị bền vững hiển nhiên, không thể phủ nhận. Những di sản về tư tưởng Hồ Chí Minh đã tạo nên hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc, "bao hàm nội dung rất rộng, liên quan đến toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta"[1]. Đúng như Giáo sư Singô Sibata (người Nhật Bản) đã khẳng định: "Cống hiến nổi tiếng của Cụ Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc"[2].

## 2. Không ngừng tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới

Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta có cơ sở lý luận để thực hiện đường lối đổi mới, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn là cơ sở lý luận để tổng kết rút kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ đó Đảng ta đưa ra được tám đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và tám phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội và mười mối quan hệ lớn cần giải quyết; đây là phương pháp luận để giải quyết tốt quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa tuân thủ các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa... Như vậy, chính chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng là thế giới quan, phương pháp luận cho chúng ta thực hiện công cuộc

---

[1] Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2001, tr.83-84.

[2] Singô Sibata: *Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới*, Nxb.Sự thật, H.1979, tr.96.

đổi mới thành công và định vị cho tương lai của dân tộc phát triển hùng cường. Đây là một hệ thống chỉnh thể thống nhất các quan điểm sâu sắc, toàn diện, khoa học được đúc kết bởi trí tuệ, tinh hoa của nhân loại, luôn được bổ sung, phát triển cùng thời đại và thực tiễn Việt Nam.

Do đó, để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta cần tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, cung cấp thêm sức sống mới cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước. Thường xuyên gắn lý luận với giải quyết những vấn đề của thực tiễn đất nước và xuất phát từ thực tiễn để bổ sung, phát triển lý luận. Luôn trau dồi tri thức lý luận và rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn trong nước và quốc tế. Tôn trọng và phát huy tối đa quyền làm chủ của nhân dân, lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của nhân dân. Không ngừng tìm tòi, đổi mới nội dung, phương thức, hình thức tuyên truyền, giáo dục nền tảng tư tưởng của Đảng cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể, đảm bảo hiệu quả thiết thực và chất lượng tốt nhất. Từ đó làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân không chỉ hiểu rõ mà còn tin tưởng làm theo và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đại hội XIII của Đảng xác định: "Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn"[1].

### 3. Xác lập luận cứ phản bác những quan điểm của các thế lực thù địch phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội hiện nay ở Việt Nam

Ngay từ khi Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.180.

chiến, kiến quốc cho đến ngày nay, vẫn có nhiều luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch chống phá con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thời gian qua trên một số diễn đàn, nhất là các trang mạng xã hội tiếp tục xuất hiện các quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Các luận điệu xuyên tạc cho rằng: Khi Hồ Chí Minh còn sống đã không có chủ nghĩa xã hội, thì ngày nay chủ nghĩa xã hội chỉ là "cái vỏ bề ngoài" bao bọc một xã hội tư bản và nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa; "việc lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một sai lầm". Những luận điệu nêu trên tuy không mới nhưng được thực hiện theo kiểu "xào đi xáo lại", "mưa dầm thấm lâu", lại thường xuyên đưa lên mạng xã hội, blog cá nhân, youtube... vào những thời điểm đất nước có những sinh hoạt chính trị quan trọng nên rất độc hại, nguy hiểm, dễ gây hoang mang, dao động, mất niềm tin vào Đảng và chế độ trong mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Bằng sự nghiên cứu, tìm tòi, khảo nghiệm, thấu hiểu được hoàn cảnh dân tộc, kinh qua thực tiễn và học hỏi lý luận, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, coi đó là "cẩm nang" cho dân tộc tiến bước trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tuyệt nhiên không phải là sự nhập khẩu, "sao chép" hay áp đặt lý luận này cho dân tộc Việt Nam mà với tình yêu giai cấp và thấu cảm tình cảnh của nhân loại, Người đã tìm đường, Người mở đường và Người dẫn đường cho cách mạng Việt Nam giành độc lập, xây dựng xã hội mới, cuộc sống mới.

Trước khi về cõi vĩnh hằng, Hồ Chí Minh đã để lại cho Đảng và dân tộc bản *Di chúc* lịch sử có giá trị trường tồn, đặc biệt trong đó nói về khát vọng xây dựng đất nước kiên định theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. *Di chúc* có tới ba lần viết về cụm từ chủ nghĩa xã hội. Người viết về Đảng cần phải chăm lo đào tạo thanh niên "thành những

người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên". Viết về những chiến sĩ trẻ tuổi trong lực lượng vũ trang và thanh niên xung phong, sau khi căn dặn Đảng và Chính phủ chọn một số người ưu tú nhất cho đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc, Người khẳng định: Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta. *Di chúc* còn viết: Người có ý định "thay mặt nhân dân đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và các nước bầu bạn khắp năm châu". Điều quan trọng không phải nằm ở cụm từ "chủ nghĩa xã hội", mà ở chỗ toàn bộ *Di chúc* chứa đựng tinh thần, tầm nhìn đổi mới, hội nhập, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Người nói đến xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh; nói đến "thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay". Cái đích của chủ nghĩa xã hội được khẳng định trong *Di chúc* là "Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*"[1].

Lịch sử đã chứng minh, trong suốt quá trình hơn 90 năm lãnh đạo đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trải qua nhiều bước ngoặt và thử thách của lịch sử nhưng Đảng vẫn khẳng định: "Kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là bài học kinh nghiệm quý báu của cách mạng Việt Nam. Sự vận động và không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam"[2]. Qua 35 năm đổi mới, 30 năm thực

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.612.

[2] Vũ Văn Hiền (Chủ biên): *Một số luận cứ phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2022, t.1, tr.344.

hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, lý luận về chủ nghĩa xã hội ngày càng được hoàn thiện và từng bước hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Điều đó chứng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định việc kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tóm lại, việc tổng kết lý luận và thực tiễn trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng là luận cứ khoa học nhằm chứng minh con đường độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với xu thế của thời đại, với đặc điểm lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam, đáp ứng khát vọng của nhân dân ta.

Bên cạnh đó, cần có quan điểm đầy đủ, khách quan và chính xác về bản chất của chủ nghĩa tư bản và những tồn tại không thể điều hòa được. Hiện nay, trên thế giới, chủ nghĩa tư bản đang chiếm đại đa số các quốc gia và có nhiều thành tựu to lớn, tác động thay đổi kinh tế - xã hội của nhân loại, không thể phủ nhận những giá trị của chủ nghĩa tư bản mang lại cho thế giới. Nhưng bản thân chủ nghĩa tư bản vẫn tồn tại những mâu thuẫn không thể điều hòa được. “Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa

ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra"[1]. Chính từ mâu thuẫn trên dẫn tới những mâu thuẫn giữa các giai tầng trong xã hội với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản và các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm quyền lực tư bản với nhau. Mặc dù đã có sự điều chỉnh để thích nghi với điều kiện ngày nay nhưng chủ nghĩa tư bản với bản chất bóc lột vẫn mang tính cố hữu, đồng thời những hạn chế, khuyết tật về sự xung đột, khủng bố, bạo lực và bất ổn xã hội, khủng hoảng kinh tế, bất bình đẳng xã hội,... của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi mà còn diễn ra hết sức gay gắt và phức tạp. Như đánh giá của Giáo sư Paul Mishler (Trường Đại học Indiana, Mỹ) cho rằng, chế độ tư bản đã sinh ra mọi đói nghèo, thất nghiệp, thất học và bạo lực[2]. Thậm chí, như đánh giá của Giáo sư Jefferey Sachs cho rằng: Thực chất của chế độ tư bản là "của 1%, do 1% và vì 1%[3] (của số người chiếm 1% dân số, do số người chiếm 1% dân số và vì số người chiếm 1% dân số). Với những mâu thuẫn mang tính bản chất như trên, cùng sự vận động của quy luật xã hội, xu hướng diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản vẫn là vấn đề thời sự từ thời Mác sống tới nay. Do đó, tại *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta một lần nữa khẳng định việc đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.68.

[2] Xem Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 7-2009 (106), tr.88.

[3] Xem *Thông tin Lý luận chính trị* (Bản tin của Hội đồng Lý luận Trung ương), số 40 (113), tháng 11-2011, tr.6.

Quá trình vừa tiến hành đổi mới toàn diện đất nước, vừa tổng kết kinh nghiệm, khái quát lý luận về chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã chủ động tham khảo, học hỏi kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý của các đảng chính trị và các thể chế trên thế giới nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đảng đã nêu ra những tồn tại, thách thức đang đặt ra: Về tham nhũng, lãng phí, quan liêu; về chệch hướng xã hội chủ nghĩa; tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; về "diễn biến hòa bình"; về phân hóa giàu nghèo. Đảng cũng đã đề ra phương hướng chiến lược, giải pháp trọng tâm để giải quyết những thách thức trên, đảm bảo sự hài hòa, phát triển nhanh và bền vững. Đó là thúc đẩy hợp tác sâu rộng, toàn diện, song phương và đa phương, thực hiện quan hệ đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhà nước và đối ngoại nhân dân với mọi tổ chức, cá nhân trên thế giới trên cơ sở "đôi bên cùng có lợi", đảm bảo lợi ích quốc gia và tôn trọng pháp luật Việt Nam. Tranh thủ sự giúp đỡ, hợp tác cùng phát triển để đất nước tiến nhanh, tiến kịp, tiến vững chắc trên con đường xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình kinh tế, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân và khích lệ đóng góp cho xã hội; có chính sách quan tâm ưu tiên, thu hút đầu tư phát triển kinh tế vùng núi, vùng cao, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, đảm bảo sự hài hòa trong sự phát triển vùng miền, rút ngắn khoảng cách đô thị với vùng sâu, vùng xa. Đẩy mạnh việc xây dựng chương trình nông thôn mới, xây dựng văn hóa ở khu dân cư, đảm bảo an ninh, trật tự thôn xóm. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tốt chính sách xã hội và phúc lợi cộng đồng, tiến bộ và công bằng xã hội, đặc biệt quan tâm đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, với phương châm "không để ai bị bỏ lại phía sau".

Hiện nay, tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh đó, Đại hội XIII của Đảng đã xác định rõ được tầm nhìn và định hướng phát

triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI, thể hiện sự khát vọng lớn lao của Đảng và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, của dân tộc; "phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta *trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*"[1]. Đồng thời, xác định các mục tiêu cụ thể: Đến năm 2025: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Đây là những định hướng, mục tiêu lớn, thể hiện rõ trách nhiệm, niềm tin và cũng là khát vọng của Đảng, là ước nguyện của nhân dân, của dân tộc Việt Nam về một tương lai tươi đẹp.

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.112.

# ĐẢM BẢO AN NINH HỆ TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY*

*Nguyễn Văn Quang***

***Tóm tắt:*** An ninh là lợi ích cốt lõi của quốc gia và là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển có trật tự của nhà nước. Hiện nay, Việt Nam đang đứng trước những thời cơ rất quan trọng để đảm bảo cho sự bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nhằm hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành một nước phát triển có thu nhập cao. Tuy nhiên, Việt Nam cũng đang đứng trước những nguy cơ đe dọa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống rất đa dạng, phức tạp và khó đoán định. Việc giữ vững an ninh quốc gia và lợi ích quốc gia trong bối cảnh hiện nay là một công việc khó khăn, phức tạp, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị. Để đảm bảo an ninh chính trị thì việc duy trì an ninh hệ tư tưởng của Đảng là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cốt lõi, phải được nhận diện kịp thời và có các giải pháp hữu hiệu.

***Từ khóa:*** *An ninh quốc gia; an ninh hệ tư tưởng; đảm bảo; Việt Nam*

Trong những năm gần đây, một số thế lực bên ngoài, đặc biệt là từ phương Tây đã và đang tăng cường nỗ lực để phương Tây hóa và chia rẽ Việt Nam thông qua sự xâm nhập ý thức hệ và các phương thức khác. Sự chỉ trích hệ thống Việt Nam và nỗ lực cấy ghép các

---

* Tác phẩm đạt Giải B

** Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

hệ thống tự do và dân chủ của phương Tây là mối đe dọa lớn đối với an ninh của hệ thống chính trị của Việt Nam. Từ góc độ an ninh hệ tư tưởng, việc duy trì an ninh chế độ và an ninh hệ thống chính trị đòi hỏi phải chứng minh và công khai tính hợp lý, hợp pháp, chính đáng của chế độ xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tầm quan trọng của hệ tư tưởng đối với an ninh chính trị nằm ở khả năng mang lại tính chính đáng chính trị, giúp bảo vệ hiệu quả chế độ và hệ thống chính trị. Nhà xã hội học người Mỹ Seymour Martin Lipset đã từng cho rằng: "Tính chính đáng liên quan đến năng lực của hệ thống trong việc tạo ra và duy trì niềm tin rằng các thể chế chính trị hiện có là những thể chế phù hợp nhất cho xã hội"[1].

**1. An ninh quốc gia, an ninh chính trị và an ninh hệ tư tưởng**

Khi được nhìn qua các lăng kính lý thuyết khác nhau, nội hàm của an ninh quốc gia có thể được hiểu thông qua nhiều cách khác nhau. Luật An ninh quốc gia định nghĩa: "An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc..."[2]. Chiến lược an ninh quốc gia đầu tiên của Việt Nam được xây dựng và ban hành năm 1998. Ngày 05-9-2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 51-NQ/TW "về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia". Trước đó, Bộ Chính trị cũng đã ban hành một số nghị quyết, kết luận như: Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 15-3-2018 "về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16-4-2018 "về chiến lược quốc

[1] Lipset, Seymour Martin: *Political Man: The Social Bases of Politics* (2nd ed), London: Heinemann, 1983, p.64.

[2] *Luật An ninh quốc gia*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2004, tr.1.

phòng"; Kết luận số 31-KL/TW, ngày 16-4-2018 "về chiến lược quân sự Việt Nam"; Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 25-7-2018 "về chiến lược an ninh mạng quốc gia"; Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 28-9-2018 "về chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia"... Tuy nhiên, những nội dung liên quan đến Chiến lược an ninh quốc gia cũng như Luật An ninh quốc gia còn chủ yếu nhấn mạnh vào an ninh chính trị, an ninh quân sự; chưa tương đồng với quan niệm và tư duy về an ninh quốc gia theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và của quốc tế hiện nay; chưa đề cập sâu tới các yếu tố đặc biệt quan trọng là an ninh phi truyền thống nói chung, an ninh xã hội, an ninh hệ tư tưởng và an ninh con người nói riêng.

Là một bộ phận cấu thành của hệ thống an ninh quốc gia, thuật ngữ "an ninh hệ tư tưởng" dùng để chỉ tình trạng trong đó hệ tư tưởng thống trị của chủ thể cầm quyền tương đối an toàn và không bị các mối đe dọa từ bên trong và bên ngoài cũng như khả năng đảm bảo trạng thái an ninh liên tục. Dựa trên 04 câu hỏi, chúng ta có thể giải thích thêm ý nghĩa cụ thể của khái niệm an ninh hệ tư tưởng: (1) An ninh hệ tư tưởng của ai? Từ quan điểm của các quốc gia, an ninh hệ tư tưởng chủ yếu liên quan đến an ninh ý thức hệ của quốc gia đó (và những thách thức về hệ tư tưởng do các quốc gia thù địch đặt ra). Từ góc độ xã hội, an ninh hệ tư tưởng chủ yếu liên quan đến hệ tư tưởng của giai cấp thống trị (và những thách thức đối với hệ tư tưởng của giai cấp thống trị hoặc các xu hướng tư tưởng trong xã hội nói chung); (2) Điều gì đe dọa an ninh hệ tư tưởng? Trong thời đại toàn cầu hóa, hệ tư tưởng của chủ thể cầm quyền ở các quốc gia bị ảnh hưởng bởi các nền văn hóa và hệ tư tưởng nước ngoài cũng như các hệ tư tưởng phi chính thống và bản sắc địa phương; (3) Các lĩnh vực an ninh hệ tư tưởng? Một số học giả phân loại an ninh hệ tư tưởng là một khía cạnh của an ninh văn hóa dưới danh mục "an ninh phi truyền thống". Điều này không chính xác, hoặc ít nhất là không đầy đủ. An ninh hệ tư

tưởng có các thuộc tính của cả "an ninh truyền thống" và "an ninh phi truyền thống". Đồng thời đây cũng là một bộ phận cốt lõi đảm bảo an ninh chính trị. Như chúng ta thấy, an ninh hệ tư tưởng gắn kết hai lĩnh vực an ninh chính trị và an ninh văn hóa lại với nhau; (4) An ninh hệ tư tưởng được thực hiện ở đâu? Các mục tiêu và giá trị cơ bản của an ninh hệ tư tưởng là duy trì tính chính đáng chính trị, các đặc điểm và nền văn hóa của một quốc gia độc lập.

Do vậy, chúng ta có thể hiểu: Là một bộ phận cấu thành của hệ thống an ninh quốc gia, "an ninh hệ tư tưởng" dùng để chỉ tình trạng trong đó hệ tư tưởng thống trị của giai cấp cầm quyền chi phối được quyền lực nhà nước một cách toàn diện và an toàn và không bị các mối đe dọa từ bên trong và bên ngoài cũng như khả năng đảm bảo trạng thái an ninh liên tục. Đặc biệt, an ninh hệ tư tưởng là một bộ phận của an ninh chính trị và góp phần hết sức quan trọng vào công tác giữ gìn an ninh chính trị. Cốt lõi của an ninh chính trị quốc gia là an ninh của chế độ, hệ tư tưởng và hệ thống chính trị. Hơn nữa, lĩnh vực hệ tư tưởng luôn là lĩnh vực chịu sự thách thức đầu tiên của các thế lực bên ngoài so với an ninh của chế độ và hệ thống chính trị.

Nhưng làm thế nào chúng ta có thể xác định liệu hệ tư tưởng thống trị đó có an toàn (và mức độ an ninh của nó) hay không? Điều này liên quan đến vấn đề "tiêu chuẩn đo lường cho an ninh hệ tư tưởng". Để đo lường xem một hệ tư tưởng có an toàn hay không, chúng ta không thể dựa vào ý kiến chủ quan của giai cấp thống trị, cũng như không thể tự giới hạn mình trong việc đưa ra phán đoán đúng - sai ở cấp độ lý tưởng. Chúng ta có thể phân tích trên ba khía cạnh. *Thứ nhất,* từ góc độ chức năng, an ninh hệ tư tưởng có nghĩa là một hệ tư tưởng có thể thực hiện các chức năng tương ứng của nó. Những chức năng này là gì? Từ quan điểm của "cấp độ lý tưởng", hệ tư tưởng chính thống đang hoạt động khi nó thống trị trong lĩnh vực ý

tưởng, khái niệm và thực hiện quyền lực dẫn dắt, gắn kết và kiểm soát đối với nhiều xu hướng khác của tư tưởng xã hội. Từ góc độ "phi lý tưởng", hệ tư tưởng chính thống hoạt động chủ yếu khi nó đóng một vai trò tích cực và hiệu quả trong kinh tế, chính trị, xã hội và các lĩnh vực khác. Ví dụ, các chức năng của nó bao gồm xác định chính trị, tổ chức và vận động, hội nhập xã hội, và chỉ trích các đối thủ. *Thứ hai*, từ góc độ nền tảng xã hội, an ninh hệ tư tưởng là ý thức đồng nhất với hệ tư tưởng chủ đạo giữa các tầng lớp xã hội chính trong một quốc gia và đa số người dân trong xã hội. *Thứ ba*, từ quan điểm bộ máy nhà nước, hệ tư tưởng chính thống được đảm bảo khi giai cấp thống trị có thể nắm bắt đầy đủ các nguồn lực và yếu tố tư tưởng khác nhau và huy động đầy đủ các bộ phận và thể chế liên quan đến hệ tư tưởng - nói cách khác, khi họ có thể làm chủ và vận hành bộ máy tư tưởng của nhà nước.

## 2. Nhận diện những thách thức đối với an ninh hệ tư tưởng ở nước ta hiện nay

Trong những năm gần đây, phương pháp chính của sự thâm nhập hệ tư tưởng phương Tây là thúc đẩy "các giá trị phổ quát", giải thể hệ tư tưởng thống trị của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chiến lược "các giá trị phổ quát" của phương Tây thường đặt ra những cái bẫy khó hiểu xung quanh các khái niệm "tự do", "dân chủ" và "nhân quyền" để thực hiện sự xâm nhập ý thức hệ. Một trong những cái bẫy như vậy là chủ nghĩa tân tự do. Tư tưởng tân tự do bắt nguồn từ các nước tư bản phát triển ở phương Tây. Kể từ những năm 1980, và đặc biệt là sau những thay đổi mạnh mẽ ở Liên Xô và Đông Âu, nó đã lan rộng khắp thế giới thông qua "Đồng thuận Washington". Giá trị cốt lõi và khái niệm của chủ nghĩa tân tự do là "tự do". Chủ nghĩa tân tự do cho rằng, "tự do cá nhân" là nhu cầu có giá trị cao nhất và ủng hộ tự do như một "giá trị phổ quát". Tự do cá nhân tạo thành thước đo cơ bản để đo lường mọi hoạt động xã hội, và tự do cá nhân và lợi ích

cá nhân trở thành lý do được sử dụng để giải thích mọi hành vi cá nhân hoặc xã hội và các sự kiện lịch sử. Lấy tự do cá nhân làm giá trị tối thượng, vị trí của chủ nghĩa tân tự do trong lĩnh vực kinh tế được thể hiện trong "ba thay đổi": tư nhân hóa, thị trường hóa và tự do hóa. Đầu tiên, các nhà kinh tế học tân tự do ủng hộ "huyền thoại về quyền sở hữu tư nhân". Họ thúc đẩy tư nhân hóa vì hai lý do chính: (1) sở hữu tư nhân có thể đảm bảo tự do cá nhân, và sở hữu cá nhân đối với tư liệu sản xuất mang lại cho cá nhân cơ hội tích lũy của cải và có điều kiện để tự do lựa chọn, và (2) sở hữu tư nhân có thể kích thích cá nhân tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động kinh tế, từ đó hiệu quả ngày càng cao.

Đồng thời, các nhà kinh tế học tân tự do phản đối mạnh mẽ sở hữu công cộng vì hai lý do chính: (1) sở hữu công cộng khiến các cá nhân mất tự do vì một nhà độc tài kiểm soát tư liệu sản xuất sẽ đưa toàn bộ xã hội xuống dưới chế độ toàn trị, và (2) công quyền sở hữu dẫn đến các quyền tài sản mờ đục và không thể chuyển nhượng, có thể dẫn đến kinh tế kém hiệu quả, lãng phí và tham nhũng. Tiếp theo, nó nắm giữ "lý thuyết về sự toàn năng của thị trường". Chủ nghĩa tân tự do cũng là một loại chủ nghĩa cơ bản của thị trường tin vào tính toàn năng của thị trường, ủng hộ thị trường hóa hoàn toàn và tin rằng cơ chế thị trường có thể giải quyết mọi vấn đề kinh tế và xã hội. Điều này cũng có nghĩa là, chủ nghĩa tân tự do phản đối sự can thiệp của nhà nước và sự kiểm soát vĩ mô của nhà nước. Cuối cùng, nó ủng hộ "tự do hóa toàn cầu". Chủ nghĩa tân tự do thúc đẩy chủ nghĩa cơ bản thị trường trên toàn cầu, chủ trương rằng tất cả các nước bãi bỏ mọi hình thức bảo hộ kinh tế để thực hiện tự do hóa hoàn toàn và quốc tế hóa tài chính và thương mại.

Chủ nghĩa tân tự do không chỉ gây nguy hiểm cho an ninh ý thức hệ của Việt Nam mà còn gây nguy hiểm cho an ninh kinh tế của Nhà nước. Các giá trị về quyền tối cao của cá nhân và tự do có

tác động tiêu cực đến các giá trị thống trị của Việt Nam như chủ nghĩa tập thể, công bằng và công lý. Lý thuyết tư nhân hóa thách thức quan niệm hiện tại của Việt Nam về sở hữu xã hội chủ nghĩa và tác động đến nền tảng kinh tế của sở hữu công cộng. Cả lý thuyết về sự toàn năng của thị trường và tự do hóa thương mại trên thực tế đều trái ngược với vai trò của chính phủ và sự giám sát của chính phủ và chủ trương "phi quốc hữu hóa". Những nguyên tắc này đã có tác động tiêu cực đến sự lãnh đạo của Đảng và hệ thống nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Một cái bẫy thứ hai là quan niệm và mô hình của phương Tây về tự do và dân chủ. Hệ tư tưởng phương Tây thấm nhuần ở cấp độ chính trị, chủ yếu biểu hiện trong tác động của các khái niệm dân chủ phương Tây và mô hình dân chủ tự do đối với hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Trọng tâm của chiến lược tư tưởng của các nước phát triển phương Tây là "xuất khẩu dân chủ", và điều này đạt được lần đầu tiên nhờ việc các cường quốc phương Tây xây dựng thành công thẩm quyền rõ ràng trong lĩnh vực dân chủ. Lý thuyết dân chủ phổ biến của phương Tây được xây dựng qua "ba bước". Bước đầu tiên là chuyển đổi khái niệm dân chủ từ chủ quyền phổ biến sang dân chủ bầu cử. Bước thứ hai là đặt nền dân chủ trong khuôn khổ của chủ nghĩa tự do. Bước thứ ba là thay đổi khái niệm về tính hợp pháp, cho rằng chỉ một hệ thống chính trị với các cuộc bầu cử cạnh tranh làm cốt lõi là dân chủ và hợp pháp.

Các quốc gia phương Tây đã thiết lập "dân chủ bầu cử" như là mô hình dân chủ duy nhất. Đồng thời, đây được sử dụng làm tiêu chí duy nhất để đánh giá hệ thống chính trị của một quốc gia có dân chủ hay không. Trong những năm gần đây, các quốc gia phương Tây đã thúc đẩy mạnh mẽ tự do, dân chủ, và các "giá trị phổ quát" và "mô hình dân chủ tự do" khác ở Việt Nam với mục tiêu là lật đổ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Một

số người ở phương Tây tin rằng hệ thống chính trị của Việt Nam không tuân theo "mô hình dân chủ tự do", mà các đặc điểm cơ bản của nó bao gồm dân chủ bầu cử và hệ thống đa đảng. Vì vậy, họ đã xác định rằng hệ thống chính trị Việt Nam là phi dân chủ: toàn trị, chuyên chế, hoặc độc tài. Vì lý do này, họ tấn công sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và hệ thống chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Những cuộc tấn công về ý thức hệ không rõ ràng này cũng đã ảnh hưởng đến một số người ở nước ta bằng những biểu hiện suy thoái về chính trị tư tưởng, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Một cái bẫy khó hiểu thứ ba là chiến lược bá quyền văn hóa bằng cách đặt "nhân quyền lên trên chủ quyền". Trong các lĩnh vực chính trị và văn hóa, rủi ro đối với an ninh hệ tư tưởng của Việt Nam cũng biểu hiện như sự xâm nhập văn hóa của "ngoại giao nhân quyền" và "đặt nhân quyền lên trên chủ quyền" do phương Tây thúc đẩy. *Thứ nhất,* họ chủ quan tin rằng quốc gia của họ cung cấp nhân quyền ở mức cao nhất và trạng thái tốt nhất. *Thứ hai,* họ tin rằng họ nên vượt qua những hạn chế của chủ quyền quốc gia để "cấy ghép" các cấu trúc nhân quyền tối ưu ở các quốc gia có mức độ nhân quyền thấp. *Cuối cùng,* nếu họ gặp phải các quốc gia và chế độ sử dụng chủ quyền quốc gia như một rào cản để chống lại sự xâm nhập của các hình thức nhân quyền của phương Tây, thì họ buộc phải hạn chế việc thực thi chủ quyền đó. Khái niệm "quyền con người trên chủ quyền" cung cấp tính hợp pháp cho các nước phương Tây để thúc đẩy bá quyền và can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác. Tác hại về mặt ý thức hệ của nó đối với Việt Nam chủ yếu biểu hiện ở việc tấn công lòng yêu nước của người dân Việt Nam và hạ thấp nhận thức của người dân Việt Nam về chủ quyền, đặc biệt là nhận thức của họ về "chủ quyền văn hóa", do đó mở đường cho bá quyền văn hóa và bành trướng văn hóa phương Tây.

### 3. Cách thức đảm bảo an ninh hệ tư tưởng trong giai đoạn hiện nay

Chúng ta làm thế nào để duy trì và đảm bảo an ninh hệ tư tưởng? Cơ bản nhất là nâng đảm bảo an ninh tư tưởng lên vị trí chiến lược về an ninh quốc gia và thực hiện chiến lược an ninh quốc gia về hệ tư tưởng. Chiến lược an ninh hệ tư tưởng bao gồm hai cấp độ: mục tiêu chiến lược và phương tiện chiến lược. Mục tiêu chiến lược cơ bản nhất là: Công tác tuyên truyền về tư tưởng là củng cố vị trí tiên phong của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực tư tưởng và củng cố nền tảng tư tưởng chung cho đoàn kết đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân cả nước. Ở cấp độ trung gian, các cách thức và phương tiện để đạt được các mục tiêu của an ninh hệ tư tưởng có thể được khám phá trong ba hệ thống: nhận thức - giải thích, giá trị - niềm tin và quyết định - hành động.

*Thứ nhất, hệ thống nhận thức - giải thích*

Từ góc độ nhận thức - giải thích, chìa khóa để duy trì giá trị và tính hợp lý của hệ tư tưởng thống trị là trả lời câu hỏi "cái gì" - nghĩa là, cung cấp một cách giải thích và mô tả thực tế xã hội một cách thuyết phục. Mệnh đề "lý thuyết phải có sức thuyết phục" phải được áp dụng ở ít nhất hai khía cạnh. Đầu tiên, lý thuyết phải có khả năng hướng dẫn thực hành. Từ khi tiến hành đổi mới cho đến nay, Đảng ta đã luôn kiên định hệ tư tưởng của mình. Trước điều kiện thay đổi của thời đại và sự phát triển của xã hội trong công cuộc đổi mới, Đảng đã không ngừng tiếp thu và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hình thành hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hiện nay, để giữ vững an ninh hệ tư tưởng, chúng ta phải không ngừng bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng được, trả lời được những đòi hỏi mới của thời cuộc.

Tính hiệu quả của hệ tư tưởng thống trị còn thể hiện ở khả năng

giải thích hiệu quả thực tiễn, điều này đặc biệt quan trọng trong cuộc đấu tranh chống lại xâm nhập của ý thức hệ từ bên ngoài hiện nay. Việc mất vai trò cầm quyền của các đảng cộng sản và đổ vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số quốc gia rõ ràng là sự phản ánh tập trung sự bất an toàn của hệ tư tưởng thống trị của một quốc gia. Về vấn đề an ninh hệ tư tưởng đương đại của Việt Nam, nhu cầu cấp bách nhất là phá vỡ bá quyền của phương Tây, xây dựng các lý thuyết và cách tiếp cận của Việt Nam, đồng thời nắm chắc thẩm quyền diễn giải con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Để đối phó với bá quyền lý luận của phương Tây, chúng ta phải tăng cường xây dựng một hệ thống lý luận mácxít đương đại, xây dựng một hệ thống lý luận có thể giải thích một cách hiệu quả con đường của Việt Nam, thiết lập một hàng rào an ninh lý luận. Trong những nỗ lực này, có ba điểm chiến lược. *Một là,* liên quan đến mô hình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam, chúng ta phải chống lại sự gia tăng của chủ nghĩa tân tự do, tích cực xây dựng một hệ thống lý luận xoay quanh một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. *Hai là,* liên quan đến mô hình phát triển hệ thống chính trị của Việt Nam, cần phải chống lại sự xâm nhập của lý luận tự do và dân chủ của phương Tây, đặc biệt là lý luận của phương Tây liên quan đến tính chính đáng; tích cực xây dựng một hệ thống thuyết minh xoay quanh một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; và tạo ra một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa kiểu Việt Nam. Đặc biệt, cần chứng minh rằng: sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là lựa chọn của lịch sử, của nhân dân, của dân tộc Việt Nam và của thời đại.

*Thứ hai, về hệ thống giá trị - niềm tin*

Danh tính của quốc gia là một biến số quan trọng trong an ninh quốc gia. Một cuộc khủng hoảng bản sắc dân tộc chắc chắn sẽ dẫn đến những rủi ro về an ninh quốc gia. Cho dù đó là sự xâm nhập của các ý

thức hệ bên ngoài hay những thách thức bên trong, thì sự tích tụ cuối cùng là một "cuộc khủng hoảng bản sắc". Từ quan điểm duy trì an ninh hệ tư tưởng, chìa khóa để giải quyết cuộc khủng hoảng bản sắc là xây dựng một hệ thống giá trị - niềm tin, cốt lõi thiết yếu của một cấu trúc hệ tư tưởng. Điều này liên quan đến hai cách tiếp cận: phản bác lại "giá trị phổ quát" và xây dựng giá trị lốt lõi.

*Một là,* phản bác lại "giá trị phổ quát". Để phản bác lại "các giá trị phổ quát", chúng ta cần bắt đầu từ cả cấp độ học thuật và chính trị. Trước tiên, chúng ta phải phê bình cơ sở lý thuyết về "các giá trị phổ quát" từ góc độ học thuật. "Giá trị phổ quát" làm mờ đi tính phổ quát của các giá trị mà chúng ta đang xây dựng, đồng thời phổ cập các giá trị cụ thể của phương Tây như là tiêu chuẩn duy nhất để áp đặt cho những nước khác. Thứ hai, chúng ta phải vạch trần ý định thực sự đằng sau "các giá trị phổ quát" từ góc độ thực tiễn chính trị. Chúng ta phải phản bác lại quan điểm cho rằng: "Các giá trị phổ quát" chiếm vị trí cao về mặt đạo đức. Chúng dường như là những giá trị được cả xã hội loài người chấp nhận và công nhận. Vì vậy, một quốc gia không chấp nhận những giá trị này sẽ bị cắt đứt khỏi toàn bộ xã hội loài người. Trên thực tế, "các giá trị phổ quát" phản ánh các giá trị lợi ích của tư bản phương Tây và là một công cụ tư tưởng phục vụ cho nền chính trị tư bản phương Tây. Một số quốc gia đã rơi vào tình trạng hỗn loạn dưới sự xúi giục của những "giá trị phổ quát" này. Tại sao chúng ta phải chỉ trích "các giá trị phổ quát?". Bởi vì họ chỉ ra việc xây dựng một hệ thống nhà nước nhất định và các tiêu chuẩn của nó, việc chấp nhận "các giá trị phổ quát" chắc chắn sẽ dẫn đến việc chấp nhận các hệ thống và mô hình phương Tây một cách hợp lý như sở hữu tư nhân, hệ thống đa đảng và dân chủ bầu cử. Mục tiêu cơ bản của việc chỉ trích "các giá trị phổ quát" là giành lấy quyền xây dựng các hệ thống đặc thù, trong đó quan trọng nhất là hệ thống chính trị của riêng mình cho phù hợp với hệ tư

tưởng mácxít, phù hợp với mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đã và đang lựa chọn.

*Hai là*, xây dựng giá trị cốt lõi. Giá trị cốt lõi là yếu tố ổn định quan trọng của một trạng thái. Xây dựng các giá trị cốt lõi có nghĩa là thiết lập một "mẫu số chung lớn nhất" trong lĩnh vực giá trị mà tất cả người dân đồng ý và phục vụ cho việc hình thành bản sắc dân tộc và xác định các giá trị chung. Từ quan điểm định hình bản sắc và duy trì an ninh hệ tư tưởng, chúng ta phải nêu bật ba khía cạnh trong quá trình xây dựng và giải thích các giá trị xã hội chủ nghĩa hiện nay. Đầu tiên, tập trung vào việc xây dựng tính chính đáng và giải thích các nền tảng đạo đức của hệ thống nhà nước. Tiếp đến, tập trung vào việc xây dựng các hệ thống quốc gia và đưa ra định hướng cơ bản cho việc xây dựng chúng. Điều này được thực hiện để đạt được sự tích hợp sâu rộng các giá trị và hệ thống quốc gia. Cuối cùng, tập trung vào các giá trị xã hội nhằm thiết lập các giá trị chủ đạo của xã hội, thực sự đạt được hiệu quả "gắn kết" của các giá trị cốt lõi và chống lại nguy cơ "phân hóa" do các giá trị phi chính thống gây ra.

*Thứ ba, hệ thống quyết định - hành động*

Hệ thống quyết định - hành động khám phá các mô hình hành vi liên quan đến xã hội hóa chính trị của hệ tư tưởng. Nó liên quan đến một loạt các yếu tố liên quan đến hoạt động của thực hành tư tưởng, chẳng hạn như chủ thể hệ tư tưởng, nguồn lực và nền tảng, thể chế và cơ chế, phương pháp giao tiếp và người ủng hộ. Về hệ thống hành động quyết định, để nắm chắc công tác tư tưởng và giữ vững an ninh hệ tư tưởng, hiện có ít nhất hai nhiệm vụ trọng tâm. *Một là*, thực hiện chế độ trách nhiệm về công tác tư tưởng. Công tác tư tưởng là vô cùng quan trọng và có vai trò sống còn đối với an ninh của chế độ. Vì vậy, muốn làm tốt công tác tư tưởng, phải kiên định trong toàn Đảng. Phải thực hiện đầy đủ hệ thống trách nhiệm công tác tư tưởng

và củng cố, tăng cường trách nhiệm chính trị, lãnh đạo giữ vững an ninh hệ tư tưởng. Để thực hiện chế độ trách nhiệm công việc, cần tăng cường xây dựng và quản lý vị trí chiến lược, nêu cao tinh thần đấu tranh, luôn đứng trên tuyến đầu của cuộc đấu tranh chống lại sự xâm lăng hệ tư tưởng. *Hai là*, thiết lập cơ chế cảnh báo sớm các nguy cơ an ninh hệ tư tưởng. Nói chung, điều này liên quan đến ba loại cơ chế cụ thể. Đầu tiên là cơ chế giám sát; thông qua việc theo dõi các trọng điểm, điểm nóng và các thông tin khác trên lĩnh vực tư tưởng, chúng ta có thể tiến hành phân tích, phán đoán hiệu quả, nắm bắt chính xác động thái và hướng đi của các nguy cơ an ninh tư tưởng. Tiếp theo là các cơ chế cảnh báo; khi kết quả giám sát (bao gồm cả phân tích và kết luận nhận định) có dấu hiệu cảnh báo về an ninh hệ tư tưởng, Đảng và chính quyền sẽ được cảnh báo thông qua các kênh và cơ chế liên quan. Cuối cùng là các cơ chế phản ứng; các cơ sở lãnh đạo làm công tác tư tưởng phải nhanh chóng áp dụng các biện pháp hữu hiệu để giải quyết các sự cố an ninh tư tưởng. Có thể nói, ba loại cơ chế này đều phụ thuộc vào việc thiết kế thước đo cảnh báo sớm các rủi ro an ninh hệ tư tưởng. Việc xảy ra rủi ro tư tưởng và sự cố an ninh tư tưởng là một quá trình và có thể có những dấu hiệu cảnh báo. Do đó, làm thế nào chúng ta có thể dự đoán những rủi ro như vậy? Điều này đòi hỏi một số chỉ số và biến số cụ thể, tạo thành các chỉ số cho phép chúng ta quan sát các rủi ro bảo mật về hệ tư tưởng. Các thước đo cảnh báo sớm cho các rủi ro an ninh hệ tư tưởng là gì? Làm thế nào chúng ta có thể đánh giá mức độ cảnh báo? Những vấn đề này đòi hỏi nghiên cứu khoa học định lượng.

*Tóm lại*, một khi hệ tư tưởng chính thống mất khả năng bảo vệ tính chính đáng của mình, an ninh chính trị sẽ đối mặt với những mối đe dọa nghiêm trọng, đặc biệt nếu một quốc gia bị ý thức hệ của một quốc gia khác xâm nhập và chi phối. Vì vậy, chúng ta phải nắm bắt chính xác tình hình an ninh tư tưởng quốc gia và thảo luận hàng loạt

vấn đề lý luận liên quan đến an ninh hệ tư tưởng từ tầm cao lý luận. Để nắm bắt được những nguy cơ bên trong và bên ngoài đối với hệ tư tưởng, chúng ta nên xây dựng một chiến lược an ninh hệ tư tưởng quốc gia có mục tiêu, duy trì sự lãnh đạo, tính chính đáng, sự chi phối và thống trị của hệ tư tưởng chủ đạo, và xây dựng đường lối tư tưởng bảo vệ cho nền an ninh quốc gia nói chung, an ninh chính trị nói riêng.

# BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG THỜI ĐẠI SỐ*

*Trần Thị Yên***

***Tóm tắt:*** Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay đang đứng trước những thách thức chưa có tiền lệ đến sự thống trị của công nghệ thông tin đối với mọi mặt của đời sống xã hội và sự xác lập vai trò ngày càng lớn của mạng xã hội trên lĩnh vực truyền thông. Lợi dụng sự phát triển của internet và mạng xã hội, các thế lực thù địch thực hiện mọi thủ đoạn nhằm chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Việc nhận diện những âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù và đề ra các giải pháp chiến lược nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời đại số có ý nghĩa lớn lao trong việc bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ.

***Từ khóa:*** *Bảo vệ Đảng; nền tảng tư tưởng; thời đại số*

## 1. Những thách thức phi truyền thống với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời đại ngày nay

Nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có tầm quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng Đảng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong thời đại hiện nay, khi khoa học công nghệ phát triển, internet và mạng xã hội phổ biến đến mọi người dân thì công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đang đối diện với những thách thức mới chưa có tiền lệ trong lịch sử. Theo thống kê từ báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, "đến tháng

---

* Tác phẩm đạt Giải C

** Trường Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

01-2020, trong số 96,9 triệu dân cả nước có 68,17 triệu người (chiếm 70% dân số) dùng internet, cao thứ 12 trên thế giới và thứ 6 châu Á; 65 triệu người (chiếm 67% dân số) dùng mạng xã hội, chủ yếu là Facebook (đứng thứ 7 trong số 10 quốc gia sử dụng Facebook nhiều nhất) và là một trong 10 nước có số người dùng YouTube cao nhất thế giới. Trong đó, 94% người dùng internet hằng ngày là sinh viên, trí thức trẻ, thanh niên"[1].

Internet và mạng xã hội đã tạo nên một sinh quyển tồn tại mới của truyền thông. Trong thời đại công nghệ, sự phát triển của internet và mạng xã hội làm cho thông tin không còn là sở hữu riêng của các đài phát thanh, truyền hình, các cơ quan báo chí và xuất bản như trước nữa, mà thuộc về công chúng. Trong môi trường mạng, mỗi người vừa là chủ thể tiếp nhận, vừa là chủ thể trao đổi, truyền đạt thông tin. Với một chiếc smartphone có kết nối mạng, mỗi cá nhân đều có thể trở thành người đưa tin cho cộng đồng. Trong thời đại số, thông tin được trao đổi tức thời với lượng dữ liệu chu chuyển vô cùng lớn. Điều này làm thế giới trở nên phẳng hơn, kết nối tối ưu hơn. Thông qua các thiết bị thông minh và mạng xã hội, mỗi người dân đều có thể tiếp cận thông tin đa chiều về tất cả các lĩnh vực, được kết nối thành những cộng đồng đông đảo có cùng chung một mối quan tâm bất chấp khoảng cách địa lý và biên giới quốc gia. Việc phổ biến internet, mạng xã hội và các thiết bị công nghệ, bên cạnh tạo ra những động lực cho phát triển xã hội, cũng mang lại những nguy cơ.

*Nguy cơ lớn thứ nhất* đến từ các thế lực thù địch. Chúng lợi dụng internet, mạng xã hội và sự tự do thông tin để ra sức tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường chủ nghĩa xã hội, xuyên tạc hạ thấp các thành tựu của đất nước, bôi

[1] Nhóm phóng viên thời sự: *Đập tan những âm mưu chống phá Đại hội XIII của Đảng, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, ngày 20-01-2021.

nhọ cá nhân các đồng chí lãnh đạo. Nguy cơ này hiện hữu bởi ba thủ đoạn chính của các thế lực thù địch gồm:

Thủ đoạn thứ nhất: Tạo lập các website, blog, fanpage, kênh YouTube... để đăng tải các thông tin xấu độc, xuyên tạc, phản động. Điển hình là các kênh YouTube Việt Tân, Dân làm báo TV, Phil Dong... Các facebook như Nhà xuất bản tự do, Hội anh em dân chủ, Nhật ký yêu nước... Các blog như Dân làm báo, Quan làm báo... Các website như luatkhoa.org, hopluu.net, doi-thoai.com... Ở các trang web/tài khoản này, các thế lực thù địch sử dụng những chiêu trò truyền thông đen rất cổ điển nhưng nếu người dùng internet và mạng xã hội không nhận ra sẽ có nguy cơ bị dắt mũi trong truyền thông. Họ áp dụng chiêu trò lặp lại có trọng điểm của truyền thông đen: Nó tự giới hạn mình trong một vài điểm và lặp lại những điểm đó một cách liên tục. Tiếp đến là ngụy tạo tính xác thực của thông tin theo nguyên tắc: Nếu nói có một đàn voi đang bay trên trời sẽ chẳng ai tin nhưng nếu nói có mười bốn con voi đang bay trên trời, trong đó con bay thứ ba chỉ có một ngà thì sẽ có người tin. Vận dụng nguyên tắc 1, tất cả tin bài của các thế lực thù địch dù đề cập bất cứ vấn đề gì đều liên tục, thường xuyên lặp đi lặp lại bốn luận điệu phản động: Phủ định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ nhận con đường chủ nghĩa xã hội; phủ nhận thành tựu của đất nước; bôi nhọ phẩm chất đạo đức và năng lực của cán bộ lãnh đạo. Vận dụng nguyên tắc 2, các thế lực thù địch tung ra các câu chuyện bịa đặt về vấn đề nội bộ của Đảng, các tổ chức nhà nước với những chi tiết "cặn kẽ" như chúng được trực tiếp chứng kiến để ngụy tạo tính xác thực nhằm lung lạc người nghe.

Thủ đoạn thứ hai: Tung tin giả, tin xuyên tạc, tin bị cắt xén có chủ đích nhằm định hướng, lèo lái dư luận để kích động gia tăng bất đồng chính kiến, gây hoang mang, tạo bất ổn xã hội để thừa nước đục thả câu.

Có hai chiêu trò phổ biến được các thế lực thù địch sử dụng trong việc tung tin giả, tin xuyên tạc. Thứ nhất là tạo các tài khoản giả danh các cơ quan, tổ chức đảng và nhà nước nhằm đưa tin sai lệch, thiếu chính xác, sai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thứ hai là tạo lập các website, facebook, kênh YouTube... với trình độ tổ chức thông tin rất chuyên nghiệp nhằm tăng lượt theo dõi, tăng lượt tương tác và tiếp cận của công chúng. Sau khi đã chiếm được sự tin cậy của công chúng, vào những thời điểm quan trọng, khi có các sự kiện chính trị xã hội lớn, thu hút đông đảo sự chú ý của người dân thì các website, facebook, kênh YouTube này tung ra các tin giả với ý đồ gây hoang mang dư luận và tạo bất ổn xã hội. Đáng chú ý là, các tài khoản này không chỉ tung ra các tin giả, tin xuyên tạc mà luôn đan cài giữa các tin chính thống, có nguồn gốc và dễ kiểm chứng lẫn với các tin giả có tính nguy hiểm để nhằm mưu đồ "lộng giả thành chân" khiến người tiếp nhận rất khó phát hiện.

Thủ đoạn thứ ba: Ký sinh vào các sự kiện lớn thu hút đông đảo công chúng, cấy ghép các yếu tố chính trị, các tư tưởng phản động khi đưa tin về các sự kiện đó để dễ dàng khuếch đại thông tin trong công chúng. Các thế lực thù địch dùng những sự kiện mà công chúng quan tâm để cấy ghép vào những luận điệu phản động, chống lại chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, phủ nhận thành tựu của đất nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Việc lợi dụng sự quan tâm của công chúng về một sự kiện để cấy ghép vào các tin xuyên tạc, phản động có hai ưu thế đối với các thế lực thù địch: Thứ nhất, đó là các sự kiện đang được quan tâm, nên các nội dung tin phản động cũng theo đó mà dễ tiếp cận công chúng hơn. Thứ hai, nếu có những vấn đề phức tạp nảy sinh trong các sự việc thì các thế lực thù địch sẽ kích động để biến các điểm nóng xã hội thành điểm nóng chính trị. Việc ký sinh và cấy ghép thông tin vào các sự

kiện thu hút công chúng để kích động chống đối chính là áp dụng mô hình "con bò trong tiệm sành sứ" của những kẻ khủng bố thông tin. Mô hình này được diễn giải như sau: Những kẻ chống đối, khủng bố thông tin nhằm phá hoại một chính quyền vốn là những thế lực yếu, không đủ khả năng gây hại cho chính quyền. Chúng như con ruồi muốn phá tung một cửa hàng sành sứ vậy. Thế nên, con ruồi mới tìm một con bò, chui vào tai con bò và cứ thế vo ve mãi, con bò phát điên lên và phá nát tiệm sành sứ. Trong các sự kiện thu hút công chúng, các thế lực thù địch cấy ghép vào các tin xuyên tạc, phản động nhằm định hướng dư luận, nếu nhân viên chính quyền xử lý thiếu sáng suốt, để nảy sinh những bất đồng thì những xung đột giữa một bộ phận nhân dân với bộ máy chính quyền sẽ bị thổi bùng lên, dẫn tới "tiệm sành sứ" có nguy cơ đổ vỡ. Đó chính là thực tế đã diễn ra trong cuộc biểu tình tại Tunisia năm 2010. Sự việc khởi đầu là một thanh niên 26 tuổi tên Mohamed Bouazizi bị cảnh sát tịch thu xe bán trái cây. Anh đã tự thiêu để phản đối. Cái chết của anh ta là cú hích đầu tiên châm ngòi cho những cuộc biểu tình trên quy mô lớn và kết quả là Tổng thống Ben Ali bị lật đổ.

*Nguy cơ lớn thứ hai* đến từ các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới (Big Tech) đang cung cấp dịch vụ tại Việt Nam. Tất nhiên chúng ta không thể phủ nhận những đóng góp của các tập đoàn công nghệ như Google, Apple, Facebook, Amazon... cho sự phát triển và mang lại các tiện ích xã hội. Nhưng không vì thế mà chúng ta xem nhẹ những nguy cơ đến từ các tập đoàn công nghệ. Bối cảnh thời đại 4.0 không cho phép chúng ta chối bỏ công nghệ nhưng cần hiểu rõ tính hai mặt của nó. Tất cả các tập đoàn công nghệ lớn khi cung cấp dịch vụ đều nhắm tới việc thu thập dữ liệu toàn diện về người dùng, từ thói quen, sở thích, thời gian tương tác, những mối quan tâm, quan hệ xã hội đến tư tưởng chính trị... Từ những thông tin có được, các tập đoàn công nghệ sẽ dùng cho việc nghiên cứu xã hội, hoạch định chiến lược kinh doanh, quảng cáo và thậm chí định hướng tư tưởng. Ví dụ, đồng

nghiệp của chúng ta chưa chắc đã hiểu rõ quan điểm chính trị của chúng ta, nhưng Facebook thì biết rất rõ vì họ có những thuật toán cho phép thống kê chúng ta tương tác với loại tin bài nào, đọc loại bài nào với thời gian bao lâu. Facebook cũng biết chúng ta lướt qua các thông tin và hình ảnh nào, dừng lâu và đọc kỹ với các tin bài nào, của ai... Những thông tin đó qua xử lý của các thuật toán thông minh sẽ giúp các tập đoàn như Facebook nắm rõ mọi thứ về người dùng, từ tình cảm đến công việc và cả quan điểm lập trường chính trị. Khối dữ liệu khổng lồ đó không chỉ được dùng cho quảng cáo hay phát triển thị trường kinh doanh, nghiên cứu khoa học mà có thể dùng để định hướng, thao túng tư tưởng của người dùng. Ví dụ, nếu muốn định hướng tư tưởng của một người dùng cụ thể, Facebook biết cần cung cấp các loại tin bài dưới dạng bài viết được đề xuất nào, vào thời điểm nào, với tần suất ra sao, ưu tiên hiển thị loại kết quả nào khi người đó sử dụng công cụ tìm kiếm (search) thông tin...

Giáo sư Yuval Noah Harari của Đại học Hebrew đã cung cấp một kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, thuật toán của Facebook có thể hiểu được tính cách của con người tốt hơn cả bạn bè, bố mẹ và vợ chồng của họ. Nghiên cứu được thực hiện trên 86.220 tình nguyện viên có tài khoản Facebook. Thuật toán của Facebook theo dõi các lần like của họ trên Face để hiểu về tính cách họ. Thật đáng kinh ngạc khi chỉ cần 10 lượt like, Facebook có thể hiểu một người tốt hơn đồng nghiệp của họ, 70 lượt like để vượt mặt bạn bè, 150 lượt like để vượt mặt người thân trong gia đình, 300 lượt like để vượt mặt bạn đời. Như vậy, nếu một người dùng đã từng ấn like 300 lần trên tài khoản Facebook, thuật toán của Facebook có thể hiểu người đó tốt hơn vợ hoặc chồng của họ.

Với số lượng 65 triệu người dùng mạng xã hội (chiếm 67% dân số) thì các tập đoàn công nghệ đang nắm một hồ sơ dữ liệu rất đầy đủ về đông đảo người dùng Việt Nam. Nếu dữ liệu này được cung cấp cho một bên thứ ba hay dùng để thao túng tư tưởng và lập trường

chính trị của người dân thì sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy lớn. Sau khi thế giới chứng kiến vụ bê bối dữ liệu Facebook - Cambridge Analytica vào năm 2018, công chúng nhận thấy rằng các dữ liệu cá nhân họ tin cậy trao cho Facebook đã bị các bên thứ ba thu thập và sử dụng để thao túng các cuộc bầu cử ở khắp nơi trên thế giới. Điều này đã biến những lời hứa hẹn về xây dựng một cộng đồng thế giới xích lại gần nhau hơn trên cơ sở tôn trọng quyền riêng tư con người của Mark Zuckerberg thành "trò hề" và "lòng tin của công chúng đã vỡ vụn".

Việc thao túng tư tưởng chính trị của người dân và tổ chức các cuộc bạo loạn thông qua mạng xã hội không phải là mối nguy trên lý thuyết mà đã xảy ra thực tế trong phong trào "Mùa xuân Ảrập", điển hình nhất là tại Ai Cập năm 2011. Đây là một bài học lịch sử có ý nghĩa cho nhiều quốc gia trên thế giới. Trong cuộc cách mạng màu ở Ai Cập năm 2011, giới chính trị gia đã chỉ trích đích danh Facebook, Twitter là "công cụ của bạo loạn". Chính mạng xã hội là nơi những đốm lửa đầu tiên được nhóm lên. Các thế lực nhân danh dân chủ bên ngoài đã thông qua mạng xã hội tác động đến người dân, xúi giục họ phủ nhận những thành tựu của Ai Cập trong 20 năm cầm quyền của Mubarak. Cụ thể, dưới thời Mubarak, xã hội Ai Cập vẫn được đánh giá là ổn định, đời sống của người dân được cải thiện đáng kể so với trước. Nhưng truyền thông xã hội đã thao túng tư tưởng của người dân, để họ lấy tiêu chuẩn về điều kiện sống và sự tự do của châu Âu so sánh với điều kiện hiện tại của nhân dân Ai Cập nhằm gia tăng thái độ bất đồng. Khi những cuộc biểu tình ôn hòa diễn ra, mạng xã hội đã tiếp tay giúp thông tin được lan truyền nhanh hơn, việc tổ chức tuần hành được thúc đẩy quy mô hơn. Lập tức, các cuộc biểu tình đã được kích hoạt thành bạo loạn chính trị. Cuối cùng là lật đổ chế độ. Sau khi chế độ Mubarak bị lật đổ, người dân Ai Cập mới nhận ra rằng, "Mùa xuân Ảrập" chỉ có trên mạng xã hội, còn xung đột vũ trang, chiến tranh, khủng bố, đói nghèo, chết chóc tang thương mới là những gì còn lại cho người dân.

## 2. Những biện pháp cần thực hiện để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời đại số

Khi đã nhận diện được những thách thức trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời đại số, khi nắm rõ được chiêu trò của các thế lực thù địch trong việc phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua truyền thông và công nghệ nghĩa là chúng ta đã hình dung ra những việc cần phải làm, cả trước mắt và lâu dài. Ở đây, xin nêu khái quát một số biện pháp cần làm trên bình diện tổng quan.

*Thứ nhất,* phải tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho các tầng lớp nhân, nhất là giới trẻ, thanh niên, học sinh, sinh viên và đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động. Cần tăng cường tuyên truyền các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đến đông đảo các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là những người trẻ. Bởi vì họ chính là lực lượng nắm giữ nguồn sinh khí và động lực phát triển, đổi mới của một dân tộc. Tuổi thanh xuân cũng là khoảng thời gian mà người trẻ sống với ước mơ, lý tưởng cao đẹp. Nếu trong giai đoạn này, những người trẻ được giác ngộ chân lý, thấm nhuần lý tưởng cao đẹp của Đảng, thì những lý tưởng, niềm tin đó sẽ theo họ suốt đời.

Trong công tác tuyên truyền giáo dục cần có những cách làm sáng tạo, vận dụng nền tảng công nghệ, mạng xã hội để đưa các nội dung giáo dục vào một cách thiết thực, phù hợp với từng nhóm đối tượng để phát huy tối đa hiệu quả. Cần vận dụng tổng thể sức mạnh của hệ thống chính trị, nhất là hệ thống chính quyền ở cấp cơ sở để đưa chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết và chỉ thị của Đảng đến với cuộc sống của từng người dân.

Đặc biệt, cần phát huy một yếu tố quan trọng trong văn hóa Việt mà bấy lâu nay chúng ta chưa khai thác hết tiềm năng là văn hóa họ tộc trong công tác tuyên truyền, giáo dục. Đảng bộ và chính quyền các

cấp nên quan tâm, động viên và khích lệ các vị có tiếng nói trong mỗi họ tộc và vận động họ tham gia những việc làm cụ thể để đưa chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đến con cháu trong dòng tộc mình, lấy đó làm một tiêu chí để tuyên dương mỗi dòng họ.

*Thứ hai*, kiên trì thực hiện nguyên tắc "lấy dân làm gốc", tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng bộ máy nhà nước gần dân, hiểu dân, tôn trọng nhân dân. Lấy sự hài lòng của người dân và sự thân thiện của chính quyền làm một tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan hành chính nhà nước. Khi người dân nhận thấy Đảng và Nhà nước luôn đặt lợi ích của dân tộc và nhân dân lên trước thì lúc đó, mỗi người dân, mỗi tài khoản mạng xã hội sẽ là một kênh thu thập thông tin và dữ liệu, đồng thời đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thực tiễn của công tác phòng, chống dịch Covid-19 ở Việt Nam trong thời gian qua chứng minh thuyết phục chân lý này.

*Thứ ba*, muốn bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thì phải phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân. Triết học Mác-Lênin luôn khẳng định vai trò quyết định của kinh tế đối với chính trị. Nếu kinh tế thay đổi thì sớm hay muộn sẽ dẫn đến sự biến đổi của tư tưởng và thể chế chính trị. C.Mác khẳng định: "Cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ cái kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng"[1]. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng gắn với phát triển kinh tế là công tác mà Đảng và Nhà nước ta đã làm rất tốt trong nhiều nhiệm kỳ qua. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: "Kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng liên tục và cao hơn nhiệm kỳ trước, trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới. Sức cạnh tranh, quy mô và tiềm lực của nền kinh tế được nâng lên". Khi kinh tế được nâng cao, người dân ngày càng

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.13, tr.15.

hài lòng hơn về cuộc sống của mình thì không có một thế lực nào có thể phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

*Thứ tư*, cần tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật để theo kịp với sự phát triển của thực tiễn xã hội, thực tiễn công nghệ. Đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật đến đông đảo người dân như Luật An ninh mạng năm 2018; Nghị định số 167/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12-11-2013, Nghị định số 15/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 03-02-2020 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử. Đồng thời, Chính phủ phải yêu cầu các tập đoàn công nghệ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam minh bạch hơn về thuật toán, nền tảng hoạt động để Chính phủ và người dùng nắm rõ hơn cách thức hoạt động của họ nhằm có cơ sở quy trách nhiệm khi cần thiết.

*Thứ năm*, chính quyền các cấp cần đẩy mạnh hơn nữa công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành theo mô hình chính quyền điện tử, đô thị thông minh. Trong lĩnh vực này, có thể nói tỉnh Thừa Thiên Huế là một địa phương đi đầu trong cả nước. Điển hình như ứng dụng Hue-S được phát triển và quảng bá rộng rãi đến người dân trong và ngoài tỉnh đã giúp thông tin về các sự kiện nóng như thiên tai hay dịch bệnh... trên địa bàn được nhanh chóng cập nhật đến người dân qua một kênh rất chính thống. Điều này đã khắc phục rất hiệu quả việc người dân khi thiếu thông tin phải tiếp cận các thông tin vỉa hè phi chính thống có thể tác động không tốt đến tâm lý, tư tưởng của họ. Chức năng phản ánh hiện trường của Hue-S cũng là kênh để chính quyền nắm bắt dư luận xã hội và tạo được sự tin cậy của nhân dân cũng như giúp các cơ quan, tổ chức tự mình điều chỉnh theo hướng lấy sự hài lòng của người dân làm một tiêu chí quan trọng trong quá trình phục vụ. Hay các cơ quan, tổ chức và nhiều cán bộ lãnh đạo trên địa bàn tỉnh cũng đã xây dựng các tài khoản mạng xã

hội chính thống để tương tác với người dân, cung cấp cho họ những nguồn tin đáng tin cậy, chính xác, kịp thời. Điều đó đã làm cho nhân dân nhận thấy sự năng động của các cán bộ lãnh đạo và sự thân thiện của chính quyền.

*Thứ sáu*, cần tuyên truyền cho cộng đồng người dùng internet và mạng xã hội có các kỹ năng ứng phó với tin giả, tin xuyên tạc để góp phần đấu tranh làm trong sạch môi trường mạng. Tuyên truyền cho cộng đồng nắm vững các thủ đoạn của các thế lực thù địch hoạt động trên không gian mạng để mọi người không bị định hướng thông tin và mắc các bẫy truyền thông đen, hướng đến một cộng đồng mạng xã hội văn minh, trí tuệ, vững vàng trong tư tưởng. Khi đông đảo người dùng mạng xã hội tại Việt Nam vững vàng trong tư tưởng, nắm rõ thủ đoạn và hiểu biết về động cơ xấu của các thế lực thù địch thì bất kì một âm mưu chống đối nào nhen nhóm trên môi trường mạng, dù công khai hay qua các nhóm kín đều sẽ bị phát hiện từ sớm để đấu tranh ngăn chặn.

# BẢO VỆ CÁC QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TẠI CÁC CƠ CHẾ NHÂN QUYỀN LIÊN HỢP QUỐC*

***Lê Xuân Tùng*****

***Tóm tắt:*** Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, Việt Nam ngày càng thể hiện sự tích cực, chủ động và có trách nhiệm trong việc tham gia các cơ chế nhân quyền quốc tế. Tại các cơ chế nhân quyền của Liên hợp quốc, việc kiên quyết bảo vệ các quan điểm của Đảng về quyền con người trước các luận điệu xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch trong và ngoài nước vừa là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, vừa là một thách thức lớn đối với Việt Nam. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này và biến thách thức thành cơ hội cho sự phát triển của đất nước đòi hỏi sự đoàn kết, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, dưới sự lãnh đạo của Đảng với những đường lối, sách lược sáng suốt và đúng đắn.

***Từ khóa:*** *Quyền con người; cơ chế nhân quyền; hội nhập quốc tế; Liên hợp quốc*

## 1. Các quan điểm của Đảng về quyền con người - một hệ thống lý luận nhân văn và tiến bộ

Quyền con người là một trong những giá trị văn hóa cao quý nhất của nhân loại, là khát vọng của các quốc gia, dân tộc yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới. Quyền con người thể hiện trong những đại lượng mang ý nghĩa phổ quát toàn cầu như nhân phẩm, tự do, bình đẳng và hạnh phúc. Xét về mặt bản chất, quyền con người vừa là bản

---

* Tác phẩm đạt Giải B

** Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

chất, vừa là mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội. Dưới chủ nghĩa xã hội, quyền con người "là một giá trị nhân văn, cao đẹp mà nhân loại khát khao hướng tới, với niềm tin về một cuộc sống tốt đẹp, trong mối quan hệ giữa cá nhân với nhà nước, cá nhân với xã hội, bao trùm là quan hệ cao đẹp giữa con người với con người, giữa con người với chế độ xã hội, với nhà nước, với pháp luật"[1]. Ngay từ khi thành lập, trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* (Chánh cương vắn tắt 1930), Đảng ta đã quan tâm đến vấn đề quyền con người và xác định rõ mục tiêu của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[2]. Sau khi giành chính quyền và lãnh đạo công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta ngày càng chú trọng hơn tới quyền con người, nhất là mối quan hệ giữa quyền con người và độc lập, chủ quyền quốc gia.

Từ khi bước vào thời kỳ đổi mới, cùng với sự nhận thức ngày càng rõ về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nhận thức của Đảng ta về vấn đề quyền con người cũng ngày càng hoàn thiện hơn. Khái niệm quyền con người lần đầu tiên được ghi nhận trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, năm 1991. Ngay sau đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 12-7-1992 "về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta", nhằm đáp ứng trước những yêu cầu mới của thực tế từ tình hình trong nước và thế giới. Trong đó, Ban Bí thư nêu rõ: "Quyền con người là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài qua các thời đại của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, và cũng là thành quả của cuộc đấu tranh của loài người làm chủ thiên

---

[1] Tạ Ngọc Tấn, Đặng Dũng Chí, Hoàng Văn Nghĩa (Đồng chủ biên): *Nhân quyền là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa*, trong sách *Thành tựu nhân quyền Việt Nam 70 năm qua*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2017, tr.8.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.3, tr.1.

nhiên; qua đó quyền con người trở thành giá trị chung của nhân loại"[1]. Chỉ thị số 12-CT/TW là văn kiện đầu tiên tập hợp một cách có hệ thống các quan điểm của Đảng về quyền con người, có ý nghĩa chỉ đạo và định hướng đối với hệ thống chính trị trong công tác nhân quyền. Các quan điểm của Đảng về quyền con người tiếp tục được thể hiện rõ nét trong các văn bản của Đảng, Nhà nước như Chỉ thị số 41/2004/CT-TTg, ngày 02-12-2004 của Thủ tướng Chính phủ "về tăng cường công tác bảo vệ, đấu tranh về nhân quyền trong tình hình mới", Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 20-7-2010 của Ban Bí thư "về công tác nhân quyền trong tình hình mới"...

Trong các văn bản trên, Đảng ta khẳng định quyền con người không chỉ là giá trị chung của nhân loại, mà còn bắt nguồn từ những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Hơn nữa, Đảng còn chỉ rõ cơ sở lý luận của Đảng về quyền con người và công tác bảo đảm quyền con người ở nước ta là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, Đảng cũng làm rõ tính giai cấp của khái niệm "quyền con người" trong xã hội có phân chia giai cấp đối kháng, khẳng định tính phụ thuộc của quyền con người vào lịch sử, truyền thống, trình độ kinh tế, văn hóa của mỗi quốc gia nhằm bác bỏ những âm mưu áp đặt mô hình dân chủ, nhân quyền của các thế lực phản động trong và ngoài nước. Đảng cũng chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa quyền con người và độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia; khẳng định quyền con người là mục tiêu, động lực của sự phát triển xã hội và là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa; khẳng định sự cần thiết phải ghi nhận và bảo vệ quyền con người bằng Hiến pháp và pháp luật cũng như mối quan hệ không thể tách rời giữa nghĩa vụ và trách nhiệm công dân.

---

[1] Ban Chỉ đạo nhân quyền của Chính phủ, Văn phòng Thường trực: *Tài liệu tổng kết Chỉ thị 12 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, "Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta"*, Nxb.Chính trị - Hành chính, H.2012, tr.12, 13.

Quan điểm của Đảng về quyền con người còn được thể hiện sâu sắc trong Văn kiện các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Có thể thấy, qua mỗi kỳ đại hội, nhận thức của Đảng về quyền con người ngày càng trở nên rõ nét hơn, ngày càng tôn trọng và bảo vệ quyền con người nhiều hơn, phản ánh những xu thế tiến bộ của thế giới và của thời đại. Đảng ta sớm chủ trương: chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người, sẵn sàng đối thoại nhưng cũng kiên quyết đấu tranh trên lĩnh vực quyền con người nhằm "làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam"[1]. Đảng còn nhất quán chủ trương: "*Con người* là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân"[2].

Trong giai đoạn mới hiện nay, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân, đặt người dân ở vị trí trung tâm, xem đây là một nguyên tắc trong xây dựng chủ trương, hoạch định chính sách. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: "Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu"[3]. Đây cũng chính là vận dụng phương

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2006, tr.113.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.76.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.27-28.

pháp tiếp cận dựa trên quyền con người trong hoạch định chính sách, vì sự phát triển của quốc gia và của mỗi người dân.

Có thể nói, hệ thống các quan điểm và cách tiếp cận của Đảng đối với vấn đề quyền con người có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc định hướng toàn bộ hệ thống chính trị tham gia hiệu quả công tác nhân quyền trong bối cảnh đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào các lĩnh vực của đời sống quốc tế, toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Quán triệt tốt những quan điểm chỉ đạo này sẽ giúp nước ta đạt được những thành quả quan trọng trong nỗ lực thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

## 2. Thực hiện nhất quán các quan điểm của Đảng về quyền con người tại các cơ chế nhân quyền Liên hợp quốc

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta đã từng bước hội nhập vào cộng đồng quốc tế trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Kể từ khi trở thành thành viên chính thức của Liên hợp quốc vào năm 1977, Việt Nam luôn nỗ lực tham gia vào công cuộc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trên thế giới, chủ động tham gia các diễn đàn quốc tế về quyền con người, đồng thời tích cực phê chuẩn các công ước quốc tế cơ bản về quyền con người. Cho đến nay, Việt Nam đã ký kết và phê chuẩn 7/9 công ước quốc tế cơ bản về quyền con người[1]. Việt Nam cũng đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

Tuy vậy, quyền con người vốn là một vấn đề phức tạp, dễ bị lợi

[1] Bao gồm Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966, Công ước chống phân biệt chủng tộc năm 1965, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (Công ước CEDAW) năm 1979, Công ước chống tra tấn năm 1984, Công ước về quyền trẻ em năm 1989, Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2006.

dụng, chính trị hóa, gây bất lợi cho sự phát triển của đất nước trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trên thực tế, các thế lực thù địch vẫn luôn công kích, xuyên tạc về tình hình quyền con người ở nước ta, qua đó tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng hòng phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng ta. Điều này khiến cho công cuộc đối thoại và đấu tranh trên lĩnh vực quyền con người trở nên khó khăn và phức tạp hơn nhiều, đòi hỏi Đảng ta phải có những đối sách mềm dẻo mà cương quyết để phản bác lại những luận điệu sai trái này, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để tiếp tục hiện thực hóa hiệu quả quyền con người ở nước ta. Việc tham gia một cách chủ động và tích cực vào các cơ chế nhân quyền của Liên hợp quốc là một trong những sách lược quan trọng của Đảng và Nhà nước ta để thực hiện mục tiêu chiến lược đó.

Trên cơ sở thực hiện nhất quán chủ trương tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người cũng như đường lối đối ngoại đa phương hóa và chủ động tích cực hội nhập quốc tế, Việt Nam đã và đang tham gia tích cực, chủ động và có trách nhiệm tại các cơ chế nhân quyền nổi bật của Liên hợp quốc như Hội đồng Nhân quyền, Ủy ban 3 (Ủy ban các vấn đề xã hội, nhân đạo và văn hóa) của Đại hội đồng Liên hợp quốc, ECOSOC,v.v.. Với uy tín ngày càng cao trên chính trường quốc tế, vị thế của Việt Nam trong các cơ chế nhân quyền quốc tế này cũng ngày càng được nâng cao. Việt Nam đã được bầu làm thành viên của Hội đồng Nhân quyền nhiệm kỳ 2014-2016, Hội đồng kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2016-2018, Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc giai đoạn 2020-2021. Gần đây nhất, tháng 6-2022, Việt Nam được tín nhiệm cao và được bầu làm Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 77.

Trong số đó, đáng lưu ý là sự tham gia của Việt Nam đối với các cơ chế nhân quyền cụ thể do Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thực hiện (còn gọi là cơ chế dựa trên Hiến chương), mà đặc biệt là

Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR)[1]. Cho đến nay, Việt Nam đã tham gia cả ba chu kỳ của cơ chế UPR (vào các năm 2009, 2014 và 2019) cùng với việc cử các phái đoàn sang trụ sở của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc tại Geneva (Thụy Sĩ) để bảo vệ các báo cáo quốc gia của Việt Nam về quyền con người. Tại các diễn đàn này, Việt Nam đã trả lời chất vấn của Hội đồng Nhân quyền và các quốc gia thành viên Liên hợp quốc về những vấn đề xoay quanh việc bảo đảm quyền con người ở trong nước trên các lĩnh vực rộng lớn của đời sống xã hội. Đây cũng là dịp để Việt Nam khẳng định những thành tựu nổi bật của mình trong việc bảo đảm quyền con người trên các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao uy tín với cộng đồng quốc tế.

Bên cạnh cơ chế UPR, Việt Nam còn hợp tác với các cơ chế nhân quyền khác do Hội đồng Nhân quyền thực hiện như Thủ tục đặc biệt, Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người, Ủy ban ECOSOC, v.v.. Đối với Thủ tục đặc biệt, Việt Nam đã tiếp đón một số báo cáo viên đặc biệt của Liên hợp quốc về quyền con người trong một số lĩnh vực cụ thể, giúp họ nắm bắt tình hình thực tế tại Việt Nam một cách chân thực. Theo thống kê của Bộ Ngoại giao, mỗi năm Việt Nam đều nhận được 10-15 kháng thư của các Thủ tục đặc biệt đề nghị xem xét và làm sáng tỏ những cáo buộc về vi phạm quyền con người tại Việt Nam. Trong phần lớn các trường hợp, Việt Nam đã kịp thời cung cấp thông tin, đấu tranh, vận động các Thủ tục đặc biệt đóng các hồ sơ này lại, qua đó bảo vệ uy tín và thành tựu của Việt Nam trong lĩnh vực bảo đảm quyền con người.

Ngoài việc tham gia các cơ chế dựa trên Hiến chương nói trên,

[1] Đây là cơ chế liên chính phủ có nhiệm vụ rà soát tổng thể các vấn đề liên quan đến quyền con người tại tất cả các nước thành viên của Liên hợp quốc, được thực hiện định kỳ 4,5 năm một lần trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc đối thoại, hợp tác, đối xử bình đẳng, khách quan, minh bạch, xây dựng, không đối đầu, không chọn lọc và chính trị hóa.

Việt Nam còn tích cực và chủ động tham gia các cơ chế dựa trên công ước (treaty-based mechanism) của Liên hợp quốc về quyền con người. Cho đến nay, Việt Nam đều định kỳ nộp và bảo vệ báo cáo quốc gia về việc thực thi các công ước quốc tế về quyền con người cho các Ủy ban giám sát công ước của Liên hợp quốc, bao gồm Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Công ước chống mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về chủng tộc, Công ước về quyền trẻ em và Công ước chống tra tấn.

Trong quá trình tham gia các cơ chế nhân quyền quốc tế nói trên, Việt Nam đều kiên định lập trường, giữ vững và bảo vệ các quan điểm của Đảng về quyền con người. Việt Nam sẵn sàng tiếp thu những kiến nghị của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là những kiến nghị mang tính xây dựng và có lợi cho sự phát triển của đất nước, nhằm thúc đẩy hoạt động bảo đảm quyền con người hiệu quả hơn. Với những kiến nghị đi ngược lại chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, đi ngược lại những nguyên tắc về độc lập, chủ quyền được ghi nhận trong Hiến pháp, có ý đồ phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng hoặc gây bất lợi cho sự cầm quyền chính danh của Đảng Cộng sản Việt Nam thì Việt Nam luôn kiên quyết bác bỏ.

Khi tham gia các cơ chế nhân quyền của Liên hợp quốc, chúng ta cũng thực hiện những sách lược ứng biến linh hoạt, thể hiện vai trò tích cực và chủ động với tư cách là một thành viên của cộng đồng quốc tế. Một mặt, Việt Nam thể hiện rõ ràng thái độ đối thoại một cách thiện chí, cởi mở, thẳng thắn về những vấn đề mà cộng đồng quốc tế quan tâm. Mặt khác, Việt Nam chủ động cung cấp thông tin (dù không được yêu cầu), giúp Hội đồng Nhân quyền cũng như các quốc gia thành viên khác của Liên hợp quốc nắm bắt được tình hình

bảo đảm quyền con người tại Việt Nam, hiểu được những thuận lợi và khó khăn riêng có của Việt Nam, những thách thức mà Việt Nam đã vượt qua và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, qua đó tránh gây hiểu lầm, đồng thời xây dựng và gia tăng thiện cảm của cộng đồng quốc tế đối với nước ta.

Đối với những vấn đề cụ thể về quyền con người, Việt Nam biết khai thác và tập trung vào những điểm mạnh, thế mạnh của mình. Chẳng hạn, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người mà nổi bật là bảo đảm bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, bảo đảm quyền cho các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, hỗ trợ nhân đạo, tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng, chống thiên tai, đối phó với dịch bệnh, v.v.. Đối với một số vấn đề mang tính chất nhạy cảm như quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng tôn giáo, tự do lập hội, quyền biểu tình, bảo đảm quyền cho tù nhân, v.v., Việt Nam một mặt tìm cách đối thoại thẳng thắn và khéo léo; mặt khác, kiên quyết đấu tranh với những phần tử lợi dụng những vấn đề này để chống phá Đảng, Nhà nước ta, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, cản trở sự phát triển của đất nước ta.

Thông qua đối thoại và đấu tranh tại các cơ chế nhân quyền quốc tế của Liên hợp quốc, Việt Nam có cơ hội đưa ra những luận điểm có căn cứ lý luận và thực tiễn vững chắc nhằm phản bác những luận điệu sai trái xuyên tạc tình hình quyền con người tại Việt Nam. Thực tế cho thấy, một số cơ chế nhân quyền chịu sự chi phối của Mỹ và phương Tây nên trong cách tiếp cận đối với vấn đề quyền con người còn bộc lộ sự phiến diện, thiếu công bằng, áp đặt tiêu chuẩn kép, v.v.. Các thế lực thù địch được sự hậu thuẫn của Mỹ và phương Tây đã đưa ra nhiều cáo buộc vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền như đàn áp tôn giáo, ngăn cản tự do ngôn luận, công kích vấn đề "tù nhân lương tâm", "tù nhân tôn giáo", "tù nhân chính trị", v.v.. Do vậy, nếu không

đập tan những luận điệu vu cáo của các thế lực phản động, thù địch trong và ngoài nước, uy tín của Đảng và Nhà nước ta sẽ bị giảm sút, vị thế của Việt Nam trên chính trường quốc tế cũng sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Có thể nói, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, việc tham gia vào các cơ chế nhân quyền của Liên hợp quốc là một nhiệm vụ chính trị quan trọng và cũng là một thách thức lớn đối với nước ta. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị này đòi hỏi nỗ lực của cả hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng dựa trên những quan điểm, chủ trương, sách lược đúng đắn, biến thách thức thành cơ hội cho sự phát triển bền vững của đất nước.

### 3. Tiếp tục khẳng định và bảo vệ các quan điểm của Đảng về quyền con người

Tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy quyền con người của người dân là chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Thực tế cho thấy, thực hiện các quan điểm của Đảng về quyền con người, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc bảo đảm quyền con người, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Tuy nhiên, tình hình hiện nay cũng đặt ra nhiều thách thức đối với nước ta trên nhiều lĩnh vực, trong đó có quyền con người. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng những diễn biến khó lường của các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, khủng bố, tội phạm xuyên biên giới, biến đổi khí hậu, v.v.. trên thế giới đã và đang tác động mạnh mẽ tới quyền con người trên các khía cạnh dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và ảnh hưởng tới hiệu quả bảo đảm quyền con người nói chung, quyền con người của mỗi cá nhân nói riêng. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch trong và ngoài nước vẫn tiếp tục lợi dụng sự khó khăn của tình hình trong nước và quốc tế để "rêu rao" những

giá trị nhân quyền, dân chủ phương Tây, công kích, bôi nhọ vai trò lãnh đạo của Đảng ta, tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng hòng làm mất uy tín của Đảng. Để tiếp tục bảo vệ và phát huy những thành quả đã đạt được, đồng thời khắc phục khó khăn, đẩy lùi sự tấn công của các thế lực thù địch trong lĩnh vực nhân quyền, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng trong công tác bảo đảm quyền con người, cần thực hiện đồng bộ những quan điểm, giải pháp sau:

*Một là*, đẩy mạnh tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách nền tảng tư tưởng của Đảng tới toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Đồng thời, tăng cường nghiên cứu lý luận và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta, qua đó củng cố cơ sở lý luận của Đảng về bảo đảm quyền con người ở nước ta hiện nay. Thông qua những hoạt động tích cực như vậy, các tầng lớp xã hội sẽ được trang bị vũ khí lý luận sắc bén, giúp nâng cao năng lực nhận diện các âm ưu, thủ đoạn tinh vi, phức tạp của các thế lực thù địch hòng phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng cũng như phủ nhận những thành tựu về quyền con người của nước ta, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng. Qua đó, cũng góp phần ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các thế lực thù địch lợi dụng kẽ hở của pháp luật cũng như lợi dụng các cơ chế quốc tế về quyền con người để bôi nhọ, hạ thấp uy tín của Đảng cũng như cản trở công tác bảo vệ quyền con người ở nước ta hiện nay.

*Hai là*, tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các cơ chế quốc tế của Liên hợp quốc, đặc biệt là các cơ chế nhân quyền quốc tế. Sự hiện diện của Việt Nam tại các thiết chế quốc tế cũng như các cơ chế đối thoại về quyền con người của Liên hợp quốc là cơ hội quý báu để thể hiện tiếng nói chính thống của Đảng và Nhà nước ta trước cộng động quốc tế. Đây cũng là cơ hội để Việt Nam khẳng định những

thành tựu trong bảo đảm quyền con người, đồng thời phản bác những luận điệu xuyên tạc, thù địch về tình hình quyền con người tại Việt Nam. Trong thời gian tới, cần có chiến lược hỗ trợ người Việt Nam làm việc tại các tổ chức quốc tế có hoạt động liên quan đến quyền con người, đề cử người Việt Nam tham gia các vị trí lãnh đạo trong một số tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc. Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nhân quyền và tăng cường đối thoại với các đối tác thông qua các diễn đàn, cơ chế khu vực và quốc tế về vấn đề bảo đảm quyền con người ở Việt Nam. Thông qua đó, tranh thủ sự ủng hộ và hỗ trợ về nguồn lực của cộng đồng quốc tế nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác đối thoại và đấu tranh trên lĩnh vực nhân quyền, đồng thời xây dựng và nâng cao hình ảnh, uy tín quốc gia trong công tác bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

*Ba là,* phát huy vai trò chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm khi tham gia các cơ chế nhân quyền quốc tế. Theo đó, cần tiếp tục chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển; phát huy tối đa nội lực, vừa hợp tác vừa đấu tranh một cách mềm dẻo, khéo léo, linh hoạt, tránh nguy cơ đối đầu; tăng cường cơ chế đối thoại trên cơ sở công khai, minh bạch chính sách, tránh gây hiểu lầm, nghiêm chỉnh thực thi các cam kết quốc tế, đặc biệt là các cam kết về quyền con người. Bên cạnh đó, cần chủ động giành vị trí, vai trò dẫn dắt khi tham gia một số cơ chế nhân quyền quốc tế, xây dựng hình ảnh một Việt Nam là đối tác chiến lược và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, đề xuất sáng kiến và tham gia thành lập những cơ chế, thiết chế mới có lợi cho sự phát triển của cộng đồng quốc tế, thay thế những "tiêu chuẩn kép" về quyền con người của Mỹ và phương Tây.

*Bốn là,* xây dựng và củng cố lực lượng tham gia đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mặt trận nhân quyền, cả trong nước

và trên bình diện quốc tế. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và huy động sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân trong việc tuyên truyền các giá trị nhân văn, phổ quát của quyền con người, đẩy lùi âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, hình thành đội ngũ "bút chiến" có năng lực phản bác, đập tan mọi luận điệu chống phá, xuyên tạc về tình hình quyền con người ở Việt Nam, đặc biệt trên không gian mạng.

*Năm là,* tiếp tục công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, như đã được xác định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Để thực hiện mục tiêu này, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất, minh bạch, ổn định và nâng cao chất lượng quy trình lập pháp, đặc biệt là trong xây dựng pháp luật về quyền con người. Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cần xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước theo tinh thần: "lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững"[1]. Bên cạnh đó, đẩy mạnh cải cách tư pháp hướng tới xây dựng nền tư pháp hiện đại, chuyên nghiệp, "có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân"[2].

*Tóm lại,* bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác mọi luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch có ý nghĩa quan trọng đối với Đảng, Nhà nước, nhân dân, mà còn có ý nghĩa sống còn đối với việc bảo vệ thành quả cách mạng và chế độ xã hội chủ

---

[1, 2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, t.I, tr.175; 177.

nghĩa. Nhân quyền hay quyền con người là một chủ đề hay bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng cũng như sự nghiệp cách mạng của nước ta. Do đó, tăng cường đối thoại và đấu tranh trên lĩnh vực nhân quyền, cả trên phương diện lý luận và thực tiễn (trong đó, đặc biệt nhấn mạnh đến việc tăng cường hơn nữa sự tham gia tích cực và chủ động tại các cơ chế quốc tế về quyền con người), sẽ thúc đẩy hiệu quả bảo đảm quyền con người và qua đó góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong tình hình mới.

# PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYÊN TẠC VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY*

***Bùi Tiến Sỹ*****

***Tóm tắt:*** Công tác tuyên giáo nói chung, công tác tuyên truyền nói riêng là bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng nhằm xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nhận diện để đấu tranh có hiệu quả với các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận công tác tuyên truyền của Đảng, Nhà nước ta trong tình hình hiện nay là một nhiệm vụ quan trọng.

***Từ khóa:*** *Tuyên giáo; tuyên truyền; nhận diện; phản bác*

**Nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch**

Trong những năm gần đây, các tổ chức phản động người Việt Nam ở nước ngoài; các lực lượng cạnh tranh về tư tưởng, chính trị (những người nghiên cứu lý luận, hoạt động chính trị đảng phái tại một số nước phương Tây và cả những người cơ hội chủ nghĩa, suy thoái về tư tưởng, chính trị tại Việt Nam...); các cá nhân người Việt ở trong nước bị các thế lực cực hữu nước ngoài mua chuộc, lợi dụng, núp bóng dưới ngọn cờ "dân chủ, nhân quyền"... ngày càng tăng cường xuyên tạc, phủ nhận và tiến hành chống phá nền tảng tư tưởng

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

và chế độ chính trị - xã hội của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đặc biệt, khi công tác tuyên truyền của chúng ta ngày càng khẳng định được vai trò nòng cốt trong quá trình bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thì các thế lực này lại càng ráo riết chống phá bằng nhiều hình thức, thủ đoạn tinh vi, trong đó việc sử dụng triệt để tiện ích của internet qua các website, mạng xã hội, các kênh thông tin truyền thông... là hình thức phổ biến nhất. Có thể nhận diện điều này qua các nhóm vấn đề sau:

*Thứ nhất, các thế lực thù địch cho rằng, hoạt động tuyên giáo - tuyên truyền của Đảng và Nhà nước Việt Nam chỉ là "kỹ năng lừa gạt", "ru ngủ nhân dân"(!?)*

Để "minh họa" cho luận điệu này, họ đã tạo dựng lên cái gọi là ý kiến của "một số nhà quan sát và phân tích thời sự, chính trị Việt Nam" để chia sẻ với báo chí chống cộng ở hải ngoại những "quan điểm" về công tác tuyên giáo - tuyên truyền của Đảng ta. Qua đó bóp méo, xuyên tạc về thành tựu sau hơn 35 năm đổi mới của ngành Tuyên giáo. Từ những nhận định hết sức hồ đồ của một số người bất đồng chính kiến như Nguyễn Quang A, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Nguyên Bình... rồi cho rằng, tuyên giáo "đã thành công trong việc định khung (framing) tư duy cho nhiều người Việt Nam để tin vào đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng đó là nghệ thuật tuyên truyền chứ không hề khoa học gì cả"; "Vai trò của tuyên giáo... chỉ là "trò tuyên truyền" chứ không phải lý luận khoa học gì cả, càng không "đi trước - mở đường""...(!).

Nhân sự kiện ngày 01-8-2020, khi Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo, các thế lực chống đối, thù địch đã tìm mọi cách xuyên tạc. Điển hình như, trước ý kiến của TS Vũ Ngọc Hoàng (nguyên Ủy viên Trung ương Đảng khóa X, XI, nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương) khẳng định rằng: "Mục đích đầu tiên và

quan trọng nhất của công tác tuyên giáo là nhằm tham gia khai hóa văn minh cho cộng đồng dân tộc và thực hiện nhiệm vụ chính trị", thì trên một số trang mạng và báo điện tử ở hải ngoại đã dùng chiêu trò giật tite câu view bằng một số bài viết kiểu như "lời lừa dối hoành tráng" rồi lu loa rằng "tuyên truyền của tuyên giáo lừa dối dân", rằng "từ trước đến giờ cộng sản luôn có một lối ru ngủ nhân dân duy nhất, làm cho người dân dù bất mãn cỡ nào cũng không phản kháng hoặc phản kháng yếu ớt..." (!?).

*Thứ hai, các thế lực thù địch cho rằng, công tác tuyên truyền của Việt Nam hiện nay chỉ là một sự "tụt hậu" và bản chất là "làm người dân mụ mẫm"(!?)*

Đài BBC News Tiếng Việt, Đài châu Á Tự do thường xuyên đăng phát những nội dung xuyên tạc, phủ nhận vai trò của ngành Tuyên giáo đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước ta. Họ tập hợp "những ý kiến độc lập" để đưa tin sai lệch, bôi xấu về tình hình trong nước nhằm tung hê cho luận điệu: Tuyên giáo "làm người dân mụ mẫm(!?), "tẩy não người dân, thuyết phục người dân, lừa bịp để làm người dân mụ mẫm".

Gần đây nhất, liên quan đến việc chúng ta đặt tên đường phố, công trình công cộng, trong đó có sự cân nhắc về một số nhân vật lịch sử còn có những ý kiến trái chiều, thì ngay lập tức, thế lực thù địch đã lấy đó làm cơ hội để thực hiện ý đồ xuyên tạc, chống phá. Một mặt, họ cố tình lờ đi nội dung quan trọng là "một số nhân vật lịch sử còn có những ý kiến trái chiều"; mặt khác, nhân danh "giới nghiên cứu" rồi ấu trĩ viện dẫn lịch sử "thời Pháp thuộc" thời "Việt Nam Cộng hòa"... và tiến hành trích dẫn ý kiến của những kẻ hời hợt, bảo thủ, kém hiểu biết để rêu rao rằng: "văn bản này của Ban Tuyên giáo Trung ương đi ngược lại sự thật của lịch sử và gây hoang mang trong nhân dân"(!?).

*Thứ ba, xuyên tạc về công tác nhân sự của ngành Tuyên giáo.*

Đây là một trong những chiêu bài mà các thế lực chống đối, thù địch thường xuyên sử dụng, nhất là đối với những nhân sự chủ chốt của ngành tuyên giáo. Chúng bôi nhọ thông tin, dẫn dắt sai lệch bản chất để đưa ra những nhận định xuyên tạc về việc sắp xếp cán bộ lãnh đạo của ngành.

Điểm qua những luận điệu xuyên tạc, các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch trên đây, chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng: Tựu trung lại, đây chính là xuyên tạc, vu khống, là sự đánh tráo khái niệm... và vì thế nên các luận điệu, quan điểm của họ hẳn nhiên là bịa đặt, sai trái. Tất cả những điều mà các thế lực phản động, thù địch đưa ra, đều cho thấy: Đây chỉ là những cái nhìn định kiến, hằn học và mục đích sâu xa là xuyên tạc, phủ nhận, tiến hành chống phá nền tảng tư tưởng và chế độ chính trị - xã hội của Đảng và Nhà nước Việt Nam, từ đó âm mưu đòi đa nguyên, đa đảng tại Việt Nam và tiến tới phá hoại, lật đổ chính quyền, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa và xóa bỏ thành quả cách mạng mà chúng ta đã tốn rất nhiều xương máu, trí tuệ mới có được. Việc các thế lực thù địch, phản động lấy hình thức/nguyên cớ để quy chụp, phủ nhận còn cho thấy rằng, họ hoặc cố tình, hoặc rất kém hiểu biết về thực tiễn sinh động đang diễn ra. Bởi lẽ, trước hoặc cùng một sự vật sự việc nhưng lại mang một tư duy hẹp hòi, định kiến thì hẳn nhiên những người này sẽ không hoặc khó có thể nhìn thấy điểm tốt, điểm tích cực của sự vật, sự việc ấy.

**Bản chất công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam**

Trước những luận điệu xuyên tạc, các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch đã và đang hiện hữu, rất nhiều câu hỏi đặt ra cho chúng ta và cho cả bạn bè quốc tế là: Bản chất, vai trò của hoạt động tuyên giáo - tuyên truyền là gì? Phải chăng chỉ có cộng sản, chỉ có Việt Nam mới có công tác tuyên truyền? Công tác tuyên truyền của Đảng và Nhà nước ta, liệu có giống như lời rêu rao của các thế lực thù địch...?

*Thứ nhất, về bản chất của hoạt động tuyên truyền.*

Theo *Từ điển Tiếng Việt* thì "tuyên truyền" là: "Giải thích rộng rãi để thuyết phục mọi người tán thành, ủng hộ, làm theo". Như vậy, tuyên truyền (propagate) là hoạt động có mục đích của chủ thể nhằm truyền bá những tri thức, giá trị tinh thần, tư tưởng đến đối tượng, biến những kiến thức, giá trị tinh thần đó thành nhận thức, niềm tin, tình cảm của đối tượng; thôi thúc đối tượng hành động theo những định hướng, những mục tiêu do chủ thể tuyên truyền đặt ra. Mục tiêu quan trọng nhất của hoạt động tuyên truyền không dừng lại ở thay đổi suy nghĩ hay thái độ của quần chúng, mà cần phải tạo hành động trong quần chúng.

Xét ở nghĩa rộng, tuyên truyền là một trong những hình thức của hoạt động quan hệ công chúng (PR - Public Relations). Đây là cách thức giúp tạo dựng mối quan hệ bền chặt giữa một chủ thể với các chủ thể, cộng đồng. Mục tiêu của hoạt động này là xây dựng uy tín thương hiệu, xây dựng lòng tin, quản trị khủng hoảng của chủ thể hành động... đồng thời duy trì danh tiếng tích cực, mối quan hệ chiến lược của cá nhân, tổ chức, quốc gia với công chúng, khách hàng tiềm năng và các bên liên quan khác.

Hiện nay, để định vị thương hiệu hoặc để tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp mà vẫn gìn giữ được các giá trị cốt lõi thì bất cứ quốc gia hay tổ chức nào cũng đều phải chú trọng vào công tác tuyên truyền, quảng bá và rộng hơn là quan hệ công chúng. Tùy theo từng điều kiện cụ thể mà mỗi nước, mỗi tổ chức... sẽ có các cơ quan chuyên trách và cách tiến hành khác nhau. Vậy nên, dù được gọi với nhiều tên khác nhau, dù ở nghĩa rộng hay hẹp thì bản chất của hoạt động này, về cơ bản, đều nhằm mục đích quảng bá, lan tỏa hình ảnh đất nước, con người, văn hóa... để từ đó nhằm bảo vệ các quyền lợi thiết yếu cho người dân, cho thể chế quốc gia, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và giúp định vị thương hiệu quốc gia trên trường quốc tế.

Rõ ràng, bản chất, vai trò của công tác tuyên truyền là một hoạt động thiết yếu của bất cứ tổ chức, quốc gia nào. Nếu không có hoạt động này thì tất yếu tổ chức, chính quyền, quốc gia đó sẽ tự cô lập chính mình với nhân dân trong nước, cô lập mình với các tổ chức, chính quyền, quốc gia khác. Và khi đã không có sự kết nối, nguy cơ đe dọa về tính chính danh, về sự an toàn... sớm muộn cũng sẽ hiện hữu.

*Thứ hai, phải chăng chỉ có Việt Nam mới có công tác tuyên giáo, tuyên truyền?*

Mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, với tư cách là chủ thể về lãnh thổ, chính quyền, dân cư, về khả năng tham gia vào quan hệ với các quốc gia khác, về quyền dân tộc tự quyết... đương nhiên trong hoạt động đối nội và đối ngoại, phải tiến hành các hoạt động tuyên truyền để đảm bảo về quyền và lợi ích của mình. Ví dụ như, ở Trung Quốc, công tác tuyên truyền luôn được nước này xem là một bộ phận quan trọng trong công tác Đảng; luôn coi tuyên truyền và quản lý thông tin là ưu tiên hàng đầu, dành nguồn lực vật chất và bộ máy nhân lực đáng kể cho công tác tuyên truyền; chú trọng việc kết hợp ngoại giao nhà nước với ngoại giao văn hóa để định hướng và quản lý dư luận. Tại Nga, hoạt động tuyên truyền được hiểu là sự lan truyền thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy quan điểm, nhận thức hoặc chương trình nghị sự của chính phủ. Theo đó, Chính phủ nước này tăng cường đầu tư cho các kênh tuyên truyền như Rossiya Segodnya (tổ hợp truyền thông chính thống của Nga, trong đó có đài Sputnik và hãng thông tấn RIA), mạng lưới truyền hình RT (Russia Today) và nhiều các kênh báo chí, truyền hình khác. Ở Anh, hoạt động truyền bá hình ảnh của vương quốc được tiến hành ở hầu hết các lĩnh vực. Riêng lĩnh vực truyền thông thì hãng BBC (thông tấn xã quốc gia của Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland) đóng vai trò chủ đạo. Cùng với ngôn ngữ tiếng Anh, tất cả các hoạt động tuyên truyền của vương quốc này đã mang đến cho họ một hình ảnh "siêu cường văn hóa, và

London được mô tả như một thủ đô văn hóa thế giới". Tại Áo, nhắc đến đất nước này, hầu như cả thế giới đều cho rằng đây chính là kinh đô thế giới về âm nhạc cổ điển. Sở dĩ như vậy là vì quốc gia này cũng đã sử dụng các cơ quan, tập đoàn báo chí - truyền thông (đặc biệt là 3 tập đoàn: Đài Truyền hình quốc gia Áo - ORF, Báo Wiener Zeitung, Hãng thông tấn xã Áo - APA) thường xuyên tiến hành tổ chức các chương trình văn hóa, nghệ thuật nhằm tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, đất nước con người và âm nhạc cổ điển Áo ra thế giới...

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công tác tuyên truyền còn diễn ra rất mạnh mẽ và sôi động trên không gian mạng internet. Hầu hết các quốc gia, tôn giáo, tổ chức xã hội... đã khai thác triệt để ưu thế của công nghệ số để xây dựng các website, cổng thông tin điện tử, các trang mạng xã hội... để tuyên truyền, hướng người dân và công chúng theo mục đích, con đường phát triển của mình: "việc tạo dựng hình ảnh quốc gia được các nước cân nhắc kỹ lưỡng và đầu tư triển khai với sự hỗ trợ của các công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất" [1]. Chỉ cần lướt qua bất cứ giao diện website hoặc các tờ rơi quảng cáo của các tổ chức, quốc gia, chúng ta đều dễ dàng nhận thấy rằng: dù khác nhau về hình thức, khác nhau về tương tác (thực, ảo)... nhưng bản chất vẫn là hoạt động tuyên truyền, quảng bá. Ví dụ như các tôn giáo luôn tiến hành tuyên truyền, lôi kéo người dân theo về đức tin của họ; hoặc như trên website của Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam (https://vn.usembassy.gov/vi/), các chuyên mục (Thị thực, Dịch vụ công dân Hoa Kỳ, Mối quan hệ giữa hai nước, Kinh doanh, Giáo dục và Văn hóa, Đại sứ quán và Lãnh sự quán, Tin tức...) cùng nhiều đường dẫn (link) đến các trang, các nội dung thông tin khác... đều

[1] https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/12/20/truyen-thong-hinh-anh-quoc-gia-va-dia-phuong-nang-luc-can-thiet-cua-cong-chuc-lam-viec-trong-moi-truong-quoc-te/, bài đăng ngày 20-12-2021.

nhằm mục đích cuối cùng là quảng bá, tuyên truyền về hình ảnh nước Mỹ! Như vậy, bản chất vấn đề vẫn là hoạt động thông tin, tuyên truyền của chủ thể nhằm định hướng và thôi thúc đối tượng hành động theo những mục tiêu mà chủ thể tuyên truyền đặt ra. Với bất cứ quốc gia nào, để người dân tin tưởng và làm theo chính quyền, để khẳng định được vị thế quốc gia trên trường quốc tế thì tất yếu phải có công tác tuyên truyền.

*Thứ ba, công tác tuyên truyền của Đảng và Nhà nước ta liệu có như những lời rêu rao của các thế lực chống đối, thù địch?*

Có thể thấy rằng, đối với công tác tư tưởng của Đảng ta, tuyên truyền là một trong ba bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng (lý luận, tuyên truyền, cổ động), có nhiệm vụ phổ biến, truyền bá hệ tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến quần chúng nhân dân. Công tác tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức, hình thành và củng cố niềm tin cho mọi tầng lớp nhân dân; cổ vũ, động viên, thúc đẩy và biến nhận thức, niềm tin, nhiệt huyết của quảng đại quần chúng thành hành động cách mạng, góp phần xây dựng con người mới, cuộc sống mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác tuyên truyền đã cổ vũ, động viên phong trào thi đua yêu nước giúp bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại; giúp uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm, hành động sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Kể từ khi ngành Tuyên giáo ra đời (01-8-1930) đến nay, công tác tuyên truyền đã khẳng định vai trò và sức mạnh của mình trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng. Thực tiễn đã chứng minh, công tác tuyên truyền của chúng ta không phải tự nhiên sinh ra, mà trải qua một chặng đường lịch sử, trong đó "có sự cống hiến, đóng góp công sức của các thế hệ cán bộ tuyên huấn, nhà văn, nhà báo, nhà giáo, nghệ sĩ, nhà khoa học... đã vượt qua biết bao gian khổ, hy sinh, làm nên những

thành tích vẻ vang, đóng góp vào công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và đổi mới, phát triển đất nước"[1]. Đặc biệt, trong đối nội và đối ngoại, công tác tuyên truyền của Đảng ta được tiến hành bài bản, khoa học, đem lại những hiệu quả, lợi ích to lớn, quan trọng cho quốc gia - dân tộc.

Công tác tuyên truyền - thông tin đối ngoại đã góp phần tạo sự lan tỏa hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế, giúp bạn bè quốc tế biết đến một Việt Nam khát vọng hòa bình và phát triển bền vững; biết đến một Việt Nam có hàng nghìn năm lịch sử, có nền văn hóa mang bản sắc riêng và độc đáo, có truyền thống tốt đẹp; là quốc gia có đóng góp tích cực góp phần nâng cao vai trò của Liên hợp quốc trong thời kỳ mới; là nơi an toàn lý tưởng để các nhà đầu tư quốc tế lựa chọn, là nơi mà du khách có thể cảm thấy an toàn, thân thiện và hạnh phúc khi đặt chân đến... và là "Điểm đến của thiên niên kỷ mới"! Một ví dụ tiêu biểu dễ thấy nhất về hiệu quả của hoạt động tuyên truyền trong đối ngoại, đó là quá trình bảo vệ tính chính nghĩa về chủ quyền lãnh thổ (biên giới, biển, đảo Tổ quốc) mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang tiến hành. Chính nhờ các hoạt động định hướng, tuyên truyền thiết thực, khoa học mà chất lượng tuyên truyền biển, đảo và biên giới trên đất liền được nâng cao, thu hút sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, củng cố niềm tin vào Đảng và Nhà nước; nội dung công tác tuyên truyền biển, đảo và biên giới trên đất liền đã chính xác và phù hợp với tình hình thực tiễn; được bạn bè, cộng đồng quốc tế ủng hộ, thừa nhận tính chính danh và chính nghĩa.

Công tác tuyên truyền - thông tin đối nội cũng đã đạt được nhiều thành tựu vẻ vang đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, "góp phần giáo dục, tuyên truyền và bảo vệ đường lối độc lập dân tộc

[1] Ban Tuyên giáo Trung ương: *Công tác tuyên giáo của Đảng - 90 năm chặng đường vẻ vang: Thành tựu và Tầm nhìn*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2020, tr.5, 51.

gắn liền với chủ nghĩa xã hội của cách mạng nước ta"[1], đồng thời "Bảo vệ, gìn giữ sức sống của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh"[2] trên các lĩnh vực tư tưởng - lý luận, tuyên truyền, khoa giáo, văn hóa - văn nghệ và thực sự "Sắc bén trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch"[3]. Có thể thấy, nhờ có hoạt động tuyên truyền mà chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước đã đến với nhân dân một cách kịp thời, hiệu quả và thiết thực. Nhân dân ở khu vực hải đảo, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn... đều có thể dễ dàng nắm bắt được chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các vấn đề quan trọng của đất nước, từ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, văn hóa... cho đến đời sống tư tưởng tình cảm, thực hành tôn giáo tín ngưỡng... của nhân dân đều được phản ánh kịp thời, sinh động. Đây chính là vai trò "cầu nối" giữa "ý Đảng" với "lòng Dân" của ngành Tuyên giáo, và quan trọng hơn, đây chính là một trong những nguyên nhân chính góp phần tăng cường bồi đắp, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước. Vị thế quốc gia, lòng tự hào dân tộc, khát vọng Việt Nam được nâng cao. Có thể khẳng định: Nếu lòng dân là thước đo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì công tác tuyên truyền chính là một trong những cơ sở tạo dựng nên thước đo ấy.

Trong thời gian tới, các thế lực thù địch sẽ không ngừng xuyên

---

[1] Đoàn Minh Huấn: *Những thành tựu của ngành Tuyên giáo góp phần giáo dục, tuyên truyền và bảo vệ đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của cách mạng nước ta* in trong sách: *Công tác tuyên giáo của Đảng - 90 năm chặng đường vẻ vang: Thành tựu và Tầm nhìn,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật và Nxb.Trẻ, H.2020, tr.51.

[2] Theo PGS, TS Trần Viết Lưu: *Bảo vệ, gìn giữ sức sống của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự cống hiến to lớn nhất của ngành Tuyên giáo trên mặt trận tư tưởng của Đảng trong 90 năm qua* in trong sách *Công tác tuyên giáo của Đảng - 90 năm chặng đường vẻ vang: Thành tựu và Tầm nhìn,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật và Nxb.Trẻ, H.2020, tr.186-192.

[3] Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng: *Tuyên giáo toàn cảnh nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2020, tr.359.

tạc, chống phá nền tảng tư tưởng và chế độ chính trị - xã hội của chúng ta. Trong bối cảnh đó, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được xác định là nhiệm vụ và nội dung tất yếu, cơ bản, hệ trọng, quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Trong đó, công tác tuyên truyền phải luôn được xác định là nòng cốt, tự giác, thường xuyên và thiết thực như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho *dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm*. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại"[1].

Để tiếp tục gìn giữ và phát huy những thành tựu không thể phủ nhận trong công tác tuyên giáo - tuyên truyền, chúng ta cần phát huy hơn nữa vị thế, vai trò của ngành Tuyên giáo. Vấn đề đặt ra cho chúng ta hiện nay là cần tiếp tục hoàn thiện, tinh tế hơn ở tất cả các khâu trong công tác tuyên giáo - tuyên truyền, đồng thời, cũng tránh tạo ra những "sơ hở" để kẻ thù lợi dụng, chống phá. Bên cạnh đó, chúng ta cũng sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của các thế lực thù địch, khiến cho những toan tính ích kỷ, những mưu mô xuyên tạc, phá hoại không còn cơ hội gây phương hại tới khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tới mối quan hệ khăng khít giữa ý Đảng và lòng dân.

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.191.

# ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ CÔNG TÁC ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 35-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ*

***Hồ Anh Tuấn*****

***Tóm tắt:*** Ngày 22-10-2018, Bộ Chính trị khóa XII ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW "về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới" trong đó nêu ra nhiều đổi mới về tư duy đấu tranh phản bác. Bài viết tập trung phân tích những điểm mới về tư duy đấu tranh phản bác theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW như đổi mới về mục tiêu; đối tượng bảo vệ; vị trí, vai trò; cách thức phản bác; thời điểm phản bác; xây dựng lực lượng phản bác...

***Từ khóa:*** *Nghị quyết số 35-NQ/TW; đấu tranh phản bác*

**1.** Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trước sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, đặc biệt là trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, Đảng ta đã sớm ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết để tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ đạo công tác đấu tranh phản bác. Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 18-3-2002 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X "về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới" chỉ rõ: "Triển khai đồng bộ, chủ động

---

* Tác phẩm đạt Giải Khuyến khích

** Học viện An ninh nhân dân, Bộ Công an

cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, phản bác các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo, chống phá Đảng, Nhà nước ta, làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", thực hiện đa nguyên chính trị, hình thành lực lượng đối lập, gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch"[1]. Tiếp đó, đến ngày 17-4-2009, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 34/CT-TW "về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa", trong đó khẳng định: "Phản bác kịp thời, có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh chống các luận điệu phủ định, bóp méo chủ nghĩa Mác-Lênin, xuyên tạc đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vạch trần thủ đoạn thổi phồng những sơ hở, yếu kém của Đảng, Nhà nước ta nhằm kích động tâm lý bất mãn, chống đối, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc"[2].

Quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Đảng, thời gian qua công tác đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch đã được đẩy mạnh cả trên phương diện thực tiễn cũng như nghiên cứu lý luận. Ban Chỉ đạo về đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa (gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương 94) được thành lập cả ở cấp Trung ương, các bộ, ban, ngành và các địa phương, với nhiệm vụ nòng cốt là tổ chức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đội ngũ cán bộ tham gia công tác đấu tranh phản bác được quan tâm xây dựng, ngày càng tăng về số lượng và chất lượng đội ngũ, tập trung nhiều ở các lực lượng như Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao... Số lượng các chương trình chuyên mục ngày càng đa dạng, hình thức phản bác ngày càng phong phú, nhất là trên không gian mạng. Đã có

---

[1] Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 18-3-2002, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX "về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới"*.

[2] Ban Bí thư: *Chỉ thị số 34/CT-TW, ngày 17-4-2009 "về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa"*.

hàng nghìn trang web, blog, fanpage, tài khoản mạng xã hội cá nhân được tạo lập trên không gian mạng để phục vụ công tác đấu tranh phản bác. Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về cơ bản đã theo sát được diễn biến hoạt động tuyên truyền phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, có nhiều bài viết sắc sảo, đủ sức "hóa giải" được những tác động tiêu cực tới nhận thức quần chúng, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Song hành với sự sôi động của thực tiễn, lý luận về đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cũng dần được hình thành và phát triển. Giáo trình "Đấu tranh chống địch phá hoại tư tưởng" của Học viện An ninh nhân dân trong phần tổ chức và chiến thuật đấu tranh đã xây dựng nội dung "Tổ chức chiến dịch tuyên truyền phản kích trong đấu tranh chống phá hoại tư tưởng". Hội đồng Lý luận Trung ương biên soạn và phát hành nhiều cuốn sách về đấu tranh, phản bác như "Phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về chính trị trong Đảng". Đã có hàng trăm, thậm chí hàng nghìn bài viết của các học giả thuộc nhiều lĩnh vực đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, các cuộc hội thảo khoa học bàn về các khía cạnh khác nhau của công tác đấu tranh phản bác.

Tuy nhiên, sự biến đổi nhanh chóng của thực tiễn, sự diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình chính trị thế giới, khu vực, trong nước đặc biệt là những sự điều chỉnh trong phương thức, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa buộc chúng ta phải không ngừng tư duy và đổi mới, đổi mới về nhận thức và đổi mới về cách thức tổ chức hoạt động đấu tranh phản bác trên thực tiễn. Hiện nay, hoạt động tuyên truyền các quan điểm sai trái, thù địch của các loại đối tượng rất tinh vi. Chúng triệt để lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong quá trình đề ra và thực hiện các chủ

trương, chính sách của Đảng, Nhà nước để tuyên truyền. Đặc biệt chúng khoét sâu vào những tồn tại, hạn chế trên các lĩnh vực đời sống xã hội như tệ quan liêu, tham nhũng, sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; vấn đề phân hóa giàu nghèo, tranh chấp khiếu kiện đình công, bãi công, lũ lụt ở các tỉnh miền Trung... để tác động vào nhận thức của quần chúng. Nguy hiểm hơn, có nhiều luận điệu núp dưới chiêu bài "đấu tranh chống tham nhũng", "đấu tranh chống suy thoái", "bảo vệ chủ quyền biển, đảo", "phản biện xã hội" nên dễ che giấu bản chất chống đối, thù địch và khiến quần chúng dễ nghe và tin theo.

**2.** Đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn, ngày 22-10-2018, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW "về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới". Có thể khẳng định, việc ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW là rất kịp thời, đúng đắn, với nhiều chủ trương, quan điểm, giải pháp mới. Đáng chú ý, những quan điểm, chủ trương, giải pháp này cũng là những gợi mở cho sự đổi mới tư duy về công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy nổi lên một số điểm cụ thể sau:

*Thứ nhất, đổi mới tư duy về mục tiêu của công tác đấu tranh, phản bác*. Trước đây, khi bàn về mục tiêu của công tác đấu tranh, phản bác, các lực lượng thường xác định mục tiêu của đấu tranh, phản bác chủ yếu là vô hiệu hóa tác động tiêu cực tới nhận thức quần chúng từ các quan điểm sai trái. Tuy nhiên, với Nghị quyết 35-NQ/TW, Bộ Chính trị xác định mục tiêu hàng đầu của đấu tranh phản bác phải là bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố và tăng cường niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Không những vậy, công tác đấu tranh phản bác còn phải hướng tới giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội và

niềm tin của nhân dân với Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ và đặc biệt là làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong tình hình mới; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định. Những mục tiêu này rất cụ thể, sát thực đòi hỏi mỗi cán bộ tham gia đấu tranh phản bác đều phải nghiên cứu, quán triệt vào trong công tác của mình.

*Thứ hai, đổi mới tư duy về đối tượng bảo vệ*. Trước đây, khi bàn về bảo vệ nền tảng tư tưởng, thường chỉ tập trung vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, với Nghị quyết số 35-NQ/TW, Bộ Chính trị đã mở rộng diện đối tượng bảo vệ. Theo đó, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ nhân dân; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Như vậy, công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cần hướng vào bảo vệ những yếu tố cốt lõi này.

*Thứ ba, đổi mới tư duy về xác định vị trí, vai trò của công tác đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch cũng như trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia vào mặt trận này*. Giai đoạn trước đây, đã xuất hiện tình trạng có những cơ quan, ban, ngành cá nhân có quan điểm cho rằng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là công việc mang tính chất trừu tượng, là nhiệm vụ của Hội đồng Lý luận Trung ương hay là công việc chuyên biệt của Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Tuyên giáo các tỉnh thành phố. Tuy nhiên, với Nghị quyết số 35-NQ/TW, Bộ Chính trị khẳng định rõ việc bảo vệ

vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Và, đã là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn thì bắt buộc toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phải tham gia. Nghị quyết số 35-NQ/TW khẳng định, đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó lực lượng Tuyên giáo các cấp là nòng cốt, là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của từng cán bộ, đảng viên trước hết là người đứng đầu Như vậy, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch không phải là công việc chuyên biệt của Hội đồng Lý luận trương, của ngành Tuyên giáo (dù tuyên giáo là nòng cốt) hay thậm chí của Công an, Quân đội mà đòi hỏi tất cả các cơ quan, ban, ngành lực lượng, đoàn thể trong hệ thống chính trị đều phải tham gia. Mỗi một cán bộ, đảng viên đều phải có trách nhiệm xây dựng mình thành một "nhà phản bác". Đặc biệt, Nghị quyết số 35-NQ/TW nhấn mạnh đến vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức trong đấu tranh phản bác. Đây là điểm rất mới so với các chỉ thị, nghị quyết cùng đề cập tới vấn đề này trong các giai đoạn trước.

*Thứ tư, đổi mới tư duy về cách thức đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch.* Lâu nay, có một hướng tiếp cận khá phổ biến của những tổ chức, cá nhân tham gia công tác đấu tranh phản bác đó là đã phản bác thì phải xoáy vào bác bỏ trực diện những quan điểm sai trái, thù địch của các loại đối tượng. Đây là hướng tiếp cận đúng nhưng chưa đủ. Đấu tranh phản bác trong giai đoạn hiện nay không chỉ hướng vào bác bỏ những luận điệu xấu mà tích cực, chủ động đưa tin tuyên truyền về cái tốt, về những gương người tốt, việc tốt, về những thành tựu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, về những ưu việt của chế độ cũng là đấu tranh phản bác. Nói cách khác, phải lấy cái

tốt át cái xấu. Khi cái tốt được nhân rộng, cái xấu sẽ dần dần bị lấn át và biến mất.

Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định gắn kết chặt chẽ giữa "xây" và "chống", "xây" là cơ bản, "chống" phải quyết liệt, hiệu quả. Như vậy, công tác đấu tranh phản bác phải vừa "xây" vừa "chống", lấy những điểm sáng, những thành tựu, ưu việt của đất nước để phản bác, đẩy lùi những luận điệu xuyên tạc và bịa đặt.

*Thứ năm, đổi mới tư duy về thời điểm, hình thức đấu tranh phản bác.* Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị nêu quan điểm chỉ đạo phải đổi mới nội dung, phương pháp, đa dạng hóa hình thức, coi trọng hiệu quả, trên tinh thần chủ động, cảnh giác, thường xuyên, kiên trì, kiên quyết, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm.

Trước hết, bàn về thời điểm phản bác. Trước đây, tư duy khá phổ biến là bàn về công tác đấu tranh phản bác thì việc xây dựng các chương trình, chuyên mục đấu tranh, phản bác phải được thực hiện sau khi đã xuất hiện quan điểm sai trái, thù địch. Trên cơ sở nội dung các quan điểm sai trái, thù địch, cán bộ tham gia đấu tranh phản bác xây dựng luận cứ để phản bác lại. Cách làm trên cơ bản là phù hợp, tuy nhiên vẫn chưa đảm bảo được tinh thần chủ động như Nghị quyết số 35-NQ/TW đề ra. Có một thực tế là, hoạt động tuyên truyền các quan điểm sai trái, thù địch dù rất tinh vi, dù rất phong phú về luận điệu nhưng diễn ra cơ bản có tính quy luật, bám sát các diễn biến chính trị - xã hội của đất nước. Ví dụ như vào thời điểm tháng 3, tháng 4 hàng năm, chắc chắn sẽ xuất hiện các luận điệu xuyên tạc cuộc kháng chiến chống Mỹ của đất nước. Hay vào thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp tiến tới đại hội Đảng toàn quốc, chắc chắn sẽ xuất hiện các quan điểm, luận điệu xuyên tạc vấn đề nhân sự đại hội; xuyên tạc các chủ trương, chính sách lớn của đất nước được trình bày trong các dự thảo văn kiện trình đại hội; bôi nhọ, hạ uy tín lãnh đạo các cấp... Do đó, trên cơ sở nắm bắt quy luật hoạt động của các đối tượng,

bằng phương pháp dự báo, khi sắp đến các thời điểm đó, có thể chủ động xây dựng trước các chương trình, chuyên mục phản bác và đưa tin để định hướng dư luận, không cần thiết phải chờ đến khi quan điểm sai trái, thù địch xuất hiện. Mặt khác, với tư duy kết hợp giữa "xây" và "chống", lấy cái tốt át cái xấu, hoàn toàn có thể xây dựng các chương trình, chuyên mục tuyên truyền về các thành tựu của đất nước để lấn át các luận điệu xuyên tạc và bịa đặt.

Về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đấu tranh phản bác, cần chú ý: Để phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch, các chương trình, chuyên mục đấu tranh phản bác không chỉ xoáy vào bác bỏ nội dung luận điệu tuyên truyền mà nên kết hợp vạch rõ bản chất chống đối, vi phạm pháp luật, phản bội lợi ích quốc gia, dân tộc hay những khiếm khuyết đời tư của các đối tượng có hoạt động tuyên truyền. Đồng thời, hướng vào vạch trần bản chất của các phương tiện truyền thông đại chúng thù địch thường đăng tải luận điệu tuyên truyền như các đài phát thanh, các trang web, blog, fanpage của các tổ chức phản động lưu vong, hội nhóm trái pháp luật trong nước.

Cần đa dạng hóa phương pháp, hình thức đấu tranh phản bác như phản bác qua báo chí chính thống, phản bác qua các cuộc hội thảo, tọa đàm khoa học; phản bác qua các diễn đàn quốc tế; phản bác trực diện tại "hiện trường", nhất là với các vụ kích động, tập trung đông người biểu tình, gây rối an ninh, trật tự (qua việc huy động các cựu chiến binh, các tổ chức đoàn thể quần chúng) và đặc biệt là phản bác trên không gian mạng. Trong thời gian tới, các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành cần tăng cường lập thêm nhiều trang blog, fanpage, các tài khoản mạng xã hội cá nhân nhất là các KOLs để dẫn dắt, định hướng dư luận trên không gian mạng. Ngoài ra, cần chú ý lập thêm một số kênh video mạnh, có lượng theo dõi lớn để khai thác ưu thế của hình thức tuyên truyền này trên không gian mạng.

*Thứ sáu, đổi mới về xây dựng lực lượng đấu tranh phản bác*. Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định phải xây dựng lực lượng chuyên trách theo hướng tinh gọn, đủ mạnh; đồng thời phát huy cao nhất trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, trước hết là người đứng đầu trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Theo đó, cần đẩy mạnh, đẩy nhanh việc xây dựng lực lượng chuyên trách đấu tranh phản bác. Theo quan điểm của chúng tôi, cần chú trọng xây dựng đội ngũ cốt cán trong số cán bộ tuyên giáo, cán bộ, giáo viên các trường chính trị, các trường khối Công an, Quân đội và lực lượng Công an, Quân đội ở cấp bộ và các địa phương. Xác định đây là số "hạt nhân" làm nòng cốt để xây dựng phong trào theo tinh thần của Nghị quyết số 35-NQ/TW là huy động sự vào cuộc của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Phải tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, nhất là đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cho số cán bộ tham gia. Có cơ chế cung cấp thông tin, trang bị phương pháp, phương tiện cho đội ngũ chuyên gia "bút chiến". Đặc biệt phải phát huy trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, trước hết là người đứng đầu trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Bối cảnh mới đưa lại nhiều vận hội nhưng cũng không ít thách thức cho đất nước. Đổi mới tư duy và hành động thực tiễn theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII sẽ đưa công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch ngày càng đi vào chiều sâu, nâng cao hiệu quả, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, phục vụ đắc lực công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

# MỤC LỤC

*Lời giới thiệu* ..... 5

*Phần thứ nhất*

BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

- Nhận diện và đấu tranh chống âm mưu tách rời, đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác-Lênin ..... 11
*Lý Việt Quang*
- Phản bác luận điệu xuyên tạc, vu khống chủ nghĩa Mác "bỏ rơi" con người ..... 23
*Trần Văn Phòng*
- Đập tan luận điệu xuyên tạc "Chủ nghĩa Mác bỏ rơi vấn đề con người nên thiếu tính nhân văn, nhân bản"..... 36
*Đinh Văn Thụy*
- Bàn về luận điểm: "Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ"..... 47
*Nguyễn Thị Thu Huyền*
- Phải chăng chủ nghĩa xã hội chỉ là không tưởng và "Lịch sử đã cáo chung"? ..... 60
*Hồ Trọng Hoài*
- Thực chất nội dung luận điểm "Chủ nghĩa tư bản là đích đến cuối cùng của nhân loại"..... 72
*Hoàng Văn Tú*
- Phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc bản chất tốt đẹp và giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội ..... 84
*Ngô Thị Phương Liên*
- Phê phán luận điệu sai trái về quan hệ giai cấp và dân tộc góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng..... 96
*Nguyễn Anh Tuấn*

- Phản bác những luận điệu xuyên tạc, sai trái, phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới, hội nhập và phát triển ..... 111
*Lê Trung Kiên*

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam.....126
*Hà Thị Thùy Dương*

- Nhận diện và phản bác các quan điểm xuyên tạc việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"..... 137
*Nguyễn Tuấn Tùng, Nguyễn Thanh Đạt*

*Phần thứ hai*

BẢO VỆ CƯƠNG LĨNH, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC, ĐẤU TRANH KHÔNG KHOAN NHƯỢNG VỚI LUẬN ĐIỆU SAI TRÁI, XUYÊN TẠC CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH, PHẢN ĐỘNG, PHẦN TỬ CƠ HỘI CHÍNH TRỊ

- Phản bác luận điệu sai trái, thù địch về bài viết của đồng chí Tổng Bí thư ..... 151
*Hoàng Thị Nguyệt Nga*

- Cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để đấu tranh, phản bác các quan điểm phủ nhận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ..... 161
*Lê Văn Phục*

- Xuyên tạc cuốn sách của Tổng Bí thư - Họ muốn gì?..... 175
*Văn Thị Thanh Mai*

- Giá trị và ý nghĩa từ bài viết "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay..... 187
*Lý Quý*

- Khi chúng ta càng thành công, các thế lực thù địch càng tăng cường chống phá ..... 196
*Hoàng Văn Sơn*
- Tất yếu lịch sử trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ..... 209
*Nguyễn Dương Hùng*
- Vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam ..... 221
*Nguyễn Thái Bình*
- Có hay không nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay? ..... 233
*Đặng Ánh Tuyết*
- Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam ..... 247
*Nguyễn Thế Tư*
- Nhận diện và phản bác quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng trong tình hình mới ..... 259
*Bùi Thanh Cao*
- Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng lãnh đạo xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ..... 270
*Vũ Hoàng Công*
- Hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh và những vấn đề cần chú ý trong hệ thống chính trị Việt Nam ..... 283
*Trịnh Thị Xuyến*
- Phản bác các quan điểm sai trái của một số nước phương Tây về quyền con người ở Việt Nam ..... 296
*Nguyễn Trọng Bình, Nguyễn Thị Ngọc Anh*
- Phê phán các quan điểm sai trái, thù địch về tự do tôn giáo ở Việt Nam ..... 311
*Nguyễn Phú Lợi*

- Phản bác luận điệu tuyên truyền đòi thành lập "Nhà nước Khmer Kampuchea Krom" trên địa bàn Tây Nam Bộ ..... 326
*Nguyễn Ngọc Hòa*
- Đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay ..... 340
*Diệp Minh Quân*
- Nhận diện và đấu tranh với chiêu trò của các thế lực thù địch nhân danh nhân dân để chống phá Đảng và Nhà nước ..... 354
*Nguyễn Yến Nhi*
- Phản bác quan điểm cho rằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là do "ăn may" vì có "khoảng trống quyền lực" ..... 366
*Dương Hoài An*
- Nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc về vấn đề quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia từ năm 1979 đến năm 1989 ..... 376
*Trần Thị Nhẫn*
- Đấu tranh, làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị nhằm "phi chính trị hóa" lực lượng Công an nhân dân ..... 392
*Trần Xuân Quỳnh*
- Việt Nam không chọn bên, Việt Nam chọn chính nghĩa, công bằng, công lý và lẽ phải ..... 403
*Trần Thị Thanh Tâm*
- Phản bác những luận điệu xuyên tạc chủ trương của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ..... 417
*Ngô Văn Minh*
- Nhận diện hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc sai sự thật về công tác đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta hiện nay và một số vấn đề cần chú ý ..... 430
*Nguyễn Xuân Trường*

*Phần thứ ba*

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI


- Tác phẩm "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với cuộc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay ..... 449
*Nguyễn Văn Đạo*

- Đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII của Đảng ..... 465
*Nguyễn Thị Cẩm Liên*

- Đảm bảo an ninh hệ tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay ..... 477
*Nguyễn Văn Quang*

- Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời đại số ..... 491
*Trần Thị Yên*

- Bảo vệ các quan điểm của Đảng về quyền con người tại các cơ chế nhân quyền Liên hợp quốc ..... 502
*Lê Xuân Tùng*

- Phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc về công tác tuyên truyền của Việt Nam hiện nay ..... 516
*Bùi Tiến Sỹ*

- Đổi mới tư duy về công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị ..... 527
*Hồ Anh Tuấn*

**Không phần nào trong xuất bản phẩm này được sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào nếu không được phép của Nhà xuất bản Lý luận chính trị**

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

***Giám đốc - Tổng Biên tập***

TS NGUYỄN MẬU TUÂN

**Chịu trách nhiệm nội dung**

***Phó Giám đốc***

TS MAI HOÀI ANH

**Biên tập nội dung**

LÊ NGỌC DIỆP

PHAN THỊ MINH HẰNG

**Biên tập sách điện tử**

ThS LƯƠNG PHƯƠNG MAI

**Kỹ thuật sách điện tử**

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

**Thiết kế bìa**

DƯƠNG VĂN VINH

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4304-2024/CXBIPH/03-34/LLCT, cấp ngày 7-11-2024.

Quyết định xuất bản số: 132/QĐ-NXBLLCT, ngày 08-11-2024.

ISBN: 978-604-366-630-4.

Nộp lưu chiểu Quý IV năm 2024.

**NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**
Địa chỉ: 56B Quốc Tử Giám - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 024.37472541 - 024.37472941
Fax: 024.37472544 * E-mail: nxbllct@gmail.com
Website: http://nxblyluanchinhtri.hcma.vn

© 2024 - Bản quyền thuộc NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

ISBN: 978-604-366-630-4

**SÁCH KHÔNG BÁN**